

THE INTERNATIONAL BESTSELLER

VẬT CHẤT TỐI CỬA NGẠI
II

CƠN ĐÀO KÌ LẠO

PHILIP PULLMAN



NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Trang Rose dịch

WingsBooks

[ebook©vctvegroup]

Vật Chất Tối Của Ngài - Tập 2 - Con dao kì ảo

—★—

Tác giả: Philip Pullman

Người dịch: Trang Rose

Phát hành: WingsBooks

Nhà xuất bản Kim Đồng 2019

Con dao kì ảo là phần hai của một câu chuyện gồm ba tập, khởi đầu bằng cuốn *Bắc Cực Quang*. Tập này di chuyển giữa ba vũ trụ: vũ trụ của *Bắc Cực Quang*, giống như vũ trụ của chúng ta nhưng lại khác biệt ở nhiều mặt; vũ trụ mà chúng ta biết; và một vũ trụ thứ ba, cũng khác biệt với vũ trụ của chúng ta ở nhiều mặt khác.

1

Con mèo và những cây duyên mộc

Will kéo tay mẹ và nói: “Đi nào, đi nào mẹ...”

Nhưng mẹ cậu lại chân chừ. Bà vẫn sợ. Will đưa mắt rà soát khắp con phố nhỏ nhuộm ánh trời chiều, dọc theo những hiên nhà nằm sau các khu vườn nhỏ xiu và hàng rào cây hoàng dương, trong lúc mặt trời chiếu rọi rực rỡ lên một bên cửa sổ và để bên còn lại ngập chìm trong bóng tối. Không còn nhiều thời gian nữa. Lúc này mọi người hẳn đang dùng bữa, chẳng bao lâu nữa những đứa trẻ khác sẽ tới, nhìn ngó, bình luận và nhận ra. Đợi chờ là rất nguy hiểm, nhưng như thường lệ, tất cả những gì cậu bé có thể làm chỉ là thuyết phục mẹ mình.

“Mẹ, cùng vào gặp bà Cooper đi,” cậu nói. “Xem này, chúng ta gần tới nơi rồi.”

“Bà Cooper à?” Bà ngờ vực hỏi.

Nhưng cậu bé đã rung chuông cửa. Cậu phải đặt cái túi xuống để làm việc đó vì tay còn lại vẫn đang nắm lấy tay mẹ. Đáng lẽ cậu đã rất bức bối nếu bị phát hiện rằng mười hai tuổi rồi mà vẫn còn nắm tay mẹ, nhưng cậu biết chuyện gì sẽ xảy ra với bà nếu không làm vậy.

Cánh cửa mở ra, đứng đó là bóng dáng lưng còng già cỗi của vị giáo viên piano, với mùi nước oải hương phảng phất mà cậu bé vẫn còn nhớ.

“Ai đó? Có phải William không?” Bà già hỏi. “Hơn một năm rồi ta chưa gặp cháu. Có chuyện gì vậy, cháu yêu?”

“Cháu muốn vào trong, xin bà, cả mẹ cháu nữa,” cậu nói vẻ kiên quyết.

Bà Cooper nhìn người đàn bà đầu tóc rối bời, mép nhếch lên thành một nụ cười ngờ ngạc nhiên, rồi sang thẳng bé với ánh nhìn chòng chọc đầy bất hạnh, đôi môi mím chặt, hàm dô ra. Rồi bà thấy rằng bà Parry, mẹ của Will, chỉ trang điểm duy nhất một bên mắt mà bản thân không hề nhận ra. Cả Will cũng không để ý thấy. Có chuyện gì đó không ổn.

“Thôi được rồi...” Bà nói rồi bước tránh sang một bên để nhường chỗ trong hành lang hẹp.

Will rà soát con đường trước khi đóng cửa lại. Bà Cooper nhận thấy bà Parry đang giữ chặt lấy tay con trai mình, còn cậu bé thì ân cần dẫn mẹ vào phòng khách nơi chiếc piano được đặt (hẳn nhiên đó là phòng duy nhất cậu biết). Bà cũng nhận thấy quần áo của bà Parry hơi có mùi mốc, như thể chúng đã ở trong máy giặt quá lâu rồi mới được sấy; và nét tương đồng giữa hai người khi họ ngồi trên sofa, để cho nắng chiều rọi lên toàn bộ gương mặt: hai gò má rộng, đôi mắt to tròn, hàng lông mày đen thẳng băng.

“Sao vậy William?” Bà già hỏi. “Có chuyện gì thế?”

“Mẹ cháu cần một chỗ ở tạm trong vài ngày,” cậu đáp. “Ngay lúc này thì việc chăm sóc mẹ ở nhà là quá khó khăn. Ý cháu không phải là mẹ cháu bị ốm. Mẹ cháu chỉ có chút lẫn lộn, bối rối và hơi lo lắng tí thôi. Không khó để chăm sóc mẹ cháu đâu ạ. Mẹ chỉ cần có ai đó đối xử tử tế với mình và cháu nghĩ bà có thể làm việc đó khá dễ dàng, có lẽ vậy.”

Người đàn bà đang nhìn con mình nhưng chẳng có vẻ gì là hiểu chuyện, bà Cooper nhận thấy một vết bầm trên má bà. Will không hề rời mắt khỏi bà Cooper, trông cậu bé thật tuyệt vọng.

“Mẹ cháu sẽ không gây tổn kém đâu ạ,” cậu nói tiếp. “Cháu có mang vài gói thức ăn đủ cho mấy ngày, cháu nghĩ vậy. Bà cũng có thể ăn cùng nữa. Mẹ cháu không ngại phải chia sẻ đâu ạ.”

“Nhưng... Ta không biết liệu mình có nên... Chẳng phải bà ấy cần một bác sĩ sao?”

“Không! Mẹ cháu đâu có bệnh.”

“Nhưng chắc hẳn phải có người nào đó có thể... Ý ta là, không có hàng xóm hay ai đó trong gia đình...”

“Chúng cháu không có họ hàng nào cả. Chỉ có hai người bạn cháu thôi. Còn hàng xóm thì quá bận rộn.”

“VẬY còn dịch vụ xã hội thì sao? Ta không có ý ngăn cháu, cưng ạ, nhưng...”

“Không! Không. Mẹ cháu chỉ cần một chút trợ giúp thôi. Cháu không thể hỗ trợ mẹ trong một thời gian nhưng sẽ không lâu đâu ạ. Cháu sắp... Cháu có việc cần làm. Nhưng cháu sẽ sớm trở lại để đưa mẹ về nhà, cháu hứa đấy. Bà sẽ không phải làm lâu đâu ạ.”

Sự tin tưởng trong ánh mắt khi người mẹ nhìn đứa con trai của mình, sự trù mẫn và an lòng khi thằng bé quay lại mỉm cười với bà khiến bà Cooper không nỡ từ chối.

“Chà,” bà nói trong lúc quay sang phía bà Parry, “chỉ một vài ngày thì sẽ không có vấn đề gì. Cô có thể sử dụng phòng của con gái ta, nó đang ở Australia, nó sẽ không cần cái phòng nữa đâu.”

“Cảm ơn bà,” Will nói rồi đứng bật dậy như thể đang vội phải đi ngay.

“Nhưng cháu định sẽ ở đâu?” Bà Cooper hỏi.

“Cháu sẽ đến ở với một người bạn,” cậu đáp. “Cháu sẽ gọi điện thường xuyên nhất có thể. Cháu có số của bà rồi. Sẽ ổn thôi ạ.”

Mẹ cậu bé đang nhìn cậu đầy kinh ngạc. Cậu cúi xuống vụng về hôn bà.

“Mẹ đừng lo,” cậu nói. “Bà Cooper sẽ chăm sóc mẹ tốt hơn con, thật đấy. Ngày mai con sẽ gọi điện nói chuyện với mẹ nhé.”

Hai người ôm chặt lấy nhau, rồi Will hôn bà thêm một lần nữa và nhẹ nhàng gỡ vòng tay của bà đang ôm lấy cổ mình trước khi bước ra

cửa chính. Bà Cooper có thể thấy rằng cậu bé đang buồn vì đôi mắt cậu long lanh ầng ậc nước. Nhưng không quên phép lịch sự, cậu quay lại chìa tay ra.

“Tạm biệt bà,” cậu nói, “và cảm ơn bà rất nhiều.”

“William,” bà nói, “ước gì cháu kể với ta chuyện gì đang diễn ra...”

“Chuyện hơi phức tạp một chút,” cậu bé đáp, “nhưng mẹ cháu sẽ không gây phiền phức gì đâu, thật đấy ạ.”

Đó không phải điều bà muốn nói, cả hai đều biết vậy; nhưng vì lí do nào đó, Will phải đảm nhận công việc này, dù cho đó có là việc gì đi nữa. Người phụ nữ lớn tuổi nghĩ rằng bà chưa từng thấy một đứa trẻ nào cứng rắn đến vậy.

Cậu bé quay đi và lập tức nghĩ tới căn nhà trống trơn.

Will và mẹ sống trong một khu nhà hiện đại gần đường vành đai, với hàng chục căn nhà giống hệt nhau mà trong đó căn của họ là tồi tàn nhất. Khu vườn trước nhà chỉ là một bãi đất mọc đầy cỏ dại; mẹ cậu bé đã trồng vài cây bụi hồi đầu năm, nhưng chúng đều héo rồi chết rũ vì thiếu nước. Khi Will vòng qua góc nhà, con mèo Moxie của cậu ló ra khỏi vị trí ưa thích dưới cây cẩm tú cầu vẫn còn sống, nó vươn người, chào đón cậu chủ bằng một tiếng meo dịu dàng rồi rúc đầu vào chân cậu bé.

Cậu bế con mèo lên, thì thầm: “Chúng đã trở lại chưa, Moxie? Mà có thấy chúng không?”

Căn nhà im lặng như tờ. Trong những tia nắng cuối cùng của buổi chiều tà, người đàn ông phía bên kia đường đang cọ rửa xe, nhưng ông ta không để ý đến Will, và Will cũng chẳng nhìn ông ta. Người ta càng ít để ý thì càng tốt.

Cậu bé vừa ôm Moxie trên ngực, vừa mở cửa rồi vội bước vào trong. Sau đó cậu chăm chú lắng nghe trước khi đặt con mèo xuống,

chẳng có gì để nghe cả; căn nhà trống không.

Will mở một hộp thức ăn cho con mèo rồi để nó ăn trong bếp. Còn bao lâu nữa thì gã đàn ông quay lại? Chẳng có cách nào đoán được nên tốt hơn hết là phải nhanh chóng hành động. Cậu lên trên tầng và bắt đầu tìm kiếm.

Cậu đang tìm một cái kẹp tài liệu da cũ nát màu xanh lục. Ngay cả trong một căn nhà hiện đại bình thường cũng có nhiều chỗ để giấu những vật cỡ đó đến kinh ngạc; chẳng cần ô tường bí mật hay hầm chứa rộng để khiến một vật khó có thể được tìm thấy. Will lục tìm trong phòng mẹ trước tiên, ngưng ngưng khi phải kiểm tra các ngăn kéo chứa đồ lót của bà, rồi cậu tiến hành một cách có hệ thống qua các phòng còn lại trên tầng, kể cả phòng của bản thân. Moxie tới xem cậu chủ đang làm gì rồi ngồi cạnh đó liếm láp cơ thể, để cậu có bầu có bạn.

Nhưng cậu bé không tìm thấy nó.

Vào lúc đó trời đã sẩm tối. Will thấy đói. Cậu tự chuẩn bị bánh mì nướng phủ đậu hăm rồi ngồi bên bàn bếp suy tính xem kiểm tra các phòng ở tầng dưới theo thứ tự nào là hợp lí nhất.

Cậu bé vừa dùng bữa xong thì điện thoại đổ chuông.

Cậu ngồi im thin thít, tim đập thành thịch. Cậu đếm: hai mươi sáu hồi chuông, và rồi dừng lại. Cậu cho đĩa ăn vào bồn rửa rồi lại bắt đầu tìm kiếm.

Bốn tiếng sau Will vẫn chưa tìm thấy cái kẹp tài liệu da màu xanh. Lúc này đã là một giờ rưỡi, và cậu bé đã kiệt sức. Cậu cứ mặc nguyên quần áo như thế mà vật xuống giường rồi chìm vào giấc ngủ ngay tức khắc. Những giấc mơ của cậu thật căng thẳng và ngọt ngào, gương mặt bất hạnh xen lẫn hoảng sợ của người mẹ vẫn luôn ở đó nhưng ngoài tầm với.

Mặc dù đã thiếp đi được gần ba tiếng đồng hồ, cậu cảm thấy như mình đã bật dậy ngay lập tức, và đồng thời hiểu ra được hai điều.

Điều đầu tiên, cậu biết cái kẹp tài liệu ở đâu. Còn điều thứ hai, cậu biết rằng những gã đàn ông đang ở tầng dưới và mở cửa phòng bếp.

Cậu bé bé Moxie lên để qua một bên rồi khẽ suyt khi nó ngái ngủ lâu bàu phản đối. Rồi cậu thả chân xuống cạnh giường và xỏ giày vào, từng dây thần kinh căng ra để nghe tiếng động dưới nhà - những âm thanh vô cùng khẽ khàng: tiếng ghế được nhấc lên rồi đặt xuống, một tiếng thì thầm ngắn gọn, tiếng ván sàn cọt két.

Di chuyển còn khẽ khàng hơn những kẻ kia, cậu bé rời khỏi giường rồi nhón chân đi tới căn phòng hình vuông ở trên đỉnh cầu thang. Căn phòng cũng không đến mức tối đen. Trong ánh sáng xám xịt ma quái của thời khắc trước bình minh, cậu có thể thấy một cái máy khâu đập chân cũ kĩ. Chỉ mới vài giờ trước cậu đã lục tìm căn phòng rất kĩ, nhưng lại quên mất ngăn tủ bên hông chiếc máy, nơi toàn bộ số hoa văn và ống chỉ được cất.

Cậu bé nhẹ nhàng lần tìm trong lúc vẫn luôn lắng nghe. Những gã đàn ông đang đi qua đi lại dưới tầng, và Will có thể thấy một thứ ánh sáng bập bùng lơ mờ nơi mép cửa, có lẽ phát ra từ một cái đèn pin.

Rồi cậu tìm thấy then cài ngăn tủ và cậy mở nó ra. Ở đó, đúng như cậu đã biết trước, là cái kẹp tài liệu da.

Giờ thì cậu có thể làm gì đây?

Tạm thời thì chẳng gì cả. Cậu nép mình trong ánh sáng mờ ảo, tìm nện thành thịch, tai căng lên nghe ngóng.

Hai gã đàn ông đang ở trong hành lang. Cậu bé nghe thấy một trong số chúng khẽ nói: “Nhanh nào. Tôi nghe thấy tiếng người giao sữa dưới đường rồi.”

“Nhưng nó không có ở đây,” giọng còn lại nói. “Chúng ta phải tìm trên tầng thôi.”

“VẬY thì đi đi. Đừng có la cà nữa.”

Will sẵn sàng ứng phó khi nghe thấy tiếng cọt két rất khẽ từ bậc thang trên cùng. Gã đàn ông không hề tạo ra tiếng động nào, nhưng hẳn

không thể ngăn tiếng ván cọt kẹt nếu không đoán trước được. Sau đó là một khoảng ngừng. Có tia sáng rất mảnh từ đèn pin quét qua sàn nhà bên ngoài: Will nhìn thấy nó qua khe hở.

Rồi cánh cửa bắt đầu dịch chuyển. Will đợi cho tới khi gã đàn ông hiện rõ trong khung cửa mở rồi lao bổ ra từ trong bóng tối, đâm sầm vào bụng kẻ đột nhập.

Nhưng không ai trong số họ thấy con mèo.

Khi gã đàn ông lên tới bậc thang cuối cùng, Moxie lặng lẽ rời khỏi phòng ngủ và đứng rướn đuôi ngay phía sau chân gã, sẵn sàng cọ người vào chúng. Gã đàn ông đã có thể đối phó được với Will vì hăn từng qua huấn luyện, lại khỏe mạnh rắn chắc, nhưng con mèo làm vướng đường hăn, khiến hăn vấp vào nó khi đang cố lùi lại phía sau. Với một tiếng thở hắt vì kinh ngạc, hăn ngã lộn ngược xuống cầu thang, đầu phang thẳng vào chiếc bàn dưới hành lang.

Will nghe thấy một tiếng nứt găm guốc, nhưng cũng không vì thế mà dừng lại. Cậu lao người xuống khỏi tay vịn, nhảy qua cơ thể gã đàn ông đang nằm co giật và nhả nhúm dưới chân cầu thang, chộp lấy cái túi mua sắm rách nát trên bàn, rồi biến ra khỏi cửa chính trước khi tên còn lại kịp làm gì khác ngoài việc ra khỏi phòng khách và đứng nhìn trần trời.

Dù đang rất sợ hãi và gấp gáp, Will cũng không khỏi thắc mắc tại sao gã còn lại không hét lên hay đuổi theo cậu. Nhưng chúng sẽ truy lùng cậu với ô tô và điện thoại di động sớm thôi. Việc duy nhất cần làm là chạy.

Cậu bé thấy người giao sữa rẽ vào khu nhà, những ngọn đèn trên chiếc xe điện của ông nhợt nhạt trong ánh sáng le lói của buổi bình minh đang dần xâm chiếm bầu trời. Will nhảy qua hàng rào vào vườn nhà hàng xóm, chạy xuống lối đi bên hông nhà, vượt bức tường rào vườn tiếp theo, cắt ngang một bãi cỏ ướt sương, xuyên qua bờ giậu, vào mớ hỗn độn các lùm cây bụi và cây cối giữa khu dân cư và đường chính, rồi tại đó cậu bé trườn xuống dưới một bụi cây, nằm thở dốc và

run rẩy. Vẫn còn quá sớm để ra đường, phải đợi đến lúc bắt đầu giờ cao điểm.

Cậu không thể xua khỏi tâm trí tiếng nứt vỡ khi đầu gã đàn ông va vào bàn, cái cách cổ của hắn bị bẻ ngoặt đi một cách sai trái và tay chân hắn co giật đến phát khiếp. Gã đàn ông đã chết. Cậu đã giết hắn.

Cậu không thể gạt nó ra khỏi tâm trí mình, nhưng cậu buộc phải làm vậy. Đã có đủ thứ để suy nghĩ rồi. Mẹ của cậu: liệu bà có thực sự an toàn ở đó không? Bà Cooper sẽ không để lộ gì chứ? Kể cả nếu Will có không quay lại như đã hứa? Vì giờ đây khi đã giết người, cậu không thể quay lại nữa rồi.

Còn Moxie. Ai sẽ cho Moxie ăn? Liệu Moxie có lo lắng về nơi hai bọn họ đang ở không? Liệu nó có tìm cách đi theo họ không?

Trời đang sáng lên nhanh chóng. Giờ đã đủ sáng để kiểm tra những thứ trong túi mua sắm: ví của mẹ cậu, bức thư mới nhất của luật sư, bản đồ đường sá ở miền nam nước Anh, vài thanh chocolate, kem đánh răng, tất và quần lót. Cùng với cái kẹp tài liệu da màu xanh lá.

Mọi thứ đều ở đó. Mọi thứ đang theo đúng kế hoạch, thực sự là vậy.

Chỉ trừ việc cậu đã giết người.

Lần đầu tiên Will nhận ra rằng mẹ mình khác biệt với những người khác, và rằng cậu phải chăm sóc bà, là khi lên bảy. Họ đang đi siêu thị và chơi một trò chơi: chỉ được phép cho một món đồ vào trong giỏ hàng khi không có ai nhìn. Việc của Will là quan sát xung quanh rồi khẽ nói “Nào,” và bà sẽ chớp lấy một hộp hay một gói đồ trên giá, lặng lẽ đặt vào giỏ. Khi mọi thứ đã ở trong giỏ hàng, họ sẽ được an toàn vì cả hai đã trở nên vô hình.

Đó là một trò rất vui, nó diễn ra khá lâu vì hôm đó là sáng thứ Bảy và cửa hàng chật ních người, nhưng họ chơi rất cừ và phối hợp với

nhau ăn ý. Họ tin tưởng lẫn nhau. Will rất yêu mẹ mình, cậu thường nói vậy với mẹ, và bà cũng nói vậy với cậu.

Khi họ tới được quầy thu ngân, Will vô cùng phấn khích và hạnh phúc vì họ đang rất gần với chiến thắng. Lúc mẹ cậu không thể tìm thấy ví của mình, đó cũng là một phần của trò chơi, cả khi bà nói kẻ thù chắc hẳn đã lấy cắp nó nữa; nhưng lần này thì Will đã mệt mỏi lắm rồi, cậu lại đang đói nữa, còn mẹ cũng không còn thấy vui nữa; bà đang thực sự hoảng sợ. Sau đó họ đi vòng quanh để đặt lại đồ lên giá, nhưng lần này họ phải cực kì cẩn thận vì kẻ thù đang lần theo dấu của họ bằng số thẻ tín dụng của bà, chúng biết vì chúng có ví của bà...

Còn bản thân Will thì ngày càng hoảng sợ hơn. Cậu nhận ra mẹ mình thật thông minh khi đã biến mối hiểm họa thực sự này thành một trò chơi để cậu không phải lo lắng, và giờ đây khi đã biết được sự thật thì phải làm thế nào để giả bộ không sợ hãi cho bà yên lòng.

Vậy là anh bạn nhỏ vẫn giả vờ như đó là một trò chơi để mẹ không lo cậu sẽ hoảng sợ. Họ về nhà mà không mua sắm gì, nhưng đã được an toàn khỏi kẻ thù. Tuy nhiên, sau đó Will lại tìm thấy chiếc ví đặt trên bàn ở hành lang. Để cho chắc chắn, thứ Hai họ tới ngân hàng để đóng tài khoản và mở một tài khoản mới ở chỗ khác. Nhờ đó mà mối nguy hiểm đã qua đi.

Nhưng tại một thời điểm trong vài tháng tiếp theo, Will dần miễn cưỡng nhận ra rằng kẻ thù của mẹ mình không phải ở thế giới bên ngoài kia, mà là trong tâm trí bà. Điều đó không khiến chúng trở nên ít thực tế, ít đáng sợ hay ít nguy hiểm hơn; nó chỉ có nghĩa là cậu càng cần phải bảo vệ mẹ mình cẩn thận hơn. Và kể từ khoảnh khắc trong siêu thị khi cậu nhận ra mình phải giả bộ để không làm mẹ lo lắng, một phần tâm trí Will vẫn luôn cảnh giác với mỗi lo âu của bà. Cậu bé yêu mẹ đến mức sẵn sàng chết để bảo vệ bà.

Còn về bố của Will, ông đã biến mất rất lâu trước khi Will kịp nhớ chút gì về ông. Will cực kì tò mò về bố của mình, cậu thường quấy nhiễu mẹ bằng những câu hỏi mà đa phần bà không thể trả lời được.

“Bố có giàu không ạ?”

“Bố đi đâu mất rồi?”

“Tại sao bố lại đi?”

“Bố mất rồi ạ?”

“Bố có về không?”

“Bố là người như thế nào?”

Câu hỏi cuối cùng là câu duy nhất bà có thể giúp được cậu. John Parry là một người đàn ông điển trai, một sĩ quan gan dạ và thông minh thuộc Hải quân Hoàng gia. Ông đã rời khỏi quân đội để trở thành nhà thám hiểm và dẫn các đoàn thám hiểm đến những vùng hẻo lánh của thế giới. Will run lên vì thích thú khi được nghe kể như vậy. Còn gì tuyệt vời hơn khi có một người bố là nhà thám hiểm cơ chứ. Từ đó trở đi, trong mọi cuộc chơi của mình, cậu đều có một người đồng hành vô hình: cậu cùng với bố phát quang rừng rậm, lấy tay che nắng để phóng tầm mắt qua biển cả giông bão từ trên boong chiếc thuyền hai buồm của họ, giơ cao ngọn đuốc để giải mã những dòng chữ khắc bí ẩn trong hang động bị dơi xâm chiếm... Họ là bạn tốt nhất của nhau, họ cứu sống nhau vô số lần, họ cười nói với nhau bên đồng lửa cho tới tận đêm khuya.

Nhưng càng lớn Will càng lầy làm lạ. Tại sao lại chẳng có lấy một bức ảnh nào của bố cậu ở đâu đó thuộc phần này hay phần kia của thế giới, bức ảnh về một người đàn ông râu lấm tấm sương giá trên chiếc xe kéo vùng Cực Bắc hay đang khảo sát những đồng hoang tàn bị cây leo phủ kín trong rừng rậm? Chẳng lẽ không còn gì sót lại từ các chiến tích hay vật quý hiếm mà ông hẳn đã mang về nhà? Không có cuốn sách nào viết về ông sao?

Mẹ của cậu không biết. Nhưng có một điều bà nói vẫn ghim chặt trong tâm trí cậu.

Bà nói: “Rồi một ngày, con sẽ theo chân bố mình. Con cũng sẽ trở thành một người đàn ông vĩ đại. Con sẽ tiếp bước ông ấy...”

Mặc dù không hiểu mẹ muốn nói gì, Will cũng cảm nhận được ý nghĩa của nó, cậu thấy phấn chấn hẳn lên, lòng tự hào và ý chí tăng cao. Tất cả những cuộc chơi của cậu sắp thành sự thật. Bố cậu vẫn còn sống, chỉ đang lưu lạc đâu đó trong vùng hoang vu, cậu sẽ cứu ông rồi tiếp bước ông... Khi có một mục tiêu vĩ đại như vậy, sống một cuộc đời gian khổ cũng đáng lắm.

Vậy là cậu giữ kín nỗi phiền muộn thầm lặng của mẹ mình. Cũng có lúc bà bình tĩnh và minh mẫn hơn bình thường, khi đó cậu bé lại cẩn thận học từ bà cách đi mua sắm, nấu nướng và dọn dẹp nhà cửa, để đến khi bà lẫn lộn và hoảng sợ thì cậu vẫn có thể tự làm được. Cậu cũng học cách giấu đi bản thân, cách không bị để mắt đến ở trường, cách không thu hút sự chú ý từ hàng xóm, kể cả khi mẹ cậu đang trong tình trạng sợ sệt và điên loạn tồi tệ đến mức không nói nổi. Điều bản thân Will sợ hãi hơn tất cả là nếu chính quyền phát hiện ra tình trạng của mẹ cậu, họ sẽ đưa bà đi rồi gửi cậu vào một gia đình toàn những kẻ xa lạ. Bất cứ khó khăn nào cũng dễ chịu đựng hơn điều đó. Vì sẽ có những lúc bóng tối xua tan khỏi tâm trí bà, và bà sẽ vui vẻ trở lại, bà sẽ cười nhạo những nỗi sợ của mình và cầu Chúa phù hộ cho cậu vì đã chăm sóc bà tận tình; bà sẽ tràn ngập tình thương và sự ngọt ngào khiến cậu không thể tưởng tượng nổi một người bạn tuyệt vời hơn thế, cậu sẽ không mong muốn gì hơn là được sống một mình với bà mãi mãi.

Nhưng rồi những gã đàn ông đó đến.

Chúng không phải cảnh sát, không phải nhân viên công tác xã hội, cũng chẳng phải tội phạm - ít nhất thì theo như những gì Will có thể đánh giá. Chúng không chịu nói mình muốn gì bất chấp những nỗ lực của cậu để đuổi chúng đi, chúng chỉ nói chuyện với mẹ cậu. Nhưng lúc đó bà lại đang không ổn định.

Cậu đứng ngoài cửa lắng nghe và thấy chúng hỏi về bố. Hơi thở của cậu trở nên gấp gáp hơn.

Những tên đó muốn biết John Parry đã đi đâu, liệu ông có gửi thư gì về cho bà hay không, lần cuối cùng bà nghe tin từ ông là bao giờ, và

liệu ông có liên lạc với bất kì đại sứ quán nước ngoài nào không. Will nghe thấy mẹ mình càng lúc càng lo âu hơn, cuối cùng cậu chạy vào phòng đuổi chúng đi.

Nhìn cậu dữ tợn đến mức không gã đàn ông nào dám cười, dù cho cậu còn bé. Chúng có thể dễ dàng hạ gục cậu hay nhấc bổng cậu lên khỏi mặt đất chỉ bằng một tay, nhưng cậu bé không hề tỏ ra sợ sệt, trái lại cơn thịnh nộ của cậu lại đang hùng hực đến kinh hãi.

Vậy là chúng bỏ đi. Lẽ đương nhiên, sự kiện này đã củng cố thêm niềm tin của Will, rằng bố cậu đang gặp rắc rối ở đâu đó, và chỉ mình cậu mới có thể giúp được ông. Những trò chơi của cậu không còn trẻ con nữa, mà cậu cũng không còn công khai chơi chúng. Nó đang thành sự thật, cậu cần phải trở nên xứng đáng với nó.

Không bao lâu sau, hai gã đàn ông trở lại, khẳng khẳng nói rằng mẹ của Will có điều gì đó để kể với chúng. Chúng tới khi Will đang đi học, một tên giữ bà nói chuyện dưới tầng trong khi tên còn lại lục soát các phòng ngủ. Bà không hề nhận ra việc chúng đang làm. Nhưng Will đã về sớm và phát hiện ra bọn chúng ở đó. Một lần nữa cậu lại nổi điên với chúng, và một lần nữa chúng lại bỏ đi.

Dường như chúng biết rằng cậu sẽ không đi báo cảnh sát vì sợ chính quyền sẽ cướp mất mẹ, nên chúng ngày càng đeo bám dai dẳng. Cuối cùng chúng đột nhập vào nhà trong lúc Will đi đón mẹ về từ công viên: lúc này tình trạng bà đang xấu đi, bà tin rằng mình phải chạm vào từng thanh gỗ trên từng chiếc ghế băng bên cạnh hồ nước. Will giúp bà để hoàn thành công việc đó nhanh chóng hơn. Khi về tới nhà, họ thấy đuôi xe của hai gã đàn ông dần biến mất khỏi khu đất. Cậu bé vào trong và thấy rằng chúng đã lục tung cả căn nhà cũng như kiểm tra hầu hết các ngăn kéo cùng tủ đồ.

Cậu biết chúng nhắm tới cái gì. Chiếc kẹp tài liệu da màu xanh lá là tài sản quý giá nhất của mẹ cậu; cậu không bao giờ dám mơ tới việc kiểm tra xem bên trong có gì, mà cậu cũng còn chẳng biết bà cất nó ở đâu. Tuy vậy, cậu biết nó chứa những lá thư, cậu cũng biết rằng thỉnh

thoảng mẹ có đọc chúng và khóc, đó là lúc bà nói về bố cậu. Vì vậy Will đoán rằng đó là thứ những gã đàn ông đang nhắm tới, và biết rằng cậu phải làm gì đó với nó.

Cậu quyết định đầu tiên phải tìm một nơi an toàn cho mẹ ở. Cậu cứ nghĩ, nghĩ mãi, nhưng cậu chẳng có bạn bè nào để nhờ cậy, những người hàng xóm thì đã nghi ngờ, người duy nhất cậu nghĩ mình có thể tin tưởng là bà Cooper. Khi mẹ đã được an toàn ở đó; cậu sẽ đi tìm cái kẹp da màu xanh để xem nó chứa gì. Sau đó cậu sẽ tới Oxford, nơi cậu có thể tìm thấy câu trả lời cho một vài nghi vấn của mình. Nhưng hai gã đàn ông lại tới quá sớm.

Và giờ thì cậu đã giết một trong số chúng.

Vậy là cảnh sát cũng sẽ truy lùng cậu.

Dù sao thì cậu cũng khá giỏi trong việc không gây chú ý. Cậu sẽ phải *không gây chú ý* tốt hơn đã từng làm, duy trì lâu nhất có thể cho tới khi tìm thấy bố mình hoặc chúng tìm thấy cậu. Giả sử chúng mà tìm thấy cậu trước, dù có phải giết thêm bao nhiêu tên nữa cậu cũng không màng.

Cuối ngày hôm đó, chính xác là gần nửa đêm, Will đi bốn mươi dặm rời xa khỏi thành phố Oxford. Cậu đang kiệt quệ tới tận xương tủy. Cậu đã đi nhờ xe, lên hai chuyến xe buýt, rồi cuốc bộ và đến được Oxford lúc sáu giờ chiều, quá muộn để thực hiện việc cần làm. Sau đó cậu ăn tại cửa hàng Burger King rồi vào trốn trong một rạp chiếu phim (mặc dù cậu đã xem phim nhưng chẳng nhớ nổi nội dung của nó), và giờ cậu đang bước đi dọc theo một con đường trải dài vô tận qua các vùng ngoại ô để tiến về phía bắc.

Cho đến giờ thì chưa ai để ý tới cậu cả. Nhưng cậu cũng nhận thức được rằng mình nên sớm kiếm một nơi để ngủ lại, vì càng tìm được muộn thì cậu càng dễ bị chú ý. Vấn đề là chẳng có chỗ nào để trốn trong vườn của những ngôi nhà ấm cúng dọc theo con đường này, mà vùng nông thôn rộng lớn thì vẫn chưa thấy đâu.

Cậu tới một bùng binh lớn nơi con đường về phía bắc giao với đường vành đai Oxford theo hướng đông-tây. Vào lúc này của buổi đêm có rất ít xe cộ qua lại, con đường nơi cậu đứng lặng như tờ, với những ngôi nhà tiện nghi nằm sau một bãi cỏ rộng lớn ở cả hai bên. Được trồng cùng với cỏ ở rìa đường là hai hàng cây duyên mộc, những cái cây kì cục có ngọn lá khít đối xứng một cách hoàn hảo, giống với hình vẽ của trẻ con hơn là cây thật, ánh đèn đường lại khiến khung cảnh càng thêm phần giả tạo như nền dựng trên sân khấu vậy. Will kiệt quệ đến đờ đẫn, thay vì đi về phía bắc hoặc gối đầu xuống nền cỏ dưới gốc một trong những thân cây kia và chìm vào giấc ngủ thì cậu lại đứng đó cố gắng tỉnh táo lại. Đúng lúc đấy cậu thấy một con mèo.

Đó là một con mèo mướp giống Moxie. Nó bước ra từ một khu vườn bên phía Oxford của con đường, nơi Will đang đứng. Will đặt cái túi mua sắm xuống rồi chìa tay ra, con mèo liền tới dụi đầu vào các khớp đốt ngón tay của cậu, giống hệt như Moxie. Đương nhiên là mèo nào cũng cư xử như thế cả, nhưng dù vậy Will vẫn cảm thấy một nỗi khao khát muốn trở về nhà, đến nỗi nước mắt cay xè như thiêu đốt khóe mắt cậu.

Cuối cùng con mèo bỏ đi. Đêm đã khuya, nó còn cả vùng lãnh thổ cần đi tuần và chuột cần bắt. Con mèo băng qua đường về phía những bụi rậm ngay phía sau hàng cây duyên mộc rồi đứng lại ở đó.

Will, vẫn đang quan sát, thấy con mèo xử sự một cách lạ thường.

Nó giơ một bàn chân lên để vỗ vào thứ gì đó trong không khí phía trước mặt, một thứ vô hình đối với Will. Rồi nó nhảy bật trở lại, lưng vồng lên, lông dựng đứng còn đuôi xòe ra cứng đờ. Will hiểu hành vi của mèo. Cậu quan sát một cách cảnh giác hơn khi con mèo lại tiếp cận vị trí đó - chỉ là một mảng cỏ trống trơn nằm giữa hàng cây duyên mộc và đám cây bụi thuộc hàng rào quanh vườn, và vỗ lên không trung một lần nữa.

Nó lại nhảy bật ngược lại, nhưng lần này gần hơn và bớt hoảng hốt. Sau vài giây hít người, sờ mó, rung râu, sự tò mò đã chiến thắng tính

thận trọng.

Con mèo bước tới trước và biến mất dạng.

Will chớp mắt. Rồi cậu đứng im, sát với thân cây gần nhất, khi một chiếc xe tải lượn qua đường vòng cung và quét ánh đèn pha lên người cậu. Sau khi nó đã đi khỏi, cậu bé liền băng qua đường, mắt không rời khỏi vị trí mà con mèo đã kiểm tra. Việc đó thật không dễ dàng vì chẳng có gì để bám mắt vào, nhưng khi đến đó và nhìn kĩ hơn, cậu đã thấy nó.

Ít nhất thì cậu cũng đã thấy nó ở một vài góc độ. Trông như thể có ai đó đã cắt đi một mảng không khí khá vuông vức, có chiều rộng nhỏ hơn một mét, nằm cách rìa đường khoảng hai mét. Nếu ở cùng độ cao, nó sẽ hơi nổi lên và gần như vô hình, còn nhìn từ phía sau thì hoàn toàn không thể thấy được. Chỉ có thể nhìn được nó từ phía gần con đường hơn, thậm chí ở đó cũng chẳng thấy được rõ, vì những thứ người ta có thể nhìn thấy xuyên qua nó cũng giống hệt với thứ nằm trước nó ở phía bên này: một mảng cỏ được thắp sáng bởi ánh đèn đường.

Nhưng Will biết chắc chắn rằng mảng cỏ ở phía bên kia thuộc một thế giới khác.

Cậu không thể giải thích được vì sao. Cậu hiểu ra điều đó ngay tức khắc, và niềm tin đó cũng mạnh mẽ như việc cậu biết lửa thì thiêu đốt còn lòng tốt thì là điều tuyệt vời vậy. Cậu đang nhìn vào một thứ hoàn toàn xa lạ.

Chỉ vì đúng lí do đó, nó đã lôi cuốn cậu, buộc cậu phải cúi xuống để nhìn xa hơn. Thứ vừa nhìn thấy khiến đầu óc cậu choáng váng còn tim thì càng đập dồn dập hơn. Nhưng cậu không chần chừ: cậu đẩy cái túi mua sắm vào rồi bản thân cũng luồn qua lỗ hổng bằng vật liệu của thế giới này để vào một thế giới khác.

Cậu bé thấy mình đứng dưới một hàng cây. Nhưng đó không phải là cây duyên mộc mà là những cây cọ cao ngất, và giống như ở Oxford, chúng mọc thành một hàng dọc theo bãi cỏ. Nhưng nơi đây nằm giữa một đại lộ rộng lớn, một phía của đại lộ là dãy các quán cà phê và cửa

hàng nhỏ, tất cả đều được thắp sáng rực rỡ, đều đang mở cửa, đều tuyệt đối im lặng và trống trơn dưới bầu trời chi chít sao. Màn đêm nóng bức ngập tràn mùi hoa và mùi nồng mặn của biển.

Will cẩn thận nhìn xung quanh. Sau lưng cậu, mặt trăng tròn vành vạnh đang tỏa sáng lên cảnh vật xa xôi của những ngọn đồi xanh vĩ đại, trên các sườn dốc ở chân đồi là những ngôi nhà với vườn tược xum xuê và khu đất công viên bao la với những lùm cây và ánh sáng trắng yếu ớt từ một ngôi chùa cổ.

Ngay bên cạnh cậu là khoảng trống trong không trung, cũng khó nhìn chẳng khác gì ở thế giới bên kia, nhưng chắc chắn nó ở đó. Cậu cúi xuống nhìn qua và thấy con đường ở Oxford, thế giới của chính cậu. Cậu rùng mình quay đi: dù cho cái thế giới mới này có là gì đi nữa, nó cũng phải tốt đẹp hơn nơi cậu vừa rời khỏi. Ngất ngậy trong cảm giác mơ màng buổi sớm, một cảm giác nửa tỉnh nửa mê, cậu đứng dậy nhìn quanh quất tìm con mèo, chính nó đã dẫn cậu tới đây.

Chẳng thấy nó đâu cả. Hẳn là con mèo đã đi khám phá những con phố nhỏ và vườn tược đằng sau những quán cà phê thắp đèn rực rỡ đầy mời chào. Will nhấc cái túi mua sắm tá tới rồi từ tốn băng qua đường về phía đó, cậu bước đi thật cẩn thận, chỉ sợ tất cả sẽ tan biến.

Không khí của nơi này có chất gì đó rất Địa Trung Hải hoặc có lẽ là Caribbean. Will chưa từng rời khỏi nước Anh nên cậu không thể so sánh nó với bất cứ nơi nào mình biết, nhưng đây là nơi mà người ta sẽ ra đường vào đêm khuya để ăn uống, nhảy múa và thưởng thức âm nhạc. Chỉ khác là chẳng có ai ở đây cả, duy nhất sự tĩnh lặng bao trùm lên tất thảy.

Tại góc đường đầu tiên cậu tới là một quán cà phê với những chiếc bàn nhỏ màu xanh lá đặt trên vỉa hè, quầy bar phủ kẽm cùng một chiếc máy pha espresso^[1]. Trên vài mặt bàn là những cái li đã với mất phân nửa; trong một chiếc gạt tàn có điếu thuốc đã cháy đến tận đầu lọc; một đĩa risotto^[2] nằm cạnh giỏ bánh mì cũ cứng như đá.

Cậu bé lấy chai nước chanh từ trong tủ lạnh đằng sau quầy bar rồi ngẫm nghĩ đôi chút trước khi thả một đồng bảng Anh vào ngăn kéo đựng tiền. Cậu vừa đẩy ngăn kéo vào thì lại mở ra, nhận ra rằng tiền ở trong đó có thể cho biết nơi này được gọi là gì. Thế nhưng cậu không thu được thông tin gì ngoài việc đồng tiền ở đây được gọi là corona.

Cậu bé trả lại tiền rồi mở nắp chai bằng dụng cụ mở gấn trên quầy, sau đó cậu rời khỏi quán cà phê và lang thang xuống con đường dẫn ra xa khỏi đại lộ. Những cửa hàng tạp hóa và tiệm bánh nhỏ nằm xen kẽ giữa các tiệm trang sức, cửa hàng hoa và những cánh cửa treo màn hạt dẫn vào nhà riêng, nơi các ban công bằng sắt rèn trồng đầy hoa rủ xuống mặt đường nhỏ lát đá, nơi sự tĩnh lặng bị bao vây càng thêm phần tuyệt đối.

Những con phố dẫn xuống dưới thấp, và chẳng bao xa chúng đã mở ra một con đường lớn có thêm nhiều cây cọ vươn cao trong không trung, mặt dưới tán lá được đèn đường phả sáng rực rỡ.

Phía bên kia con đường là đại dương.

Will thấy mình đang hướng về một bến cảng bao quanh bởi đê chắn sóng bằng đá từ bên trái và một mũi đất từ bên phải. Trên mũi đất là một tòa nhà lớn với những cột đá, bậc thang rộng, các ban công trang hoàng lộng lẫy ngập tràn ánh sáng giữa những khóm hoa và bụi cây. Trong cảng neo vài chiếc thuyền mái chèo nằm im lìm, còn phía bên kia đê chắn sóng ánh sao đang phản chiếu lấp lánh trên mặt biển bình yên.

Vào lúc này, bao nhiêu mệt mỏi của Will đã tiêu tan hết. Sự kinh ngạc khiến cậu hoàn toàn tỉnh táo. Trên đường đi qua những con phố nhỏ, cứ thỉnh thoảng cậu lại vươn tay ra chạm vào một bức tường, một ô cửa, hay những bông hoa bên cửa sổ, thấy chúng rất rắn chắc và đầy thuyết phục. Giờ thì cậu muốn được chạm vào toàn bộ khung cảnh phía trước mặt mình, vì nó quá rộng để có thể tiếp nhận chỉ bằng đôi mắt. Cậu bé đứng im, hít thở sâu, gần như đang sợ hãi.

Cậu nhận ra mình vẫn đang cầm chai nước lấy ở quán cà phê. Cậu uống nước trong đó, vị của nó vẫn vậy, vẫn là thứ nước chanh lạnh toát; cảm giác đó thật tuyệt vời vì không khí buổi tối đang rất nóng bức.

Cậu thơ thần dọc theo phía bên phải, qua các khách sạn với những mái hiên che khu tiền sảnh sáng từng bừng và cây hoa giấy đang nở rộ bên cạnh, cho tới khi cậu tới được những khu vườn trên mũi đất nhỏ. Ngôi nhà ẩn trong đám cây với mặt tiền lộng lẫy được chiếu đèn pha có thể là một sông bạc, hay thậm chí là nhà hát opera. Đây đó vài lối mòn dẫn đi giữa những cây trúc đào treo đèn, nhưng chẳng có âm thanh nào của sự sống có thể nghe thấy: không có tiếng hót của chim ăn đêm, không có côn trùng, chẳng có gì ngoài tiếng bước chân của chính Will.

Âm thanh duy nhất cậu có thể nghe được tới từ những con sóng mỏng manh đều đặn và khẽ khàng xô vào bờ biển phía sau hàng cọ ở rìa khu vườn. Will tiến tới đó. Thủy triều đã dâng lên nửa đường, hoặc đang rút đi dờ chừng, có dây thuyền đập được kéo lên lớp cát trắng mịn phía trên vạch nước triều cực điểm. Cứ vài giây, một con sóng nhỏ xiu lại cuộn lên mép biển trước khi gọn gàng trượt về dưới một con sóng khác. Trên mặt nước bình lặng cách bờ tầm năm mươi mét là một thềm để lặn.

Will ngồi lên gờ một chiếc thuyền đập rồi đá giày đi, đó là một đôi giày thể thao rẻ tiền tả tơi đang khiến đôi chân nóng nực của cậu càng thêm bức bí. Cậu thả đôi tất xuống cạnh chúng rồi sục sâu các ngón chân vào cát. Vài giây sau cậu đã cởi hết quần áo và bước vào làn nước đại dương.

Nước ở đây là một sự dung hòa tuyệt vời giữa mát mẻ và ấm áp. Cậu lội bì bõm ra tới thềm lặn, nhảy lên ngồi trên lớp ván đã bị thời tiết làm cho mềm oặt và nhìn về phía thành phố.

Phía bên phải cậu là bến cảng được bao bọc bởi đê chắn sóng. Xa hơn khoảng một dặm là ngọn hải đăng sơn sọc đỏ trắng. Đằng sau ngọn hải đăng là các vách núi nhô lên mờ ảo, rồi tiếp sau đó là những ngọn đồi vĩ đại trùng điệp mà cậu đã thấy tại điểm đến ban đầu.

Gần hơn nữa là những thân cây sáng rực trong khu vườn của sông bạc, các con phố của đô thị, bờ sông với các khách sạn, quán cà phê và cửa hàng thấp đèn ấm áp, tất cả đều tĩnh lặng, đều trống không.

Và tất cả đều an toàn. Ở đây không ai có thể đuổi theo cậu; gã đàn ông đã lục soát nhà cậu sẽ không bao giờ biết được; cảnh sát sẽ không bao giờ tìm thấy cậu. Cậu có nguyên cả một thế giới để ẩn trốn.

Lần đầu tiên kể từ lúc chạy ra khỏi cửa nhà vào sáng hôm đó, Will dần thấy yên tâm.

Cậu lại bắt đầu thấy khát và đói, xét cho cùng thì bữa cuối cùng cậu ăn là ở thế giới bên kia. Cậu thả người xuống nước rồi chậm rãi bơi về phía bãi biển, tại đó cậu mặc quần lót lên rồi mang theo số quần áo còn lại cùng cái túi mua sắm. Cậu thả chai nước rỗng vào thùng rác đầu tiên tìm thấy rồi đi chân trần dọc theo con đường lát đá về phía bên cảng.

Khi người đã khô đi chút ít, cậu mặc quần dài lên rồi tìm một nơi nào đó có khả năng có đồ ăn. Các khách sạn thì quá lớn. Cậu kiểm tra khách sạn đầu tiên nhưng nó rộng đến mức khiến cậu thấy không thoải mái, vậy là cậu tiếp tục đi dọc xuống sông cho tới khi thấy một quán cà phê nhỏ trông có vẻ là nơi thích hợp. Cậu không thể giải thích được tại sao; trông nó cũng na ná cả chục cái khác, với ban công tầng một đầy ngập những chậu hoa và bàn ghế trên vỉa hè phía bên ngoài, nhưng nó lại đang chào mời cậu.

Trong quán có một quầy bar trang trí ảnh các đấu sĩ quyền anh trên tường và một tấm áp phích có chữ kí của một nhạc công accordion đang mỉm cười rạng rỡ. Ngoài ra còn có một gian bếp và cánh cửa cạnh đó mở ra một cầu thang hẹp trải thảm họa tiết hoa sáng màu.

Cậu bé nhẹ nhàng trèo lên đỉnh cầu thang hẹp rồi mở cánh cửa đầu tiên gặp được. Đó là căn phòng mặt tiền. Không khí đang rất nóng nực và bức bí nên Will đã mở cửa kính dẫn ra ban công để cho khí thoáng buổi đêm tràn vào. Căn phòng này đã nhỏ lại còn được trang bị đồ nội thất quá kèngh càng và tồi tàn, nhưng bản thân nó thì sạch sẽ và thoải

mái. Những con người hiếu khách đã sống ở đây. Tại đó có một giá sách nhỏ, cuốn tạp chí đặt trên bàn, vài tấm ảnh lồng khung.

Will rời khỏi đó để kiểm tra những phòng khác: một phòng tắm nhỏ, một phòng ngủ trang bị giường đôi.

Có thứ gì đó khiến da cậu nhói lên trước khi mở cánh cửa cuối cùng. Tim cậu đập nhanh hơn. Cậu không dám chắc mình có nghe thấy tiếng động bên trong hay không, nhưng có điều gì đó mách bảo rằng căn phòng không hề trống trơn. Cậu thấy thật kì quặc vì ngày hôm đó khởi đầu với một kẻ bên ngoài căn phòng tối còn cậu thì chờ đợi bên trong; và giờ thì vị trí đã đảo ngược...

Trong lúc cậu đang đứng ngẫm nghĩ thì cánh cửa bật mở, có thứ gì đó lao bổ vào cậu như một con thú hoang.

Nhưng kí ức đã cảnh báo cho cậu, và cậu cũng không đứng quá gần để bị đánh ngã. Cậu bé kháng cự thật lực: đầu gối, đầu, nắm đấm, sức mạnh của đôi tay chống lại nó, cậu bé, cô gái...

Một cô gái tầm tuổi cậu, vẻ dữ tợn, đang gầm gừ, quần áo cô rách rưới bẩn thỉu và đôi chân trần gầy nhẳng.

Cùng lúc đó cô bé nhận ra cậu là thứ gì, cô liền nhảy lùi lại khỏi bộ ngực trần của cậu rồi thu người vào góc bậc thềm tối mò như một con mèo đang rình mồi. Will kinh ngạc khi thấy một con mèo bên cạnh cô: một con mèo rừng cỡ bự, cao đến đầu gối cậu, lông đang xù, răng nhe ra còn đuôi thì dựng đứng lên.

Cô bé đặt tay lên lưng con mèo rồi liếm đôi môi khô nẻ của mình, quan sát nhất cử nhất động của cậu.

Will từ tốn đứng dậy.

“Cậu là ai?”

“Lyra Silvertongue,” cô bé đáp.

“Cậu sống ở đây à?”

“Không,” cô gắt.

“Vậy nơi này là gì vậy? Cái thành phố này này?”

“Tôi không biết.”

“Cậu từ đâu tới?”

“Từ thế giới của tôi. Nó kết nối với thế giới này. Linh thú của cậu đâu rồi?”

Cậu bé mở tròn mắt. Rồi cậu thấy một điều phi thường xảy ra với con mèo: nó nhảy lên tay cô và khi tới đó, hình dạng của nó đã biến đổi. Giờ nó là một con chồn ermine nâu đỏ với lông cổ và bụng màu kem, nó đang trừng trừng nhìn cậu, dữ dằn không kém gì cô gái. Nhưng rồi lại một thay đổi nữa diễn ra, vì cậu nhận thấy rằng cả hai bọn họ, cả cô gái lẫn con chồn, đều đang thực sự kính sợ cậu, cứ như thể cậu là một con ma vậy.

“Tớ không có linh thú,” cậu bé đáp. “Tớ không hiểu ý cậu.” Rồi: “À! Đây là linh thú của cậu à?”

Cô bé chậm rãi đứng dậy. Con chồn quấn mình quanh cổ cô, đôi mắt sẫm màu của nó chưa hề rời khỏi gương mặt Will.

“Nhưng cậu vẫn còn *sống*,” cô nói, có vẻ hơi không tin. “Cậu không... Cậu không bị...”

“Tên tớ là Will Parry,” cậu nói. “Tớ không hiểu cậu định nói gì về linh thú. Ở thế giới của tớ linh thú có nghĩa là... Nó có nghĩa là ma quỷ, là thứ xấu xa.”

“Ở thế giới của cậu? Ý cậu là *đây* không phải thế giới của cậu?”

“Không. Tớ đã tìm thấy... một lối vào. Chắc cũng giống như thế giới của cậu. Chắc hẳn là nó thông với nơi này.”

Cô bé tỏ ra thư giãn hơn, nhưng cô vẫn nhìn cậu dăm dăm. Trong khi đó, cậu bé vẫn bình thản và yên lặng như thể cô là một con mèo lạ mà cậu đang cố gắng kết thân.

“Cậu có thấy ai khác trong thành phố này không?” Cậu tiếp tục.

“Không.”

“Cậu ở đây bao lâu rồi?”

“Chịu. Vài ngày. Tôi không nhớ.”

“Vậy sao cậu lại đến đây?”

“Tôi đang đi tìm Bụi,” cô đáp.

“Tìm bụi? Bụi vàng à? Bụi kiểu gì cơ?”

Cô nheo mắt nhưng không nói gì. Cậu bé quay đi để xuống tầng dưới.

“Tớ đói quá,” cậu nói. “Có chút đồ ăn nào trong bếp không?”

“Tôi không biết...” Cô nói rồi đi theo trong lúc vẫn giữ khoảng cách với cậu.

Trong bếp, Will tìm thấy nguyên liệu cho món thịt gà hầm với hành và tiêu, nhưng chúng chưa được nấu và sức nóng đã làm chúng bốc mùi khó ngửi. Cậu gạt tất cả vào thùng rác.

“Cậu vẫn chưa ăn gì à?” Cậu nói trong lúc mở tủ lạnh.

Lyra tới nhòm vào.

“Tôi không biết là có cái này ở đây,” cô nói. “Ồ! Mát quá...”

Con linh thú của cô lại biến hình, nó hóa thành một con bướm lớn với màu sắc sặc sỡ, bay vào tủ lạnh một chút rồi lập tức bay ra đậu trên vai cô. Con bướm chậm rãi nâng rồi hạ cánh. Will cảm thấy rằng mình không nên cứ nhìn đăm đăm như vậy nhưng sự lạ kì này không khỏi khiến cậu thích thú.

“Cậu chưa thấy tủ lạnh bao giờ à?” Cậu bé hỏi.

Cậu tìm thấy một lon Coca-Cola và đưa nó cho cô bé trước khi lấy một khay trứng ra. Cô khoan khoái áp cái lon vào giữa hai lòng bàn tay.

“Uống nó đi,” cậu nói.

Cô bé cau mày nhìn nó. Cô không biết phải mở như thế nào. Cậu bật nắp cho cô, khiến nước bên trong sủi bọt ra. Cô ngờ vực liếm thử rồi tròn mắt ngạc nhiên.

“Cái này uống được không đó?” Cô hỏi với giọng nửa hi vọng, nửa e dè.

“Được. Rõ ràng là họ cũng có Coca ở thế giới này. Xem này, tớ sẽ uống để chứng tỏ rằng nó không phải chất độc.”

Cậu bé mở một lon khác ra. Sau khi đã thấy cậu uống, cô bé cũng bắt chước theo. Rõ ràng là cô đang rất khát. Cô uống vội đến mức bọt khí xộc cả lên mũi, khiến cô khụt khịt và ợ lên rất to, cô quắc mắt lên khi thấy cậu bé đang nhìn mình.

“Tớ sẽ đi làm trứng tráng,” cậu nói. “Cậu có muốn ăn không?”

“Tôi không biết trứng tráng là gì cả.”

“Chà, cứ nhìn đi rồi cậu sẽ biết. Hoặc là, có một hộp đậu hăm đó, nếu cậu thích.”

“Tôi không biết đậu hăm là gì.”

Cậu bé cho cô xem cái hộp. Cô tìm cái nắp có thể bật mở được như ở lon Coca.

“Không, cậu sẽ phải dùng dụng cụ mở hộp,” cậu nói. “Ở thế giới cậu không có đồ mở hộp à?”

“Ở thế giới của tôi, những người phục vụ lo việc nấu nướng,” cô đáp vẻ khinh miệt.

“Kiểm tra cái ngăn kéo đằng kia đi.”

Cô bé lục lọi đồng dao đĩa trong bếp trong lúc cậu đập sáu quả trứng vào bát rồi dùng đĩa đánh lên.

“Cái đó đó,” cậu quan sát thấy và nói. “Cái có cán đỏ ấy. Mang nó ra đây.”

Cậu khui cái hộp thiếc rồi cho cô thấy cách mở.

“Giờ thì lấy cái chảo nhỏ ra khỏi móc treo rồi đổ đậu vào đi,” cậu nói.

Lyra hít ngửi hộp đậu, và một lần nữa biểu hiện thích thú xen lẫn nghi ngờ lại hiện ra trong mắt cô. Cô đổ đậu vào chảo rồi liếm ngón tay, quan sát Will rắc muối và tiêu lên món trứng rồi cắt một khoanh bơ từ một gói trong tủ lạnh vào cái chảo gang. Cậu vừa tới quầy bar để tìm diêm thì khi trở lại, cô đã chọc ngón tay bẩn thỉu của mình vào bát trứng đánh và liếm lấy liếm để. Con linh thú của cô, đã trở lại hình

dạng mèo, cũng đang vục chân vào, nhưng nó liền lùi lại khi Will đến gần.

“Nó chưa được nấu chín đâu,” Will nói rồi cầm cái bát đi. “Lần cuối cậu ăn là bao giờ vậy?”

“Tại nhà cha tớ ở Svalbard,” cô đáp. “Nhiều ngày trước rồi. Tớ không biết nữa. Tớ đã ăn bánh mì với vài thứ khác tìm được ở đây.”

Cậu châm lửa, đun chảy bơ, đổ trứng vào và để nó tràn khắp mặt chảo. Cô bé dõi theo mọi việc đầy thèm khát, quan sát cậu vun trứng thành một chòm mềm ở giữa chảo trong lúc nó được nấu chín rồi nghiêng chảo để trứng sống chảy vào những khoảng còn trống. Cô cũng quan sát cả cậu nữa, cô nhìn gương mặt cậu, đôi tay đang nấu ăn của cậu, đôi vai trần và bàn chân cậu.

Khi món trứng tráng đã được hoàn thành, cậu gập nó lại rồi dùng bàn xẻng cắt làm đôi.

“Kiểm vài cái đĩa đi,” Will nói. Lyra liền ngoan ngoãn làm theo.

Thấy cô bé có vẻ sẵn sàng nghe lệnh nếu đó là điều hợp lí, cậu liền bảo cô đi dọn cái bàn phía trước quán cà phê. Cậu bưng thức ăn ra cùng với dao đĩa trong ngăn kéo, rồi cả hai ngồi xuống bên nhau, có chút ngượng ngịu.

Cô bé xử lí phần ăn của mình trong chưa đầy một phút rồi bắt đầu bồn chồn, hết đu ghế tới lui thì lại bứt những sợi nhựa tổng hợp từ chiếc ghế đan trong lúc cậu ăn nốt phần trứng tráng của mình. Linh thú của Lyra lại biến hình, lần này thành chim sẻ vàng, và mổ vào những mẫu thức ăn vô hình trên mặt bàn.

Will từ tốn ăn. Cậu đã cho cô hầu hết chỗ đậu, nhưng kể cả vậy cậu cũng tốn nhiều thời gian hơn. Bên cạnh trước mặt chúng, ánh đèn dọc theo đại lộ trống trơn, tinh tú trên bầu trời đêm, tất cả đều chìm trong sự tĩnh lặng khổng lồ như thể chẳng hề có thứ gì khác tồn tại.

Suốt thời gian đó Will vẫn luôn cực kì cảnh giác với cô bé. Cô gầy gò và nhỏ nhắn nhưng lại rất dẻo dai và chiến đấu như một con mãnh hổ; năm đấm của cậu đã gây ra một vết bầm trên má cô, nhưng cô

chẳng bận tâm. Biểu cảm của cô là sự kết hợp của vẻ trẻ trung ngây ngô - khi cô lần đầu nếm thử Coca - và một sự dè chừng sâu sắc đến đáng buồn. Cô có đôi mắt xanh da trời nhạt và mái tóc hăn sẽ có màu vàng sậm nếu được gội rửa sạch sẽ; vì cô đang rất bẩn thỉu và bốc mùi như thể nhiều ngày rồi chưa tắm.

“Laura? Lara?” Will hỏi.

“Lyra.”

“Lyra... Silvertongue?”

“Phải.”

“Thế giới của cậu ở đâu vậy? Làm sao cậu đến được đây?”

Cô bé nhún vai. “Tớ đi bộ,” cô đáp. “Sương mù giăng kín khắp nơi. Tớ không biết mình đang đi đâu cả. Ít nhất thì tớ cũng biết tớ đang rời khỏi thế giới *của mình*, nhưng chẳng thể thấy gì cho tới khi sương tan đi. Rồi tớ thấy mình đang ở đây.”

“Cậu đã nói gì về bụi ấy nhỉ?”

“Bụi, phải rồi. Tớ sẽ tìm hiểu về nó. Nhưng thế giới này trông có vẻ như trống không, chẳng có ai ở đây để hỏi han cả. Tớ đã ở đây... không rõ nữa, ba ngày, cũng có thể là bốn, nhưng chẳng thấy ai hết.”

“Nhưng tại sao cậu lại muốn tìm hiểu về bụi?”

“Loại Bụi đặc biệt,” cô nói ngắn gọn. “Rõ ràng là không phải bụi thường rồi.”

Con linh thú lại đổi dạng. Chỉ trong chớp mắt, nó đã biến từ chim sẻ vàng sang chuột, một con chuột đen trũi đầy uy lực với đôi mắt đỏ. Will nhìn nó với đôi mắt mở to thận trọng, và Lyra để ý thấy ánh nhìn của cậu.

“Cậu *cũng* có linh thú,” cô quả quyết nói. “Ở bên trong ấy.”

Cậu bé không biết phải nói gì.

“Cậu có mà,” cô nói tiếp. “Nếu không thì cậu không phải là người. Cậu sẽ... sống dở chết dở. Chúng tớ đã thấy một đứa bé bị cắt rời linh thú. Cậu không giống như thế. Kể cả cậu không biết mình sở hữu linh

thú đi nữa thì cậu cũng vẫn có. Mới đầu nhìn thấy cậu bọn tớ đã rất sợ. Kiểu như cậu là một Kẻ gieo ác mộng vậy. Nhưng rồi chúng tớ nhận ra rằng cậu không hề giống như thế.”

“Chúng tớ?”

“Tớ và Pantalaimon. Chúng tớ. Linh thú của cậu không *tách rời* khỏi cậu. Nó là cậu. Một phần của cậu. Các cậu là một phần của người còn lại. Không có *ai* ở thế giới của cậu giống chúng tớ sao? Họ đều giống cậu, với linh thú bị ẩn đi à?”

Will nhìn cả hai, cô bé gầy gò có đôi mắt nhạt màu với con linh thú chuột đen trũi giờ đang ngồi trên tay cô, và cảm thấy cô đơn khủng khiếp.

“Tớ mệt rồi. Tớ đi ngủ đây,” cậu nói. “Cậu có định ở lại thành phố này không?”

“Chịu. Tớ phải tìm hiểu thêm về thứ mình đang theo đuổi. Chắc chắn phải có vài học giả ở thế giới này. Chắc chắn phải có *ai* đó biết về nó.”

“Có lẽ không phải ở thế giới này. Nhưng tớ tới đây từ một nơi được gọi là Oxford. Ở đó có rất nhiều học giả, nếu đó là thứ cậu cần.”

“Oxford?” Cô thốt lên. “Đó là nơi tớ đã ở!”

“Vậy là ở thế giới của cậu cũng có Oxford à? Cậu đâu có đến từ thế giới của tớ.”

“Không,” cô bé quả quyết. “Hai thế giới khác nhau. Nhưng ở thế giới của tớ cũng có Oxford. Chẳng phải hai ta đều nói tiếng Anh sao? Hẳn nhiên là còn những điểm tương đồng khác nữa. Cậu sang đây bằng cách nào? Có cầu nối hay gì đó sao?”

“Chỉ là một kiểu cửa sổ giữa không trung thôi.”

“Chỉ cho tớ đi,” cô nói.

Đó là một mệnh lệnh, không phải một yêu cầu. Cậu bé lắc đầu.

“Không phải bây giờ,” cậu nói. “Tớ muốn đi ngủ. Dù sao thì bây giờ cũng nửa đêm rồi.”

“Vậy thì chỉ cho tớ vào buổi sáng!”

“Được rồi, tớ sẽ chỉ cho cậu. Nhưng tớ có việc riêng cần làm. Cậu sẽ phải tự đi tìm các học giả đấy.”

“Đơn giản,” cô nói. “Tớ biết mọi điều về các học giả.”

Cậu bé chồng đĩa lên nhau rồi đứng dậy.

“Tớ đã nấu ăn rồi,” cậu nói, “nên cậu sẽ rửa bát.”

Cô bé tỏ vẻ ngờ vực. “Rửa bát á?” Cô giễu cợt. “Có cả triệu cái sạch sẽ ở khắp nơi! Dù sao thì tớ cũng không phải người giúp việc. Tớ không rửa đâu.”

“Thế thì tớ sẽ không chỉ cho cậu lối thông.”

“Tớ sẽ tự tìm lấy.”

“Cậu không tìm nổi đâu, nó được giấu kĩ lắm. Cậu sẽ không bao giờ tìm thấy nó. Nghe này. Tớ không biết chúng ta có thể ở nơi này bao lâu. Chúng ta phải ăn, nên ta sẽ ăn những thứ có sẵn ở đây, nhưng sau đó ta sẽ dọn dẹp và giữ cho nơi này sạch sẽ, bởi vì ta phải làm vậy. Cậu sẽ rửa chỗ bát đĩa này. Chúng ta phải đối xử *đúng mực* với nơi này. Giờ thì tớ đi ngủ đây. Tớ sẽ ở phòng còn lại. Gặp lại cậu vào buổi sáng nhé.”

Cậu bé vào trong nhà, cọ răng bằng một ngón tay và chút kem đánh răng lấy trong cái túi rách tả tơi của mình, nằm vật xuống chiếc giường đôi rồi lập tức chìm vào giấc ngủ.

Lyra đợi đến khi chắc chắn rằng cậu đã ngủ rồi mới mang đĩa vào bếp và xả nước, dùng vải cọ thật lực cho tới khi trông chúng có vẻ sạch. Cô làm tương tự với dao và đĩa, nhưng phương pháp đó không hiệu quả với cái chảo tráng trứng nên cô chà thử một cục xà phòng vàng lên rồi búng bình cọ cho tới khi nó có vẻ sạch như cô mong muốn. Sau đó cô dùng một tấm vải khác để lau khô mọi thứ rồi xếp gọn gàng lên giá phơi.

Do vẫn còn khát và muốn thử mở hộp thêm một lần nữa, cô bật mở một lon Coca rồi mang lên tầng trên. Cô lắng nghe ngoài cửa phòng Will, và sau khi không nghe thấy tiếng động gì, liền nhón chân vào phòng còn lại rồi lấy chiếc Chân Kế từ dưới gối ra.

Cô không cần phải ở gần với Will để hỏi về cậu, nhưng dù sao cô vẫn muốn nhìn. Vậy là cô vịn nắm đấm cửa phòng cậu khẽ khàng nhất có thể rồi bước vào.

Ánh sáng trên mặt biển phía trước đang chiếu thẳng vào căn phòng, dưới ánh phản chiếu từ trên trần, cô bé nhìn xuống cậu nhóc đang say ngủ. Cậu đang cau mày, gương mặt lấp lánh mồ hôi. Đó là một cậu bé khỏe khoắn và rắn rỏi, mặc dù đương nhiên là không được vạm vỡ như một người trưởng thành vì cậu không lớn tuổi hơn cô là bao, nhưng một ngày nào đó cậu sẽ trở nên mạnh mẽ. Giá mà linh thú của cậu hữu hình thì đã dễ dàng biết bao! Cô tự hỏi không biết hình dạng của nó có thể là gì, và liệu nó đã định hình chưa. Dù có là hình dạng gì đi nữa thì nó cũng sẽ thể hiện một bản tính hoang dã, nhã nhặn, và bất hạnh.

Cô rón rén đi ra phía cửa sổ. Trong ánh sáng từ ngọn đèn đường, cô cẩn thận chỉnh các kim của Chân Kế rồi thư giãn đầu óc để hình thành một câu hỏi. Cái kim dài bắt đầu quét quanh mặt chiếc máy trong một chuỗi dừng và quay nhanh đến mức gần như không theo dõi được.

Cô hỏi: *Cậu ta là ai? Bạn hay thù?*

Chiếc Chân Kế trả lời: *Cậu ta là một kẻ giết người.*

Vừa nhận được câu trả lời, cô lập tức thấy bứt căng thẳng. Cậu ta có thể tìm thấy đồ ăn, chỉ cho cô cách tới được Oxford, đó là những năng lực rất hữu ích, nhưng có lẽ cậu vẫn không đáng tin hoặc nhát gan. Một kẻ giết người là người đồng hành đáng trân trọng. Với cậu, cô thấy an toàn như với con gấu mặc giáp Iorek Byrnison vậy.

Cô kéo cửa chớp chắn ngang cửa sổ đang mở để ánh nắng buổi sớm không rọi lên mặt cậu, rồi rón rén bước ra ngoài.

2

Giữa các phù thủy

Cô phù thủy Serafina Pekkala, người đã cứu thoát Lyra cùng những đứa trẻ khác từ trạm thí nghiệm ở Bolvangar và bay cùng với cô bé tới hòn đảo Svalbard, đang gặp rắc rối lớn.

Trong sự nhiễu động khí quyển tiếp nối từ cuộc chạy trốn của Ngài Asriel khỏi việc lưu đày ở Svalbard, cô và bạn bè của mình đã bị thổi bay đi rất xa khỏi hòn đảo, hàng dặm đường trên mặt biển băng giá. Vài người trong số họ đã trụ lại được với cái khí cầu bị hỏng của Lee Scoresby, phi công người Texas, nhưng bản thân Serafina thì lại bị hất tung lên khỏi sương dày đặc cuộn xoáy từ khe hở mà cuộc thí nghiệm của Ngài Asriel đã rạch ra trên nền trời.

Khi thấy mình lại có thể kiểm soát được đường bay, ý nghĩ đầu tiên của cô là tới Lyra; vì cô không biết chút gì về trận đấu giữa tên vua gấu giả mạo và quốc vương thật sự, Iorek Byrnison, hay về chuyện xảy ra sau đó với Lyra.

Vậy là cô bắt đầu tìm kiếm cô bé, bay qua lớp không khí mù mịt nhuộm màu vàng óng trên cảnh thông mây của mình, cùng với con linh thú ngỗng tuyết Kaisa. Họ lộn ngược về phía Svalbard và chệch một chút về phía nam, bay vút đi vài giờ đồng hồ dưới bầu trời hỗn loạn những ánh sáng và bóng tối kì lạ. Từ cảm giác ngứa ran đáng lo ngại của ánh sáng trên da mình, Serafina Pekkala biết được rằng nó tới từ một thế giới khác.

Sau một lúc, Kaisa lên tiếng: “Nhìn kìa! Một con linh thú phù thủy, bị lạc...”

Serafina Pekkala nhìn qua những khối sương dày và thấy một con nhạn biển đang lượn vòng, kêu gào trong những khe sáng huyền ảo. Họ chuyển hướng rồi bay về phía nó. Thấy họ tiến lại gần, con nhạn biển liền hoảng sợ phóng vọt lên, nhưng Serafina Pekkala ra dấu hòa bình nên nó lại hạ độ cao xuống bên cạnh họ.

Serafina Pekkala hỏi: “Ông thuộc bộ tộc nào?”

“Taymyr,” nó đáp. “Phù thủy của tôi bị bắt rồi... Người tộc chúng tôi đã bị đánh đuổi tan tác! Tôi bị lạc rồi...”

“Ai đã bắt phù thủy của ông đi?”

“Người đàn bà có con linh thú khi, đến từ Bolvangar... Giúp tôi với! Hãy giúp chúng tôi! Tôi sợ quá!”

“Tộc của các vị có liên minh với những kẻ cắt trẻ con không?”

“Có, cho tới khi chúng tôi phát hiện ra việc chúng đang làm... Chúng đuổi chúng tôi đi sau cuộc chiến ở Bolvangar, nhưng phù thủy của tôi đã bị bắt làm tù binh... Chúng đưa cô ấy lên một con thuyền... Tôi có thể làm gì đây? Cô ấy đang gọi tôi nhưng tôi không thể tìm được cô ấy! Ôi, giúp tôi với!”

“Yên nào,” con linh thú ngỗng Kaisa nói. “Lắng nghe phía dưới kìa.”

Họ lượn xuống thấp, lắng nghe với đôi tai thính nhạy. Serafina Pekkala đã sớm nhận ra tiếng đập của động cơ chạy gas bị lớp sương cản bớt.

“Họ không thể định hướng con tàu trong sương dày như thế này được,” Kaisa nói. “Họ đang làm gì vậy?”

“Động cơ này nhỏ hơn đây,” Serafina Pekkala nói, trong lúc đó một âm thanh mới xuất hiện từ hướng khác: một tiếng rền làm rung chuyển trời đất, tựa như một sinh vật biển khổng lồ nào đó đang gào thét từ dưới sâu thăm đại dương. Nó rống lên vài giây rồi im bặt.

“Còi báo sương mù của con tàu,” Serafina Pekkala nói.

Họ lại lượn xuống sát mặt nước rồi nhìn quanh quất tìm âm thanh động cơ. Đột nhiên họ tìm thấy nó, vì sương mù dường như có những mảng dày mỏng khác nhau. Cô phù thủy đã kịp thời phóng ra khỏi tầm mắt khi một chiếc xuồng lớn bình bịch nổ và chậm rãi xuyên qua lớp không khí ẩm ướt. Sóng cuộn chậm chậm và trơn tru như thể nước đang lưỡng lự không muốn dâng lên.

Họ quay vòng rồi bay lên, con linh thú nhận biển bám sát như một đứa trẻ bám mẹ, quan sát người lái xuồng điều chỉnh lộ trình từng chút một khi còi báo sương một lần nữa vang lên. Trên mũi xuồng có gắn đèn, nhưng tất cả những gì nó chiếu sáng được chỉ là màn sương phía trước đó vài mét.

Serafina Pekkala nói với con linh thú lạc chủ: “Ông có nói vẫn còn vài phù thủy đang giúp đỡ những kẻ này à?”

“Tôi nghĩ vậy - một vài phù thủy nổi loạn từ Volgorsk - trừ khi họ cũng đã bỏ chạy,” nó đáp. “Cô định làm gì? Cô sẽ tìm phù thủy của tôi chứ?”

“Có. Nhưng tạm thời hãy ở cùng với Kaisa.”

Serafina Pekkala lao xuống về phía cái xuồng, để hai con linh thú khuất dạng trên cao, rồi đáp xuống thành đuôi xuồng ngay đằng sau người lái. Con linh thú mòng biển kêu lên quang quác khiến hấn ta quay lại nhìn.

“Chậm chạp quá đấy,” hấn nói. “Lên phía trước dẫn chúng ta tới phía cảng đi.”

Ngay lập tức cô lại bay đi. Kế hoạch thành công: chúng vẫn còn một vài phù thủy đang giúp đỡ mình, và hấn nghĩ cô là một trong số đó. Cô nhớ rằng cảng ở bên mạn trái và đèn hiệu của cảng là màu đỏ, Serafina Pekkala nhìn quanh trong sương mù cho tới khi bắt được ánh sáng mờ mờ của đèn hiệu cách đó chưa tới một trăm mét. Cô quay lại, lượn lên trên cái xuồng và chỉ hướng cho người lái, hấn cho xuồng chạy chậm lại với tốc độ rùa bò rồi lái đến cạnh thang dẫn lên boong

tàu đang treo lơ lửng ngay trên ngấn nước. Tên lái xuồng gọi, một thủy thủ liền quăng dây xuống, còn một người khác thì chạy vội xuống thang để buộc chặt nó vào xuồng.

Serafina Pekkala bay lên lan can tàu rồi rút về phía bóng tối được đám thuyền cứu sinh tạo ra. Cô không thấy phù thủy nào khác, nhưng có thể họ đang đi tuần trên trời; Kaisa sẽ biết phải làm gì.

Phía dưới, một hành khách đang rời khỏi xuồng để leo lên thang. Nhân vật này khoác trên mình bộ đồ lông thú có mũ trùm nên không nhìn được mặt; nhưng khi người đó lên tới boong, một con linh thú khi vàng nhẹ nhàng xoay người lên thành tàu và nhìn xung quanh, đôi mắt đen láy của nó lóe lên đầy ác ý. Serafina nín thở: đó chính là Phu nhân Coulter.

Một người đàn ông mặc đồ sẫm màu chạy vội lên boong để đón người phụ nữ, ông ta nhìn quanh như thể đang mong chờ một ai đó khác.

“Ngài Boreal...” Ông lên tiếng.

Nhưng Phu nhân Coulter đã ngắt lời: “Ông ấy đi nơi khác rồi. Họ đã bắt đầu tra tấn chưa?”

“Rồi ạ, thưa Phu nhân Coulter,” là câu trả lời, “nhưng...”

“Ta đã ra lệnh chờ cơ mà,” bà ta gắt lên. “Họ thích trái lời ta vậy sao? Có lẽ nên có thêm kỉ luật trên con tàu này.”

Bà ta gạt mũ trùm xuống. Serafina Pekkala nhìn thấy rõ mặt bà trong ánh sáng vàng vọt: kiêu hãnh, nồng nhiệt, và riêng với phù thủy - rất trẻ.

“Những phù thủy khác đâu rồi?” Bà hỏi.

Người đàn ông trên con tàu đáp: “Đi hết cả rồi, thưa bà. Bay về quê hương của họ.”

“Nhưng một phù thủy đã dẫn xuồng vào,” Phu nhân Coulter nói. “À ta đi đâu mất rồi?”

Serafina co người lại; rõ ràng là tên thủy thủ trên xuồng chưa nghe được về tình hình mới nhất. Viên mục sư hoang mang nhìn quanh quất, nhưng Phu nhân Coulter thì quá nôn nóng. Sau khi nhìn lướt thật nhanh lên trên và dọc theo boong tàu, bà ta lắc đầu rồi vội vã cùng con linh thú đi qua cánh cửa mở đang phả một luồng sáng màu vàng lên không khí. Người đàn ông đi theo.

Serafina Pekkala nhìn quanh để kiểm tra vị trí của mình. Cô đang ở khuất sau máy thông gió trên phần sàn tàu hẹp giữa lan can và cấu trúc trung tâm của tàu. Từ tầng này, nhìn ra phía trước xuống dưới đài chỉ huy và ống khói, là một hội trường lớn với những khung cửa sổ, không phải loại cửa tròn của tàu, hướng ra ba phía. Đó là nơi mọi người đã đi vào. Ánh sáng từ cửa sổ hắt ra dày đặc lên những thanh lan can lóng lánh sương và lờ mờ chiếu sáng cột buồm mũi cùng cánh cửa sập được phủ vải bạt. Tất cả đều ướt đầm và bắt đầu đóng băng lại cứng đờ. Không ai có thể thấy Serafina ở nơi cô trốn; nhưng nếu muốn quan sát thêm, cô sẽ phải rời khỏi nơi ẩn náu của mình.

Thật đáng tiếc. Với càn thông mây cô có thể trốn thoát, với con dao và cây cung cô có thể chiến đấu. Cô giấu càn cây đằng sau máy thông gió rồi men theo boong tàu cho đến khi tới được ô cửa sổ đầu tiên. Sương đọng dày trên kính khiến việc nhìn xuyên qua là bất khả thi, Serafina cũng không nghe thấy tiếng nói nào bên trong. Cô lại rút về trong bóng tối.

Có một việc cô có thể làm; cô đang lưỡng lự vì việc này cực kỳ mạo hiểm, nó sẽ khiến cô kiệt sức; nhưng có vẻ như không còn cách nào khác. Đó là một loại ma thuật có thể làm cô trở nên vô hình. Đương nhiên tàng hình thực sự là điều bất khả thi: đấy là ma thuật đánh vào tâm lý, một sự khiêm tốn mãnh liệt đến mức làm người tạo phép dù không tàng hình nhưng lại hoàn toàn không bị chú ý tới. Nếu giữ nó ở cường độ vừa phải, cô có thể đi xuyên qua một căn phòng đầy chật người, hay bước đi bên cạnh một lũ khách đơn độc, mà hoàn toàn không bị nhìn thấy.

Vậy là cô liên tĩnh tâm rồi dồn hết sức tập trung vào việc thay đổi bản chất của mình để làm lệch hướng hoàn toàn sự chú ý. Phải mất vài phút cô mới có thể thấy tự tin được. Cô kiểm tra bằng cách bước ra khỏi chỗ trú ẩn, vào lối một thủy thủ đang tiến đến trên boong với túi dụng cụ. Anh ta bước sang bên để tránh mà không hề nhìn cô lấy một lần.

Cô phù thủy đã sẵn sàng. Cô tiến tới bên cánh cửa của hội trường thấp sáng rực rỡ và mở nó ra, thấy rằng căn phòng trống trơn. Cô để cửa bên ngoài mở hé để có thể bỏ chạy nếu cần, rồi cô thấy một cánh cửa ở đầu bên kia căn phòng thông với đợt cầu thang dẫn xuống thân tàu. Cô đi xuống và thấy mình đang ở trong một hành lang hẹp với hệ thống ống dẫn sơn trắng treo trên đầu, được thấp sáng bởi ánh đèn mạch trên vách tường. Nó dẫn thẳng tuốt theo chiều dài thân tàu, với những cánh cửa mở ra ngoài ở cả hai bên hông.

Cô nhẹ nhàng bước đi, lắng nghe, cho tới khi thấy tiếng nói. Nghe có vẻ như một hội đồng nào đó đang họp.

Cô mở cửa bước vào.

Khoảng hơn chục người đang ngồi quanh một chiếc bàn lớn. Một hay hai người trong số đó ngược lên, lơ đãng nhìn cô một lúc, rồi lập tức quên bẵng đi. Cô lặng lẽ đứng bên cửa quan sát. Cuộc họp được chủ trì bởi một ông lão trong bộ áo choàng của Giáo chủ hồng y, những người còn lại đều là một kiểu linh mục nào đó, chỉ trừ Phu nhân Coulter là người phụ nữ duy nhất có mặt. Phu nhân Coulter vắt chiếc áo choàng lông lên lưng ghế, đôi má bà ửng hồng dưới cái nóng bên trong con tàu.

Serafina Pekkala cẩn thận nhìn xung quanh và thấy còn một người khác cũng đang ở trong phòng: một người đàn ông có gương mặt xương xẩu cùng với con linh thú ếch. Ông ta ngồi ở một bên, trên bàn bày đầy những cuốn sách bọc da và các chồng giấy tờ ố vàng xếp lộn xộn. Ban đầu cô cho rằng ông ta là một thư kí, cho tới khi nhận ra việc ông ta đang làm: người đàn ông đang chăm chú nhìn một thiết bị bằng

vàng giống như một cái đồng hồ lớn hay một chiếc la bàn, cứ chốc lại dừng lại để ghi chép những gì mình tìm thấy. Rồi ông mở một trong những cuốn sách, cần mẫn tìm kiếm trong bảng liệt kê, tra cứu thông tin tham khảo trước khi ghi lại chúng và trở lại với thiết bị kia.

Serafina quay lại nhìn cuộc thảo luận bên bàn vì cô nghe thấy *từ phù thủy*.

“Cô ta biết điều gì đó về đứa bé,” một trong các giáo sĩ nói. “Cô ta đã thú nhận rằng mình biết. Tất cả các phù thủy đều biết gì đó về nó.”

“Tôi tự hỏi không biết Phu nhân Coulter biết điều gì,” Giáo chủ lên tiếng. “Liệu có điều gì bà ấy nên nói sớm hơn với chúng ta không nhỉ?”

“Ngài sẽ phải nói rõ ràng hơn như thế,” Phu nhân Coulter lạnh lùng nói. “Ngài quên mất tôi là một phụ nữ, thừa Đức Giáo chủ, do đó tôi không được tình tế như Đức Chúa của Giáo hội đầu. Sự thật mà tôi đáng ra phải biết về đứa trẻ này là gì vậy?”

Biểu cảm của Giáo chủ đầy ý nhị, nhưng ông lại không nói gì. Sau một khoảng ngừng, một giáo sĩ khác nói với vẻ gần như là hối lỗi:

“Phu nhân Coulter, bà thấy đấy, có vẻ như có một lời tiên tri liên quan đến đứa bé. Tất cả các dấu hiệu đều đã hoàn thành, khởi đầu là hoàn cảnh sinh ra đứa bé. Đám dân du mục cũng biết gì đó về nó - chúng nói về con bé bằng những biệt hiệu như đầu phù thủy và lửa đầm lầy, toàn những điều thần bí, bà thấy đấy - do đó nó đã thành công trong việc dẫn quân du mục đến Bolvangar. Sau đấy tới chiến công đáng kinh ngạc của nó trong việc phế truất vua gấu Iofur Raknison - đây không hề là một đứa trẻ tầm thường. Có lẽ Đan sĩ Pavel có thể nói cho chúng ta biết nhiều hơn...”

Ông ta liếc nhìn người đàn ông với gương mặt gầy gò đang đọc Chân Kế, người này liền chớp chớp, dụi mắt rồi nhìn Phu nhân Coulter.

“Có lẽ bà cũng biết rằng đây là chiếc Chân Kế cuối cùng còn sót lại, ngoài cái đang thuộc sở hữu của đứa bé,” ông ta lên tiếng. “Tất cả những cái khác đều đã bị tịch thu và phá hủy theo lệnh của Huấn

Quyền. Tôi đọc được từ thiết bị này rằng chiếc Chân Kế của đứa bé là do Hiệu trưởng Học viện Jordan đưa cho, rằng nó tự mình học cách đọc, và rằng nó có thể sử dụng cái máy mà không cần đọc sách chú giải. Nếu có thể hoài nghi Chân Kế, tôi sẽ làm vậy, vì việc sử dụng chiếc máy mà không cần dùng sách đối với tôi quả thật là không thể tưởng tượng được. Phải mất hàng thập kỉ cần mẫn nghiên cứu mới có thể đạt được bất cứ sự hiểu biết nào. Con bé mới chỉ bắt đầu đọc nó trong vài tuần sau khi có được mà giờ đã gần như hoàn toàn tinh thông. Nó không giống một học giả người phàm nào mà tôi có thể tưởng tượng được.”

“Giờ nó đang ở đâu, Đan sĩ Pavel?” Giáo chủ hỏi.

“Ở thế giới khác,” Đan sĩ Pavel đáp. “Đã muộn rồi.”

“Mụ phù thủy biết đấy!” Người đàn ông có con linh thú chuột xạ hương đang không ngừng gặm một cây bút chì nói. “Tất cả đều đã sẵn sàng ngoại trừ lời khai của mụ ta! Tôi đề nghị chúng ta nên tra tấn mụ ta thêm!”

“Lời tiên tri đó là gì vậy?” Phu nhân Coulter, người đang ngày càng trở nên tức giận, hỏi gặng. “Sao các ông dám giấu tôi chuyện đó?”

Uy quyền của bà ta đối với họ là quá rõ ràng. Con khỉ vàng lờm quanh bàn, khiến không ai trong số đó dám nhìn thẳng vào mặt nó.

Chỉ riêng Giáo chủ là không hề nao núng. Linh thú của ông ta, một con vẹt đuôi dài, nhấc một chân lên gãi đầu.

“Mụ phù thủy đã bóng gió ám chỉ một thứ phi thường,” Giáo chủ nói. “Tôi không dám tin vào điều mà tôi nghĩ về nó. Nếu đó là sự thật, nó sẽ đặt lên chúng ta trách nhiệm khủng khiếp nhất mà con người từng phải đối mặt. Nhưng tôi hỏi bà một lần nữa, Phu nhân Coulter - bà biết gì về đứa bé và cha của nó?”

Phu nhân Coulter giận tái mặt.

“Ngài dám chất vấn tôi sao?” Bà ta gào lên. “Sao các ông lại dám giữ bí mật với tôi về điều đã tìm hiểu được từ ả phù thủy? Và cuối cùng, sao các ông dám nghĩ rằng tôi đang giấu giếm điều gì chứ? Các

ông cho rằng tôi ở phe con bé sao? Hay có lẽ các ông nghĩ tôi ở phe cha của nó? Có lẽ các ông nghĩ tôi nên bị tra tấn giống như ả phù thủy kia. Phải, tất cả chúng tôi đều phụng mệnh ngài, thưa Đức Giáo chủ. Ngài chỉ cần búng tay là có thể khiến tôi bị xé thành trăm mảnh rồi. Nhưng kể cả có tìm kiếm câu trả lời trên từng mảnh cơ thể tôi, ngài cũng sẽ chẳng thấy gì đâu, vì tôi không biết gì về lời tiên tri này, không một chút nào hết. Và tôi yêu cầu *các ông* nói với tôi những điều mình biết. Con tôi, con của chính tôi, thai nghén trong tội lỗi và sinh ra trong khổ nhục, nhưng đó vẫn là con tôi, vậy mà các ông lại giấu tôi những điều tôi hoàn toàn có quyền được biết!”

“Làm ơn,” một giáo sĩ khác bồn chồn nói. “Làm ơn, Phu nhân Coulter; ả phù thủy đó vẫn chưa khai gì cả; chúng ta sẽ tìm hiểu nhiều hơn từ ả ta. Chính Giáo chủ Sturrock nói rằng ả ta chỉ mới nói bóng gió thôi.”

“Vậy giả sử mục ta không tiết lộ thì sao?” Phu nhân Coulter hỏi. “Lúc đó tính thế nào? Chúng ta sẽ đoán phải không? Chúng ta sẽ run rẩy sợ hãi rồi đoán bừa?”

Đan sĩ Pavel nói: “Không, bởi vì đó là câu hỏi tôi đang chuẩn bị để đặt ra cho chiếc Chân Kế. Chúng ta sẽ tìm ra câu trả lời, dù là từ ả phù thủy hay từ những cuốn sách giải mã.”

“Vậy việc đó sẽ mất bao lâu?”

Ông mệt mỏi nhướn mày rồi nói: “Một khoảng thời gian đáng kể. Đây là một câu hỏi cực kì phức tạp.”

“Nhưng ả phù thủy thì có thể nói với chúng ta ngay lập tức,” Phu nhân Coulter nói.

Nói rồi bà liền đứng dậy. Dường như vì nể bà, hầu hết những người đàn ông đều làm theo. Chỉ riêng Giáo chủ và Đan sĩ Pavel là vẫn ngồi yên. Serafina Pekkala đứng lùi lại, dồn hết sức để giữ cho mình không bị nhìn thấy. Con khỉ vàng đang nghiêng răng, bộ lông óng ả của nó đang dựng đứng hết lên.

Phu nhân Coulter lắng con khỉ lên vai mình.

“VẬY HÃY ĐỂ CHÚNG TÔI ĐI HỎI CÔ À,” bà ta nói.

Bà quay đi rồi đường bệ bước vào hành lang. Đám đàn ông cuống quýt theo sau, chen lấn xô đẩy khi đi qua Serafina Pekkala. Tâm trí đang rối loạn, cô chỉ đủ thời gian để đứng vội sang một bên. Người cuối cùng bước ra là Đức Giáo chủ.

Serafina dành vài giây để trấn tĩnh lại, vì sự kích động đang bắt đầu khiến cô hiện hình lại. Sau đó cô theo chân đám giáo sĩ xuống hành lang rồi vào một căn phòng nhỏ hơn, trống trơn, trắng bóc và nóng nực, nơi tất cả túm tụm lại quanh một dáng hình kinh hãi ở chính giữa: một phù thủy bị trói chặt vào ghế thép, vẻ đau đớn hiện hữu trên gương mặt xám ngoét của cô, hai chân cô gầy gập.

Phu nhân Coulter đứng sừng sững trước mặt cô. Serafina chọn một vị trí cạnh cửa ra vào, biết rằng mình không thể giữ trạng thái vô hình được lâu; việc này quá khó.

“Phù thủy, hãy nói cho chúng ta về đứa trẻ,” Phu nhân Coulter ra lệnh.

“Không!”

“Người sẽ phải chịu đau đớn đấy.”

“Ta đã chịu đủ rồi.”

“Ồ, sẽ còn đau hơn nữa cơ. Chúng ta có cả nghìn năm kinh nghiệm trong Giáo hội của mình. Chúng ta có thể kéo dài sự đau đớn của người đến vô tận. Nói cho chúng ta về đứa trẻ mau,” Phu nhân Coulter nói rồi cúi xuống bẻ một ngón tay của cô phù thủy. Nó dễ dàng gãy rời ra.

Cô phù thủy hét lên đau đớn, và trong nguyên một giây Serafina Pekkala đã hiện ra trước mặt mọi người, một hoặc hai mục sư quay ra nhìn cô, bối rối và sợ hãi; nhưng rồi cô trấn tĩnh lại, và họ lại quay về phía cuộc tra tấn.

Phu nhân Coulter nói: “Nếu người không trả lời, ta sẽ bẻ một ngón nữa, rồi thêm một ngón khác. Người biết gì về đứa bé? Nói ngay.”

“Được rồi! Làm ơn, làm ơn, đừng tra tấn nữa!”

“VẬY thì trả lời đi.”

Lại một tiếng rắc kinh hoàng nữa vang lên, và lần này cô phù thủy òa lên nức nở. Serafina Pekkala gần như không thể kiềm chế nổi. Rồi những lời này vang lên trong tiếng la hét:

“Không, không! Tôi sẽ khai! Xin các người, đừng tra tấn nữa! Đứa trẻ sắp đến... Giới phù thủy đã biết nó là ai trước các người... Chúng tôi đã tìm ra tên của nó...”

“Chúng ta biết tên nó. Ý người là tên gì?”

“Tên thật của nó! Cái tên vận mệnh của nó!”

“Cái tên đó là gì? Nói mau!” Phu nhân Coulter nói.

“Không... không...”

“Như thế nào? Các người đã tìm ra nó như thế nào?”

“Có một bài kiểm tra... Nếu cô bé có thể chọn được một cảnh thông mây giữa nhiều cảnh khác thì đó chính là cô bé được vận mệnh cử tới, và việc đó xảy ra tại nhà Lãnh sự của chúng tôi ở Trollesund, khi đưa bé tới cùng với những người đàn ông du mục... Đưa bé với con gấu...”

Giọng cô tắt lịm đi.

Phu nhân Coulter kêu lên nôn nóng. Một tiếng tát mạnh vang lên, rồi tới tiếng rên rỉ.

“Nhưng lời tiên tri của các người về đứa bé này là gì?” Phu nhân Coulter nói tiếp, giọng đánh lại và run lên vì giận dữ. “Còn cả cái tên sẽ làm rõ vận mệnh của con bé là gì nữa?”

Serafina Pekkala tiến lại gần hơn, thậm chí còn len vào giữa đám đàn ông đang túm tụm quanh cô phù thủy, nhưng chẳng ai trong số họ cảm nhận được sự hiện diện của cô ngay bên cạnh mình. Cô phải sớm chấm dứt nỗi đau đớn của phù thủy này, nhưng áp lực cần phải giữ cho mình vô hình là quá khổng lồ. Cô run rẩy khi lấy con dao từ thắt lưng ra.

Cô phù thủy đang nước nở khóc: “Nó là đứa trẻ đã tới trước đây, kể từ đó bà đã ghét bỏ và sợ hãi nó! Giờ thì khi nó quay về bà lại không thể tìm thấy... Nó đã đến Svalbard - nó ở cùng với Ngài Asriel, và bà đã để mất dấu nó. Nó đã trốn thoát được, và nó sẽ...”

Nhưng cô chưa kịp nói hết câu thì đã bị ngắt lời.

Qua cánh cửa mở, một con nhện biển bay vào, điên cuồng vì kinh hãi, nó đập cánh một cách rời rạc khi đâm sầm xuống sàn, rồi sau đó vùng đứng dậy và lao vào ngực cô phù thủy đang bị tra tấn, nó rúc vào người cô, kêu lên riu rít và khóc lóc thảm thiết. Cô phù thủy kêu lên trong cơn thống khổ: “Yambe-Akka! Hãy đến với tôi, đến với tôi!”

Không ai ngoài Serafina Pekkala hiểu điều này. Yambe-Akka là nữ thần sẽ đến bên một phù thủy khi cô ta sắp lìa trần.

Serafina đã sẵn sàng. Cô lập tức hiện hình rồi bước tới trước trong nụ cười đầy hạnh phúc, vì Yambe-Akka luôn vui vẻ, vô tư, và các chuyến viếng thăm của bà là những món quà của niềm hân hoan. Cô phù thủy thấy Serafina liền rướn gương mặt giàn giụa nước mắt lên, Serafina cúi xuống hôn lên đó rồi nhẹ nhàng đâm con dao vào trái tim cô phù thủy. Con linh thú nhện biển ngược nhìn với đôi mắt mờ đục rồi tan biến.

Giờ thì Serafina Pekkala sẽ phải chiến đấu để thoát ra ngoài.

Đám đàn ông vẫn đang hoảng hồn và hoài nghi, nhưng Phu nhân Coulter đã trấn tĩnh lại được gần như ngay lập tức.

“Tóm lấy ả! Đừng để ả thoát!” Bà ta kêu lên nhưng Serafina đã ra đến cửa, với một mũi tên đặt sẵn trên cây cung. Cô vung cây cung lên rồi thả mũi tên ra chỉ trong chưa đầy một giây, Giáo chủ liền lăn ra đất quẫy đạp trong cơn nghệt thở.

Cô lao ra, chạy dọc theo hành lang tới cầu thang, quay lại, lấp tên, thả, một tên nữa ngã xuống. Tiếng chuông lạnh lạnh đình tai bao trùm cả con tàu.

Cô leo lên thang rồi lao ra boong. Khi bị hai thủy thủ cản đường, cô liền nói: “Dưới kia! Tù nhân chạy thoát rồi! Tới giúp đi!”

Ngần đó là đủ khiến chúng bối rối. Chúng đứng đó lưỡng lự, giúp cô đủ thời gian luồn qua và nắm lấy cành thông mây đang giấu phía sau máy thông gió.

“Bắn ả ta đi!” Từ đằng sau vọng lại tiếng hét của Phu nhân Coulter, ngay lập tức ba khẩu súng trường phóng hỏa, những viên đạn đập vào kim loại và rít lên khi bắn vào màn sương. Trong lúc đó Serafina đã nhảy lên cành cây và thúc nó bay vút lên như tên bắn. Chỉ vài giây sau cô đã lơ lửng trên không trung, trong lớp sương dày đặc, an toàn, và rồi bóng một con ngỗng khổng lồ lướt ra khỏi tấm màn xám xịt ma quái để tới bên cô.

“Đi đâu nào?” Nó hỏi.

“Xa, Kaisa ạ, thật xa khỏi đây,” cô đáp. “Ta muốn thoát khỏi thứ mùi hôi thối của đám người này.”

Thật ra cô không biết phải đi đâu hay phải làm gì tiếp đó. Nhưng có một điều mà cô biết chắc chắn: một mũi tên trong bao đựng của cô sẽ để lại vết trên cổ họng Phu nhân Coulter.

Họ quay về hướng nam, tránh xa khỏi ánh sáng phiến nhiễu của cái thế giới bên kia đang lập lờ trong sương mù. Trong khi bay, một câu hỏi bắt đầu hình thành rõ rệt hơn trong đầu Serafina. Ngài Asriel đang làm gì?

Bởi vì toàn bộ những sự kiện đã làm đảo lộn thế giới đều bắt nguồn từ những hoạt động kì bí của ông ta.

Vấn đề là những nguồn kiến thức thông thường của cô đều đến từ tự nhiên. Cô có thể theo dấu bất cứ động vật nào, bắt bất kì con cá nào, tìm thấy những quả mọng hiếm nhất; cô cũng có thể đọc những dấu hiệu trong ruột của chồn thông, giải mã sự uyên thâm trên vảy cá rô, hay hiểu được những cảnh báo trong phấn hoa nghệ tây; nhưng chúng đều là những đứa con của tự nhiên, chúng nói với cô những sự thật của tự nhiên.

Còn kiến thức về Ngài Asriel thì cô sẽ phải đi hỏi chỗ khác. Tại bến cảng của Trollesund, Tiến sĩ Lanselius lãnh sự của họ duy trì liên lạc với thế giới của con người. Serafina Pekkala lao xuyên qua màn sương tới đó để xem ông có thể nói gì cho mình biết. Trước khi đến nhà của ông, cô lượn vòng trên bến cảng, nơi sương mù trôi thành những dải xoắn vặn đầy ma mị trên làn nước băng giá, và quan sát người hoa tiêu dẫn một con tàu lớn với số đăng kí của Phi châu vào. Vài con tàu khác đang neo bên ngoài khu cảng. Cô chưa từng thấy nhiều tàu bè đến thế này.

Khi cái ngày ngắn ngủi đó chìm dần vào bóng tối, cô bay tới đáp xuống vườn sau của nhà lãnh sự. Cô gõ lên cửa sổ. Chính Tiến sĩ Lanselius ra mở cửa, một ngón tay đặt lên môi.

“Serafina Pekkala, xin chào,” ông nói. “Vào nhanh lên, chào mừng cô. Nhưng cô không nên lưu lại lâu.” Ông mời cô ngồi xuống ghế cạnh lò sưởi, liếc nhìn xuyên qua rèm cửa sổ ra con đường phía trước rồi nói: “Cô sẽ dùng chút rượu chứ?”

Cô nhấp nháp thứ rượu Tokay vàng óng rồi kể cho ông về những gì mình đã thấy và nghe được trên tàu.

“Cô có nghĩ chúng hiểu được điều cô ấy nói về đứa bé không?” Ông hỏi.

“Không phải toàn bộ, tôi cho là vậy. Nhưng chúng biết là cô bé rất quan trọng. Còn về người đàn bà đó, tôi e sợ bà ta, Tiến sĩ Lanselius ạ. Tôi nghĩ tôi sẽ giết bà ta, nhưng tôi vẫn sợ.”

“Vâng,” ông nói. “Tôi cũng vậy.”

Và Serafina lắng nghe ông kể về những lời đồn thổi đang lan khắp thị trấn. Lẫn quất giữa màn sương của những lời đồn là một vài sự thật đang bắt đầu hiện ra rõ rệt.

“Người ta nói rằng Huấn Quyền đang tập hợp một đội quân vĩ đại chưa từng thấy, và đây là nhóm tiền trạm. Có những lời đồn không hề dễ chịu về một vài binh sĩ, Serafina Pekkala ạ. Tôi đã nghe kể về Bolvangar và những việc chúng tiến hành ở đó - cắt rời linh thú của

bọn trẻ, công việc xấu xa nhất mà tôi từng nghe đến - có vẻ như có một trung đoàn binh lính cũng đã bị đối xử như vậy. Cô có biết từ *xác sống* không? Chúng không sợ gì cả, vì chúng không có não. Bây giờ đã có vài tên trong thị trấn này rồi. Các nhà cầm quyền đang che giấu cho chúng, nhưng tiếng dữ đồn xa, người dân thị trấn đang rất hoảng loạn vì chúng.”

“Còn về những bộ tộc phù thủy khác thì sao?” Serafina Pekkala hỏi. “Ông có tin tức gì về họ?”

“Phần lớn đã trở về quê hương mình. Toàn bộ phù thủy đều đang chờ đợi, Serafina Pekkala ạ, với nỗi sợ trong tim về điều sẽ xảy đến tiếp theo.”

“Vậy ông nghe được gì về Giáo hội?”

“Họ đang cực kì hoang mang. Cô thấy đấy, họ không biết Ngài Asriel định làm gì.”

“Tôi cũng không,” cô nói, “và tôi cũng không tưởng tượng ra nổi đó có thể là gì. Ông nghĩ ông ta đang dự tính điều gì, Tiến sĩ Lanselius?”

Ông dịu dàng dùng ngón cái xoa lên đầu con linh thú rắn của mình.

“Ông ta là một học giả,” một lúc sau ông lên tiếng, “nhưng sự uyên bác không phải là đam mê lớn nhất của ông ta. Cũng chẳng phải là tài chính trị. Tôi đã gặp ông ta một lần và tôi cho rằng ông ta có bản tính nồng nhiệt và mãnh liệt, nhưng không hề bạo ngược. Tôi không nghĩ ông ta muốn thống trị... Tôi không biết nữa, Serafina Pekkala ạ. Tôi đoán người phục vụ của ông ta có thể nói cho cô hay. Đó là một người đàn ông có tên Thorold, ông ta đã bị giam cùng với Ngài Asriel trong ngôi nhà ở Svalbard. Có lẽ sẽ đáng ghé qua một chút để xem ông ta có thể nói cho cô biết điều gì; nhưng hẳn nhiên là ông ta cũng có thể đã qua thế giới bên kia cùng với chủ nhân của mình.”

“Cảm ơn ông. Đó quả là một ý tưởng hay... Tôi sẽ làm vậy. Tôi đi luôn đây.”

Cô chào từ biệt vị lãnh sự rồi vút bay qua bóng tối đang ủa về để gặp Kaisa trong những đám mây.

Hành trình đến phương bắc của Serafina bị cản trở bởi tình trạng rối ren trong thế giới xung quanh cô. Tất cả những người dân Cực Bắc đều lâm vào tình trạng hoảng loạn, cả đám động vật cũng vậy, không những bởi sương mù và biến đổi lực từ mà còn bởi việc băng nứt vỡ trái mùa và sự khuấy động trong đất. Dường như chính mặt đất và băng hà vĩnh cửu đang dần tỉnh giấc sau một giấc mơ dài bị đóng cứng.

Trong tình trạng rối loạn này, nơi những tia nắng rực rỡ đến lạ thường đột ngột xuyên qua khe hở giữa những tòa tháp sương mù rồi tiêu tan cũng nhanh chóng như thế, nơi những đàn bò xạ hương bị thôi thúc phải phi nước đại về phía nam nhưng ngay sau đó lại vòng sang phía tây hay phía bắc, nơi những đàn ngỗng trời đang nối nhau san sát liền tan tác thành một đám hỗn loạn kêu quàng quạc khi các vùng từ trường mà chúng bay qua dao động và đứt quãng, Serafina Pekkala chinh hướng cho càn thông mây rồi bay về phía bắc, tới căn nhà trên mũi đất trong cảnh hoang tàn của Svalbard.

Tại đó cô thấy người phục vụ Thorold của Ngài Asriel đang chiến đấu với một nhóm quỷ vực.

Cô thấy khoảnh khắc đó trước khi tới đủ gần để nhìn được chuyện gì đang diễn ra. Một cơn lốc những đôi cánh bọc da đang đâm chọc cùng với tiếng ô-ô-ô đầy ác tâm vang lên trong khoảnh khắc ngập tuyết; một dáng người đơn độc quần trong áo lông đang bắn súng trường vào giữa cả đám, cùng với một con linh thú chó gầy hốc hác đang gầm gừ cắn xé bên cạnh chủ mỗi khi một trong những sinh vật bắn thiu kia sà xuống đủ thấp.

Cô không biết người đàn ông này, nhưng quỷ vực thì lúc nào cũng là kẻ thù. Cô lượn vòng trên không rồi phóng một tá mũi tên xuống đám hỗn độn. Vừa rít lên vừa lấp bắp, lũ quỷ - được tổ chức quá rời rạc để có thể gọi là một đội quân - quay vòng tròn, phát hiện ra địch thủ

mới của mình, rồi hoang mang bỏ chạy. Một phút sau bầu trời lại trở nên thoáng đặng, tiếng kêu ô-ô-ô hoảng loạn của đám quỷ vực vọng lại từ những rặng núi đặng xa trước khi nhỏ dần rồi chìm vào câm lặng.

Serafina sà xuống sân rồi đáp lên lớp tuyết bị cày xới và lấm tẩm máu. Người đàn ông lật mũ trùm lại, vẫn đang thận trọng ôm khẩu súng trường vì phù thủy đôi khi cũng là kẻ thù, còn cô thì thấy một ông già với cái cằm dài, mái tóc hoa râm và ánh mắt kiên định.

“Tôi là bạn của Lyra,” cô lên tiếng. “Tôi hi vọng chúng ta có thể nói chuyện. Nhìn này: tôi sẽ hạ cung xuống.”

“Đứa bé đâu rồi?” Ông già hỏi.

“Ở thế giới khác. Tôi rất lo lắng cho sự an toàn của cô bé. Và tôi cần phải biết Ngài Asriel đang làm gì.”

Ông hạ súng xuống rồi nói: “Vậy mời cô vào trong. Nhìn này: tôi hạ súng xuống rồi.”

Nghi thức đã được trao đổi xong, họ liền bước vào trong nhà. Kaisa lượn qua bầu trời phía trên cao để cảnh giới trong lúc Thorold pha cà phê còn Serafina kể cho ông nghe về mối hên hệ của mình với Lyra.

“Nó luôn là một đứa nhóc ngang ngạnh,” ông nói khi họ ngồi vào chiếc bàn gỗ sồi trong ánh sáng hắt ra từ cây đèn dầu. “Năm nào tôi cũng gặp cô bé khi chủ nhân tới thăm học viện của mình. Tôi rất quý mến nó, xin lưu ý là người ta không cưỡng lại nổi điều đó đâu. Nhưng vị trí của nó trong tổng thể bao quát hơn là gì thì tôi không biết.”

“Ngài Asriel đã định làm gì vậy?”

“Cô không cho là ông ấy có kế với tôi chứ, Serafina Pekkala? Tôi chỉ là đầy tớ của ông ấy, không hơn. Tôi giặt quần áo, nấu ăn và giữ cho nhà của ông ấy gọn gàng. Tôi có thể đã biết được một vài điều trong những năm chung sống với chủ nhân, nhưng đó chỉ là tình cờ vớt vát được thôi. Ông ấy chẳng hề giải bày với tôi nhiều hơn với cái cốc cạo râu của mình đâu.”

“VẬY HÃY KỂ CHO TÔI NGHE MỘT VÀI ĐIỀU ÔNG TÌNH CỜ BIẾT ĐƯỢC ĐI,”
CÔ KHĂNG KHĂNG.

Thorold là một người đàn ông lớn tuổi, nhưng ông vẫn còn khỏe mạnh và tràn trề sinh lực. Ông cảm thấy hãnh diện vì sự chú ý của cô phù thủy trẻ này và vì vẻ đẹp của cô, như bất cứ người đàn ông nào sẽ cảm nhận thấy. Thế nhưng ông cũng rất sắc sảo và nhận biết được rằng sự chú ý đó không thực sự dành cho mình, mà là cho thứ ông biết. Vì là người trung thực, ông không kéo dài câu chuyện của mình hơn nhiều so với cần thiết.

“Tôi không thể nói với cô chính xác ông ấy đang làm gì,” ông nói, “vì tất cả những chi tiết khoa học đều nằm ngoài tầm hiểu biết của tôi. Nhưng tôi có thể nói cho cô biết điều gì xúi giục ông chủ, dù cho ông ấy không biết là tôi biết. Tôi đã thấy điều này trong cả trăm dấu hiệu nhỏ xíu. Hãy nhắc nếu tôi nói sai, nhưng các phù thủy thờ những vị thần khác với chúng tôi, phải vậy không?”

“Phải, đúng là như vậy.”

“Nhưng cô biết về Chúa của chúng tôi chứ? Chúa của Giáo hội, vị thần mà người ta gọi là Đấng Quyền Năng?”

“Có, tôi biết.”

“Chà, theo một cách nào đó thì Ngài Asriel chưa từng thấy thoải mái với các giáo lí của nhà thờ. Tôi đã thấy sự ghê tởm hiện lên trên gương mặt ông khi người ta nói về lễ ban thánh thể, sự Cứu thế, chuộc lỗi và những thứ tương tự. Đối với người dân chúng tôi, Serafina Pekkala ạ, thì khiêu khích Giáo hội chính là bản án tử hình, nhưng Ngài Asriel đã nuôi dưỡng sự chống đối trong thâm tâm trong suốt thời gian tôi phục vụ ông ấy, đó là một điều mà tôi biết.”

“Sự chống đối lại Giáo hội ư?”

“Một phần là vậy, vâng. Đã có một thời gian ông ấy nghĩ tới việc thành lập quân đội, nhưng rồi ông lại từ bỏ ý định đó.”

“Tại sao? Giáo hội mạnh quá à?”

“Không,” ông phục vụ già nói, “chuyện đó sẽ không ngăn cản được chủ nhân của tôi. Việc này có thể sẽ khá kì lạ đối với cô, Serafina Pekkala ạ, nhưng tôi hiểu người đàn ông này hơn bất cứ bà vợ nào có thể hiểu ông ấy, thậm chí còn hơn cả một người mẹ. Ông ấy đã là chủ và là đối tượng nghiên ngẫm của tôi trong gần bốn mươi năm. Tôi không thể theo tới đỉnh cao suy nghĩ của ông ấy cũng như tôi không thể bay, nhưng tôi có thể thấy được ông ấy đang hướng tới đâu dù cho bản thân tôi thì không thể đi theo. Không, tôi tin rằng ông ấy từ bỏ việc chống đối lại Giáo hội không phải vì Giáo hội quá mạnh, mà là vì nó quá yếu để có thể xứng đáng chiến đấu.”

“VẬY... ông ta đang làm gì?”

“Tôi cho rằng ông ấy đang tiến hành một cuộc chiến tranh tâm cỡ hơn thế. Tôi nghĩ ông ấy đang nhắm đến một cuộc nổi loạn chống lại quyền lực tối thượng hơn tất cả. Ông ấy sẽ lùng tìm nơi cư ngụ của chính Đấng Quyền Năng và rồi sẽ hủy diệt Ngài. Đó là điều tôi nghĩ. Phải nói ra điều này khiến tim tôi run rẩy, quý cô ạ. Tôi gần như không dám nghĩ về nó. Nhưng tôi không khớp nổi được câu chuyện nào khác hợp lí hơn về việc ông ấy đang làm.”

Serafina ngồi lặng yên một lúc, nghiên ngẫm những điều Thorold vừa nói.

Trước khi cô kịp lên tiếng, ông nói tiếp:

“Hẳn nhiên là bất cứ ai bắt đầu tiến hành một việc tâm cỡ như thế đều sẽ trở thành đích nhắm của cơn thịnh nộ từ Giáo hội. Điều đó quá rõ ràng. Đó là sự báng bổ khủng khiếp nhất, người ta sẽ nói vậy. Họ sẽ đẩy ông ấy ra trước Tòa án Công giáo và kết tội tử hình chỉ trong chớp mắt. Tôi chưa từng nhắc đến việc này trước đây và tôi sẽ không bao giờ làm vậy nữa; tôi đã chẳng dám nói với cô về nó nếu cô không phải là một phù thủy và nằm ngoài quyền lực của Giáo hội; nhưng chẳng có gì hợp lí hơn như thế cả. Ông ấy sẽ đi tìm Đấng Quyền Năng và giết Ngài.”

“Điều đó có khả thi không?” Serafina hỏi.

“Cuộc đời của Ngài Asriel vẫn luôn đầy ắp những điều bất khả thi. Tôi sẽ không nói rằng chẳng có việc gì là ông ấy không làm được. Nhưng thoát nhìn thì, phải, Serafina Pekkala ạ, ông ấy mất trí hoàn toàn rồi. Nếu các thiên thần không thể làm được thì sao một kẻ phạm trần lại dám nghĩ tới nó chứ?”

“Thiên thần? Thiên thần là gì vậy?”

“Những bản thể mang linh hồn thanh khiết, Giáo hội nói vậy. Giáo hội dạy rằng một vài thiên thần đã nổi loạn trước khi thế giới được tạo lập và bị đẩy từ thiên đàng xuống địa ngục. Họ đã thất bại, cô thấy đấy, đó là điểm mấu chốt. Họ không thể làm được. Mà họ thì có năng lực của các thiên thần. Ngài Asriel chỉ là người phạm với sức mạnh phạm trần, không hơn không kém. Nhưng tham vọng của ông ấy thì vô hạn. Ông ấy dám làm những việc mà chẳng có người đàn ông hay đàn bà nào dám nghĩ tới. Hãy nhìn những gì ông ấy đã làm đi: ông ấy rạch toang bầu trời, mở đường đến một thế giới khác. Có ai đã từng làm điều đó chứ? Còn ai khác có thể nghĩ tới nó chứ? Vậy nên một phần trong tôi, Serafina Pekkala ạ, sẽ nói rằng ông ấy bị điên, độc ác và loạn trí. Nhưng một phần khác lại cho rằng ông ấy là Ngài Asriel, ông ấy không giống những người đàn ông khác. Có lẽ vậy... Nếu việc đó có bao giờ trở nên khả thi thì nó sẽ được thực hiện bởi ông ấy chứ không phải bất cứ ai khác.”

“Còn ông sẽ làm gì hả Thorold?”

“Tôi sẽ ở đây chờ đợi. Tôi sẽ canh giữ căn nhà này cho tới khi ông ấy trở lại và bảo tôi làm việc khác, hoặc tới khi tôi lìa đời. Giờ tôi cũng muốn hỏi lại cô câu đó.”

“Tôi sẽ đảm bảo cho đứa trẻ được an toàn,” cô phù thủy đáp. “Có thể tôi sẽ lại phải đi qua con đường này, Thorold ạ. Tôi rất mừng được biết rằng ông vẫn sẽ ở đây.”

“Tôi sẽ không nhúc nhích đâu,” ông già nói với cô.

Cô từ chối đề nghị thiết đãi đồ ăn của ông và nói lời từ biệt.

Khoảng một phút sau hoặc hơn, cô đã lại lên trời nhập hội với linh thú ngỗng của mình. Con linh thú giữ im lặng bên cạnh cô khi họ vút bay rồi lượn vòng bên trên những ngọn núi phủ sương. Cô đang cực kì phiền não, và điều đó không cần phải giải thích: từng cơn rêu, từng vũng nước phủ băng, từng cơn muỗi vẫn tại quê hương đều đang rung động trong tâm trí cô, kêu gọi cô trở về. Cô cảm thấy e sợ cho chúng, nhưng cũng e sợ cho cả bản thân mình, vì cô đang phải thay đổi; cô đang điều tra những việc làm của con người, đây là một vấn đề của loài người; thần linh của Ngài Asriel không phải là của cô. Có phải cô đang biến thành con người không? Có phải cô đang để mất bản tính phù thủy của mình?

Nếu quả thật là vậy, cô không thể tiến hành một mình được.

“Về nhà thôi,” cô nói. “Chúng ta phải nói chuyện với các chị em của mình, Kaisa ạ. Các sự kiện này quá lớn đối với chỉ hai chúng ta.”

Vậy là họ lao qua những khối sương mù mờ đục về phía Hồ Enara, về nhà.

Trong những cái hang ẩn sâu trong rừng bên cạnh hồ, họ đã tìm thấy những người khác trong bộ tộc của mình, và cả Lee Scoresby nữa. Ông phi công rất vất vả để giữ cho khí cầu của mình ở trên cao sau vụ va chạm ở Svalbard, còn các phù thủy đã dẫn ông tới quê hương của họ, nơi ông bắt đầu sửa chữa những hư hại trên giỏ và túi khí cầu.

“Quý cô, rất vui được gặp lại cô,” ông nói. “Có tin tức gì của cô gái nhỏ không?”

“Không, ông Scoresby ạ. Ông sẽ tham gia cuộc họp hội đồng của chúng tôi tối nay và giúp chúng tôi thảo luận việc cần làm được chứ?”

Người đàn ông Texas chớp mắt vì kinh ngạc, từ trước tới nay chưa từng có một con người nào được tham dự vào hội đồng phù thủy.

“Quả là một vinh dự tốt bậc,” ông nói. “Tôi có thể sẽ có một vài gợi ý của riêng mình.”

Suốt cả ngày hôm đó, các phù thủy kéo đến như những bông tuyết đen trên đôi cánh của bão bùng, che lấp bầu trời với bộ đồ lụa phấp phới lao đi như tên bắn và tiếng gió vun vút len qua lớp lá kim trên những cành thông mây của họ. Qua màn sương, những người đàn ông đang săn bắn trong các khu rừng ẩm ướt hay câu cá giữa những tảng băng trôi đang tan nghe thấy tiếng thì thầm rộng khắp bầu trời. Nếu trời quang, họ sẽ thấy các phù thủy đang bay khi nhìn lên, như những mảnh nhỏ của bóng tối trôi dạt trên một con sóng triều bí mật.

Đến xế chiều, đám thông quanh hồ được thắp sáng từ bên dưới bởi cả trăm ngọn lửa, và đồng lửa lớn nhất được chất lên phía trước hang tập trung. Tại đó, sau khi đã ăn uống xong, các phù thủy tập hợp lại. Serafina Pekkala ngồi ở trung tâm, chiếc vương miện đan từ những bông hoa nhỏ màu đỏ tươi ôm lấy mái tóc mượt mà của cô. Ngồi bên trái cô là Lee Scoresby, còn bên phải là một vị khách: nữ hoàng của các phù thủy Latvia, mang tên Ruta Skadi.

Cô mới đến trước đó một giờ đồng hồ, trước sự ngạc nhiên của Serafina. Serafina đã cho rằng Phu nhân Coulter thật đẹp đối với một sinh vật có vòng đời ngắn ngủi; nhưng Ruta Skadi cũng yêu kiều không kém gì Phu nhân Coulter, với chiều sâu của sự bí ẩn và lạ thường. Cô đang thông thương với các linh hồn, điều đó được thể hiện rất rõ. Trông cô thật nồng nhiệt và đầy sức sống với đôi mắt to đen láy; người ta đồn rằng chính Ngài Asriel đã từng là người tình của cô. Tai cô đeo đôi khuyên bằng vàng nặng trĩu, còn trên mái tóc đen xoắn đội chiếc vương miện xỏ răng nanh của hổ tuyết. Linh thú Kaisa của Serafina đã biết được từ linh thú của Ruta Skadi rằng đích thân cô đã giết lũ hổ để trừng phạt bộ lạc Tartar đang thờ phụng chúng, vì những người dân bộ lạc đã không tỏ lòng tôn kính khi cô tới thăm lãnh thổ của họ. Không có các vị thần hổ của mình, bộ lạc suy sụp trong sợ hãi và u uất. Họ đã cầu xin cho mình được thờ phụng cô thay vào đó, nhưng lại bị cô khinh miệt khước từ; vì sự thờ cúng của họ sẽ đem lại lợi ích gì cho cô chứ, Ruta Skadi hỏi? Nó chẳng giúp ích gì cho lũ hổ cả. Đó chính là Ruta Skadi: xinh đẹp, kiêu hãnh và nhẫn tâm.

Serafina không rõ vì sao cô phù thủy này lại đến, nhưng vẫn chào đón cô, và nghi thức xã giao yêu cầu cô ngồi bên phải của Serafina. Khi tất cả đã tề tựu, Serafina bắt đầu diễn thuyết.

“Các chị em! Mọi người biết vì sao chúng ta tập hợp lại: chúng ta phải quyết định việc cần làm đối với những sự kiện mới này. Vũ trụ đang bị nứt toác, Ngài Asriel đã mở đường nối từ thế giới này sang một thế giới khác. Chúng ta có nên quan tâm đến việc này không, hay cứ sống cuộc sống của bản thân mình như vẫn làm cho tới tận bây giờ, chăm lo cho các vấn đề của chính mình? Rồi còn vấn đề của đứa trẻ mang tên Lyra Belacqua, hiện tại đang được Quốc vương Iorek Byrnison gọi là Lyra Silvertongue. Cô bé đã chọn đứng càn thông mây tại nhà Tiến sĩ Lanselius: đó chính là đứa trẻ chúng ta vẫn luôn mong chờ, nhưng giờ cô bé đã biến mất.

“Chúng ta có hai vị khách, họ sẽ chia sẻ suy nghĩ của mình. Đầu tiên chúng ta sẽ lắng nghe Nữ hoàng Ruta Skadi.”

Ruta Skadi đứng dậy. Đôi tay trắng ngần của cô khẽ lấp lánh trong ánh lửa, đôi mắt cô long lanh và rực rỡ đến mức phù thủy ngồi xa nhất cũng có thể thấy diễn biến cảm xúc trên gương mặt sống động đó.

“Các chị em,” cô lên tiếng, “hãy để tôi nói cho các vị biết chuyện gì đang xảy ra, và chúng ta sẽ phải chiến đấu với kẻ thù nào. Vì một cuộc chiến đang sắp diễn ra. Tôi không biết ai sẽ gia nhập với chúng ta, nhưng tôi biết chúng ta phải chiến đấu với ai. Đó là Huấn Quyền, là Giáo hội. Trong suốt lịch sử của mình - dù không lâu so với cuộc đời của chúng ta, nhưng với họ thì đã qua nhiều thế hệ - nó vẫn luôn tìm cách kìm chế và kiểm soát mọi sự thôi thúc tự nhiên. Còn khi không thể kiểm soát, nó sẽ cắt rời chúng ra. Một vài trong số các vị đã chứng kiến việc chúng làm ở Bolvangar. Chuyện đó thật khủng khiếp, nhưng đó không phải là nơi duy nhất, không phải là hoạt động duy nhất như vậy. Các chị em, các vị chỉ mới biết đến phía bắc: tôi đã chu du đến những vùng đất phương nam. Ở đó cũng có những giáo hội, tin tôi đi, tiến hành cắt trẻ con giống như việc những kẻ ở Bolvangar làm - không

cùng một phương pháp, nhưng độ khủng khiếp thì chẳng hề kém - chúng cắt bộ phận sinh dục của bọn trẻ, phải, cả trai lẫn gái - chúng cắt bằng dao sao cho bọn trẻ không cảm thấy gì. Đó là việc các nhà thờ đang làm, nhà thờ nào cũng vậy: kiểm soát, hủy diệt, xóa sổ tất cả những cảm xúc tốt đẹp. Vì vậy nếu chiến tranh nổ ra và Giáo hội ở một phía thì chúng ta phải ở phía còn lại, dù cho có phải gắn bó với những đồng minh kì lạ đến thế nào đi nữa.

“Tôi xin đề nghị các bộ tộc chúng ta liên kết với nhau và tiến về phía bắc để khám phá thế giới mới này, để xem chúng ta có thể phát hiện ra điều gì ở đó. Nếu đứa trẻ không thể được tìm thấy ở thế giới của chúng ta thì đó hẳn là vì nó đã đi theo Ngài Asriel. Ngài Asriel là chìa khóa của việc này, hãy tin tôi. Ông ấy từng có thời là người tình của tôi, tôi sẽ sẵn sàng hợp lực với ông ấy, vì ông ấy ghét Giáo hội và những gì nó đang tiến hành.

“Đó là điều tôi muốn nói.”

Ruta Skadi phát biểu hùng hồn, khiến Serafina ngưỡng mộ uy quyền và sắc đẹp của cô. Khi nữ hoàng Latvia đã ngồi xuống, Serafina quay sang Lee Scoresby.

“Ông Scoresby là một người bạn của đứa trẻ, và vì vậy cũng là bạn của chúng ta,” cô tuyên bố. “Ông có thể cho chúng tôi biết những suy nghĩ của mình không?”

Người đàn ông Texas đứng dậy, cúi chào nhã nhặn. Trông ông như thể không nhận thức được sự kì lạ của cơ hội này, nhưng thật ra là có. Con linh thú thỏ rừng Hester của ông thu mình bên cạnh chủ, đôi tai ép dọc xuống lưng, đôi mắt vàng nhắm hờ.

“Thưa các quý cô,” ông nói, “đầu tiên tôi phải nói lời cảm ơn đến tất cả các vị vì sự tử tế các vị dành cho tôi, và sự giúp đỡ tới một phi công lái khí cầu bị gió từ thế giới khác quật tới tả. Tôi sẽ không lạm dụng sự kiên nhẫn của các vị lâu.

“Khi tôi đang lên phía bắc tới Bolvangar cùng với đoàn người du mục, cô bé Lyra đã kể cho tôi nghe về chuyện xảy ra tại học viện mà cô

bé từng sống hồi ở Oxford. Ngài Asriel đã cho các học giả khác xem cái đầu đứt lìa của một người đàn ông có tên gọi Stanislaus Grumman, và việc đó phần nào đã thuyết phục họ cấp tiền cho ông tới phía bắc để tìm hiểu sự tình.

“Đứa bé rất chắc chắn về thứ mình đã thấy nên tôi không muốn dò hỏi nó quá mức. Nhưng điều cô bé nói khiến một kí ức ủa về, chỉ có điều là tôi không thể nắm bắt được nó một cách rõ ràng. Tôi biết gì đó về ông Tiến sĩ Grumman này. Chỉ đến lúc đang bay đến đây từ Svalbard tôi mới nhớ ra nó là gì. Một thợ săn già tới từ Tungusk đã nói với tôi. Có vẻ như Grumman biết chỗ cất giấu một loại đồ vật có thể bảo vệ cho bất cứ ai nắm giữ nó. Tôi không có ý coi thường ma thuật mà phù thủy các vị có thể điều khiển, nhưng cái thứ này, dù nó có là gì đi nữa, cũng mang một thứ quyền năng vượt trội hơn hẳn so với bất cứ thứ gì tôi từng biết đến.

“Tôi nghĩ mình có thể sẽ hoãn lại việc về Texas nghỉ hưu vì tôi lo lắng cho đứa bé và muốn tìm kiếm Tiến sĩ Grumman. Các vị thấy đấy, tôi không nghĩ rằng ông ấy đã chết. Tôi cho rằng Ngài Asriel đã lừa dối các học giả kia.

“Vì vậy tôi sẽ đi đến Nova Zembla, nơi cuối cùng tôi nghe tin ông ấy còn sống, và tôi sẽ tìm kiếm ông ấy. Tôi không thể thấy được tương lai, nhưng tôi có thể nhìn rõ hiện tại. Tôi ở phe các vị trong cuộc chiến này, dù không chắc súng đạn của tôi có hữu ích hay không. Nhưng đó là nhiệm vụ tôi sẽ đảm nhận, các quý cô ạ,” ông kết luận rồi quay lại phía Serafina Pekkala: “Tôi sẽ đi tìm Stanislaus Grumman và tìm hiểu xem ông ấy biết những gì. Nếu có thể tìm được vật mà ông ấy biết đến, tôi sẽ mang nó đến cho Lyra.”

Serafina nói: “Ông đã kết hôn chưa, ông Scoresby? Ông có đứa con nào không?”

“Không, quý cô ạ, tôi không có con, mặc dù tôi cũng rất muốn làm cha. Nhưng tôi hiểu câu hỏi của cô, và cô nói đúng: cô gái nhỏ đó

không gặp may với cha mẹ ruột của mình, có lẽ tôi có thể bù đắp được cho nó. Ai đó sẽ phải làm điều này, mà tôi thì rất sẵn lòng.”

“Cảm ơn ông, ông Scoresby,” cô nói.

Serafina gỡ vương miện xuống rồi ngắt ra từ đó một trong những bông hoa nhỏ màu đỏ tươi, chúng vẫn giữ được màu sắc tươi tắn như thể vừa mới được hái trong lúc cô đeo.

“Hãy mang cái này đi với ông,” cô nói, “bất cứ khi nào cần sự trợ giúp của tôi, hãy giữ nó trong tay và gọi tên tôi. Tôi sẽ nghe được tiếng ông dù cho ông có ở bất cứ đâu đi nữa.”

“Chao ôi, cảm ơn cô,” ông ngạc nhiên nói. Ông nhận lấy bông hoa nhỏ rồi cẩn thận cho nó vào túi áo ngực.

“Chúng tôi sẽ gọi gió để giúp ông tới được Nova Zembla,” Serafina Pekkala nói với ông. “Nào, các chị em, có ai muốn phát biểu không?”

Hội đồng giờ mới thực sự bắt đầu. Các phù thủy khá dân chủ; mỗi phù thủy dù là trẻ nhất cũng được phép lên tiếng, nhưng chỉ riêng nữ hoàng của họ là có quyền năng quyết định. Cuộc thảo luận kéo dài suốt đêm, với nhiều ý kiến tha thiết muốn khởi chiến ngay lập tức, vài người khác đề xuất nên thận trọng, và một số ít, dù là những phù thủy thông thái nhất, lại gợi ý một nhiệm vụ cho tất cả các bộ tộc phù thủy khác để thôi thúc họ lần đầu tiên trong lịch sử liên kết lại với nhau.

Ruta Skadi đồng thuận với ý kiến này, và Serafina lập tức cử các sứ giả đi. Về việc họ nên làm ngay bây giờ thì Serafina chọn ra hai mươi chiến binh thiện chiến nhất rồi ra lệnh cho họ chuẩn bị bay về phía bắc cùng mình, tới thế giới mới mà Ngài Asriel đã mở ra, để tìm kiếm Lyra.

“Còn cô, Nữ hoàng Ruta Skadi?” Cuối cùng Serafina nói. “Kế hoạch của cô là gì?”

“Tôi sẽ đi tìm Ngài Asriel và nghe chính ông ấy nói về việc mình đang làm. Có vẻ như ông ấy cũng đã đi về phía bắc. Tôi có thể đi cùng

chặng đầu tiên của cuộc hành trình với các bạn được không, người chị em của tôi?”

“Được thôi, xin chào mừng cô,” Serafina nói, vui mừng vì có bạn đồng hành.

Họ đồng ý mọi sự như vậy.

Nhưng ngay sau khi hội đồng vừa giải tán, một phù thủy già đến bên Serafina Pekkala và nói: “Cô nên lắng nghe điều Jutta Kamainen nói, thưa Nữ hoàng. Nó dù ương ngạnh, nhưng chuyện này có thể rất hệ trọng.”

Cô phù thủy nhỏ tuổi Jutta Kamainen - nhỏ so với tiêu chuẩn của phù thủy; cô mới vừa qua ngưỡng một trăm tuổi một chút - là một người bướng bỉnh và hay thẹn. Con linh thú chim cổ đỏ của cô đang bồn chồn không yên, nó bay từ vai xuống tay cô rồi lượn vòng thật cao phía trên trước khi lại thoáng đậu xuống vai cô. Đôi má cô phù thủy này thật đầy đặn và ửng hồng; cô có tính cách nồng nhiệt và tràn trề sinh lực. Serafina không biết rõ lắm về cô.

“Nữ hoàng,” cô phù thủy trẻ lên tiếng do không thể giữ im lặng dưới ánh nhìn của Serafina, “tôi biết người đàn ông tên Stanislaus Grumman. Tôi đã từng phải lòng ông ta. Nhưng giờ thì tôi ghét cay ghét đắng ông ta, đến mức nếu gặp tôi sẽ giết ông ta. Tôi đã không định nói gì rồi, nhưng chị gái tôi bắt phải kể với Nữ hoàng.”

Cô gái cảm phần liếc sang bà phù thủy già, người đang nhìn lại cô đầy thương cảm: bà quá hiểu tình yêu là thế nào.

“Chà,” Serafina nói, “nếu vẫn còn sống, ông ta sẽ phải sống cho đến khi ông Scoresby tìm được. Cô nên đi cùng chúng tôi tới thế giới mới, như vậy sẽ không phải lo cô sẽ giết mất ông ta. Quên ông ta đi, Jutta Kamainen. Tình yêu khiến chúng ta chịu đau khổ. Nhưng nhiệm vụ này vĩ đại hơn là trả thù. Hãy nhớ lấy.”

“Vâng, thưa Nữ hoàng,” cô phù thủy trẻ khiêm tốn trả lời.

Vậy là Serafina cùng với hai mươi một người đồng hành và Nữ hoàng Rata Skadi xứ Latvia chuẩn bị lên đường vào thế giới mới, nơi

chưa từng có một phù thủy nào bay lượn.

3

Thế giới của trẻ con

Lyra dậy sớm. Cô bé đã có một giấc mơ tồi tệ: cô được nhận cái bình hút chân không mà mình từng thấy Ngài Asriel cho Hiệu trưởng và các Học giả của Học viện Jordan xem.

Khi chuyện đó thực sự xảy ra, Lyra đang trốn trong tủ quần áo, cô đã quan sát Ngài Asriel mở cái bình để cho các Học giả xem cái đầu đứt lìa của Stanislaus Grumman, nhà thám hiểm bị mất tích; nhưng trong giấc mơ của mình, Lyra phải tự mở cái bình ra, mà cô bé không muốn làm vậy. Thật ra cô đã rất hoảng sợ, nhưng cô phải làm việc đó dù có muốn hay không. Cô bé cảm thấy đôi tay mình yếu đi vì kinh hãi khi mở nắp ra, và nghe thấy tiếng không khí ủa vào khoảng không đóng băng. Rồi cô nhấc cái nắp lên, suýt nghẹt thở vì sợ, nhưng ý thức được rằng cô phải làm, cô phải làm việc này. Nhưng chẳng có gì bên trong cả. Cái đầu đã biến mất. Chẳng có gì phải sợ hãi cả.

Mặc dù vậy cô vẫn bật tỉnh, gào thét và đổ mồ hôi đầm đìa, trong căn phòng ngủ nhỏ nóng nực nhìn ra cảng biển, với ánh trăng tuôn chảy qua ô cửa sổ. Cô bé đang nằm trên giường của một ai đó, ôm gối của người nào đấy, bên chú chồn ermine Pantalaimon đang rúc vào mình và thở đều đều dễ chịu. Ôi, thật đáng sợ làm sao! Mà chuyện này thật kì lạ, trong thực tại cô đã rất háo hức được thấy đầu của Stanislaus Grumman, còn năn nỉ Ngài Asriel mở cái bình ra một lần nữa để cô được nhìn, vậy mà trong giấc mơ cô lại kinh hãi đến vậy.

Khi trời sáng, cô hỏi chiếc Chân Kế về ý nghĩa của giấc mơ, nhưng tất cả những gì nó nói là *Đó là giấc mơ về một cái đầu*.

Cô bé nghĩ đến việc đánh thức cậu bé lạ kia, nhưng cậu đang ngủ ngon lành nên cô quyết định không làm vậy. Thay vào đó, cô xuống dưới bếp và thử làm trứng tráng. Hai mươi phút sau, cô ngồi xuống chiếc bàn trên vỉa hè và ăn cái thứ cháy đen, lạo xạo một cách đầy tự hào trong lúc con chim sẻ Pantalaimon mổ mổ những mẩu vỏ trứng.

Lyra nghe thấy tiếng động phía sau lưng, rồi Will xuất hiện với đôi mắt nặng trĩu vì ngủ.

“Tớ có thể làm trứng tráng này,” cô nói. “Nếu cậu muốn tớ sẽ làm cho cậu một ít.”

Cậu bé nhìn đĩa của cô và nói: “Thôi, tớ sẽ ăn ngũ cốc. Trong tủ lạnh vẫn còn sữa chưa hỏng. Họ chắc mới chỉ rời khỏi đây thôi, những người sống ở đây ấy.”

Cô nhìn cậu bé rắc bỏng ngũ cốc vào một cái bát rồi đổ sữa lên chúng: lại một thứ cô chưa nhìn thấy bao giờ.

Cậu mang cái bát ra ngoài và nói: “Nếu cậu không đến từ thế giới này thì thế giới của cậu ở đâu? Làm thế nào cậu đến được đây?”

“Qua một cây cầu. Cha tớ đã dựng nên cây cầu này, rồi... tớ đi qua theo ông ấy. Nhưng ông ấy đã đi đâu mất mà tớ không biết. Tớ cũng chẳng bận tâm lắm. Nhưng trong lúc đi sang, ở đó dày đặc sương mù nên tớ đã bị lạc, có lẽ vậy. Tớ đã đi quanh quẩn trong đám sương nhiều ngày trời mà chỉ ăn quả mọng và vài thứ tìm được. Rồi một ngày sương tan và chúng tớ đang đứng trên vách núi ở đó...”

Cô bé chỉ về phía sau lưng mình. Will nhìn dọc theo bãi biển, qua ngọn hải đăng, và thấy bờ biển dâng cao lên thành một dãy những vách đá đang dần chìm vào nền trời xa xăm.

“Rồi chúng tớ thấy thị trấn này và đi xuống, nhưng chẳng có ai ở đây cả. Ít nhất thì cũng có đồ để ăn và giường để ngủ. Chúng tớ không biết tiếp theo nên làm gì.”

“Cậu có chắc đây không phải một phần nào đó của thế giới mình không?”

“Đương nhiên. Đây không phải thế giới của tớ, tớ biết chắc chắn đấy.”

Will nhớ lại cảm giác chắc chắn tuyệt đối mà mình có khi nhìn vào mảng cỏ qua ô cửa trên không trung, rằng nó không thuộc về thế giới của cậu, và cậu gật đầu.

“Vậy là có ít nhất ba thế giới nối thông với nhau,” cậu bé nhận xét.

“Có hàng triệu hàng triệu cái ấy chứ,” Lyra nói. “Một con linh thú nọ đã nói cho tớ biết. Nó là linh thú của phù thủy. Không ai có thể đếm được có bao nhiêu thế giới, tất cả đều ở trong một không gian, nhưng không ai có thể đi từ thế giới này sang thế giới kia trước khi cha tớ dựng nên cây cầu.”

“Vậy còn cái cửa sổ mà tớ đã tìm thấy thì sao?”

“Cái đó thì tớ không biết. Có khi tất cả các thế giới đang bắt đầu dịch chuyển vào nhau.”

“Vậy còn lí do cậu đi tìm bụi?”

Cô bé lạnh lùng nhìn cậu. “Một lúc nào đó tớ có thể sẽ kể cho cậu,” cô đáp.

“Được rồi. Nhưng cậu định tìm nó như thế nào?”

“Tớ sẽ tìm một học giả biết về nó.”

“Hả, học giả nào cũng được à?”

“Không. Một nhà thần học thực nghiệm cơ,” cô nói. “Ở Oxford của tớ, họ là những người biết về nó. Nên theo logic thì ở Oxford của cậu cũng vậy. Tớ sẽ tới Học viện Jordan trước, vì Jordan là học viện tốt nhất.”

“Tớ chưa từng nghe tới thần học thực nghiệm,” cậu nói.

“Họ biết tất cả về các hạt và lực cơ bản,” cô giải thích. “Cả hiện tượng mạch từ, những thứ kiểu như vậy. Năng lượng nguyên tử nữa.”

“Hiện tượng cái gì từ cơ?”

“Mạch từ. Giống như mạch ấy. Mấy cái đèn kia,” cô chỉ lên ngọn đèn đường trang trí, “chúng là đèn mạch.”

“Chúng tớ thì gọi là đèn điện.”

“Điện à... Nghe giống điện thạch nhũ. Đó là một loại đá, một thứ đồ trang sức làm từ nhựa cây. Thạch thoảng có cả côn trùng trong đó nữa.”

“Ý cậu là hồ phách,” cậu bé nói, rồi cả hai cùng đồng thanh: “Phách... mạch...”

Cả hai đứa đều nhìn thấy biểu cảm của chính mình trên gương mặt của người còn lại. Mãi về sau Will vẫn còn ghi nhớ khoảnh khắc đó.

“Vậy là điện từ à,” cậu nói tiếp trong lúc nhìn đi chỗ khác. “Nghe giống như thứ chúng tớ gọi là vật lí học thì các cậu lại gọi là thần học thực nghiệm. Cậu sẽ cần các nhà khoa học chứ không phải nhà thần học đâu.”

“À thì,” cô bé thận trọng nói. “Tớ sẽ đi tìm họ.”

Hai đứa trẻ ngồi trong buổi sáng thoảng đặng, mặt trời bình lặng tỏa sáng lấp lánh trên bến cảng. Có lẽ sau đó mỗi đứa trong chúng đều sẽ lên tiếng vì cả hai đều đang nhức nhối muốn được hỏi; nhưng đúng lúc đó chúng nghe thấy một tiếng nói vọng lại từ xa dọc theo con đường đi dạo bên cảng, về phía những khu vườn của khu sông bạc.

Cả hai liền giật mình quay về hướng đó. Đó là giọng một đứa trẻ, nhưng chẳng có ai ở đó cả.

Will khẽ nói với Lyra: “Cậu nói cậu đã ở đây bao lâu rồi ấy nhỉ?”

“Ba ngày, bốn, tớ không đếm nổi nữa. Tớ chưa từng thấy ai cả. Chẳng có ai ở đây hết. Tớ đã kiểm tra gần như mọi chỗ rồi.”

Nhưng hóa ra lại có. Hai đứa trẻ, một đứa con gái tầm tuổi Lyra và đứa còn lại là một bé trai nhỏ tuổi hơn, bước ra từ một trong những con phố dẫn tới cảng. Chúng mang theo những cái giỏ, cả hai đứa đều có mái tóc đỏ. Chúng đến cách khoảng một trăm mét thì nhìn thấy Will và Lyra đang ngồi bên bàn quán cà phê.

Pantalaimon biến từ chim sẻ vàng sang dạng chuột rồi chạy lên cánh tay Lyra để trốn vào túi áo cô. Nó nhận thấy rằng những đứa trẻ mới đến này cũng giống như Will: không ai trong số chúng có linh thú hữu hình.

Hai đứa trẻ lại gần rồi ngồi xuống cái bàn cạnh đó.

“Các cậu đến từ Ci’gazze à?” Đứa con gái hỏi.

Will lắc đầu.

“Từ Sant’Elia?”

“Không,” Lyra nói. “Chúng tớ đến từ nơi khác.”

Đứa con gái gật đầu. Đó là một câu trả lời hợp lí.

“Có chuyện gì vậy?” Will hỏi. “Người lớn đâu hết rồi?”

Đứa con gái nheo mắt lại. “Bọn Quỷ hút hồn không đến thành phố của cậu à?” Nó hỏi.

“Không,” Will đáp. “Chúng tớ mới đến đây. Chúng tớ không biết gì về Quỷ hút hồn hết. Thành phố đó tên là cái gì cơ?”

“Ci’gazze,” đứa con gái ngờ vực trả lời. “Được rồi, là Cittàgazze.”

“Cittàgazze,” Lyra nhắc lại. “Ci’gazze. Tại sao người lớn lại phải bỏ đi vậy?”

“Vì lũ Quỷ hút hồn,” con bé ngán ngẩm đáp. “Tên các cậu là gì?”

“Lyra. Cậu ấy là Will. Còn các cậu?”

“Angelica. Em trai tớ là Paolo.”

“Các cậu từ đâu tới?”

“Trên những quả đồi. Một đợt sương mù và bão lớn kéo đến khiến mọi người hoảng sợ, nên tất cả chúng tớ đều bỏ chạy lên đồi. Sau đó khi sương mù tan, những người lớn có thể thấy qua kính viễn vọng rằng thành phố đang đầy kín lũ Quỷ hút hồn, nên họ không thể trở về. Nhưng trẻ con chúng tớ không hề sợ Quỷ hút hồn. Những đứa khác cũng đang đến. Họ sẽ tới đây sau, chúng tớ đến đầu tiên.”

“Chúng tớ và Tullio,” Paolo bé nhỏ tự hào nói.

“Tullio là ai cơ?”

Điều đó khiến Angelica cúi: đáng ra Paolo không nên nhắc tới anh ta; nhưng giờ thì lộ bí mật mất rồi.

“Anh lớn của chúng tớ,” con bé đáp. “Anh ấy không đi cùng chúng tớ. Anh ấy đang trốn chùng nào còn có thể... Anh ấy chỉ đang trốn thôi.”

“Anh ấy sẽ lấy...” Paolo lên tiếng nhưng liền bị Angelica đánh cho một phát thật mạnh. Nó lập tức ngậm miệng, đôi môi run rẩy mím chặt lại với nhau.

“Các cậu đã nói gì về thành phố cơ?” Will hỏi. “Nó đầy Quỷ hút hồn sao?”

“Phải, Ci’gazze, Sant’Elia, tất cả các thành phố, lũ Quỷ hút hồn đi tới nơi nào có người. Các cậu từ đâu tới?”

“Winchester,” Will đáp.

“Chưa nghe thấy bao giờ. Ở đó không có Quỷ hút hồn à?”

“Không. Ở đây tớ cũng đâu thấy có con nào.”

“Đương nhiên là không rồi!” Angelica kêu lên. “Cậu chưa trưởng thành mà! Khi nào lớn lên chúng ta mới nhìn thấy Quỷ hút hồn.”

“Em không sợ Quỷ hút hồn, đảm bảo luôn,” cậu nhóc nói, chìa cái cằm bần thiêu của mình ra. “Xử hết lũ đáng ghét đó đi.”

“Người lớn sẽ không về nữa à?” Lyra hỏi.

“Có chứ, vài ngày nữa,” Angelica đáp. “Khi đám Quỷ hút hồn đi chỗ khác. Chúng tớ rất thích khi lũ Quỷ này đến, vì chúng tớ có thể chạy quanh thành phố, làm những gì mình thích, thật đấy.”

“Nhưng người lớn nghĩ đám Quỷ hút hồn sẽ làm gì họ?” Will hỏi.

“À, lúc Quỷ hút hồn bắt được người lớn thì nhìn kinh lắm. Chúng sẽ lập tức nuốt gọn sinh lực của người đó ngay tại đấy luôn, thật đấy. Chắc chắn là tớ không muốn lớn lên rồi. Đầu tiên họ biết được rằng chuyện đó đang xảy ra, rồi họ sợ hãi, khóc lóc, họ cố gắng nhìn tránh đi và giả bộ như nó không hề xảy ra, nhưng đã quá muộn. Hơn nữa, sẽ

chẳng có ai dám lại gần họ, họ hoàn toàn đơn độc. Sau đó da họ bắt đầu nhợt nhạt và họ ngừng cử động. Họ vẫn sống, nhưng kiểu như đã bị ăn rỗng từ bên trong vậy. Khi nhìn vào mắt họ, người ta sẽ nhìn xuyên tới phía sau đầu luôn. Chẳng có gì ở đó cả.”

Con bé quay sang cậu em rồi dùng tay áo của thằng bé lau mũi cho nó.

“Tớ và Paolo định đi kiếm kem,” nó nói. “Các cậu có muốn đi cùng không?”

“Thôi,” Will đáp, “bọn tớ có việc khác cần làm rồi.”

“Vậy thì chào nhé,” nó nói, rồi đến Paolo: “Xử bọn Quỷ hút hồn đi!”

“Tạm biệt,” Lyra nói.

Ngay khi Angelica và cậu nhóc vừa biến mất, Pantalaimon liến ló ra khỏi túi áo Lyra, cái đầu chuột của nó xù lên còn đôi mắt sáng rực.

Nó nói với Will: “Họ không biết về cái cửa sổ mà cậu tìm thấy.”

Đó là lần đầu tiên Will nghe thấy Pantalaimon nói, điều đó khiến cậu giật mình hơn tất cả những thứ từng chứng kiến. Lyra phá lên cười trước vẻ kinh ngạc của cậu.

“Nó - nó nói được - linh thú nào cũng nói được cả à?” Will hỏi.

“Đương nhiên rồi!” Lyra đáp. “Cậu nghĩ cậu ấy chỉ là một con *thú cưng thôi* sao?”

Will xoa xoa tóc và chớp mắt. Rồi cậu lắc đầu. “Không,” cậu nói với Pantalaimon. “Cậu nói đúng, tớ nghĩ vậy. Họ không biết về nó.”

“Vậy chúng ta nên cẩn thận với cách mình đi qua,” Pantalaimon nói.

Nói chuyện với chuột cũng kì lạ thật đấy, nhưng chỉ một lúc thôi. Sau đó nó cũng không kì lạ hơn mấy so với việc nói vào ống điện thoại, vì thực ra người cậu đang nói chuyện cùng là Lyra. Nhưng con chuột lại tách rời khỏi cô bé; trong biểu hiện của nó có phần nào đó của Lyra, nhưng lại là một phần rất khác. Thật khó có thể suy tính cặn kẽ được

khi có quá nhiều điều lạ lùng cùng xảy ra một lúc. Will cố gắng khớp nối các suy nghĩ lại với nhau.

“Cậu cần phải kiểm ít quần áo đã,” cậu nói với Lyra, “trước khi vào Oxford của tớ.”

“Vì sao?” Cô bướng bỉnh hỏi.

“Vì cậu không thể đi bắt chuyện với người ở thế giới tớ trong cái bộ dạng như thế được, người ta sẽ không để cậu đến gần đâu. Cậu phải trông như người ở thế giới đó chứ. Cậu phải ngụy trang. Nghe này, tớ *biết* rõ việc này. Tớ đã làm thế hàng năm trời rồi. Cậu nên lắng nghe tớ nếu không muốn bị tóm. Nhỡ mà họ tìm ra nơi cậu xuất thân, về cái cửa sổ và mọi thứ... Nói chung, thế giới này là một nơi ẩn náu khá tốt. Nghe này, tớ... tớ phải trốn một vài người. Đây là chỗ trốn lí tưởng nhất mà tớ có thể mơ tới, và tớ không muốn nó bị phát hiện. Vì vậy tớ không muốn cậu làm lộ nơi này bằng vẻ ngoài chẳng giống ai hay trông như thể cậu không thuộc về nơi đó. Tớ cũng có việc cần làm ở Oxford nên cậu mà dám để lộ, tớ sẽ giết cậu.”

Lyra nuốt nước miếng. Chiếc Chân Kế không bao giờ nói dối: cậu chàng này chính là một kẻ giết người, và nếu đã từng giết người, cậu ta cũng có thể giết cả cô nữa. Cô bé nghiêm túc gật đầu, hoàn toàn thật lòng.

“Được rồi,” cô nói.

Pantalaimon đã biến thành vượn cáo, và đang nhìn cậu bé chòng chọc với đôi mắt mở to đầy lúng túng. Will lờm lại nó, khiến con lính thú liền hóa lại thành chuột rồi bò vào túi áo cô chủ.

“Tốt,” cậu bé nói. “Giờ thì trong lúc còn ở đây, chúng ta sẽ giả bộ với những đứa trẻ kia là mình vừa mới tới từ một nơi nào đó thuộc thế giới của họ. Cũng may là không có người lớn nào ở đây. Chúng ta có thể cứ đến và đi mà không bị ai để ý tới. Nhưng ở thế giới của tớ thì cậu sẽ phải nghe lời tớ nói. Điều đầu tiên là cậu nên đi tắm rửa đi. Cậu cần phải trông sạch sẽ nếu không sẽ gây chú ý mất. Chúng ta cần ngụy trang ở mọi nơi mình đến. Phải tỏ ra mình thuộc về nơi đó một cách

thật tự nhiên để không ai bận tâm đến chúng ta cả. Nên đầu tiên là hãy đi gọi đầu đi. Trong phòng tắm có đầu gọi đó. Sau đó chúng ta sẽ đi kiểm vài bộ đồ khác nhau.”

“Tớ không biết cách,” cô bé nói. “Tớ chưa bao giờ tự gọi đầu cả. Ở Jordan thì cô bảo mẫu lo việc này, còn sau đó tớ cũng chẳng bao giờ cần phải làm cả.”

“Chắc, cậu phải tự tìm cách thôi,” cậu bé nói. “Tắm cả người đi đấy. Mọi người ở thế giới của tớ ai cũng sạch sẽ cả.”

“Hừmm,” Lyra lăm bầm rồi leo lên tầng. Một khuôn mặt chuột hung tợn lườm cậu qua vai cô bé, nhưng cậu chỉ lạnh lùng nhìn đáp lại.

Một phần trong cậu muốn đi thơ thẩn khám phá thành phố trong buổi sáng tĩnh lặng ngập tràn nắng này, phần khác thì run rẩy vì lo lắng cho mẹ mình, còn phần nữa lại vẫn đang dờ dẩn vì choáng váng trước cái chết mình đã gây ra. Và treo lơ lửng trên tất cả là nhiệm vụ mà cậu cần phải hoàn thành. Nhưng tốt hơn hết là cứ nên bận rộn, vì vậy trong lúc chờ Lyra, cậu bé kì cọ mặt bếp, lau sàn, rồi đổ sạch rác vào cái thùng mà cậu tìm thấy trong con hẻm bên ngoài.

Rồi cậu lấy cái kẹp tài liệu da màu xanh từ trong túi mua sắm ra và nhìn nó đầy khao khát. Ngay sau khi chỉ cho Lyra cách đi qua ô cửa sổ vào Oxford của mình, cậu sẽ quay trở lại kiểm tra nội dung bên trong; nhưng trong lúc đó, cậu nhét nó dưới đệm giường mình. Ở thế giới này, nó sẽ được an toàn.

Khi Lyra đi xuống, sạch sẽ nhưng ướt rượt, chúng đi kiểm quần áo cho cô bé. Hai đứa tìm thấy một cửa hàng bách hóa, cũng tồi tàn như mọi nơi khác. Trong mắt Will thì quần áo ở đây khá lỗi mốt rồi, nhưng chúng vẫn tìm được cho Lyra một cái váy kẻ caro và chiếc áo không tay màu xanh lá có túi cho Pantalaimon trú. Cô không chịu mặc quần bò, thậm chí còn không chịu tin Will khi cậu nói rằng hầu như đứa con gái nào cũng mặc.

“Đó là quần dài mà,” cô nói. “Tớ là con gái. Đừng có ngớ ngẩn.”

Cậu bé nhún vai; cái váy kẻ caro trông không có gì nổi bật, và đó là điểm mấu chốt. Trước khi rời khỏi cửa hàng, Will thả vài đồng xu vào ngăn kéo đựng tiền phía sau quầy thu ngân.

“Cậu làm gì vậy?” Cô bé hỏi.

“Trả tiền. Cậu phải trả khi mua đồ. Ở thế giới của cậu người ta không trả tiền mua đồ à?”

“Ở thế giới này người ta có trả đâu! Tớ dám cá là mấy đứa kia không hề trả tiền cho bất cứ thứ gì hết.”

“Họ có thể không, nhưng tớ thì có.”

“Cậu mà bắt đầu cư xử như người lớn là đám Quỷ hút hồn sẽ đến bắt đi đấy,” cô nói, nhưng không biết liệu mình đã có thể trêu chọc cậu ta chưa, hay là nên e sợ cậu.

Trong ánh sáng ban ngày, Will có thể thấy những tòa nhà trong trung tâm thành phố trông cổ kính đến thế nào, một vài trong số đó đã gần như hoang phế. Ô trâu ô gà trên đường chưa được sửa; kính cửa sổ bị vỡ, vữa trát thì bong tróc. Vậy nhưng nơi này đã từng có thời lộng lẫy và cao sang: qua các cổng vòm chạm trổ, chúng có thể thấy những khoảnh sân rộng ngập tràn cây cỏ, những tòa nhà đồ sộ trông như cung điện, nhưng bất chấp những điều đó, các bậc thang đã nứt nẻ còn bản lề cửa thì rời ra khỏi tường. Cảnh vật ở đây trông như thể thay vì đập một tòa nhà đi và xây mới lại, cư dân của Ci'gazze lại thích chấp vá vô hạn định.

Đến lúc nọ, hai đứa trẻ tới một tòa tháp đứng độc lập trong một quảng trường nhỏ. Đó là tòa nhà cũ kĩ nhất mà chúng từng thấy: một tòa tháp đơn giản có tường đục lỗ châu mai cao bốn tầng. Có thứ gì đó khơi gợi trí tò mò trong sự tĩnh tại của nó dưới ánh nắng rực rỡ, cả Will và Lyra đều bị hấp dẫn bởi cánh cửa mở hé trên cùng của những bậc thang rộng; nhưng chúng không nhắc đến việc đó và tiếp tục tiến bước, dù có phần miễn cưỡng.

Khi tới đại lộ lớn trông cọ dọc đường, cậu bé bảo cô đi tìm một quán cà phê nhỏ ở góc phố, với những chiếc bàn kim loại sơn xanh trên

via hè phía bên ngoài. Cô bé tìm thấy nó chỉ trong vòng một phút. Trong ánh sáng ban ngày trông nó nhỏ và tồi tàn hơn, nhưng vẫn là chỗ đó, với quầy bar tráng kẽm, chiếc máy pha espresso, đĩa risotto ăn dở giờ đang bắt đầu bốc mùi khó chịu trong không khí ẩm.

“Nó ở trong này à?” Cô hỏi.

“Không. Nó ở giữa đường cơ. Phải chắc chắn là không có cửa nhóc nào khác xung quanh...”

Nhưng ở đó chỉ có mình chúng. Will đưa cô tới dải phân cách giữa đường dưới bóng những cây cọ rồi nhìn quanh để định hướng.

“Tớ nghĩ nó ở khoảng chỗ này thôi,” cậu nói. “Khi bước qua, tớ gần như có thể thấy ngọn đồi lớn phía sau lưng căn nhà màu trắng trên kia, còn khi nhìn phía này sẽ thấy quán cà phê đằng kia, và...”

“Trông nó như thế nào? Tớ chẳng thấy gì cả.”

“Cậu sẽ không nhìn nhầm được đâu. Trông nó không giống bất cứ thứ gì cậu từng thấy.”

Cậu bé nhìn lên nhìn xuống. Nó biến mất rồi sao? Hay bị đóng mất rồi? Cậu chẳng thể thấy nó đâu cả.

Rồi đột nhiên cậu hiểu ra. Cậu đi tới đi lui, tìm kiếm cái gờ nổi lên. Cũng giống như khi cậu tìm thấy nó vào đêm hôm trước ở bên phía Oxford, nó chỉ có thể được nhìn thấy ở một phía: nếu đi ra phía sau, nó sẽ trở nên vô hình. Và mặt trời chiếu lên thảm cỏ phía bên kia ô trống cũng y hệt như mặt trời ở bên này, nhưng lại khác biệt một cách không thể lí giải nổi.

“Đây rồi,” cậu reo lên khi đã biết chắc chắn.

“A! Tớ thấy nó rồi!”

Lyra đang rất sốt ruột: trông cô cũng sừng sốt chẳng kém gì Will khi cậu nghe thấy Pantalaimon nói. Linh thú của cô, không thể ở yên trong túi áo, bèn chui ra trong dạng ong bắp cày. Nó vo ve bay đến cái lỗ rồi trở lại vài lần, trong lúc cô vờ vờ mái tóc còn hơi ướt thành từng lọn.

“Đứng sang một bên đi,” cậu nói với cô. “Nếu cậu đứng trước mặt nó, người ta sẽ chỉ thấy một đôi chân, và điều đó sẽ *khiến* họ tò mò. Tôi không muốn bất cứ ai nhận ra nó.”

“Tiếng ồn gì vậy?”

“Tiếng xe cộ đấy. Đó là một phần của đường vành đai Oxford. Lúc nào nó cũng rất tắc nghẽn. Cúi xuống mà nhìn nó từ bên hông đi. Bây giờ quả thật không phải thời điểm thuận lợi để đi qua, có quá nhiều người ở khắp nơi. Nhưng nếu đi qua vào giữa đêm thì lại khó tìm được chỗ để tới. Ít nhất thì khi đã đi qua, chúng ta có thể dễ dàng hòa vào dòng người. Cậu qua trước đi. Cứ lao qua thật nhanh rồi đứng tránh ra khỏi ô cửa.”

Cô bé có một cái balô nhỏ màu xanh dương mà cô vẫn đeo từ khi hai đứa rời khỏi quán cà phê, cô gỡ nó xuống khỏi người rồi ôm trong tay trước khi cúi xuống để nhìn qua.

“Ôi...” Cô há hốc mồm. “Đó là thế giới của cậu à? Trông chẳng giống phần nào của Oxford cả. Cậu có chắc mình đã ở Oxford không?”

“Đương nhiên là chắc rồi. Khi nào đi qua, cậu sẽ thấy một con đường ngay trước mặt. Đi sang bên trái, thêm một đoạn nữa thì rẽ vào con đường đâm xuống phía bên phải. Nó dẫn tới trung tâm thành phố. Nhớ đảm bảo cậu có thể nhìn thấy vị trí của ô cửa sổ này và ghi nhớ, được chứ? Đó là đường về duy nhất đấy.”

“Được rồi,” cô đáp. “Tôi sẽ không quên đâu.”

Ôm cái balô trong tay, cô chui qua ô cửa sổ trong không khí rồi biến mất. Will cúi xuống nhìn xem cô đi hướng nào.

Kia rồi, cô bé đang đứng trên thảm cỏ xứ Oxford của cậu cùng với Pan vẫn trong dạng ong bắp cày đang đậu trên vai. Theo như cậu thấy thì không ai nhìn thấy cô vừa xuất hiện. Ô tô và xe tải phóng qua cách đó vài mét, chẳng có tài xế nào tại khu đường giao nhau tắc nghẽn này lại có thời gian liếc nhìn sang bên để thấy một mẫu không khí kì quặc, kể cả họ có nhìn thấy đi nữa, và chính xe cộ lại chần tàm nhìn tới ô cửa của bất cứ ai ở phía xa bên kia đường.

Một tiếng phanh kít, một tiếng hét, rồi một tiếng đâm sầm. Cậu bé nhào xuống nhìn qua.

Lyra đang nằm sõng soài trên cỏ. Một chiếc xe hơi vừa phanh gấp khiến cái xe tải đằng sau đâm sầm vào nó, hất chiếc xe về phía trước, và Lyra ở đó, nằm im lìm...

Will lao qua theo cô bé. Không ai thấy cậu cả; toàn bộ ánh mắt đều đổ dồn lên chiếc xe hơi, thanh hãm xung méo mó, người tài xế xe tải đang bước ra, và tiến tới cô gái nhỏ.

“Tôi không làm khác được - con bé chạy ra ngay trước đầu xe...” Tài xế xe hơi, một phụ nữ trung tuổi, phân trần. “*Anh* lái gần quá đó,” bà vận lại tài xế xe tải.

“Thôi bỏ qua đi,” ông nói; “đứa bé thế nào rồi?”

Ông tài xế xe tải nói với Will, người đang quỳ bên cạnh Lyra. Will nhìn lên và ra xung quanh, nhưng chẳng có lựa chọn nào khác, cậu phải chịu trách nhiệm. Trên bãi cỏ cạnh cậu, Lyra đang xoay đầu, mắt chớp lia lịa. Will thấy con ong Pantalaimon đang choáng váng bò lên một cọng cỏ bên cạnh cô.

“Cậu không sao chứ?” Will hỏi. “Cử động chân tay đi.”

“Đồ ngốc!” Người phụ nữ nói vọng ra từ trong xe. “Cứ thế chạy ra trước mũi xe. Không thèm nhìn lấy một lần. Ta biết phải làm gì cơ chứ?”

“Cháu vẫn tỉnh táo chứ, bé yêu?” Ông tài xế xe tải hỏi.

“Vâng,” Lyra thì thào.

“Không xây xát gì chứ?”

“Cử động chân tay đi,” Will khẳng khẳng.

Cô bé làm theo. Không cái nào bị gãy cả.

“Em ấy không sao đâu,” Will nói, “cháu sẽ chăm sóc em ấy. Sẽ ổn thôi ạ.”

“Cháu biết cô bé à?” Tài xế xe tải hỏi.

“Đây là em gái cháu,” Will đáp. “Không sao đâu ạ. Chúng cháu sống ở ngay góc phố thôi. Cháu sẽ đưa em ấy về nhà.”

Lyra giờ đã ngồi dậy. Khi thấy cô bé rõ ràng là không bị thương nặng, người phụ nữ hướng sự chú ý trở lại phương tiện của mình. Dòng xe cô di chuyển vòng qua hai chiếc xe đang đứng yên. Khi vượt qua, các tài xế quay sang tò mò nhìn cảnh tượng này, như mọi người vẫn luôn làm vậy. Will đỡ Lyra dậy: chúng càng sớm đi khỏi đó thì càng tốt. Người phụ nữ và tài xế xe tải nhận ra rằng cuộc tranh cãi của họ cần phải được công ty bảo hiểm của mình phân xử, họ đang trao đổi địa chỉ thì người phụ nữ nhìn thấy Will đỡ Lyra tập tễnh rời khỏi đó.

“Đợi đã!” Bà gọi. “Các cháu sẽ là nhân chứng. Ta cần tên và địa chỉ của các cháu.”

“Cháu là Mark Ransom,” Will quay lại đáp, “còn em gái cháu là Lisa. Chúng cháu sống ở số 26 Ngõ Bourne.”

“Mã bưu chính?”

“Cháu chẳng bao giờ nhớ nổi,” cậu đáp. “Bà xem này, cháu muốn đưa em ấy về nhà.”

“Leo lên buồng lái đi,” tài xế xe tải nói, “ta sẽ đưa các cháu về.”

“Thôi, không vấn đề gì đâu ạ, đi bộ sẽ nhanh hơn, thật đấy ạ.”

Lyra chỉ hơi tập tễnh một chút. Cô bé đi cùng với Will, trở lại bãi cỏ dưới hàng cây duyên mộc, rồi rẽ sang góc phố đầu tiên chúng tới được.

Cả hai ngồi xuống một bức tường thấp bao quanh vườn.

“Cậu có đau không?” Will hỏi.

“Chân bị đập. Đầu tớ cũng bị va lúc ngã xuống nữa,” cô bé đáp.

Nhưng cô bé lo lắng về thứ ở trong balô hơn. Cô lần tìm bên trong rồi lôi ra một bọc nhỏ nặng nề quấn trong vải nhung đen rồi cởi nó ra. Đôi mắt Will mở to khi nhìn thấy chiếc Chân Kề: những biểu tượng nhỏ xíu được vẽ xung quanh, các cây kim bằng vàng, chiếc kim dài dò tìm, vẻ lộng lẫy bề thế của lớp vỏ khiến cậu nín thở.

“Cái gì vậy?” Cậu bé hỏi.

“Đây là chiếc Chân Kề của tớ. Nó là một cái máy nói sự thật. Máy đọc biểu tượng. Hi vọng nó không bị hỏng...”

Nhưng cái máy không hề hấn gì. Ngay cả trong đôi tay run rẩy của cô, cái kim dài vẫn quay một cách chắc chắn. Cô bé cất nó đi rồi nói: “Tớ chưa từng thấy nhiều xe thô và các loại khác đến vậy... Tớ chẳng bao giờ nghĩ chúng lại chạy nhanh đến thế.”

“Ở Oxford của cậu không có xe hơi và xe tải à?”

“Không nhiều lắm. Không giống những cái này. Tớ không quen với nó, nhưng giờ thì ổn rồi.”

“Ừ, từ giờ nhớ cẩn thận nhé. Nếu cậu đi dưới một cái xe buýt hay bị lạc hoặc đại loại thế, người ta sẽ nhận ra rằng cậu không đến từ thế giới này, và sẽ bắt đầu lùng tìm đường nối qua...”

Cậu đang giận dữ hơn nhiều so với cần thiết. Cuối cùng cậu chốt:

“Được rồi, nghe này. Nếu cậu giả bộ làm em gái tớ, nó sẽ giúp tớ nguy trang, vì người mà họ đang tìm không hề có em gái. Còn nếu tớ đi cùng với cậu, tớ có thể chỉ cho cậu cách băng qua đường mà không bị cán chết.”

“Được rồi,” cô nhũn nhặn đáp.

“Còn tiền nữa. Tớ dám cá cậu không có - mà, làm sao cậu có tiền được chứ? Cậu định đi lại rồi ăn uống thế nào?”

“Tớ có tiền mà,” cô bé nói rồi dốc vài đồng tiền vàng ra khỏi ví.

Will nhìn chúng đầy ngờ vực.

“Là vàng đấy à? Đúng không? Chắc, nó sẽ khiến người ta đặt câu hỏi, chắc chắn luôn. Cậu sẽ không được an toàn đâu. Tớ sẽ cho cậu ít tiền. Cất mấy đồng đó đi, đừng cho ai nhìn thấy hết. Và nhớ lấy - cậu là em gái tớ, tên cậu là Lisa Ransom.”

“Lizzie. Hồi trước tớ từng tự gọi mình là Lizzie. Tớ có thể nhớ được cái tên đó.”

“Được rồi, vậy thì Lizzie. Còn tớ là Mark. Đừng quên đấy.”

“Hiếu rồi,” cô bé hiền hòa đáp.

Chân cô bắt đầu đau; chỗ bị xe tông đang đỏ và sưng tấy lên, một vết bầm lớn tối màu dần hình thành. Với vết tím trên má nơi Will đập vào tối hôm trước, trông cô bé như đang bị đối xử tệ bạc, và điều đó cũng khiến cậu lo lắng: nhờ có tay cảnh sát nào trở nên hiếu kì thì sao?

Cậu bé cố gắng gạt suy nghĩ đó ra khỏi tâm trí, rồi cả hai khởi hành, băng qua đường tại đèn giao thông và chỉ liếc nhìn một lần duy nhất về phía ô cửa sổ dưới hàng cây duyên mộc. Chúng hoàn toàn không thể nhìn thấy nó. Ô cửa sổ đã trở nên vô hình, và dòng xe đã trôi chảy trở lại.

Tại Summertown, cách mười phút đi bộ xuống Đường Banbury, Will dừng lại trước một ngân hàng.

“Cậu định làm gì vậy?” Lyra hỏi.

“Tớ sẽ đi lấy ít tiền. Có lẽ tớ không nên làm việc này quá thường xuyên, nhưng chưa đến cuối ngày thì người ta sẽ không lưu sổ, tớ không nên nghĩ nữa.”

Cậu nhét thẻ ngân hàng của mẹ mình vào máy rút tiền tự động rồi ấn số PIN của bà. Có vẻ mọi thứ đều ổn nên cậu rút lấy một trăm bảng, cái máy cứ thế mà nhả tiền ra. Lyra há hốc mồm quan sát. Cậu đưa cho cô một tờ hai mươi bảng.

“Để dùng sau này,” cậu nói. “Mua gì đó rồi đổi lấy ít tiền lẻ. Bọn mình đi tìm xe buýt vào thành phố đi.”

Lyra để cho Will lo vụ xe buýt, cô bé ngồi thật im, nhìn ngắm những căn nhà và mảnh vườn trong cái thành phố của cô nhưng lại chẳng phải của cô. Cô giống như đang lạc vào giấc mơ của ai đó vậy. Chúng xuống xe tại trung tâm thành phố nằm cạnh một nhà thờ đá cổ kính mà Lyra biết, đối diện với một cửa hàng bách hóa lớn mà cô chưa thấy bao giờ.

“Mọi thứ thay đổi cả rồi,” cô nói. “Kiểu như... Đó chẳng phải Phố Cornmarket sao? Còn đây là Broad. Đó là Học viện Balliol. Rồi dưới kia là Thư viện Bodley. Nhưng Jordan đâu mất rồi?”

Lúc này người cô đang run lấy bầy. Có lẽ đó là phản ứng chậm từ vụ tai nạn, hoặc là sự choáng váng hiện thời khi thấy một tòa nhà hoàn toàn khác tại vị trí của Học viện Jordan mà cô vẫn coi là nhà.

“Thật không đúng chút nào,” Lyra thốt lên. Cô nói rất khẽ vì Will đã nhắc không được làm ồn và kêu ca về việc mọi thứ không giống với thế giới của mình. “Đây là một Oxford hoàn toàn khác.”

“Thì, bọn mình đều biết điều đó mà,” cậu đáp.

Cậu đã không lường trước được vẻ sừng sốt bất lực của Lyra. Cậu không thể biết được tuổi thơ cô đã chạy quanh những con phố gần như giống hệt những con phố này nhiều đến thế nào, hay cô đã tự hào ra sao vì thuộc về Học viện Jordan, nơi có những học giả thông thái nhất, những kho bạc giàu có nhất, mang vẻ đẹp tráng lệ hơn tất cả; thế mà giờ đây nó lại chẳng hề tồn tại, còn cô thì chẳng còn là Lyra của Jordan nữa, cô chỉ là một cô gái nhỏ bị lạc trong một thế giới xa lạ, chẳng thuộc về nơi nào.

“Ôi,” cô run rẩy nói. “Nếu nó không có ở đó...”

Sẽ mất nhiều thời gian hơn cô tưởng, tất cả chỉ có vậy.

4

Khoan sợ

Ngay sau khi Lyra đi khỏi, Will tìm một buồng điện thoại và gọi tới số văn phòng luật sư trên bức thư cậu đang cầm.

“Xin chào. Cháu muốn nói chuyện với ông Perkins.”

“Xin hỏi ai đang gọi vậy?”

“Việc có liên quan đến ông John Parry ạ. Cháu là con trai ông ấy.”

“Xin đợi một chút...”

Một phút trôi qua, rồi một giọng đàn ông vang lên: “Xin chào. Alan Perkins xin nghe. Tôi đang nói chuyện với ai đây?”

“William Parry ạ. Xin thứ lỗi cho cháu vì đã gọi. Đây là vấn đề về ông John Parry, bố cháu. Cứ mỗi ba tháng ông lại gửi tiền từ bố cháu vào tài khoản ngân hàng của mẹ.”

“Phải...”

“Vâng, cháu muốn biết bố mình đang ở đâu, xin ông. Ông ấy còn sống hay đã chết vậy?”

“Cháu bao nhiêu tuổi rồi, William?”

“Mười hai ạ. Cháu muốn biết về ông ấy.”

“Ừ... Mẹ cháu có, bà ấy, bà ấy có biết cháu đang gọi điện cho ta không?”

Will cẩn thận suy nghĩ.

“Không ạ,” cậu đáp. “Nhưng sức khỏe mẹ cháu đang không tốt lắm. Bà ấy không kể được mấy mà cháu thì lại muốn biết.”

“Ừ, ta hiểu rồi. Bây giờ cháu đang ở đâu? Cháu có ở nhà không?”

“Không ạ, cháu... Cháu đang ở Oxford.”

“Một mình sao?”

“Vâng.”

“Cháu nói mẹ cháu đang không khỏe?”

“Vâng.”

“Bà ấy đang ở trong bệnh viện hay sao?”

“Dạng như vậy ạ. Ông có thể nói cho cháu biết hay không thể?”

“À, ta có thể cho cháu biết vài điều, nhưng không nhiều và không phải ngay bây giờ, mà ta cũng không muốn nói qua điện thoại. Năm phút nữa ta phải gặp khách hàng rồi... Cháu có thể tìm đường đến văn phòng của ta vào khoảng hai giờ rưỡi được không?”

“Không ạ,” Will đáp. Như thế quá mạo hiểm: lúc đó luật sư có thể đã nghe về chuyện cậu bị cảnh sát truy nã. Cậu nghĩ thật nhanh rồi nói tiếp: “Cháu phải bắt xe buýt đến Nottingham và cháu không muốn bị lỡ chuyến. Nhưng còn việc cháu muốn biết, ông có thể nói qua điện thoại được đúng không? Tất cả những gì cháu muốn biết chỉ là liệu bố cháu còn sống hay không, và nếu còn thì cháu có thể tìm ông ấy ở đâu. Ông có thể cho cháu biết chuyện đó mà, đúng không?”

“Sự việc không đơn giản như vậy đâu. Ta không thể tiết lộ thông tin cá nhân về khách hàng trừ khi biết chắc rằng khách hàng đó muốn như vậy. Với lại, dù sao ta cũng cần một vài bằng chứng về thân phận của cháu nữa.”

“Vâng, cháu hiểu, nhưng ông có thể chỉ cần cho cháu biết là bố cháu còn sống hay đã chết không?”

“Chà... Không, như thế thì không còn là bảo mật nữa rồi. Đáng tiếc là dù gì ta cũng chẳng thể nói cho cháu biết được, vì ta không biết.”

“Sao cơ ạ?”

“Số tiền tới từ một quỹ tín dụng gia đình. Ông ấy đã để lại chỉ dẫn cho ta trả tiền cho tới khi ông ấy bảo dừng lại. Từ ngày đó đến giờ ta không hề nghe được chút tin tức nào của ông ấy. Vấn đề quan trọng là ông ấy... Chà, ta đoán là ông ấy đã biến mất. Đó là lí do ta không thể trả lời câu hỏi của cháu.”

“Biến mất sao? Cứ thế mà... mất tích ấy ạ?”

“Thật ra đó là vấn đề của bên lưu trữ công cộng. Đây, tại sao cháu không tới văn phòng ta và...”

“Cháu không thể. Cháu chuẩn bị đi Nottingham rồi.”

“Ừ, vậy hãy viết thư cho ta hoặc nhắn mẹ cháu viết, rồi ta sẽ cho cháu biết ta có thể làm được gì. Nhưng cháu phải hiểu cho, ta không thể nói gì nhiều qua điện thoại.”

“Vâng, cháu cũng nghĩ vậy. Không sao ạ. Nhưng ông có thể cho cháu biết bố cháu đã biến mất ở đâu không?”

“Như ta đã nói, đó là vấn đề của bên lưu trữ công cộng. Cùng thời gian đó đã có vài mẫu chuyện trên báo. Cháu biết ông ấy là một nhà thám hiểm chứ?”

“Mẹ đã kể cho cháu nghe vài chuyện, vâng...”

“Ừ, ông ấy đang dẫn đầu một đoàn thám hiểm và tất cả cứ thế biến mất. Khoảng mười năm trước.”

“Ở đâu ạ?”

“Xa tí trên phía bắc. Alaska, ta nghĩ vậy. Cháu có thể kiểm thông tin về nó trong thư viện công cộng. Sao cháu không...”

Nhưng đúng lúc đó thì điện thoại hết tiền, Will cũng không còn chút tiền lẻ nào để cho vào máy. Tiếng điện thoại vang lên tút tút trong tai, cậu đặt ống nghe xuống rồi nhìn quanh.

Điều cậu mong muốn hơn tất cả là được nói chuyện với mẹ mình. Cậu phải ngăn bản thân quay số của bà Cooper, vì nếu nghe thấy giọng mẹ, sẽ rất khó để kiềm chế khát khao trở về với bà, nhưng điều

đó sẽ khiến cả hai gặp nguy hiểm. Dù vậy, cậu có thể gửi bưu thiếp cho bà.

Cậu chọn một tấm in quang cảnh thành phố và viết: “Gửi Mẹ, con vẫn an toàn và khỏe mạnh, con sẽ sớm gặp lại mẹ. Hi vọng mọi việc vẫn ổn. Con yêu mẹ. Will.” Rồi cậu viết địa chỉ, mua một con tem và ôm tấm thiếp trong lòng một lúc trước khi thả vào thùng thư.

Lúc đó đã là giữa buổi sáng, cậu đang đứng trong con phố mua sắm chính, nơi xe buýt phải luồn lách qua những đám đông khách bộ hành. Cậu bắt đầu nhận ra trông mình lộ liễu đến thế nào; vì hôm đó là ngày trong tuần, một đứa trẻ ở tuổi cậu đáng ra phải đang ở trường. Cậu có thể đi đâu đây?

Nhưng cậu không mất nhiều thời gian để trốn đi. Will có thể biến mất khá dễ dàng, vì cậu rất giỏi việc đó; thậm chí cậu còn tự hào vì khả năng của mình. Cách cậu thực hiện cũng tương tự như cách Serafina Pekkala khiến mình trở nên vô hình trong lúc ở trên tàu: làm cho bản thân không bị nhìn thấy bằng cách hòa lẫn vào hậu cảnh.

Do đã biết quá rõ thế giới mà mình đang sống, cậu vào cửa hàng văn phòng phẩm mua bút bi, tệp giấy, và một tấm bìa kẹp hồ sơ. Trường học thường cử những nhóm trẻ con đi làm khảo sát mua sắm hay dạng như thế, nên nếu tỏ ra mình đang thực hiện một dự án như vậy, trông cậu sẽ không giống một đứa vô công rồi nghề.

Rồi cậu đi thư thân, giả bộ như đang ghi chép trong lúc vẫn để mắt tới thư viện công cộng.

Cùng lúc đó, Lyra đang tìm một nơi tĩnh lặng để tham khảo ý kiến Chân Kế. Tại Oxford của cô, phải có đến cả chục chỗ như thế chỉ trong vòng năm phút đi bộ, nhưng thành phố Oxford này lại khác lạ đến mức khiến người ta bối rối, những khoảnh đất thân thuộc đến nao lòng lại nằm ngay sát những thứ hết sức kì quặc: sao người ta lại sơn những vạch vàng trên đường? Mấy mảng trắng nhỏ lấm tấm trên mọi vỉa hè là gì? (Ở thế giới của cô, người ta chưa từng biết tới kẹo cao su.) Những

cái đèn xanh đỏ ở góc đường kia có thể mang ý nghĩa gì? Tất cả những thứ này còn khó đọc hơn cả Chân Kế.

Thế nhưng đây là những cánh cổng của Học viện Thánh John, nơi cô và Roger đã có lần trèo qua vào buổi tối để cắm pháo bông vào các luống hoa; rồi cả tảng đá mòn vẹt rất đặc biệt ở góc Phố Catte kia nữa - ở đó có tên viết tắt SP mà Simon Parslow đã khắc lên - chính là nó! Cô đã nhìn thấy thẳng bé làm vậy! Ai đó có cùng tên viết tắt ở thế giới này hẳn đã đứng vãn vợ ở đây và làm một việc y hệt.

Có khi ở thế giới này cũng có một Simon Parslow.

Có lẽ còn có cả Lyra nữa.

Một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng cô bé, còn Pantalaimon trong dạng chuột rừng mình trong túi áo cô. Cô bé lắc đầu; không cần tưởng tượng thêm cũng đã có đủ thứ bí ẩn rồi.

Oxford ở đây còn khác với thế giới của cô ở số lượng lớn người ùn ùn đi lại trên mọi vỉa hè, ra vào mọi tòa nhà; người thuộc đủ loại, phụ nữ ăn mặc như đàn ông, dân Phi châu, thậm chí có cả một nhóm Tartar ngoan ngoãn theo chân chỉ huy của mình, tất cả đều ăn mặc gọn gàng và đi quanh quất với những chiếc cặp nhỏ màu đen trong tay. Ban đầu cô dăm dăm nhìn họ sợ sệt, vì họ không hề có linh thú, trong thế giới của cô họ sẽ bị gọi là hồn ma hoặc có khi còn tồi tệ hơn.

Nhưng (đây là điều kì quặc nhất) tất cả bọn họ trông vẫn tràn trề sức sống. Những sinh vật này vui vẻ đi lại như thể họ chính là con người vậy. Sau đó Lyra phải thừa nhận rằng có lẽ họ là con người thật, và rằng linh thú của họ nằm trong cơ thể cũng giống như trường hợp của Will.

Sau khoảng một giờ đồng hồ đi thơ thẩn đánh giá tình hình thành phố Oxford giả này, cô bé cảm thấy đói bụng nên đã dùng tờ hai mươi bảng để mua một phong chocolat. Ông chủ cửa hàng nhìn cô vẻ kì cục, nhưng có lẽ do ông ta là người Đông Ấn nên không hiểu được giọng của cô mặc dù cô đã hỏi rất rõ ràng. Cô dùng tiền thừa để mua một quả táo trong chợ Mái che, nơi này giống với Oxford chuẩn hơn, rồi tiến về

phía công viên. Tại đó cô thấy mình đang đứng ngoài một tòa nhà bề thế, một tòa nhà đậm chất Oxford nhưng lại không hề tồn tại trong thế giới của cô, mặc dù trông nó sẽ không bị lạc lõng. Cô ngồi trên bãi cỏ bên ngoài để ăn trong lúc ngắm nghía tòa nhà với vẻ hài lòng.

Cô phát hiện ra đó là một bảo tàng. Cửa đang mở, cô bé thấy bên trong nào là mẫu vật thú nhồi bông, xương hóa thạch, nào là các tú đưng khoáng thạch, không khác gì trong Bảo tàng Địa chất Hoàng gia mà cô đã từng tới thăm cùng với Phu nhân Coulter tại London của mình. Phía sau đại sảnh bằng sắt và kính là lối vào một phần khác của bảo tàng. Do gần như chẳng có ai ở đó, cô bé bèn lén vào nhìn ngó xung quanh. Chiếc Chân Kề vẫn là việc khẩn cấp nhất trong tâm trí cô, nhưng ở căn phòng thứ hai này, cô thấy khắp nơi là những thứ mình biết rất rõ: có những kệ trưng bày đầy y phục của vùng Cực Bắc, giống như bộ đồ lông của chính cô - cùng với xe kéo, sừng moóc chạm khắc và lao móc săn hải cẩu - thêm vào đó là một nghìn lẻ một những thứ tạp nham: cúp chiến tích, di vật, đạo cụ ma thuật, dụng cụ và vũ khí. Cô nhận thấy rằng chúng không chỉ tới từ Cực Bắc mà từ mọi miền thế giới.

Chà, thật lạ lùng làm sao. Mấy bộ đồ lông từ da tuần lộc kia *giống* hết với đồ của cô, nhưng cách họ buộc dây kéo trên xe trượt thì lại sai hoàn toàn. Nhưng đây là một bức hình cho thấy vài thợ săn người Samoyed: chính là bản sao của những kẻ đã bắt cóc rồi bán Lyra cho Bolvangar: nhìn này! Chính là những gã đàn ông đó! Thậm chí cả sợi dây thừng kia cũng bị sờn và được thắt nút lại ở cùng một vị trí. Cô biết điều này quá rõ do đã bị trói ở chính chiếc xe kéo đó trong vài giờ đồng hồ đầy đau khổ... Những bí ẩn này là gì đây? Phải chăng rốt cuộc chỉ có một thế giới duy nhất, dành cả đời để mơ mộng về những nơi xa xôi?

Và rồi cô tình cờ thấy một thứ gợi nhắc đến chiếc Chân Kề. Trong một kệ bằng kính cũ kĩ có khung gỗ sơn đen là một tập hợp đầu lâu người, vài trong số đó bị đục lỗ: cái thì ở phía trước, cái ở bên má, có

cái lại trên đỉnh. Cái sọ ở chính giữa có hai lỗ. Dòng chữ ngoằn ngoèo trên một tấm thẻ ghi phương thức này được gọi là khoan sọ. Tấm thẻ cũng ghi chú rằng tất cả các lỗ đều được đục trong lúc người đó còn sống, vì xương đã liền và mọc phẳng lại quanh mép. Tuy nhiên, có một cái thì không như vậy: cái lỗ được tạo ra bởi một đầu mũi tên bằng đồng vẫn đang cắm trong đó, mép của nó lởm chởm và nứt vỡ, nên có thể dễ thấy rằng cái đầu lâu ấy khác biệt.

Đó chính là điều dân Tartar phương bắc làm. Và là điều Stanislaus Grumman tự làm với bản thân, theo lời các Học giả Jordan quen biết ông. Lyra vội nhìn quanh, khi thấy không có ai gần đó, cô liền lấy Chân Kế ra.

Cô bé tập trung trí lực vào cái sọ ở giữa và hỏi: Cái sọ này thuộc về người như thế nào, và vì sao ông ta lại bị đục những cái lỗ này?

Trong lúc đang đứng tập trung dưới thứ ánh sáng bụi bặm chiếu xuyên qua mái nhà bằng kính và xuyên xuống những phòng trưng bày phía trên, cô bé không nhận ra rằng mình đang bị theo dõi.

Một người đàn ông tầm sáu mươi tuổi với dáng vẻ quyền lực, mặc một bộ vest bằng vải lanh được may rất đẹp, tay cầm mũ Panama, đang đứng tại phòng trưng bày ở tầng trên và nhìn xuống qua lan can bằng sắt.

Mái tóc màu hoa râm chải ngược một cách gọn gàng từ vầng trán nhẵn mịn, rậm nắng và gần như không có nếp nhăn. Ông ta sở hữu một đôi mắt to sậm màu và dữ dằn với hàng mi dài. Cứ mỗi phút hay gì đó, cái lưỡi nhọn sắc thâm xỉ của ông ta lại thò ra từ mép và liếm ngang môi. Chiếc khăn tay màu trắng tuyết trong túi áo ngực của ông được ướp một loại nước hoa đậm đặc giống như cây cối trồng trong nhà kính, nặng mùi đến mức người ta có thể ngửi thấy cả mùi thối rữa bốc lên từ rễ của chúng.

Ông ta đã quan sát Lyra được một lúc. Khi cô đi lại ở tầng dưới, người đàn ông ở phòng trưng bày phía trên cũng đi theo, và khi cô đứng lại bên cái kệ đựng đầu lâu, ông ta tỉ mỉ quan sát, cố gắng thu

nhận mọi thông tin về cô: mái tóc bù xù lờm chờm, vết thâm trên má, bộ quần áo mới, cái cổ trần đang cúi xuống chiếc Chân Kế, đôi chân trần của cô.

Người đàn ông rút chiếc khăn tay trong túi ngực ra lau trán rồi bước tới cầu thang.

Mê mải với Chân Kế, Lyra đang tìm hiểu được những điều kì lạ. Những cái đầu lâu này cổ đến khó tin; các tấm thẻ trong tủ chỉ ghi đơn giản “Thời đại đồ đồng”, nhưng Chân Kế, không bao giờ lừa dối, lại nói rằng chủ nhân của hộp sọ này đã sống cách thời điểm hiện tại ba mươi ba nghìn hai trăm năm mươi tư năm, rằng ông đã từng là một pháp sư, và rằng cái lỗ được đục để tạo đường cho thần linh thâm nhập vào đầu. Và rồi, theo cái cách xuề xòa mà đôi khi chiếc Chân Kế dùng để trả lời câu hỏi mà Lyra chưa kịp đặt ra, nó nói thêm rằng quanh những hộp sọ bị đục có số lượng Bụi tập trung lớn hơn nhiều so với quanh cái cắm đầu mũi tên.

Điều đó liệu có thể mang nghĩa gì được chứ? Lyra thoát khỏi trạng thái đờm đĩnh, tập trung mà cô chia sẻ với chiếc Chân Kế để trở lại với thực tại, nhận ra rằng mình không còn đứng một mình nữa. Đang chăm chú nhìn vào kệ trưng bày bên cạnh là một người đàn ông luống tuổi mặc vest màu xanh xám và có hương thơm ngọt ngào. Ông gọi cô nhớ tới một ai đó, nhưng cô nghĩ mãi mà không ra là ai.

Ông nhận thấy có người đang quan sát mình và mỉm cười nhìn lên.

“Cháu đang xem những cái đầu lâu bị khoan à?” Ông hỏi. “Người ta làm với bản thân mình những điều thật kì quặc làm sao.”

“Ừm,” cô nói, không biểu cảm gì.

“Cháu có biết là người ta vẫn đang tiến hành việc này không?”

“Có ạ,” cô đáp.

“Hội hippie, cháu biết đấy, những người như thế. Thật ra cháu còn quá nhỏ để biết tới dân hippie. Người ta nói nó có tác dụng hơn là dùng thuốc phiện.”

Lyra đã cho Chân Kế vào balô và đang tự hỏi làm thế nào để chuồn đi được: cô bé vẫn chưa hỏi được câu quan trọng nhất mà giờ lại bị người đàn ông này bắt chuyện mất rồi. Trông ông cũng khá tử tế, và rõ ràng là có mùi rất dễ chịu. Giờ ông đã tới gần hơn, bàn tay sượt vào cô khi ông nhào người qua kệ đồ.

“Làm cho người ta phải kinh ngạc, phải không nào? Không gây mê, không khử trùng, có khi là thực hiện bằng công cụ đá. Họ hẳn phải cứng cỏi lắm đấy nhỉ? Ta không nghĩ đã từng thấy cháu ở đây, mặc dù ta đến khá thường xuyên. Tên cháu là gì?”

“Lizzie ạ,” cô bé đáp một cách thoải mái.

“Lizzie à. Xin chào Lizzie. Ta là Charles, cháu có đi học ở Oxford không?”

Cô không chắc nên trả lời thế nào.

“Không ạ,” cô đáp.

“Chỉ ghé chơi thôi à? Chà, cháu đã chọn một nơi tuyệt vời để tham quan đó. Cháu đặc biệt hứng thú với điều gì?”

Người đàn ông này khiến cô lúng túng hơn bất cứ ai cô từng gặp trong một thời gian dài. Một mặt thì ông ta là người tử tế, thân thiện, rất sạch sẽ và ăn mặc hợp thời, nhưng mặt khác, Pantalaimon trong túi áo lại đang cố thu hút sự chú ý của cô và nài nỉ cô phải cẩn thận, vì chính nó cũng đang lơ mơ nhớ ra được điều gì đó. Từ đâu đó cô cảm nhận được, không phải là mùi mà là một khái niệm về mùi, và đó là mùi phân, mùi thối rữa. Nó khiến cô nghĩ đến cung điện của Iofur Raknison, nơi không khí được xịt nước hoa nhưng sàn nhà lại dày đặc xú uế.

“Cháu hứng thú với điều gì à?” Cô nói. “Ồ, đủ mọi thứ luôn ạ. Cháu vừa mới thấy hứng thú với những cái đầu lâu kia khi thấy chúng ở đó. Cháu không nghĩ lại có ai đó muốn bị làm như thế. Thật khủng khiếp.”

“Không, ta cũng không thể thích việc này được, nhưng ta cam đoan là nó có xảy ra. Ta có thể đưa cháu đến gặp một người đã từng

làm vậy,” ông ta nói, tỏ ra thân thiện và sẵn lòng giúp đỡ đến mức cô gần như bị cảm dỗ. Nhưng rồi cái đầu lưỡi nhỏ thâm xì lại thò ra, nhanh như lưỡi một con rắn, ướm át và rung rinh. Cô bé lắc đầu.

“Cháu phải đi rồi,” cô bé nói. “Cảm ơn ông đã đề nghị, nhưng cháu không nên đi. Dù sao cháu cũng phải đi bây giờ đây, cháu sắp có hẹn. Bạn của cháu,” cô nói thêm. “Cháu đang sống cùng bạn ấy.”

“Phải, hẳn rồi,” ông tử tế nói. “Vậy, rất vui được nói chuyện với cháu. Tạm biệt, Lizzie.”

“Tạm biệt,” cô nói.

“Ồ - nhân tiện - đây là tên và địa chỉ của ta,” ông đưa cho cô một tấm thiệp nhỏ, “phòng trường hợp cháu muốn biết thêm về những thứ như thế này.”

“Cảm ơn ông,” cô nhẹ nhàng nói rồi nhét nó vào ngăn trên lưng balô của mình trước khi rời đi. Cô bé cảm thấy ông ta đang quan sát mình trong suốt quãng đường ra ngoài.

Khi đã ra khỏi bảo tàng, cô rẽ vào công viên, nơi cô biết đến là một sân chơi cricket và các môn thể thao khác. Cô tìm thấy một nơi yên tĩnh dưới bóng cây và thử hỏi lại Chân Kế.

Lần này cô hỏi mình có thể tìm thấy một học giả biết về Bụi ở đâu. Câu trả lời cô nhận được rất đơn giản: một căn phòng trong tòa nhà cao vuông vức phía sau lưng. Trên thực tế, câu trả lời quá thẳng thừng và tới quá đột ngột đến nỗi Lyra đoán chắc rằng chiếc Chân Kế muốn nói nhiều hơn thế: giờ đây cô đã bắt đầu cảm nhận được rằng nó cũng có tâm trạng giống như con người, và biết được khi nào nó muốn nói cho cô biết nhiều hơn.

Và nó vừa mới làm vậy. Chiếc máy nói: *Cô nên quan tâm đến cậu bé. Nhiệm vụ của cô là giúp cậu ta tìm được bố của mình. Hãy để tâm đến việc đó.*

Lyra chớp mắt. Cô thật sự bị kinh ngạc. Will chẳng hiểu từ đâu ra đã xuất hiện để giúp đỡ cô: điều đó thì rõ ràng rồi. Nhưng ý nghĩ rằng mình tới tận đây để giúp cậu ta khiến cô sửng sốt.

Nhưng chiếc Chăn Kề vẫn chưa nói xong. Kim dài lại giật giật, và cô đọc được rằng:

Không được nói dối học giả.

Cô bé quần lớp nhung quanh chiếc Chân Kề rồi ấn nó sâu vào trong balô. Sau đó cô đứng dậy nhìn quanh tìm tòa nhà có vị học giả của mình, rồi tiến bước về phía nó, cảm thấy khó xử và hồ nghi.

Will tìm thấy thư viện khá dễ dàng. Viên thủ thư hoàn toàn tin rằng cậu đang tiến hành nghiên cứu cho một dự án địa lí, và giúp cậu tìm những ấn bản đóng gáy của danh mục tạp chí *The Times* phát hành cùng năm sinh với cậu, cũng là năm bố cậu biến mất. Will ngồi xuống chăm chú đọc. Quả vậy, John Parry được nhắc đến vài lần, cùng với một đoàn thám hiểm khảo cổ.

Mỗi tháng lại được lưu trữ trên một cuộn vi phim riêng biệt. Cậu lần lượt lắp từng cuộn vào máy chiếu, dịch chuyển các khung hình để tìm hiểu câu chuyện và đọc chúng với sự tập trung cao độ. Câu chuyện đầu tiên kể về sự khởi hành một cuộc viễn chinh tới phía bắc Alaska. Chuyến thám hiểm được tài trợ bởi Viện Khảo cổ học thuộc Đại học Oxford, khảo sát một vùng mà người ta hi vọng sẽ tìm được chứng cứ về sự định cư của người tiền sử. Đi cùng đoàn là John Parry, cựu sĩ quan Hải quân Hoàng gia, một nhà thám hiểm chuyên nghiệp.

Câu chuyện thứ hai xảy ra sau đó sáu tuần. Nó chỉ nói ngắn gọn rằng đoàn thám hiểm đã tới được Trạm Khảo sát Cực Bắc vùng Bắc Mỹ tại Noatak, Alaska.

Câu chuyện thứ ba diễn ra sau đó hai tháng. Nó nói rằng không có phản hồi lại tín hiệu phát ra từ Trạm Khảo sát, rằng John Parry và những người đồng hành được cho là đã mất tích.

Có một chuỗi các bài báo ngắn theo sau sự kiện đó, mô tả những nhóm khởi hành đi tìm họ nhưng thất bại, những phi đội dò tìm trên Biển Bering, phản ứng của Viện Khảo cổ học, những cuộc phỏng vấn người thân...

Tim cậu đập mạnh, vì ở đó có một tấm ảnh của mẹ cậu. Đang ôm một đứa trẻ sơ sinh. Là cậu.

Phóng viên đã viết ra một câu chuyện “người vợ đầm đìa nước mắt ngóng chờ tin tức trong đau khổ” rất chuẩn mực, nhưng Will thất vọng vì nó có quá ít những sự kiện thực. Trong đó có một đoạn ngắn nói về việc John Parry đã có một sự nghiệp thành công tại Hải quân Hoàng gia và rời quân đội để chuyên đi tổ chức các cuộc thám hiểm địa lí và khoa học, tất cả chỉ có vậy.

Không có một sự đề cập nào khác trong bảng danh mục, Will đứng dậy khỏi chiếc máy đọc vi phim, cảm thấy bế tắc. Chắc hẳn phải có thông tin khác ở đâu đó; nhưng cậu có thể đi đâu tiếp đây? Hơn nữa, nếu đi tìm kiếm quá lâu, cậu sẽ bị bắt dấu mất...

Cậu trả lại những cuộn vi phim rồi hỏi viên thủ thư: “Bà có biết địa chỉ của Viện Khảo cổ học không ạ?”

“Ta có thể kiểm... cháu thuộc trường nào thế?”

“Thánh Peter ạ,” Will đáp.

“Trường đó không ở Oxford đúng không?”

“Không ạ, nó ở Hampshire. Lớp cháu đang đi thực địa về mảng cư trú. Kiểu như kĩ năng nghiên cứu học tập về môi trường ấy ạ...”

“Ồ, ta hiểu rồi. Cháu cần gì ấy nhỉ... Khảo cổ học... Đây rồi.”

Will chép lại địa chỉ và số điện thoại, và vì có thừa nhận mình không biết rõ Oxford cũng chẳng sao, cậu hỏi phải tìm nó ở đâu. Nó không quá xa. Cậu cảm ơn viên thủ thư rồi lên đường.

Trong tòa nhà, Lyra thấy một bàn làm việc lớn dưới chân cầu thang, với nhân viên trực ngồi phía sau.

“Cháu đi đâu thế?” Ông hỏi.

Cảm giác thật giống ở nhà. Cô nhận thấy Pan trong túi áo đang rất thích thú.

“Cháu có lời nhắn cho một người ở trên tầng hai,” cô đáp.

“Ai vậy?”

“Tiến sĩ Lister ạ,” cô đáp.

“Tiến sĩ Lister ở trên tầng ba. Nếu cháu muốn chuyển thứ gì cho ông ấy, cứ để nó ở đây, ta sẽ nhả ông ấy.”

“Vâng, nhưng đây là thứ ông ấy cần ngay bây giờ. Ông ấy đã yêu cầu nó. Thật ra nó không phải một vật, nó là thứ cháu cần phải nói cho ông ấy biết.”

Người đàn ông cẩn thận dò xét Lyra, nhưng ông ta chẳng phải là đối thủ của vẻ ngoan ngoãn, ngây ngô và dịu dàng mà cô có thể trưng ra khi muốn. Cuối cùng ông gật đầu rồi quay trở lại với tờ báo của mình.

Hẳn nhiên là Chân Kế không hề nói cho Lyra biết tên người đó. Cô đọc được tên của Tiến sĩ Lister trên một ngăn tường phía sau người đàn ông, vì nếu có thể vờ như biết ai đó, người ta sẽ dễ cho bạn vào hơn. Về một vài phương diện thì Lyra hiểu thế giới của Will còn rõ hơn bản thân cậu.

Trên tầng hai cô thấy một hành lang dài, nơi một cánh cửa dẫn vào một giảng đường trống không và một cánh cửa khác dẫn tới một căn phòng nhỏ nơi hai học giả đang đứng thảo luận gì đó bên tấm bảng đen. Những căn phòng này, tường của hành lang này, tất cả đều phẳng lì và trống trơn theo cái cách mà Lyra cho rằng thuộc về tầng lớp nghèo khó, chứ không phải về sự uyên bác và tráng lệ của Oxford; thế nhưng những bức tường gạch đều được sơn nhả nhụi, các cánh cửa làm từ gỗ loại nặng còn lan can bằng thép sáng bóng, nên chúng hẳn là rất đắt tiền. Chỉ là một cách khác khiến thế giới này thật khác lạ.

Cô đã sớm tìm được cánh cửa mà chiếc Chân Kế nhắc tới. Bảng tên đính trên cửa có ghi “Khoa Nghiên cứu Vật chất tối”, phía bên dưới đã có ai đó đã nguệch ngoạc mấy chữ R.I.P.^[3] Một dòng chữ khác được viết thêm bằng bút chì “Trưởng khoa: Lazarus”.

Lyra không bận tâm gì đến nó. Cô gõ cửa, và một giọng phụ nữ vang lên: “Mời vào.”

Đó là một căn phòng nhỏ, đầy chật những đồng giấy tờ và sách vở ngả nghiêng, còn mấy tấm bảng trắng trên tường thì chỉ chút hình vẽ và phương trình. Đính trên mặt sau của cánh cửa là một bản vẽ trông giống chữ Trung Hoa. Qua ô cửa mở, Lyra có thể thấy một căn phòng khác, nơi một loại thiết bị chạy mạch phức tạp nào đó đang đứng trong im lặng.

Về phần mình, Lyra hơi ngạc nhiên khi thấy rằng vị học giả mà cô đang tìm lại là nữ giới, nhưng Chân Kế không nói đó là đàn ông, mà đây thì lại là một thế giới kì quặc. Người phụ nữ đang ngồi trước một cái máy hiển thị các hình thù trên màn hình nhỏ bằng kính, phía trước có một cái khay màu trắng ngà bày tất cả các kí tự trong bảng chữ cái thành những khối nhỏ bám đầy bụi. Vị học giả gõ lên một kí tự và màn hình lập tức trống trơn.

“Cháu là ai?” Bà hỏi.

Lyra đóng cửa lại phía sau lưng. Lưu ý đến điều chiếc Chân Kế đã cảnh báo, cô bé cố gắng hết sức để không làm việc mà thông thường cô sẽ làm, và nói sự thật.

“Lyra Silvertongue ạ,” cô đáp. “Tên bà là gì?”

Người phụ nữ chớp mắt. Lyra đoán bà khoảng gần bốn mươi tuổi, có lẽ là lớn tuổi hơn Phu nhân Coulter một chút, với mái tóc đen cắt ngắn và đôi má ửng đỏ. Bà mặc một chiếc áo khoác trắng để lộ áo sơmi xanh lục phía trong và quần xanh bằng vải dẫu mà rất nhiều người ở thế giới này mặc.

Trước câu hỏi của cô, người phụ nữ đưa tay lên vuốt tóc rồi nói: “Chà, cháu là điều bất ngờ thứ hai xảy ra trong hôm nay. Ta là Tiến sĩ Mary Malone. Cháu cần gì?”

“Cháu muốn bà kể cho cháu nghe về Bụi,” Lyra nói sau khi nhìn xung quanh để đảm bảo rằng chỉ có mình họ. “Cháu biết là bà biết về nó. Cháu có thể chứng minh. Bà phải kể cho cháu.”

“Bụi? Cháu đang nói về cái gì vậy?”

“Có lẽ các bà không gọi nó như thế. Đó là các hạt cơ bản. Ở thế giới của cháu các học giả gọi đó là Hạt Rusakov, nhưng thông thường họ gọi là Bụi. Chúng không dễ dàng xuất hiện, nhưng chúng tới từ trong không gian và bám dính lấy con người. Mặc dù ở trẻ con thì không nhiều lắm. Chủ yếu là người lớn. Và một điều mà cháu mới phát hiện ra hôm nay - cháu vào cái bảo tàng dưới phố, ở đó có mấy cái đầu lâu cổ đục lỗ trên đỉnh, giống như người Tartar làm, quanh chúng có nhiều Bụi hơn hẳn so với cái không có lỗ kiểu đó. Thời đại đồ đồng là từ bao giờ vậy?”

Người phụ nữ đang tròn mắt nhìn cô bé.

“Thời đại đồ đồng? Chúa ơi, ta không biết; khoảng năm nghìn năm trước,” bà đáp.

“À, thế thì lúc viết nhãn thông tin họ đã ghi nhầm rồi. Cái đầu lâu có hai lỗ trên đó đã ba mươi ba nghìn năm tuổi.”

Cô dừng lại, vì trông Tiến sĩ Malone như đang sắp xỉu đến nơi. Vẻ hồng hào đã hoàn toàn rời khỏi đôi má bà, bà đặt một tay lên ngực trong khi tay còn lại tóm chặt lấy ghế ngồi, mồm há ra kinh ngạc.

Lyra đứng đó chờ bà hồi phục, dù rất bối rối nhưng cũng không nhượng bộ.

“Cháu là ai vậy?” Cuối cùng người phụ nữ cũng lên tiếng.

“Lyra Silver...”

“Không phải, cháu từ đâu đến? Cháu là gì vậy? Làm sao cháu biết được những chuyện như thế?”

Lyra chán nản thở dài; cô quên bém mất học giả rất hay nói vòng vo. Thật khó để nói cho họ biết sự thật khi mà một lời nói dối sẽ giúp họ hiểu vấn đề dễ dàng hơn rất nhiều.

“Cháu tới từ một thế giới khác,” cô bắt đầu giải thích. “Và tại thế giới đó cũng có một Oxford như thế này, nhưng không giống lắm, đó là nơi cháu đã ở. Và...”

“Từ từ, đợi đã. Cháu đến từ đâu cơ?”

“Từ một nơi khác,” Lyra nói cẩn thận hơn. “Không phải ở đây ạ.”

“Ồ, từ một nơi khác,” người phụ nữ nói. “Ra vậy. Chà, ta nghĩ là ta hiểu.”

“Cháu phải tìm hiểu về Bụi,” Lyra giải thích. “Vì những người trong Giáo hội ở thế giới cháu, phải ạ, họ sợ Bụi vì nghĩ rằng đó là tội tổ tông. Vì vậy việc này rất quan trọng. Mà cha cháu... Không,” cô gay gắt nói, thậm chí còn giậm chân, “cháu không định nói như vậy. Cháu làm sai hết cả rồi.”

Tiến sĩ Malone nhìn Lyra cau có và nghiêng chặt nắm tay, nhìn những vết bầm trên má và chân cô, rồi nói: “Ồi chao, bé con, bình tĩnh nào...”

Cô dừng lại và dụi mắt, chúng đang đỏ lên vì mệt mỏi.

“Tại sao ta lại nghe cháu nói nhỉ?” Bà nói tiếp. “Ta điên mất rồi. Sự thật là thì đây là nơi duy nhất trên thế giới mà cháu sẽ tìm được câu trả lời mình muốn, thế mà người ta sắp đóng cửa chỗ này rồi... Thứ mà cháu đang nhắc đến, Bụi của cháu, nghe có vẻ như là thứ chúng ta đang nghiên cứu được một thời gian rồi, còn điều cháu nói về những cái đầu lâu trong bảo tàng khiến ta thật sự choáng váng, bởi vì... Ôi, không, thế này là quá đủ rồi. Ta kiệt sức rồi. Ta rất muốn nghe cháu nói, thật đấy, nhưng làm ơn, không phải bây giờ. Ta đã nói là họ sắp đóng cửa chỗ này chưa nhỉ? Ta có một tuần để lập bản kế hoạch đề xuất cho ủy ban cấp vốn, nhưng chúng ta chẳng có lấy một hi vọng nào...”

Bà ngáp lớn.

“Điều bất ngờ đầu tiên xảy ra trong hôm nay là gì vậy ạ?” Lyra hỏi.

“Ồ. Phải rồi. Một người ta trông cậy sẽ trợ giúp đơn xin cấp vốn của chúng ta vừa mới báo rút. Dù sao thì ta cũng không cho rằng đó là việc bất ngờ.”

Bà lại ngáp.

“Ta sẽ pha chút cà phê,” bà nói. “Nếu không ta sẽ ngủ gục mất. Cháu có muốn uống một ít không?”

Bà đổ đầy một cái ấm điện. Trong lúc bà xúc cà phê hòa tan vào hai chiếc cốc, Lyra chăm chăm nhìn họa tiết Trung Hoa trên lưng cửa.

“Đó là cái gì vậy ạ?” Cô hỏi.

“Là tiếng Trung Quốc đó. Những biểu tượng trong Kinh Dịch. Cháu có biết nó là gì không? Ở thế giới của cháu có cái này không?”

Lyra nheo mắt nhìn người phụ nữ, e rằng bà đang mỉa mai. Cô đáp: “Có những thứ giống và có những thứ khác, vậy thôi ạ. Cháu không biết mọi điều về thế giới của mình. Có lẽ ở đó cũng có cái thứ Kinh gì đấy này.”

“Ta xin lỗi,” Tiến sĩ Malone nói. “Phải, có lẽ họ cũng có.”

“Vật chất tối là gì vậy ạ?” Lyra hỏi. “Trên bảng thông báo ghi vậy đúng không?”

Tiến sĩ Malone ngồi xuống trở lại rồi dùng cổ chân ngoắc lấy một cái ghế khác cho Lyra.

Bà đáp: “Vật chất tối là thứ mà đội nghiên cứu của ta đang tìm kiếm. Không ai biết nó là gì cả. Vấn đề là trong vũ trụ ngoài kia có nhiều thứ hơn chúng ta có thể nhìn thấy. Chúng ta có thể thấy các vì sao, thiên hà và những thứ tỏa sáng, nhưng để tất cả có thể liên kết với nhau mà không bị tách rời ra thì phải cần có nhiều hơn thế - để trọng lực có tác dụng, cháu thấy đấy. Nhưng không ai có thể dò ra nó được. Vì vậy có rất nhiều dự án nghiên cứu khác nhau cố gắng tìm hiểu bản chất của thứ đó, và đây là một trong số chúng.”

Lyra dồn toàn bộ tâm trí vào lời bà nói. Cuối cùng thì người phụ nữ này cũng nói chuyện một cách nghiêm túc.

“Vậy bà nghĩ nó là gì?” Cô bé hỏi.

“À, thứ mà chúng ta nghĩ là...” Bà bắt đầu nói thì ấm nước reo, bà liền đứng dậy pha cà phê trong lúc nói tiếp: “Chúng ta nghĩ nó là một dạng hạt cơ bản. Một thứ khá khác biệt với bất cứ thứ gì từng được

khám phá. Nhưng chúng rất khó bị phát hiện... Cháu học trường nào vậy? Cháu có học vật lí không?”

Lyra cảm thấy Pantalaimon đang cắn nhẹ vào tay mình, cảnh báo cô không được cáu. Cô hiểu rõ rằng chiếc Chân Kế đã dặn phải thành thật, nhưng cô cũng biết điều gì sẽ xảy ra nếu nói ra toàn bộ sự thật. Cô phải cư xử cẩn trọng, cố gắng tránh những lời nói dối thẳng thừng.

“Vâng,” cô đáp, “cháu có biết chút ít. Nhưng không phải là về vật chất tối.”

“Ừ, chúng ta đang cố gắng dò ra cái thứ gần như không thể dò được này giữa những tạp âm do tất cả các hạt khác va đập vào nhau. Thường thì chúng ta sẽ cài máy dò sâu dưới lòng đất hàng trăm mét, nhưng thay vào đó chúng ta đã thiết lập một trường điện từ xung quanh máy dò để chặn tất cả những thứ không mong muốn và để những thứ ta muốn lọt qua. Rồi chúng ta khuếch đại tín hiệu và chuyển dữ liệu vào máy tính.”

Bà đưa cho cô cốc cà phê. Ở đây không có sữa hay đường gì cả, nhưng bà đã kiếm được vài cái bánh quy gừng trong ngăn kéo, Lyra liền thèm thuồng ăn một cái.

“Và rồi chúng ta đã tìm thấy một loại hạt phù hợp,” Tiến sĩ Malone nói tiếp. “Chúng ta cho rằng nó phù hợp. Nhưng nó rất kì lạ... Sao ta lại nói với cháu chuyện này nhỉ? Đáng ra ta không nên. Thông tin chưa được công bố, chưa được kiểm chứng, nó thậm chí còn chưa được ghi chép lại. Chiều nay ta không được tỉnh táo cho lắm.

“Nhưng...” Bà nói tiếp rồi ngáp dài đến mức Lyra nghĩ cái ngáp sẽ không bao giờ dứt... “Các hạt của chúng ta là những con quỷ nhỏ kì quặc, không sai đâu. Chúng ta gọi chúng là các hạt bóng, Bóng tối ấy. Cháu biết vừa nãy điều gì đã khiến ta suýt ngã ghế không? Khi cháu nhắc đến những cái đầu lâu trong bảo tàng. Vì một thành viên trong đội chúng ta, cháu thấy đấy, là một nhà khảo cổ nghiệp dư. Một ngày nọ, ông ấy đã khám phá ra điều mà chúng ta không dám tin. Nhưng chúng ta không thể bỏ qua nó, vì nó khớp với điều điên rồ nhất

về những hạt Bóng này. Cháu biết gì không? Chúng có ý thức. Đúng vậy. Bóng là những hạt có ý thức. Cháu đã từng nghe thấy thứ gì ngớ ngẩn như vậy chưa? Chẳng có gì ngạc nhiên khi chúng ta không thể xin được trợ cấp lại.”

Bà hớp một ngụm cà phê. Lyra đang nuốt lấy từng lời như một bông hoa khát nước.

“Phải,” Tiến sĩ Malone tiếp tục, “chúng biết chúng ta đang ở đây. Chúng đã đáp lại. Nhưng điều điên rồ là: người ta không thể thấy chúng trừ khi muốn làm điều đó. Trừ khi người ta đặt tâm trí mình vào một trạng thái cụ thể. Ta sẽ phải tự tin, nhưng cùng lúc đó lại phải thoải mái. Ta phải có khả năng - câu trích dẫn là gì ấy nhỉ...”

“... khả năng đương đầu với những bất định, bí ẩn, nghi vấn, mà không cúi gập lưng theo đuổi sự thật và nguyên do...’ Ta phải đạt được trạng thái tâm lý đó. Nhân tiện, câu đó là của nhà thơ Keats. Ta tìm được hôm trước. Vậy nên ta phải chuẩn bị tâm lý một cách đúng đắn rồi nhìn vào Động...”

“Động ấy ạ?” Lyra thắc mắc.

“Ồ, xin lỗi cháu. Cái máy tính. Chúng ta gọi nó là Động. Bóng chiếu lên tường động, vậy đó, câu của Plato. Quay lại với nhà khảo cổ của chúng ta. Ông ấy là một nhà trí thức toàn diện. Nhưng ông ấy đã đi Geneva để phỏng vấn xin việc rồi, ta nghĩ ông ấy sẽ không quay lại trong một thời gian... Nói đến đâu rồi nhỉ? À, Động, phải rồi. Một khi đã kết nối được với nó, chỉ cần *nghĩ* là Bóng tối sẽ phản hồi. Không có gì phải nghi ngờ. Bóng sẽ bâu vào suy nghĩ của ta như chim vậy...”

“Còn những cái đầu lâu thì sao ạ?”

“Ta đang định nói đến đó đây. Oliver Payne, chính ông ấy, cộng sự của ta, vào một ngày nọ đã nghịch ngợm thử nghiệm đủ thứ với Động, và mọi chuyện thật kì quặc. Nó vô lí đến mức không nhà vật lý nào có thể tưởng tượng ra được. Ông ấy có một mẫu ngà voi, nhỏ thôi, không có chút Bóng nào ở đó cả. Nó không phản ứng. Nhưng một quân cờ được khắc từ ngà voi thì lại có. Một bức tượng khắc gỗ còn có nhiều

hơn... Ta đang nói về các hạt cơ bản đấy, lạ Chúa. Chỉ là những mẫu nhỏ xíu gần như chẳng có gì. *Chúng biết những vật đó là gì.* Bất cứ thứ gì dính đến tài nghệ hay suy nghĩ của con người đều bị Bóng bao phủ...

“Và rồi Oliver, Tiến sĩ Payne, có được vài cái đầu lâu hóa thạch từ một người bạn làm ở bảo tàng. Ông ấy đã kiểm tra chúng để xem hiệu ứng đó tồn tại từ cách đây bao lâu. Điểm ngưỡng là khoảng ba mươi, bốn mươi nghìn năm trước. Trước đó không tồn tại Bóng. Sau đó thì rất nhiều. Có vẻ như đó là khoảng thời gian những người hiện đại bắt đầu xuất hiện. Ý ta là, cháu biết đấy, tổ tiên xa xưa của chúng ta, nhưng thật ra là những con người không khác biệt gì với ta cả...”

“Đó là Bụi,” Lyra nói về am hiểu. “Chính là nó.”

“Nhưng cháu thấy đấy, nếu muốn được lắng nghe nghiêm túc, không ai lại đi nhắc đến mấy thứ như thế này trong đơn xin cấp vốn cả. Nghe rất vô lí. Không thể tồn tại. Không thể xảy ra, và dù có xảy ra được thì cũng không thích đáng. Mà nếu không phải những thứ trên thì nó cũng gây lúng túng.”

“Cháu muốn xem Động,” Lyra nói.

Cô đứng dậy.

Tiến sĩ Malone đang luồn tay qua mái tóc và chớp mắt lia lịa để giữ cho đôi mắt mệt mỏi khỏi sụp xuống.

“Ồ, sao lại không chứ,” bà nói. “Ngày mai có khi còn chẳng có cái Động nào nữa. Qua đây nào.”

Bà dẫn Lyra vào một căn phòng khác, rộng hơn và đầy chát các thiết bị điện tử.

“Nó đây. Ở đằng kia kìa,” bà nói, chỉ về phía một màn hình trống trơn đang phát ra một màu xám mờ, “đó là nơi đặt máy dò, đằng sau đồng dây dợ kia kìa. Để thấy được Bóng, ta sẽ phải được kết nối với vài điện cực. Giống như khi người ta đo sóng não đó.”

“Cháu muốn thử,” Lyra nói.

“Cháu sẽ không thấy gì đâu. Dù sao ta cũng mệt rồi. Nó quá phức tạp.”

“Xin bà! Cháu biết mình đang làm gì mà!”

“Cháu biết cơ đấy. Ước gì ta biết được. *Không*, vì Chúa. Đây là một thí nghiệm khoa học tốn kém và khó khăn. Cháu không thể cứ lao vào đây rồi hi vọng được thử nó như chơi máy bắn bóng được... Với lại, cháu từ *đâu* tới? Không phải cháu nên đi học sao? Làm sao cháu tìm được đường đến đây?”

Bà lại dụi mắt, như thể chỉ vừa mới ngủ dậy.

Lyra rùng mình. *Nói sự thật*, cô nghĩ. “Cháu tìm được đường đến đây bằng cái này,” cô nói rồi lấy Chân Kế ra.

“Cái thứ gì thế này? La bàn à?”

Lyra để cho bà cầm cái máy. Đôi mắt Tiến sĩ Malone giãn rộng khi bà cảm nhận sức nặng của nó.

“Ôi Chúa ơi, nó được làm bằng vàng ròng. Ở *đâu* mà...”

“Cháu nghĩ nó thực hiện những việc giống như Động. Đó là điều cháu muốn tìm hiểu. Nếu cháu có thể trả lời chính xác một câu hỏi,” Lyra liều lĩnh nói, “một thứ bà biết câu trả lời nhưng cháu thì không, lúc đó liệu cháu có thể thử dùng Động không?”

“Gì chứ, giờ lại chuyển sang đoán vận à? Cái thứ này là gì vậy?”

“Làm ơn! Hãy hỏi cháu một câu thôi!”

Tiến sĩ Malone thở dài. “Ôi, thôi được rồi,” bà nói. “Cho ta biết... Cho ta biết ta đã làm gì trước khi đảm nhận công việc này.”

Lyra hăm hở lấy lại Chân Kế từ tay bà rồi xoay các núm vặn. Cô có thể cảm thấy tâm trí mình đang hướng tới những bức hình phù hợp trước cả khi các kim chỉ vào chúng, và cô cũng nhận thấy chiếc kim dài đang giật lên đáp lại. Khi nó bắt đầu xoay quanh, ánh mắt cô dõi theo, quan sát, tính toán, rà soát xuống chuỗi ý nghĩa dài dằng dặc để tới được cấp độ ẩn chứa sự thật.

Rồi cô chớp mắt, thở mạnh và thoát ra khỏi trạng thái hôn mê tạm thời.

“Bà từng là một nữ tu,” cô trả lời. “Cháu sẽ chẳng đoán ra nổi đâu. Nữ tu thì thường phải sống cả đời trong tu viện của mình. Nhưng bà đã ngừng tin tưởng vào những thứ liên quan đến Giáo hội và họ để cho bà đi. Chẳng giống thế giới của cháu chút nào.”

Tiến sĩ Malone ngồi xuống chiếc ghế duy nhất, nhìn cô đắm đắm.

Lyra nói: “Đúng như vậy phải không ạ?”

“Phải. Và cháu biết được từ cái...”

“Từ Chân Kế của cháu. Cháu cho là nó hoạt động nhờ Bụi. Cháu đã cất công đến tận đây để tìm hiểu thêm về Bụi, và nó đã bảo cháu đến tìm bà. Cho nên cháu nghĩ vật chất tối của bà hẳn phải chính là nó. Vậy giờ cháu có thể thử dùng Động của bà được không?”

Tiến sĩ Malone lắc đầu, nhưng không phải để từ chối, bà chỉ làm vậy vì thấy bất lực. Bà dang hai tay ra. “Được rồi,” bà nói. “Ta nghĩ mình đang mơ. Có lẽ ta cứ nên tiếp tục thôi.”

Bà xoay ghế lại rồi ấn vài công tắc, tiếng điện chạy o o và tiếng quạt tản nhiệt của máy tính liên vang lên. Thứ âm thanh này khiến Lyra sợ hãi đến nghẹt thở, vì nó rất giống với âm thanh mà cô nghe thấy trong căn phòng sáng chói kinh hoàng ở Bolvangar, nơi cái máy chém bằng bạc suýt nữa đã chia lìa cô và Pantalaimon. Thấy con linh thú đang run rẩy trong túi áo, cô siết nhẹ để làm nó yên lòng.

Nhưng Tiến sĩ Malone không nhận ra điều đó; bà đang quá bận rộn điều chỉnh các công tắc và gõ các kí tự trong một khay màu ngà khác. Khi bà làm vậy, màn hình đổi màu, vài chữ cái và hình ảnh nhỏ xíu xuất hiện trên đó.

“Giờ thì ngồi xuống nào,” bà nói rồi đưa một cái ghế cho Lyra. Rồi bà mở một cái lọ nhỏ và nói: “Ta sẽ phải bôi chút gel lên da cháu để làm tăng tiếp xúc điện. Nó rất dễ rửa. Giờ thì ngồi yên nhé.”

Tiến sĩ Malone lấy sáu sợi cáp, mỗi cái đều có một tấm đệm phẳng ở một đầu, rồi gắn chúng vào các vị trí khác nhau trên đầu Lyra. Lyra quyết tâm ngồi im nhưng cô đang thở gấp, tim đập thình thịch.

“Được rồi, cháu đã được kết nối xong,” Tiến sĩ Malone nói. “Căn phòng này đầy ngập Bóng. Thực tế là vũ trụ cũng đầy ngập Bóng. Nhưng đây là cách duy nhất chúng ta có thể nhìn thấy chúng, bằng cách gạt bỏ mọi suy nghĩ và nhìn vào màn hình. Bắt đầu nhé.”

Lyra nhìn vào cái màn hình kính đen xì và trống trơn. Cô lơ mơ thấy hình phản chiếu của mình, nhưng chỉ có vậy. Để thử nghiệm, cô giả bộ như mình đang đọc Chân Kế, và tưởng tượng ra mình đang hỏi: Người phụ nữ này biết gì về Bụi? Bà ấy đang hỏi những câu gì?

Cô tưởng tượng mình quay các kim của Chân Kế, và khi vừa làm vậy, màn hình bắt đầu lập lòe sáng. Quá ngạc nhiên, cô bị mất tập trung khiến ánh sáng lại lịm đi. Cô không để ý rằng sự phấn khích đang lan tỏa đã khiến Tiến sĩ Malone phải ngồi thẳng người dậy: cô chau mày, rướn người về trước và bắt đầu tập trung trở lại.

Lần này cái máy phản hồi lại ngay lập tức. Một luồng sáng nhảy múa, vì cả thế giới giống như những tấm rèm cực quang lấp lánh, lóe lên trên màn hình. Chúng hình thành những họa tiết tồn tại chỉ trong giây lát rồi tan vỡ, sau đó lại tái lập dưới những dạng khác, hoặc những màu sắc khác; chúng nhào lộn và lắc lư, bắn tung ra như những bọt nước, vỡ òa thành những cơn mưa hào quang, đột ngột ngoặt hướng này hay xoay hướng kia như một đàn chim đổi hướng trên bầu trời. Trong lúc quan sát, Lyra nhận thấy một cảm giác run rẩy khi sự thấu hiểu gần kề, khiến cô nhớ lại lần mình bắt đầu đọc được Chân Kế.

Cô hỏi một câu hỏi khác: *Đây có phải là Bụi không?* Nó có phải chính là thứ tạo ra những họa tiết này và làm kim dài trên Chân Kế chuyển động không?

Câu trả lời đến dưới dạng nhiều vòng và xoáy ánh sáng nữa. Cô đoán nó có nghĩa là đúng. Rồi một ý nghĩ nữa nảy ra, cô quay lại nói với Tiến sĩ Malone thì thấy bà đang há hốc mồm, tay ôm lấy đầu.

“Sao vậy ạ?” Cô hỏi.

Màn hình lịm dần đi. Tiến sĩ Malone chớp mắt.

“Gì thế Tiến sĩ?” Lyra hỏi lại.

“À - cháu vừa trình diễn một màn sinh động nhất mà ta từng thấy, chỉ có vậy thôi,” Tiến sĩ Malone đáp. “Cháu đã làm gì vậy? Cháu đã nghĩ gì?”

“Cháu cứ nghĩ bà phải làm được rõ hơn thế này chứ,” Lyra nói.

“Rõ hơn ư? Như thế là rõ nhất rồi đó!”

“Nhưng nó nói gì ạ? Bà có đọc được không?”

“À,” Tiến sĩ Malone nói, “không đọc được nó theo kiểu đọc tin nhắn đâu, nó không hoạt động như thế. Điều đang xảy ra là các hạt Bóng đáp lại sự chú ý mà cháu dành cho chúng. Như thế đã là một cuộc cách mạng rồi: cháu thấy đấy, chúng phản ứng lại ý thức của chúng ta.”

“Không phải vậy,” Lyra giải thích, “ý cháu là những màu sắc và hình thù trên đó ấy. Những hạt Bóng này, chúng có thể làm nhiều việc khác. Chúng có thể tạo ra bất cứ hình thù nào ta muốn. Chúng có thể dựng nên những bức hình nếu ta muốn chúng làm vậy. Bà nhìn này.”

Nói rồi cô quay lưng lại và tập trung tâm trí, nhưng lần này cô tự nhủ rằng cái màn hình chính là Chân Kế, với tất cả ba mươi sáu biểu tượng trải quanh rìa. Giờ đây cô đã biết chúng quá rõ, đến mức những ngón tay cứ thế tự động xoay trong lòng trong lúc cô di chuyển những cái kim tưởng tượng để chỉ vào cây nến (biểu thị sự thấu hiểu), chữ alpha và omega (ngôn ngữ), và con kiến (sự cần cù), rồi định hình câu hỏi: Những người này sẽ phải làm gì để hiểu được ngôn ngữ của Bóng?

Màn hình phản hồi lại nhanh như chính những suy nghĩ, từ một mớ rối loạn các đường nét và ánh sáng, một chuỗi hình ảnh được hình thành rõ mồn một trước mắt: compa, lại là alpha và omega, tia chớp, thiên thần. Mỗi bức hình lóe lên với số lần khác nhau, rồi ba hình khác xuất hiện: lạc đà, vườn cây, mặt trăng.

Lyra thấy rõ được ý nghĩa của chúng, cô giải phóng sức tập trung để giải thích. Lần này khi quay lại, cô thấy Tiến sĩ Malone đang ngồi dựa lưng vào ghế, mặt trắng bệch, tay bám chặt lấy mép bàn.

“Điều nó nói,” Lyra giải thích với bà, “nó nói bằng ngôn ngữ của cháu, vâng ạ, ngôn ngữ của hình ảnh. Giống như Chân Kế. Nhưng nó cũng nói rằng nó có thể sử dụng cả ngôn ngữ thông thường nữa, từ ngữ, nếu bà mặc định nó như thế. Bà có thể sửa để nó chạy chữ lên màn hình. Nhưng bà cần phải tính toán các con số rất cẩn thận - đó là cái compa, bà thấy không - tia chớp có nghĩa là mạch, ý cháu là năng lượng điện, nhiều hơn nữa. Còn thiên thần chính là các thông điệp. Có rất nhiều thứ nó muốn nói. Nhưng khi tới nhóm hình ảnh thứ hai... Nó nhắc đến Á châu, gần như là phần xa nhất phía đông nhưng không hẳn là vậy. Cháu không biết đó là nước nào - Trung Hoa, có lẽ vậy... Ở đất nước đó người ta có một cách để nói chuyện với Bụi, ý cháu là Bóng, giống như thiết bị của bà ở đây và cách của cháu - cách của cháu là với những hình ảnh, chỉ khác là họ dùng những cái que. Cháu nghĩ nó ám chỉ bức hình trên cánh cửa, nhưng cháu không thực sự hiểu nó. Khi mới thấy, cháu đã nghĩ nó nắm giữ điều gì đó rất quan trọng, chỉ là cháu không biết điều đó là gì. Vậy nên chắc chắn là có rất nhiều cách để nói chuyện được với Bóng.”

Tiến sĩ Malone gần như không thở nổi.

“Kinh Dịch,” bà nói. “Phải, nó là của Trung Quốc. Một dạng bói toán - đoán vận, thật vậy... Và đúng, họ dùng que. Bức hình ở đó chỉ để trang trí thôi,” bà nói như để cam đoan với Lyra rằng bà không thực tin vào nó. “Cháu đang nói với ta rằng khi người ta tham khảo Kinh Dịch, họ sẽ kết nối được với các hạt Bóng? Với vật chất tối?”

“Vâng,” Lyra đáp. “Như cháu đã nói đấy, có rất nhiều cách. Đến giờ cháu mới biết. Cháu cứ nghĩ là chỉ có một cách.”

“Những hình ảnh trên màn hình...” Tiến sĩ Malone bắt đầu.

Lyra nhận thấy một ý nghĩ đang lập lờ ở một góc tâm trí mình, cô liền quay lại màn hình. Cô vừa mới bắt đầu định hình câu hỏi thì một

loạt hình ảnh lóe lên, nối tiếp nhau nhanh đến nỗi Tiến sĩ Malone gần như không theo dõi nổi; nhưng Lyra thì hiểu chúng đang nói gì và quay lại với bà.

“Nó nói rằng *bà* cũng rất quan trọng,” cô nói với nhà khoa học. “Nó nói rằng bà có việc quan trọng phải làm. Cháu không biết đó là gì, nhưng nếu không phải sự thật thì nó đã không nói thế. Nên có lẽ bà phải làm cho nó hiển thị từ ngữ để có thể hiểu được điều nó nói.”

Tiến sĩ Malone không nói gì. Rồi bà lên tiếng:

“Được rồi, cháu từ *đâu* tới?”

Lyra cong môi lên. Cô nhận ra rằng Tiến sĩ Malone, người cho tới giờ vẫn hành động trong sự kiệt sức và tuyệt vọng, bình thường sẽ không bao giờ cho một đứa trẻ lạ mặt không biết từ *đâu* đến xem công trình nghiên cứu của mình, và rằng bà đang bắt đầu hối hận với việc làm đó. Nhưng Lyra phải nói sự thật.

“Cháu tới từ một thế giới khác,” cô nói. “Thật đấy ạ. Cháu đã đến thế giới này. Cháu đang... Cháu đã phải chạy trốn, vì những người ở thế giới của cháu đang truy lùng để giết cháu. Còn chiếc Chân Kế tới từ... từ cùng một nơi. Hiệu trưởng Học viện Jordan đã đưa nó cho cháu. Ở Oxford *của cháu* có một Học viện Jordan, nhưng ở đây thì không có cái nào. Cháu đã thử tìm rồi. Cháu đã tự mình khám phá ra cách đọc Chân Kế. Cháu có cách làm đầu óc trống rỗng và lập tức cháu sẽ nhìn ra chúng muốn nói gì. Cũng giống như khi bà nói về... những nghi vấn và bí ẩn. Vì vậy cháu đã làm việc tương tự khi nhìn vào Động và nó hoạt động theo cùng một cách, có nghĩa là Bụi của cháu và Bóng của bà là cùng một thứ. Nên...”

Lúc này Tiến sĩ Malone đã tỉnh táo hoàn toàn. Lyra nhặt chiếc Chân Kế lên rồi bọc lớp vải nhung lên cái máy giống như một người mẹ bảo vệ đứa con của mình, trước khi cho nó vào balô.

“Nên nói chung là,” cô nói, “nếu muốn, bà có thể làm cho cái màn hình này nói chuyện với mình bằng ngôn từ. Rồi bà có thể nói chuyện với Bóng giống như cháu nói chuyện với Chân Kế. Nhưng điều cháu

muốn biết là tại sao người ở thế giới của cháu lại ghét nó? Bụi, ý cháu là Bóng. Vật chất tối. Họ muốn hủy bỏ nó. Họ nghĩ nó là tội ác. Nhưng cháu lại cho rằng những gì họ làm mới là tội ác. Cháu đã thấy những việc họ làm. Vậy Bóng là gì ạ? Nó là thiện hay ác, hay là gì vậy ạ?”

Tiến sĩ Malone xoa mặt, khiến đôi má bà còn ửng đỏ hơn lúc trước.

“Tất cả mọi điều về thứ này đều thật *đáng xấu hổ*,” bà nói. “Cháu có biết thật xấu hổ thế nào khi nhắc đến thiện và ác ở một phòng thí nghiệm khoa học không? Cháu có hiểu gì không vậy? Một trong những lí do khiến ta trở thành nhà khoa học là để không phải nghĩ về những thứ như thế.”

“Bà *phải* nghĩ về nó,” Lyra nghiêm nghị nói. “Bà không thể nghiên cứu Bóng, Bụi, hay là cái gì đi nữa, mà không nghĩ về những điều như vậy, những điều về thiện ác hay đại loại vậy. Và cháu xin nhắc bà nhớ là chính Động đã nói như vậy. Bà không thể từ chối được. Khi nào người ta định đóng cửa nơi này ạ?”

“Ủy ban cấp vốn quyết định là vào cuối tuần... Sao thế?”

“Vì như vậy thì bà có tối nay,” Lyra nói. “Bà có thể thiết lập cho cái máy này hiển thị từ ngữ lên màn hình thay vì hình ảnh giống như cháu đã làm. Bà có thể thực hiện việc đó dễ dàng. Rồi bà có thể cho họ xem và họ sẽ phải cấp tiền để bà tiếp tục nghiên cứu. Như vậy bà sẽ có thể tìm hiểu tất cả về Bụi, hay Bóng, rồi kể cho cháu. Bà thấy đấy,” cô bé nói tiếp với vẻ hơi ngạo mạn, giống như một nữ công tước miêu tả một người hầu kém cỏi, “Chân Kế không nói cụ thể về việc cháu cần làm. Nhưng bà có thể tìm hiểu giùm cháu. Nếu không chắc cháu sẽ thử dùng mấy cái que thứ Kinh Dịch kia. Nhưng xử lí hình ảnh thì khá dễ, ít nhất thì cháu nghĩ vậy. Cháu tháo cái này xuống đây,” cô nói thêm rồi kéo các cực điện ra khỏi đầu.

Tiến sĩ Malone đưa cho cô một tờ giấy ăn để lau sạch gel rồi cuộn các sợi cáp lại.

“VẬY cháu đi bây giờ à?” Bà hỏi. “Chà, cháu đã cho ta một giờ đồng hồ kì lạ, thật vậy đấy.”

“Bà có định để nó hiện chữ không?” Lyra hỏi trong lúc sắp xếp lại balô.

“Ta dám chắc nó cũng hữu ích như việc hoàn thiện đơn xin cấp vốn vậy,” Tiến sĩ Malone nói. “Không, nghe này. Ta muốn cháu quay lại vào ngày mai. Cháu có thể làm vậy không? Khoảng tầm giờ này? Ta muốn cháu cho người khác xem.”

Lyra nheo mắt. Liệu đây có phải một cái bẫy không?

“Ồm, được ạ,” cô nói. “Nhưng bà hãy nhớ là cháu có những việc cần phải biết.”

“Phải. Đương nhiên rồi. Cháu sẽ đến chứ?”

“Vâng,” Lyra nói. “Nếu cháu nói là có thì cháu sẽ làm. Cháu có thể giúp bà, cháu nghĩ vậy.”

Rồi cô rời khỏi phòng thí nghiệm. Ông bảo vệ ở bàn tiếp tân ngược lên nhìn một chút rồi lại quay lại với đồng giấy tờ.

“Cuộc khai quật Nuniatak,” nhà khảo cổ học nói trong lúc xoay ghế vòng quanh. “Cháu là người thứ hai trong tháng hỏi ta về việc đó.”

“Người còn lại là ai ạ?” Will hỏi, lập tức trở nên cảnh giác.

“Ta nghĩ ông ta là một phóng viên, ta không chắc lắm.”

“Tại sao ông ấy lại muốn biết về nó ạ?” Cậu bé hỏi.

“Liên quan tới một trong những người đàn ông mất tích trong chuyến đi đó. Đoàn thám hiểm biến mất đúng lúc chiến tranh lạnh lên cao trào. *Star Wars*. Có lẽ cháu còn quá nhỏ để nhớ được chuyện đó. Mỹ và Nga xây dựng những trạm radar khổng lồ xuyên khắp vùng Cực Bắc... Mà ta có thể giúp gì cho cháu đây?”

“À,” Will nói, cố gắng giữ bình tĩnh, “cháu chỉ muốn tìm hiểu về đoàn thám hiểm đó thôi ạ. Cho một đề án học tập về người tiền sử. Cháu đã đọc được về đoàn thám hiểm bị mất tích này và thấy tò mò.”

“À, như cháu thấy đấy, cháu không phải là người duy nhất. Vào lúc đó sự việc cũng rùm beng lắm. Ta đã tìm kiếm khắp nơi cho phóng viên kia. Đó chỉ là một cuộc khảo sát sơ bộ, không hẳn là khai quật. Người ta không thể tiến hành đào bới khi chưa biết nó có đáng dành thời gian không, vì vậy nhóm này đi với mục đích kiểm tra một vài điểm nghiên cứu để lập báo cáo. Tổng cộng có sáu người tất cả. Trong những cuộc thám hiểm như thế này, đôi khi người ta kết hợp với thành viên của ngành khác, cháu biết đấy, kiểu như với các nhà địa lí hay gì đấy, để chia chi phí. Họ kiểm tra thứ của họ, còn ta làm việc của ta. Trường hợp này thì có một nhà vật lí trong nhóm. Ta nghĩ ông ấy muốn kiểm tra các hạt khí quyển tầng cao. Cực quang, cháu biết đấy, ánh sáng phương bắc. Ông ta có những quả khí cầu gắn máy phát sóng radio, có vẻ như vậy.

“Ngoài ra còn có một người đàn ông khác đi cùng với họ. Một cựu sĩ quan hải quân, dạng như một nhà thám hiểm chuyên nghiệp. Họ đã tiến vào một vùng lãnh thổ khá hoang dã, mà gấu trắng lại luôn là một hiểm họa ở Cực Bắc. Các nhà khảo cổ có thể giải quyết vài việc, nhưng chúng ta không được đào tạo để bắn súng, vậy nên sẽ rất hữu dụng khi có một người có thể dùng súng, định hướng, lập trại và lo tất cả những việc liên quan đến sinh tồn.

“Nhưng rồi tất cả bọn họ đều biến mất. Họ giữ liên lạc qua radio với một trạm khảo sát địa phương, nhưng một ngày họ không đến nữa, và từ đó không ai nghe được gì thêm về họ. Đã có một trận bão tuyết, nhưng điều đó chẳng có gì bất thường cả. Đội tìm kiếm đã tìm thấy nơi cuối cùng họ cắm trại, mọi thứ vẫn còn khá nguyên vẹn, mặc dù lũ gấu đã ăn mất đồ dự trữ của họ, nhưng không có một chút dấu hiệu nào của những người đó cả.

“Đó là tất cả những gì ta có thể nói với cháu, ta e là vậy.”

“Vâng,” Will nói. “Cảm ơn ông. À... ông phóng viên kia,” cậu dừng lại bên cánh cửa và nói tiếp, “ông nói rằng ông ta có quan tâm đến một người trong đoàn. Đó là ai vậy ạ?”

“Nhà thám hiểm. Một người đàn ông tên là Parry.”

“Ông ấy trông như thế nào ạ? Ý cháu là ông phóng viên ấy?”

“Cháu muốn biết điều đó làm gì?”

“Vì...” Will không thể nặn ra được một lí do khả dĩ. Đáng ra cậu không nên hỏi. “Chẳng có lí do gì cả ạ. Cháu chỉ thắc mắc thôi.”

“Theo như ta nhớ thì đó là một người đàn ông cao lớn có mái tóc vàng. Màu tóc rất nhạt.”

“Vâng, cảm ơn ông,” Will nói rồi quay lưng lại để đi.

Người đàn ông im lặng nhìn cậu rời khỏi phòng, hơi cau mày một chút. Will nhìn thấy ông ta với lấy điện thoại, cậu liền nhanh chóng rời khỏi tòa nhà.

Cậu thấy mình đang run lấy bầy. Cái gã được gọi là phóng viên ấy chính là một trong những tên đã đến nhà cậu: một người đàn ông cao lớn với mái tóc nhạt màu đến mức trông hắc như thể không có lông mày hay lông mi. Hắc không phải là kẻ Will đã đẩy ngã xuống cầu thang: đó là kẻ đã xuất hiện ở cửa phòng khách khi Will chạy xuống và nhảy lao qua cái xác.

Nhưng hắc không phải là phóng viên.

Gần đó có một bảo tàng lớn. Will bước vào, cầm cái kẹp tài liệu như thể đang làm việc, rồi ngồi xuống trong một phòng trưng bày treo đầy tranh. Cậu đang run lập cập và cảm thấy nôn nao, vì đè nặng lên tâm trí cậu là nhận thức về việc mình đã giết người, cậu là kẻ sát nhân. Cậu đã cố gắng kiềm chế cho tới tận lúc này, nhưng nó đang siết chặt lại. Cậu đã cướp đi mạng sống của một người đàn ông.

Cậu ngồi im trong nửa tiếng đồng hồ, đó là nửa tiếng tồi tệ nhất mà cậu từng trải qua. Mọi người vẫn cứ đến và đi, ngắm tranh, nói chuyện thật khẽ, và lơ cậu đi; một nhân viên phòng tranh đứng ở ngưỡng cửa trong vài phút, hai tay chắp sau lưng, nhưng rồi ông ta

cũng bỏ đi. Chỉ còn Will ở đó vật lộn với nỗi kinh hoàng mình đã gây ra, không dám nhúc nhích.

Dần dần cậu cũng trấn tĩnh lại. Cậu đã bảo vệ mẹ mình. Chúng khiến bà hoảng sợ: xét đến tình trạng bà đang mắc phải thì chúng đã khủng bố bà. Cậu có quyền bảo vệ cho ngôi nhà của mình. Bố cậu hẳn đã muốn cậu làm điều đó. Cậu làm thế vì nó là việc cần thiết. Cậu làm thế để ngăn chúng lấy cắp cái kẹp tài liệu da màu xanh lục. Cậu làm vậy để có thể tìm thấy bố mình; chẳng lẽ cậu lại không có quyền làm điều đó? Cậu nhớ lại những trò chơi thời thơ ấu, khi cậu và bố cứu nhau thoát khỏi những vụ tuyết lở hay chiến đấu với cướp biển, chà, giờ thì nó thành sự thật rồi. “Con sẽ tìm được bố,” cậu tự nhủ trong đầu. “Xin hãy giúp cho con tìm được bố, rồi chúng ta sẽ chăm sóc mẹ, và mọi việc sẽ lại ổn thôi...”

Xét cho cùng thì giờ cậu cũng đã có một chỗ để ẩn náu, một nơi an toàn đến nỗi sẽ chẳng ai tìm được cậu. Cả giấy tờ trong cái kẹp (cậu vẫn chưa có thời gian đọc) cũng đã an toàn dưới tấm đệm ở Cittagazze.

Cuối cùng cậu cũng nhận thấy rằng mọi người đang di chuyển có chủ đích hơn, tất cả đều đi về một hướng. Họ đang ra về vì người nhân viên vừa thông báo rằng bảo tàng sẽ đóng cửa trong mười phút nữa. Will lên tinh thần rồi đứng dậy đi. Cậu tìm đường đến Phố High, nơi có văn phòng của ông cố vấn pháp luật, và tự hỏi không biết có nên gặp ông ta bất chấp những gì cậu đã nói trước đó không. Ông ta tỏ ra khá thân thiện...

Nhưng khi vừa quyết định băng qua đường để đi vào thì cậu dừng khựng lại.

Gã đàn ông với bộ lông mày nhạt màu đang bước ra khỏi ô tô.

Will lập tức rẽ ngang một cách rất tự nhiên rồi nhìn vào cửa kính của một tiệm kim hoàn bên cạnh. Cậu thấy bóng phản chiếu của gã đàn ông đang nhìn quanh quất, chỉnh lại nút thắt trên cravat, rồi bước vào văn phòng của ông cố vấn. Hẳn vừa bước vào thì Will liền bỏ đi, tìm lại

nện thành thạch. Chẳng có chỗ nào an toàn cả. Cậu hướng đến thư viện đại học và đợi Lyra tới.

5

Giấy viết thư máy bay

“Will,” Lyra gọi.

Cô bé dù nói rất khẽ cũng khiến cậu giật nảy mình. Cậu không hề nhận ra cô đang ngồi trên chiếc trường kỉ bên cạnh mình.

“Cậu từ đâu tới vậy?”

“Tớ tìm thấy học giả của mình rồi! Là Tiến sĩ Malone. Bà ấy có một cái máy có thể nhìn được Bụi và bà ấy sẽ làm cho nó nói được...”

“Tớ không thấy cậu đến.”

“Cậu có nhìn đâu,” cô nói. “Chắc là cậu đang nghĩ đến chuyện khác. May mà tớ tìm được cậu. Đây, lừa người khác dễ lắm. Cậu nhìn nhé...”

Hai sĩ quan cảnh sát đang tiến về phía chúng; một người đàn ông và một người phụ nữ đi tuần trong bộ y phục mùa hè màu trắng, cùng với máy bộ đàm, dùi cui và đôi mắt đầy hồ nghi. Họ chưa kịp đến chỗ trường kỉ thì Lyra đã đứng dậy bắt chuyện với họ.

“Làm ơn chỉ cho cháu Bảo tàng ở đâu với,” cô nói. “Cháu và anh trai đáng ra phải gặp cha mẹ mình ở đó nhưng bọn cháu lại bị lạc.”

Viên cảnh sát nhìn Will còn Will thì cố nén cơn giận và nhún vai như để nói cô bé nói đúng, chúng tôi bị lạc rồi, thật ngớ ngẩn phải không. Người đàn ông mỉm cười. Người phụ nữ nói: “Bảo tàng nào cơ? Ashmolean à?”

“Vâng, là nó ạ,” Lyra đáp rồi giả vờ chăm chú lắng nghe chỉ dẫn của người phụ nữ.

Will đứng dậy nói “Cảm ơn,” rồi cậu và Lyra cùng đi. Chúng không quay lại nhìn, nhưng hai sĩ quan đã không còn hứng thú nữa rồi.

“Thấy không?” Cô nói. “Nếu họ đang lùng tìm cậu thì tớ đã ngăn chặn việc đó rồi. Vì họ sẽ không kiếm một cậu nhóc có em gái đâu. Tốt hơn hết là từ giờ tớ nên đi cùng cậu,” cô nói tiếp về trách móc khi chúng đã rẽ qua góc phố. “Cậu đi một mình không an toàn đâu.”

Cậu bé không nói gì. Tim cậu đang lồng lên vì giận dữ. Hai đứa sóng bước về phía một tòa nhà tròn trịa với đỉnh tròn khổng lồ nặng nề, đặt trong một quảng trường bao bởi những tòa nhà học viện bằng đá màu mật ong, nhà thờ và các thân cây tán rộng phía trên những bức tường cao quanh vườn. Mặt trời buổi chiều làm bừng lên những sắc thái ấm áp nhất trên vạn vật, có cảm giác như bầu không khí cũng thấm đượm thứ màu của loại rượu vàng óng đậm đà. Toàn bộ lá cây đều lặng như tờ, và trong khu quảng trường nhỏ bé này, thậm chí cả tiếng ồn do xe cộ cũng bị bịt lại.

Cuối cùng cô bé cũng nhận ra cảm xúc của Will, cô hỏi: “Có chuyện gì thế?”

“Cậu mà nói chuyện với người khác thì chỉ tổ gây chú ý thôi,” cậu bé nói bằng giọng run rẩy. “Cậu mà cứ ngoan ngoãn im lặng thì người ta đã bỏ qua rồi. Tớ vẫn làm thế suốt. Tớ biết cách. Cách của cậu, cậu chỉ - cậu khiến bản thân bị chú ý. Cậu không nên làm vậy. Đừng có đùa giỡn nữa. Cậu chẳng nghiêm túc gì cả.”

“Cậu nghĩ vậy à?” Cô nói, cơn giận bùng lên. “Cậu nghĩ tớ không biết cách nói dối hay gì sao? Tớ là kẻ nói dối tài ba nhất từng xuất hiện. Nhưng tớ không hề nói dối cậu, và sẽ không bao giờ làm vậy, thề luôn. Cậu đang gặp nguy hiểm, và nếu tớ không làm việc vừa làm thì cậu đã bị tóm rồi. Cậu không thấy họ đang nhìn mình à? Họ đã nhìn cậu đấy. Cậu không cẩn thận chút nào. Nếu cậu muốn ý kiến của tớ thì chính cậu mới là đứa không nghiêm túc.”

“Tớ mà không nghiêm túc thì cứ vấn vợ đợi cậu làm gì trong khi tớ đã có thể cao chạy xa bay rồi ? Hoặc trốn đi cho khuất mắt, an toàn ở cái thành phố kia? Tớ cũng có việc cần làm nhưng lại phải lờn vờn ở đây để có thể giúp cậu. Đừng có nói với tớ là tớ không nghiêm túc.”

“Cậu cần *phải* vượt qua,” cô bé giận dữ nói. Không ai được phép nói với cô như vậy: cô là một quý tộc. Cô là Lyra. “Cậu phải làm được, nếu không cậu sẽ không bao giờ tìm hiểu được bất cứ điều gì về bố mình. Cậu làm vậy là cho bản thân, không phải cho tớ.”

Hai đứa trẻ hăng máu cãi nhau, nhưng cố gắng kìm giọng vì sự tĩnh lặng trong quảng trường và những người đang đi lại gần đó. Tuy nhiên, khi nghe cô nói vậy, Will lập tức ngừng lại. Cậu bé phải tựa người vào bức tường của học viện phía sau lưng. Mặt cậu tái nhợt đi.

“Cậu thì biết gì về bố tớ chứ?” Cậu nói thật khế.

Cô bé đáp lại bằng giọng y hệt. “Tớ không biết gì cả. Tớ chỉ biết là cậu đang đi tìm ông ấy. Tớ chỉ hỏi mỗi chuyện đó thôi.”

“Hỏi *ai* cơ?”

“Chân Kế, đương nhiên rồi.”

Phải mất một lúc cậu bé mới nhớ ra cái mà cô bé nói đến là gì. Rồi trông cậu tức giận và nghi ngờ đến mức cô phải lấy cái máy ra khỏi balô và nói: “Được rồi, tớ sẽ cho cậu xem.”

Cô ngồi xuống lề đường lát đá quanh bãi cỏ giữa quảng trường, cúi đầu xuống thiết bị bằng vàng và bắt đầu vặn núm. Những ngón tay cô cử động nhanh đến mức gần như không thể thấy nổi, cô nghỉ vài giây trong lúc cái kim mảnh quét quanh, dừng lại ở chỗ này chỗ kia, rồi lại vặn các kim sang vị trí mới cũng nhanh không kém lúc trước. Will cẩn thận nhìn xung quanh, nhưng không có ai ở gần đó để có thể thấy được; một đoàn du lịch ngắm nghía tòa nhà đỉnh tròn, một người bán kem đẩy xe dọc theo vỉa hè, nhưng họ đang chú ý tới chỗ khác.

Lyra chớp mắt và thở dài như thể vừa mới tỉnh dậy sau một giấc ngủ.

“Mẹ cậu đang bị bệnh,” cô khẽ nói. “Nhưng bà ấy vẫn an toàn. Có một người phụ nữ đang chăm lo cho bà ấy. Cậu đã lấy đi vài bức thư và bỏ trốn. Có một người đàn ông, tớ nghĩ ông ta là kẻ trộm, cậu đã giết ông ta. Cậu đang tìm bố mình, và...”

“Được rồi, im đi,” Will nói. “Thế là đủ rồi. Cậu không có quyền nhòm ngó đời tư của tớ như thế. Đừng bao giờ làm vậy nữa. Như thế là nhìn lén.”

“Tớ biết khi nào cần ngừng hỏi,” cô nói. “Thấy không, Chân Kế cũng giống như con người vậy, gần như thế. Tớ có thể biết được khi nào thì nó sắp cáu hay khi nào thì có những thứ nó không muốn tớ biết. Kiểu như là tớ có thể cảm nhận được ấy. Nhưng khi cậu đột nhiên xuất hiện vào ngày hôm qua, tớ đã phải hỏi nó xem cậu là ai, nếu không tớ có thể bị nguy hiểm. Tớ buộc phải làm vậy. Và nó nói...” Giọng cô lại hạ xuống. “Nó nói cậu là một kẻ giết người, tớ đã nghĩ là tốt quá, không sao hết, cậu là người tớ có thể tin tưởng. Nhưng tớ không hỏi thêm cho tới tận lúc này. Nếu cậu không muốn tớ hỏi nữa, tớ hứa sẽ không làm. Đây không phải là trò xem ảnh qua lỗ ngắm. Nếu tớ không làm gì khác ngoài việc nhòm ngó mọi người, Chân Kế sẽ dừng hoạt động. Tớ biết điều đó rõ như biết về Oxford của mình vậy.”

“Mấy chuyện đó cậu có thể hỏi tớ thay vì cái máy. Nó có nói bố tớ còn sống hay đã chết không?”

“Không, vì tớ không hỏi.”

Lúc này cả hai đều đang ngồi. Will kiệt sức vùi đầu vào hai bàn tay.

“Chắc,” cuối cùng cậu lên tiếng, “tớ nghĩ là bọn mình sẽ phải tin tưởng lẫn nhau thôi.”

“Không sao. Tớ tin cậu mà.”

Will nghiêm nghị gật đầu. Cậu đã quá mệt mỏi, mà ở thế giới này thì chẳng có một chút khả năng nào là cậu sẽ được ngủ. Thông thường Lyra không nhạy cảm đến vậy, nhưng có điều gì đó trong dáng vẻ của cậu khiến cô nghĩ: cậu ấy đang sợ hãi, nhưng cậu đã làm chủ nỗi sợ của

mình, giống như điều Iorek Byrnison nói chúng mình phải làm; giống như việc mình đã làm tại căn nhà chứa cá bên cái hồ đóng băng.

“Mà Will ạ,” cô nói thêm, “tớ sẽ không bán đứng cậu đâu, không cho bất cứ ai hết. Hứa đấy.”

“Tốt.”

“Hồi trước tớ đã từng làm vậy. Tớ đã phản bội một người. Đó là điều tồi tệ nhất tớ từng làm. Tớ cứ nghĩ là mình thật ra đang cứu sống cậu ấy, nhưng chính tớ lại dẫn cậu ấy thẳng vào nơi nguy hiểm nhất trên thế giới. Tớ ghét bản thân vì điều đó, vì đã quá ngu ngốc. Vì vậy tớ sẽ cực kì cố gắng để không bất cẩn hay quên đi điều gì, dẫn tới việc phản bội cậu.”

Cậu bé không nói gì. Cậu dụi mắt rồi chớp lia lịa, cố gắng tỉnh táo lại.

“Phải một lúc lâu nữa chúng ta mới có thể trèo qua cái cửa sổ để quay lại được,” cậu nói. “Đáng ra chúng ta không nên đi qua vào giữa ban ngày. Không thể mạo hiểm để bị ai đó nhìn thấy được. Giờ thì ta sẽ phải quanh quẩn hàng giờ đồng hồ...”

“Tớ đói rồi,” Lyra nói.

Rồi cậu nói: “Tớ biết rồi! Chúng ta có thể đến rạp chiếu phim!”

“Rạp gì cơ?”

“Tớ sẽ chỉ cho cậu. Chúng ta cũng có thể kiếm chút thức ăn ở đó nữa.”

Gần trung tâm thành phố có một rạp chiếu phim, cách đó mười phút đi bộ. Will trả tiền vé cho cả hai rồi mua hot dog, bỏng ngô và Coca-Cola. Sau đó chúng mang đồ ăn vào trong và ngồi xuống đúng lúc bộ phim bắt đầu.

Trải nghiệm đó khiến Lyra mê mẩn. Cô bé đã từng thấy ảnh chiếu, nhưng không thứ gì ở thế giới của mình giúp cô sẵn sàng cho rạp chiếu phim. Cô ngẫu nhiên ăn hot dog và bỏng ngô, ừng ực uống Coca-Cola, hết há hốc mồm rồi lại cười lớn cùng với niềm vui của các nhân

vật trên màn ảnh. May mắn là phòng chiếu đầy ắp trẻ con và rất ồn ào nên sự phấn khích của cô không bị lộ liễu. Will lập tức nhắm mắt lại rồi ngủ thiếp đi.

Cậu tỉnh dậy khi nghe thấy tiếng ghế lạch xạch lúc mọi người đứng lên, ánh sáng khiến cậu phải chớp mắt vài lần. Đồng hồ của cậu chỉ tám giờ mười lăm. Lyra miễn cưỡng rời khỏi phòng chiếu.

“Đó là thứ đỉnh nhất tớ từng được xem trong suốt cuộc đời,” cô bé nói. “Không biết tại sao người ta lại không phát minh ra nó ở thế giới của tớ nữa. Chúng tớ có vài thứ tốt hơn các cậu, nhưng cái này còn tốt hơn *bất cứ thứ gì* chúng tớ có.”

Will thậm chí còn chẳng nhớ nổi nội dung bộ phim. Bên ngoài trời vẫn còn sáng, các con phố vẫn tấp nập.

“Cậu có muốn xem phim khác không?”

“Có!”

Vậy là chúng đi tới rạp chiếu phim tiếp theo, ở quanh góc phố cách đó vài trăm mét, và lại làm như vậy. Lyra ngồi xuống, thu chân lên ghế, tay ôm lấy hai đầu gối, còn Will thì để cho tâm trí trở nên trống rỗng. Lần này khi chúng ra ngoài thì đã là gần mười một giờ: tốt hơn nhiều rồi.

Lyra lại thấy đói, nên chúng mua hamburger từ quầy hàng di động rồi vừa đi vừa ăn, lại là một thứ mới mẻ với cô bé.

“Chúng tớ luôn ngồi xuống để ăn. Tớ chưa từng thấy ai vừa đi lại vừa ăn cả,” cô nói với Will. “Nơi này khác biệt ở nhiều mặt quá. Một ví dụ là giao thông. Tớ không thích nó. Nhưng tớ thích rạp chiếu phim, cả hamburger nữa. Tớ rất thích chúng. Còn vị học giả đó, Tiến sĩ Malone, bà ấy sẽ làm cho cái máy sử dụng từ ngữ. Tớ biết chắc như vậy. Ngày mai tớ sẽ quay lại đó để xem bà ấy tiến hành đến đâu rồi. Dám cá là tớ có thể giúp được bà ấy. Có khi tớ còn có thể khiến các học giả cấp cho bà ấy số tiền mong muốn nữa cơ. Cậu có biết cha tớ đã làm thế nào không? Ngài Asriel ấy? Ông ấy đã chơi khăm họ...”

Trong lúc đi lên Đường Banbury, cô bé kể với cậu về cái đêm cô trốn trong tủ quần áo quan sát Ngài Asriel cho các học giả Jordan xem cái đầu đứt lìa của Stanislaus Grumman trong bình hút chân không. Và vì Will là một khán giả chuyên tâm nên cô theo đà kể cho cậu nghe nốt phần còn lại của câu chuyện, từ lúc cô trốn thoát khỏi căn hộ của Phu nhân Coulter cho tới khoảnh khắc kinh khủng khi cô nhận ra mình đã dẫn Roger tới cái chết trên những vách núi băng giá của Svalbard. Will lắng nghe mà không nhận xét gì, nhưng cậu rất chú tâm và đầy cảm thông. Những lời cô kể về chuyến du hành trên khí cầu, về những con gấu mặc giáp và các phù thủy, về đội quân báo thù của Giáo hội, dường như tất cả đều khớp nối lại với giấc mơ kì lạ của cậu về một thành phố xinh đẹp bên bờ biển, trống rỗng, yên lặng và an toàn: nó không thể nào có thật, chỉ đơn giản vậy thôi.

Nhưng cuối cùng hai đứa trẻ cũng tới được đường vành đai và hàng cây duyên mộc. Lúc này chỉ còn rất ít xe cộ qua lại: cứ khoảng một phút lại có một chiếc xe, không hơn. Ô cửa sổ kia rồi. Will cảm thấy mình đang mỉm cười. Mọi việc rồi sẽ ổn thôi.

“Đợi đến khi nào không có xe nữa,” cậu nói. “Tớ đi qua đây.”

Một lúc sau cậu đã đứng trên thảm cỏ dưới hàng cọ, một hoặc hai giây sau thì Lyra sang theo.

Chúng cảm thấy như được về nhà. Buổi đêm ấm áp thoáng đãng, hương hoa và mùi biển, sự tĩnh lặng, tưới tắm chúng như làn nước êm dịu.

Lyra vươn người ngáp, còn Will thì cảm thấy một gánh nặng khủng khiếp vừa được cởi bỏ khỏi vai cậu. Cả ngày cậu đã phải mang theo nó, cậu không hề nhận ra rằng nó đã gần như đè nghiền mình xuống đất; nhưng giờ thì cậu thấy thật nhẹ nhõm, tự do và bình yên.

Đột nhiên Lyra ghì chặt lấy tay cậu. Cùng giây phút đó cậu nghe thấy thứ khiến cô bé phản ứng như vậy.

Đâu đó trong những con phố nhỏ đằng sau quán cà phê, có thứ gì đó đang gào thét.

Will lập tức tiến về phía nguồn âm thanh, Lyra liền bám theo khi cậu lao xuống con hẻm nhỏ sắp bóng vì ánh trăng. Sau vài lần rẽ rồi ngoặt, chúng bước ra quảng trường phía trước tòa tháp bằng đá mà cả hai đã thấy sáng hôm đó.

Khoảng hai mươi đứa trẻ con đang hướng mặt vào trong một hình bán nguyệt dưới chân tòa tháp, vài đứa tay cầm que, mấy đứa khác lại đang ném đá vào thứ gì đó mà chúng dồn vào chân tường. Ban đầu Lyra tưởng là một đứa trẻ khác, nhưng phát ra từ trong hình bán nguyệt là một tiếng kêu than chói tai kinh hoàng, hoàn toàn không phải của con người. Đám trẻ con cũng đang gào thét vì sợ hãi và căm hờn.

Will chạy lên phía đám trẻ và kéo đứa đầu tiên lại. Đó là một thằng bé trạc tuổi cậu, mặc áo phong kẻ sọc. Khi nó quay lại, Lyra nhìn thấy những đường viền trắng hoang dại quanh con người của nó, rồi những đứa trẻ khác cũng để ý thấy chuyện đang diễn ra và dừng lại để nhìn. Angelica và em trai của nó cũng ở đó, tay cầm đá, mắt của tất cả đám trẻ đều lóe lên dữ tợn dưới ánh trăng.

Chúng im bật. Chỉ còn tiếng kêu rên lạnh lạnh vẫn tiếp diễn, rồi cả Will và Lyra đều thấy thứ đó là gì: một con mèo mướp đang co rúm vào tường tòa tháp, tai bị rách còn đuôi thì gãy gập. Đó chính là con mèo trông giống Moxie mà Will đã thấy ở Đại lộ Sunderland, con mèo đã dẫn cậu đến ô cửa sổ.

Ngay khi nhìn thấy nó, cậu liền đẩy thằng bé mình đang giữ sang một bên. Thằng bé lăn kênh ra đất nhưng đã lập tức đứng dậy, điên tiết, khiến những đứa khác phải ngăn nó lại. Will tới quỳ xuống bên con mèo.

Và rồi con mèo đã nằm gọn trong vòng tay cậu bé. Nó lao vào ngực cậu, cậu ẵm nó sát vào người rồi đứng dậy đối mặt với đám trẻ. Trong một giây điên rồ, Lyra đã nghĩ rằng cuối cùng linh thú của cậu cũng xuất hiện.

“Chúng mày hành hạ con mèo này để làm gì thế?” Cậu bé gất lên, nhưng chẳng đứa nào trả lời được. Chúng đứng run rẩy trước cơn thịnh

nộ của Will, thở nặng nhọc, tay siết chặt que và gạch đá, không dám hé một lời nào.

Nhưng rồi giọng Angelica vang lên lạnh lót: “Mày không phải người ở đây! Mày không đến từ Ci’gazze! Mày chẳng biết gì về lũ Quỷ hút hồn, cũng chẳng biết gì về mèo hết. Mày không giống bọn này!”

Thằng bé mặc áo phong kẻ sọc vừa bị Will đẩy ngã đang run lên muốn đánh nhau. Nếu không phải vì con mèo đang nằm trong vòng tay Will, hẳn nó đã lao tới tấn công bằng nắm đấm, răng và bàn chân, và Will cũng sẽ vui lòng tham chiến: giữa chúng lóe lên một luồng điện căm thù đến mức chỉ có bạo lực mới có thể làm dịu đi. Nhưng thằng bé kia lại sợ con mèo.

“Mày từ đâu đến?” Thằng bé nói vẻ khinh khỉnh.

“Bọn tao từ đâu đến thì ảnh hưởng gì. Nếu chúng mày sợ con mèo này thì tao sẽ mang nó đi. Nếu nó mang vận rủi đến cho chúng mày thì nó sẽ là vận may của bọn tao. Giờ thì tránh đường đi.”

Trong một thoáng, Will đã nghĩ rằng sự căm hờn của chúng sẽ lấn át nỗi sợ, và cậu sẵn sàng đặt con mèo xuống để chiến đấu, nhưng đúng lúc đó thì một tiếng gầm rung chuyển trời đất vang lên từ phía sau lũ trẻ. Chúng quay lại thấy Lyra đứng đặt tay lên vai một con báo đốm khổng lồ đang phô ra hàm răng trắng ớn và sáng loáng. Đến cả Will dù đã nhận ra Pantalaimon cũng phải hoảng hốt mất trong giây lát. Ảnh hưởng của nó lên lũ trẻ thật ấn tượng: chúng quay lưng bỏ chạy ngay tức khắc. Chỉ vài giây sau quảng trường đã trống trơn.

Trước khi chúng rời đi, Lyra ngược lên nhìn tòa tháp. Pantalaimon gầm gừ để giục cô. Cô bé thoáng nhìn thấy có ai đó trên tầng cao nhất đang nhìn xuống qua bờ tường đục lỗ châu mai, đó cũng không phải là một đứa trẻ mà là một thanh niên có mái tóc xoắn.

Nửa tiếng sau chúng đã ở trong căn hộ phía trên quán cà phê. Will tìm được một hộp sữa đặc có đường, con mèo ngẫu nhiên ăn rồi bắt đầu liếm vết thương. Pantalaimon vì tò mò nên biến thành dạng mèo. Ban

đầu con mèo dựng lông lên về ngờ vực, nhưng nó đã sớm nhận ra rằng dù Pantalaimon có là cái gì đi nữa thì nó không phải là một con mèo thật sự, cũng chẳng phải một mối họa, nên bèn lờ nó đi.

Lyra mê mải quan sát Will chăm sóc con mèo. Những con vật duy nhất cô từng tới gần ở thế giới của mình (ngoại trừ đám gấu mặc giáp) là lũ động vật lao động thuộc kiểu này hay kiểu khác: mèo được nuôi ở Học viện Jordan để bắt chuột, chứ không phải để làm thú cưng.

“Tớ nghĩ đuôi nó bị gãy mất rồi,” Will nói. “Tớ không biết phải làm gì với nó. Có lẽ nó sẽ tự lành. Tớ sẽ bôi chút mật ong lên tai nó. Tớ đọc được ở đâu đó là làm như vậy sẽ khử trùng...”

Nhìn thì khá là bẩn, nhưng ít nhất nó cũng khiến con mèo bận liêm, và vết thương cứ thế được làm sạch hơn.

“Cậu có chắc đây là con mèo mình đã nhìn thấy không?” Cô hỏi.

“Ồ, có chứ. Với lại, nếu tất cả bọn chúng sợ mèo đến thế thì tức là không có con nào ở thế giới này cả. Có lẽ nó không tìm được đường về chỗ cũ.”

“Bọn chúng bị điên rồi,” Lyra nói. “Suýt nữa thì chúng giết chết con mèo. Tớ chưa bao giờ thấy trẻ con xử sự như vậy.”

“Tớ thì thấy rồi,” Will nói.

Nhưng cậu đã giấu cảm xúc đi bằng vẻ mặt lạnh như tiền: cậu không muốn nói về chuyện đó, Lyra cũng biết là không nên hỏi. Cô biết rằng mình thậm chí sẽ không hỏi Chân Kế.

Cô bé đang rất mệt mỏi nên đã nhanh chóng leo lên giường và thiếp đi chỉ trong chốc lát.

Một lúc sau, khi con mèo đã cuộn tròn lại để ngủ, Will lấy một cốc cà phê cùng với cái kẹp tài liệu da màu xanh rồi ra ban công ngồi. Ánh sáng chiếu qua cửa sổ đủ để cậu đọc, cậu muốn kiểm tra sổ giấy tờ bên trong.

Cũng không có gì nhiều. Đúng như cậu nghĩ, chúng là những bức thư được viết bằng mực đen trên giấy viết thư máy bay^[4]. Đây chính là những vết tích được tạo bởi bàn tay của người đàn ông mà cậu rất mực muốn tìm; cậu bé lướt những ngón tay trên mặt chữ, rồi ấn chúng vào sát mặt, cố gắng đến gần hơn với sự tồn tại của bố mình. Rồi cậu bắt đầu đọc.

Fairbanks, Alaska

Thứ Tư, ngày 19 tháng 6 năm 1985

Gửi vợ yêu - sự kết hợp thường lệ của hiệu quả và hỗn loạn - tất cả đồ dự trữ đã ở đây rồi, nhưng tên nhà vật lí, một gã đàn ông nực cười tên Nelson, thì vẫn chưa chuẩn bị tí nào để mang cái khí cầu chết tiệt của hắn lên núi - bọn anh cứ phải ngồi không chờ hắn ta lần mò tìm cách vận chuyển. Nhưng cũng nhờ vậy mà anh có cơ hội nói chuyện với một ông bạn già đã gặp lần trước, một người đào vàng tên Jake Petersen - lần theo ông ta tới một quán bar dơ dáy và hỏi về dị thường không gian trong tiếng ồn phát ra từ trận đấu bóng chày trên TV. Ông ta không chịu nói ở đó - đưa anh về căn hộ của ông ta - với sự giúp đỡ của một chai Jack Daniels, ông ta đã nói một lúc rất lâu - bản thân chưa từng thấy nhưng ông ta đã gặp một người Eskimo đã chứng kiến - ông tưởng này nói rằng đó là cánh cửa vào thế giới thần linh - họ đã biết về nó hàng thế kỉ rồi - một phần của lễ kết nạp pháp sư yêu cầu phải đi qua và mang về một kiểu chiến tích gì đó - dù vài người không bao giờ trở về - tuy nhiên, ông già Jake cũng có một tấm bản đồ về vùng đất đó, trên đó ông ta đã đánh dấu vật ấy theo lời kể của bạn mình. (Nhân tiện, nó ở 69°02'11"B, 157°12' 19"T, trên một mũi đất thuộc Đỉnh Vọng Cảnh cách Sông Colville một hoặc hai dặm về phía bắc.) Rồi bọn anh nói đến những huyền thoại Cực Bắc khác - con tàu Na Uy không người lái bị trôi giạt sáu mươi năm trời - những chuyện kiểu như thế. Đoàn các nhà khảo cổ thì lại rất đàng hoàng, hăng hái làm việc, kiềm chế sự mất kiên nhẫn của mình với Nelson và những cái khí cầu của ông ta. Không ai trong số họ từng nghe về dị thường không

gian, và tin anh đi, anh sẽ cứ để mọi việc như vậy. Gửi tới hai mẹ con tình cảm triu mến nhất. Johnny.

Umiat, Alaska

Thứ Bảy, ngày 22 tháng 6 năm 1985

Gửi vợ yêu - dù bị anh gọi là một gã đàn độn nực cười - nhà vật lí Nelson lại không hề như vậy, và nếu anh không nhầm thì chính hẳn ta cũng đang tìm kiếm dị thường không gian, chuyện ngưng trệ ở Fairbanks đều là do hẳn dàn xếp, em có tin được không - biết rằng những người còn lại trong đội sẽ không muốn chờ đợi vì bất cứ điều gì ngoài một lí do không thể tranh cãi như không có phương tiện vận chuyển, hẳn đã liên lạc từ trước và hủy đoàn xe đã được đặt. Anh tình cờ phát hiện ra việc này và định hỏi xem hẳn đang chơi trò quỷ quái gì thì nghe lén được hẳn nói chuyện trên bộ đàm với ai đó - miêu tả dị thường không gian, thật luôn, chỉ có điều là hẳn không biết vị trí - lúc sau anh mời hẳn một li, diễn vai một người lính chất phác, dày dặn kinh nghiệm ở Cực Bắc, có nhiều thứ hơn ở ranh giới giữa trời và đất - giả vờ trêu chọc hẳn về sự hạn chế của khoa học - dám cá cậu không giải thích được về Bigfoot^[5], vân vân - quan sát hẳn thật kĩ - rồi bất ngờ nhắc đến dị thường không gian - huyền thoại Eskimo về một khung cửa dẫn vào thế giới thần linh - vô hình - ở đâu đó gần Đỉnh Vọng Cảnh, cậu có tin nổi không, đúng nơi chúng ta đang tới, thử tưởng tượng mà xem. Và em phải biết là hẳn đã choáng váng đến đờ cả người. Hẳn biết chính xác ý anh là gì. Anh giả vờ không nhận ra và chuyển sang nói tới thuật phù thủy, kể cho hẳn câu chuyện về con báo Zaire - nên anh hi vọng hẳn coi anh là một tên lính đầu đất mê tín. Nhưng anh đoán đúng, Elaine ạ, hẳn cũng đang tìm kiếm nó. Câu hỏi đặt ra là, anh có nên nói với hẳn hay không? Sẽ phải tìm hiểu xem hẳn đang chơi trò gì. Gửi tới hai mẹ tình cảm triu mến nhất - Johnny.

Colville Bar, Alaska

Ngày 24 tháng 6 năm 1985

Vợ yêu - anh sẽ không có cơ hội gửi thư trong thời gian dài - đây là thị trấn cuối cùng trước khi bọn anh tiến vào vùng đồi - Rặng Brooks - các nhà khảo cổ đang rất nôn nóng được lên đó. Một ông tướng còn bị thuyết phục rằng ông ta sẽ tìm được chứng cứ về sự cư trú của loài người còn xa xưa hơn cả người ta ngờ tới - anh đã hỏi là xa xưa đến ngần nào, và vì sao ông ta lại bị thuyết phục như vậy - ông ta kể cho anh về những tác phẩm điêu khắc trên ngà kì lân biển tìm được trong lần khai quật trước - đồng vị Cacbon-14 xác định niên đại từ một thời kì đáng kinh ngạc, vượt xa phạm vi được giả định trước đây - quả thật là rất bất thường. Chẳng phải sẽ rất kì lạ nếu có ai đó bước qua dị thường không gian của anh, từ một thế giới khác - nhân nói đến việc đó, nhà vật lí Nelson giờ là bạn thân nhất của anh - trêu đùa, bóng gió ám chỉ rằng hẳn biết là anh biết hẳn biết, vân vân - còn anh thì giả bộ làm Thiếu tá Parry chất phác, một anh chàng kiên cường trong cơn khủng hoảng nhưng trong đầu lại chẳng có gì mấy - dù vậy anh biết hẳn đang nhắm tới thứ đó. Vì một điều, mặc dù là một viện sĩ đích thực, trợ cấp của hẳn thật ra lại tới từ Bộ Quốc phòng - anh biết các mã tài chính của họ - và vì một điều khác, mấy thứ mà hẳn gọi là khí cầu thời tiết hoàn toàn không phải như vậy - anh đã nhìn vào trong giỏ rồi - chắc chắn là một bộ đồ chống bức xạ. Kì quặc thật, em yêu ạ. Anh sẽ bám sát kế hoạch của mình - đưa đoàn khảo cổ tới vị trí của họ rồi đi một mình trong vài ngày để kiểm dị thường không gian - nếu chẳng may đụng phải Nelson đang thơ thẩn trên Đỉnh Vọng Cảnh, anh sẽ tùy tình hình mà hành xử.

Sau đó - Thật sự rất may mắn. Anh đã gặp ông bạn người Eskimo của Jake Petersen, Matt Kigalik. Jake đã cho anh biết phải tìm ông ta ở đâu nhưng anh không dám hi vọng ông ta sẽ ở đó. Ông ta nói rằng dân Xô Viết cũng đang lùng tìm dị thường không gian - đầu năm nay ông ta đã bắt gặp một người đàn ông trên rặng núi và bí mật quan sát hẳn trong vài ngày, vì ông đoán được hẳn đang định làm gì, và ông đã đúng. Gã đàn ông đó hóa ra là người Nga, một tên gián điệp. Ông ta

không kể thêm gì nữa, nhưng anh có cảm giác là tên gián điệp đã bị ông ta khử. Nhưng ông có tả thứ đó cho anh. Nó giống như một khoảng hở trong không khí, một dạng như cửa sổ. Nếu nhìn qua đó ta sẽ thấy một thế giới khác. Nhưng không dễ gì để tìm được nó vì phần của thế giới khác đó trông cũng y hệt như thế giới này - đá sỏi, rêu phong và vân vân. Nó ở phía bắc con lạch nhỏ cách một tảng đá lớn hình con gấu đang đứng về phía tây khoảng năm mươi bước chân, trong khi vị trí mà Jake cho anh thì không đúng lắm - nó gần 12”B hơn là 11.

Chúc anh may mắn đi em yêu. Anh sẽ mang về cho em một chiến tích từ thế giới thần linh - Mãi yêu em - hôn thẳng bé giùm anh - Johnny.

Will thấy đầu mình đang kêu lên ong ong.

Bố cậu đã tả chính xác thứ mà cậu tìm thấy dưới hàng cây duyên mộc. Cậu cũng đã tìm thấy một ô cửa sổ - thậm chí còn dùng cùng một từ để chỉ nó! Vậy hẳn là Will đang đi đúng đường. Kiến thức này cũng chính là thứ những gã đàn ông kia đang tìm kiếm... Có nghĩa là việc này cũng rất nguy hiểm.

Thời điểm bức thư đó được viết là khi Will một tuổi. Sáu năm sau đó là tới buổi sáng ở siêu thị khi cậu nhận ra mẹ mình đang trong tình trạng cực kì nguy hiểm, và cậu phải bảo vệ bà; rồi dần dần những tháng tiếp sau đó đem tới nhận thức lớn dần của cậu về việc mỗi hiểm họa nằm trong tâm trí bà, và cậu lại càng phải bảo vệ bà nhiều hơn.

Rồi sau đó, thật tàn nhẫn, cậu nhận ra rằng hóa ra không phải tất cả các hiểm họa đều nằm trong tâm trí bà. Thật sự đang có kẻ nhắm tới bà. Nhắm tới những bức thư này, tới thông tin này.

Cậu không hiểu nổi nó có nghĩa là gì. Nhưng cậu cảm thấy hạnh phúc sâu sắc vì được chia sẻ cùng bố mình một điều quan trọng đến vậy; vì John Parry và cậu con trai Will của ông đều đã tự mình khám phá ra điều phi thường này. Khi gặp nhau họ có thể trao đổi về nó, rồi bố cậu sẽ tự hào rằng Will đã đi theo bước chân của ông.

Đêm tĩnh lặng và biển bình yên. Cậu gấp những bức thư lại rồi chìm vào giấc ngủ.

Các sinh vật bay phát sáng

“Grumman?” Người đàn ông râu đen buôn lông thú nói. “Của Viện hàn lâm Berlin ấy à? Một gã liều lĩnh. Tôi gặp ông ta trên đầu phía bắc của dãy Ural năm năm trước. Tôi cứ nghĩ là ông ta chết rồi cơ.”

Sam Cansino, một người quen cũ và là dân Texas giống Lee Scoresby, ngồi trong quán bar nghi ngút khói và đượm ánh đèn dầu của Khách sạn Samirsky, dốc ngược li shot chứa thứ vodka lạnh buốt. Ông dùng khuỷu tay đẩy đĩa cá ngâm dấm và bánh mì đen về phía Lee, ông này ăn đầy mồm rồi gật đầu ra hiệu để Sam nói tiếp.

“Ông ta đã bước vào một cái bẫy mà thằng ngốc Yakovlev tạo ra,” nhà buôn nói tiếp, “và để chân bị chọc rách tới tận xương. Thay vì dùng thuốc thông thường, ông ta khăng khăng đòi dùng thứ mà lũ gấu sử dụng - rêu cầm máu - một dạng địa y, nó không hẳn là rêu; ông ta nằm trên xe kéo, vừa gào lên đau đớn vừa ra chỉ thị cho cấp dưới - họ đang định hướng bằng các vì sao, và họ phải đo đạc chính xác nếu không sẽ bị ông ta xỉ vả, mà lạy hồn, miệng lưỡi ông ta thì sắc lẹm như dây thép gai vậy. Một người đàn ông gầy gò, cứng cỏi, mạnh mẽ, tò mò về mọi thứ. Ông có biết ông ta đã được kết nạp làm dân Tartar không?”

“Không thể nào,” Lee Scoresby nói, đổ thêm vodka vào cốc của Sam. Con linh thú Hester của ông đang thu mình bên khuỷu tay chủ trên quầy bar, mắt lim dim như thường lệ, còn đôi tai thì ép sát vào lưng.

Lee đến vào chiều hôm đó, được đẩy đến Nova Zembla nhờ ngọn gió mà các phù thủy gọi tới. Sau khi đã cất dụng cụ đi, ông đi thẳng tới Khách sạn Samirsky, gần điểm đóng gói cá. Đây là nơi nhiều kẻ lang thang trên vùng Cực Bắc dừng chân để trao đổi thông tin, tìm việc hay gửi tin nhắn cho nhau. Trong quá khứ Lee Scoresby từng lưu lại đó vài ngày, chờ đợi một hợp đồng, hành khách hay một cơn gió thuận, vì vậy không có gì khác thường trong việc ông làm lúc này cả.

Nhất là với những thay đổi to lớn mà họ cảm nhận được trong thế giới xung quanh mình, việc mọi người tụ tập lại và nói chuyện là điều tự nhiên. Mỗi ngày trôi qua lại có thêm những tin tức mới: băng trên sông Yenisei đã tan hết, mà lại là vào thời gian này trong năm; một phần của đại dương đã bị rút cạn, để lộ những lớp kiến tạo đều đều kì lạ của đá dưới đáy biển; một con mực dài ba chục mét đã lôi tuột ba ngư dân ra khỏi thuyền rồi xé tan họ...

Sương mù vẫn tiếp tục ủa vào từ phía bắc, dày đặc, lạnh lẽo và thỉnh thoảng lại thấm đẫm thứ ánh sáng kì quặc nhất có thể tưởng tượng được, trong đó lơ mờ hiện ra những hình thù vĩ đại và vắng vắng những tiếng nói kì bí.

Nhìn chung đó không phải thời điểm thích hợp để làm việc, chính vì thế mà quán bar của Khách sạn Samirsky mới đông nghẹt người.

“Có phải ông vừa nói Grumman không?” Người đàn ông ngồi trên quầy nói, đó là một ông lão bận đồ thợ săn hải cẩu có con linh thú chuột lemming đang nghiêm nghị nhìn ra từ túi áo. “Ông ta đúng là một người Tartar. Tôi đã có mặt khi ông ta gia nhập bộ lạc đó. Tôi đã thấy ông ta để cho họ khoan sọ. Ông ta cũng có một tên khác nữa; một cái tên Tartar; cho tôi một phút để nhớ lại đã.”

“Ồ, thế này thì sao nhỉ,” Lee Scoresby nói. “Hãy để tôi mời ông một li, ông bạn. Tôi đang tìm kiếm thông tin về người đàn ông này. Ông ta đã gia nhập vào bộ lạc nào vậy?”

“Bộ lạc Yenisei Pakhtars. Dưới chân dãy Semyonov. Gần ngã ba sông Yenisei và, tôi quên mất tên nó rồi, con sông chảy xuống từ những

ngọn đồi ấy. Có một tảng đá cỡ căn nhà ở bến tàu nổi.”

“À, phải,” Lee nói. “Giờ thì tôi nhớ rồi. Tôi đã từng bay qua nó. Mà ông nói Grumman để cho người ta khoan sọ mình ấy à? Tại sao vậy?”

“Ông ta là một pháp sư,” ông thợ săn hải cẩu già nói. “Tôi cho rằng bộ lạc đó đã công nhận ông ta là một pháp sư trước khi thu nạp. Việc khoan sọ đó là cả một quá trình khó khăn. Nó diễn ra trong hai đêm một ngày. Người ta dùng một cái khoan tay hình cung, giống như để đánh lửa vậy.”

“À, điều đó giải thích cho việc đội của ông ta rất nghe lời,” Sam Cansino nói. “Đó là đám du thủ du thực hung tợn nhất mà tôi từng thấy, nhưng chúng chạy quanh thực hiện mệnh lệnh của ông ta như những đứa trẻ bồng chồn. Tôi cứ nghĩ ông ta làm được vậy là nhờ mấy lời chửi bới của mình. Đúng là hợp lí hơn nếu chúng cho rằng ông ta là một pháp sư. Nhưng các ông biết không, sự tò mò của người đàn ông đó cũng mạnh mẽ như bộ hàm của sói vậy; ông ta *không bao giờ* từ bỏ. Ông ta ép tôi phải kể đủ mọi thông tin dù là vụn vặt nhất mà mình biết về vùng đất quanh đó, về các thói quen của lũ chồn gulo và cáo. Rồi ông ta bị thương vì cái bẫy chết tiệt của Yakovlev; chân bị rách toang như thế mà ông ta vẫn viết lại các kết quả của rêu cầm máu, đo nhiệt độ bản thân, quan sát hình dạng vết thương, ghi chép về đủ mọi thứ... Một gã kì quặc. Có một phù thủy muốn ông ta làm người yêu, nhưng ông ta đã từ chối.”

“Vậy sao?” Lee nói, nghĩ tới vẻ đẹp của Serafina Pekkala.

“Ông ta đáng ra không nên làm vậy,” ông thợ săn hải cẩu nói. “Được một phù thủy trao cho tình yêu thì nên nhận lấy mới phải. Nếu không thì mọi chuyện tồi tệ xảy ra với bản thân đều là do lỗi của chính mình. Nó giống như phải lựa chọn giữa một lời chúc phúc hay một lời nguyền rủa vậy. Việc duy nhất ta không thể làm là không chọn cái nào cả.”

“Có lẽ ông ta có lí do,” Lee nói.

“Nếu ông ta có chút tinh táo nào thì đó hẳn là một lí do tốt đấy.”

“Ông ta ương bướng lắm,” Sam Cansino nói.

“Có khi lại là chung thủy với người phụ nữ khác,” Lee đoán. “Tôi nghe được chuyện khác về ông ta; rằng ông ta biết nơi cất giữ vật chứa ma thuật nào đó, tôi không biết nó là gì, nhưng nó có thể bảo vệ người nắm giữ. Các ông đã từng nghe về câu chuyện đó chưa?”

“Có, tôi đã nghe rồi,” ông thợ săn hải cẩu nói. “Bản thân ông ta không giữ vật đó, nhưng ông ta biết nó ở đâu. Có người từng thử bắt ông ta khai ra, nhưng Grumman đã giết hẳn.”

“Còn con linh thú của ông ta,” Sam Cansino nói, “rất kì lạ. Nó là đại bàng, một con đại bàng đen với đầu và ức trắng, thuộc một loài tôi chưa từng nhìn thấy trước đây. Tôi không biết nó được gọi là gì.”

“Nó là chim ưng biển,” người phục vụ quầy bar nghe được liền nói. “Các vị đang nói về Stan Grumman à? Linh thú của ông ta là chim ưng biển. Một con chim ưng săn cá.”

“Chuyện gì đã xảy ra với ông ta vậy?” Lee Scoresby hỏi.

“Ồ, ông ta bị vướng vào cuộc chiến của dân Skraeling trên phía Beringland. Tin tức cuối cùng tôi nghe được là ông ta đã bị bắn,” ông thợ săn hải cẩu nói. “Giết chết tươi luôn.”

“Tôi nghe nói họ đã chặt đầu ông ta,” Lee Scoresby nói.

“Không, cả hai ông đều nhầm rồi,” người phục vụ quầy bar nói, “tôi biết nhờ nghe tin từ một người Inuit đã đi cùng với ông ta. Xem chừng họ đã cắm trại ở đâu đó trên Sakhalin rồi gặp tuyết lở. Grumman đã bị chôn vùi dưới cả trăm tấn đất đá. Tay Inuit này đã chứng kiến chuyện đó.”

“Điều tôi không thể hiểu nổi,” Lee Scoresby nói trong lúc chuyển chai rượu đi vòng quanh mời, “là người đàn ông này đang làm gì. Có thể là ông ta đang thăm dò tìm dầu mỏ? Ông ta là quân nhân? Hay có thứ gì đó liên quan đến triết học? Sam, ông đã nói gì đó về các phép đo đạc. Đó là gì vậy?”

“Họ đang đo độ sáng của các vì sao. Cả cực quang nữa. Ông ta rất say mê cực quang. Mặc dù tôi nghĩ hứng thú chính của ông ta là ở những tàn tích cơ. Những thứ cổ xưa.”

“Tôi biết người có thể cho ông biết nhiều hơn,” ông thợ săn hải cẩu nói. “Trên núi có một đài quan sát của Viện hàn lâm Hoàng gia Muscovy. Họ sẽ có thể kể cho ông nghe. Tôi biết rằng ông ta đã lên đó nhiều hơn một lần.”

“Mà ông cần biết để làm gì vậy Lee?” Sam Cansino hỏi.

“Ông ta còn nợ tôi tiền,” Lee Scoresby nói.

Lời giải thích này thỏa đáng đến mức nó lập tức dập tắt sự tò mò của họ. Câu chuyện chuyển sang chủ đề mà tất cả mọi người đều nói: những biến đổi khủng khiếp diễn ra xung quanh họ mà không ai có thể thấy được.

“Các ngư dân,” ông thợ săn hải cẩu nói, “họ nói rằng người ta có thể giọng thuyền thẳng vào thế giới mới đó.”

“Có một thế giới mới sao?” Lee hỏi.

“Chỉ cần cái màn sương chết tiệt này tan đi là chúng ta có thể nhìn thẳng vào nó luôn,” ông thợ săn hải cẩu tự tin nói với họ. “Lần đầu tiên nó xảy ra, tôi đang ngồi ngoài trời trên chiếc kayak của mình và nhìn về hướng bắc, hoàn toàn tình cờ. Tôi sẽ không bao giờ quên được cảnh tượng mình đã thấy. Thay vì trái đất vòng xuống trên đường chân trời thì nó lại lao thẳng đi. Tôi có thể nhìn đến vô tận, và trong tầm mắt của mình tôi thấy được đất liền, bờ biển, đồi núi, bến cảng, cây cối và những cánh đồng ngô xanh biếc, trải ra bất tận trên bầu trời. Tôi nói các anh nghe, đó là một thứ đáng bỏ ra năm chục năm cày cuốc để được nhìn thấy, một cảnh tượng như thế. Tôi đáng lẽ đã chèo thuyền thẳng lên trời vào vùng biển bình yên đó mà không thèm nhìn lại; nhưng rồi sương giăng xuống...”

“Chưa từng thấy thứ sương mù nào như thế này,” Sam Cansino cầu nhàu. “Chắc nó đã lơ lửng được cả tháng rồi, có khi còn hơn.

Nhưng nếu muốn đòi tiền từ Stanislaus Grumman thì ông không gặp may rồi, Lee ạ; ông ta chết rồi.”

“A! Tôi nhớ ra tên Tartar của ông ta rồi!” Ông thợ săn hải cẩu reo lên. “Tôi vừa mới nhớ ra chúng đã gọi ông ta là gì trong lúc khoan. Nghe có vẻ như là Jopari.”

“Jopari à? Tôi chưa từng nghe thấy cái tên nào kiểu như thế,” Lee nói. “Có khi là tiếng Nhật Bản, tôi đoán thế. Chà, nếu muốn đòi lại tiền, chắc tôi có thể lần theo những người được thừa kế và chia phần của ông ta. Hay có khi Viện hàn lâm Berlin có thể quyết toán được khoản nợ đó. Tôi sẽ lên đài quan sát hỏi xem họ có địa chỉ nào mà tôi có thể liên hệ hay không.”

Đài quan sát cách đó khá xa về phía bắc, Lee Scoresby thuê một chiếc xe chó kéo cùng lái xe. Thật chẳng dễ dàng gì để kiếm được một người sẵn sàng liều mình di chuyển trong màn sương, nhưng Lee rất có sức thuyết phục, hoặc là tiền của ông có; vậy nên cuối cùng một ông lão Tartar tới từ vùng Ob đã đồng ý đưa ông đến đó sau một hồi lâu vật lộn cò cưa.

Người lái xe không trông cậy vào la bàn, nếu có thì ông sẽ thấy rằng đó là việc bất khả thi. Ông định hướng nhờ những dấu hiệu khác, một ví dụ là con linh thú cáo Bắc Cực của ông, nó ngồi trên đầu xe hăng hái đánh hơi đường đi. Lee, người luôn mang theo la bàn đi khắp mọi nơi, nhận ra rằng từ trường trái đất cũng bị nhiễu loạn như mọi thứ khác.

Ông lão lái xe nói khi họ dừng lại để pha cà phê: “Nó đã từng xảy ra rồi, cái thứ này này.”

“Cái gì cơ, bầu trời mở ra á? Đã từng xảy ra rồi sao?”

“Hàng nghìn thế hệ rồi. Người dân của tôi vẫn còn nhớ. Đã từ rất lâu về trước, cách đây hàng nghìn thế hệ.”

“Người ta nói gì về nó?”

“Bầu trời bị rách toang, các linh hồn di chuyển từ thế giới này sang thế giới khác. Toàn bộ đất liền đều dịch chuyển. Băng tan rồi lại đông cứng. Một thời gian sau các linh hồn khép lỗ hổng lại. Niêm phong nó. Nhưng các phù thủy nói rằng bầu trời ở đó rất mỏng, đẳng sau ánh sáng phương bắc.”

“Chuyện gì sẽ xảy ra vậy, Umaq?”

“Cũng giống như trước đây thôi. Rồi mọi thứ lại như cũ. Nhưng chỉ sau khi đã trải qua sự rối loạn khủng khiếp, chiến tranh thảm khốc. Một cuộc chiến tinh thần.”

Người lái xe không nói gì thêm, rồi không lâu sau họ lại lên đường, chậm chạp lần đi trên bề mặt mấp mô và những chỗ trũng, băng qua những vĩa đá trời lên lơ mờ, tối sẫm trong màn sương vàng vọt, cho tới khi ông lão lên tiếng:

“Đài quan sát ở trên kia. Giờ anh đi bộ đi. Đường quá gồ ghề cho xe kéo. Anh muốn quay về, tôi chờ ở đây.”

“Vâng, tôi muốn quay về sau khi đã xong việc, Umaq ạ. Ông nhóm lửa đi, ông bạn, rồi ngồi xuống nghỉ một lát. Tôi chắc sẽ đi khoảng ba, bốn tiếng gì đó.”

Lee Scoresby lên đường, cùng với Hester đang rúc trong ngực áo khoác của ông. Sau nửa tiếng leo trong khó nhọc, ông thấy một khối những tòa nhà đột ngột hiện ra phía trên như thể chúng vừa được một bàn tay khổng lồ đặt vào đó vậy. Nhưng hiệu ứng đó chỉ là nhờ sương tan trong thoáng chốc, chỉ một phút sau sương đã lại phủ kín vạn vật. Ông thấy mái vòm khổng lồ của đài quan sát chính, một cái nhỏ hơn ở hơi xa một chút, giữa chúng là một nhóm những tòa nhà hành chính và khu nhà ở. Không có chút ánh sáng nào lọt ra vì các cửa sổ đều đã được bôi đen vĩnh viễn để không ảnh hưởng đến bóng tối cho các kính thiên văn của họ.

Vài phút sau khi tới nơi, Lee nói chuyện với một nhóm các nhà thiên văn học đang háo hức muốn biết ông có thể đem tới cho họ tin tức gì, vài nhà triết học tự nhiên cũng đang nản chí không kém gì mấy nhà

thiên văn học bị mắc kẹt trong sương mù. Lee kể cho họ nghe về mọi thứ ông đã thấy, và sau khi chủ đề đó đã được xử lý hoàn toàn, ông liền hỏi về Stanislaus Grumman. Các nhà thiên văn học đã nhiều tuần liền không có khách ghé thăm nên rất thiết tha được nói chuyện.

“Grumman? Phải, tôi sẽ kể với ông một điều về ông ta,” ông giám đốc nói. “Dù tên như thế nhưng ông ta là người Anh. Tôi nhớ là...”

“Chắc chắn là không phải đâu,” phó giám đốc nói. “Ông ta là một thành viên của Viện hàn lâm Hoàng gia Đức. Tôi đã gặp ông ta ở Berlin. Tôi dám chắc ông ta là người Đức.”

“Không, tôi nghĩ rồi ông sẽ phát hiện ra rằng ông ta là người Anh. Dù sao thì cái cách ông ta sử dụng ngôn ngữ đó cũng hoàn hảo không tì vết,” giám đốc nói. “Nhưng tôi đồng ý, ông ta chắc chắn là một thành viên của Viện hàn lâm Berlin. Ông ta là một nhà địa chất...”

“Không, không, ông nhầm rồi,” một người khác nói. “Ông ta quả là có quan sát trái đất, nhưng không phải dưới con mắt của một nhà địa chất. Tôi từng có lần nói chuyện lâu với ông ta. Tôi đoán người ta gọi ông ta là nhà khảo cổ học cổ đại.”

Năm người bọn họ đang ngồi quây quanh một chiếc bàn trong phòng được dành làm phòng chung, phòng tiếp khách và phòng ăn, quầy bar, phòng giải lao và ít nhiều mọi mục đích khác. Hai trong số họ là người Muscovy, một người Ba Lan, một Yoruba và một Skraeling. Lee Scoresby cảm nhận được rằng cộng đồng nhỏ này đang vui mừng vì có khách đến thăm, chỉ vì ông đem tới sự thay đổi trong cuộc trò chuyện. Ông Ba Lan đang nói thì bị tay người Yoruba cắt ngang:

“Ông nói một nhà khảo cổ học cổ đại ý là sao? Các nhà khảo cổ vốn đã nghiên cứu những thứ xa xưa rồi; sao ông lại cần phải thêm một từ khác mang nghĩa *cổ xưa* vào nữa?”

“Lĩnh vực nghiên cứu của ông ta lùi về quá khứ xa hơn ông tưởng tượng rất nhiều, vậy thôi. Ông ta đang tìm kiếm dấu tích của những nền văn minh cách đây hai mươi, ba mươi nghìn năm về trước,” ông Ba Lan trả lời.

“Vớ vẩn!” Ông giám đốc kêu lên. “Thật hết sức vớ vẩn! Ông bị ông ta dắt mũi rồi. Những nền văn minh ba mươi nghìn năm tuổi ấy à? Hừ! Bằng chứng đâu chứ?”

“Dưới lớp băng,” ông Ba Lan đáp. “Đó là vấn đề. Theo Grumman thì từ trường của trái đất đã biến đổi một cách đột ngột vào nhiều thời điểm khác nhau trong quá khứ. Trên thực tế, trục của trái đất cũng đã bị dịch chuyển, khiến cho những vùng ôn đới bị phủ đầy băng.”

“Như thế nào?” Tay Yoruba hỏi.

“Ồ, ông ta có một học thuyết phức tạp. Vấn đề là, chứng cứ có thể có cho những nền văn minh từ rất sớm đã bị chôn vùi dưới băng kể từ đó. Ông ta tự nhận là có vài bức hình chụp những lớp kiến tạo đá bất thường...”

“Hừ! Chỉ vậy thôi à?” Ông giám đốc nói.

“Tôi chỉ báo cáo lại thôi chứ không có ý bảo vệ cho ông ta,” ông Ba Lan đáp.

“Các quý ông, các vị đã biết Grumman được bao lâu rồi?” Lee Scoresby hỏi.

“À, để xem nào,” ông giám đốc ngẫm nghĩ. “Lần đầu tôi gặp ông ta là vào bảy năm trước.”

“Trước đó khoảng một hoặc hai năm, ông ta đã tạo danh tiếng cho bản thân với bài báo về những biến đổi trong cực từ,” tay Yoruba nói. “Nhưng ông ta chẳng biết từ đâu mà xuất hiện. Ý tôi là không một ai biết ông ta hồi sinh viên hay từng thấy bất cứ công trình nghiên cứu nào trước đây của ông ta...”

Họ nói chuyện một lúc, đóng góp hồi tưởng và đưa ra những gợi ý về điều đã xảy đến với Grumman, mặc dù đa phần đều cho rằng ông ta có thể đã chết. Trong lúc ông người Ba Lan đi pha thêm chút cà phê, con linh thú thỏ rừng Hester của Lee khẽ nói với ông:

“Kiểm tra gã người Skraeling đi, Lee.”

Gã người Skraeling rất kiệm lời. Lee cứ nghĩ bản tính ông ta vốn ít nói, nhưng khi được Hester nhắc, ông liền liếc nhìn theo cách rất tự nhiên trong lúc cuộc hội thoại tạm ngừng và thấy linh thú của người đàn ông, một con cú tuyết, đang nhìn chăm chăm mình với đôi mắt màu cam sáng rực. Bọn cú con nào thì trông cũng như thế, chúng cứ nhìn chăm chăm người ta; nhưng Hester nói đúng, ở con linh thú này có một vẻ thù địch và ngờ vực mà khuôn mặt người đàn ông không hề thể hiện.

Và rồi Lee nhìn thấy một thứ khác: gã Skraeling đang đeo chiếc nhẫn có khắc biểu tượng của Giáo hội trên đó. Đột nhiên ông hiểu ra lý do cho sự im lặng của người đàn ông. Ông từng nghe nói mọi tổ chức nghiên cứu triết học đều phải bao gồm một đại diện của Huấn Quyền trong hàng ngũ cán bộ của mình, với vai trò một nhân viên kiểm duyệt để ngăn chặn tin tức về bất cứ khám phá mang tính dị giáo nào.

Vì vậy, khi nhận ra điều này và nhớ lại điều đã nghe Lyra nói, ông hỏi:

“Các quý ông, xin hãy cho tôi biết - các ông có tình cờ biết liệu Grumman có từng xem xét nghi vấn về Bụi không?”

Sự im lặng ngay lập tức bao trùm lấy căn phòng nhỏ ngột ngạt, tất cả mọi người đều dồn sự chú ý lên gã người Skraeling, dù không ai nhìn thẳng vào ông ta. Lee biết Hester vẫn sẽ giữ được vẻ khó dò với đôi mắt khép hờ và đôi tai ép phẳng trên lưng, ông liền mang một bộ dạng ngây thơ vui vẻ khi nhìn từ khuôn mặt này sang khuôn mặt khác.

Cuối cùng ông dừng lại ở gã Skraeling và hỏi: “Xin thứ lỗi cho tôi - có phải tôi vừa hỏi về một thứ bị cấm được biết hay không?”

Gã người Skraeling đáp: “Ông đã nghe nhắc tới chủ đề này ở đâu vậy, ông Scoresby?”

“Từ một hành khách cùng tôi bay qua biển cách đây một thời gian,” Lee nói một cách thoải mái. “Người đó không nói nó là gì, nhưng từ cách nó được nhắc đến, xem chừng đó là thứ mà Grumman có thể đã điều tra. Tôi hiểu nó như là một vật thể trên bầu trời, giống như

cực quang vậy. Nhưng nó khiến tôi bối rối, vì là một phi công tôi biết khá rõ bầu trời nhưng lại chưa từng gặp thứ vật chất này. Rốt cuộc nó là gì vậy?”

“Đúng như ông nói, một hiện tượng trên trời,” gã người Skraeling đáp. “Nó không có ý nghĩa thực tiễn nào đáng kể cả.”

Vào lúc đó Lee quyết định đã đến lúc phải đi; ông không tìm hiểu được thêm gì, và cũng không muốn để Umaq đợi. Ông để các nhà thiên văn học lại cho đài quan sát mùa sương của họ rồi tiến bước xuống phía lối đi, lần đường nhờ bám theo linh thú của mình, vì đôi mắt của nó sát với mặt đất hơn.

Rồi khi họ vừa mới xuống lối đi được mười phút thì có thứ gì đó lướt vút qua trong màn sương trên đầu ông và lao bổ xuống Hester. Đó là con linh thú cú của gã Skraeling.

Nhưng Hester đã cảm nhận được con cú đang lao tới và ép mình xuống kịp thời, khiến bộ móng của con cú vồ trượt. Hester có thể chiến đấu: móng chân của nó cũng rất sắc, nó lại kiên cường và can đảm. Lee biết rằng gã Skraeling chắc chắn cũng đang ở gần đó nên đã với lấy khẩu súng lục ổ quay giắt ở thắt lưng.

“Đằng sau kia, Lee,” Hester kêu lên, ông liền quay ngoắt lại rồi sụp xuống đúng lúc một mũi tên vút qua vai.

Ông lập tức nổ súng. Gã Skraeling ngã xuống, lằm bằm khi viên đạn cắm vào chân hấn. Một lúc sau con linh thú cú lượn vòng lại không chút tiếng động rồi nhào xuống bên cạnh chủ một cách vụng về như sắp ngất tới nơi. Nó gần như nằm soài xuống nền tuyết, vật lộn để gập cánh lại.

Lee Scoresby lên cò khẩu súng lục rồi dí nó vào đầu gã đàn ông.

“Được đấy, đồ ngu xuẩn,” ông nói. “Người cố như thế làm gì? Người không thấy rằng giờ tất cả chúng ta đều đang vướng phải rắc rối giống nhau khi cái thứ này đã xảy đến với bầu trời sao?”

“Quá muộn rồi,” gã Skraeling nói.

“Quá muộn cho cái gì?”

“Quá muộn để dừng lại. Ta đã gửi chim đưa thư đi rồi. Huấn Quyền sẽ biết về những câu hỏi của người, và họ sẽ vui mừng được biết về Grumman...”

“Biết gì về ông ta?”

“Về việc những người khác cũng đang tìm kiếm ông ta. Điều đó chứng thực những điều chúng ta đã nghĩ. Và việc những người khác cũng biết về Bụi. Người là kẻ thù của Giáo hội, Lee Scoresby ạ. Các người nhờ những trái nó mà nhận biết được^[6]. Nhờ những câu hỏi của nó mà thấy rấn độc giày vò trái tim nó...”

Con cú khê rúc lên, đập cánh ngắt quãng. Đôi mắt sáng màu cam của nó mờ đi vì đau đớn. Trên nền tuyết trắng xung quanh gã Skraeling in đậm một vết đỏ thẫm: ngay cả trong ánh sáng lờ mờ của màn sương dày đặc, Lee cũng có thể thấy rằng gã đàn ông đang hấp hối.

“Xem ra viên đạn của ta đã đâm trúng động mạch rồi,” ông nói. “Để ta lấy tay áo làm garô cầm máu cho người.”

“Không!” Gã Skraeling gắt lên. “Ta sẵn lòng được chết! Ta sẽ có được cảnh cộ của kẻ tử vì đạo^[7]! Người sẽ không giành được khỏi ta đâu!”

“Vậy thì cứ chết đi nếu muốn. Chỉ cần nói cho ta điều này...”

Nhưng ông không bao giờ có cơ hội nói nốt câu hỏi của mình, vì chỉ với một cái rùng mình thật khẽ, con linh thú cú đã tan biến. Linh hồn của gã Skraeling biến mất. Đã có lần Lee thấy một bức họa vẽ một vị thánh của nhà thờ đang bị những kẻ ám sát tấn công. Trong lúc chúng dùng dùi cui đánh đập thân thể đang lịm dần của ngài, linh thú của vị thánh được các tiểu thiên sứ đưa lên trời và đưa cho một cảnh cộ, vật tượng trưng cho người tử vì đạo. Gương mặt gã Skraeling lúc này cũng mang biểu hiện giống như của vị thánh trong bức họa: một vẻ căng thẳng nhập định hướng tới sự quên lãng. Lee buông hăn ra trong ghê tởm.

Hester tặc lưỡi.

“Đáng ra ta nên đoán được là hắn sẽ gửi tin đi,” nó nói. “Lấy nhẫn của hắn đi.”

“Làm quái gì chứ? Chúng ta đâu phải trộm cướp?”

“Không, chúng ta là những kẻ phản đạo,” nó nói. “Không phải chúng ta lựa chọn như thế, mà là do ác tâm của hắn. Chẳng nào thì một khi Giáo hội biết được việc này, chúng ta cũng xong đời thôi. Trong lúc đó thì ta phải tận dụng mọi lợi thế có thể nắm được. Nào, lấy cái nhẫn rồi cất nó đi, biết đâu có lúc xài được.”

Hiểu ra ý nghĩa của việc đó, Lee liền lấy cái nhẫn ra khỏi ngón tay của kẻ đã chết. Trong không khí ảm đạm, ông nhận thấy rằng lối đi đã bị gián đoạn khi mặt đất đột ngột dốc xuống một vùng đen thẫm lờm chờm đá sỏi. Ông lẫn xác của gã Skraeling tới đó, nó rơi xuống được một hồi lâu thì ông mới nghe thấy tiếng va đập. Lee chưa từng thấy vui thú với bạo lực, ông ghét phải giết chóc, mặc dù trước đây ông đã phải làm việc đó ba lần.

“Nghĩ như thế chẳng ích gì đâu,” Hester nhận xét. “Hắn không cho chúng ta được lựa chọn, và chúng ta cũng không bắn để giết hắn. Khi thật, Lee ạ, hắn muốn chết mà. Đám người này loạn trí cả rồi.”

“Có lẽ người nói đúng,” ông nói rồi cất khẩu súng đi.

Phía cuối con đường họ thấy người lái xe cùng đàn chó đã thẳng sẵn cương, sẵn sàng lên đường.

“Nói tôi nghe, Umaq,” Lee nói khi họ khởi hành trở về trạm đóng gói cá, “ông có từng nghe về một người tên là Grumman không?”

“Ồ, có chứ,” ông lái xe đáp. “Ai cũng biết Tiến sĩ Grumman hết.”

“Ông có biết là ông ta có một cái tên Tartar không?”

“Không phải Tartar. Ý ông là Jopari chứ gì? Không phải Tartar đâu.”

“Chuyện gì đã xảy ra với ông ta vậy? Ông ta chết rồi à?”

“Ông hỏi thế thì tôi phải thừa nhận rằng mình không biết. Vì vậy ông không bao giờ biết được sự thật từ tôi đâu.”

“VẬY Ờ. THẾ TÔI CÓ THỂ HỎI AI?”

“TỐT HƠN ÔNG NÊN HỎI BỘ LẠC CỦA ÔNG TA. ĐẾN YENISEI HỎI HỌ ĐI.”

“BỘ LẠC CỦA ÔNG TA... Ý ÔNG LÀ NHỮNG NGƯỜI ĐÃ KẾT NẠP ÔNG TA? NHỮNG NGƯỜI ĐÃ KHOAN SỌ ÔNG TA?”

“PHẢI. ÔNG NÊN ĐI HỎI HỌ. CÓ THỂ ÔNG TA CHƯA CHẾT, CŨNG CÓ THỂ ĐÃ CHẾT RỒI. CÓ KHI LẠI CHẴNG CHẾT CŨNG KHÔNG SỐNG.”

“LÀM SAO ÔNG TA CHẴNG CHẾT CŨNG KHÔNG SỐNG ĐƯỢC?”

“Ở THẾ GIỚI LINH HỒN. CÓ LẼ ÔNG TA ĐANG Ở THẾ GIỚI LINH HỒN. TÔI LẠI NÓI NHIỀU QUÁ RỒI. GIỜ SẼ KHÔNG NÓI GÌ NỮA.”

VẬY LÀ ÔNG TA IM LẶNG TỪ ĐÓ.

NHƯNG KHI HỌ VỀ TỚI TRẠM, LEE LẬP TỨC TỚI BẾN TÀU ĐỂ KIỂM MỘT CON TÀU CÓ THỂ CHO ÔNG QUÁ GIANG ĐẾN CỬA SÔNG YENISEI.

CÙNG LÚC ĐÓ, CÁC PHÙ THỦY CŨNG ĐANG LÒNG SỤC. NỮ HOÀNG LATVIA RUTA SKADI BAY CÙNG VỚI NHÓM CỦA SERAFINA PEKKALA TRONG NHIỀU NGÀY NHIỀU ĐÊM, QUUA SƯƠNG MÙ VÀ GIÓ XOÁY, TRÊN NHỮNG VÙNG BỊ LŨ LỤT VÀ LỞ ĐẤT TÀN PHÁ. RÕ RÀNG LÀ HỌ ĐANG Ở TRONG MỘT THẾ GIỚI MÀ KHÔNG AI TRONG SỐ HỌ TỪNG BIẾT TỚI, VỚI NHỮNG CƠN GIÓ LẠ, MÙI HƯƠNG MỚI TRONG KHÔNG KHÍ, NHỮNG CON CHIM KHỔNG LỒ KHÔNG RÕ TÊN TẤN CÔNG HỌ KHI VỪA NHÌN THẤY VÀ PHẢI ĐUỐI ĐI BẰNG MỘT LOẠT TÊN BẮN; RỒI KHI HỌ TÌM THẤY MỘT VÙNG ĐẤT ĐỂ NGHỈ NGƠI, ĐẾN CÂY CỐI CŨNG THẬT KÌ QUẶC.

TUY VẬY, MỘT VÀI LOẠI CÂY CŨNG ĂN ĐƯỢC, CÓ NHỮNG SINH VẬT NHỎ KHÔNG KHÁC THỎ LÀ MẤY CÓ VỊ RẤT NGON, VÀ Ở ĐÓ KHÔNG LO BỊ THIẾU NƯỚC. CÓ LẼ ĐÓ VỐN LÀ MỘT VÙNG ĐẤT TỐT ĐỂ SINH SỐNG, NHƯNG LẠI CÓ NHỮNG HÌNH DẠNG MA QUÁI TRÔI LƠ Lửng NHƯ SƯƠNG TRÊN CÁC ĐỒNG CỎ VÀ TỤ TẬP LẠI QUANH NHỮNG DÒNG SUỐI VÀ VÙNG NƯỚC TRỪNG. KHI CÓ ÁNH SÁNG THÌ CHÚNG GẦN NHƯ KHÔNG HIỆN HỮU, CHỈ CÓ THỂ NHÌN THẤY NHƯ MỘT THỨ TRÔI GIẠT TRONG ÁNH SÁNG, PHAI NHẠT DẦN MỘT CÁCH ĐỀU ĐẶN, GIỐNG NHƯ NHỮNG TẮM MẠNG TRONG SUỐT XOAY CHUYỂN TRƯỚC GƯƠNG. CÁC PHÙ THỦY CHƯA TỪNG THẤY THỨ GÌ NHƯ VẬY TRƯỚC ĐÂY VÀ LIỀN THẤY KHÔNG TIN TƯỜNG CHÚNG.

“Cô có nghĩ là chúng vẫn đang sống không, Serafina Pekkala?” Ruta Skadi hỏi khi họ lượn vòng ở cao phía trên một nhóm vật thể đứng bất động tại rìa khoảng rừng rộng.

“Dù còn sống hay đã chết thì chúng cũng đầy ác tâm,” Serafina trả lời. “Từ tận đây tôi cũng cảm nhận được. Trừ khi biết được vũ khí gì có thể làm tổn hại chúng, tôi sẽ không muốn tiến lại gần hơn thế này đâu.”

Có vẻ như lũ Quỷ hút hồn bị giới hạn dưới mặt đất, chúng không có khả năng bay, thật may cho các phù thủy. Cuối ngày hôm đó, họ đã thấy được điều mà lũ Quỷ hút hồn có thể làm.

Việc đó xảy ra tại một công trình bắc qua sông, nơi con đường bụi bặm băng qua cây cầu đá thấp tè bên cạnh một khoảng cây rừng. Ánh nắng của buổi chiều muộn chiếu xiên qua vùng đồng cỏ, làm bật lên một màu xanh rực rỡ trên mặt đất và khiến cho không khí như được rắc bụi vàng lấp lánh. Trong thứ ánh sáng xiên ngang lộng lẫy đó, các phù thủy thấy một nhóm khách lữ hành đang tiến về phía cây cầu, vài người đi bộ, vài người trên những chiếc xe ngựa kéo, và hai trong số họ thì cưỡi ngựa. Họ không nhìn thấy các phù thủy vì chẳng có lí do gì để nhìn lên trời, nhưng họ là những người đầu tiên các phù thủy thấy trong thế giới này. Đúng lúc Serafina định sà xuống bắt chuyện thì họ nghe thấy một tiếng kêu hoảng hốt.

Tiếng hét phát ra từ kỵ sĩ trên con ngựa đầu đoàn. Ông ta đang chỉ vào đám cây, và khi các phù thủy nhìn xuống, họ thấy một dòng những hình thù ma quái đang túa ra qua bãi cỏ, dường như đang trôi về phía đoàn người - con mồi của chúng - một cách dễ dàng.

Đoàn người tản ra. Serafina kinh ngạc khi thấy kỵ sĩ đầu đoàn quay lại ngay lập tức rồi phi nước đại bỏ đi mà không ở lại giúp những người đồng hành của mình, kỵ sĩ thứ hai cũng làm y hệt, bỏ chạy nhanh nhất có thể theo một hướng khác.

“Bay thấp xuống và quan sát nào, các chị em,” Serafina nói với những người bạn đồng hành của mình. “Nhưng đừng can thiệp cho tới khi tôi ra lệnh.”

Họ thấy rằng đoàn người nhỏ bao gồm cả trẻ con, vài đứa ở trên xe kéo, vài đứa đi bộ bên cạnh. Rõ ràng là đám trẻ không thấy được lũ Quỷ hút hồn, và lũ Quỷ cũng chẳng hứng thú với chúng: thay vào đó chúng lao về phía những người lớn. Một người phụ nữ lớn tuổi ngồi trên xe đang ôm lấy hai đứa bé trong lòng, Ruta Skadi rất tức giận trước sự hèn nhát của bà ta: vì bà ta cố gắng trốn phía sau lũ trẻ và đẩy chúng tới trước về phía con Quỷ hút hồn đang đến gần, như thể đang dâng hiến chúng để giữ lấy mạng mình.

Hai đứa trẻ vùng ra khỏi người đàn bà rồi nhảy xuống khỏi chiếc xe. Giống như những đứa trẻ khác xung quanh, chúng chạy tới chạy lui trong hoảng loạn, hoặc đứng ôm nhau khóc trong lúc lũ Quỷ hút hồn tấn công người lớn. Chẳng mấy chốc bà già đã bị bọc kín trong thứ ánh sáng mờ ảo trong suốt cử động liên hồi, ăn ngẫu nhiên theo một cách vô hình nào đó khiến Ruta Skadi cảm thấy ghê tởm không muốn xem. Số phận tương tự tấn công mọi người lớn trong đoàn trừ hai người đã bỏ chạy trên ngựa.

Vừa thấy mê mẩn vừa kinh hoàng, Serafina Pekkala bay xuống gần hơn nữa. Có một người cha cùng với đứa con của mình đang cố lội qua sông để chạy trốn, nhưng một con Quỷ đã bắt kịp họ, và trong lúc đứa trẻ vừa khóc lóc vừa bám chặt lấy lưng người cha, người đàn ông bước chậm lại rồi đứng ngập trong nước đến thắt lưng, bị bắt và bắt lực.

Chuyện gì đang xảy ra với ông ta vậy? Serafina lượn phía trên mặt nước cách đó vài mét, quan sát trong kinh hoàng. Cô đã nghe các lễ khách ở thế giới của mình nói về huyền thoại ma cà rồng, và cô nghĩ đến điều đó khi nhìn con Quỷ hút hồn bận rộn ngốn ngẫu - một thứ gì đó, một đặc tính nào đó mà người đàn ông có, linh hồn của ông ta, có lẽ là linh thú; vì hiển nhiên là trong thế giới này các linh thú ở bên trong chứ không lộ ra bên ngoài. Đôi tay ông chùng xuống dưới đuôi đứa bé, khiến nó ngã vào làn nước phía sau trong lúc cố gắng một cách vô ích để tóm lấy tay ông. Nó thở hắt ra, gào khóc, nhưng người đàn ông chỉ

chậm chậm quay đầu lại rồi nhìn xuống đứa con trai bé bỏng đang chìm dần bên cạnh mình với vẻ hoàn toàn thờ ơ.

Như thế là quá đủ với Serafina. Cô bổ nhào xuống lôi đứa bé ra khỏi làn nước. Đúng lúc đó Ruta Skadi hét lên: “Cẩn thận, người chị em! Phía sau kia...”

Trong thoáng chốc, Serafina cảm thấy một mảng xám xịt găm guốc ở bên rìa trái tim mình, cô vươn tới bàn tay của Ruta Skadi và liền được kéo ra khỏi hiểm nguy. Họ bay lên cao, đứa bé gào thét và bấu những ngón tay sắc lẹm vào eo cô, rồi Serafina thấy con Quỷ hút hồn phía sau mình, một mảng sương trôi giạt cuộn xoáy trên mặt nước, lượn lờ khắp nơi tìm con mồi đã đánh mất. Ruta Skadi bắn một mũi tên vào giữa tim nó, nhưng chẳng có chút tác dụng nào.

Thấy rằng đứa bé không gặp nguy hiểm gì từ lũ Quỷ hút hồn, Serafina đặt nó xuống bờ sông rồi họ lui lại trở về không trung. Đoàn người lữ hành nhỏ lúc này đã dừng lại hoàn toàn; đám ngựa gặm cỏ hoặc lắc đầu xua ruồi, trẻ con gào khóc hoặc ôm chặt lấy nhau và quan sát từ xa, còn tất cả người lớn thì vẫn bất động. Mắt họ đang mở; có người đứng, mặc dù phần lớn đã ngồi xuống; một sự tĩnh lặng khủng khiếp bao trùm lấy họ. Khi những con Quỷ hút hồn cuối cùng đã no nê và trôi dạt đi, Serafina hạ thấp độ cao rồi đáp xuống trước mặt một phụ nữ đang ngồi trên cỏ, người phụ nữ trông khỏe khoắn mạnh mẽ với hai gò má ửng đỏ và mái tóc mượt mà sáng óng ánh.

“Này cô?” Serafina lên tiếng. Không có lời đáp lại. “Cô có nghe thấy tôi nói không? Cô có thấy tôi không?”

Cô lay vai người phụ nữ. Với một nỗ lực tột cùng, cô ta ngược lên. Cô ta dường như chẳng nhận thức được gì. Đôi mắt cô ta vô hồn, khi Serafina bấu lên da cánh tay, cô ta chỉ chậm rãi nhìn xuống rồi lại quay đi.

Các phù thủy khác đang di chuyển giữa những cỗ xe nằm rải rác khắp nơi, sợ hãi nhìn các nạn nhân. Đám trẻ con, trong lúc đó, đang tụ

lại trên một gò đất nhỏ cách đó không xa, nhìn chăm chăm các phù thủy và hoảng sợ thì thầm với nhau.

“Người cưỡi ngựa đang nhìn kia,” một phù thủy lên tiếng.

Cô chỉ lên nơi con đường dẫn qua một khoảng hở trong những ngọn đồi. Kị sĩ bỏ chạy lúc trước đã thắng ngựa và quay lại nhìn, tay che nắng cho mắt để xem chuyện gì đang diễn ra.

“Chúng ta sẽ nói chuyện với ông ta,” Serafina nói rồi lao lên không trung.

Dù có xử sự thế nào khi đối mặt với lũ Quỷ hút hồn thì ông ta cũng không phải là một kẻ hèn nhát. Khi thấy các phù thủy đến gần, ông liền tháo dây đeo của khẩu súng trường sau lưng rồi thúc ngựa chạy về phía bãi cỏ, nơi ông có thể chinh hướng để bắn và đối mặt với họ ở không gian thoáng đãng; nhưng Serafina Pekkala đã chậm rãi đáp xuống, giơ cây cung ra rồi đặt nó xuống mặt đất phía trước mặt mình.

Dù ở đây người ta có cử chỉ này không thì ý nghĩa của nó cũng không thể nhầm lẫn được. Người đàn ông hạ súng xuống khỏi vai rồi chờ đợi, nhìn từ Serafina sang những phù thủy khác, rồi lên cả phía các linh thú của họ đang lượn vòng ở bầu trời phía trên. Những người phụ nữ, trẻ trung và dữ dằn, khoác lụa đen và cười càn thong bay qua bầu trời - ở thế giới của ông không hề có thứ gì như vậy, nhưng ông đối mặt với họ bằng sự thận trọng đầy bình tĩnh. Serafina tiến lại gần và thấy ngoài sức mạnh, trên gương mặt ông còn in hằn sự đau khổ. Thật khó bỏ qua kí ức về việc ông ta quay ngựa chạy trốn trong khi những người đồng hành bỏ mạng.

“Cô là ai?” Ông hỏi.

“Tên tôi là Serafina Pekkala. Tôi là nữ hoàng của các phù thủy thuộc Hồ Enara, nằm ở một thế giới khác. Tên ông là gì?”

“Joachim Lorenz. Cô nói là phù thủy à? Vậy các cô có bắt tay với ma quỷ không?”

“Nếu có thì điều đó có khiến chúng tôi trở thành kẻ thù của ông không?”

Ông nghĩ một lúc rồi đặt khẩu súng trường lên ngang đùi. “Sự việc có thể đã từng như vậy,” ông đáp, “nhưng thời thế thay đổi rồi. Tại sao các cô lại đến thế giới này?”

“Vì thời thế đã thay đổi. Những sinh vật đã tấn công đoàn của ông là thứ gì vậy?”

“À, lũ Quỷ hút hồn...” Ông nhún vai nói, có đôi chút ngạc nhiên. “Các cô không biết Quỷ hút hồn à?”

“Chúng tôi chưa bao giờ thấy chúng ở thế giới của mình. Chúng tôi đã thấy ông chạy trốn, và không biết phải nghĩ về việc đó như thế nào. Nhưng giờ thì tôi hiểu rồi.”

“Không có cách nào chống trả lại chúng đâu,” Joachim Lorenz nói. “Chỉ có trẻ con là không bị đụng đến. Đoàn lữ hành nào cũng phải bao gồm một nam và một nữ cưỡi trên lưng ngựa, luật là vậy, và họ sẽ phải làm điều chúng tôi đã làm nếu không bọn trẻ sẽ không có ai chăm sóc cả. Nhưng tình thế lúc này rất tồi tệ; các thành phố đều chật ních Quỷ hút hồn, trong khi trước đây ở mỗi nơi chỉ có không quá chục con.”

Ruta Skadi nhìn quanh quất. Cô thấy kị sĩ còn lại đang quay về phía những cỗ xe, và nhận ra rằng quả thật đó là một phụ nữ. Đám trẻ con đang chạy tới chào đón bà.

“Nhưng hãy cho tôi biết các cô đang tìm kiếm thứ gì?” Joachim Lorenz nói tiếp. “Cô chưa trả lời tôi. Các cô sẽ chẳng đến nếu không có mục đích gì. Giờ hãy trả lời tôi đi.”

“Chúng tôi đang tìm kiếm một đứa trẻ,” Serafina đáp, “một cô bé tới từ thế giới của chúng tôi. Tên cô bé là Lyra Belacqua, còn được gọi là Lyra Silvertongue. Nhưng cô bé có thể ở đâu trong thế giới rộng lớn này thì chúng tôi không thể đoán được. Ông chưa từng thấy một đứa bé lạ mặt đi một mình sao?”

“Chưa. Nhưng đêm hôm trước chúng tôi thấy các thiên thần đang hướng về phía Cực.”

“Thiên thần?”

“Hàng toán bay trên không trung, được vũ trang và tỏa sáng lấp lánh. Vài năm gần đây họ không được phổ biến lắm, nhưng vào thời ông nội tôi họ thường bay qua thế giới này, ông nội hay nói như vậy.”

Ông lấy tay che mắt rồi nhìn xuống phía những cỗ xe nằm rải rác và đoàn lũ hành đã bị dừng lại. Kị sĩ còn lại lúc này đã xuống ngựa và đang vỗ về vài đứa trẻ.

Serafina dõi theo ánh nhìn của ông rồi nói: “Nếu chúng tôi cầm trịch với các vị tối nay và canh chừng lũ Quỷ hút hồn, liệu ông có thể kể cho chúng tôi thêm về thế giới này và những thiên thần mà ông đã thấy không?”

“Chắc chắn rồi. Hãy đi với tôi.”

Các phù thủy giúp di chuyển những cỗ xe đi xa hơn dọc theo con đường, qua cầu và tránh xa khỏi đám cây mà lũ Quỷ hút hồn vừa chui ra. Các nạn nhân người lớn phải ở lại đó, dù thật đau đớn khi phải nhìn những đứa bé bám lấy người mẹ không còn đáp lại chúng, hay kéo tay áo của người cha câm lặng đang nhìn vào hư không với đôi mắt vô hồn. Những đứa bé hơn không thể hiểu được tại sao chúng phải rời bỏ cha mẹ của mình. Những đứa lớn hơn, vài đứa trong số chúng đã mất cha mẹ của chính mình và những đứa đã từng chứng kiến, chỉ đơn thuần tỏ ra buồn rầu và không nói gì. Serafina bế cậu bé đã ngã xuống sông, nó gào khóc đòi cha, với qua vai Serafina về phía dáng người câm lặng vẫn đang thờ ơ đứng trong làn nước. Serafina cảm thấy nước mắt cậu bé rơi trên làn da trần của mình.

Người nữ kị sĩ mặc cái quần túm ống bằng vải bạt xù xì và cưỡi ngựa như một người đàn ông, không hề hé lời với các phù thủy. Khuôn mặt bà đầy khắc nghiệt. Bà thúc bọn trẻ đi tiếp với giọng điệu nghiêm khắc, lờ đi những giọt nước mắt của chúng. Mặt trời lúc chạng vạng thấm đẫm không khí bằng thứ ánh sáng vàng óng làm nổi bật mọi chi tiết nhưng không khiến chúng chói lóa, khiến gương mặt của những

đứa trẻ, người đàn ông cùng người đàn bà dường như trở nên bất tử, mạnh mẽ và tuyệt đẹp.

Sau đó, khi những cục than hồng trong đồng lửa tỏa sáng giữa vòng tròn đá phủ tro, còn những ngọn đèn khổng lồ nằm im lìm dưới ánh trăng, Joachim Lorenz kể cho Serafina và Ruta Skadi về lịch sử thế giới của ông.

Nơi đây đã từng là một thế giới hạnh phúc, ông giải thích. Các thành phố rộng rãi và thanh lịch, những cánh đồng màu mỡ được canh tác chu đáo. Các con tàu buôn nối đuôi nhau đi đi về về trên những đại dương xanh biếc, các ngư dân kéo những mẻ lưới đầy ắp cá tuyết và cá ngừ, cá vược cùng cá đối; thú ăn thịt tự do chạy trong rừng và không đứa trẻ nào phải chịu đói. Trong những khoảnh khắc yên bình và quang trường của các thành phố lớn, các đại sứ tới từ Brasil và Benin, từ Eireland và Corea hòa trộn với những người bán thuốc lá, cùng những nghệ sĩ hài kịch từ Bergamo, xen lẫn những người môi giới cho vay tài sản lớn. Vào ban đêm, những người tình đeo mặt nạ gặp gỡ dưới hàng cây rêu hoa hồng hay trong khu vườn lấp lánh ánh đèn, bầu không khí náo nức mùi hương hoa nhài và rộn ràng tiếng nhạc đàn dây mandarone.

Các phù thủy tròn mắt lắng nghe câu chuyện về một thế giới vừa giống lại vừa thật khác biệt với thế giới của họ.

“Nhưng rồi mọi thứ trở nên tồi tệ,” ông nói. “Ba trăm năm trước, tất cả thay đổi. Vài người cho rằng Hội Torre degli Angeli của các nhà hiền triết - Tháp của các Thiên thần - tại thành phố chúng tôi vừa đi qua là những người đáng trách. Những người khác lại nói đó là sự phán quyết mà chúng ta phải gánh vì một tội lỗi tày đình nào đó, mặc dù tôi chưa từng nghe thấy người ta đồng tình về việc tội lỗi đó là gì. Nhưng đột nhiên chẳng hiểu từ đâu mà lũ Quỷ hút hồn kéo đến, kể từ đó chúng tôi vẫn luôn bị ám. Các vị đã thấy chúng làm gì rồi đó. Giờ thì hãy tưởng tượng xem sẽ thế nào nếu phải sống trong cùng một thế giới với lũ Quỷ hút hồn. Làm sao chúng tôi có thể phát triển phồn thịnh được khi mà chúng tôi không thể dựa vào bất cứ thứ gì nếu sự việc cứ tiếp

diễn thế này? Vào bất cứ lúc nào, một người cha cũng có thể bị bắt, hoặc một người mẹ, rồi cả gia đình sẽ tan tác; một thương nhân có thể bị bắt và doanh nghiệp của anh ta sẽ phá sản, rồi tất cả thư kí và đại diện của anh ta sẽ mất việc; và những người tình làm sao còn có thể tin vào những lời hẹn thề của nhau được? Toàn bộ lòng tin và đức hạnh đều tan biến khỏi thế giới của chúng tôi khi lũ Quỷ hút hồn đến.”

“Những nhà hiền triết này là ai vậy?” Serafina hỏi. “Còn tòa tháp mà ông đã nhắc đến nằm ở đâu?”

“Tại thành phố chúng tôi đã rời đi - Cittagazze. Thành phố của những con ác là. Cô có biết vì sao nơi đây được gọi như vậy không? Vì chim ác là là bọn kẻ cắp, và đó là điều duy nhất chúng tôi có thể làm lúc này. Trong hàng trăm năm trời chúng tôi không tạo ra thứ gì, cũng chẳng xây dựng gì, tất cả những gì chúng tôi có thể làm là lấy cắp từ các thế giới khác. Ồ vâng, chúng tôi biết về những thế giới khác. Những nhà hiền triết ở Torre degli Angeli đã khám phá ra tất cả những thứ chúng tôi cần phải biết về chủ đề đó. Họ có một câu thần chú mà chỉ cần xướng lên, nó sẽ cho phép ta bước qua một cánh cửa vốn không hề ở đó, và thấy mình đang ở trong một thế giới khác. Có người nói đó không phải là một câu thần chú mà là một chiếc chìa khóa có thể mở được cả những chỗ không có khóa. Ai mà biết được? Dù có là thứ gì thì nó cũng đã để cho lũ Quỷ hút hồn ùa vào. Theo như tôi hiểu thì các nhà hiền triết vẫn đang sử dụng nó. Họ tới những thế giới khác để lấy trộm rồi mang về những thứ mình tìm thấy. Vàng bạc đá quý là hiển nhiên rồi, nhưng còn cả những thứ khác nữa, như những ý tưởng, các bao tải ngô, hay bút chì. Đó là nguồn gốc toàn bộ sự sung túc của chúng tôi,” ông cay đắng nói, “cái Hội trộm cắp đó.”

“Tại sao Quỷ hút hồn lại không làm hại trẻ con?” Ruta Skadi hỏi.

“Đó là bí ẩn vĩ đại nhất. Có một sức mạnh nào đó trong sự ngây thơ của trẻ con đã đẩy lùi lũ Quỷ của sự Thờ ơ. Nhưng không chỉ có vậy. Lũ trẻ đơn thuần là không nhìn thấy chúng, mặc dù chúng tôi không thể lí giải tại sao. Chưa từng. Nhưng trẻ con mồ côi vì Quỷ hút

hồn thì rất phổ biến, như các vị có thể tưởng tượng, những đứa trẻ có cha mẹ bị bắt; chúng tụ họp thành từng nhóm vất vưởng trong đất nước, đôi khi chúng làm thuê cho những người lớn để tìm kiếm thức ăn và nguồn dự trữ trong vùng Quỷ hút hồn hoành hành, hoặc đôi khi chúng lại chỉ đơn thuần là đi lang thang và bới rác tìm đồ ăn.

“Đó là thế giới của chúng tôi.Ồ, chúng tôi vẫn chung sống được với sự nguyên rủa này. Chúng là những vật kí sinh thực thụ: chúng không giết chết vật chủ của mình nhưng lại rút gần cạn sinh lực của anh ta. Tuy nhiên vẫn có một sự cân bằng tương đối - cho tới gần đây, khi cơn bão lớn tới. Quả là một cơn bão khốc liệt; nghe như thể cả thế giới đang nứt nẻ và gãy rời ra; trong kí ức của tôi chưa từng có trận bão nào như vậy.

“Rồi sau đó một màn sương ủa tới bao phủ mọi miền của thế giới mà tôi biết trong nhiều ngày liền, khiến không ai có thể đi lại; và khi sương tan đi, các thành phố tràn ngập lũ Quỷ hút hồn, hàng trăm hàng nghìn con. Vậy là chúng tôi di tản lên những ngọn đồi và ra biển khơi, nhưng lần này thì dù có đi đâu chúng tôi cũng không thể thoát nổi chúng. Như các vị đã chứng kiến.

“Giờ tới lượt cô. Hãy kể cho tôi nghe về thế giới của các cô, và lí do tại sao các cô lại rời khỏi nó mà đến đây.”

Serafina thành thật kể lại với ông tất cả những gì cô biết. Ông là một người trung thực, không có gì cần phải che giấu cả. Ông chăm chú lắng nghe, lắc đầu trong kinh ngạc, rồi khi cô nói xong, ông liền nói:

“Tôi đã kể cho các vị nghe về sức mạnh mà người ta nói các nhà hiền triết của chúng tôi nắm giữ, sức mạnh khai mở con đường dẫn tới các thế giới khác. Có người cho rằng thỉnh thoảng họ quên không đóng cánh cửa đó lại; tôi sẽ không ngạc nhiên nếu thi thoảng lũ khách từ những thế giới khác tìm được đường đến đây. Dù sao thì chúng tôi cũng biết là các thiên thần đi qua đó.”

“Thiên thần?” Serafina hỏi. “Ông có nhắc đến họ. Chúng tôi chưa từng nghe nói về thiên thần. Họ là gì vậy?”

“Cô muốn biết về các thiên thần à?” Joachim Lorenz hỏi. “Được thôi. Họ tự gọi bản thân là *bene elim*, tôi được kể như vậy. Có người còn gọi họ là những Người giám sát. Họ không phải những sinh vật từ xác thịt như chúng tôi mà là từ linh hồn; hoặc có lẽ da thịt của họ tinh tế hơn chúng tôi, nhẹ hơn và trong hơn, tôi không biết nữa; nhưng họ không giống chúng tôi. Họ mang theo các thông điệp từ thiên đường, đó là lời kêu gọi của họ. Thỉnh thoảng chúng tôi lại thấy họ trên trời, bay qua thế giới này trên đường tới thế giới khác, lấp lánh như những con đom đóm trên cao tít. Trong đêm tĩnh lặng người ta thậm chí còn có thể nghe thấy tiếng đập cánh của họ. Thiên thần có những mối quan tâm khác với chúng tôi, mặc dù vào thời xa xưa, họ đã xuống trần giao du với đàn ông và phụ nữ, có người nói họ còn có con với chúng tôi nữa.

“Rồi khi màn sương kéo tới sau trận bão kinh hoàng, tôi bị kẹt lại trên những ngọn đồi phía sau thành phố Sant’Elia trên đường về nhà. Tôi lánh tạm vào một căn chòi của người chăn cừu bên dòng suối cạnh khu rừng bạch dương. Suốt cả đêm hôm đó, tôi nghe thấy những tiếng nói trong màn sương trên đầu mình, các tiếng kêu thét báo động và giận dữ, cả tiếng vỗ cánh nữa, tôi chưa bao giờ nghe thấy những âm thanh đó gần đến thế. Đến khi trời gần sáng thì có tiếng giao chiến, tiếng tên bay vút và tiếng kiếm va vào nhau loảng xoảng. Tôi không dám ra ngoài xem dù cực kì tò mò, vì tôi sợ. Nếu cô muốn biết thì tôi sợ chết khiếp luôn. Khi bầu trời trở nên sáng nhất có thể trong màn sương đó, tôi đánh liều nhòm ra ngoài và thấy một dáng người cao lớn đầy thương tích nằm bên bờ suối. Tôi có cảm giác như thể mình đang nhìn những thứ không được phép nhìn - những thứ thiêng liêng. Tôi phải quay đi chỗ khác, và khi quay lại nhìn thì hình dáng đó đã biến mất.

“Đó là lần tôi tới được gần nhất với một thiên thần. Nhưng như tôi đã nói với các vị, đêm hôm trước chúng tôi đã thấy họ ở tít cao phía trên giữa các vì sao, hướng về phía Cực, giống như một hạm đội tàu biển đang giương buồm... Có điều gì đó đang diễn ra, nhưng ở dưới này chúng tôi không đoán nổi nó có thể là gì. Có thể là một cuộc chiến

đã nổ ra. Trên thiên đường đã từng có một cuộc chiến, ồ, hàng nghìn năm trước rồi, từ rất rất lâu, nhưng tôi không biết kết quả như thế nào. Việc một cuộc chiến khác nổ ra là hoàn toàn có thể. Nhưng sự tàn phá sẽ rất khủng khiếp, và hậu quả dành cho chúng tôi... Tôi không thể tưởng tượng được.

“Dù vậy,” ông nói tiếp trong lúc ngồi thẳng dậy để cời lửa, “kết cục của nó có thể sẽ tốt hơn những gì tôi e sợ. Rất có thể chiến tranh trên thiên đường sẽ quét sạch lũ Quỷ hút hồn ra khỏi thế giới này và đẩy chúng trở lại cái hố mà chúng đã thoát ra. Như vậy thật may mắn biết bao, phải không nào! Chúng tôi có thể được sống thật thoải mái và hạnh phúc, không còn phải lo đến tai họa kinh hoàng kia nữa!”

Dù vậy Joachim Lorenz không hề tỏ ra hi vọng khi ông đắm chiêu nhìn vào đồng lửa. Ánh sáng bập bùng nhảy nhót trên gương mặt ông, nhưng những đường nét răn rỏi không thể hiện chút thay đổi nào; trông ông đầy cay nghiệt và buồn bã.

Ruta Skadi lên tiếng. “Về vùng Cực, thưa ông. Ông nói các thiên thần này đang tiến về vùng Cực. Ông có biết tại sao họ lại làm vậy không? Đó có phải nơi thiên đường ngự trị không?”

“Tôi không đoán được. Tôi không phải một người uyên bác, các vị hân đã thấy việc đó khá rõ ràng. Nhưng phía bắc của thế giới chúng tôi, ừm, đó là nơi các linh hồn lưu lại, người ta nói vậy. Nếu các thiên thần đang tụ hợp lại thì đó là nơi họ sẽ đến, mà nếu có định tấn công thiên đường, tôi dám nói rằng đó là nơi họ sẽ xây dựng thành trì và tấn công bất ngờ từ đó.”

Ông ngược nhìn lên, và các phù thủy cũng nhìn theo. Những ngôi sao ở thế giới này cũng giống như ở thế giới của họ: dải Ngân Hà sáng rực vắt ngang vòm trời cùng với vô vàn đốm sáng lấp lánh trên nền trời đêm, về độ sáng thì gần như không hề thua kém mặt trăng...

“Thưa ông,” Serafina nói, “ông đã bao giờ nghe nói tới Bụi chưa?”

“Bụi à? Tôi đoán ý cô muốn nói đến một ý nghĩa khác hơn là bụi bẩn trên đường. Không, tôi chưa từng nghe. Nhưng nhìn kìa - giờ đang

có một nhóm thiên thần...”

Ông chỉ về chòm sao Xà Phu. Quả vậy, có thứ gì đó đang bay qua nó, một cụm nhỏ xiu những sinh vật phát sáng. Mà chúng không hề trôi; chúng di chuyển một cách có chủ đích giống như ngỗng hoặc thiên nga vậy.

Ruta Skadi đứng dậy.

“Các chị em, đã đến lúc tôi phải tách khỏi các vị rồi,” cô nói với Serafina. “Tôi sẽ bay lên nói chuyện với các thiên thần này dù họ có là gì đi nữa. Nếu họ đang tới chỗ Ngài Asriel, tôi sẽ đi cùng với họ. Nếu không tôi sẽ tự đi tìm. Cảm ơn đã đồng hành cùng tôi, đi mạnh giỏi nhé.”

Họ hôn từ biệt, rồi Ruta Skadi cầm lấy cành thông mây của mình và lao thẳng lên không trung. Sergi, linh thú của cô, một con chim oanh cổ xanh, phóng ra khỏi màn đêm và sóng vai bay cùng cô.

“Chúng ta sẽ lên cao chứ?” Nó hỏi.

“Cao bằng những kẻ phát sáng đang bay trong chòm Xà Phu kia. Họ đang đi nhanh quá, Sergi ạ. Bắt kịp họ nào!”

Vậy là cô cùng với linh thú của mình lao lên trời, bay nhanh hơn cả tia lửa, không khí rít qua các nhánh trên cành thông và khiến mái tóc đen của cô tuôn thành dòng phía sau. Cô không ngoái lại nhìn đốm lửa nhỏ giữa bóng tối bạt ngàn, nhìn những đứa trẻ đang say ngủ và các bạn phù thủy của mình. Phần hành trình đó của cô đã kết thúc, bên cạnh đó, những sinh vật phát sáng phía trước kia vẫn chưa lớn lên, và nếu không liên tục để mắt, cô sẽ dễ dàng mất dấu họ trong vòm trời vĩ đại ngập tràn sao sáng lấp lánh.

Cứ như vậy cô bay tiếp, không ngừng dõi theo các thiên thần, và dần dần, khi đã tới được gần hơn, hình dạng của họ cũng trở nên rõ ràng.

Họ tỏa sáng không giống như đang bốc cháy mà như thế, dù có ở đâu hay đêm có tối đến nhường nào, thì ánh sáng mặt trời vẫn soi rọi lên họ. Họ mang vẻ ngoài của con người, nhưng có cánh và cao hơn

nhiều. Bởi vì họ không mặc quần áo nên cô phù thủy có thể thấy rằng ba trong số họ là nam, còn hai là nữ. Đôi cánh của họ mọc ra từ xương bả vai, còn lưng và ngực thì cuộn cuộn cơ bắp. Ruta Skadi giữ khoảng cách phía sau, quan sát, đánh giá sức mạnh của họ phòng trường hợp cần phải chiến đấu. Họ không mang vũ khí, nhưng mặt khác họ chỉ cần dùng năng lực của bản thân là có thể bay dễ dàng, thậm chí có khi còn vượt xa cô trong một cuộc rượt đuổi.

Để chắc ăn, cô lên sẵn cung tên rồi tăng tốc về trước. Khi bay tới bên cạnh họ, cô gọi:

“Các thiên thần! Hãy dừng lại và nghe tôi nói! Tôi là phù thủy Ruta Skadi, tôi muốn nói chuyện với các vị!”

Họ quay lại. Những đôi cánh khổng lồ đập hướng vào trong để giảm tốc, rồi cơ thể đảo xuống dưới cho tới khi họ đứng thẳng trong không trung, giữ vị trí nhờ những nhịp đập cánh. Họ vây lấy cô, năm vóc dáng vĩ đại sáng lấp lánh trong không khí đen ngòm, chiếu sáng bởi một vầng mặt trời vô hình.

Cô phù thủy nhìn quanh, ngồi trên cành thông đầy kiêu hãnh và không tỏ ra sợ hãi, dù cho trái tim cô đang đập một cách kì lạ, còn con linh thú thì đập dờn bay lại để sát vào hơi ấm từ cơ thể cô.

Mỗi sinh vật thiên thần là một cá thể riêng biệt, thế nhưng họ lại có nhiều điểm chung với nhau hơn với bất cứ con người nào mà cô từng thấy. Thứ mà họ có chung là vẻ thông minh, sự nhạy cảm lấp lánh và nhanh nhẹn dường như đang cùng một lúc lan tỏa khắp cơ thể. Họ không mặc gì, nhưng lại khiến cô thấy trần trụi trước ánh mắt của họ, nó sắc sảo đến mức xuyên thấu tâm can.

Dù vậy, cô không hề cảm thấy xấu hổ vì bản chất của mình, cô đáp lại ánh nhìn của các thiên thần với cái đầu ngẩng cao.

“VẬY các vị là thiên thần,” cô nói, “hay Người giám sát, *bene elim*. Các vị đang đi đâu vậy?”

“Chúng ta đang đi theo một lời kêu gọi,” một vị nói.

Cô không dám chắc ai là người vừa nói. Có thể là bất cứ ai, hoặc là tất cả bọn họ vừa lên tiếng cùng lúc.

“Lời kêu gọi của ai vậy?” Cô hỏi.

“Của một người đàn ông.”

“Của Ngài Asriel?”

“Có thể.”

“Tại sao các vị lại đi theo lời kêu gọi của ông ấy?”

“Bởi vì chúng ta sẵn lòng,” tiếng trả lời vang lên.

“Vậy thì dù ông ấy có ở đâu, các vị cũng có thể dẫn tôi đến đó,” cô ra lệnh cho họ.

Ruta Skadi đã bốn trăm mười sáu tuổi, với tất cả lòng kiêu hãnh và kiến thức của một nữ hoàng phù thủy trưởng thành. Cô thông thái hơn rất nhiều so với bất cứ con người có tuổi thọ ngắn ngủi nào, nhưng cô lại không hề ý thức được chút gì về việc trông mình giống một đứa trẻ đến thế nào bên cạnh những sinh vật cổ xưa này. Cô chẳng hề biết nhận thức của họ vượt xa cô, nó trải rộng như những sợi tơ mảnh đến từng ngóc ngách xa xôi nhất của những vũ trụ mà cô không bao giờ dám mơ tới; hay biết được rằng cô nhìn thấy họ trong hình dáng con người chỉ là vì đôi mắt cô muốn thấy như vậy. Nếu cô nhận ra được hình dáng thật sự của họ, thì họ trông sẽ giống công trình kiến trúc hơn là cơ thể sinh vật, giống như những cấu trúc khổng lồ tạo thành từ trí thông minh và cảm xúc.

Nhưng họ không mong đợi gì hơn: cô còn quá trẻ.

Lập tức, họ vỗ cánh và lao về phía trước, cô cũng phóng đi cùng với họ, lướt trên bầu không khí nhiều động do cánh của các thiên thần tạo ra và tận hưởng tốc độ cùng với sức mạnh mà nó tăng cường cho chuyển bay của cô.

Họ bay suốt đêm. Sao trời xoay vòng xung quanh họ, mờ dần rồi tan biến vào ánh bình minh ló rạng từ phía đông. Cả thế giới bùng lên

rực rỡ khi vầng thái dương xuất hiện, rồi sau đó họ bay qua bầu trời xanh và bầu không khí trong lành, tươi mới, ngọt ngào và ấm ướt.

Trong ánh sáng ban ngày, các thiên thần trở nên mờ nhạt hơn, dù sự lạ kì của họ vẫn hiện hữu trước ánh mắt của bất cứ ai. Ánh sáng mà Ruta Skadi nhìn thấy từ họ vẫn không phải là của mặt trời lúc này đang lên cao, mà là một thứ ánh sáng khác từ một nơi nào đó khác biệt.

Các thiên thần cứ liên tục bay không mệt mỏi, và cô cũng giữ nhịp độ một cách không mệt mỏi. Cô cảm thấy niềm hân hoan mãnh liệt xâm chiếm lấy mình, rằng cô có thể ra lệnh cho những thực thể bất tử này. Cô thấy hân hoan trong tận máu thịt, trong cành thông xù xì đang áp sát vào da thịt mình, trong nhịp đập trái tim và sự sống của tất cả các giác quan, trong cơn đói mà lúc này cô đang cảm nhận thấy, trong sự hiện diện của con linh thú chim oanh cổ xanh có giọng hót ngọt ngào, trong mặt đất bên dưới cô cùng sự sống của mọi sinh vật, cây cối và muông thú; cô vui mừng vì vật chất cấu tạo nên mình cũng giống như họ, và vì biết được rằng khi chết đi, da thịt của cô sẽ nuôi dưỡng những sinh linh khác, cũng giống như họ đã nuôi dưỡng cô. Và cô cũng vui sướng vì sắp được gặp lại Ngài Asriel.

Đêm tối lại ập xuống, các thiên thần vẫn tiếp tục bay. Đến một lúc nọ, tính chất không khí bắt đầu biến đổi, không phải là xấu đi hay tốt lên, chỉ đơn thuần là biến đổi. Nhờ vậy Ruta Skadi biết rằng họ đã ra khỏi thế giới vừa rồi và vào một thế giới khác. Chuyện đó xảy ra như thế nào thì cô không thể đoán nổi.

“Các thiên thần!” Cô gọi khi cảm nhận được sự thay đổi. “Chúng ta vừa rời khỏi thế giới mà tôi tìm thấy các vị như thế nào vậy? Ranh giới ở đâu thế?”

“Có những vị trí vô hình trong không khí,” câu trả lời vang lên, “lối vào những thế giới mới. Chúng ta có thể thấy, nhưng cô thì không.”

Ruta Skadi không thấy được những lối vào vô hình, nhưng điều đó không cần thiết: phù thủy có thể định hướng tốt hơn cả chim chóc.

Ngay khi thiên thần trả lời, cô dồn sự chú ý lên ba đỉnh núi nhọn phía dưới và ghi nhớ hình dạng của chúng một cách chính xác. Giờ cô có thể tìm lại được nó nếu cần thiết, dù cho các thiên thần có nghĩ gì đi nữa.

Họ tiếp tục bay xa hơn, đúng lúc đó cô nghe thấy một giọng thiên thần vang lên:

“Ngài Asriel đang ở trong thế giới này, có một pháo đài mà ông ấy đang xây...”

Họ bay chậm lại rồi lượn vòng giữa không trung như những con đại bàng. Ruta Skadi nhìn về nơi một thiên thần đang chỉ vào. Tia sáng nhạt nhòa le lói đầu tiên đang dần nhuộm màu bầu trời phía đông, dù cho tất cả những ngôi sao phía trên vẫn đang tỏa sáng rực rỡ như mọi khi trên nền nhung đen sâu thẳm của thiên đường trên cao. Và trên viền ngoài của thế giới, nơi ánh sáng đang tăng dần với mỗi phút trôi qua, một rặng núi hùng vĩ nhô các mỏm cao lên - những cây giáo nhọn hoắt từ đá đen, các phiến đá mỏng đồ sộ gãy nứt và những đỉnh núi lởm chởm răng cưa chất lên đầy hỗn độn như một đồng đồ nát sau thảm họa vũ trụ. Nhưng trên đỉnh cao nhất, nơi cô phù thủy nhìn thấy những vật năng sớm đầu tiên chạm tới, làm bật lên các đường nét rực rỡ, sừng sững một cấu trúc cân đối: một pháo đài đồ sộ có tường gấn lỗ châu mai được tạo thành từ những phiến đá bazan đơn lẻ cao bằng nửa ngọn đồi, quy mô của nó phải được đo bằng thời gian bay.

Bên dưới pháo đài khổng lồ này, lửa hùng hực cháy, các lò luyện nhả khói trong bóng tối của buổi bình minh sớm. Từ cách đó nhiều dặm, Ruta Skadi đã có thể nghe thấy tiếng búa nện vang rền và tiếng giã nghiền từ những cối xay vĩ đại. Từ bốn phương tám hướng, cô có thể thấy nhiều đoàn thiên thần khác đang rải cánh về phía pháo đài. Không chỉ thiên thần mà còn có cả máy móc nữa: máy bay cánh thép chao liệng như những con hải âu lớn, các khoang gấn kính dưới những đôi cánh chuồn chuồn rung rinh, những chiếc khí cầu Zeppelin kêu o o như những con ong nghệ bự chẳng - tất cả đều đang hướng về pháo đài mà Ngài Asriel đang dựng lên trên dãy núi bên rìa thế giới.

“Vậy là Ngài Asriel đang ở đó?” Cô hỏi.

“Phải, ông ấy ở đó,” các thiên thần đáp lời.

“Vậy thì cùng bay tới đó gặp ông ấy thôi. Các vị sẽ phải làm hộ vệ danh dự của tôi đấy.”

Các thiên thần vâng lệnh rải cánh về phía pháo đài viền vàng, với cô phù thủy háo hức bay dẫn đoàn.

Rolls Royce

Lyra tỉnh dậy sớm, cảm nhận buổi sáng tĩnh lặng và ấm áp, cứ như thể thành phố này không bao giờ có bất cứ mùa nào khác ngoài mùa hạ êm đềm này. Cô bé trượt người khỏi giường rồi đi xuống tầng, cô nghe thấy tiếng vài đứa trẻ đang nô đùa dưới nước nên đã ra xem chúng đang làm gì.

Ba đứa con trai và một đứa con gái đang khóa nước qua một bến cảng ngập tràn ánh nắng trong mấy con thuyền đập vệt, đua nhau đập về phía những bậc thang. Khi thấy Lyra, chúng đi chậm lại một chút, nhưng rồi cuộc đua lại lôi kéo chúng trở lại. Những kẻ thắng cuộc đâm sầm vào các bậc thang mạnh đến nỗi một đứa trong số chúng ngã nhào xuống nước, và khi cố gắng trèo vào một con thuyền khác, nó lại làm lật luôn con thuyền đó. Cứ thế, chúng cùng nhau bơi loanh quanh như thể nỗi kinh hoàng của đêm hôm trước chưa từng tồn tại. Chúng nhỏ tuổi hơn hầu hết những đứa trẻ bên tòa Tháp, Lyra nghĩ. Cô nhảy vào làn nước nhập hội với chúng, cùng với Pantalaimon trong hình dạng một con cá nhỏ màu bạc đang lấp lánh bên cạnh. Cô bé chưa từng gặp khó khăn khi bắt chuyện với những đứa trẻ khác, và chẳng mấy chốc chúng đã túm tụm lại quanh cô, ngồi trên tảng đá ẩm trong những vũng nước, quần áo của chúng khô nhanh chóng dưới ánh nắng mặt trời. Tội nghiệp Pantalaimon lại phải trốn vào túi áo cô, một con ếch trong lớp cotton ẩm và mát.

“Các cậu định làm gì với con mèo đó?”

“Các cậu thật sự có thể xua điềm xui đi sao?”

“Các cậu từ đâu tới?”

“Bạn của cậu, cậu ta không sợ Quỷ hút hồn à?”

“Will chẳng sợ cái gì hết,” Lyra đáp. “Mà tớ cũng thế. Sao các cậu lại sợ mèo chứ?”

“Cậu không biết về lũ mèo à?” Thăng bé lớn nhất nói đầy ngờ vực. “Bọn mèo chứa ma quỷ bên trong, thật đấy. Cứ thấy mèo là cậu phải giết. Chúng sẽ cắn và truyền con quỷ vào người cậu. Mà cậu đang làm gì với con báo to đùng đó vậy?”

Nhận ra rằng chúng muốn nói đến Pantalaimon trong dạng báo đốm của mình, cô liền lắc đầu về ngây thơ.

“Chắc các cậu mơ đấy,” cô nói. “Dưới ánh trăng thì có đủ thứ trông khác biệt. Nhưng tớ và Will, ở chỗ chúng tớ không có Quỷ hút hồn, nên chúng tớ không biết nhiều lắm về chúng.”

“Nếu không thấy được chúng thì các cậu vẫn an toàn,” một thằng nhóc nói. “Nếu thấy chúng thì có nghĩa là chúng có thể tóm được cậu. Ba tớ đã nói vậy, sau đó ông ấy bị chúng tóm mất. Đúng lúc ông không để ý tới chúng.”

“Vậy giờ chúng đang ở đây xung quanh chúng ta à?”

“Phải,” đứa con gái đáp. Nó với tay ra nắm lấy một nắm đầy không khí rồi reo vang: “Tớ tóm được một con rồi!”

“Chúng không thể làm hại cậu,” một trong những cậu bé nói. “Nên chúng ta cũng không thể làm gì chúng, vậy đấy.”

“Bọn Quỷ hút hồn vẫn luôn tồn tại ở thế giới này à?” Lyra hỏi.

“Phải,” một thằng bé đáp, nhưng đứa khác lại nói: “Không, chúng tới từ cách đây rất lâu rồi. Từ hàng trăm năm trước.”

“Chúng tới vì Hội đó,” đứa thứ ba nói.

“Hội gì cơ?” Lyra hỏi.

“Còn lâu!” Đứa con gái cãi lại. “Bà tớ nói chúng tới vì con người xấu xa quá, nên Chúa cử chúng tới trừng phạt chúng ta.”

“Bà cậu chẳng biết gì cả,” một thằng bé nói. “Bà ta có râu, bà cậu ấy. Bà ta là một con dê, thề luôn.”

“Hội là gì vậy?” Lyra cố nài.

“Cậu biết Torre degli Angeli rồi đấy,” một thằng bé đáp, “tòa tháp đá, phải, nó thuộc về Hội, ở trong đó có một nơi bí mật. Hội là những người đàn ông thông suốt về mọi thứ. Triết học, thuật giả kim, họ biết đủ thứ. Và họ chính là những người đã để lũ Quỷ hút hồn vào.”

“Không đúng,” một thằng bé khác nói. “Chúng tới từ những ngôi sao mà.”

“Đúng đấy! Việc xảy ra thế này này: có một người đàn ông của Hội sống cách đây hàng trăm năm đã tìm cách tách kim loại. Chì. Ông ta định biến nó thành vàng. Vậy là ông ta cứ cắt nhỏ, nhỏ mãi cho tới khi có được mẫu nhỏ nhất có thể. Không có thứ gì nhỏ được hơn vậy nữa. Thậm chí còn nhỏ đến mức không nhìn thấy nổi. Nhưng ông ta vẫn cắt nó, và cái mẫu cực kì nhỏ đó chứa toàn bộ lũ Quỷ hút hồn bị nén vụn vụn bên trong, chúng bị nhét chặt đến mức hoàn toàn không còn tí không gian nào. Nhưng ông ta vừa mới cắt mẫu kim loại thì bùm! Chúng lao ra và lảng vảng ở đây kể từ đó. Ba tớ kể vậy đấy.”

“Hiện giờ có thành viên nào của Hội đang ở trong tháp không?” Lyra hỏi.

“Không! Họ cũng chạy trốn như những người khác rồi,” đứa con gái đáp.

“Không có ai trong tháp đâu. Cái chỗ đó bị ám quẻ rồi,” một thằng nhóc nói. “Đó là lí do con mèo chạy ra từ đó. Bọn tớ sẽ không vào trong đó đâu, nghiêm túc đấy. Không có đứa trẻ nào vào trong đó hết. Đáng sợ lắm.”

“Người của Hội chẳng ngán vào trong đó đâu,” một đứa khác nói.

“Họ có ma thuật đặc biệt hay gì đó ấy. Họ tham lam lắm, sống trên sinh mạng của người dân nghèo,” đứa con gái nói. “Những người nghèo làm tất cả mọi việc, còn người của Hội thì cứ thế sống mà chẳng làm gì.”

“Nhưng trong tháp bây giờ không có ai cả à?” Lyra hỏi. “Không một người lớn nào?”

“Chẳng có người lớn nào trong thành phố hết!”

“Họ chẳng dám ở lại đâu.”

Nhưng cô bé đã thấy một thanh niên ở trên đó. Cô tin chắc như vậy. Hơn nữa, có điều gì đó trong cái cách mà những đứa trẻ này nói: bản thân là một kẻ nói dối điêu luyện, cô bé nhận ra được những kẻ dối trá khi gặp chúng, bọn trẻ đang che giấu một điều gì đó.

Rồi đột nhiên cô nhớ ra: cậu nhóc Paolo có nhắc tới việc nó và Angelica có một người anh tên Tullio cũng đang ở trong thành phố, và Angelica đã suýt nó... Có thể nào người thanh niên mà cô bé thấy là anh trai của chúng không?

Cô để bọn trẻ lôi thuyền và bàn đạp lên bờ biển, còn mình thì vào trong nhà pha chút cà phê rồi kiểm tra xem Will đã dậy chưa. Nhưng cậu bé vẫn đang ngủ, với con mèo cuộn tròn dưới chân. Lyra đang nóng lòng muốn gặp lại vị học giả của mình, cô bèn viết một tờ ghi chú, đặt nó trên sàn cạnh giường ngủ của cậu rồi lấy balô đi tìm cái cửa sổ.

Con đường cô chọn dẫn qua khu quảng trường nhỏ mà chúng đã đến vào đêm hôm trước, nhưng giờ thì nó trống trơn.

Mặt trời rải nắng lên mặt tiền của tòa tháp cổ kính làm bật lên những họa tiết chạm khắc đã mờ bên cạnh cửa vào: những hình dáng giống con người với đôi cánh gấp lại, đường nét trên cơ thể họ đã bị thời tiết qua hàng thế kỉ ăn mòn, nhưng không hiểu tại sao sự tĩnh lặng của họ lại toát lên uy quyền, lòng trầm ẩn và sức mạnh trí tuệ.

“Thiên thần,” Pantalaimon trong dạng dế thốt lên từ trên vai Lyra.

“Có khi là Quỷ hút hồn,” Lyra nói.

“Không phải! Mấy đứa kia đã nói nó là *angeli*^[8] gì đó mà,” nó khẳng định. “Dám cá với cậu đó là thiên thần.”

“Chúng ta vào chứ?”

Hai đứa ngược nhìn cánh cửa gỗ sồi vĩ đại gắn trên bản lề được trang trí lộng lẫy. Nửa tá bậc cầu thang dẫn tới đó đã bị mòn vẹt đi, còn bản thân cánh cửa thì đang hé mở. Chẳng có thứ gì ngăn cản Lyra bước vào ngoại trừ nỗi sợ của chính cô.

Cô bé nhón chân lên bậc thang cao nhất rồi nhìn qua khoảng hở. Một khu sảnh lát đá sẫm màu là thứ duy nhất cô thấy được, tuy chỉ là một phần; nhưng Pantalaimon đang lo lắng run rẩy trên vai cô, giống y như khi chúng nghịch ngợm với những cái sọ trong hầm mộ ở Học viện Jordan. Giờ cô đã khôn ngoan hơn. Nơi này không tốt chút nào. Cô chạy xuống cầu thang và ra khỏi quảng trường, hướng tới ánh nắng rực rỡ của đại lộ cây cọ. Ngay khi chắc chắn rằng không có ai đang nhìn, cô lao thẳng qua đường, tới chỗ ô cửa sổ và vào thành phố Oxford của Will.

Bốn mươi phút sau cô bé đã lại ở trong tòa nhà nghiên cứu vật lí, tranh cãi với người gác cửa; nhưng lần này cô đã có con át chủ bài.

“Ông cứ hỏi Tiến sĩ Malone đi,” cô bé ngọt ngào nói. “Đó là tất cả những gì ông phải làm. Bà ấy sẽ nói cho ông biết.”

Người gác cửa quay sang phía điện thoại của mình. Lyra thương hại nhìn ông ấn nút và nói vào máy. Người ta không cho ông một nhà gác hẳn hoi để ngồi, giống như tại một học viện Oxford thực thụ, mà chỉ là một quầy gỗ lớn, cứ như thể đây là một cửa hàng vậy.

“Được rồi,” người gác cửa quay lại nói. “Bà ấy nói cháu lên đi. Nhớ là đừng có đi đâu khác đó.”

“Không đâu ạ,” cô bé ra vẻ nghiêm trang, một cô gái nhỏ ngoan ngoãn làm theo những gì được bảo.

Thế nhưng trên đỉnh cầu thang, cô đã phải ngạc nhiên vì khi vừa đi ngang qua một cánh cửa với biểu tượng phụ nữ trên đó thì cánh cửa liền mở ra, và Tiến sĩ Malone đứng đó lặng lẽ ra hiệu cho cô vào.

Cô bé bước vào, trong lòng đầy bối rối. Đây không phải phòng thí nghiệm mà là phòng vệ sinh, còn Tiến sĩ Malone đang bị kích động.

Bà nói: “Lyra - đang có người khác trong phòng thí nghiệm - sĩ quan cảnh sát hay gì đó - họ biết cháu đã đến gặp ta vào ngày hôm qua - ta không biết họ muốn gì nhưng ta không thích thế này - chuyện gì đang diễn ra vậy?”

“Làm sao họ biết được là cháu đã tới gặp bà?”

“Ta không biết! Họ không biết tên cháu, nhưng ta biết họ muốn nói đến ai...”

“Ồ. Cháu có thể nói dối họ. Dễ thôi.”

“Nhưng chuyện gì đang diễn ra thế?”

Một giọng phụ nữ vang lên từ dãy hành lang phía ngoài:

“Tiến sĩ Malone? Bà đã gặp đứa trẻ chưa?”

“Rồi,” Tiến sĩ Malone nói. “Tôi chỉ đang chỉ cho cô bé phòng vệ sinh ở đâu thôi...”

Bà ấy đầu cần phải lo lắng đến vậy, Lyra nghĩ, nhưng có lẽ bà ấy chưa quen với nguy hiểm.

Người phụ nữ trong hành lang còn trẻ và ăn vận rất thanh lịch. Cô ta cố gắng nặn ra một nụ cười khi Lyra bước ra, nhưng đôi mắt vẫn giữ nguyên vẻ gay gắt và ngờ vực.

“Xin chào,” cô ta lên tiếng. “Cháu là Lyra đúng không?”

“Vâng. Tên cô là gì?”

“Cô là Hạ sĩ Clifford. Vào đây nào.”

Lyra nghĩ người phụ nữ này quả là ngang nhiên, cô ta hành động như thể phòng thí nghiệm đó là của mình vậy. Tuy vậy, cô bé vẫn ngoan ngoãn gật đầu. Đó là khoảnh khắc đầu tiên khiến cô thấy nhói lên vì hối hận. Cô biết mình đáng ra không nên ở đây; cô biết Chân Kế

muốn cô làm gì, và đây không phải việc đó. Cô đứng lưỡng lự nơi ngưỡng cửa.

Một người đàn ông cao lớn mạnh mẽ với đôi lông mày trắng phau đã ở sẵn trong phòng. Lyra biết những học giả trông như thế nào, và chẳng ai trong số hai người này là học giả cả.

“Vào đi, Lyra,” Hạ sĩ Clifford nhắc lại. “Không sao đâu. Đây là Thanh tra Walters.”

“Chào Lyra,” người đàn ông nói. “Ta đã nghe đủ chuyện về cháu từ Tiến sĩ Malone đây. Ta rất muốn gặp cháu để hỏi vài câu, nếu cháu đồng ý.”

“Câu hỏi kiểu gì ạ?” Cô bé hỏi.

“Không khó khăn gì đâu,” ông ta vừa cười vừa đáp. “Đến đây ngồi đi, Lyra.”

Ông ta đẩy một cái ghế về phía Lyra. Cô bé cẩn thận ngồi xuống và nghe thấy tiếng cánh cửa tự đóng lại. Tiến sĩ Malone đang đứng cạnh đó. Con đế Pantalaimon trong túi ngực của cô tỏ ra kích động: cô có thể cảm thấy nó đang đập vào ngực mình, hi vọng rằng sự rung động không quá lộ liễu. Cô thầm nhắc nó ngồi im.

“Cháu từ đâu tới vậy Lyra?” Thanh tra Walters hỏi.

Nếu cô trả lời là Oxford, họ sẽ dễ dàng kiểm tra được, nhưng cô cũng không thể nói là từ một thế giới khác. Những người này rất nguy hiểm, họ kiểu gì cũng muốn biết thêm cho xem. Cô nghĩ tới cái tên duy nhất còn lại mà mình biết thuộc thế giới này: quê hương của Will.

“Winchester,” cô nói.

“Cháu vừa mới đánh nhau phải không Lyra?” Ông thanh tra hỏi. “Làm thế nào mà cháu có mấy vết bầm đó vậy? Có một vết trên má cháu và một vết khác ở dưới chân - ai đó đã đánh đập cháu à?”

“Không ạ,” Lyra đáp.

“Cháu có đến trường không Lyra?”

“Có. Thành thạo ạ,” cô nói thêm.

“Hôm nay cháu không đi học sao?”

Cô bé không nói gì. Càng ngày cô càng cảm thấy khó chịu. Cô nhìn Tiến sĩ Malone, vẻ mặt bà đầy căng thẳng và không vui.

“Cháu chỉ tới đây để gặp Tiến sĩ Malone thôi,” Lyra nói.

“Cháu đang sống ở Oxford à, Lyra? Cháu đang ở đâu thế?”

“Với vài người,” cô đáp. “Chỉ là bạn bè thôi ạ.”

“Địa chỉ của họ là gì?”

“Cháu không biết chính xác tên gọi của chỗ đấy. Cháu có thể tìm được nó dễ thôi, nhưng cháu không thể nhớ nổi tên đường.”

“Những người này là ai?”

“Chỉ là bạn của cha cháu thôi ạ,” cô đáp.

“Ồ, ra vậy. Làm cách nào cháu tìm được Tiến sĩ Malone thế?”

“Vì cha cháu là một nhà vật lí và ông ấy biết bà.”

Giờ thì dễ dàng hơn rồi, cô bé nghĩ thầm. Cô bắt đầu thả lỏng hơn và nói dối trôi chảy hơn.

“Vậy bà ấy đã cho cháu xem công trình đang tiến hành của mình rồi chứ?”

“Rồi ạ. Cổ máy với cái màn hình... Vâng, tất cả ạ.”

“Cháu có hứng thú với mấy thứ đó đúng không? Khoa học các kiểu ấy?”

“Vâng. Đặc biệt là vật lí ạ.”

“Lớn lên cháu sẽ trở thành nhà khoa học à?”

Câu hỏi kiểu đó xứng đáng nhận được một cái nhìn trống rỗng, và nó đã được như vậy. Người đàn ông không hề tỏ ra nao núng. Đôi mắt sáng màu của ông ta thoáng liếc sang người phụ nữ trẻ rồi trở lại phía Lyra.

“Vậy cháu có ngạc nhiên về thứ Tiến sĩ Malone đã cho cháu xem không?”

“À, đại khái ạ, nhưng cháu biết cần trông chờ điều gì.”

“Nhờ cha cháu à?”

“Vâng. Vì công việc ông ấy đang làm cũng na ná thế này.”

“Ra vậy. Cháu có hiểu không?”

“Một phần thôi ạ.”

“Vậy cha cháu cũng đang nghiên cứu vật chất tối à?”

“Vâng.”

“Ông ấy có tiến xa như Tiến sĩ Malone không?”

“Không phải theo cách đó ạ. Ông ấy có thể làm vài việc khác tốt hơn, nhưng cái máy với những dòng chữ trên màn hình, ông ấy không có cái nào như thế.”

“Will có ở cùng với các bạn của cháu không?”

“Có ạ, cậu ấy...”

Cô dừng bật lại, ngay lập tức nhận ra rằng mình vừa mắc một sai lầm khủng khiếp.

Hai người kia cũng đã nhận ra, họ liền đứng bật dậy định ngăn cô chạy ra ngoài, nhưng bằng cách nào đó Tiến sĩ Malone đã kịp cản đường, viên hạ sĩ vấp chân rồi ngã nhào ra, cản đường của viên thanh tra. Việc đó đã cho Lyra thời gian để lao ra ngoài và đóng sầm cửa lại phía sau, rồi cô chạy hết tốc lực về phía cầu thang.

Hai người đàn ông mặc áo choàng trắng bước ra từ một cánh cửa khiến cô đâm sầm vào họ. Đột nhiên Pantalaimon hóa thành một con quạ, kêu rít và đập cánh loạn xạ, hai người này giật mình ngã bổ ngửa ra, Lyra lập tức giằng khỏi tay họ rồi chạy xuống tầng cầu thang cuối cùng để vào hành lang ngay đúng lúc người gác cửa đặt điện thoại xuống, lật đặt đuổi theo phía sau quầy trực và gọi lớn: “Này! Dừng lại đấy! Con bé kia!”

Nhưng tấm chắn mà ông ta cần phải lật lên lại ở đầu bên kia, nhờ vậy cô bé đã ra được cửa xoay trước khi ông ta có thể ra ngoài để đuổi theo cô.

Phía sau cô, cửa thang máy đang mở dần, người đàn ông có mái tóc trắng lao ra thật nhanh và mạnh mẽ...

Nhưng cánh cửa không chịu xoay! Pantalaimon rít lên với cô: chúng đang đẩy nhằm phía!

Cô bé hét lên hoảng sợ rồi lao ra ngoài sang bên một ô cửa khác, dồn trọng lượng nhỏ bé của mình lên tấm kính nặng nề, cố gắng làm nó xoay. Cô di chuyển được cái cửa vừa kịp lúc để tránh bàn tay đang vươn ra của ông gác cửa, ông ta sau đó ngáng đường của gã đàn ông tóc trắng nên Lyra có thể thoát ra và chạy đi trước khi họ qua được cửa.

Cô lao qua đường, mặc kệ đám xe cộ, những tiếng phanh kít, tiếng bánh xe rít lên; chui vào khe hở giữa những tòa nhà cao tầng, rồi một con đường khác, với xe phóng đến từ hai phía, nhưng cô đã nhanh nhẹn né những chiếc xe đạp, gã đàn ông tóc trắng luôn bám sát phía sau - ôi, hắn ta mới khủng khiếp làm sao!

Cô chạy vào một khu vườn - qua một hàng rào - xuyên vài bụi cây - Pantalaimon nhanh nhẹn bay phía trước, nói vọng lại cho cô biết phải đi đường nào. Cô thu người phía sau một thùng chứa than khi tiếng bước chân gã đàn ông tóc trắng vụt qua. Cô không hề nghe thấy tiếng hắt thở, hắt quá nhanh, quá sung sức. Lúc đó Pantalaimon lên tiếng: “Quay lại thôi - trở lại con đường...”

Cô bèn lẩn ra khỏi chỗ trốn rồi chạy qua bãi cỏ, ra khỏi cổng vườn, trở lại khoảng không thoáng đãng của Đường Banbury; một lần nữa cô lại luồn lách qua đường, và một lần nữa các bánh xe lại rít lên; rồi cô phi lên Norham Gardens, một con đường tĩnh lặng rợp bóng cây và những ngôi nhà cao theo kiến trúc thời Victoria bên cạnh công viên.

Cô tạm dừng để thở. Phía trước một trong những khu vườn ở đó là một bờ giậu cao với gờ tường thấp dưới chân, cô bé ngồi xuống, thu người lại bên dưới hàng cây thủy lạp.

“Bà ấy đã giúp chúng ta!” Pantalaimon nói. “Tiến sĩ Malone đã ngáng đường chúng. Bà ấy ở phe chúng ta chứ không phải phe bọn chúng.”

“Ôi, Pan,” cô bé thốt lên. “Đáng ra tớ không nên nhắc đến Will - đáng ra tớ phải cẩn thận hơn...”

“Đáng ra không nên đến,” nó nói gay gắt.

“Tớ biết. Cả việc đó nữa...”

Nhưng cô không có thời gian để mắng nhiếc bản thân, vì Pantalaimon đã bay lên vai cô và nói: “Coi chừng - phía sau kia...” rồi lập tức biến trở lại thành đế và chui tọt vào túi áo cô.

Cô đứng đó, sẵn sàng tinh thần để chạy thì thấy một chiếc xe lớn màu đen sẫm lặng lẽ tấp vào vỉa hè bên cạnh mình. Cô đang chuẩn bị lao đi theo một trong hai hướng thì cửa sau của chiếc xe hạ xuống, và gương mặt nhìn ra từ đó là của một người mà cô biết.

“Lizzie,” ông già ở Bảo tàng lên tiếng. “Thật mừng được gặp lại cháu. Ta có thể cho cháu đi nhờ đến đâu đó không?”

Nói rồi ông ta mở cửa và ngồi lùi lại để dành chỗ bên cạnh mình. Pantalaimon khẽ cắn vào ngực cô qua lớp cotton mỏng, nhưng cô đã vào xe ngay tức khắc, tay ôm chặt cái balô, người đàn ông vươn tay qua người cô để đóng cửa xe lại.

“Trông cháu có vẻ đang vội,” ông ta nói. “Cháu muốn đi đâu?”

“Lên Summertown ạ,” cô nói, “cảm ơn ông.”

Người lái xe đội một chiếc mũ lưỡi trai. Mọi thứ về chiếc xe đều êm ái, mềm mại và mạnh mẽ, từ người ông già tỏa ra một mùi nước hoa nồng đậm trong không gian đóng kín. Chiếc xe rời khỏi vỉa hè, khởi hành mà không tạo ra một tiếng động nào.

“Cháu định làm gì thế, Lizzie?” Ông già hỏi. “Cháu đã tìm hiểu được thêm gì về những cái sọ chưa?”

“Rồi ạ,” cô đáp trong lúc xoay người để nhìn ra cửa sau. Không có dấu hiệu nào của gã đàn ông tóc bạc. Cô đã thoát! Giờ đây, khi đã an toàn trong chiếc xe đầy mãnh lực của một người đàn ông giàu có như thế này, còn lâu hăn ta mới tìm được cô. Niềm hân hoan chiến thắng dâng lên trong cô.

“Ta cũng đã gửi đi một số yêu cầu,” ông nói. “Một nhà nhân chủng học bạn ta nói rằng họ có vài cái khác trong bộ sưu tập, cũng như những cái đang trưng bày. Một vài trong số chúng thực sự rất cổ. Chủng người Neanderthal^[9], cháu biết đấy.”

“Vâng, đó cũng là thứ cháu đã nghe được,” Lyra đáp, dù chẳng biết tí gì về điều ông ta đang nói.

“VẬY còn bạn cháu thế nào rồi?”

“Bạn nào ạ?” Lyra đáp, hoảng hốt: cô cũng đã nói với ông ta về Will rồi sao?

“Người bạn mà cháu đang sống cùng ấy.”

“À. Vâng. Cô ấy vẫn khỏe ạ, cảm ơn ông.”

“Cô ấy đang làm gì? Cô ấy là nhà khảo cổ à?”

“À... Nhà vật lí ạ. Cô ấy nghiên cứu vật chất tối,” Lyra nói, vẫn chưa thực sự bình tĩnh lại. Việc nói dối ở thế giới này khó khăn hơn cô tưởng. Ngoài ra còn một thứ vẫn đang khiến cô day dứt: ông già này có một điều gì đó rất thân quen mà cô đã quên mất từ lâu, cô không thể nào nhớ ra nổi.

“Vật chất tối à?” Ông ta thốt lên. “Thật hấp dẫn làm sao! Sáng nay ta đã đọc được chút ít về nó trên tờ *The Times*. Vũ trụ tràn ngập cái thứ vật chất bí ẩn này, mà chẳng ai biết nó là gì! Còn bạn cháu thì đang theo đuổi nó, phải không?”

“Vâng. Cô ấy biết nhiều về nó lắm.”

“VẬY sau này cháu định làm gì, hả Lizzie? Cháu cũng sẽ theo vật lí học chứ?”

“Có thể ạ,” Lyra đáp. “Cái đó còn tùy.”

Ông tài xế khẽ hắng giọng rồi giảm tốc chiếc xe.

“Ồ, chúng ta đến Summertown rồi,” ông già nói. “Cháu muốn xuống ở đâu?”

“À - cứ qua mấy cửa hàng này là được ạ - cháu có thể đi bộ từ đó,” Lyra nói. “Cảm ơn ông.”

“Rẽ trái vào South Parade rồi tấp vào bên phải được chứ, Allan,” ông già nói.

“Đã rõ, thưa ngài,” ông tài xế nói.

Một phút sau chiếc xe lạng lẽ đỗ lại bên ngoài một thư viện công cộng. Ông già giữ cửa mở ở phía mình nên Lyra phải trèo qua đầu gối ông để ra ngoài. Trong xe rất rộng rãi, nhưng không hiểu sao việc này lại khiến cô khó xử, dù ông già có rất tử tế, cô cũng không muốn chạm vào ông ta.

“Đừng quên cặp của cháu nhé,” ông ta nói rồi đưa nó cho cô.

“Cảm ơn ông,” cô nói.

“Hi vọng sẽ lại được gặp cháu, Lizzie,” ông nói. “Gửi lời chào của ta đến người bạn của cháu nhé.”

“Tạm biệt ông,” cô nói rồi nấn ná lại trên vỉa hè cho tới khi chiếc xe rẽ qua góc đường và biến mất, sau đó cô mới tiến về phía hàng cây duyên mộc. Cô có một cảm giác lạ lùng về gã đàn ông tóc trắng nên muốn hỏi ý kiến Chân Kế.

Will đang đọc lại những bức thư của bố. Cậu bé ngồi trên hiên nhà lắng nghe những tiếng la hét vọng lại từ xa của lũ trẻ đang ngụp lặn phía ngoài cửa cảng và đọc những dòng chữ viết tay nắn nót trên giấy viết thư máy bay, cố gắng hình dung ra người đàn ông đã viết nên nó, đọc đi đọc lại những chỗ nhắc đến đứa bé sơ sinh, đến chính cậu.

Cậu nghe thấy tiếng Lyra chạy từ xa vọng tới. Cậu nhét những bức thư vào túi rồi đứng dậy, gần như đúng lúc đó Lyra xuất hiện, mắt long lên, cùng với Pantalaimon trong dạng mèo rừng hoang dại đang gầm ghè, điên tiết đến mức không buồn trốn nữa. Cô bé vốn rất hiếm khi khóc lóc giờ lại đang nức nở vì giận dữ; lồng ngực cô phập phồng, răng nghiến chặt, cô lao vào cậu, tóm chặt lấy hai tay cậu và gào lên: “Giết hắn! Giết hắn! Tớ muốn hắn ta chết! Ước gì Iorek ở đây - ôi, Will, tớ đã hành động sai lầm, tớ xin lỗi...”

“Sao? Có chuyện gì vậy?”

“Lão già - lão ta không gì khác ngoài một tên trộm dê hèn - lão đã *cướp mất* nó, Will ạ! Lão đã cướp mất Chân Kế của tớ rồi! Lão già hôi hám với bộ đồ đắt tiền và tên người hầu lái xe - ôi, tớ đã làm một việc sai lầm vào sáng nay - ôi, tớ...”

Cô bé cứ thế nức nở đến mức Will nghĩ rằng trái tim quả thật có thể tan vỡ, và lúc này tim cô đang vỡ tan ra, vì cô sụp xuống sàn rên rĩ, người run lên bần bật, còn Pantalaimon ở bên cạnh thì hóa thành một con sói, tru lên trong nỗi buồn thảm cay đắng.

Từ phía xa bên kia dòng nước, lũ trẻ ngừng việc chúng đang làm và lấy tay che mắt nhìn. Will ngồi xuống bên cạnh Lyra và lay vai cô.

“Thôi nào! Ngừng khóc đi!” Cậu nói. “Kể cho tớ nghe từ đầu xem nào. Lão già nào? Chuyện gì đã xảy ra?”

“Cậu sẽ rất tức giận cho xem - tớ đã hứa sẽ không để lộ về cậu, tớ *đã hứa*, vậy mà...” Cô khóc lóc còn Pantalaimon thì biến thành một con chó con vụng về, tai cụp xuống, đuôi ve vẩy, đi luẩn quẩn vì tự thấy nhục nhã; Will hiểu rằng Lyra đã làm một việc quá xấu hổ để có thể kể với cậu, cậu bèn quay sang nói với con linh thú.

“Chuyện gì *đã xảy ra*? Cứ kể đi xem nào,” cậu nói.

Pantalaimon đáp: “Bọn tớ đã đến chỗ vị học giả, ở đó có vài người khác, một đàn ông và một phụ nữ - chúng đã lừa bọn tớ - chúng hỏi rất nhiều câu, hỏi về cả cậu nữa. Trước khi kịp dừng lại thì bọn tớ đã để lộ về việc quen biết cậu, rồi bọn tớ bỏ chạy...”

Lyra đang giấu mặt trong hai bàn tay, đầu tì xuống vìa hè. Pantalaimon thì biến đổi hết dạng này sang dạng khác vì kích động: chó, chim, mèo, chồn ermine trắng muốt.

“Gã đàn ông trông như thế nào?” Will hỏi.

“To lớn,” Lyra nói bằng giọng ghen ngào, “rất khỏe, mắt màu xanh nhạt...”

“Hắn có thấy cậu về qua ô cửa sổ không?”

“Không, nhưng...”

“À, vậy thì hẳn sẽ không biết chúng ta ở đâu đâu.”

“Nhưng còn Chân Kế!” Cô gào lên rồi ngồi bật dậy, mặt đánh lại vì cảm xúc dồn nén, chẳng khác gì một cái mặt nạ Hy Lạp.

“Ừ,” Will nói. “Kể cho tớ về nó đi.”

Giữa những tiếng khóc nức và tiếng nghiến răng, cô kể lại cho cậu nghe chuyện đã xảy ra: ông già đã thấy cô sử dụng Chân Kế trong Bảo tàng vào ngày hôm trước như thế nào, ông ta đã dừng xe và tấp vào lề đường bên đó khiến cô phải trèo qua mình để ra ngoài ra sao, và ông ta hẳn đã nhanh tay lấy Chân Kế khi chuyển cái balô cho cô như thế nào...

Cậu có thể thấy cô bé đang tuyệt vọng đến nhường nào, nhưng không thể hiểu tại sao cô lại phải thấy có lỗi. Rồi cô nói:

“Will ạ, tha lỗi cho tớ, tớ đã làm một việc tồi tệ. Chân Kế đã bảo tớ phải ngừng tìm kiếm Bụi và giúp cậu. Tớ phải giúp cậu tìm lại bố. Và tớ đã *có thể*, tớ đã có thể đưa cậu đến chỗ của ông ấy dù có là ở đâu đi chăng nữa, nếu tớ có cái máy. Nhưng tớ không chịu nghe. Tớ chỉ làm việc mình muốn, đáng ra tớ không nên như vậy...”

Will đã thấy cô sử dụng cái máy và biết rằng nó có thể cho cô biết sự thật. Cậu quay đi. Cô bé nắm lấy cổ tay cậu, nhưng cậu giật ra rồi bước tới mép nước. Bọn trẻ lại đang chơi đùa trên bến cảng. Lyra chạy tới bên cậu và nói: “Will, tớ thật lòng xin lỗi...”

“Được ích gì chứ? Tớ không quan tâm cậu có thấy hối lỗi hay không. Cậu đã làm thế rồi.”

“Nhưng Will, chúng ta phải giúp đỡ lẫn nhau, cậu và tớ, vì chẳng còn ai khác cả!”

“Tớ chẳng thấy được cách nào cả.”

“Tớ cũng không, nhưng mà...”

Đang nói dở thì cô dừng bật lại, một tia sáng lóe lên trong mắt cô. Cô quay người chạy về phía cái balô đang bị vứt chổng chơ trên vỉa hè

và điên cuồng sục sạo trong đó.

“Tớ biết hắn ta là ai! Cả nơi hắn ở nữa! Xem này!” Cô nói rồi giơ một tấm danh thiếp nhỏ màu trắng lên. “Hắn đã đưa cho tớ cái này lúc ở Bảo tàng! Chúng ta có thể đi lấy nó về!”

Will cầm lấy tấm thiếp và đọc:

Ngài Charles Latrom, CBE^[10]

Dinh thự Limefield

Headington Cũ

Oxford

“Hắn là ‘ngài’ đấy,” cậu thốt lên. “Một hiệp sĩ. Như thế có nghĩa là người ta sẽ tự động tin hắn chứ không phải là bọn mình. Cậu muốn tớ làm cái gì chứ? Gọi cảnh sát à? Cảnh sát đang truy đuổi tớ đấy! Mà kể cả hôm qua có không như vậy thì giờ họ cũng đang truy tìm tớ rồi. Còn *cậu* mà đi, người ta sẽ biết cậu là ai, và biết rằng cậu quen tớ, nên cách đó cũng không được.”

“Chúng ta có thể cướp nó. Chúng ta có thể vào nhà hắn ta lấy cắp nó. Tớ biết Headington ở đâu, ở Oxford của tớ cũng có Headington. Không xa đâu. Chúng ta có thể đi bộ tới đó trong một giờ, dễ lắm.”

“Cậu là đồ ngốc.”

“Iorek Byrnison hắn sẽ tới thẳng đó ngắt đầu hắn ra. Ước gì ông ấy ở đây. Ông ấy sẽ...”

Nhưng cô liền im bật. Will đang nhìn cô, và cái nhìn đó khiến cô hoảng sợ. Cô hắn cũng sẽ sợ hãi không kém nếu bị một con gấu mặc giáp nhìn như vậy, vì có thứ gì đó trong ánh mắt Will khiến cô nghĩ tới Iorek, dù chúng vẫn chỉ là đôi mắt của một cậu bé.

“Cả đời tớ chưa từng nghe thấy thứ gì ngu xuẩn đến thế,” cậu bé nói. “Cậu nghĩ chúng ta có thể cứ đến nhà hắn rồi lén vào lấy nó đi được à? Cậu phải suy nghĩ đi. Phải dùng cái bộ não chết tiệt của mình

ấy. Nếu đó là một gã giàu có thì hẳn sẽ có đủ loại chuông báo trộm và những thứ khác, sẽ có chuông kêu, những cái khóa đặc biệt, đèn có công tắc hồng ngoại tự động bật...”

“Tớ chưa từng nghe nói tới những thứ đó,” Lyra nói. “Ở thế giới của tớ không có, nên tớ không thể biết được, Will ạ.”

“Được rồi, vậy nghĩ thế này đi: hẳn có cả một căn nhà để cất giấu, vậy một tên trộm sẽ mất bao lâu để kiểm tra tất cả những tủ chạn, ngăn kéo và chỗ giấu đồ trong một căn nhà? Những kẻ đến nhà tớ đã có hàng giờ để tìm xung quanh nhưng chúng không tìm ra nổi thứ mình muốn, mà lão này thì tớ dám chắc là nhà hắn to hơn nhà chúng tớ rất nhiều. Có khi còn có cả két sắt nữa. Nên kể cả chúng ta có vào được trong nhà đi chẳng nữa thì cũng chẳng bao giờ kịp tìm trước khi cảnh sát tới đâu.”

Cô bé gục đầu xuống. Tất cả những điều cậu nói đều đúng. “Vậy chúng ta phải làm gì đây?” Cô hỏi.

Cậu bé không trả lời. Nhưng lần này chắc chắn là *chúng ta*. Giờ cậu đã bị ràng buộc với cô dù có muốn hay không.

Cậu đi về phía mép nước, trở lại sân hiên, rồi lại quay lại mép nước. Cậu đập hai tay lại với nhau, cố gắng tìm kiếm một câu trả lời nhưng chẳng có gì hiện ra, cậu liền tức giận lắc đầu.

“Cứ... tới đó đi,” cậu bé nói. “Cứ tới đó gặp hắn ta. Nhờ bà học giả của cậu giúp cũng chẳng ích gì khi mà cảnh sát đã tới chỗ bà ấy. Bà ấy sẽ dễ tin họ hơn là chúng ta. Ít nhất nếu vào được nhà hắn, chúng ta sẽ thấy được các phòng chính nằm ở đâu. Khởi đầu là thế đã.”

Không nói thêm câu nào, cậu đi vào trong và giấu những lá thư xuống dưới gối trong căn phòng mình ngủ. Như vậy, nếu cậu có bị tóm thì chúng cũng không bao giờ có được những bức thư.

Lyra đang đợi trên hiên cùng với Pantalaimon đậu trên vai trong dạng chim sẻ. Trông cô bé đã tươi tỉnh lên.

“Chúng ta sẽ lấy lại được nó thôi,” cô nói. “Tớ có thể cảm thấy điều đó.”

Cậu bé không nói gì. Chúng lên đường tới chỗ ô cửa sổ.

Mất một tiếng rưỡi để đi bộ tới Headington. Lyra dẫn đường, tránh trung tâm thành phố, còn Will thì cảnh giới xung quanh, không nói không rằng. Tình hình lúc này đối với Lyra khó khăn hơn nhiều so với cả khi ở Bắc Cực, trên đường tới Bolvangar, vì lúc đó cô có những người du mục và Iorek Byrnison bên mình. Vùng lãnh nguyên dù luôn đầy nguy hiểm rình rập, người ta cũng sẽ nhận ra nguy hiểm khi nhìn thấy nó. Ở đây, trong cái thành phố vừa là của cô lại vừa không phải, hiểm họa trông có thể rất thân thiện, sự phản bội lại mỉm cười và có mùi ngọt ngào. Kể cả chúng có không định giết cô hay tách rời cô khỏi Pantalaimon thì chúng cũng đã cướp của cô vật dẫn đường duy nhất. Không có Chân Kề, cô chỉ là... một cô gái nhỏ, lạc lối.

Dinh thự Limefield có màu mật ong ấm áp, một nửa mặt tiền được bao phủ bởi dây leo trinh đẳng. Nó tọa lạc trong một khu vườn rộng lớn được tía tót cẩn thận, với bụi cây ở một bên và đường lái xe rải sỏi chạy thẳng tới cửa trước. Chiếc Rolls Royce được đỗ lệch về bên trái phía trước một gara đôi. Mọi thứ Will nhìn thấy đều nói lên sự giàu sang và quyền thế, một kiểu mang tính ưu việt ổn định không chính thức mà vài người thuộc giới quý tộc Anh vẫn không hề coi trọng. Có điều gì đó về nơi này khiến cậu nghiêng rằng mà không hiểu tại sao, nhưng rồi đột nhiên cậu nhớ lại một dịp hồi còn nhỏ - mẹ đã đưa cậu tới một căn nhà không khác gì nơi này - họ vận những bộ đồ thơm tất nhất, còn cậu thì phải tỏ ra lễ độ nhất có thể, rồi một ông già và bà già khiến mẹ cậu khóc, họ rời khỏi căn nhà và bà vẫn khóc...

Lyra thấy cậu thở gấp, hai nắm tay nghiêng chặt, cô bé đủ khôn ngoan để không hỏi lí do: đó là việc của cậu, không phải của cô. Đúng lúc đó cậu hít một hơi thật sâu.

“Được rồi,” cậu nói, “cũng phải thử thôi.”

Cậu bé bước tới đường lái xe, Lyra liền theo sát phía sau. Chúng cảm thấy mình quá lộ liễu.

Cánh cửa có một cái chuông kéo kiểu cổ lỗ sĩ, giống như ở thế giới của Lyra, Will đã không biết phải tìm nó ở đâu cho đến khi Lyra chỉ cho cậu. Khi chúng kéo, cái chuông kêu lên inh ỏi ở sâu tít phía trong nhà.

Người đàn ông ra mở cửa chính là người hầu đã lái xe, chỉ khác là lúc này ông ta không đội mũ. Ông ta nhìn Will trước rồi quay sang Lyra, và biểu hiện của ông biến đổi chút ít.

“Chúng cháu muốn gặp Ngài Charles Latrom ạ,” Will lên tiếng.

Hàm của cậu đang nhô ra giống như tối hôm qua lúc cậu đối mặt với lũ trẻ ném đá cạnh tòa tháp. Người phục vụ gật đầu.

“Đợi ở đây nhé,” ông nói. “Tôi sẽ nói lại với Ngài Charles.”

Ông ta đóng cửa lại. Nó được làm từ gỗ sồi rắn chắc, với hai cái khóa nặng trĩu, trên dưới đều có then cài, dù Will nghĩ rằng chẳng có tên trộm khôn ngoan nào lại đi đột nhập từ cửa chính cả. Ngoài ra, một chiếc chuông báo trộm được gắn rất lộ ngay trước cửa nhà, đèn pha lớn ở mỗi góc; chúng sẽ chẳng bao giờ tới được gần, nói gì đến đột nhập vào trong.

Tiếng những bước chân đều đặn tiến về phía cửa, và rồi nó lại mở ra. Will ngược lên nhìn gương mặt người đàn ông đã có quá nhiều nhưng vẫn muốn có thêm nữa, và thấy ông ta hòa nhã, điềm tĩnh, uy quyền đến mức khó hiểu, không hề có tí chút tội lỗi hay xấu hổ nào.

Nhận thấy Lyra đứng bên cạnh mình đang rất nôn nóng và giận dữ, Will vội nói:

“Xin ông thứ lỗi, nhưng Lyra cho rằng lúc này em ấy đã đi nhờ xe của ông và để quên đồ ở đó.”

“Lyra? Ta không biết Lyra nào cả. Quả là một cái tên hiếm gặp. Ta biết một đứa trẻ tên là Lizzie. Còn cháu là ai?”

Vừa thăm rủa mình vì quên mất điều đó, Will nói: “Cháu là anh trai của em ấy, Mark ạ.”

“Ra vậy. Chào Lizzie, hay là Lyra. Các cháu vào đi.”

Ông ta đứng sang một bên. Cả Will và Lyra đều không mong đợi điều này, chúng ngập ngừng bước vào. Khu sảnh lơ mờ tối, thoang thoang mùi sáp ong và hương hoa. Mọi bề mặt đều được đánh bóng và lau chùi sạch sẽ, một cái tủ bằng gỗ gụ tựa vào tường chứa những mô hình bằng sứ xinh xắn. Will thấy người hầu đứng ở phía xa, như đang chờ được gọi.

“Vào phòng làm việc của ta đi,” Ngài Charles nói và giữ mở một cánh cửa khác dẫn ra khỏi sảnh.

Ông ta đang tỏ ra lịch thiệp, thậm chí còn tiếp đón rất ân cần, nhưng có điều gì đó trong cách cư xử của ông ta khiến Will phải cảnh giác. Phòng làm việc là một căn phòng lớn và dễ chịu theo cách của khối xì gà và ghế bành bọc da, dường như nó đầy ngập những giá sách, hình ảnh, và các cúp sẵn sẵn. Ở đó có ba hay bốn cái tủ mặt kính chứa các dụng cụ khoa học cổ - kính hiển vi bằng đồng, kính thiên văn bọc da xanh, kính lục phân, compa; dễ thấy tại sao ông ta lại muốn chiếc Chân Kế.

“Ngồi xuống đi,” Ngài Charles nói rồi chỉ vào một chiếc sofa bọc da. Ông ta ngồi xuống chiếc ghế phía sau bàn làm việc và tiếp tục: “VẬY? Các cháu muốn nói gì?”

“Ông đã cướp...” Lyra nóng nảy kêu lên, nhưng bị Will lườm nên đã ngừng lại.

“Lyra nghĩ em ấy để quên đồ trong xe của ông,” cậu nhắc lại. “Chúng cháu tới xin lại nó ạ.”

“Đây có phải vật cháu nói không?” Ông nói rồi lấy một bọc vải nhung từ ngăn kéo bàn ra. Lyra đứng bật dậy. Ông ta lờ cô bé đi và cởi lớp vải ra, để lộ màu vàng lộng lẫy của chiếc chân Kế đang nằm trong lòng bàn tay mình.

“Đúng rồi!” Lyra thốt lên rồi vội lấy nó.

Nhưng ông ta đã khép bàn tay lại. Mặt bàn rộng khiến cô không thể với tới; và trước khi cô kịp làm bất cứ việc gì, ông ta đã quay đi, đặt

chiếc Chân Kế vào một tủ mặt kính rồi khóa nó lại và thả chìa khóa vào túi áo gilê của mình.

“Nhưng nó đâu phải của cháu, Lizzie,” ông ta nói. “Hay là Lyra, nếu đó là tên của cháu.”

“Nó là của tôi! Chân Kế của tôi!”

Ông già lắc đầu một cách buồn bã và nặng nề, như thể ông ta đang trách mắng Lyra và điều đó khiến ông phiền muộn, nhưng ông ta làm thế là muốn tốt cho chính cô.

“Ta nghĩ ít nhất thì về vấn đề này cũng có một mối nghi ngờ đáng kể,” ông ta nói.

“Nhưng nó là của em ấy!” Will nói. “Thật đấy! Em ấy đã cho cháu xem! Cháu biết nó là của con bé!”

“Các cháu thấy đấy, ta nghĩ các cháu sẽ phải chứng minh điều đó,” ông ta nói. “Ta không cần phải chứng minh gì cả, vì ta đang nắm giữ nó. Nó được coi như là của ta, giống như tất cả những món đồ khác trong bộ sưu tập này vậy. Ta phải nói rằng, Lyra ạ, ta rất kinh ngạc khi thấy cháu không trung thực...”

“Tôi không hề nói dối!” Lyra gào lên.

“Ồ, thế mà có đấy. Cháu đã nói với ta tên cháu là Lizzie. Giờ thì ta biết được là không phải như vậy. Nói thật, cháu chẳng có chút hi vọng nào để có thể thuyết phục bất cứ ai tin rằng một đồ vật quý giá thế này lại thuộc về mình. Ta nói cháu nghe này. Chúng ta gọi cảnh sát đi.”

Ông ta quay đi gọi người hầu.

“Không, gượng đã...” Will kêu lên trước khi Ngài Charles kịp cất tiếng, nhưng Lyra đã chạy vòng qua bàn làm việc, không biết từ đâu Pantalaimon đã nằm trong tay cô, một con mèo rừng đang nhe răng gầm gừ và rít lên với gã đàn ông. Ngài Charles chớp mắt trước sự xuất hiện đột ngột của con linh thú, nhưng không hề tỏ ra nao núng.

“Ông còn không biết mình đã lấy cắp thứ gì,” Lyra quát lên. “Ông thấy tôi dùng nó nên nghĩ mình sẽ cướp lấy nó, và ông đã làm vậy.”

Nhưng ông - ông còn tồi tệ hơn cả mẹ tôi - ít ra thì bà ấy cũng biết nó quan trọng - ông thì chỉ định cho nó lên giá rồi không động gì đến! Ông phải chết! Nếu có thể, tôi sẽ khiến cho ai đó giết ông. Ông không đáng được tha chết. Ông là...”

Cô không nói nổi nữa. Tất cả những gì cô có thể làm là nhổ một bãi tướng lên mặt gã đàn ông, nên cô đã dùng hết sức làm vậy.

Will ngồi im quan sát, nhìn quanh, ghi nhớ vị trí của mọi vật.

Ngài Charles bình tĩnh rút một chiếc khăn tay bằng lụa ra chùi mặt.

“Mày có chút khả năng kiềm chế nào không vậy?” Ông ta kêu lên. “Đi ra ngồi xuống ngay, đồ mất nết thô thiển.”

Lyra cảm thấy lệ ứa ra từ khóe mắt mình do cả người đang run lên bần bật, cô ngồi phịch xuống chiếc sofa. Cái đuôi mèo dày lông của Pantalaimon dựng lên, nó đứng trong lòng cô với đôi mắt rực lửa không rời khỏi lão già.

Will ngồi yên, trong lòng đầy bối rối. Ngài Charles có thể tổng khứ chúng đi từ lâu rồi. Ông ta đang chơi trò gì vậy?

Đúng lúc đó, cậu nhìn thấy một thứ kì quái đến mức cậu cứ nghĩ mình đã tưởng tượng ra. Từ trong ống tay cái áo khoác bằng vải lạnh của Ngài Charles, qua cổ tay áo trắng muốt, thò ra cái đầu màu xanh ngọc của một con rắn. Cái lưỡi đen ngòm của nó rung rinh đủ hướng, còn cái đầu bọc giáp với đôi mắt đen viền vàng di chuyển từ Lyra sang Will rồi lại trở lại Lyra. Cô bé đang giận dữ đến mức không hề để ý thấy nó, còn Will thì chỉ nhìn thấy trong một thoáng trước khi nó lại thụt vào trong ống tay áo của ông già, nhưng như thế là đủ khiến cậu tròn mắt vì kinh ngạc.

Ngài Charles tới bên bậu cửa sổ và điềm tĩnh ngồi xuống, chỉnh lại nếp nhăn trên quần.

“Ta nghĩ các cháu nên lắng nghe ta nói thay vì hành xử theo cái cách không kiểm soát như vậy,” ông nói. “Các cháu thật sự không có lựa chọn nào đâu. Cái máy đang ở trong tay ta, và nó sẽ ở nguyên đó.

Ta muốn có nó. Ta là một nhà sưu tầm. Cháu có thể khắc nhõ, giậm chân hay gào thét thế nào tùy thích, nhưng đến khi hai đứa có thể thuyết phục được bất cứ ai khác lắng nghe mình thì ta đã chuẩn bị được cả đồng giấy tờ để chứng minh ta đã mua cái máy rồi. Ta có thể làm được việc đó dễ như trở bàn tay. Và rồi các cháu sẽ không bao giờ lấy lại được nó.”

Giờ thì cả hai đứa đều im lặng. Ông già vẫn chưa nói xong. Một sự bối rối khủng khiếp khiến nhịp tim Lyra đập chậm lại, làm cho căn phòng trở nên cực kì tĩnh lặng.

“Tuy nhiên,” ông ta nói tiếp, “có một thứ ta còn muốn hơn thế. Ta không thể tự đi lấy nó nên sẵn sàng lập một giao kèo với các cháu. Các cháu đi lấy vật ta muốn, rồi ta sẽ trả lại cái - các cháu gọi nó là cái gì ấy nhỉ?”

“Chân Kế,” Lyra đáp, giọng đục ngầu.

“Chân Kế. Thú vị lắm. Chân, sự thật - nhưng biểu tượng đó - phải, ra là vậy.”

“Vật ông muốn là gì?” Will hỏi. “Và nó ở đâu?”

“Nó ở một nơi ta không thể tới, nhưng các cháu thì có thể. Ta biết rất rõ là các cháu đã tìm thấy một cánh cửa ở đâu đó. Ta đoán là nó không quá xa với Summertown, nơi ta thả Lizzie, hay Lyra, sáng hôm nay. Ta cũng biết rằng qua cánh cửa là một thế giới khác, một thế giới không có người lớn nào. Đến đây ta vẫn nói đúng chứ? À, các cháu biết đấy, người đàn ông đã tạo ra cánh cửa đấy có một con dao. Hiện giờ hắn đang giấu nó ở thế giới đó, hắn đang cực kì sợ hãi. Hắn có lí do để sợ. Nếu ta đoán đúng thì hắn đang ở trong một tòa tháp cổ bằng đá với cánh cửa khắc hình các thiên thần. Tháp Torre degli Angeli.

“Vậy nên đó là nơi các cháu phải đến, ta không quan tâm các cháu làm thế nào, nhưng ta muốn có con dao đó. Mang nó đến cho ta thì các cháu sẽ có lại Chân Kế. Ta sẽ rất tiếc phải rời xa nó, nhưng ta là một người biết giữ lời. Đó là việc các cháu cần phải làm: mang cho ta con dao.”

Tháp của các Thiên thần

Will nói: “Cái người có con dao là ai vậy?”

Họ đang ở trong chiếc Rolls Royce, lái qua những con phố của Oxford. Ngài Charles ngồi ở phía trước, người hơi xoay lại, còn Will và Lyra ngồi đằng sau, với Pantalaimon dạng chuột đang nằm ngoan ngoãn trong hai bàn tay Lyra.

“Một kẻ không có chút quyền hạn nào với con dao hơn là ta có với Chân Kế,” Ngài Charles nói. “Không may cho tất cả chúng ta, Chân Kế lại ở trong tay ta, còn con dao lại trong tay hắn.”

“Mà làm cách nào ông lại biết về thế giới kia vậy?”

“Ta biết rất nhiều thứ mà cháu không biết. Làm sao có thể khác được chứ? Ta lớn tuổi hơn rất nhiều, và hiểu biết cũng sâu hơn đáng kể. Giữa các thế giới có một số lượng các cửa thông; những người biết vị trí của chúng có thể dễ dàng qua lại. Ở Cittagazze có một Hội của mấy cái người được gọi là nhà thông thái, họ vẫn làm thế suốt.”

“Ông không hề đến từ thế giới này!” Lyra đột nhiên thốt lên. “Ông đến từ đó đúng không?”

Một lần nữa kí ức của cô lại nhói lên một cách kì lạ. Cô gần như dám chắc mình đã từng gặp ông ta.

“Không, không phải đâu,” ông già đáp.

Will nói: “Nếu phải đi lấy con dao từ người đàn ông đó, chúng tôi cần biết thêm về ông ta. Ông ta sẽ không cứ thế mà đưa cho chúng tôi

đúng không?”

“Chắc chắn là không rồi. Đó là thứ duy nhất xua đuổi được lũ Quỷ hút hồn. Không có cách nào dễ dàng đâu.”

“Bọn Quỷ hút hồn sợ con dao đó ư?”

“Rất sợ là đằng khác.”

“Tại sao chúng lại chỉ tấn công người lớn?”

“Hiện giờ các cháu không cần phải biết việc đó. Nó không quan trọng. Lyra,” Ngài Charles gọi, quay sang phía cô, “kể cho ta nghe về người bạn đặc biệt của cháu đi.”

Ý ông ta muốn nhắc đến Pantalaimon. Ngay khi ông già vừa nói vậy, Will nhận ra rằng con rắn cậu nhìn thấy trốn trong ống tay áo của ông cũng là một linh thú, và rằng Ngài Charles chắc hẳn phải đến từ thế giới của Lyra. Ông ta hỏi về Pantalaimon chỉ để đánh lạc hướng hai đứa: có nghĩa là ông ta không biết rằng Will đã nhìn thấy linh thú của chính mình.

Lyra nâng Pantalaimon lên gần ngực hơn, nó liền biến thành một con chuột đen, đuôi quất quanh cổ tay cô và đôi mắt đỏ rực lườm thẳng vào Ngài Charles.

“Đáng ra ông không được phép thấy cậu ấy,” cô bé nói. “Cậu ấy là linh thú của tôi. Ông nghĩ rằng ở thế giới này không có linh thú, nhưng thật ra là có. Con của ông hẳn sẽ là bộ phận.”

Ông già đáp: “Nếu các vị Pharaoh của Ai Cập bằng lòng với việc được đại diện bởi bộ hung thì ta cũng thế. Chà, vậy là cháu còn ở một thế giới khác nữa. Thật là thú vị. Đó có phải khởi nguồn của chiếc chân Kế không, hay cháu đã lấy cắp nó trên đường đi?”

“Tôi được tặng,” Lyra kiên quyết kêu lên. “Hiệu trưởng Học viện Jordan ở thành phố Oxford của tôi đã đưa nó cho tôi. Tôi có quyền chính đáng được sở hữu nó. Trong khi ông còn chẳng biết phải làm gì với nó, lão già hôi hám ngu ngốc, cả trăm năm nữa lão cũng chẳng đọc

nổi nó đâu. Nó chỉ là một món đồ chơi đối với ông. Nhưng tôi thì cần nó, cả Will cũng vậy. Chúng tôi sẽ lấy lại nó, đừng lo.”

“Cứ để xem,” Ngài Charles nói, “Đây là nơi ta thả cháu. Chúng ta để các cháu xuống ở đây được chứ?”

“Không,” Will đáp, vì cậu có thể thấy một chiếc xe cảnh sát ở xa phía dưới con đường. “Ông không thể vào Ci’gazze vì bọn Quỷ hút hồn, nên ông có biết vị trí cái cửa sổ cũng chẳng sao. Đưa chúng tôi lên thêm chút nữa về phía Đường Vành đai đi.”

“Như cháu muốn,” Ngài Charles đáp, và chiếc xe tiến lên. “Khi nào, hoặc nếu, lấy được con dao, cứ gọi vào số của ta, Allan sẽ tới đón các cháu.”

Họ không nói gì thêm cho tới khi ông tài xế dừng xe lại. Khi hai đứa trẻ bước ra, Ngài Charles hạ cửa kính xuống và nói với Will:

“Nhân tiện, nếu không lấy được con dao thì đừng có quay lại làm gì. Đến nhà ta mà không mang theo nó là ta sẽ gọi cảnh sát ngay. Ta có thể hình dung họ sẽ tới ngay lập tức khi ta nói tên thật của cháu ra. William Parry, đúng chứ? Phải, ta nghĩ vậy đấy. Tấm hình của cháu trên báo ngày hôm nay đẹp lắm.”

Rồi cái xe bỏ đi. Will không nói nổi lời nào.

Lyra lay cánh tay cậu. “Không sao đâu,” cô bé trấn an. “Hắn ta sẽ không nói với ai đâu. Nếu định như thế thì hắn đã làm từ lâu rồi. Đi nào.”

Mười phút sau, chúng đã đứng trong quảng trường nhỏ dưới chân Tháp của các Thiên thần. Will đã kể với Lyra về con linh thú rắn, khiến cô đứng sững lại giữa phố, lại bị dẫn vật bởi kí ức mờ lung. Ông già đó là ai? Cô đã thấy ông ta ở đâu? Chẳng ích gì; kí ức đó không chịu hiện rõ lên.

“Tớ không muốn nói với *lão ta*,” Lyra nói khẽ, “nhưng tớ đã thấy một người đàn ông ở trên đó vào tối qua. Anh ta nhìn xuống khi bọn

nhóc đang làm âm ỉ bên dưới...”

“Trông anh ta như thế nào?”

“Trẻ, tóc xoăn. Không hề già tí nào. Nhưng tớ chỉ thoáng nhìn thấy anh ta thôi, ở tít trên đỉnh, qua cả các lỗ châu mai. Tớ cứ nghĩ anh ta có thể là... Cậu có nhớ Angelica và Paolo không? Chúng từng nói mình có một người anh trai, anh ta cũng đã vào thành phố này, nhưng Angelica lại ngăn Paolo nói với chúng ta, cứ như đó là một bí mật vậy. Ừm, tớ nghĩ đó có thể là anh ta. Có lẽ anh ta cũng đang nhắm tới con dao này. Với cả, tớ đoán là tất cả lũ nhóc đều biết về việc này. Tớ nghĩ đó mới thật sự là lí do khiến chúng quay trở lại.”

“Ừm,” cậu nói rồi nhìn lên. “Có thể.”

Cô nhớ lại những điều bọn trẻ đã nói vào buổi sáng hôm đó: sẽ không có đứa trẻ nào vào tháp cả, chúng nói; có những thứ ghê sợ ở bên trong; rồi cô nhớ lại cảm giác khó chịu của chính mình khi cô và Pantalaimon nhòm qua cánh cửa mở trước khi rời khỏi thành phố. Có lẽ đó là lí do người ta cần một người trưởng thành vào trong đó. Lúc này con linh thú của cô đang bay rập rờn quanh đầu cô dưới dạng bướm đêm trong ánh sáng rực rỡ, thì thầm một cách lo lắng.

“Suýt,” cô thì thầm lại, “làm gì còn lựa chọn nào khác hả Pan. Đó là lỗi của chúng ta. Chúng ta phải sửa chữa lỗi lầm, và đây là cách duy nhất.”

Will đi về phía bên phải, lần theo bức tường của tòa tháp. Tại góc tường có một con đường hẹp rải sỏi nối dài giữa tòa tháp và tòa nhà bên cạnh. Will bước vào con đường rồi nhìn lên, cố gắng đo đạc nơi này. Lyra bám theo. Cậu dừng lại dưới một ô cửa sổ trên tầng hai rồi nói với Pantalaimon:

“Cậu có thể bay lên đó không? Cậu nhìn vào trong được chứ?”

Con linh thú lập tức biến thành chim sẻ rồi cất cánh bay lên. Nó chỉ với lên vừa đúng chỗ đó; Lyra há hốc mồm rồi khẽ kêu lên khi Pantalaimon lên tới bậc cửa sổ, nó đậu ở đó một vài giây rồi lại lao

xuống. Cô bé thở dài rồi hít lấy một hơi thật sâu, giống như người vừa được cứu thoát chết đuối vậy. Will chau mày, tỏ ra khó hiểu.

“Khó chịu lắm,” cô giải thích, “khi linh thú rời xa khỏi mình ấy, đau đớn lắm...”

“Xin lỗi. Cậu có thấy gì không?” Cậu bé hỏi.

“Cầu thang,” Pantalaimon đáp. “Cầu thang và các phòng tối. Trên tường có treo gương, móc và khiên, như một cái bảo tàng vậy. Tớ cũng thấy người đàn ông đó rồi. Anh ta đang... nhảy múa.”

“Nhảy múa?”

“Đi tới đi lui... tay khua loạn xạ. Hoặc giống như anh ta đang chiến đấu với thứ gì đó vô hình vậy... Tớ chỉ thấy được anh ta qua một cánh cửa mở thôi. Không rõ lắm.”

“Chiến đấu với một con Quỷ hút hồn?” Lyra gợi ý.

Nhưng chúng chẳng thể đoán được thêm gì nên đành đi tiếp. Phía sau tòa tháp, một bức tường đá cao, đỉnh phủ thủy tinh vỡ, bao lấy một khoảng vườn nhỏ với những luống thảo mộc mọc thẳng thơm quanh đài phun nước (một lần nữa Pantalaimon lại bay để nhìn); và rồi ở phía bên kia là một con hẻm dẫn chúng quay trở lại quảng trường. Những ô cửa sổ quanh tháp vừa nhỏ vừa sâu hoắm như những cái mắt đang chau lại.

“Vậy chúng ta phải vào từ phía trước thôi,” Will nói.

Cậu trèo lên cầu thang và đẩy mở rộng cửa. Ánh nắng rơi vào trong, bản lề cửa kêu lên ken két. Cậu bước vài bước vào bên trong, và bèn đi tiếp sau khi không thấy ai. Lyra bám sát phía sau. Mặt sàn được lát đá phiến đã mòn nhẵn sau hàng thế kỉ, bầu không khí bên trong mát rượi.

Will nhìn một đợt cầu thang dẫn xuống dưới, và đi xuống đủ sâu để thấy rằng nó thông tới một căn phòng rộng trần thấp với một lò luyện lớn đã nguội lạnh ở đầu bên kia, nơi những bức tường trát vữa đen đặc muội than; nhưng chẳng có ai ở đó nên cậu lại leo lên sảnh ra

vào và thấy Lyra đang đặt một ngón tay lên môi, mắt ngược nhìn lên trên.

“Tớ có thể nghe thấy tiếng anh ta,” cô bé thì thầm. “Anh ta đang nói chuyện một mình, tớ đoán thế.”

Will căng tai ra và cũng nghe thấy âm thanh đó: tiếng rì rầm ngân nga rất khẽ thỉnh thoảng lại bị ngắt quãng bởi một tiếng cười chói tai hay một tiếng thét ngắn đầy cảm xúc. Nghe như giọng của một gã điên vậy.

Will thở mạnh để lên tinh thần rồi bước tới cầu thang. Nó được làm từ gỗ sồi đã đen thẫm lại, to rộng với những bậc thang đã mòn chẳng kém gì các phiến đá lát sàn: quá đặc để có thể kêu lên cọt két dưới chân. Chúng càng leo thì ánh sáng càng giảm, vì nguồn sáng duy nhất tới từ ô cửa sổ nhỏ khoét sâu tại mỗi đầu cầu thang. Chúng trèo lên một tầng, dừng lại lắng nghe, trèo tiếp tầng nữa, và lúc này giọng nói của người đàn ông đã trộn lẫn với những tiếng bước chân lúc đi lúc nghỉ một cách nhịp nhàng. Nó vọng tới từ căn phòng phía bên kia thêm cầu thang, nơi cánh cửa đang hé mở.

Will nhón chân bước tới đó rồi đẩy cánh cửa thêm ra vài phân để có thể nhòm vào.

Đó là một căn phòng lớn với mạng nhện chằng đầy trên trần. Các giá sách nối tiếp nhau quanh tường chứa những tập sách được bảo quản tồi đến mức bìa mủn vụn ra hay cong queo vì ẩm. Vài cuốn nằm chổng chơ bên ngoài, mở sẵn trên sàn hay trên những cái bàn rộng bám đầy bụi, còn các cuốn khác thì bị nhét lại một cách cầu thả.

Tại trung tâm căn phòng, một thanh niên đang... nhảy múa. Pantalaimon nói đúng: sự việc trông chính xác là như vậy. Anh ta quay lưng lại với cửa, chân lết từ bên này sang bên kia, trong suốt thời gian đó anh ta huơ bàn tay phải trước mặt như thể đang dọn đường qua vài chướng ngại vật vô hình nào đó. Trong bàn tay đó là một con dao, chẳng có vẻ gì đặc biệt, chỉ là một lưỡi dao cùn dài khoảng tám tấc.

Anh ta thọc nó về phía trước, vọt sang bên, dùng nó lần đường, đâm lên đâm xuống, tất cả đều vào không khí trống trơn.

Anh ta di chuyển như đang sắp quay lại, Will liền lùi ra khỏi cửa. Cậu đặt một ngón tay lên môi và ra hiệu cho Lyra, sau đó dẫn cô tới cầu thang để trèo lên tầng tiếp theo.

“Anh ta đang làm gì vậy?” Cô bé thì thào.

Cậu cố gắng diễn tả tốt nhất có thể.

“Nghe có vẻ như anh ta điên rồi,” Lyra nói. “Có phải anh ta gầy và tóc xoăn không?”

“Đúng. Tóc đỏ, giống Angelica. Anh ta thật sự có vẻ bị điên. Tớ không biết nữa, tớ nghĩ chuyện này còn kì quái hơn cả Ngài Charles đã nói. Lên xem thêm phía trên trước khi nói chuyện với anh ta đi.”

Cô bé không thắc mắc thêm mà để cho cậu dẫn đường lên cầu thang tới tầng trên cùng. Ở trên này sáng hơn rất nhiều nhờ một đợt bậc thang sơn trắng dẫn lên mái - hay đúng hơn là lên một kết cấu bằng gỗ và kính giống như một căn nhà kính nhỏ. Ngay cả dưới chân cầu thang, chúng cũng có thể cảm nhận được sức nóng mà kết cấu đó đang hấp thụ.

Hai đứa đang đứng đó thì nghe thấy tiếng rên rỉ từ phía trên.

Cả hai giật bắn người. Chúng cứ đinh ninh là chỉ có một người duy nhất trong tháp. Pantalaimon cũng bị giật mình đến mức lập tức biến từ mèo sang dạng chim rồi bay vào ngực Lyra. Đúng lúc đó Will và Lyra cũng nhận ra rằng chúng đang nắm chặt lấy tay nhau, nên bèn từ từ thả ra.

“Chúng ta nên đi xem,” Will thì thầm. “Tớ sẽ đi trước.”

“Tớ phải đi trước,” cô bé thì thầm đáp lại, “vì đây là lỗi của tớ.”

“Vì đây là lỗi của cậu nên cậu phải làm theo lời tớ.”

Cô bấu môi, nhưng cũng ngoan ngoãn đi theo phía sau.

Cậu trèo lên, vào vùng nắng ngập tràn. Ánh sáng trong kết cấu bằng kính bùng lên chói lòa, nhiệt độ thì nóng không kém gì nhà kính

trồng cây, khiến Will chẳng thể nhìn hay hít thở dễ dàng. Cậu vịn nắm đấm cửa ngay khi vừa tìm thấy nó để bước ra ngoài thật nhanh, tay giơ lên che ánh nắng mặt trời khỏi chiếu vào mắt.

Cậu thấy mình đang đứng trên một mái nhà bằng chì, quây quanh bởi một bức tường chắn đục lỗ châu mai. Kết cấu bằng kính được đặt ở trung tâm, mái chì xung quanh đó hơi dốc xuống về phía một rãnh nước bên trong tường chắn, với các ô thoát nước hình vuông đục trong đá để giải phóng nước mưa.

Nằm trên lớp chì dưới cái nắng chói chang là một ông già với mái tóc bạc phơ. Gương mặt ông bầm dập và méo mó, một bên mắt đang nhắm lại. Khi tiến đến gần hơn, hai đứa trẻ thấy tay ông đang bị trói phía sau.

Ông nghe thấy tiếng chúng đến gần và lại rên rỉ, cố gắng quay người để che chắn cho bản thân.

“Không sao đâu,” Will nói khẽ, “chúng cháu sẽ không làm hại ông đâu. Có phải người đàn ông có con dao đã làm việc này không?”

“Hừm ừm,” ông già càu nhàu.

“Để cháu tháo dây. Anh ta trói không kĩ lắm đâu...”

Nút thắt được buộc một cách vụng về và vội vã đã nhanh chóng tuột ra sau khi Will tìm được cách tháo, chúng đỡ người đàn ông dậy rồi đưa ông ngồi vào bóng râm của bức tường chắn.

“Ông là ai vậy?” Will hỏi. “Chúng cháu không nghĩ là lại có hai người ở đây. Chúng cháu cứ tưởng chỉ có một người duy nhất.”

“Giacomo Paradisi,” ông già lẩm nhẩm qua bộ răng gãy. “Ta là người nắm giữ. Không ai khác. Tên thanh niên đó đã cướp nó từ tay ta. Vẫn luôn có những gã ngu xuẩn mạo hiểm như thế để có được con dao, nhưng tên này thì tuyệt vọng rồi. Hắn sắp giết ta...”

“Không đâu ạ,” Lyra nói. “Người nắm giữ là sao ạ? Nó có nghĩa là gì?”

“Ta là người nắm giữ con dao kì ảo thay mặt Hội. Hẳn ta biết đâu rồi?”

“Anh ta ở dưới tầng,” Will đáp. “Chúng cháu trèo lên qua chỗ anh ta. Anh ta không thấy bọn cháu vì đang mãi vung vẩy nó trong không khí...”

“Cố gắng cắt xuyên qua đây mà. Hẳn sẽ không thành công đâu. Khi hẳn...”

“Cẩn thận,” Lyra kêu lên.

Will quay lại. Người thanh niên đang leo lên căn phòng nhỏ bằng gỗ. Anh ta chưa nhìn thấy họ, nhưng ở đó chẳng có chỗ nào để trốn nên khi họ vừa đứng dậy, anh ta thoáng thấy có chuyển động và liền quay ngoắt lại đối diện với họ.

Ngay lập tức Pantalaimon hóa thành một con gấu rồi chồm lên đứng trên hai chân sau. Chỉ mình Lyra biết rằng nó sẽ không thể chạm vào người kia. Quả vậy, người kia chớp mắt và trăn trối nhìn một lúc, nhưng Will thấy rằng anh ta không thật sự nhận thức được. Anh ta điên rồi. Mái tóc xoắn hung đỏ của anh ta rối bù, cằm lấm tấm nước dãi, xung quanh đồng tử chỉ toàn là lòng trắng.

Và anh ta có con dao, trong khi họ thì chẳng hề có vũ khí gì.

Will trèo lên trên lớp chì, bò ra xa khỏi ông già, sẵn sàng nhảy, chiến đấu, hoặc tránh khỏi đường.

Gã thanh niên lao bổ về phía trước rồi dùng dao chém cậ, trái - phải - trái, càng ngày càng gần, khiến Will phải lùi lại cho tới khi bị mắc kẹt trong góc nơi hai phía của tòa tháp giao nhau.

Lyra đang bò về phía người đàn ông từ phía sau, tay nắm sợi dây thừng đã tháo nút. Will đột ngột lao về phía trước, giống như cậ đã làm với gã đàn ông trong nhà mình, với hiệu quả tương tự: đối thủ của cậ bất ngờ ngã nhào về phía sau, lộn qua Lyra rồi đâm sầm xuống lớp chì. Mọi việc diễn ra quá nhanh nên Will không có thời gian để hoảng sợ. Nhưng cậ đã có thì giờ nhìn thấy con dao bay ra từ tay người đàn

ông rồi lập tức cắm đầu vào lớp chì cách đó vài mét, nó lún sâu xuống tới tận chuôi rồi dừng khựng lại, ngon lành như lún vào bơ.

Gã thanh niên không chậm trễ một giây, vặn người lại để với lấy con dao, nhưng Will đã nhảy bổ lên lưng và nắm lấy tóc hăn. Cậu đã học cách đánh nhau ở trường: có vô số dịp để luyện tập sau khi những đứa trẻ khác cảm nhận được rằng có chút vấn đề với mẹ cậu. Cậu còn học được rằng mục tiêu của một trận ẩu đả trường học không phải là ghi điểm phong cách mà là ép kẻ thù phải chịu thua, có nghĩa là phải làm hăn đau hơn hăn làm mình đau. Cậu cũng biết rằng người ta cần phải sẵn sàng làm tổn thương kẻ khác, và nhận ra rằng không nhiều người dám làm vậy khi cần thiết; nhưng cậu biết mình thì dám.

Vậy nên việc này không có gì xa lạ với cậu cả, chỉ là cậu chưa đánh lại một người gần trưởng thành có dao trong tay bao giờ. Hăn đã làm rơi dao, và cậu phải bằng mọi giá ngăn hăn nhặt nó lên.

Cậu luồn tay vào mớ tóc dày ẩm ướt của gã thanh niên rồi giật ngược nó lại mạnh nhất có thể. Hăn ta làu bàu rồi quật người sang một bên, nhưng Will còn giữ chắc hơn, khiến đối thủ của cậu gằm lên vì đau đớn và giận dữ. Hăn vùng dậy rồi lùi ngược lại, đè nghiêng Will giữa cơ thể mình và bức tường chắn. Việc đó thật quá sức chịu đựng: toàn bộ không khí trong người Will bật ra, và trong cơn sốc hai tay cậu buông rời. Gã đàn ông vùng chạy thoát.

Will gục hai đầu gối vào máng nước, gần như đứt hơi, nhưng cậu không thể ở đó được. Cậu dựng người dậy trên hai đầu gối rồi cố gắng đứng lên - khi làm vậy, cậu sọc thẳng chân qua một trong những cái lỗ thoát nước. Trong một khoảnh khắc kinh hoàng cậu đã nghĩ rằng chẳng có gì phía sau mình cả. Các ngón tay cậu cào một cách tuyệt vọng lên lớp chì ấm nóng. Nhưng chẳng có gì xảy ra; chân trái của cậu đã thọc ra ngoài khoảng không trống rỗng, nhưng phần cơ thể còn lại thì vẫn an toàn.

Cậu kéo chân lại vào trong tường rồi vật vả đứng dậy. Gã đàn ông đã với được con dao, nhưng hăn chưa kịp có thời gian kéo nó ra thì đã

bị Lyra lao lên lưng, cô cào cào, đâm đá, cắn xé như một con mèo rừng; nhưng dù đã cố gắng, cô vẫn không tóm được tóc hăn và bị hăn hất ra. Khi đứng dậy, hăn đã có con dao trong tay.

Lyra bị đẩy ngã sang một bên, với Pantalaimon đứng bên cạnh, lúc này đã biến thành một con mèo rừng, lông dựng đứng, nanh nhe ra. Will đứng trực diện với gã đàn ông và lần đầu tiên thấy rõ hăn ta. Không nghi ngờ gì nữa: hăn chính là anh trai của Angelica, từ hăn tỏa ra đầy ác ý. Toàn bộ tâm trí của hăn dồn vào Will, tay nắm chặt con dao.

Nhưng Will cũng chẳng phải dạng vừa.

Cậu đã lấy được sợi dây Lyra làm rơi và giờ đang quấn nó quanh bàn tay trái để bảo vệ khỏi lưỡi dao. Cậu di chuyển sang ngang, chắn giữa gã thanh niên và mặt trời, để đối thủ phải nheo và chớp mắt. Còn hơn thế nữa, kết cấu bằng kính ném những ánh phản quang chói lòa vào mắt hăn, Will có thể thấy rằng trong một lúc, hăn gần như trở nên đui mù.

Cậu nhảy sang bên trái gã đàn ông, tránh xa khỏi lưỡi dao, giơ cao bàn tay trái lên rồi đá thật lực vào đầu gối hăn. Cậu ngấm rất cẩn thận, chân đạp rất đúng chỗ. Gã đàn ông gầm lên đau đớn rồi gục xuống, vung về xoay người bỏ chạy.

Will nhảy lao theo hăn, dùng cả hai tay đâm túi bụi và đá tới tấp, đá bất cứ bộ phận nào cậu có thể với tới, đẩy gã đàn ông lùi trở về căn nhà kính. Nếu cậu có thể dồn hăn về đỉnh cầu thang...

Lần này gã đàn ông ngã xuống nặng nề hơn, bàn tay phải cùng với con dao trong đó đập xuống nền chì dưới chân Will. Will lập tức giậm lên nó thật mạnh, nghiền những ngón tay của hăn giữa chuôi dao và lớp chì, rồi cậu cuộn sợi dây thừng quanh tay mình chặt hơn và lại giậm lên lần thứ hai. Gã đàn ông hét lên rồi thả con dao ra. Ngay tức khắc Will đá nó đi, rất may là chân cậu chạm vào chuôi dao, nó xoay tít qua lớp chì rồi dừng lại trong rãnh nước ngay bên cạnh một lỗ thoát. Sợi dây quanh tay cậu lại một lần nữa tuột ra, và dường như có một lượng máu

nhiều đến kinh ngạc từ đâu đó tưới lên lớp chì và lên đôi giày của chính cậu. Gã đàn ông đang cố gượng dậy...

“Cẩn thận!” Lyra hét lên, nhưng Will đã sẵn sàng.

Vừa lúc gã thanh niên bị mất thăng bằng, cậu liền lao vào hấn, giội thật lực vào cơ hoành của hắn. Hắn ta ngã ngửa vào lớp kính khiến nó vỡ tan tành, cả cái khung gỗ mỏng manh cũng chung số phận. Hắn nằm sóng soài giữa đồng đồ nát chiếm nửa hốc cầu thang, rồi giờ tay tóm lấy khung cửa, nhưng do không còn gì níu giữ, nó rụng rời ra. Hắn rơi xuống, thủy tinh vỡ rơi lên khắp người hắn.

Will liền chạy trở lại máng nước để nhặt con dao lên, cuộc đấu đã kết thúc. Gã thanh niên, tả tơi và bầm giập, leo lên thang và thấy Will đang đứng sừng sững phía trên với con dao trong tay, nhìn hắn chăm chăm với vẻ phần nộ cùng cực rồi quay đầu chạy.

“A,” Will kêu lên rồi ngồi sụp xuống. “A.”

Có thứ gì đó rất tồi tệ đang xảy ra mà cậu không để ý thấy. Cậu thả rơi con dao rồi ôm chặt lấy bàn tay trái. Mớ dây rối đang ướt đầm máu, và khi cậu kéo nó ra...

“Ngón tay của cậu!” Lyra thở mạnh. “Ôi, Will...”

Ngón út và ngón áp út của cậu rời ra cùng với sợi dây.

Đầu cậu quay cuồng. Máu đang tuôn ra ồ ạt từ gốc những ngón tay, cả quần và giày của cậu đều đã ướt đầm. Cậu phải nằm xuống nhắm mắt lại trong một lúc. Cơn đau không khủng khiếp đến thế, và một phần tâm trí cậu nhận thức điều đó với sự ngạc nhiên không mấy rõ rệt: nó giống như một cái nện búa sâu và dai dẳng hơn là cơn đau nhói rõ rệt khi người ta tự cửa bản thân một cách hời hợt.

Cậu chưa bao giờ thấy yếu ớt đến thế. Cậu cho rằng mình đã ngủ thiếp đi mất một lúc. Lyra đang làm gì đó với cánh tay của cậu. Cậu ngồi dậy nhìn thiệt hại và cảm thấy nôn nao. Ông già đang ở đâu đó gần đấy nhưng Will không thể thấy được ông ta đang làm gì, trong lúc đó Lyra đang nói chuyện với cậu.

“Giá mà bọn mình có chút rêu cầm máu,” cô bé đang nói, “cái lũ gấu dùng ấy, tớ có thể làm vết thương khá hơn, Will, tớ có thể - xem này, tớ sẽ buộc đoạn dây này quanh cánh tay cậu, để cầm máu, vì tớ không thể buộc ở chỗ các ngón tay được, chẳng có gì để giữ cả - nằm yên nhé...”

Cậu để yên cho cô bé làm, bản thân thì nhìn quanh tìm những ngón tay của mình. Kia rồi, chúng đang cong lại như một dấu ngoặc kép đâm máu trên nền chì. Cậu phá lên cười.

“Này,” cô bé kêu lên, “thôi đi. Dậy đi nào. Ông Paradisi có thuốc đấy, thuốc mỡ, tớ không biết nó là gì cả. Cậu phải xuống dưới tầng. Tên kia chuồn rồi - chúng tớ đã thấy hắn chạy ra khỏi cửa. Cậu đã đánh bại hắn. Đi nào, Will - nhanh nào...”

Vừa cẩn thận vừa nín thở, cô thúc cậu xuống thang, rồi chúng bước qua đồng thủy tinh vỡ và gỗ vụn để vào một căn phòng nhỏ thoáng mát cách khỏi đầu cầu thang. Bên tường dựng đầy những giá chứa chai lọ, bình, chày cối và cân của những người bán dược phẩm. Dưới ô cửa sổ cái bồn là một bồn rửa bằng đá, nơi ông già đang run rẩy đổ một thứ gì đó ra từ chai lớn sang chai nhỏ.

“Ngồi xuống uống cái này đi,” ông nói rồi đổ đầy cái li nhỏ bằng một thứ chất lỏng tối màu.

Will ngồi xuống cầm lấy cái li. Ngệm đầu tiên khiến cổ họng cậu như bị lửa thiêu đốt. Lyra phải đỡ lấy để nó khỏi rơi khi Will thở hổn hển.

“Uống hết đi,” ông già ra lệnh.

“Cái gì thế này?”

“Rượu brandy mạn đấy. Uống đi.”

Will nhấp từng hớp một cách dè chừng hơn. Giờ thì tay cậu thật sự bắt đầu đau rồi.

“Ông có thể chữa lành cho cậu ấy không?” Lyra hỏi, giọng đầy tuyệt vọng.

“Ồ, có chứ, chúng ta có thuốc chữa bách bệnh. Cháu, bé gái, mở cái ngăn kéo bàn đó rồi lấy băng gạc ra đây.”

Will nhìn thấy con dao đang nằm trên cái bàn ở chính giữa phòng, nhưng trước khi cậu kịp cầm nó lên thì ông già đã tập tễnh bước tới với một bát nước trong tay.

“Uống tiếp đi,” ông già nói.

Will giữ chặt lấy cái li và nhắm mắt lại trong khi người đàn ông làm gì đó với tay của cậu. Nó nhức nhối khiếp, nhưng rồi cậu cảm thấy sự thô ráp khi một tấm khăn chà lên cổ tay mình, và thứ gì đó lau vết thương nhẹ nhàng hơn. Sau đó là cảm giác mát lạnh trong một lúc, rồi nó lại đau nhói.

“Đây là một loại thuốc mỡ rất quý giá,” ông già giải thích. “Rất khó kiếm. Rất tốt cho các vết thương.”

Đó là một cái tuýp méo mó bám đầy bụi chứa kem khử trùng thông thường, loại mà Will có thể mua tại bất cứ cửa hàng dược phẩm nào ở thế giới của cậu. Ông già đang cầm nó như thể nó được làm từ chất nhựa thơm vậy. Will quay đi.

Trong lúc người đàn ông đang băng bó vết thương, Lyra cảm thấy Pantalaimon đang lặng lẽ gọi mình tới nhìn ra ngoài cửa sổ. Pantalaimon đang trong dạng một con chim cắt đậu trên khung cửa sổ mở, mắt nó đã bắt được chuyển động phía dưới. Cô tới bên con linh thú và thấy một hình bóng quen thuộc: cô bé Angelica đang chạy về phía anh trai Tullio của mình, người đang đứng dựa lưng vào tường ở phía bên kia con phố nhỏ, hai tay khua trong không khí như thể đang cố gắng đuổi một đàn dơi ra khỏi mặt mình. Rồi hần quay đi và bắt đầu lần tay lên những phiến đá trên tường, xem xét kĩ càng từng phiến, nhằm đếm chúng, mân mê các viên cạnh, co vai lên như để né thứ gì đó phía sau, đầu lắc lắc.

Angelica cảm thấy tuyệt vọng, cả bé Paolo phía sau nó cũng thế. Chúng với tới anh trai mình, nắm lấy cánh tay hần và cố gắng kéo hần ra xa khỏi thứ gì đó đang quấy rầy hần.

Đến lúc đó Lyra choáng váng hiểu ra vấn đề: người thanh niên đang bị lũ Quỷ hút hồn tấn công. Angelica biết điều đó dù đương nhiên là nó không thể thấy chúng, còn bé Paolo đang gào thét và đâm đá vào khoảng không trống rỗng, cố gắng xua đuổi chúng đi; nhưng điều đó chẳng giúp ích được gì, và Tullio đã thua. Cử động của hắn ngày càng trở nên thờ ơ hơn, chẳng bao lâu sau chúng đã dừng lại hoàn toàn. Angelica bám lấy hắn, lắc tới lắc lui cánh tay hắn, nhưng chẳng có gì đánh thức được hắn dậy; Paolo thì đang gào lên tên anh trai mình không ngừng như thể điều đó sẽ đem hắn quay trở lại vậy.

Rồi dường như cảm nhận được Lyra đang quan sát mình, Angelica nhìn lên. Trong một lúc, mắt chúng chạm nhau. Lyra cảm thấy choáng váng như thể đứa con gái đó vừa mới táng cho cô một cú thật lực, vì nỗi căm hận trong mắt nó quá sôi sục. Paolo thấy chị mình đang nhìn nên cũng ngước lên, rồi giọng cậu nhóc gào lên: “Chúng tao sẽ giết mày! Mày đã làm việc này với anh Tullio! Chúng tao sẽ giết mày, không đùa đâu!”

Hai đứa trẻ quay đầu chạy đi, để lại người anh đã bị hút hồn, còn Lyra, hoảng sợ và tội lỗi, lùi lại vào bên trong phòng và đóng cửa lại. Những người khác không nghe thấy gì. Giacomo Paradisi đang bôi thêm thuốc mỡ lên các vết thương, còn Lyra thì cố gắng gạt bỏ những thứ mình vừa nhìn thấy ra khỏi đầu để tập trung vào Will.

“Ông phải buộc gì đó quanh cánh tay cậu ấy đi,” Lyra nói, “để cầm máu. Nếu không nó sẽ chảy không ngừng đấy.”

“Rồi, rồi, ta biết rồi,” ông già buồn bã nói.

Will nhìn tránh đi chỗ khác khi họ băng bó và nhấp từng ngụm brandy mặn. Cậu lập tức cảm thấy người dịu đi và trở nên xa xôi, dù cho bàn tay vẫn đang đau nhức khủng khiếp.

“Giờ,” Giacomo Paradisi nói, “đây, cầm lấy con dao đi, nó là của cháu.”

“Cháu không cần,” Will đáp. “Cháu không muốn dính dáng gì đến nó cả.”

“Cháu không có lựa chọn đâu,” ông già nói. “Giờ cháu đã là người nắm giữ nó rồi.”

“Cháu tưởng ông nói *ông* mới là người đó chứ?” Lyra hỏi.

“Thời của ta đã qua,” ông đáp. “Con dao biết khi nào phải rời khỏi một bàn tay và đặt mình vào bàn tay khác, ta biết được dấu hiệu đó. Các cháu không tin à? Nhìn này!”

Ông giơ bàn tay trái của chính mình lên. Không có ngón út và ngón áp út, cũng giống như Will.

“Phải,” ông nói, “ta cũng vậy. Ta đã chiến đấu và để mất những ngón tay đó, dấu hiệu của người nắm giữ. Trước khi sự việc xảy ra thì ta cũng không hề biết.”

Lyra ngồi xuống, tròn mắt nhìn. Will giữ lấy cái bàn bụi bặm bằng bàn tay lạnh lặn của mình. Cậu vật vả để tìm từ thích hợp.

“Nhưng cháu - chúng cháu chỉ đến đây vì - có một kẻ đã cướp một vật của Lyra, ông ta muốn con dao, và ông ta nói nếu chúng cháu đem nó đến, ông ta sẽ...”

“Ta biết gã đàn ông đó. Hẳn ta là một kẻ dối trá, một tên bợm. Hẳn sẽ không cho các cháu bất cứ thứ gì đâu, chắc chắn luôn. Hẳn muốn con dao, và khi có được nó hẳn sẽ phản bội các cháu. Hẳn sẽ không bao giờ trở thành người nắm giữ được. Con dao thuộc quyền sở hữu của cháu.”

Với sự do dự khủng khiếp, Will quay sang phía con dao. Cậu kéo nó về phía mình. Nó chỉ là một con dao găm trông rất tầm thường, với lưỡi dao mài cả hai bên làm từ thứ kim loại xỉn màu, dài khoảng tám tấc, một thanh ngang cùng chất liệu và một tay cầm từ gỗ hồng sắc. Khi nhìn ngắm nó kĩ hơn, cậu thấy rằng lớp gỗ hồng sắc được khảm những sợi vàng, tạo thành một mẫu thiết kế mà cậu không nhận ra cho đến khi xoay con dao lại và thấy một thiên thần với đôi cánh gập vào. Ở phía còn lại là một thiên thần khác với cánh giương cao. Những sợi vàng nổi lên một chút so với bề mặt, nhờ đó cầm được chắc chắn hơn. Khi cầm nó lên, cậu cảm thấy nó thật nhẹ nhưng lại đầy khỏe khoắn và cân bằng

tuyệt vời, và lưỡi dao hóa ra không hề cùn. Trên thực tế, một dòng xoáy những sắc màu đục vẫn dường như đang sống ngay dưới bề mặt lớp kim loại: tím thẫm, xanh nước biển, nâu đất, xám mây, và màu lục sâu thẳm dưới những tán cây dày đặc, những độ tối chồng chất lại tại miệng một nấm mồ khi màn đêm phủ bóng xuống một nghĩa địa bỏ hoang - nếu việc nhuộm màu bóng tối là có thể thì đó chính là lưỡi của con dao kì ảo.

Nhưng các cạnh thì lại khác. Thật ra hai cạnh không hề giống nhau. Một bên là thép sáng bóng, hòa lẫn chút ít vào những sắc màu bóng tối kì ảo kia, nhưng lại là thép sắc lẹm không thứ gì so sánh nổi. Mắt của Will nheo lại khi nhìn nó, trông nó có vẻ cực kì bén. Cạnh còn lại cũng sắc không kém, nhưng màu lại có ánh bạc, Lyra đang nhìn ngắm nó qua vai Will nói:

“Tớ đã từng thấy màu này rồi! Chính là màu lưỡi dao người ta định dùng để cắt rời tớ và Pan - cùng một màu luôn!”

“Cạnh này,” Giacomo Paradisi nói, chạm vào lớp thép bằng cán thìa, “có thể cắt xuyên qua bất cứ vật liệu nào trên thế giới. Nhìn nhé.”

Nói rồi ông ấn cái thìa bạc vào lưỡi dao. Will đang cầm con dao chỉ cảm thấy một lực cản vô cùng nhỏ khi đầu cán thìa rơi xuống bàn, bị cắt ngọt xớt.

“Cạnh kia,” ông già nói tiếp, “lại còn kì diệu hơn nữa. Ta có thể dùng nó để cắt một lỗ hổng ra khỏi thế giới này. Thử đi. Hãy làm như ta nói - cháu là người nắm giữ. Cháu cần phải biết. Không ai có thể dạy cháu ngoài ta, mà ta lại chẳng còn nhiều thời gian. Đứng lên nghe đi này.”

Will đẩy ghế lùi lại rồi đứng dậy, nắm hờ con dao. Cậu cảm thấy chóng mặt, nôn nao, muốn chống đối.

“Cháu không muốn...” Cậu lên tiếng, nhưng Giacomo Paradisi đã lắc đầu.

“Yên lặng! Cháu không muốn - cháu không muốn - cháu không được lựa chọn! Nghe lời ta đi, vì thời gian không có nhiều đâu. Giờ thì

giơ con dao ra phía trước đi - như thế. Không chỉ có con dao phải cắt, mà cả tâm trí của cháu nữa. Cháu phải nghĩ về nó. Vậy nên hãy làm thế này: dồn tâm trí lên điểm chót của con dao. Tập trung vào, cậu bé. Đừng nghĩ tới vết thương của mình. Nó sẽ lành thôi. Nghĩ tới mũi dao đi. Đó là nơi cháu đang đứng. Giờ thì dùng nó để cảm nhận, thật nhẹ nhàng. Cháu đang tìm một khe hở nhỏ đến nỗi không bao giờ có thể dùng mắt để thấy, nhưng mũi dao sẽ tìm được nó, nếu cháu tập trung tâm lực vào đó. Lăn trên không khí cho tới khi cảm nhận được khe hở nhỏ nhất của thế giới...”

Will cố gắng làm theo. Nhưng đầu cậu đang ong lên, tay trái nhúc nhùng khiếp, cậu lại nhìn thấy hai ngón tay của mình đang nằm trên mái nhà, rồi cậu nghĩ tới mẹ mình, người mẹ tội nghiệp của mình... Bà sẽ nói gì? Bà sẽ vỗ về cậu như thế nào? Làm sao cậu có thể khiến bà khuây khỏa đây? Vậy là cậu đặt con dao xuống bàn rồi cúi thấp xuống ôm lấy bàn tay bị thương, và khóc. Tất cả những chuyện này thật quá sức chịu đựng. Tiếng nước nở làm cổ họng và ngực cậu rung lên, nước mắt khiến cậu choáng váng, cậu phải khóc cho bà, người thân yêu tội nghiệp hoảng sợ và bất hạnh, cậu đã bỏ lại bà, cậu đã bỏ bà mà đi...

Cậu cảm thấy thật cô độc. Nhưng rồi nhận thấy một điều kì lạ hơn bao giờ hết, cậu lấy cổ tay phải chùi ngang qua mắt và thấy đầu của Pantalaimon đang tựa vào đầu gối mình. Con linh thú, trong hình dạng một con chó săn sói, đang ngược nhìn cậu với đôi mắt thương cảm, sầu não, nó dịu dàng liếm láp bàn tay bị thương của Will rồi lại một lần nữa tựa đầu lên đầu gối Will.

Will không hề biết gì về điều cấm kị ở thế giới của Lyra, một người không được chạm vào linh thú của người khác, và nếu cậu có chưa từng chạm vào Pantalaimon thì đó cũng là do phép lịch sự đã ngăn cậu lại chứ không phải kiến thức. Trên thực tế, bản thân Lyra cũng đang rất sừng sốt. Linh thú của cô đã hoàn toàn tự chủ động làm việc đó, giờ thì nó đã lùi lại rồi bay lên vai cô trong dạng bướm đêm không thể nhỏ hơn. Ông già đang quan sát với sự thích thú nhưng

không hề hồ nghi. Bằng cách nào đó ông đã từng thấy linh thú; ông cũng từng đi tới các thế giới khác.

Cử chỉ của Pantalaimon đã có tác dụng. Will nuốt ực một cái rồi lại đứng lên, gạt nước mắt.

“Được rồi,” cậu nói, “cháu sẽ thử lại. Cho cháu biết phải làm gì đi.”

Lần này cậu ép mình phải tập trung làm điều Giacomo Paradisi nói trong lúc nguyền rủa; người run lên vì nỗ lực, mồ hôi đầm đìa. Lyra tha thiết muốn được xen vào, vì cô biết rõ quá trình này. Tiến sĩ Malone cũng vậy, cả nhà thơ Keats, dù ông ta có là ai đi nữa, và tất cả bọn họ đều biết người ta không thể đạt được nó bằng cách gượng ép căng thẳng. Nhưng cô đã giữ miệng và siết chặt hai bàn tay.

“Ngừng lại nào,” ông già nhẹ nhàng nói. “Thư giãn đi. Đừng cố ép. Đây là con dao kì ảo, không phải một thanh kiếm nặng nề. Cháu đang cầm nó chặt quá đấy. Nới lỏng các ngón tay ra. Hãy để tâm trí thơ thần xuống cánh tay tới cổ tay rồi vào chuôi dao, rồi đi ra dọc theo lưỡi dao, không phải vội, làm nhẹ nhàng thôi, đừng ép nó. Cứ lang thang vờ vẩn thôi. Rồi chạy dọc tới điểm chót, nơi cạnh dao sắc hơn tất cả, cháu trở thành mũi dao. Giờ cứ làm như vậy đi. Tới đó và cảm nhận nó, rồi quay trở lại.”

Will thử lại. Lyra có thể thấy sự căng thẳng trong cơ thể cậu, thấy hàm cậu cử động, rồi thấy một uy quyền phủ lên nó, điềm tĩnh, thư giãn và thanh lọc. Uy quyền đó là của chính Will - hoặc có lẽ là linh thú của cậu. Cậu ấy hẳn phải muốn có một con linh thú lắm! Sự cô độc mà cậu phải trải qua... Thảo nào mà cậu khóc. Pantalaimon đã đứng khi làm việc vừa xong, mặc dù nó khiến cô cảm thấy kì lạ. Cô bé với lên con linh thú thân yêu của mình, và nó nhẹ nhàng lao vào lòng cô trong dạng chồn ermine.

Chúng cùng nhau quan sát khi cơ thể của Will ngừng run rẩy. Lúc này cậu cũng tập trung dữ dội không kém, chỉ là cách làm khác đi, cả con dao trông cũng khác biệt. Có lẽ là do những sắc màu vẫn đục đục

theo lưỡi dao, hoặc cũng có thể do cách nó nằm rất tự nhiên trong tay Will, nhưng cử động nhỏ mà cậu đang thực hiện với mũi dao lúc này trông có chủ tâm hơn là hành động ngẫu nhiên. Cậu lần theo hướng này, rồi lật con dao lại để lần theo hướng khác, luôn luôn cảm nhận bằng cạnh màu bạc; và rồi dường như cậu đã tìm thấy một đường rạch nhỏ nào đó trong không khí trống trơn.

“Cái gì đây? Có phải nó không?” Cậu kêu lên bằng giọng khản đặc.

“Phải. Đừng cố ép. Quay lại đi, quay lại với bản thân cháu đi.”

Lyra tưởng tượng ra cô có thể thấy linh hồn của Will chảy ngược trở lại, dọc theo lưỡi dao về tới bàn tay, lên cánh tay rồi vào tim cậu. Cậu bé lùi lại, thông tay xuống và chớp mắt.

“Cháu cảm thấy có thứ gì đó ở đây,” cậu nói với Giacomo Paradisi. “Ban đầu con dao chỉ lướt qua bầu không khí nhưng rồi cháu cảm nhận được nó...”

“Tốt. Giờ thì làm lại đi. Lần này khi cảm nhận được nó, hãy đẩy dao vào dọc theo nó. Tạo một vết cắt. Đừng ngần ngại. Đừng ngạc nhiên. Đừng làm rơi con dao.”

Will phải cúi xuống hít vài ba hơi thật sâu rồi đặt bàn tay trái xuống dưới cánh tay còn lại trước khi có thể tiếp tục. Nhưng cậu rất quyết tâm; sau một vài giây cậu đứng dậy trở lại, con dao đã được giờ sẵn ra phía trước.

Lần này mọi việc dễ dàng hơn. Nhờ đã cảm nhận được một lần, cậu biết phải tìm lại cái gì. Chỉ sau chưa đầy một phút cậu đã nhận thấy vết thủng nhỏ kì lạ đó. Việc này giống như tìm kiếm một cách công phu khe hở giữa hai mũi khâu bằng dao mổ vậy. Cậu chạm vào, lùi lại, chạm vào lần nữa để chắc chắn, rồi làm theo lời ông già dặn, dùng cạnh màu bạc cắt ngang vết thủng ra.

Thật may là Giacomo Paradisi đã nhắc cậu đừng ngạc nhiên. Cậu không ngừng giữ thật chắc con dao rồi đặt nó xuống bàn trước khi để cho sự kinh ngạc lấn át. Lyra đã đứng dậy, không nói nổi lời nào, bởi vì

tại đó ngay giữa căn phòng nhỏ bụi bặm là một ô cửa sổ giống hệt như cái bên dưới hàng cây duyên mộc: một khoảng hở giữa không trung mà người ta có thể nhìn xuyên qua tới một thế giới khác.

Bởi vì đang ở tầng cao trong tòa tháp, họ cũng đang ở trên cao phía bắc của Oxford. Thật ra là trên một nghĩa địa nhìn ngược lại về phía thành phố. Phía trước họ một chút là những cây duyên mộc, rồi các căn nhà, cây cối, đường sá, và ở phía xa là những tòa tháp và chóp nhọn của thành phố.

Nếu chưa từng thấy cái cửa sổ đầu tiên, hẳn chúng sẽ nghĩ rằng đó là một trò đánh lừa thị giác. Có điều nó không chỉ là về thị giác; không khí đang thổi qua đó; chúng có thể ngửi thấy mùi khói từ xe cộ vốn không hề tồn tại ở thế giới của Cittàgazze. Pantalaimon hóa thành chim én và bay qua, thích thú vùng vẫy trong không khí thoáng đãng, nó tợp lấy một con côn trùng trước khi lao trở lại để đậu lên vai Lyra.

Giacomo Paradisi đang quan sát với một nụ cười buồn bã kì lạ. Rồi ông nói: “Học cách khai mở thế đủ rồi. Giờ cháu phải học cách đóng nó lại.”

Lyra lùi lại để dành chỗ cho Will, ông già liền bước tới đứng bên cạnh cậu.

“Để làm việc này cháu cần dùng đến những ngón tay của mình,” ông giải thích. “Một tay là đủ rồi. Khởi đầu là lần tới mép giống như cháu đã làm với con dao. Cháu sẽ không thể tìm thấy nó trừ khi dồn tâm lực vào các đầu ngón tay. Chạm vào thật nhẹ nhàng, lần sờ cho tới khi tìm thấy mép của nó. Sau đó kẹp nó lại. Vậy thôi. Thử đi.”

Nhưng Will đang run rẩy. Cậu không thể đưa tâm trí trở lại sự cân bằng mỏng manh mà cậu biết nó cần, càng lúc cậu càng thấy nản lòng. Lyra có thể thấy chuyện gì đang xảy ra.

Cô bé đứng dậy cầm lấy tay phải của cậu và nói: “Nghe này Will, ngồi xuống nào, tớ sẽ cho cậu biết phải làm thế nào. Cứ ngồi xuống một chút đã, vì tay cậu đang đau và nó khiến cậu mất tập trung. Cái đó là chắc chắn rồi. Nhưng một lúc nữa là sẽ dịu đi thôi.”

Ông già giơ cả hai tay lên rồi đổi ý, nhún vai và ngồi xuống.

Will ngồi xuống nhìn Lyra. “Tớ làm sai chỗ nào?” Cậu hỏi.

Tay cậu đầm máu, người run lên, ánh mắt hoảng loạn. Thần kinh của cậu đang bị cực kì kích động: cậu nghiêng răng, gõ gõ bàn chân, thở gấp.

“Là do vết thương thôi,” cô bé nói. “Cậu không làm gì sai cả. Cậu đang làm đúng, chỉ là bàn tay không chịu để cậu tập trung. Tớ không biết cách nào dễ dàng để giải quyết chuyện này, trừ việc có lẽ nếu cậu đừng cố gắng lờ nó đi...”

“Ý cậu là gì?”

“À, cậu đang cố gắng làm hai việc cùng một lúc với tâm trí của mình. Cậu đang cố phớt lờ cơn đau và đóng cái cửa sổ đó lại. Tớ còn nhớ lần đọc Chân Kế khi đang sợ hãi, có lẽ vào lúc đó tớ đã quen với việc sử dụng nó, không rõ nữa, nhưng lần nào đọc nó tớ cũng vẫn sợ hãi. Cứ thả lỏng tâm trí và chấp nhận rằng cậu biết vết thương đang đau nhức. Đừng cố gắng lờ nó đi làm gì.”

Cậu nhắm mắt lại một lúc. Hơi thở của cậu đã chậm dần lại.

“Được rồi,” cậu nói. “Tớ sẽ thử.”

Lần này dễ dàng hơn rất nhiều. Cậu lần tới cái cạnh, tìm thấy nó trong chưa đầy một phút, rồi làm như Giacomo Paradisi đã dặn: kẹp các cạnh lại với nhau. Đó là việc dễ dàng nhất trên thế giới. Cậu cảm thấy một niềm hân hoan bình lặng và mau chóng, rồi ô cửa biến mất. Thế giới bên kia đã bị đóng lại.

Ông già trao cho cậu một cái bao da, mặt sau đóng sừng cứng, với những nút khóa để giữ con dao nằm yên, vì chỉ cần một cử động lệch nhỏ nhất, lưỡi dao cũng sẽ cắt xuyên qua loại da dày dặn nhất. Will tra dao vào đó rồi buộc nó lại chặt nhất có thể bằng bàn tay vụng về của mình.

“Đây phải là một dịp trang trọng,” Giacomo Paradisi nhận xét. “Nếu chúng ta có nhiều ngày nhiều tuần, ta có thể bắt đầu kể cho cháu

nghe câu chuyện về con dao kì ảo, về Hội Torre degli Angeli, và toàn bộ lịch sử đáng buồn của thế giới mục nát và cầu thả này. Lũ Quỷ hút hồn là do lỗi của chúng ta, của chỉ mình chúng ta thôi. Chúng tôi do các tiền nhân của ta, các nhà giả kim, nhà triết học, những người đàn ông uyên bác, đã truy vấn vào bản chất sâu thẳm nhất của sự vật. Họ tò mò về những mối liên kết đang giữ các hạt vật chất nhỏ nhất lại với nhau. Các cháu có biết ta nói mối liên kết là có ý gì không? Những thứ kết nối sự vật lại ấy?

“Nơi đây đã từng là một thành phố buôn bán. Một thành phố của thương nhân và chủ ngân hàng. Chúng ta cho rằng mình biết rõ về các mối liên kết. Chúng ta nghĩ rằng mối liên kết là một thứ có thể thương lượng được, một thứ có thể mua bán, đổi chác hay quy đổi... Nhưng chúng ta đã làm về những mối liên kết này. Chúng ta tháo gỡ chúng, và để cho bọn Quỷ hút hồn ùa vào.”

Will nói: “Lũ Quỷ hút hồn tới từ đâu vậy? Tại sao người ta lại để mở ô cửa dưới hàng cây đó, cái mà chúng cháu dùng để đi qua ấy? Trên thế giới còn có những ô cửa khác không?”

“Lũ Quỷ hút hồn tới từ đâu vẫn còn là một bí ẩn. Từ một thế giới khác; từ trong bóng tối của vũ trụ; ai biết được? Điều quan trọng là chúng đang ở đây, và chúng đã tàn phá chúng ta. Liệu có những ô cửa khác dẫn vào thế giới này không ấy à? Có, một ít thôi, vì đôi khi người nắm giữ con dao có thể vô ý hoặc hay quên, không có thời gian dừng lại để đóng nó lại như anh ta nên làm. Còn ô cửa mà các cháu đã đi qua, dưới hàng cây duyên mộc... chính ta đã để mở nó trong một khoảnh khắc ngu ngốc không thể tha thứ. Gã đàn ông mà các cháu nhắc đến - ta đã nghĩ tới việc dụ hắn đi qua, vào thành phố này để trở thành nạn nhân cho lũ Quỷ hút hồn. Nhưng ta nghĩ hắn ta quá xảo quyệt cho một trò lừa gạt như thế này. Hắn muốn có con dao. Làm ơn, đừng bao giờ để hắn có được nó.”

Will và Lyra liếc nhìn nhau.

“Dù sao thì,” ông già kết luận, xòe hai bàn tay ra, “tất cả những gì ta có thể làm là trao con dao và chỉ cho cháu cách sử dụng nó, điều mà ta đã làm xong, rồi kể cho cháu nghe các luật lệ của cái Hội cao quý giờ đã thối nát. Đầu tiên, không bao giờ mở ra mà không đóng lại. Thứ hai, không bao giờ được để cho bất cứ ai khác dùng con dao. Nó là của mình cháu thôi. Thứ ba, không bao giờ được dùng con dao cho một mục đích hèn hạ. Thứ tư, giữ bí mật về nó. Nếu có những luật lệ khác nữa thì ta đã quên mất rồi, nhưng ta mà đã quên thì có nghĩa là chúng không quan trọng. Cháu có con dao. Cháu là người nắm giữ. Cháu đáng ra không nên là một đứa trẻ. Nhưng thế giới của chúng ta đang dần sụp đổ, và dấu hiệu của người nắm giữ thì không thể nhầm lẫn. Ta thậm chí còn không biết tên cháu. Giờ thì đi đi. Ta sẽ sớm chết thôi, vì ta biết thuốc độc ở đâu. Chỉ cần không có con dao là lũ Quỷ hút hồn sẽ vào ngay, nhưng ta thì không định đợi chúng. Đi đi.”

“Nhưng, ông Paradisi...” Lyra kêu lên, nhưng ông già đã lắc đầu và nói tiếp:

“Không có thời gian đâu. Các cháu đến đây là có mục đích, có lẽ các cháu không biết mục đích đó là gì, nhưng các thiên thần đã đưa các cháu tới thì có. Đi đi. Cháu rất dũng cảm, còn bạn cháu lại rất khôn ngoan. Các cháu lại có con dao nữa. Đi đi.”

“Ông không thật sự định đánh thuốc độc bản thân đấy chứ?” Lyra đau đớn hỏi.

“Đi nào,” Will giục.

“Mà ông nói tới các thiên thần là ý gì?” Cô hỏi tiếp.

Will kéo tay cô bé.

“Thôi nào,” cậu lại nhắc. “Chúng ta phải đi thôi. Cảm ơn ông, ông Paradisi.”

Cậu chìa bàn tay phải đầm máu và bám đầy bụi ra, ông già dịu dàng nắm lấy nó. Ông cũng bắt tay Lyra rồi gật đầu với Pantalaimon, nó hạ thấp cái đầu chồn ermine của mình để chào.

Nắm chặt con dao trong cái bao da, Will dẫn đường xuống cái cầu thang rộng và tối để ra ngoài ngọn tháp. Ánh nắng chiếu nóng rực khu quảng trường nhỏ, cùng với sự tĩnh lặng hoàn toàn. Lyra nhìn quanh, cảnh giác hết cỡ, nhưng đường phố không một bóng người. Hơn nữa, tốt hơn hết là không nên làm Will lo lắng về thứ cô đã nhìn thấy; đã có đủ thứ phải lo lắng rồi. Cô dẫn cậu ra xa con phố mà cô đã nhìn thấy hai đứa trẻ, nơi Tullio bị hút hồn vẫn đang đứng như trời trồng.

“Giá mà...” Lyra lên tiếng khi chúng đã gần như rời khỏi quảng trường, đang tạm dừng để ngoái lại nhìn. “Thật là khủng khiếp khi nghĩ đến... hàm răng tội nghiệp của ông ấy gây vụn hết rồi, ông ấy lại còn gần như chẳng thấy gì... Giờ thì ông ấy sắp uống thuốc độc để chết, giá mà...”

Cô bé sắp không ngăn nổi nước mắt.

“Yên nào,” Will nói. “Nó sẽ không làm ông ấy đau đâu. Ông ấy sẽ chỉ ngủ thiếp đi thôi. Như thế tốt hơn là gặp lũ Quỷ hút hồn, ông ấy nói rồi mà.”

“Ôi, chúng ta sẽ làm gì đây Will?” Cô kêu lên. “Chúng ta phải làm gì? Cậu bị thương quá nặng, còn ông cụ tội nghiệp ấy... Tớ ghét nơi này, thật sự ghét nó, tớ sẽ đốt sạch nó. Giờ chúng ta làm gì đây?”

“À,” cậu đáp, “cái đó dễ thôi. Chúng ta cần lấy Chân Kế về, nên sẽ phải đánh cắp nó. Đó là việc chúng ta sẽ làm.”

9

Kẻ trộm

Đầu tiên hai đứa trẻ trở về quán cà phê để nghỉ ngơi, hồi phục sức khỏe và thay đồ.

Dễ thấy là Will không thể cứ đi khắp nơi trong tình trạng bê bết máu, mà thời kì cảm thấy tội lỗi vì lấy đồ từ các cửa hàng đã qua rồi; vậy là cậu thu thập nguyên một bộ quần áo và giày mới, còn Lyra, đòi được giúp đỡ và canh chừng những đứa trẻ khác từ mọi hướng, thì mang chúng trở lại quán cà phê.

Lyra đặt nước lên đun, sau đó Will mang nước đẩy lên phòng tắm rồi cởi đồ để tắm rửa từ đầu đến chân. Cơn đau cứ âm ỉ không ngừng, nhưng ít nhất thì những vết cắt cũng không bị nham nhở. Sau khi đã thấy những việc con dao có thể làm, cậu biết rằng chẳng có vết cắt nào có thể ngọt hơn thế; nhưng những cái gốc nơi đã từng là ngón tay của cậu vẫn đang chảy máu đầm đìa. Cậu cảm thấy choáng váng khi nhìn chúng, tim cậu đập dữ dội hơn, và điều đó dường như lại khiến cho máu ứa ra càng nhiều. Cậu ngồi trên thành bồn tắm, nhắm mắt lại và hít thở sâu vài lần.

Ngay lập tức cậu cảm thấy bình tĩnh hơn nên bắt đầu tắm rửa. Cậu cố gắng hết sức có thể, lau người vào những tấm khăn đang nhuộm máu ngày càng nhiều, rồi khoác lên bộ quần áo mới trong lúc cố gắng không để nó cũng bị dính máu.

“Cậu sẽ phải thắt lại băng cho tớ đây,” cậu nói với Lyra. “Tớ không quan tâm cậu thắt chặt thế nào, miễn là máu ngừng chảy.”

Cô bé xé một tấm khăn phủ rồi quấn vòng quanh, vít chặt hết mức có thể lên trên những vết thương. Cậu nghiêng chặt răng nhưng vẫn không thể ngăn nổi nước mắt ứa ra. Cậu không nói không rằng gạt nó đi, và cô bé cũng không nói gì.

Khi cô làm xong, cậu nói: “Cảm ơn.” Rồi nói tiếp: “Nghe này. Tớ muốn cậu cho một thứ vào trong balô giùm tớ, phòng trường hợp chúng ta không thể quay lại đây. Chỉ là những bức thư thôi. Cậu có thể đọc chúng nếu muốn.”

Cậu lấy cái kẹp tài liệu bằng da màu xanh lục ra rồi đưa cho cô những mẫu giấy viết thư máy bay.

“Tớ sẽ không đọc trừ khi...”

“Không sao đâu. Nếu không tớ đã chẳng nói vậy.”

Cô bé gấp những lá thư lại, còn cậu thì nằm lên giường, đẩy con mèo sang một bên, rồi ngủ thiếp đi.

Rất lâu sau đó vào buổi tối, Will và Lyra khom người đi qua con đường chạy dọc bên cạnh hàng cây bụi rợp bóng trong vườn nhà Ngài Charles. Ở phía bên Cittagazze, chúng đang ở trong một công viên phủ đầy cỏ bao quanh một biệt thự kiểu cổ điển lấp lánh màu trắng dưới ánh trăng. Hai đứa tốn khá nhiều thời gian mới tới được dinh thự của Ngài Charles do di chuyển chủ yếu ở phía Cittagazze, thường xuyên dừng lại để cắt không gian và kiểm tra vị trí của mình tại thế giới của Will, rồi lại đóng cửa sổ lại ngay khi xác định được mình đang ở đâu.

Mặc dù không đi cùng, nhưng phía sau hai đứa trẻ không xa là con mèo mướp. Nó ngủ miết kể từ khi được chúng cứu thoát khỏi lũ trẻ ném đá, và giờ khi đã tỉnh lại, nó lưỡng lự không muốn rời khỏi chúng, cứ như nó cho rằng chỗ nào có chúng là nó được an toàn. Will không hề cảm thấy chắc chắn về việc đó, nhưng không cần con mèo thì cậu đã

có đủ thứ phải suy nghĩ rồi, vì vậy cậu lờ nó đi. Càng lúc cậu càng trở nên quen thuộc với con dao, cách cậu điều khiển nó cũng đã chắc chắn hơn; nhưng vết thương của cậu thì đang nhức nhối hơn bao giờ hết, nó cứ nhói lên không ngừng, và lớp băng gạc mà Lyra mới quấn sau khi cậu tỉnh dậy đã ướt đẫm.

Cậu cắt một ô cửa sổ trong không khí gần với tòa biệt thự lấp lánh màu trắng, rồi chúng bước qua, sang con hẻm tĩnh lặng ở Headington để tìm ra chính xác cách tới phòng làm việc nơi Ngài Charles đã đặt chiếc Chân Kề. Có hai cái đèn cao áp chiếu sáng khu vườn của ông ta, đèn đang bật trong những ô cửa sổ mặt tiền của căn nhà, nhưng trong phòng làm việc thì không. Chỉ có ánh trăng chiếu rọi phía hông nhà, còn cửa sổ phòng làm việc thì vẫn tối om.

Con hẻm nhỏ chạy xuyên qua những hàng cây tới một con đường khác không được thắp sáng ở đầu bên kia. Sẽ thật dễ dàng để cho một tên trộm bình thường lén vào đám cây bụi rồi sau đó vào vườn mà không bị phát hiện, thế nhưng ở đó lại có một hàng rào sắt chắc chắn cao gấp đôi Will, trên đỉnh có gai tua tủa, chạy suốt chiều dài mảnh đất của Ngài Charles. Tuy nhiên, đây lại chẳng phải là rào cản đối với con dao kì ảo.

“Giữ lấy chân song này trong lúc tớ cắt nó,” Will thì thầm. “Khi nào nó rơi ra thì phải tóm lấy đấy.”

Lyra làm theo lời cậu. Cậu bé cắt liền qua bốn chân song, đủ cho chúng đi qua mà không gặp khó khăn gì. Lyra đặt từng thanh một lên bãi cỏ, rồi chúng luồn qua và di chuyển giữa những bụi cây.

Khi đã thấy rõ hông nhà cùng với ô cửa sổ rợp bóng cây leo của phòng làm việc đang đối mặt với mình qua thảm cỏ bằng phẳng, Will nói khẽ:

“Tớ sẽ cắt vào Ci’gazze ở đây và cứ để nó mở, tớ sẽ di chuyển trong Ci’gazze tới vị trí tớ nghĩ là của phòng làm việc, rồi cắt trở lại thế giới này. Sau đó tớ sẽ lấy Chân Kề ra khỏi cái tủ đó rồi đóng ô cửa đấy và trở lại cái này. Cậu ở lại đây trong thế giới này để canh chừng. Ngay

khi nghe thấy tiếng tớ gọi, cậu đi qua ô cửa này vào Ci'gazze và tớ sẽ đóng nó lại. Được chứ?

“Ừ,” cô bé thì thầm. “Cả tớ và Pan sẽ cùng canh chừng.”

Linh thú của cô đang là một con cú nhỏ màu hung, gần như vô hình trong bóng tối loang lổ dưới tán cây. Đôi mắt to nhật màu của nó thu nhận mọi cử động.

Will lùi lại rồi giơ con dao ra, tìm kiếm, chạm vào không khí bằng những cử động khéo léo nhất, cậu tìm thấy một điểm có thể cắt được chỉ khoảng một phút sau đó. Cậu làm rất lẹ, mở một ô cửa sổ vào khu công viên ngập tràn ánh trắng của Ci'gazze, rồi lùi lại, ước lượng số bước chân cần dùng trong thế giới này để tới được phòng làm việc, và ghi nhớ khoảng cách.

Rồi không nói một lời, cậu bước qua và biến mất.

Lyra thu người ở cạnh đó. Pantalaimon đã đậu lên một cành cây trên đầu cô, đầu quay bên này ngoảnh bên kia trong im lặng. Cô bé có thể nghe thấy tiếng xe cộ từ Headington phía sau, và những tiếng bước chân lặng lẽ của ai đó đi dọc theo con đường ở cuối ngõ hẻm, thậm chí cả cử động nhẹ như lông hồng của lũ côn trùng giữa đám cành lá dưới chân cô.

Một phút trôi qua, rồi lại một phút nữa. Lúc này Will đang ở đâu? Cô rướn người nhìn qua cửa sổ phòng làm việc, nhưng nó chỉ là một ô vuông có song sắt tối thẫm chìa ra cùng với cây leo. Ngài Charles đã ngồi trong phòng, trên bậc cửa sổ vào buổi sáng hôm đó rồi vấp chân và phải phẳng những nếp gấp trên quần của mình. So với cửa sổ thì cái tủ đồ ở đâu? Liệu Will có thể vào trong mà không làm phiền đến bất cứ ai trong nhà không? Lyra có thể nghe thấy tim cô cũng đang đập thành thịch.

Rồi Pantalaimon kêu lên một tiếng khe khẽ, cũng đúng lúc đó một âm thanh khác vọng tới từ phía trước tòa nhà, bên trái của Lyra. Cô không thể nhìn ra phía trước, nhưng cô thấy được một luồng sáng quét

qua các thân cây và nghe ra tiếng nghiêng rất trầm: âm thanh của bánh xe trên sỏi. Cô không hề nghe thấy tiếng động cơ xe.

Cô nhìn lên tìm Pantalaimon, nhưng nó đã lặng lẽ lướt về phía trước, cách xa nhất có thể khỏi cô bé. Nó quay lại trong bóng tối rồi lao về đậu trên nắm tay cô.

“Ngài Charles về rồi,” nó thì thầm. “Có một người khác đi cùng ông ta.”

Nó lại cất cánh bay đi, lần này Lyra bám theo, nhón chân đi trên nền đất mềm một cách hết sức cẩn thận, cúi người phía sau những khóm cây bụi, cuối cùng là đi bằng tay và đầu gối để nhòm ra giữa những lớp lá nguyệt quế.

Chiếc Rolls Royce đỗ lại trước cửa dinh thự, người tài xế đi vòng sang phía ghế hành khách để mở cửa. Ngài Charles mỉm cười đứng đợi rồi chìa tay cho người phụ nữ đang bước ra. Khi bà ta hiện ra, Lyra cảm thấy tim mình bị táng một cú thật lực, cú đánh tồi tệ nhất kể từ khi trốn thoát khỏi Bolvangar, bởi vì vị khách của Ngài Charles chính là mẹ cô, Phu nhân Coulter.

Will cẩn trọng bước qua bãi cỏ ngập ánh trăng tại Cittagazze, đếm từng bước chân, ghi nhớ vị trí phòng làm việc rõ ràng hết sức có thể và cố gắng xác định nó dựa vào mối quan hệ với căn biệt thự màu trắng vừa đứng trong một khu vườn trang nghiêm với những bức tượng và đài phun gần đó. Cậu cũng ý thức được bản thân lộ liễu đến mức nào trong khoảnh khắc công viên ngập tràn ánh trăng này.

Khi cho rằng mình đã đến đúng chỗ, cậu ngừng đi và lại giơ con dao ra, cẩn thận dò dẫm phía trước. Những khe hở vô hình nhỏ xíu này có thể ở bất cứ đâu, nhưng không phải là mọi nơi, nếu vậy thì mọi đường dao rạch đều có thể mở được một ô cửa sổ.

Cậu cắt một lối thông nhỏ trước, không lớn hơn bàn tay, và nhìn qua. Chẳng có gì ngoài bóng tối ở phía bên kia: cậu không thể nhìn ra nổi mình đang ở đâu. Cậu đóng nó lại, quay chín mươi độ rồi mở một

cái khác. Lần này cậu thấy vài vóc ở trước mặt - những tấm vải nhung xanh ngọc nặng trĩu: rèm cửa phòng làm việc. Nhưng chúng ở đâu so với cái tủ? Cậu phải đóng ô cửa đó lại, quay sang hướng khác và thử lại. Thời gian đang trôi qua.

Lần thứ ba đã khá hơn: cậu có thể thấy toàn bộ phòng làm việc trong ánh sáng mờ ảo lọt qua khung cửa mở ra hành lang. Ở đó có bàn làm việc, ghế sofa, cái tủ! Cậu có thể thấy ánh sáng lóe lên yếu ớt dọc theo cạnh một cái kính hiển vi bằng đồng. Không có ai trong phòng, còn căn nhà thì lạnh như tờ. Cơ hội không thể tốt hơn được.

Cậu cẩn thận ước lượng khoảng cách, đóng cái cửa sổ đó lại, bước tới trước bốn bước, rồi lại giơ con dao lên. Nếu tính toán đúng, cậu sẽ ở vị trí chính xác để với tay qua, cắt xuyên lớp kính tủ, lấy chiếc Chân Kế ra rồi đóng cửa sổ lại phía sau mình.

Cậu cắt một ô cửa ở đúng tầm cao. Lớp kính của cửa tủ chỉ cách đó một bàn tay. Cậu rướn mặt lại gần, chăm chú nhìn hết giá này đến giá kia, từ đỉnh xuống dưới đáy.

Chiếc Chân Kế không có ở đó.

Ban đầu Will cho rằng mình chọn nhầm tủ. Có bốn cái trong phòng - cậu đã đếm và ghi nhớ vị trí của chúng vào sáng hôm đó - những cái tủ vuông vắn cao ráo làm từ gỗ sậm màu, phía trước và hai bên hông lắp kính với các giá phủ vải nhung, dùng để trưng bày những đồ vật quý giá bằng gốm, ngà voi hay vàng. Có phải chỉ đơn giản là cậu đã mở cửa sổ sang trước một cái tủ khác không? Nhưng tại giá trên cùng là thứ thiết bị đồ sộ với những cái vòng bằng đồng đó: cậu đã đặc biệt chú ý đến chi tiết đấy. Ngoài ra, trên cái giá ở giữa, nơi Ngài Charles đã đặt Chân Kế, có một khoảng trống, chính là cái tủ đó, nhưng chiếc Chân Kế thì không ở đây.

Will lùi lại một lúc và hít một hơi thật sâu.

Cậu sẽ phải bước qua hần hoi để kiểm tra xung quanh. Cứ ngẫu nhiên mở hết chỗ này đến chỗ khác sẽ tốn cả đêm mất. Cậu đóng ô cửa phía trước tủ lại, mở một cái khác để quan sát phần còn lại của căn

phòng. Sau khi đã kiểm tra cẩn thận, cậu đóng ô cửa lại rồi mở một cái lớn hơn phía sau ghế sofa, qua đó cậu có thể dễ dàng và nhanh chóng thoát ra nếu cần thiết.

Vào lúc này bàn tay cậu đang nhứt nhối dữ dội, còn lớp gạch đã lỏng rời ra. Cậu cố gắng quấn lại chắc nhất có thể rồi nhét phần đuôi vào, xong xuôi cậu liền bước qua ô cửa vào hẳn trong dinh thự của Ngài Charles rồi thu mình phía sau chiếc sofa bọc da, tay phải cầm sẵn con dao, tai căng lên lắng nghe.

Sau khi không nghe thấy gì, cậu chậm rãi đứng dậy nhìn quanh phòng. Cánh cửa thông ra hành lang đang hé mở, để lọt vào đủ ánh sáng để nhìn. Những cái tủ, giá sách, tranh ảnh đều ở đó, y hệt như buổi sáng, không hề xáo trộn.

Cậu nhẹ nhàng bước lên lớp thảm và lần lượt nhìn vào từng cái tủ. Chân Kế không có ở đó. Nó không nằm trên bàn giữa những chồng sách vở, giấy tờ xếp gọn gàng, không ở trên kệ lò sưởi giữa những tấm thiệp mời tới dự buổi khai trương này hay lễ tiếp nhận kia, cũng chẳng ở trên bậu cửa sổ bọc đệm hay trên chiếc bàn bát giác đằng sau cánh cửa.

Cậu trở lại bàn làm việc, định bụng thử các ngăn kéo, nhưng bản thân cậu cũng không trông chờ vào thành công. Đúng lúc đó, cậu lơ mơ nghe thấy tiếng bánh xe lạo xạo trên sỏi lát đường. Không gian tĩnh lặng đến nỗi cậu gần như đã cho rằng mình tưởng tượng ra, nhưng cậu vẫn đứng im lì, căng tai lên nghe ngóng. Tiếng động ngừng lại.

Rồi cậu nghe thấy tiếng cửa trước mở ra.

Lập tức, cậu quay về ghế sofa rồi cúi xuống phía sau nó, gần ô cửa sổ thông ra bãi cỏ lấp lánh ánh trăng bạc ở Cittàgazze. Vừa mới tới đó thì cậu nghe thấy có tiếng bước chân ở thế giới bên kia đang chạy rất nhẹ trên cỏ, cậu nhìn qua và thấy Lyra đang lao về phía mình. Cậu vừa kịp vẫy tay và đặt một ngón tay lên môi, cô bé liền chạy chậm lại, nhận ra rằng cậu đã biết việc Ngài Charles trở về.

“Tớ chưa lấy được,” cậu thì thầm khi cô tới gần. “Nó không có ở đó. Có lẽ hẳn ta mang nó đi cùng rồi. Tớ sẽ đi nghe ngóng xem hẳn có để nó lại không. Ở đây nhé.”

“Không! Còn tệ hơn thế cơ!” Cô bé kêu lên, gần như thật sự hoảng loạn. “*Bà ta* đang ở cùng hẳn - Phu nhân Coulter - mẹ tớ - tớ không biết làm thế nào bà ta đến được đây, nhưng nếu bị bà ta phát hiện thì tớ chết mất, Will, tớ không biết phải làm gì - mà giờ tớ đã biết *hẳn ta* là ai rồi! Tớ đã nhớ ra mình từng thấy hẳn ở đâu! Will, hẳn được gọi là Ngài Boreal! Tớ đã thấy hẳn tại tiệc cocktail của Phu nhân Coulter lúc sắp chạy trốn! Chắc hẳn hẳn cũng đã biết tớ là ai suốt thời gian qua...”

“Suýt. Đừng có ở đây nếu cậu định làm ồn.”

Cô bé kiểm chế bản thân, nuốt ực một cái thật mạnh rồi lắc đầu.

“Xin lỗi. Tớ muốn ở lại với cậu,” cô thì thầm. “Tớ muốn nghe thấy họ nói gì.”

“Giờ thì yên nào...”

Bởi vì cậu có thể nghe thấy tiếng nói trong hành lang. Hai đứa bọn chúng đang ở đủ gần để chạm được vào nhau, cậu bé trong thế giới của mình còn cô bé ở Cittagazze. Thấy lớp gạch của Will đang rời ra, Lyra gõ vào tay cậu rồi làm điệu bộ buộc nó lại. Cậu chìa tay ra cho cô làm, trong lúc đó cúi người với đầu nghiêng sang một bên, chăm chú lắng nghe.

Một luồng sáng lọt vào phòng. Cậu nghe thấy Ngài Charles nói với người hầu, cho ông ta lui, rồi bước vào phòng làm việc, đóng cửa lại.

“Ta mời em một li Tokay được chứ?” Hẳn nói.

Một giọng phụ nữ, trầm và ngọt ngào, đáp lại: “Anh thật tử tế, Carlo ạ. Đã nhiều năm rồi em chưa được nếm lại Tokay.”

“Ngồi vào chiếc ghế bên lò sưởi đi.”

Tiếng òng ọc khe khẽ của rượu được rót vang lên, tiếng leng keng của bình chạm vào viền cốc, tiếng rì rầm cảm ơn, và rồi Ngài Charles

ngồi lên ghế sofa, chỉ cách Will vài tấc.

“Vì sức khỏe của em, Marisa,” hắn nói rồi nhấp rượu. “Giờ thì nói cho ta nghe em muốn gì đi.”

“Em muốn biết anh lấy được chiếc Chân Kế ở đâu.”

“Vì sao?”

“Vì Lyra giữ nó, mà em thì muốn tìm con bé.”

“Ta chẳng thể tưởng tượng nổi sao em lại muốn vậy. Nó chỉ là một con nhóc đáng ghê tởm.”

“Em phải nhắc anh rằng nó là con gái em.”

“Vậy thì nó càng đáng ghê tởm hơn, vì nó chắc chắn đã cố tình cưỡng lại uy quyền đầy quyến rũ của em. Không ai có thể làm việc đó một cách ngẫu nhiên cả.”

“Con bé đang ở đâu?”

“Ta sẽ nói, ta hứa đấy. Nhưng em phải cho ta biết một việc trước đã.”

“Nếu em có thể,” bà ta nói bằng một giọng khác, khiến Will nghĩ rằng đó có thể là một lời cảnh cáo. Giọng nói của bà ta đầy ma lực: êm ái, dịu ngọt, du dương, lại trẻ trung nữa. Cậu bé khao khát được biết bà ta trông như thế nào, vì Lyra chưa từng mô tả bà, và khuôn mặt đi cùng với giọng nói này hẳn phải đẹp xuất sắc. “Anh muốn biết điều gì?”

“Asriel đang mưu tính gì vậy?”

Một sự im lặng bao trùm, như thể người đàn bà đang tính toán xem nên nói điều gì. Will ngoái lại nhìn Lyra qua ô cửa, ánh trăng đang chiếu rọi gương mặt cô, mắt mở to vì sợ hãi, môi bặm chặt để giữ yên lặng, còn tai cũng căng lên để nghe giống như cậu.

Cuối cùng Phu nhân Coulter nói: “Được rồi, em sẽ nói cho anh biết. Ngài Asriel đang tập hợp một đội quân với mục đích hoàn thành cuộc chiến trên thiên đường cách đây hàng niên kỉ.”

“Cổ xưa quá. Nhưng, dường như ông ta sở hữu một vài quyền lực rất hiện đại. Ông ta đã làm gì với cực từ vậy?”

“Ông ấy đã tìm ra cách phá vỡ rào cản giữa thế giới của chúng ta và các thế giới khác. Điều này đã gây ra những xáo trộn sâu sắc với từ trường trái đất, và hẳn nó cũng làm chấn động đến thế giới này... Nhưng làm cách nào anh biết được về chuyện đó? Carlo, em nghĩ anh nên trả lời một vài câu hỏi của em. Thế giới này là gì vậy? Và anh đã đưa em tới đây bằng cách nào?”

“Nó chỉ là một trong số hàng triệu thế giới. Giữa chúng có những lối thông, nhưng không dễ để tìm được. Ta biết khoảng hơn chục cái, nhưng những nơi mà chúng nối tới đã bị dịch chuyển, nguyên nhân chắc hẳn là từ những việc mà Asriel đã làm. Có vẻ như bây giờ chúng ta có thể đi thẳng từ thế giới này sang thế giới của chúng ta, có lẽ tới cả nhiều thế giới khác nữa. Trước đây có một thế giới đóng vai trò như một giao lộ, và tất cả các cánh cửa đều thông tới đó. Vậy nên em có thể hiểu được hôm nay sau khi đi qua lối thông, ta đã ngạc nhiên thế nào khi thấy em, và ta vui mừng ra sao khi có thể đưa em tới thẳng đây mà không phải liều mạng đi qua Cittàgazze.”

“Cittàgazze? Đó là cái gì vậy?”

“Một giao điểm. Một thế giới khiến ta rất hứng thú, Marisa yêu quý ạ. Nhưng lúc này thì nó lại quá nguy hiểm để chúng ta có thể ghé qua.”

“Tại sao nó lại nguy hiểm?”

“Nguy hiểm đối với người lớn. Trẻ con có thể tới đó thoải mái.”

“Sao cơ? Em cần phải biết về điều này, Carlo ạ,” người phụ nữ thốt lên, qua đó Will có thể thấy được sự nôn nóng tột độ của bà ta. “Sự khác biệt này giữa trẻ con và người lớn chính là căn nguyên của vạn vật! Nó bao hàm toàn bộ sự bí ẩn về Bụi! Đó là lí do em chắc chắn phải tìm ra con bé. Đám phù thủy có một cái tên cho nó - em đã gần như moi được, chỉ một chút nữa thôi, từ chính một phù thủy, nhưng ả ta chết quá nhanh. Em phải tìm đứa trẻ. Nó biết câu trả lời bằng cách nào đó, và em *phải* có được nó...”

“Em sẽ làm được thôi. Thiết bị này sẽ đem con bé đến với ta - không phải lo. Một khi con bé đã đưa cho ta cái mà ta muốn, em có thể có nó. Nhưng hãy kể cho ta nghe về vệ sĩ khác thường của em đi, Marisa. Ta chưa từng thấy những chiến binh nào như thế. Họ là ai vậy?”

“Người, chỉ vậy thôi. Nhưng... họ đã bị phẫu thuật cắt đứt. Họ không có linh thú, nên cũng không có nỗi sợ, trí tưởng tượng hay ý muốn độc lập, họ sẽ chiến đấu cho tới khi bị xé xác tan tành.”

“Không có linh thú... Chà, thú vị thật. Không biết liệu ta có nên gợi ý một thí nghiệm nho nhỏ nếu em có thể dành ra một trong số họ? Ta muốn xem liệu lũ Quỷ hút hồn có hứng thú với họ không. Nếu không, chúng ta có lẽ cuối cùng cũng có thể đi lại được trong Cittagazze.”

“Quỷ hút hồn à? Chúng là gì vậy?”

“Ta sẽ giải thích sau, em yêu. Chúng là lí do khiến người lớn không thể vào thế giới đó. Bụi - trẻ con - Quỷ hút hồn - linh thú - phẫu thuật cắt đứt... Phải, có thể có hiệu quả đấy. Em dùng thêm chút rượu nhé.”

“Em muốn biết *mọi thứ*,” bà nói trên nền tiếng rượu đang được rót ra. “Và em yêu cầu anh giữ lời hứa. Giờ thì cho em biết: anh đang làm gì ở thế giới này? Đây có phải nơi anh đến khi mọi người nghĩ rằng anh đang ở Brasil hay Đông Ấn không?”

“Ta tìm được đường tới đây từ rất lâu về trước. Nó là một bí mật quá tuyệt vời để có thể bật mí, kể cả với em, Marisa ạ. Như em có thể thấy, ta sống rất thoải mái ở đây. Là một phần của Hội đồng Bang tại nhà đã giúp ta dễ dàng thấy được ở đây quyền lực nằm ở chỗ nào.

“Trên thực tế, ta đã trở thành một gián điệp, nhưng ta chưa bao giờ nói toàn bộ những điều mình biết cho các ông chủ. Ngành an ninh của thế giới này đã bị náo động trong nhiều năm bởi Liên bang Xô Viết - chúng ta biết tới nó dưới tên Muscovy. Mặc dù mỗi đe dọa đã lùi dần,

vẫn có những trạm nghe trộm và máy móc được chế tạo theo hướng đó, và ta vẫn giữ liên lạc với những người đang hoạt động tình báo.

“Rồi gần đây ta nghe được về sự xáo trộn sâu sắc trong từ trường trái đất. Hệ thống an ninh đã được báo động. Tất cả các quốc gia nghiên cứu vật lí cơ bản - cái mà chúng ta gọi là thần học thực nghiệm - đang thúc giục các nhà khoa học của mình tìm hiểu chuyện đang diễn ra. Vì họ biết rằng có *chuyện gì đó* đang xảy ra, và nghi ngờ rằng nó có dính dáng đến những thế giới khác.

“Thật ra họ cũng nắm được một chút manh mối trong việc này. Người ta đang nghiên cứu về Bụi.Ồ, phải, ở đây người ta cũng biết về nó. Có một đội ở chính thành phố này đang tìm hiểu nó. Thêm nữa: có một người đàn ông đã biến mất vào mười hay mười hai năm trước trên phía bắc, lực lượng an ninh cho rằng ông ta sở hữu thứ kiến thức mà họ khao khát có được - cụ thể là vị trí của cánh cửa nối giữa các thế giới, như cái em đã đi qua vào ngày hôm nay. Cánh cửa ông ta tìm thấy là cái duy nhất người ta biết tới: em có thể hình dung là ta chưa nói với họ những điều mình biết. Khi sự xáo trộn mới này bắt đầu, họ liền lên đường tìm kiếm người đàn ông kia.

“Và lẽ dĩ nhiên, Marisa ạ, bản thân ta cũng rất tò mò. Ta rất thiết tha được mở rộng kiến thức.”

Will ngồi im như tượng, tim cậu nện mạnh đến mức cậu lo hai người lớn có thể nghe thấy. Ngài Charles đang nói tới chính bố của cậu! Hóa ra đó là chân tướng của những gã đàn ông kia và điều chúng đang tìm kiếm!

Nhưng suốt cả thời gian đó, cậu ý thức được về một thứ khác cũng đang ở trong phòng bên cạnh tiếng nói của Ngài Charles và người phụ nữ. Có một cái bóng đang di chuyển ngang qua sàn nhà, hay là một phần của nó mà cậu có thể thấy phía sau một đầu của ghế sofa và qua những cái chân của chiếc bàn bát giác nhỏ. Nhưng cả Ngài Charles lẫn người phụ nữ đều không hề di chuyển. Cái bóng đang lao đi vờn khắp nơi, khiến Will lo lắng không yên. Ánh sáng duy nhất trong phòng

tới từ một cây đèn tiêu chuẩn bên cạnh lò sưởi, nhờ vậy cái bóng hiện lên rất rõ, nhưng nó không chịu dừng lại đủ lâu để Will đoán ra được nó là gì.

Rồi hai việc xảy đến. Đầu tiên, Ngài Charles nhắc tới chiếc Chân Kế.

“Lấy ví dụ,” hắn nói tiếp câu chuyện đang dang dở, “ta rất tò mò về thiết bị này. Chắc là em có thể cho ta biết nó hoạt động như thế nào.”

Nói rồi hắn đặt Chân Kế lên chiếc bàn bát giác ở một đầu sofa. Will có thể thấy cái máy rất rõ; cậu gần như có thể với tới được nó.

Việc thứ hai xảy ra là cái bóng trở nên bất động. Sinh vật tạo ra cái bóng hắn đã đậu lên lưng ghế của Phu nhân Coulter, vì ánh sáng chiếu lên nó hắt một cái bóng rõ rệt lên tường. Vào thời điểm sinh vật ấy dừng lại, cậu nhận ra đó là linh thú của người phụ nữ: một con khỉ đang khom người, đầu quay hết bên này đến bên kia, tìm kiếm thứ gì đó.

Will nghe thấy một tiếng hít mạnh từ Lyra đang ở phía sau cậu khi cô bé cũng nhìn thấy nó. Cậu khẽ khàng quay lại và thì thầm:

“Quay lại ô cửa kia rồi đi qua đó vào vườn của hắn. Kiểm lấy vài hòn đá ném lên phòng làm việc để họ quay đi một lúc, như thế tớ có thể lấy được Chân Kế. Rồi chạy trở về ô cửa đó đợi tớ.”

Cô bé gật đầu rồi quay người chạy thật khẽ trên bãi cỏ. Will quay lại.

Người phụ nữ đang nói: “... Hiệu trưởng Học viện Jordan là một ông già lắm cẩm. Em không thể hiểu tại sao ông ta lại đưa cái máy cho con bé; người ta cần vài năm nghiên cứu chuyên sâu mới có thể hiểu được chút ít về nó. Mà anh vẫn còn nợ em vài thông tin đấy, Carlo. Làm sao anh tìm được nó? Và đứa trẻ đang ở đâu?”

“Ta thấy con bé dùng cái máy trong một bảo tàng của thành phố. Ta nhận ra nó, đương nhiên rồi, sau khi đã thấy nó ở tiệc cocktail của em hồi đó, và nhận ra rằng chắc hẳn con bé đã tìm thấy một cánh cửa. Rồi ta cũng nhận thấy mình có thể lợi dụng nó cho mục đích riêng của

bản thân. Vì vậy khi bắt gặp con bé lần thứ hai, ta đã đánh cắp cái máy.”

“Anh thật là thẳng thắn quá.”

“Khỏi cần phải làm bộ làm tịch; hai ta đều là người trưởng thành rồi.”

“Vậy giờ nó đang ở đâu? Nó đã làm gì khi phát hiện ra cái máy biến mất?”

“Nó đến tìm ta, quả là táo gan.”

“Gan thì nó không có thiếu đâu. Vậy anh định làm gì với cái máy? Mục đích đó của anh là gì?”

“Ta nói với con bé rằng nó có thể nhận lại cái máy, nếu nó lấy một thứ cho ta - một thứ mà tự ta thì không thể lấy được.”

“Đó là gì vậy?”

“Ta không biết liệu em...”

Đúng lúc đó thì hòn đá đầu tiên đập vào cửa sổ phòng làm việc.

Tiếng kính vỡ loảng xoảng vang lên đầy thỏa mãn. Không chậm trễ một giây, cái bóng con khỉ nhảy ra khỏi lưng ghế trong lúc hai người lớn đang há hốc mồm kinh ngạc. Một tiếng xoảng khác vang lên, rồi một tiếng nữa, Will cảm thấy cái ghế sofa bị dịch chuyển khi Ngài Charles đứng dậy.

Will nhoài người tới chộp lấy Chân Kế khỏi chiếc bàn nhỏ, nhét nó vào túi rồi lao qua ô cửa sổ. Ngay khi đặt chân lên nền cỏ ở Cittagazze, cậu lần rờ trong không khí tìm những gờ mép lẩn quất, bình tâm lại, chậm rãi hít thở, luôn luôn ý thức được rằng nguy hiểm chết người chỉ đang ở cách đó vài mét.

Đột nhiên có tiếng rít lên, không phải của con người cũng chẳng phải loài vật, mà còn kinh khủng hơn cả hai, cậu liền biết rằng đó chính là con khỉ đáng ghê tởm. Vào lúc đó cậu đã đóng được gần kín ô cửa, nhưng vẫn còn một khe hở nhỏ ở ngang ngực - rồi cậu bật ngược trở lại, vì qua khe hở đó, một bàn tay nhỏ lún phún lông vàng với những

cái móng đen xì đang thò ra, rồi tới một gương mặt: một gương mặt của ác mộng. Bộ răng của con khi vàng đang nhe ra, mắt lóe lên hăn học, từ nó tỏa ra luồng ác tâm nồng nặc khiến Will cảm thấy nó gần như một lưỡi mác nhọn hoắt.

Chỉ một giây nữa thôi là con khi có thể lọt qua, và thế là hết; nhưng Will vẫn đang cầm con dao, cậu lập tức giơ nó lên rồi chém trái phải, ngang mặt con khi - hoặc nơi đã từng là mặt nó nếu con khi không thụt lại kịp thời. Nhờ vậy Will đã có thời gian cần thiết để giữ lấy mép ô cửa và ép nó đóng lại.

Thế giới của bản thân đã tan biến, cậu đứng đó đơn độc trong khu công viên sáng ánh trắng của Cittagazze, thở dốc, run rẩy và sợ hãi đến hồn bay phách lạc.

Nhưng giờ cậu cần phải cứu Lyra. Cậu chạy trở lại ô cửa đầu tiên, cái mà cậu đã mở sang đám cây bụi, rồi nhìn xung quanh. Những cái lá tối thẫm của nguyệt quế và nhựa ruồi chắn ngang tầm nhìn, cậu phải với qua và gạt chúng sang một bên để nhìn được rõ hông nhà, với khung cửa sổ vỡ vụn của phòng làm việc hiện lên sắc nét dưới ánh trắng.

Đúng lúc đó, cậu thấy con khi nhảy vòng qua góc của dinh thự, lao vút đi trên nền cỏ với tốc độ của loài mèo, rồi cậu thấy Ngài Charles và người phụ nữ đang bám sát phía sau. Ngài Charles mang theo một khẩu súng lục. Còn người phụ nữ thì hiện lên thật xinh đẹp - Will choáng váng khi nhìn thấy điều đó - yêu kiều dưới ánh trắng, đôi mắt sẫm màu tuyệt đẹp của bà mở to đầy mê đắm, dáng người mảnh khảnh, nhẹ nhàng và thanh nhã; nhưng bà ta vừa búng ngón tay thì con khi lập tức dừng lại và nhảy vào vòng tay bà, và cậu thấy được rằng người đàn bà có gương mặt ngọt ngào và con khi xấu xa là một thể thống nhất.

Nhưng Lyra biến đâu mất rồi?

Hai người lớn đang nhìn quanh. Người phụ nữ đặt con khi xuống và nó bắt đầu quay hương này liếc hương kia trên bãi cỏ như thể đang

đánh hơi hay tìm dấu chân vậy. Sự tĩnh mịch bao trùm lấy tứ phía. Nếu Lyra đang ở trong đám cây bụi, cô sẽ không thể di chuyển mà không gây ra tiếng động khiến mình bị bại lộ ngay lập tức.

Ngài Charles điều chỉnh gì đó trên khẩu súng của mình với một tiếng cách rất khẽ: chốt an toàn. Hắn ta nhòm vào bụi cây, dường như đang nhìn thẳng vào Will, nhưng rồi ánh mắt hắn lại lướt qua cậu.

Rồi cả hai người lớn quay sang bên trái nhìn, vì con khỉ đã nghe thấy tiếng gì đó. Trong một tích tắc, nó nhảy bổ về phía Lyra hắn đang trốn, chẳng bao lâu nữa nó sẽ tìm ra cô bé mất thôi...

Nhưng đúng lúc đó con mèo mướp lao ra khỏi bụi rậm và đáp lên cỏ, nó rít lên cảnh cáo.

Con khỉ nghe thấy, vặn người trong không trung như đang bị bắt ngờ; dù nó chẳng thể kinh ngạc được bằng chính bản thân Will. Con khỉ đáp xuống, đối diện với con mèo, còn con mèo cong lưng, đuôi giương cao, nó đứng lệch sang một bên, vừa rít lên thách thức vừa phun phì phì.

Con khỉ liền nhảy vào nó. Con mèo chồm lên, vụt trái vụt phải bằng đôi chân xòe móng nhanh tới mức không thể quan sát nổi, và rồi Lyra đã ở bên cạnh Will, đổ nhào qua ô cửa cùng với Pantalaimon bên cạnh. Con mèo rít lên, rồi đến lượt con khỉ cũng rống lên khi bộ móng của con mèo cào lên mặt nó; nó quay đầu rồi nhảy vào vòng tay Phu nhân Coulter, con mèo liền lao biến đi vào đám cây bụi trong thế giới của bản thân và mất tăm.

Lúc đó Will và Lyra đã lọt qua ô cửa. Không chậm trễ, Will lần tìm các mép gần như vô hình trong không khí và nhanh chóng ép chúng lại với nhau, khép cái cửa lại dọc theo chiều dài của nó trong lúc tiếng bước chân giẫm đạp lên những cành cây gãy răng rắc lọt qua khe hở đang thu nhỏ dần.

Cái lỗ khép lại chỉ còn bằng cỡ bàn tay Will, rồi nó được đóng kín, và cả thế giới lại chìm trong im lặng. Cậu bé sụp xuống đầu gối trên nền cỏ ẩm sương rồi dò dẫm tìm chiếc Chân Kế.

“Đây,” cậu nói với Lyra.

Cô bé nhận lấy cái máy. Với bàn tay run rẩy, cậu đẩy con dao vào lại trong bao. Rồi cậu nằm xuống, tứ chi run lẩy bẩy, mắt nhắm lại, cảm nhận ánh trăng đang tưới tắm mình trong ánh sáng bạc của nó, và thấy Lyra đang tháo băng trên tay mình ra rồi buộc nó lại bằng những động tác nhẹ nhàng, khéo léo.

“Ôi, Will,” cậu nghe thấy cô thốt lên, “cảm ơn vì những gì cậu đã làm, vì tất cả những điều đó...”

“Hi vọng con mèo vẫn ổn,” cậu lầm bầm. “Nó giống như Moxie của tớ vậy. Chắc giờ nó đã về nhà rồi. Trở lại thế giới của chính nó. Giờ nó sẽ ổn thôi.”

“Cậu biết tớ nghĩ gì không? Trong một giây tớ đã nghĩ rằng nó là linh thú của cậu. Xét cho cùng thì nó cũng đã làm được việc mà một con linh thú giỏi giang sẽ làm. Chúng ta cứu nó, rồi nó lại cứu sống chúng ta. Đi nào, Will, đừng nằm trên cỏ, ướt lấm. Cậu phải nằm lên một cái giường hăn hoi nếu không sẽ bị ốm mất. Chúng ta sẽ vào căn nhà lớn ở phía kia. Chắc chắn sẽ có giường, đồ ăn và nhiều thứ khác. Đi nào, tớ sẽ thay băng mới cho cậu, tớ sẽ đặt cà phê lên đun, tớ sẽ làm trứng tráng, bất cứ việc gì cậu muốn, rồi chúng ta sẽ ngủ... Bây giờ khi đã có lại Chân Kế, chúng ta sẽ được an toàn, rồi cậu sẽ thấy. Từ giờ tớ sẽ không làm bất cứ gì khác ngoài giúp cậu tìm lại bố mình, hứa đấy...”

Cô bé đỡ cậu dậy, rồi chúng chậm rãi bước qua khu vườn về phía căn nhà đồ sộ màu trắng lấp lánh dưới ánh trăng.

10

Pháp sư

Lee Scoresby tập vào một bến cảng ở cửa sông Yenisei và thấy nơi này thật hỗn loạn, ngư dân đang cố gắng bán những mẻ cá nghèo nàn không rõ chủng loại cho các nhà máy đóng lon, chủ tàu thì giận dữ với các khoản phí sử dụng cảng mà những nhà chức trách đã tăng lên để đối phó với lũ lụt, thợ săn và người đánh bắt thú lấy lông vật vờ dạt vào thị trấn, không làm việc được vì rừng đang tan băng nhanh chóng và hành vi rối loạn của lũ động vật.

Sẽ rất khó để tiến vào trong đất liền dọc theo đường cái, đó là điều chắc chắn; vì bình thường con đường vốn là một lối đi thông thoáng từ đất đóng băng, nhưng giờ ngay cả lớp băng vĩnh cửu cũng đang tan ra, khiến cho bề mặt trở thành một bãi lầy của bùn bị cày xéo.

Vì vậy Lee gửi khí cầu và đạo cụ của mình vào trong kho rồi dùng khoản tiền đang vơi dần để thuê một con thuyền chạy động cơ gas, mua vài két nhiên liệu và chút đồ dự trữ, rồi khởi hành ngược lên con sông đang phình to.

Ban đầu ông tiến rất chậm. Không những dòng chảy siết, mà mặt nước còn lênh phềnh đủ loại mảnh vụn: thân cây, cành khô, động vật chết trôi, có lần còn có cả xác đàn ông trương phềnh. Ông phải lái rất cẩn thận và giữ cho cái động cơ nhỏ xíu chạy đủ mạnh để có thể tiến lên.

Ông đang hướng tới ngôi làng bộ tộc của Grumman. Người dẫn đường duy nhất của ông là kí ức đã bay qua đất nước này cách đây vài năm, nhưng kí ức đó vẫn còn rất rõ ràng nên ông không gặp nhiều khó khăn trong việc tìm ra lộ trình đúng giữa những dòng nước chảy siết, dù cho vài bờ sông đã biến mất dưới dòng nước lũ màu nâu sữa. Nhiệt độ đã làm náo động lũ côn trùng, một đám mây muỗi vẫn khiến mọi đường nét trở nên mờ mịt. Lee bôi thuốc mỡ từ cà độc dược lên mặt và tay rồi hút một loạt xì gà cay để ngăn những thứ tồi tệ nhất xảy đến với mình.

Còn về Hester, nó đang lằm lì ngồi trên mũi thuyền, hai tai ép vào tấm lưng gầy gò, đôi mắt lim dim. Ông đã quen với sự im lìm của con linh thú, và nó đối với ông cũng vậy. Họ chỉ nói chuyện khi nào cần thiết.

Vào buổi sáng ngày thứ ba, Lee lái chiếc thuyền nhỏ lên con lạch thông ra dòng chảy chính, chảy xuống từ một dãy đồi thấp đáng ra phải đang nằm sâu dưới tuyết, nhưng giờ lại loang lổ đất nâu. Chẳng bao lâu sau, dòng nước đã chảy giữa những cây thông lùn và cây vân sam, rồi sau vài dặm họ tới một tảng đá tròn lớn cao cỡ một căn nhà, nơi Lee tấp vào bờ rồi neo thuyền lại.

“Chỗ này đã từng có một cầu cảng,” ông nói với Hester. “Nhớ ông thợ săn hải cẩu già ở Nova Zembla đã nói với chúng ta về nó không? Giờ nó hẳn đã bị chìm dưới nước vài mét rồi.”

“Nếu vậy tôi hi vọng người ta đủ sáng suốt để xây làng trên cao,” Hester nói trong lúc nhảy lên bờ.

Không quá nửa giờ sau, ông đã đặt túi đồ của mình xuống bên cạnh căn nhà gỗ của trưởng làng và quay ra chào đám đông nhỏ vừa tụ tập lại. Ông sử dụng điệu bộ phổ biến trên phía bắc để biểu thị tình hữu nghị rồi đặt khẩu súng trường xuống dưới chân.

Một người Tartar Siberia già với đôi mắt gần như bị che lấp bởi các nếp nhăn quanh đó cũng đặt cây cung của mình xuống bên cạnh

khẩu súng. Con linh thú chồn gulo của ông giật giật cái mũi hít người Hester, nó liền vẩy một bên tai để đáp lại. Sau đó trưởng làng cất tiếng.

Lee trả lời, rồi họ rà qua nửa tá ngôn ngữ trước khi tìm ra tiếng nói chung có thể giúp họ giao tiếp.

“Tôi xin thể hiện lòng tôn trọng đối với ngài và bộ tộc của ngài,” Lee nói. “Tôi có chút cần sa, chẳng đáng gì, nhưng tôi sẽ rất vinh dự được gửi tặng ngài.”

Trưởng làng gật đầu cảm tạ, và một trong những người vợ của ông nhận lấy cái gói Lee lấy ra từ túi đồ của mình.

“Tôi đang tìm kiếm một người đàn ông tên Grumman,” Lee nói. “Tôi nghe kể rằng ông ta đã được thu nhận làm một người bà con của các vị. Có thể ông ta đã có một cái tên khác, nhưng người đàn ông này là dân Âu châu.”

“À,” trưởng làng thốt lên, “chúng tôi đang chờ ông tới.”

Những người dân làng còn lại, tập trung trong ánh nắng mỏng manh đang bốc hơi trên nền đất lầy bùn ở giữa những căn nhà, dù chẳng hiểu nổi một chữ nào nhưng họ cũng thấy được niềm vui của trưởng làng. Niềm vui, và sự nhẹ nhõm, Lee nhận thấy Hester đang nghĩ vậy.

Trưởng làng gật đầu vài lần.

“Chúng tôi vẫn đang mong ông,” ông ta nhắc lại. “Ông tới để đưa Tiến sĩ Grumman sang thế giới khác.”

Lee nhướn mày, nhưng ông chỉ nói: “Đúng như ngài nói. Ông ta có ở đây không?”

“Đi theo tôi,” trưởng làng đáp.

Các dân làng khác kính cẩn dạt sang một bên. Hiểu được sự căm ghét của Hester đối với thứ bùn dơ dáy mà nó phải nhảy qua, Lee bồng con thỏ lên tay rồi đeo túi lên vai, tiếp bước trưởng làng dọc theo một lối mòn trong rừng tới căn nhà lán cách làng mười tầm tên bắn dài, tại một khoảng trống trong rừng thông rụng lá.

Trưởng làng dừng lại bên ngoài căn nhà lán khung gỗ và phủ da. Nơi này được trang hoàng bằng ngà lợn rừng, gạc nai sừng tấm và tuần lộc, nhưng chúng không chỉ đơn thuần là những chiến tích săn bắn, vì chúng được treo cùng với hoa khô và những cành thông nhỏ được bện kĩ càng, như để phục vụ một mục đích nghi lễ nào đó.

“Ông phải nói chuyện với ông ấy bằng sự kính trọng,” vị trưởng làng lặng lẽ nói. “Ông ấy là một pháp sư. Trái tim ông đang không khỏe.”

Đột nhiên Lee cảm nhận một cơn ớn lạnh chạy dọc sống lưng, Hester cứng người trên tay ông, vì họ đã thấy rằng suốt thời gian qua họ vẫn luôn bị theo dõi. Từ giữa đám hoa khô và những cành thông, một tròng mắt vàng sáng nhòe ra. Đó là một con linh thú. Trong lúc Lee quan sát, con linh thú quay đầu rồi nhẹ nhàng kẹp lấy một cành thông trong cái mỏ khỏe khoắn của mình rồi kéo nó ngang qua không trung như một tấm rèm.

Trưởng làng cất tiếng bằng ngôn ngữ mẹ đẻ, gọi người đàn ông bằng cái tên mà người thợ săn hải cẩu già đã nói với ông: Jopari. Một lúc sau cánh cửa mở ra.

Đứng trong khung cửa, hốc hác, mắt sáng rực, là một người đàn ông mặc đồ da và lông. Mái tóc đen của ông lốm đốm bạc, bộ hàm chìa ra rõ rệt, con linh thú chim ưng biến ngôi trên nắm tay ông quắc mắt nhìn.

Trưởng làng cúi chào ba lần rồi rút lui, để lại Lee một mình với vị pháp sư học giả mà ông tới tìm.

“Tiến sĩ Grumman,” ông lên tiếng. “Tên tôi là Lee Scoresby. Tôi đến từ Texas, nghề nghiệp của tôi là phi công khí cầu. Nếu ông cho phép tôi ngồi nói chuyện một lúc, tôi sẽ kể cho ông điều gì đã đưa tôi đến đây. Tôi nói đúng có phải không? Ông *chính là* Tiến sĩ Stanislaus Grumman, thuộc Viện hàn lâm Berlin?”

“Phải,” vị pháp sư đáp. “Còn ông nói ông tới từ Texas sao. Gió đã cuốn ông đi xa khỏi quê hương của mình, ông Scoresby ạ.”

“Vâng, hiện giờ có những làn gió kì lạ đang thổi qua thế giới.”

“Quả vậy. Tôi nghĩ ánh mặt trời khá là ấm áp. Ông sẽ tìm thấy một cái trường kỉ trong căn lán của tôi. Nếu ông mang nó ra đây giúp tôi, chúng ta có thể ngồi dưới thứ ánh sáng dễ chịu này và trao đổi tại đây. Tôi có chút cà phê, nếu ông sẵn lòng thưởng thức cùng.”

“Ông thật tử tế,” Lee nói rồi tự mình bê chiếc trường kỉ bằng gỗ ra trong khi Grumman tới bên bếp lò để rót thứ đồ uống nóng bỏng vào hai cái cốc thiếc. Như đôi tai của Lee cảm nhận thì âm giọng của ông ta không phải của người Đức, mà là của người Anh, thuộc nước Anh. Vị giám đốc của Đài quan sát đã đúng.

Khi cả hai đã ngồi xuống, Hester nằm bên cạnh Lee bình thản khép mắt lại, còn con linh thú chim ưng biển vĩ đại thì nhìn chăm chăm vào mặt trời chói sáng, Lee bắt đầu. Ông khởi đầu bằng cuộc gặp gỡ của mình tại Trollesund với John Faa, vua của những người du mục, rồi kể về việc họ đã chiêu mộ con gấu Iorek Byrnison, di chuyển tới Bolvangar để cứu thoát Lyra và những đứa trẻ khác như thế nào; rồi ông nói về những điều mình đã học được từ cả Lyra và Serafina Pekkala khi họ đang bay trong khí cầu về phía Svalbard.

“Ông thấy đấy, Tiến sĩ Grumman, từ cái cách mà cô bé đó miêu tả, tôi thấy dường như Ngài Asriel chỉ cần khua khua cái đầu bị chặt đóng trong băng vào các học giả ở đó là họ đã sợ chết khiếp đến mức không buồn nhìn kĩ. Đó là điều đã khiến tôi nghi ngờ rằng ông có thể vẫn còn sống. Và rõ ràng là, thưa ông, ông sở hữu một kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực này. Tôi đã nghe nói tới ông suốt dọc bờ biển Cực Bắc, về việc ông đã để người ta đục sọ như thế nào, về chủ đề nghiên cứu của ông dường như biến đổi giữa đào bới đáy biển sang quan sát ánh sáng phương bắc ra sao, về việc ông đã đột ngột xuất hiện như thể chui ra từ trong không khí cách đây khoảng mười, mười hai năm về trước, và tất cả những chuyện đó đều cực kì thú vị. Nhưng có thứ gì đó đã lôi kéo tôi tới đây, Tiến sĩ Grumman ạ, vượt qua cả sự tò mò đơn thuần. Tôi quan tâm đến đứa trẻ. Tôi cho rằng cô bé có vai trò quan trọng, các phù

thủy cũng nghĩ vậy. Nếu có bất cứ điều gì ông biết về cô bé và về những chuyện đang diễn ra, tôi rất mong ông sẽ kể cho tôi. Như tôi đã nói, có điều gì đó đã khiến tôi tin chắc rằng ông có thể, vậy nên tôi mới tới đây.

“Nhưng trừ khi tôi nghe nhầm, thưa ông, tôi đã nghe trưởng làng nói rằng tôi tới để đưa ông sang một thế giới khác. Liệu có phải tôi nghe nhầm không, hay đó thực sự là điều ông ta đã nói? Và thêm một câu hỏi nữa, thưa ông; cái tên mà ông ta gọi ông là gì vậy? Đó có phải một kiểu tên bộ tộc, một danh hiệu pháp sư nào đó không?”

Grumman khẽ mỉm cười rồi nói: “Cái tên ông ấy dùng là tên thật của tôi, John Parry. Phải, ông đã tới để đưa tôi đến thế giới khác. Còn về điều đã đưa ông tới đây, tôi nghĩ ông sẽ thấy rằng nó là thứ này.”

Nói rồi ông xòe lòng bàn tay ra. Trong đó là một thứ Lee có thể nhìn thấy nhưng không thể hiểu nổi. Ông thấy một cái nhẫn bằng bạc và ngọc lam, một thiết kế của Navajo, ông thấy nó rất rõ và nhận ra nó chính là của mẹ mình, ông biết sức nặng của nó, sự mịn màng của lớp đá, cái cách mà người thợ kim hoàn đã gập lớp kim loại vào sát ở góc nơi hòn đá được cắt ra, ông cũng biết cái góc bị cắt đó đã trở nên nhẫn mịn vì ông đã miết những ngón tay mình lên đó rất rất nhiều lần, trong nhiều năm, từ rất lâu về trước khi ông còn là một đứa trẻ ở vùng đất tràn ngập ngải trắng tại quê hương mình.

Ông thấy mình đứng lên. Hester đang run rẩy, đứng thẳng dậy, tai vểnh lên. Con chim ưng biển đã lao vào giữa Lee và Grumman mà Lee không hề nhận thấy, để bảo vệ chủ nhân của mình, nhưng Lee không định tấn công; ông cảm thấy cõi lòng tan nát; ông thấy mình lại như một đứa trẻ, giọng ông nghẹt lại và lấy bối khi ông nói:

“Ông lấy vật đó ở đâu vậy?”

“Cầm lấy đi,” Grumman, hay là Parry, đáp. “Nhiệm vụ của nó đã hoàn thành rồi. Nó đã triệu ông tới. Giờ tôi không cần nó nữa.”

“Nhưng làm thế nào...” Lee nói, nhắc cái vật thân thương đó lên khỏi lòng bàn tay của Grumman. “Tôi không hiểu làm thế nào ông lại

có thể - có phải ông - ông lấy cái này như thế nào? Tôi đã không thấy nó phải đến bốn mươi năm rồi.”

“Tôi là một pháp sư. Tôi có thể thực hiện nhiều việc mà ông không hiểu nổi. Ngồi xuống đi, ông Scoresby. Bình tĩnh lại. Tôi sẽ kể cho ông những điều ông cần biết.”

Lee ngồi xuống trở lại, ông cầm chiếc nhẫn, không ngừng miết những ngón tay của mình lên đó.

“Chà,” ông thốt lên, “cả người tôi đang run đây, thưa ông. Tôi nghĩ mình cần phải nghe những gì ông có thể kể.”

“Tôi hiểu rồi,” Grumman nói, “tôi sẽ bắt đầu. Như đã nói với ông, tên tôi là Parry, và tôi không sinh ra ở thế giới này. Ngài Asriel hoàn toàn không phải là người đầu tiên du hành giữa các thế giới, mặc dù ông ta là người đầu tiên mở đường một cách ngoạn mục đến vậy. Ở thế giới của mình, tôi là một người lính, rồi sau đó là một nhà thám hiểm. Mười hai năm trước tôi đang đi cùng một đoàn thám hiểm tới một nơi trong thế giới của tôi tương ứng với Beringland của ông. Những người đồng hành của tôi có mục đích khác, nhưng tôi muốn tìm một thứ mình biết tới từ những huyền thoại cổ xưa: một khe nứt trong kết cấu của thế giới, một cái lỗ xuất hiện giữa vũ trụ của chúng tôi và một vũ trụ khác. Một vài người đồng hành của tôi bị mất tích. Trong lúc tìm kiếm họ, tôi và hai người khác đã bước qua cái lỗ, một cánh cửa nọ, mà thậm chí còn không nhìn thấy nó, và hoàn toàn rời khỏi thế giới của mình. Ban đầu chúng tôi không nhận thấy điều gì đã xảy ra. Chúng tôi cứ đi tiếp cho tới khi tìm thấy một thị trấn, lúc đó mọi chuyện mới rõ ràng: chúng tôi đang ở trong một thế giới khác biệt.

“Sau đó, dù có cố gắng thế nào, chúng tôi cũng không thể tìm lại được cánh cửa ban đầu nữa. Chúng tôi đi qua đó trong một trận bão tuyết, là một người dày dặn kinh nghiệm ở Bắc Cực, chắc hẳn ông hiểu điều đó có nghĩa là gì.

“Vì vậy chúng tôi không có lựa chọn nào khác là phải lưu lại thế giới mới. Không lâu sau, chúng tôi khám phá ra nơi đó nguy hiểm đến

nhường nào. Có vẻ như có một loại ma cà rồng hay bóng ảo kì lạ đang lảng vảng ở đó, một thứ chết người và tàn nhẫn. Hai người đồng hành của tôi đã chết không lâu sau đấy, nạn nhân của lũ Quỷ hút hồn, như chúng được gọi.

“Kết cục là tôi thấy thế giới của chúng là một nơi đáng ghê tởm, và tôi muốn rời khỏi đó ngay lập tức. Con đường trở lại thế giới của bản thân đã bị bịt lại vĩnh viễn, nhưng vẫn có những cánh cửa khác dẫn vào những thế giới khác, vậy là một chút nghiên cứu đã giúp tôi tìm được đường đến đây.

“Vậy nên tôi đã đến đây. Không lâu sau tôi đã khám phá ra một điều kì diệu, ông Scoresby ạ, vì các thế giới đều cực kì khác biệt, và tại thế giới này, lần đầu tiên tôi đã thấy được linh thú của mình. Phải, tôi không hề biết tới Sayan Kötör đây cho tới khi vào thế giới của ông. Người ta không thể tưởng tượng được ra những thế giới nơi linh thú là một tiếng nói câm lặng trong tâm trí, không hơn không kém. Nhưng ngược lại, ông có thể hình dung ra sự kinh ngạc của tôi khi biết được rằng một phần bản chất của mình là giới nữ, có dạng chim, và xinh đẹp không?

“Vậy là với Sayan Kötör bên cạnh mình, tôi đi lang thang qua những vùng đất phương bắc và đã học được rất nhiều từ những người của Cực Bắc, như những người bạn tốt của tôi trong ngôi làng phía dưới kia. Những gì họ kể với tôi về thế giới này lấp đầy một vài lỗ hổng kiến thức mà tôi có, và tôi bắt đầu thấy được câu trả lời cho nhiều bí ẩn.

“Tôi đến Berlin dưới cái tên Grumman. Tôi không tiết lộ với ai về cội nguồn của mình; đó là bí mật cá nhân. Tôi đã nộp một bản luận văn cho Viện hàn lâm rồi bảo vệ nó trong cuộc tranh luận, đó là phương pháp của họ. Tôi biết được nhiều điều hơn thành viên Viện hàn lâm nên không gặp khó khăn gì để có được tư cách hội viên.

“Vậy là với giấy ủy nhiệm mới của mình tôi có thể bắt đầu làm việc tại thế giới này, nơi tôi thấy bản thân cực kì mãn nguyện, trong

phần lớn thời gian. Tôi có nhớ nhưng một vài điều về thế giới của mình, hẳn rồi. Ông đã kết hôn chưa, ông Scoresby? Chưa à? Chà, tôi thì rồi; tôi yêu thương người vợ của mình hết mực, cũng như tôi yêu con trai, đứa con duy nhất của tôi, cậu nhóc chưa tròn một tuổi khi tôi rời khỏi thế giới đó. Tôi nhớ họ khủng khiếp. Nhưng dù có tìm kiếm hàng ngàn năm tôi cũng chẳng thể thấy được đường về. Chúng tôi đã bị chia cắt mãi mãi.

“Tuy nhiên, công trình nghiên cứu của mình lại khiến tôi mê mải. Tôi đã tìm kiếm những dạng tri thức khác nhau; tôi được kết nạp vào giáo phái thờ sọ; tôi trở thành một pháp sư. Và tôi đã khám phá ra vài điều hữu ích: lấy ví dụ, tôi đã tìm ra cách chế tạo thuốc mỡ từ rêu cầm máu và bảo quản được tất cả các công dụng của cây tươi.

“Bây giờ tôi đã biết rất nhiều về thế giới này, ông Scoresby ạ. Ví dụ như tôi biết về Bụi. Từ biểu cảm của ông, tôi thấy rằng ông đã từng nghe thấy từ đó. Nó đang khiến các nhà thần học của các ông sợ chết khiếp, nhưng chính họ mới là những kẻ làm tôi lo sợ. Tôi biết điều mà Ngài Asriel đang tiến hành, và lí do vì sao, vậy nên tôi đã gọi ông tới đây. Tôi sẽ giúp ông ta, vậy đấy, vì nhiệm vụ mà ông ta đang đảm đương là điều vĩ đại nhất trong lịch sử loài người. Vĩ đại nhất trong ba mươi lăm nghìn năm lịch sử nhân loại, ông Scoresby ạ.

“Bản thân tôi không tự làm được nhiều. Tim tôi đã hỏng quá sức chữa trị của bất cứ ai trong thế giới này. Có lẽ thứ còn lại trong tôi là một nỗ lực vượt bậc. Nhưng tôi biết một điều mà Ngài Asriel không biết, một điều ông ta cần biết nếu muốn nỗ lực của mình thành công.

“Ông thấy đấy, tôi đã bị cái thế giới ma ám thu hút, nơi lũ Quỷ hút hồn sống bằng cách ăn ý thức của con người. Tôi muốn biết chúng là gì, làm thế nào chúng trở thành thực thể được. Là một pháp sư, tôi có thể khám phá ra những thứ trong thế giới linh hồn, nơi tôi không thể tới bằng cơ thể của mình. Tôi đã dành nhiều thời gian trong trạng thái nhập định để thám hiểm thế giới ma ám đó. Tôi phát hiện ra các nhà triết học ở đây, hàng thế kỉ trước, đã chế tạo ra một vật dụng khiến chính bản

thân họ bị suy tàn: một công cụ mà họ gọi là con dao kì ảo. Nó có nhiều quyền năng - nhiều hơn cả những gì họ đoán được khi chế tạo nó, thậm chí còn hơn nhiều những điều mà họ biết hiện nay - và không hiểu sao, họ đã để lũ Quỷ hút hồn lọt vào thế giới của mình khi sử dụng nó.

“Tôi biết về con dao kì ảo và những gì nó có thể làm. Tôi cũng biết nó ở đâu, làm thế nào nhận ra được người sử dụng nó, và tôi biết người đó cần phải làm gì cho Ngài Asriel. Hi vọng anh ta đủ sức đảm đương nhiệm vụ này. Vì vậy tôi đã triệu tập ông đến đây, ông sẽ đưa tôi bay về phía bắc, vào thế giới mà Asriel đã mở ra, nơi tôi đoán là sẽ gặp được người nắm giữ con dao kì ảo.

“Xin hãy nhớ lấy, đó là một thế giới đầy rẫy hiểm nguy. Những con Quỷ hút hồn đó kinh khủng hơn bất cứ thứ gì ở thế giới của ông hay của tôi. Chúng ta sẽ phải cẩn thận và can đảm. Tôi sẽ không quay lại, nên nếu ông muốn thấy lại quê hương, ông sẽ cần tất cả lòng dũng cảm, tất cả dụng cụ, và tất cả sự may mắn của mình.

“Đó là nhiệm vụ của ông, ông Scoresby ạ. Đó là lí do ông đi tìm tôi.”

Nói tới đó, vị pháp sư trở nên im lặng. Mặt ông tái nhợt và lăm lăm mồ hôi.

“Đây là ý tưởng điên rồ nhất tôi từng được nghe suốt cuộc đời mình,” Lee nói.

Ông đứng dậy trong sự bối rối, bước một hai bước về hướng này rồi lại một hai bước sang hướng khác, trong lúc đó Hester trên trường kỉ quan sát không chớp mắt. Đôi mắt Grumman đang nhắm hờ; linh thú của ông ngồi trên đầu gối, thận trọng quan sát Lee.

“Ông có cần tiền không?” Một lúc sau Grumman lên tiếng. “Tôi có thể kiếm chút vàng cho ông. Không khó đâu.”

“Quỷ tha ma bắt, tôi đến đây không phải vì vàng,” Lee nóng nảy đáp. “Tôi tới đây... Tôi tới đây để xem ông có còn sống hay không, vì tôi cho rằng ông còn sống. Nói chung về mặt đó, sự tò mò của tôi đã được thỏa mãn.”

“Tôi rất mừng khi nghe điều đó.”

“Ngoài ra còn có một khía cạnh khác trong chuyện này nữa,” Lee nói thêm rồi kể cho Grumman nghe về hội đồng phù thủy tại Hồ Enara, và quyết định mà các phù thủy đã thề sẽ thực hiện. “Ông thấy đấy,” ông kết thúc câu chuyện, “cô bé Lyra đó... Chà, nó là lí do ban đầu khiến tôi lên đường giúp các phù thủy. Ông nói ông đã đưa tôi tới đây bằng cái nhẫn Navajo đó. Có thể như vậy mà cũng có thể không. Điều tôi biết là, tôi tới đây vì nghĩ rằng mình đang giúp đỡ Lyra. Tôi chưa từng thấy một đứa trẻ nào như thế. Nếu tôi có một đứa con gái của riêng mình; tôi hi vọng nó được một nửa sự mạnh mẽ; dũng cảm và ngoan ngoãn của con bé. Rồi tôi nghe nói rằng ông biết tới một vật nào đó, tôi không biết nó là cái gì, trao sự bảo vệ cho bất cứ ai nắm giữ nó. Và từ những điều ông nói thì tôi nghĩ nó hẳn phải là con dao kì ảo này.

“Vậy nên đây là cái giá tôi đặt ra để đưa ông tới thế giới khác, Tiến sĩ Grumman ạ: không phải vàng, mà là con dao kì ảo, và tôi không muốn nó cho bản thân, tôi muốn nó cho Lyra. Ông phải thề sẽ để cho cô bé được vật đó bảo vệ; rồi tôi sẽ đưa ông tới bất cứ đâu ông muốn.”

Vị pháp sư chăm chú lắng nghe rồi nói: “Tôi rõ rồi, ông Scoresby; tôi xin thề. Ông có tin tưởng lời thề của tôi không?”

“Ông sẽ thề trên thứ gì?”

“Cứ nói bất cứ thứ gì ông muốn.”

Lee nghĩ rồi nói: “Thề trên bất cứ thứ gì đã khiến ông từ chối tình yêu của cô phù thủy kia. Tôi đoán đó là thứ quan trọng nhất mà ông biết.”

Grumman tròn mắt ngạc nhiên, rồi ông nói: “Ông đoán khá lắm, ông Scoresby ạ. Tôi sẵn lòng thề trên điều đó. Tôi hứa với ông là sẽ đảm bảo rằng cô bé Lyra Belacqua nhận được sự bảo vệ của con dao kì ảo. Nhưng tôi phải cảnh báo ông: người nắm giữ con dao có nhiệm vụ riêng của mình, và có thể việc anh ta đang làm sẽ đẩy cô bé vào mối nguy hiểm thậm chí còn khủng khiếp hơn.”

Lee điềm tĩnh gật đầu. “Có thể như vậy,” ông nói, “nhưng dù cơ hội an toàn có nhỏ đến đâu, tôi cũng muốn cô bé có được nó.”

“Tôi đảm bảo với ông. Giờ thì tôi cần phải đi sang thế giới mới, và ông sẽ phải đưa tôi đi.”

“Còn gió thì sao? Tôi đoán là ông không quá ốm yếu để có thể quan sát thời tiết chứ?”

“Cứ để gió cho tôi lo.”

Lee gật đầu. Ông ngồi lại xuống chiếc trường kỉ và vôn vê chiếc nhẫn ngọc lam trong lúc Grumman tập hợp vài món đồ cần thiết vào một chiếc túi da hươu, rồi hai người bọn họ quay trở xuống con đường rừng dẫn tới làng.

Trường làng phát biểu trong một lúc lâu. Càng ngày càng có nhiều dân làng bước ra để chạm vào tay Grumman, để thì thầm vài lời, và để nhận lại một thứ như lời chúc phúc. Lee kiểm tra thời tiết trong lúc đó. Bầu trời phía nam hiện ra thật thoáng đãng, một làn gió mang mùi hương tươi mát khẽ đẩy những cành non lên cao và làm lay động những ngọn thông. Về phía bắc, sương mù vẫn đang phủ lên con sông nặng nề trôi, nhưng đây mới là lần đầu tiên sau hàng ngày trời nó có triển vọng sẽ tan đi.

Tại tảng đá nơi đã từng là cầu cảng, ông nâng túi đồ của Grumman lên thuyền, đổ đầy nhiên liệu vào cái động cơ bé xíu và nó lập tức nổ bình bịch. Ông rời bến. Với vị pháp sư đứng trên mũi, chiếc thuyền tăng tốc theo dòng chảy, lao đi dưới những tán cây rồi lướt ra nhánh sông chính nhanh đến nỗi khiến Lee thấy lo cho Hester đang khom mình ngay dưới mép thuyền; nhưng nó là một nhà du hành dày dặn kinh nghiệm, đáng ra ông phải biết điều đó; vậy mà sao ông lại bồn chồn lo lắng đến thế?

Họ tới bến tàu tại cửa sông và phát hiện ra rằng mọi khách sạn, mọi nhà trọ, mọi phòng riêng đều đã bị trưng dụng cho các binh sĩ. Mà đó không ai khác lại là các phân đội của Vệ binh Hoàng gia Muscovy, đội

quân được huấn luyện gặt gao và trang bị xa hoa nhất trên thế giới, cũng là đội quân thề giữ vững quyền lực của Huân Quyền.

Lee đã định nghỉ ngơi một đêm trước khi lên đường vì trông Grumman có vẻ cần đến điều đó, nhưng chẳng có chút cơ hội nào để kiếm được phòng cả.

“Có chuyện gì vậy?” Ông hỏi người lái thuyền khi trả lại chiếc thuyền đã thuê.

“Chúng tôi không biết. Quân đoàn đến vào ngày hôm qua và trưng dụng tất cả chỗ dừng chân, mọi mẫu thức ăn và toàn bộ tàu bè trong thị trấn. Ông mà không thuê con thuyền này thì họ hẳn đã thuê nốt rồi.”

“Ông có biết họ định đi đâu không?”

“Lên phía bắc,” người lái thuyền trả lời. “Theo tôi nghe được thì sắp có một cuộc chiến tranh, cuộc chiến quy mô nhất từ trước đến giờ.”

“Phía bắc, vào thế giới mới đó à?”

“Phải. Vẫn còn những đội quân khác đang tới - đây chỉ là đội tiên phong. Trong vòng một tuần nữa sẽ chẳng còn tới một mẫu bánh mì hay tí gallon rượu mạnh nào đâu. Anh đã giúp tôi khi thuê chiếc thuyền này - giá cả giờ tăng lên gấp đôi rồi...”

Giờ có nghỉ ngơi cũng chẳng ích gì, kể cả họ có kiếm được chỗ trọ đi nữa. Lòng đầy lo lắng về chiếc khí cầu của mình, Lee vội vàng tới kho hàng nơi ông đã để nó lại cùng với Grumman theo sau. Người đàn ông đã cố giữ nhịp độ. Trông ông không được khỏe, nhưng ông lại là người rất kiên cường.

Người quản lí nhà kho, đang bận rộn đếm các bộ phận máy dự trữ cho một trung sĩ đi trưng thu thuộc đội Vệ binh, ngẩng lên thật nhanh khỏi kệ tài liệu của mình.

“Khí cầu - tiếc quá - bị trưng thu hôm qua rồi,” ông nói. “Ông có thể thấy tình hình đấy. Tôi không có lựa chọn nào khác cả.”

Hester giật giật đôi tai, và Lee liền hiểu ra nó định nói gì.

“Ông đã chuyển cái khí cầu đi chưa?” Ông hỏi.

“Người ta sẽ đến lấy nó vào chiều nay.”

“Không đâu,” Lee nói, “bởi vì tôi có thẩm quyền cao hơn cả đội Vệ binh.”

Nói rồi ông cho người quản lí kho xem chiếc nhẫn ông lấy từ ngón tay tên Skraeling đã chết ở Nova Zembla. Viên trung sĩ đứng cạnh đó bên quầy vội dừng việc đang làm lại và cúi chào khi thấy biểu tượng của Giáo hội, nhưng dù đã được rèn luyện kỉ luật nghiêm khắc, anh ta cũng không thể ngăn nổi vẻ bối rối thoáng qua khuôn mặt.

“Vậy nên chúng tôi sẽ lấy cái khí cầu ngay bây giờ,” Lee nói, “ông có thể cử vài người đi bơm đầy nó. Tôi muốn ngay lập tức. Bao gồm cả đồ ăn, nước uống, và bì làm nặng nữa nhé.”

Người giữ kho nhìn viên trung úy, thấy anh ta nhún vai nên đành vội vàng chạy đi xử lí chiếc khí cầu. Lee và Grumman rút lui về cầu tàu nơi có các bình chứa gas để giám sát việc bơm đầy khí đốt và nói chuyện kín đáo với nhau.

“Ông lấy cái nhẫn đó ở đâu ra vậy?” Grumman hỏi.

“Từ ngón tay một người chết. Hơi mạo hiểm khi dùng nó, nhưng tôi không thấy được cách nào khác để lấy lại khí cầu của mình. Ông có nghĩ tên trung sĩ đó đã nghi ngờ điều gì không?”

“Đương nhiên là có chứ. Nhưng hẳn là một kẻ rất kỉ luật. Hẳn sẽ không nghi vấn Giáo hội. Giả dụ hẳn có đi báo cáo thì chúng ta đã cao chạy xa bay trước khi chúng có thể làm bất cứ điều gì rồi. Chà, tôi hứa với ông một ngọn gió, ông Scoresby; hi vọng ông thích nó.”

Bầu trời phía trước mặt lúc này xanh ngắt và ánh nắng chan hòa. Về phía bắc, những khối sương mù vẫn lơ lửng như một dãy núi trên mặt biển, nhưng cơn gió nhẹ đang dần đẩy lùi chúng, khiến Lee lại cảm thấy nôn nóng muốn được bay lên không trung.

Trong khi chiếc khí cầu được bơm đầy và bắt đầu phồng lên trên mép của mái nhà kho, Lee kiểm tra giỏ khí cầu rồi chuyển toàn bộ dụng cụ của mình vào một cách đặc biệt cẩn trọng; vì ở thế giới khác, ai mà biết được họ sẽ gặp phải nhiều động không khí như thế nào chứ! Cả các

thiết bị khoa học nữa, ông tỉ mỉ gắn chúng vào thành khí cầu, kể cả cái la bàn có kim chỉ hướng đang quay trên mặt một cách khá vô dụng. Cuối cùng ông buộc hai chục túi cát quanh giỏ để làm bì.

Khi túi khí gas đã đầy và đang ngả về phía bắc trong cơn gió thổi mạnh, toàn bộ khí cầu căng ra trên những sợi dây chắc mập đang neo nó xuống, Lee trả cho người giữ kho đồng vàng cuối cùng của mình rồi giúp Grumman trèo vào giỏ. Rồi ông quay sang những người đang giữ dây để ra lệnh thả ra.

Nhưng trước khi có thể làm vậy, họ đã bị chen ngang. Từ con hẻm bên hông nhà kho vang lên tiếng giày boots nện thành thành, bước đều chân, rồi một tiếng hét lên ra lệnh:

“Dừng lại!”

Những người giữ dây dừng lại, người nhìn theo hướng đó, người lại nhìn Lee. Ông liền hét lên đanh thép:

“Thả dây ra đi!”

Hai trong số họ tuân lệnh, và chiếc khí cầu tròn tránh dăng lên, nhưng hai người còn lại thì chú tâm đến các binh sĩ đang nhịp nhàng bước quanh góc tòa nhà. Hai người đó vẫn để dây buộc chắc quanh cọc neo, khiến khí cầu nghiêng ngả sang một bên đến chóng mặt. Lee tóm chặt lấy vòng treo túi khí; Grumman cũng đang ôm lấy nó, còn linh thú của ông thì quặp móng lại quanh cái vòng.

Lee gào lên: “Thả ra, lũ ngu ngốc! Nó đang bay lên mà!”

Vì sức nâng của túi gas là quá lớn nên đám đàn ông dù có kéo mạnh đến mấy cũng chẳng thể níu nó lại được. Một người thả tay ra khiến dây neo của anh ta tự động tuột khỏi cọc; nhưng người còn lại, cảm thấy sợi dây đang kéo lên, lại theo bản năng bám chặt lấy nó thay vì thả ra. Lee đã từng thấy chuyện này xảy ra trước đây, nó khiến ông khiếp đảm. Linh thú của người đàn ông tội nghiệp, một con chó husky trông có vẻ nặng nề, hú lên trong hoảng sợ và đau đớn từ mặt đất khi chiếc khí cầu lao lên trời xanh. Sau năm giây tưởng chừng như vô tận,

mọi việc kết thúc; người đàn ông đuối sức; anh ta rơi, người lịm đi, rồi ngã tùm vào dòng nước.

Nhưng đám binh sĩ đã giương sẵn súng. Một loạt đạn bay vút qua giỏ khí cầu, một viên va vào vòng treo tóe lửa, khiến hai tay Lee đau nhói lên vì tác động mạnh, nhưng chẳng có viên nào gây ra thiệt hại gì cả. Đến khi họ nã loạt đạn thứ hai, chiếc khí cầu đã gần như ra khỏi tầm với, lao vọt lên trời xanh và phóng ra ngoài biển khơi. Lee cảm thấy trái tim mình đang rộn lên hân hoan. Ông từng nói với Serafina Pekkala rằng ông không quan tâm đến chuyện bay lượn, rằng đó chỉ là một công việc, nhưng ông không thực sự nghĩ như vậy. Vút bay lên cao với một ngọn gió thuận hòa sau lưng và một thế giới mới trước mặt: cuộc đời này còn gì tuyệt vời hơn?

Ông thả vòng treo ra và thấy rằng Hester đang thu mình trong cái góc quen thuộc của nó, mắt nhắm hờ. Từ sâu phía dưới và títt đằng sau, một loạt đạn vô dụng lại phóng tới. Thị trấn nhanh chóng lùi lại phía xa, đường cong rộng lớn của cửa sông lấp lánh trong ánh nắng bên dưới họ.

“Chà, Tiến sĩ Grumman,” ông lên tiếng, “tôi không biết ông thế nào, nhưng tôi thì thấy dễ chịu hơn khi ở trên không trung. Mặc dù tôi ước giá mà anh chàng tội nghiệp kia chịu thả tay khỏi dây neo. Việc đó có khó gì đâu, hơn nữa nếu không thả ra ngay lập tức thì sẽ chẳng còn cơ hội nào cả.”

“Cảm ơn, ông Scoresby,” vị pháp sư nói. “Ông xử lí việc đó rất tốt. Giờ chúng ta có thể yên tâm bay được rồi. Tôi sẽ rất biết ơn nếu được dùng mấy bộ đồ lông kia; không khí vẫn còn lạnh quá.”

11

Vọng lâu

Tại căn biệt thự trắng đồ sộ trong công viên, Will ngủ chập chờn không yên, bị quấy nhiễu bởi những giấc mơ tràn ngập lo toan nhưng lại không kém phần ngọt ngào, khiến cậu vật lộn muốn thức dậy nhưng lại thèm được ngủ lại. Khi mắt đã mở hoàn toàn, cậu cảm thấy uể oải đến mức gần như chẳng thể cử động nổi, sau đó cậu ngồi dậy, thấy lớp gạc đã bị tuột ra còn giường cậu thì đỏ thắm.

Cậu khó nhọc bước ra khỏi giường rồi đi qua những vạt nắng mù mịt bụi và sự tĩnh lặng của căn nhà vĩ đại để xuống bếp. Cậu và Lyra không cảm thấy được chào đón bởi những chiếc giường bốn cọc^[1] oai nghiêm trong các phòng lớn dưới tầng nên đã ngủ trong các phòng của người phục vụ dưới gác mái, mà chúng thì mất rất lâu để loạng choạng lết tới đây.

“Will...” Cô bé lập tức lên tiếng, giọng đầy lo âu, rồi cô rời khỏi bếp để giúp cậu ngồi xuống ghế.

Cậu thấy choáng váng. Chắc hẳn cậu đã mất rất nhiều máu; ờ mà cũng chẳng cần phải đoán, chứng cứ ở khắp trên người cậu mà. Kể cả các vết thương cũng vẫn đang rỉ máu.

“Tớ vừa mới pha chút cà phê,” cô nói. “Cậu có muốn uống trước không, hay là để tớ quán băng mới đã? Tớ có thể làm bất cứ điều gì cậu muốn. Ở trong ngăn lạnh có trứng nữa, nhưng tớ không tìm được chút đậu hũ nào cả.”

“Nhà to thế này thì làm gì có mấy món như đậu hằm. Quấn băng cho tớ trước đã. Vòi có nước nóng không? Tớ muốn tắm rửa. Tớ ghét bị mấy thứ này bám đầy người lắm...”

Lyra xả nước nóng ra trong lúc Will cởi đồ, chỉ để lại quần lót. Cậu quá uể oải và chóng mặt để có thể cảm thấy xấu hổ, nhưng Lyra thấy ngượng thay cho cậu nên đã đi ra. Cậu rửa ráy kĩ nhất có thể rồi lau người vào khăn lau bát treo thành hàng bên bếp nấu.

Khi quay lại, Lyra mang theo ít quần áo tìm được cho cậu, chỉ có một chiếc áo và cái quần vải bạt kèm theo đai lưng. Cậu mặc đồ lên còn Lyra thì xé một cái khăn lau bát mới thành từng dải để băng bó lại thật chặt cho cậu. Cô bé đang cực kì lo lắng cho bàn tay cậu: các vết thương không những vẫn đang chảy máu không ngừng, mà phần còn lại của bàn tay còn sưng phồng và đỏ tấy. Nhưng cậu bé chẳng mảy may nhắc đến nó, và cô cũng vậy.

Sau đó cô bé pha chút cà phê và nướng vài lát bánh mì đã cũ, rồi chúng đem đồ ăn vào phòng lớn nhìn xuống thành phố ở phía trước căn nhà. Sau khi đã ăn uống đầy đủ, cậu bé cảm thấy khỏe lên một chút.

“Cậu nên hỏi Chân Kế xem phải làm gì tiếp theo,” cậu nói. “Cậu đã hỏi gì nó chưa vậy?”

“Chưa,” cô bé đáp. “Từ giờ trở đi tớ sẽ chỉ làm những gì cậu yêu cầu. Đêm qua tớ đã nghĩ tới việc làm điều đó, nhưng tớ không làm. Tớ cũng sẽ không làm trừ khi cậu yêu cầu.”

“Ừ, vậy giờ cậu làm đi,” cậu bé nói. “Lúc này ở đây cũng nguy hiểm không kém gì ở thế giới của tớ. Ví dụ đầu tiên là anh trai của Angelica. Và nếu...”

Cậu dừng lại vì thấy cô định nói gì đó, nhưng cô bé cũng dừng lại ngay sau đó. Rồi cô bình tĩnh lại và nói tiếp:

“Will, có một chuyện xảy ra ngày hôm qua mà tớ không nói với cậu. Đáng ra tớ phải nói, nhưng có quá nhiều thứ khác xảy ra. Tớ xin lỗi...”

Rồi cô bé kể cho cậu tất cả những gì mình thấy qua khung cửa sổ trên tháp trong lúc Giacomo Paradisi chăm sóc vết thương cho cậu: Tullio bị lũ Quỷ hút hồn bao vây, Angelica thấy cô đứng bên cửa sổ, ánh nhìn căm hận của con bé và lời đe dọa của Paolo.

“Cậu còn nhớ không,” cô bé nói tiếp, “lần đầu tiên nó nói chuyện với chúng ta ấy? Em trai nó có nói gì đó về việc tất cả bọn chúng đang làm. Thằng bé nói ‘Anh ấy sẽ lấy...’ nhưng chị gái không để cho nó nói hết mà đánh nó, nhớ không? Tớ dám cá nó định nói rằng Tullio đang nhắm đến con dao, và đó là lí do tất cả lũ trẻ tới đây. Vì nếu có con dao, chúng có thể làm bất cứ việc gì, chúng thậm chí còn có thể lớn lên mà không phải sợ hãi lũ Quỷ hút hồn.”

“Sự việc trông như thế nào khi hắn ta bị tấn công?” Will hỏi. Trước sự ngạc nhiên của cô bé, cậu đang rướn người tới trước, ánh mắt đòi hỏi và khẩn nài.

“Hắn ta...” Cô cố gắng nhớ lại chính xác: “Hắn ta bắt đầu đếm các hòn đá trên tường, kiểu như sờ nắn từng viên một vậy... Nhưng việc đó không kéo dài lâu, hắn cuối cùng cũng mất hứng và dừng lại. Sau đó hắn chỉ đứng im như phỗng,” cô kết thúc, nhưng khi thấy biểu hiện của Will, cô hỏi: “Sao thế?”

“Bởi vì... Tớ nghĩ xét cho cùng thì bọn Quỷ hút hồn có lẽ đến từ thế giới của tớ. Nếu chúng khiến người ta hành xử như vậy thì tớ sẽ không hề ngạc nhiên nếu chúng tới từ thế giới của tớ. Rồi khi những người của Hội mở ô cửa đầu tiên, nếu nó dẫn tới thế giới của tớ thì lũ Quỷ hút hồn có thể đã tràn vào từ lúc đó.”

“Nhưng ở thế giới của cậu làm gì có Quỷ hút hồn! Cậu chưa từng nghe nói tới chúng đúng không?”

“Có lẽ chúng không được gọi là Quỷ hút hồn. Có lẽ chúng tớ gọi chúng bằng tên khác.”

Lyra không chắc ý cậu là gì, nhưng cô không muốn ép cậu. Hai má cậu đang ửng đỏ còn đôi mắt thì cay xè.

“Dù sao thì,” cô nói tiếp trong lúc quay đi, “điều quan trọng là Angelica đã thấy tớ đứng ở cửa sổ. Giờ khi đã biết là chúng ta lấy được con dao, nó sẽ đi kể với tất cả bọn chúng. Nó sẽ nghĩ rằng tại chúng ta mà anh trai nó bị Quỷ hút hồn tấn công. Tớ xin lỗi, Will ạ. Đáng ra tớ phải kể với cậu sớm hơn. Nhưng chỉ là có quá nhiều thứ khác...”

“À,” cậu nói, “tớ không nghĩ làm thế thì sẽ có gì khác cả. Hẳn đã tra tấn ông già, chỉ cần biết được cách sử dụng con dao, hẳn có thể đã giết cả hai chúng ta rồi. Chúng ta phải đánh lại hẳn.”

“Chỉ là tớ thấy tội lỗi thôi, Will à. Ý tớ là, hẳn ta là anh trai của cô bé. Tớ dám cá nếu mình là chúng, chúng ta cũng sẽ muốn có con dao.”

“Phải,” cậu nói, “nhưng chúng ta không thể quay ngược thời gian và thay đổi điều đã xảy ra được. Chúng ta phải lấy con dao để lấy lại Chân Kế, và nếu có thể có được nó mà không cần chiến đấu, chúng ta sẽ làm.”

“Đúng vậy,” cô nói.

Giống như Iorek Byrnison, Will là một chiến binh thực thụ, nên cô bé sẵn sàng đồng ý với cậu khi cậu nói rằng không chiến đấu sẽ tốt hơn: cô biết rằng đó không phải là tiếng nói của sự hèn nhát, mà là của chiến thuật. Giờ cậu đã bình tĩnh hơn, đôi má cũng đã đỡ đỏ. Cậu đang nhìn ra xa xăm và ngẫm nghĩ.

Rồi cậu nói: “Có lẽ bây giờ việc quan trọng hơn là nghĩ tới Ngài Charles và những gì ông ta sẽ làm, hoặc là Phu nhân Coulter. Nếu bà ta có những vệ sĩ đặc biệt mà họ đã nhắc tới, những binh sĩ bị cắt lìa linh thú ấy, có lẽ Ngài Charles đoán đúng, họ có thể không thu hút lũ Quỷ hút hồn. Cậu biết tớ nghĩ gì không? Tớ nghĩ bọn Quỷ hút hồn đó ăn linh thú của người.”

“Nhưng trẻ con cũng có linh thú mà. Mà chúng lại không tấn công trẻ con. Không thể như vậy được.”

“Thế thì hẳn là có sự khác biệt giữa linh thú của trẻ con và người trưởng thành,” Will nói. “Có khác biệt đúng không? Cậu kể với tớ rằng linh thú của người trưởng thành không thay đổi hình dạng. Chắc hẳn là

có liên quan gì đến việc đó. Nếu những binh sĩ của bà ta không có linh thú, chắc tác dụng cũng giống nhau...”

“Đúng rồi!” Cô thốt lên. “Có thể lắm. Dù sao thì *bà ta* cũng chẳng sợ lũ Quỷ hút hồn đâu. Bà ta chẳng sợ gì hết. Bà ta lại rất thông minh, Will ạ, thật lòng đấy, rất nhẫn tâm và tàn ác, bà ta có thể chỉ huy chúng, tớ dám cá là bà ta có thể. Bà ta có thể ra lệnh cho chúng như ra lệnh với người và chúng sẽ tuân theo, chắc chắn luôn. Ngài Boreal uy quyền và thông minh, nhưng chẳng mấy chốc bà ta sẽ khiến ông ấy phải làm việc mình muốn thôi. Ôi, Will, tớ lại thấy sợ rồi, cứ nghĩ đến việc bà ta có thể sẽ làm... Tớ sẽ hỏi Chân Kế như cậu nói. Tạ ơn chúa chúng ta đã lấy lại được nó.”

Cô bé cởi cái bọc vải nhung rồi trều mền vuốt ve lớp vàng nặng trĩu.

“Tớ sẽ hỏi về bố cậu,” cô nói, “và cách tìm ra ông ấy. Xem này, tớ cho các kim chỉ vào...”

“Không. Hỏi về mẹ tớ trước. Tớ muốn biết bà ấy có ổn không.”

Lyra gật đầu, vặn các cây kim rồi đặt chiếc Chân Kế vào lòng, vén tóc ra sau tai để nhìn xuống và tập trung. Will quan sát cái kim dài quay một cách có chủ đích xung quanh, lao đi rồi dừng lại rồi lại lao đi nhanh như một con chim nhạn đang cho ăn, rồi cậu nhìn sang mắt Lyra, xanh thẳm, dữ dội và tràn ngập sự thông hiểu.

Rồi cô bé chớp mắt và nhìn lên.

“Bà ấy vẫn an toàn,” cô nói. “Người bạn đang trông nom mẹ cậu, bà ấy tốt bụng lắm. Không ai biết mẹ cậu ở đâu, mà người bạn đó thì sẽ không bán đứng bà ấy đâu.”

Will không hề nhận ra mình đã lo lắng đến nhường nào. Nghe tin tốt lành, cậu cảm thấy toàn thân thư thái, và khi chút ít căng thẳng đó rời khỏi cơ thể, cơn đau từ vết thương của cậu lại trở nên nhức nhối hơn.

“Cảm ơn cậu,” cậu bé nói. “Được rồi, giờ thì hỏi về bố tớ đi...”

Nhưng trước cả khi cô kịp bắt đầu, hai đứa nghe thấy một tiếng hét từ bên ngoài.

Chúng lập tức nhìn ra. Tại rìa bên dưới của công viên trước mặt những căn nhà đầu tiên của thành phố là một vành đai bằng cây, có thứ gì đang khuấy động ở đó. Pantalaimon lập tức biến thành một con linh miêu rồi chạy về phía cánh cửa mở, nhìn xuống dưới một cách dữ tợn.

“Là bọn nhóc đấy,” nó kêu lên.

Cả hai cùng đứng bật dậy. Lũ trẻ đang bước ra từ đám cây, từng đứa một, phải đến bốn mươi, năm mươi đứa. Nhiều đứa trong số chúng mang theo gậy gộc. Dẫn đầu đoàn là một thằng bé mặc áo phông kẻ sọc, trong tay nó không phải một cây gậy mà là một khẩu súng lục.

“Angelica kia,” Lyra thì thầm, chỉ vào con bé.

Angelica đang đi cạnh thằng bé dẫn đoàn, kéo tay nó, thúc nó tiến lên. Ngay phía sau chúng, đứa em trai Paolo đang hét lên đầy phấn khích, những đứa trẻ khác cũng đang hô lớn, nắm đấm vung lên trong không khí. Hai trong số chúng đang lôi theo những khẩu súng trường nặng nề. Will từng thấy trẻ con trong tâm trạng này, nhưng chưa bao giờ thấy nhiều như vậy, và những đứa trẻ ở thị trấn của cậu không mang theo súng.

Chúng đang gào thét, Will có thể nhận ra giọng của Angelica cao vút lẫn át tất cả: “Chúng mày giết anh tao và lấy cắp con dao! Lũ giết người! Chúng mày làm cho bọn Quỷ hút hồn tóm được anh ấy! Chúng mày đã giết anh ấy nên bọn tao sẽ giết chúng mày! Đừng hòng trốn thoát! Bọn tao sẽ giết chúng mày giống như chúng mày đã giết anh ấy!”

“Will, cậu có thể cắt một ô cửa!” Lyra khẩn thiết kêu lên, tóm chặt lấy cánh tay lạnh lặn của cậu. “Chúng ta có thể thoát, dễ dàng...”

“Ừ, rồi chúng ta sẽ ở đâu? Oxford, cách nhà Ngài Charles vài mét, giữa ban ngày ban mặt. Có khi là trong một con phố chính trước mặt một cái xe buýt. Tớ không thể cứ cắt xuyên qua bất cứ đâu rồi mong chờ được an toàn - trước tiên tớ phải nhìn xem chúng ta ở đâu, và việc

đó sẽ tốn thời gian. Phía sau căn nhà này có một khu rừng, nếu có thể tới đó trốn vào trong đám cây, chúng ta sẽ được an toàn hơn.”

Lyra nhìn ra ngoài cửa sổ, giận dữ. “Đáng ra tớ phải giết con bé đó từ hôm qua!” Cô kêu lên. “Nó cũng tồi tệ chẳng kém gì ông anh. Tớ muốn...”

“Đừng nói nữa và đi thôi,” Will nói.

Cậu đảm bảo con dao đã được buộc vào đai lưng, còn Lyra thì đeo cái balô nhỏ chứa Chân Kế và những bức thư của bố Will lên. Chúng chạy qua khu sảnh âm vang, dọc theo hành lang vào bếp, qua buồng rửa bát đĩa rồi vào khoảng sân rải sỏi đằng sau nó. Một cánh cổng trên tường dẫn vào một khu vườn bếp, nơi những luống rau và thảo dược nằm cháy khô dưới ánh nắng buổi sáng.

Bìa rừng nằm cách đó vài trăm mét, trên một con dốc trơ ra toàn đất. Trên gò đất nhỏ phía bên trái, gần hơn đám cây, là một tòa nhà nhỏ có cấu trúc hình tròn giống như một ngôi chùa với tầng trên mở ra như ban công vọng cảnh thành phố.

“Chạy thôi,” Will kêu lên, dù cậu muốn nằm xuống nhắm mắt hơn là chạy đi.

Với Pantalaimon bay phía trên để cảnh giới, chúng băng qua bãi cỏ. Nhưng cỏ quá dày và cao đến mắt cá chân khiến Will mới chỉ chạy được vài bước đã thấy chóng mặt đến mức không thể tiếp tục nổi. Cậu đi chậm dần lại.

Lyra ngoái lại nhìn. Lũ trẻ con chưa thấy hai đứa; chúng vẫn đang ở phía trước nhà; có lẽ sẽ mất một lúc để kiểm tra tất cả các phòng...

Đúng lúc đó Pantalaimon rúc lên cảnh báo. Có một thằng bé đang đứng bên ô cửa sổ mở trên tầng hai tòa biệt thự, chỉ vào chúng. Chúng nghe thấy một tiếng hét.

“Đi nào, Will,” Lyra giục.

Cô kéo cánh tay lạnh lặn của cậu, vừa dìu vừa nhắc cậu lên. Cậu bé cố gắng phản ứng lại, nhưng cậu không còn đủ sức. Cậu chỉ có thể

lết đi.

“Được rồi,” cậu nói, “chúng ta không thể đến chỗ đám cây được. Quá xa. Nên chúng ta sẽ tới chỗ cái chùa kia. Nếu đóng cửa lại, có lẽ chúng ta sẽ giữ chúng ở ngoài được đủ lâu để cắt xuyên qua...”

Pantalaimon lao về phía trước, Lyra kinh hoàng gọi theo khiến nó dừng lại. Will gần như có thể thấy mỗi ràng buộc giữa chúng, con linh thú kéo đi và cô gái phản ứng lại. Cậu loạng choạng đi qua lớp cỏ dày trong lúc Lyra chạy trước để kiểm tra, quay lại giúp rồi lại chạy lên phía trước, cho tới khi chúng lên tới bậc thềm đá quanh ngôi chùa.

Cánh cửa dưới cái cổng nhỏ đã được mở khóa, chúng chạy vào và thấy mình đang ở trong một căn phòng tròn trống không, chỉ có vài bức tượng nữ thần đặt trong các hốc quanh tường. Ở ngay chính giữa là một cầu thang xoắn bằng sắt rèn dẫn qua một khoảng mở để lên tầng trên. Không có chìa để khóa cửa lại, chúng bèn leo lên thang tới sàn của tầng trên. Đó thật ra là một điểm ngắm cảnh, nơi mọi người có thể đến hít thở không khí và ngắm nhìn thành phố; vì ở đó không có cửa sổ hay tường chắn mà chỉ đơn thuần là một loạt khung vòm mở chạy quanh để đỡ mái. Tại mỗi mái vòm, một ngưỡng cửa sổ cao đến thắt lưng đủ rộng để tựa vào, bên dưới chúng là lớp mái cong nghiêng xuống thoải thoải cho tới máng thoát nước.

Nhìn ra ngoài, chúng có thể thấy khoảng rừng ở phía sau, gần đến mức treu người; cả tòa biệt thự phía dưới, công viên thoáng dang phía xa rồi đến những lớp mái đỏ nâu của thành phố, với Tháp mọc lên bên trái. Lũ quạ ăn xác thối đang lượn vòng trên không trung phía trên bức tường xám đục lỗ châu mai, Will đột ngột cảm thấy nôn nao khi nhận ra điều gì đã lôi kéo chúng đến đó.

Nhưng không có thời gian để văn cảnh nữa; đầu tiên chúng phải giải quyết đám trẻ con đang lao về phía ngôi chùa, gào thét trong thịnh nộ và phấn khích. Thăng bé đầu đoàn đi chậm lại rồi giơ khẩu súng lục lên, bắn điên cuồng vài ba phát về phía ngôi chùa rồi chúng lại chạy tiếp, thét lên:

“Quân ăn cướp!”

“Lũ giết người!”

“Chúng tao sẽ giết mày!”

“Bọn mày lấy dao của chúng tao!”

“Chúng mày không đến từ đây!”

“Chuẩn bị chết đi!”

Will không buồn bận tâm. Cậu đã lôi sẵn con dao ra và lanh lẹ cắt một ô cửa sổ nhỏ để xem chúng đang ở đâu - nhưng đành phải lùi lại tức khắc. Lyra cũng nhìn qua rồi thất vọng lùi về. Chúng đang lơ lửng cách mặt đất tầm hai chục mét, phía trên một con đường chính tấp nập xe cộ.

“Đương nhiên rồi,” Will chua chát nói, “bọn mình đã leo lên một con dốc... Chà, ta mắc kẹt rồi. Ta sẽ phải ngăn cho chúng đến đây, vậy thôi.”

Thêm vài giây nữa và những đứa trẻ đầu tiên ủa vào qua cửa. Tiếng chúng hò hét vang vọng trong chùa, càng làm tăng thêm sự điên cuồng của chúng; rồi một tiếng súng vang lên đỉnh tai nhức óc, thêm một tiếng nữa, tiếng hò hét chuyển sang một tông khác, và cầu thang bắt đầu rung chuyển khi những đứa trẻ đầu tiên leo lên.

Lyra đang đỡ dẫn thu mình lại bên tường, nhưng Will vẫn nắm chắc con dao trong tay. Cậu bò tới khoảng trống trên sàn rồi với xuống cắt tấm sắt ở bậc trên cùng như thể cắt qua giấy. Không còn gì níu giữ, cầu thang bắt đầu oằn xuống dưới sức nặng của đám trẻ con túm tụm trên đó, nó lắc lư rồi sụp xuống đánh rầm một cái. Thêm nhiều tiếng hét, thêm hỗn loạn; và một lần nữa súng lại nổ, nhưng có vẻ như lần này là do vô tình, vì ai đó đã bị bắn trúng, và tiếng hét là do đau đớn. Will nhìn xuống và thấy một đám hỗn độn những cơ thể đang quằn quại, phủ đầy vữa trát, bụi bặm và máu me.

Chúng không phải là những đứa trẻ đơn lẻ, mà là một khối thống nhất, giống như một đợt triều dâng. Chúng trào lên phía bên dưới,

cuồng nộ nhảy nhô, vồ lấy, đe dọa, gào thét, khạc nhổ, nhưng chẳng thể với tới.

Rồi có ai đó gọi, khiến chúng nhìn ra cửa, rồi những đứa có thể cử động được bắt đầu dồn về phía đó, để lại vài đứa bị đè dưới cây cầu thang sắt, hoảng hốt đến ngất người và đang vật lộn để đứng dậy khỏi sàn nhà ngổn ngang gạch đá.

Will sớm nhận ra lí do vì sao chúng bỏ chạy. Có tiếng lạo rạo phát ra từ phía mái nhà bên ngoài những khung vòm, cậu liền chạy tới bên ngưỡng cửa sổ và thấy đôi tay đầu tiên tóm lấy mép ngói và kéo lên. Có ai đó đang đẩy phía sau, rồi một cái đầu và một đôi tay nữa thò lên khi chúng trèo qua vai và lưng của những đứa bên dưới để bò lên mái như kiến vỡ tổ.

Nhưng sống của những miếng ngói khiến việc đi lại rất khó khăn, những đứa đầu tiên bò lên bằng tay và đầu gối, cặp mắt điên dại của chúng không rời khỏi mặt Will. Lyra đến bên cậu bé, còn Pantalaimon thì gằm ghè trong dạng báo đốm, bàn chân đặt trên ngưỡng cửa, khiến những đứa đi tiên phong ngập ngừng. Nhưng chúng vẫn tiến lên, càng ngày càng đông.

Một đứa nào đó đang gào lên “Giết! Giết! Giết!” và rồi những đứa khác hòa theo, âm thanh ngày càng lớn hơn, những đứa trên mái nhà bắt đầu giậm chân uyỳnh uyỳnh theo nhịp trên lớp ngói, nhưng chúng không dám lại gần khi phải đối mặt với con linh thú đang gằm gừ. Đột nhiên một miếng ngói vỡ ra, khiến thằng bé đang đứng trên đấy trượt chân ngã, những đứa bên cạnh liền nhặt lấy mảnh vỡ và liệng về phía Lyra.

Cô chúi người xuống, mảnh ngói bể tan tành trên cái cột bên cạnh và rắc lên người cô một cơn mưa những mảnh vỡ. Will để ý thấy tay vịn cầu thang quanh mép của khoảng hở trên sàn, cậu cắt lấy hai miếng dài tầm cây kiếm rồi đưa một miếng cho Lyra. Cô bé quăng thật lực vào má đầu thằng bé đầu tiên, nó ngã ngay lập tức, nhưng rồi một đứa khác lại đến, và đó là Angelica, tóc đỏ, mặt trắng dã, ánh mắt điên loạn; con

bé trèo lên ngưỡng cửa sổ, nhưng Lyra đã đâm mạnh thanh tay vịn vào người và khiến nó ngã ngửa trở lại.

Will cũng đang làm y hệt. Con dao đang cắm trong bao trên đai lưng, cậu dùng thanh sắt phang, vọt, đâm, nhưng trong lúc vài đứa ngã xuống, những đứa khác cứ liên tục thay thế chúng, và ngày càng thêm những đứa đang trèo lên mái từ phía dưới.

Rồi thằng bé mặc áo phong kẻ sọc xuất hiện, nhưng nó đã làm mất khẩu súng, hay có lẽ đã hết đạn. Tuy nhiên, khi mắt nó chạm mắt Will, cả hai đứa đều biết chuyện gì sắp xảy đến: chúng sẽ giao đấu, cuộc chiến sẽ rất tàn bạo và chết chóc.

“Lên nào,” Will nói, hăng hái muốn giao chiến, “tới đây đi...” Chỉ một giây nữa là chúng sẽ lao vào nhau.

Nhưng rồi chuyện kì quặc nhất xảy đến: một con ngỗng tuyết trắng muốt vĩ đại sà xuống thấp, đôi cánh dang rộng, nó gọi lớn đến mức cả những đứa trẻ trên mái nhà cũng nghe thấy qua tiếng ồn ào hỗn loạn và quay lại nhìn.

“Kaisa!” Lyra mừng rỡ reo lên, vì đó chính là linh thú của Serafina Pekkala.

Con ngỗng tuyết lại gọi, một tiếng kêu lạnh lạnh choán cả bầu trời, rồi nó vòng lại và lượn cách thằng bé mặc áo phong kẻ sọc chỉ vài phân. Thằng bé sợ hãi ngã lăn chổng ra rồi trượt xuống qua rìa mái. Những đứa khác cũng bắt đầu hét lên báo động, vì có thứ gì đó khác đang bay trên trời. Về phần Lyra, khi nhìn thấy những hình dáng màu đen nhỏ xíu không hiểu từ đâu bay ra, cô reo vang và hét lên sung sướng:

“Serafina Pekkala! Ở đây! Giúp chúng cháu! Chúng cháu ở đây! Trong chùa...”

Không khí rít lên một tiếng rồi vô số mũi tên, thêm nhiều tên nữa nhanh chóng nối tiếp, rồi cả chục mũi khác nữa lại được phóng ra nhanh đến nỗi tất cả đều cùng lúc bay trong không khí, bắn vào mái chùa bên trên phòng trưng bày và cắm xuống với âm thanh rền vang

như búa nện. Kinh ngạc và hoang mang, những đứa trẻ trên mái nhà cảm thấy như trong một khoảnh khắc, toàn bộ sự hiểu biết đã rời bỏ chúng, để cho nỗi kinh hoàng ủa vào choán chỗ: những người phụ nữ vận đồ đen đang ồ ạt tấn công chúng từ trên không là gì? Làm sao chuyện này xảy ra được? Họ là ma quỷ sao? Có phải một loại Quỷ hút hồn mới không?

Vậy là chúng vừa rên rỉ, khóc lóc, vừa nhảy xuống khỏi mái chùa, có đứa thì rơi xuống một cách vụng về rồi tập tễnh lết đi trong khi những đứa khác lăn xuống dốc và lao đi an toàn, nhưng chúng không còn là một đám đông mà chỉ là rất nhiều trẻ con tủi nhục và sợ hãi. Một phút sau khi con ngỗng tuyết xuất hiện, đứa trẻ cuối cùng đã rời khỏi ngôi chùa và âm thanh duy nhất còn lại là tiếng gió lùa qua những cành cây của các phù thủy đang lượn vòng phía trên.

Will nhìn lên trong kinh ngạc, quá sửng sốt để lên tiếng, nhưng Lyra lại đang nhảy cẫng lên và vui sướng gọi lớn:

“Serafina Pekkala! Làm thế nào cô tìm được chúng cháu vậy? Cảm ơn cô, cảm ơn cô! Chúng định giết bọn cháu! Hãy xuống đây và đáp...”

Nhưng Serafina và những người khác lắc đầu rồi lại bay lên thành vòng thật cao phía trên. Con linh thú ngỗng tuyết lượn ngược lại rồi bay xuống phía mái chùa, đôi cánh đồ sộ đập hương vào trong để giảm tốc, rồi lạch cạch đáp xuống trên những phiến ngói bên dưới ngưỡng cửa.

“Xin chào, Lyra,” nó cất tiếng. “Serafina Pekkala không thể xuống đất được, cả những người khác cũng thế. Nơi này tràn ngập Quỷ hút hồn - phải đến một trăm con hoặc hơn đang bao vây tòa nhà, thêm nhiều nữa đang trôi lên trên cỏ. Cô không nhìn thấy chúng sao?”

“Không! Chúng tôi không thể nhìn thấy chúng!”

“Chúng tôi đã mất một phù thủy rồi. Không thể mạo hiểm thêm nữa được. Hai người có thể xuống khỏi tòa nhà này không?”

“Nếu chúng tôi nhảy xuống khỏi mái như bọn chúng đã làm. Nhưng làm thế nào mọi người tìm được chúng tôi? Với cả...”

“Đủ rồi. Có nhiều phiền toái to lớn hơn đang đến. Cố gắng trèo xuống nhanh nhất có thể rồi đi về phía rừng cây đi.”

Chúng trèo qua ngưỡng cửa sổ rồi đi ngang xuống qua lớp ngói vỡ vụn để tới máng nước. Nó không cao lắm, bên dưới lại là cỏ, với một con dốc thoải dẫn ra khỏi tòa nhà. Lyra nhảy trước rồi Will theo sau, lăn tròn lại cố gắng bảo vệ bàn tay đang chảy máu không ngừng và nhức nhối khủng khiếp của mình.

Băng đeo của cậu lại bị tuột ra và đang kéo thành dải phía sau, trong lúc cậu đang cố gắng cuộn nó lại, con linh thú ngỗng tuyết đáp xuống bãi cỏ bên cạnh cậu.

“Lyra, ai đây?” Kaisa hỏi.

“Đó là Will. Cậu ấy sẽ đi cùng với chúng ta...”

“Tại sao lũ Quỷ hút hồn lại né tránh cậu?” Con linh thú ngỗng nói trực tiếp với Will.

Vào lúc này Will đã gần như không còn ngạc nhiên về bất cứ điều gì nữa rồi, cậu đáp: “Tôi không biết. Chúng tôi không thể thấy chúng. Không, đợi đã!” Rồi cậu đứng dậy, một suy nghĩ đột ngột dội tới. “Bây giờ chúng đang ở đâu?” Cậu hỏi. “Con gần nhất đang ở đâu?”

“Cách đây mười bước, dưới con dốc,” con linh thú đáp. “Rõ ràng là chúng không muốn đến gần hơn.”

Will rút con dao ra rồi nhìn về hướng đó, cậu nghe thấy con linh thú rít lên vì ngạc nhiên.

Nhưng Will không làm được việc mình định làm, vì cùng lúc đó một phù thủy đã đáp cành thông mây lên bãi cỏ bên cạnh cậu. Cậu không sững sờ về việc cô bay lượn nhiều bằng dáng vẻ yêu kiều đến đáng kinh ngạc của cô, về ánh nhìn trong trẻo đáng yêu nhưng lại lạnh lùng dữ dội cũng như đôi tay chân trần trắng ngần của cô, thật trẻ trung, nhưng lại không còn trẻ chút nào.

“Tên cháu là Will?” Cô lên tiếng.

“Vâng, nhưng...”

“Tại sao lũ Quỷ hút hồn lại sợ cháu?”

“Vì con dao. Con gần nhất ở đâu? Cho cháu biết đi! Cháu muốn giết nó!”

Nhưng Lyra đã lao tới trước khi cô phù thủy kịp trả lời.

“Serafina Pekkala!” Cô bé gào lên rồi vòng tay quanh Serafina, ôm chặt đến mức khiến cô phù thủy phá lên cười lớn và hôn lên đỉnh đầu cô. “Ôi, Serafina, cô từ đâu mà đến như thế vậy? Chúng cháu - những đứa trẻ đó - chúng chỉ là *trẻ con* mà đã định giết bọn cháu - cô có thấy chúng không? Bọn cháu cứ nghĩ mình sắp chết rồi cơ, và - ôi, thật mừng vì cô đã đến! Cháu cứ nghĩ sẽ không bao giờ gặp lại được cô nữa!”

Serafina Pekkala nhìn qua đầu Lyra tới nơi lũ Quỷ hút hồn rõ ràng đang túm tụm lại cách đó không xa, rồi quay sang nhìn Will.

“Giờ thì nghe này,” cô nói, “có một cái hang trong khu rừng này, không xa đâu. Trèo lên dốc rồi men theo đỉnh về phía bên trái. Chúng ta có thể mang Lyra đi cùng một đoạn ngắn, nhưng cháu thì quá lớn: các cháu sẽ phải đi bộ thôi. Lũ Quỷ hút hồn sẽ không đi theo đâu - chúng không thấy được khi chúng ta ở trên không trung, mà chúng thì lại sợ cháu. Chúng ta sẽ gặp hai cháu ở đó - đi bộ sẽ mất tầm nửa tiếng.”

Nói rồi cô lại vọt lên không trung. Will che mắt để quan sát cô và những hình dáng tả tơi thanh lịch khác lượn vòng trong không khí rồi lao đi qua những ngọn cây.

“Ôi, Will, giờ thì chúng ta an toàn rồi! Có Serafina Pekkala ở đây là ổn rồi!” Lyra kêu lên. “Tớ không bao giờ nghĩ mình lại có thể gặp lại cô ấy - cô ấy đến đúng lúc quá phải không? Giống hệt như trước đây, ở Bolvangar...”

Vừa ríu rít nói chuyện một cách vui vẻ như thể đã quên bằng mất cuộc chiến, cô vừa dẫn đường lên con dốc về phía khu rừng. Will chỉ lặng lẽ đi theo. Bàn tay cậu đang nhức nhối dữ dội, và cứ mỗi lần nhói lên, cậu lại mất một chút máu. Cậu ôm nó lên ngang ngực và cố gắng không nghĩ về nó.

Quãng đường tốn không phải nửa tiếng mà là một tiếng bốn mươi lăm phút, vì Will phải dừng lại nghỉ vài lần. Khi tới được hang động, chúng thấy một đồng lửa, một con thỏ đang được quay nướng, và Serafina Pekkala đang quấy thứ gì đó trong một ấm sắt nhỏ.

“Cho ta xem vết thương của cháu nào,” là điều đầu tiên cô nói với Will, cậu không nói không rằng mà chìa tay ra.

Pantalaimon trong hình dạng mèo chăm chú nhìn một cách hiếu kì, nhưng Will thì quay mặt đi. Cậu không muốn nhìn những ngón tay bị cắt lìa của mình.

Các phù thủy khẽ trao đổi với nhau, rồi Serafina Pekkala nói: “Thứ vũ khí gì đã gây ra vết thương này vậy?”

Will với lấy con dao rồi lặng lẽ đưa nó cho cô. Những người đồng hành của cô nhìn nó đầy kinh ngạc và ngờ vực, vì họ chưa từng thấy một con dao nào với cái lưỡi như thế.

“Cái này sẽ cần nhiều hơn là thảo dược để có thể chữa lành được. Nó cần một câu thần chú,” Serafina Pekkala nói. “Được rồi, chúng ta sẽ chuẩn bị một câu. Nó sẽ sẵn sàng khi mặt trăng mọc. Trong lúc đó, cháu nên ngủ một chút.”

Cô phù thủy đưa cho cậu cái cốc nhỏ bằng sừng, chứa một thứ thuốc nóng hổi có vị đắng đã được trung hòa nhờ mật ong, chẳng mấy chốc cậu đã nằm xuống và chìm sâu vào giấc ngủ. Cô phù thủy đắp lá lên người cậu rồi quay sang Lyra lúc này vẫn đang gặm thịt thỏ.

“Nào, Lyra,” cô nói, “kể cho ta nghe cậu bé này là ai, và cháu biết gì về thế giới này, cả về con dao của cậu ta nữa.”

Lyra hít một hơi sâu rồi bắt đầu.

Ngôn ngữ màn hình

“Bà nói lại xem nào,” Tiến sĩ Oliver Payne nói trong phòng thí nghiệm nhỏ nhìn ra công viên. “Hoặc là tôi không nghe rõ hoặc là bà đang nói chuyện tầm xàm. Một đứa trẻ từ thế giới khác ư?”

“Đó là điều cô bé nói. Được rồi, nó ngớ ngẩn thật, nhưng hãy *nghe* này, Oliver, được chứ?” Tiến sĩ Mary Malone nói. “Cô bé biết về Bóng. Cô bé gọi chúng - nó - cô bé gọi đó là Bụi, nhưng chỉ là cùng một thứ thôi. Đó là những hạt Bóng của chúng ta. Mà tôi nói ông nghe, khi cô bé đeo các cực điện kết nối với Động, màn hình đã hiển thị những thứ cực kì phi thường: các hình ảnh, biểu tượng... Cô bé cũng có một thiết bị, một vật dạng như la bàn làm bằng vàng, với các biểu tượng khác nhau quanh viền. Cô bé nói mình có thể đọc vật đó theo cùng một cách, và nó cũng biết tĩnh tâm nữa, biết rất sâu sắc.”

Lúc đó đang là giữa buổi sáng. Vị học giả Tiến sĩ Malone của Lyra đang đỏ mắt vì thiếu ngủ, còn người đồng nghiệp vừa mới trở về từ Geneva của bà thì nôn nóng muốn được nghe nhiều hơn, ông vừa nghi ngờ vừa thấy lo lắng.

“Vấn đề là, Oliver ạ, cô bé đã giao tiếp với chúng. Chúng có ý thức. Và chúng có thể phản hồi lại. Ông có nhớ những cái sọ của mình không? Cô bé nói với tôi về vài cái sọ trong Bảo tàng Sông Pitt - nhờ cái vật như la bàn, cô bé phát hiện ra rằng chúng lâu đời hơn rất nhiều so với những gì Bảo tàng nói, còn có các hạt Bóng...”

“Đợi chút đã. Cho tôi một chút *kết cấu* đi đã. Bà đang nói cái gì vậy? Bà nói rằng cô bé khẳng định lại những thứ chúng ta đã biết, hay rằng nó cho chúng ta biết điều gì đó mới mẻ?”

“Cả hai. Tôi không biết nữa. Nhưng giả sử như có điều gì đó đã xảy ra vào ba mươi, bốn mươi nghìn năm trước. Trước cả lúc đó đã tồn tại các hạt Bó, điều đó thì rõ rồi - chúng đã xuất hiện kể từ vụ nổ Big Bang - nhưng không có cách tự nhiên nào để khuếch đại ảnh hưởng của chúng tại cấp độ *của chúng ta*, cấp độ của loài người. Và rồi một điều gì đó đã xảy ra, tôi không thể hình dung ra nổi nó là cái gì, nhưng nó có liên quan đến sự tiến hóa. Do đó dẫn đến những cái sọ của ông - nhớ chứ? Không có Bó trước thời gian đó, sau đó thì rất nhiều? Rồi những cái sọ mà đứa bé tìm thấy trong Bảo tàng, những cái mà nó kiểm tra bằng dụng cụ giống la bàn của mình. Nó cũng nói với tôi như vậy. Ý tôi muốn nói là vào khoảng thời gian đó, bộ não con người đã trở thành phương tiện lí tưởng cho quá trình khuếch đại đó. Đột nhiên chúng ta trở nên có ý thức.”

Tiến sĩ Payne nghiêng chiếc cốc nhựa của mình rồi uống nốt chỗ cà phê.

“Sao nó lại phải xảy ra đúng vào thời gian đó?” Ông hỏi. “Sao đột nhiên lại là ba mươi lăm nghìn năm trước?”

“Ồ, ai mà biết được chứ? Chúng ta đâu phải những nhà cổ sinh vật học. Tôi không biết, Oliver ạ, tôi chỉ suy đoán thôi. Ông không cho rằng ít nhất thì nó cũng có khả năng sao?”

“Còn viên cảnh sát này nữa. Kể cho tôi về ông ta đi.”

Tiến sĩ Malone dụi mắt. “Tên ông ta là Walters,” bà nói. “Ông ta tự nhận mình tới từ chi nhánh Đặc biệt. Tôi nghĩ đó là chính trị hay gì đó?”

“Khủng bố, đảo chính, tình báo... Tất cả những thứ đó. Cứ nói tiếp đi. Ông ta muốn gì? Tại sao ông ta lại đến đây?”

“Vì cô bé kia. Ông ta nói đang tìm kiếm một cậu bé khoảng tầm cùng tuổi, nhưng không nói lí do, và người ta đã thấy cậu bé này đi

cùng với cô bé đã tới đây. Nhưng ông ta cũng đang toan tính một việc khác, Oliver ạ, ông ta *biết* về nghiên cứu của chúng ta, thậm chí còn hỏi...”

Chuông điện thoại reo vang. Bà dừng bật lại và nhún vai, Tiến sĩ Payne nhắc máy trả lời. Ông nói ngắn gọn rồi đặt nó xuống và nói: “Chúng ta có khách.”

“Ai vậy?”

“Không phải một cái tên mà tôi biết. Ngài Ai đó Gì đấy. Nghe này, Mary, tôi sắp nghỉ rồi, bà nhận ra điều đó phải không?”

“Người ta đã đề nghị ông một công việc.”

“Phải. Tôi phải nhận nó. Hẳn là bà hiểu điều đó.”

“Chà, vậy thì chuyện này kết thúc rồi.”

Ông xòe hai tay ra một cách bất lực và nói: “Nói thẳng nhé... Tôi chẳng thể thấy chút ý nghĩa nào trong cái thứ mà bà vừa mới đề cập đến. Những đứa trẻ từ thế giới khác và các hạt Bóng hóa thạch... Toàn bộ chuyện này thật điên rồ. Tôi không thể dính dáng vào được. Tôi có sự nghiệp của mình, Mary ạ.”

“Còn những cái sọ ông đã kiểm tra thì sao? Cả những hạt Bóng quanh bức tượng bằng ngà nữa?”

Ông lắc đầu rồi quay lưng lại. Trước khi ông kịp trả lời thì có tiếng gõ lên cửa, ông gần như tỏ ra nhẹ nhõm khi mở cửa.

Ngài Charles cất tiếng: “Chúc một ngày tốt lành. Tiến sĩ Payne? Tiến sĩ Malone? Tên tôi là Charles Latrom. Các vị thật tử tế khi đồng ý gặp tôi một cách đường đột thế này.”

“Xin mời vào,” Tiến sĩ Malone mết mội nói, bà đang rất bối rối. “Có phải Oliver đã nói là Ngài Charles không? Chúng tôi có thể giúp gì được cho ông?”

“Có thể là tôi làm được gì đó giúp cho các vị,” ông ta nói. “Tôi hiểu rằng các vị đang chờ đợi kết quả đơn xin cấp vốn của mình.”

“Làm sao ông biết được việc đó?” Tiến sĩ Payne ngạc nhiên.

“Tôi đã từng là một viên chức nhà nước. Lẽ đương nhiên tôi quan tâm đến việc chỉ đạo chính sách về khoa học. Tôi vẫn còn giữ một vài mối trong ngành, và tôi nghe nói rằng... Tôi ngồi xuống được chứ?”

“Ồ, vâng,” Tiến sĩ Malone nói. Bà kéo một cái ghế ra rồi ông ta ngồi xuống như thể đang điều hành một cuộc họp vậy.

“Cảm ơn bà. Tôi nghe qua một người bạn - tốt hơn hết tôi không nên nhắc đến tên ông ấy; Luật Bảo mật Chính quyền bao gồm đủ các thứ xuẩn ngốc - tôi được biết rằng đơn xin của các vị đang được xem xét, và những gì tôi nghe được về nó cuốn hút đến mức tôi phải thú nhận rằng mình đã yêu cầu được xem một phần công trình của các vị. Tôi biết là mình chẳng có liên quan gì, ngoại trừ việc tôi vẫn hoạt động như một dạng cố vấn không chính thức, nên tôi dùng nó làm cái cớ. Quả thật những gì đã thấy khiến tôi mê mẩn.”

“Có phải ông cho rằng chúng tôi sẽ thành công không?” Tiến sĩ Malone nói, ngả người về trước, háo hức muốn tin ông ta.

“Đáng tiếc là không. Tôi phải nói thẳng. Họ không sẵn lòng nổi lại trợ cấp cho các vị đâu.”

Tiến sĩ Malone sụp vai xuống. Tiến sĩ Payne đang quan sát người đàn ông với sự hiếu kì và cảnh giác.

“Vậy vì sao ông lại tới đây?” Ông tiến sĩ hỏi.

“À, các vị thấy đấy, người ta vẫn chưa chính thức đưa ra quyết định. Xem chừng không có vẻ hứa hẹn lắm, mà tôi phải thực lòng với các vị: họ không thấy chút tương lai nào trong việc chi trả cho một công trình như thế này. Tuy nhiên, khả năng là nếu có ai đó biện hộ cho trường hợp của các vị, họ sẽ nhìn nó theo cách khác đi.”

“Một người biện hộ ư? Ý ông là chính ông sao? Tôi không hề biết nó hoạt động như vậy,” Tiến sĩ Malone đứng dậy nói. “Tôi cứ nghĩ người ta tiến thành bình duyệt và nhiều thứ khác nữa...”

“Về nguyên tắc thì là như vậy, đương nhiên rồi,” Ngài Charles nói, “nhưng cũng rất hữu ích khi biết được rằng những ủy ban này làm việc dựa trên thực tiễn nữa. Và biết được ai ở phía họ. Vâng, tôi đây. Tôi

cực kì hứng thú với công trình của các vị, tôi cho rằng nó có thể rất giá trị, và hẳn nhiên là cần được tiếp tục. Các vị sẽ cho phép tôi thay mặt các vị thực hiện thuyết trình chứ?”

Tiến sĩ Malone cảm thấy như một thủy thủ đang sắp chết đuối thì vớ được đai cứu sinh. “Chao ôi... Vâng! Trời ạ, đương nhiên rồi! Cảm ơn ông... Ý tôi là, ông có thực sự cho rằng điều đó sẽ tạo ra sự khác biệt không? Tôi không có ý giả định rằng... Tôi không biết mình định nói gì nữa. Vâng, đương nhiên rồi!”

“Chúng tôi sẽ phải làm gì?” Tiến sĩ Payne hỏi.

Tiến sĩ Malone ngạc nhiên nhìn ông. Chẳng phải Oliver vừa nói ông sắp đến Geneva làm việc sao? Nhưng dường như ông hiểu Ngài Charles rõ hơn là bà, vì một vẻ đồng loã lóe lên giữa họ, và Oliver cũng ngồi xuống.

“Tôi mừng là các vị đồng ý với ý kiến của tôi,” ông già nói. “Các vị nói đúng. Có một hướng mà tôi sẽ đặc biệt vui mừng được thấy các vị đi theo. Và trong trường hợp chúng ta đồng thuận, tôi thậm chí có thể tìm cho các vị thêm một chút tiền từ một nguồn hoàn toàn khác.”

“Khoan, khoan,” Tiến sĩ Malone nói, “đợi một chút đã. Tiến trình của nghiên cứu này là một việc quan trọng đối với chúng tôi. Tôi hoàn toàn sẵn lòng thảo luận về các kết quả, nhưng không phải là hướng đi. Chắc hẳn ông có thấy...”

Ngài Charles xòe hai bàn tay ra vẻ tiếc nuối rồi đứng dậy. Oliver Payne cũng đứng lên, lo lắng.

“Không, xin ông, Ngài Charles,” ông nói, “tôi đảm bảo Tiến sĩ Malone sẽ nghe ông nói. Mary, vì chúa, lắng nghe một chút có mất gì đâu. Việc đó lại có thể tạo ra khác biệt hoàn toàn.”

“Tôi tưởng ông sắp đi Geneva?” Bà thắc mắc.

“Geneva?” Ngài Charles thốt lên. “Một nơi ưu tú. Rất nhiều cơ hội ở đó. Rất nhiều tiền nữa. Đừng để tôi giữ chân ông.”

“Không, không, việc đó chưa được quyết định,” Tiến sĩ Payne vội vàng nói. “Vẫn còn nhiều thứ cần phải thảo luận - tất cả vẫn còn có thể thay đổi. Ngài Charles, xin mời ngồi. Tôi lấy cho ông chút cà phê được chứ?”

“Ông thật tử tế,” Ngài Charles nói rồi ngồi xuống trở lại, với không khí của một con mèo đang măn nguyện.

Lần đầu tiên Tiến sĩ Malone nhìn rõ ông ta. Bà thấy một người đàn ông đang ở cuối những năm sáu mươi tuổi, thành đạt, tự tin, ăn mặc đẹp, quen với mọi thứ ở tầm tốt nhất, quen với việc đi lại giữa những con người quyền lực và thì thầm vào những đôi tai quan trọng. Oliver nói đúng: ông ta có muốn một thứ gì đó. Và họ sẽ không có được sự trợ giúp của ông ta nếu không làm ông ta thỏa mãn.

Bà khoanh tay lại.

Tiến sĩ Payne đưa cho ông già một cái cốc rồi nói: “Xin thứ lỗi, nó khá tầm thường...”

“Không đâu. Tôi nói tiếp được chứ?”

“Vâng, xin mời ông,” Tiến sĩ Payne đáp.

“À, tôi hiểu rằng các vị đã có những khám phá tuyệt vời trong lĩnh vực ý thức. Phải, tôi biết, các vị vẫn chưa công bố điều gì cả, và xem chừng vẫn còn một chặng đường dài từ cái có vẻ như là đối tượng nghiên cứu của các vị. Dù vậy, tiếng lành vẫn đồn xa. Tôi đặc biệt có hứng thú với điều đó. Tôi sẽ rất hài lòng nếu, giả như, các vị tập trung nghiên cứu của mình về việc chi phối ý thức. Thứ hai, giải thiết đa thế giới - Everett, các vị nhớ chứ, năm 1957 hay khoảng đó; tôi tin rằng các vị đang trên đường đạt tới một thứ có thể đẩy học thuyết đó đi xa hơn rất nhiều. Ngoài ra, lĩnh vực nghiên cứu đó thậm chí có thể còn thu hút được vốn phòng vệ, thứ mà có lẽ các vị đều biết là cho đến giờ vẫn còn rất dồi dào, và chắc chắn là không phải trải qua những quá trình xin xỏ mệt mỏi này.

“Đừng mong tôi nói ra những nguồn thông tin của mình,” ông nói tiếp, bàn tay giơ lên khi Tiến sĩ Malone ngả người về trước, định nói gì

đó. “Tôi đã nhắc tới Luật Bảo mật Chính quyền; một điều luật tẻ nhạt nhưng lại không thể không tuân theo. Tôi tự tin kì vọng vào những bước tiến trong lĩnh vực đa thế giới. Tôi cho rằng các vị là những người sẽ làm được điều đó. Và thứ ba, có một vấn đề đặc biệt gắn với một cá nhân. Một đứa bé.”

Ông ta dừng lại ở đó rồi hớp một ngụm cà phê. Tiến sĩ Malone không nói nổi. Bà tái nhợt đi dù bản thân không nhận ra, nhưng bà biết rằng mình cảm thấy muốn ngất.

“Vì nhiều lí do khác nhau,” Ngài Charles tiếp tục. “Tôi đang giữ liên lạc với cục tình báo. Họ quan tâm đến một đứa trẻ, một bé gái, sở hữu một dụng cụ phi thường, một thiết bị khoa học cổ xưa, chắc chắn là bị lấy trộm, nó nên được những bàn tay đáng tin cậy nắm giữ. Còn có một thằng bé tầm cùng tuổi - mười hai hay gì đó - đang bị truy nã vì có dính líu đến tội danh giết người. Đương nhiên người ta sẽ tranh cãi về việc liệu một đứa trẻ ở tuổi đó có thể giết người được hay không, nhưng chắc chắn nó đã giết ai đó. Mà người ta đã nhìn thấy thằng bé đi với đứa con gái.

“VẬY, Tiến sĩ Malone, có thể bà đã bắt gặp một trong số chúng. Cũng có thể là bà đang nghiêng về hướng kể lại với cảnh sát những điều mình biết. Nhưng bà sẽ giúp ích rất nhiều nếu nói riêng cho tôi. Tôi có thể đảm bảo cho những người có thẩm quyền thích hợp lo chuyện này một cách hiệu quả và nhanh chóng, không có mấy vụ công khai ngớ ngẩn trên báo khổ nhỏ. Tôi biết là Thanh tra Walters đã tới gặp bà vào ngày hôm qua, và tôi cũng biết rằng đứa con gái đã xuất hiện - bà thấy đấy, tôi biết mình đang nói cái gì. Tôi sẽ biết, ngay lập tức, nếu bà gặp lại nó; nếu bà không nói với tôi, tôi cũng sẽ biết. Sẽ rất khôn ngoan nếu bà suy nghĩ thật kĩ càng về điều đó, và nhớ lại thật rõ những điều cô bé nói và làm lúc ở đây. Đây là một vấn đề thuộc an ninh quốc gia. Bà hiểu ý tôi rồi đấy.

“Tôi sẽ dừng ở đây. Đây là danh thiếp của tôi để mọi người có thể liên lạc. Tôi sẽ không để việc này quá lâu; như hai người đã biết, hội

đồng cấp vốn sẽ hợp vào ngày mai. Nhưng mọi người có thể liên lạc với tôi bằng số điện thoại này bất cứ lúc nào.”

Ông ta đưa danh thiếp cho Oliver Payne rồi thấy rằng Tiến sĩ Malone vẫn đang khoanh tay nên bèn đặt một tấm lên tường kỉ cho bà. Tiến sĩ Payne giữ cửa để ông ta đi ra. Ngài Charles đặt chiếc mũ Panama lên đầu, vỗ nhẹ lên nó, mỉm cười rạng rỡ với cả hai người rồi đi ra.

Sau khi đã đóng cửa lại, Tiến sĩ Payne kêu lên: “Mary, bà điên rồi sao? Cư xử như thế là sao chứ?”

“Ông nói sao cơ? Ông không bị cái lão già ghê sợ đó lừa phỉnh đấy chứ?”

“Bà không thể từ chối những lời đề nghị như vậy được! Bà có muốn dự án này sống sót không đó?”

“Đó không phải là một đề nghị,” bà nóng nảy nói, “đó là tối hậu thư. Làm theo lời ông ta, hoặc là dẹp hết. Mà vì Chúa, Oliver ạ, tất cả những lời đe dọa và ẩn ý không quá tinh vi về an ninh quốc gia và những thứ khác - ông không thấy nó sẽ dẫn đến đâu sao?”

“Trời, tôi nghĩ tôi có thể thấy rõ hơn bà đó. Nếu bà nói từ chối, người ta sẽ không đóng cửa chỗ này. Họ sẽ chiếm luôn nó. Nếu họ có hứng thú như ông ta nói, họ sẽ muốn nó được tiếp tục tiến hành. Nhưng chỉ khi tuân theo điều kiện của họ.”

“Nhưng những điều kiện của họ sẽ là... Vì chúa, là *phòng vệ* đấy - người ta muốn tìm những phương thức mới để giết người. Ông nghe ông ta nói gì về ý thức rồi đấy: ông ta muốn *chi phối* nó. Tôi sẽ không dính líu gì vào đó đâu, Oliver ạ, không bao giờ.”

“Đằng nào thì họ cũng sẽ làm thế thôi, còn bà thì sẽ mất việc. Nếu ở lại, có khi bà lại tác động được lên nó theo hướng tốt hơn. Mà bà lại vẫn được trực tiếp nghiên cứu! Bà vẫn sẽ được tham gia!”

“Nhưng nói cho cùng thì việc đó có liên quan gì đến ông chứ?” Bà thắc mắc. “Tôi cứ nghĩ vụ Geneva xong xuôi hết rồi?”

Ông đưa tay lên vuốt tóc và nói: “À, vẫn chưa xong. Chưa có gì được kí cả. Việc đó ở một góc độ hoàn toàn khác, còn tôi thì sẽ rất tiếc nếu phải rời khỏi đây vì giờ tôi nghĩ chúng ta thực sự đã khám phá ra một điều quan trọng...”

“Ông đang nói gì vậy?”

“Ý tôi không phải là...”

“Ông đang ám chỉ điều gì đó. Ý ông là sao?”

“À thì...” Ông tiến sĩ đi loanh quanh trong phòng thí nghiệm, xòe hai bàn tay, nhún vai, rồi lại lắc đầu. “Nói chung, nếu bà không liên lạc với ông ấy thì tôi sẽ làm,” cuối cùng ông chốt lại.

Tiến sĩ Malone im lặng. Rồi bà nói: “Ồ, tôi hiểu rồi.”

“Mary, tôi phải nghĩ đến...”

“Đương nhiên ông phải làm vậy rồi.”

“Không phải như...”

“Không, không.”

“Bà không hiểu...”

“Tôi hiểu chứ. Rất đơn giản. Ông hứa sẽ làm theo những gì ông ta nói, ông được cấp tiền, tôi bỏ đi, ông tiếp quản vị trí Giám đốc. Không khó để hiểu. Ông sẽ có ngân sách dồi dào hơn. Nhiều máy móc mới hiện đại. Thêm nữa tá Tiến sĩ thực tập dưới trướng ông. Ý tưởng hay đấy. Ông làm đi, Oliver ạ. Cứ thoải mái. Nhưng với tôi thì đủ rồi, tôi đi đây. Thứ này bốc mùi quá.”

“Bà vẫn chưa...”

Nhưng biểu cảm của bà đã khiến ông im bật. Bà cởi chiếc áo choàng trắng rồi treo nó lên cửa, tập hợp một ít giấy tờ vào túi, và bỏ đi không nói một lời. Ngay khi bà đi khỏi, ông tiến sĩ liền lấy danh thiếp của Ngài Charles và cầm điện thoại lên.

Vài giờ sau, thật ra là ngay trước nửa đêm, Tiến sĩ Malone đỗ xe bên ngoài tòa nhà khoa học rồi đi vào qua cửa phụ. Nhưng ngay khi bà vừa

rẽ để leo lên cầu thang, một người đàn ông bước ra từ một hành lang khác, khiến bà giật mình đến mức suýt nữa đánh rơi cặp sách. Người đàn ông này mặc đồng phục.

“Bà đi đâu vậy?” Ông ta lên tiếng.

Ông ta đứng chặn đường, to lừng lững, đôi mắt gần như bị che khuất dưới vành mũ kéo thấp.

“Tôi tới phòng thí nghiệm của mình. Tôi làm việc ở đây. Ông là ai?” Bà nói, hơi bức mình xen lẫn chút hoảng sợ.

“Nhân viên an ninh. Bà có mang thẻ căn cước không?”

“An ninh gì? Tôi rời khỏi tòa nhà này lúc ba giờ chiều nay và khi đó chỉ có một người gác cửa đang trực như mọi khi. Đáng ra tôi mới cần phải hỏi thẻ căn cước của ông. Ai bổ nhiệm ông? Và vì sao?”

“Thẻ của tôi đây,” người đàn ông nói rồi cho bà xem một tấm thẻ, quá nhanh để bà có thể đọc được. “Của bà đâu?”

Bà nhận ra ông ta có một chiếc điện thoại di động trong cái bao giắt ở hông. Hay đó là một khẩu súng? Không, chắc chắn là không rồi, bà đang hoang tưởng thôi. Ông ta vẫn chưa trả lời câu hỏi của bà. Nhưng nếu cứ cố ép, bà sẽ khiến người đàn ông nghi ngờ, mà việc quan trọng lúc này là vào được phòng thí nghiệm: xoa dịu ông ta như làm với một con chó, bà nghĩ. Bà lần tìm trong túi và thấy chiếc ví.

“Cái này có được không?” Bà nói, chìa cho ông ta xem tấm thẻ dùng để điều khiển thanh chắn trong bãi đậu xe.

Ông ta nhìn qua.

“Bà làm gì ở đây vào đêm hôm khuya khoắt thế này?” Ông ta hỏi.

“Tôi đang tiến hành một thí nghiệm. Tôi phải kiểm tra máy tính đều đặn.”

Ông ta dường như đang tìm kiếm một lý do để ngăn cấm bà, hoặc có lẽ chỉ đang thực thi quyền lực của mình mà thôi. Cuối cùng ông gật đầu rồi đứng sang một bên. Bà bước qua, mỉm cười với ông, nhưng gương mặt ông vẫn không lộ chút cảm xúc.

Khi đã tới được phòng thí nghiệm, bà vẫn đang run lấy bầy. Chưa bao giờ có nhiều “an ninh” trong tòa nhà này hơn là một ổ khóa trên cửa cùng một người gác cửa già, và bà biết tại sao lại có sự thay đổi này. Nhưng điều đó có nghĩa là bà có rất ít thời gian: bà sẽ phải sắp xếp mọi việc ổn thỏa ngay lập tức, vì một khi họ đã phát hiện ra điều bà đang làm, bà sẽ không thể quay lại nữa.

Bà khóa cửa lại phía sau rồi hạ rèm xuống. Bà bật máy dò lên, lấy một chiếc đĩa mềm từ trong túi áo ra rồi đẩy nó vào cái máy tính dùng để điều khiển Động, chỉ trong một phút bà đã bắt đầu thao tác các chữ số trên màn hình, nửa bằng logic, nửa bằng cách đoán mò, và nửa bằng chương trình bà đã chạy cả buổi tối ở nhà; mức độ phức tạp trong nhiệm vụ của bà cũng nan giải không kém gì lấy ba nửa để tạo thành một chính thể.

Cuối cùng bà gạt tóc khỏi mắt rồi gắn các điện cực lên đầu, sau đó bà cong các ngón tay lại và bắt đầu gõ. Bà cảm thấy cực kì bối rối.

Xin chào. Tôi không chắc mình đang làm gì nữa.

Có lẽ chuyện này thật điên rồ.

Những chữ cái tự sắp xếp ở bên trái màn hình, đó là điều ngạc nhiên đầu tiên. Bà không hề sử dụng bất cứ chương trình chạy chữ nào - trên thực tế, bà đang bỏ qua phần lớn hệ thống vận hành - nên dù là thứ dạng thức gì đang tự áp đặt lên các con chữ thì nó cũng không phải là của bà. Bà cảm thấy tóc bắt đầu dựng lên ở phía sau gáy, và bà trở nên ý thức được về toàn bộ tòa nhà xung quanh mình, những khu hành lang tối đen, máy móc để không, đủ loại thí nghiệm tự động chạy, máy tính giám sát các cuộc thử nghiệm và ghi chép kết quả, điều hòa lấy mẫu không khí rồi điều chỉnh độ ẩm và nhiệt độ, toàn bộ hệ thống ống dẫn và dây cáp hợp thành những động mạch và dây thần kinh của tòa nhà đang trong trạng thái tỉnh táo... trên thực tế, chúng gần như là có ý thức.

Bà thử lại.

**Tôi đang thử với từ ngữ những gì tôi đã làm trước đây
bằng cách tĩnh tâm, nhưng**

Trước khi bà kịp hoàn thành câu nói, con trỏ chuột đã chạy ngang qua màn hình sang phía bên phải và hiện ra:

Hỏi một câu đi.

Việc đó gần như xảy ra tức thời.

Bà cảm thấy như mình vừa bước lên một khoảng không gian không hề tồn tại. Cả cơ thể bà đảo đảo vì sốc. Phải mất một lúc bà mới đủ bình tĩnh để thử lại. Khi làm vậy, câu trả lời tự động lao qua phía lề phải của màn hình gần như trước cả khi bà kịp nói xong.

Người là Bóng à? Phải.

Người có phải cùng loại với Phải.

Bụi của Lyra không?

Vậy đó là vật chất tối à? Phải.

Vật chất tối có ý thức sao? Hiển nhiên rồi.

**Những gì tôi nói với Oliver Chính xác. Nhưng bà
sáng nay, ý tưởng của tôi về cần phải hỏi thêm nhiều
sự tiến hóa của loài người, nó có câu nữa.**

Bà ngừng lại, hít một hơi sâu, đẩy ghế về sau, gập các ngón tay lại. Bà có thể cảm nhận thấy tim mình đang đập dồn dập. Mọi thứ về

điều đang diễn ra đều rất vô lí: toàn bộ nền giáo dục bà nhận được, toàn bộ tâm tính, toàn bộ cảm quan của bản thân với tư cách một nhà khoa học đều đang lặng lẽ rút lên với bà: việc này không đúng! Nó không thể xảy ra! Bà đang mơ! Thế nhưng chúng lại đang ở đó, trên màn hình: những câu hỏi của bà, và câu trả lời từ một trí óc nào đó khác.

Bà trấn tĩnh lại rồi gõ tiếp, những câu trả lời lại vụt hiện lên không ngừng nghỉ.

Trí óc đang trả lời những Không phải. Nhưng câu hỏi này không phải con người vẫn luôn biết tới con người đúng không? chúng tôi.

Chúng tôi? Người có nhiều hơn Hàng tỉ tỉ, không đếm nổi. một à?

Nhưng các người là ai? Các thiên thần.

Đầu Mary Malone ong lên. Bà đã được nuôi dạy như một tín đồ Cơ Đốc giáo. Hơn thế nữa: như Lyra đã khám phá ra, bà từng là một nữ tu. Giờ này thì trong bà không còn sót lại chút lòng tin nào, nhưng bà biết về các thiên thần. Thánh Augustine đã nói: “Thiên thần là tên của chức vụ, không phải bản chất của họ. Nếu người tìm tên gọi bản chất của họ, đó là linh hồn; nếu người tìm tên gọi chức vụ của họ, đó là thiên thần; từ bản chất của họ: linh hồn, từ việc làm của họ: thiên thần.”

Trong cơn choáng váng và run rẩy, bà lại gõ:

Thiên thần là những sinh vật Những kết cấu. Những của vật chất Bóng? Của Bụi? phức hóa. Phải.

Và vật chất Bóng là thứ mà Từ bản chất của chúng tôi,

**chúng tôi vẫn gọi là linh hồn? linh hồn; từ việc làm của
chúng tôi, vật chất. Vật
chất và linh hồn là một.**

Bà rùng mình. Chúng đang lắng nghe suy nghĩ của bà.

**Có phải các người đã can thiệp vào Phải.
sự tiến hóa của loài người không?
Vì sao? Trả thù.**

**Trả thù cho - ồ! Các thiên thần Tìm đưa con gái và đưa
phản nghịch! Sau cuộc chiến trên con trai đi. Đừng phí thời
Thiên Đường - Satan và Vườn gian nữa. Bà phải đóng
Địa Đàng - nhưng nó đâu có thật vai con rắn.
đúng không? Đó có phải là điều
mà các người - nhưng tại sao chứ?**

Bà rời tay khỏi bàn phím rồi dịu mắt. Khi nhìn lại, những từ ngữ
vẫn ở đó.

**Ở đâu Đến một con đường
mang tên Đại lộ
Sunderland và tìm
một cái lều. Lừa người canh
gác rồi đi qua. Lấy đồ dự
trữ cho một cuộc hành
trình dài. Bà sẽ được**

**bảo vệ. Lũ Quỷ hút hồn
sẽ không động tới bà.**

**Nhưng tôi Trước khi đi, hãy phá
hủy thiết bị này.**

**Tôi không hiểu - tại sao Bà đã được chuẩn bị
lại là tôi? Cuộc hành trình này cho điều này ngay từ khi
là sao? Còn sinh ra. Công việc của
bà ở đây đã kết thúc.
Việc cuối cùng bà phải
làm ở thế giới này là
ngăn chặn kẻ thù nắm
quyền kiểm soát nó. Phá
hủy thiết bị này. Làm
luôn rồi đi ngay đi.**

Mary Malone đẩy cái ghế lại rồi đứng lên, cả người run cầm cập. Bà ấn ngón tay lên hai thái dương và nhận ra các cực từ vẫn đang gắn trên da mình. Bà tháo chúng ra một cách lơ đãng. Bà có thể đã ngờ vực điều mình vừa làm, và những thứ vẫn đang hiện rõ trên màn hình, nhưng trong khoảng nửa giờ vừa qua bà đã vượt lên trên cả hồ nghi lẫn tin tưởng. Một điều gì đó đã xảy ra, và bà bị kích động.

Bà tắt máy dò và bộ khuếch đại. Sau đó bà bỏ qua tất cả những quy tắc an toàn để xóa sạch dữ liệu trong ổ cứng máy tính; rồi bà gỡ bỏ tấm card mạng, được thiết kế đặc biệt với giao diện đặt trên nó, ở giữa máy dò và bộ khuếch đại. Bà đặt tấm card lên trường ki và nghiền nát nó bằng gót giày, vì ở đây không có thứ nào khác đủ nặng để xài. Tiếp theo bà ngắt kết nối dây giữa chấn điện từ và máy dò, tìm thấy sơ đồ

nổi dây trong ngăn kéo tủ để tài liệu và châm lửa đốt. Còn việc gì bà có thể làm không nhỉ? Bà không thể tác động được gì vào kiến thức của Oliver Payne về chương trình này, nhưng phần cứng đặc biệt đã bị phá hỏng triệt để.

Bà nhét vài tờ giấy trong một ngăn kéo vào cặp sách của mình, rồi cuối cùng là dỡ tấm áp phích với biểu tượng lục giác của Kinh Dịch, gấp nó lại rồi cho vào túi áo. Sau đó bà tắt điện và đi ra.

Người nhân viên an ninh đang đứng ở chân cầu thang nói chuyện điện thoại. Ông ta cất nó đi khi bà bước xuống rồi lặng lẽ hộ tống bà ra tới cửa phụ, nhìn qua cánh cửa bằng kính trong lúc bà lái xe đi.

Một tiếng rưỡi sau, bà đỗ xe lại trong một con phố gần Đại lộ Sunderland. Bà đã phải kiểm nó trên một tấm bản đồ Oxford; bà không biết rõ về phía này của thành phố. Cho tới tận giờ phút đó bà đã di chuyển nhờ sự kích động bị kìm nén, nhưng khi bước ra khỏi xe trong bóng tối của thời khắc quá nửa đêm, thấy đêm khuya mát mẻ, thanh vắng khắp xung quanh, bà cảm thấy nỗi sợ hãi rõ rệt đang dâng lên. Giả dụ bà đang mơ thì sao? Giả sử tất cả chỉ là một trò đùa tinh vi thì thế nào?

Thế nhưng đã quá muộn để lo lắng về điều đó. Bà đã dính líu vào rồi. Bà nhắc ra cái balô thường mang theo trong những chuyến cắm trại ở Scotland và dãy Alps, rồi nhận định rằng ít nhất thì bà cũng biết cách sống sót ngoài trời; giả sử điều tồi tệ nhất có xảy ra thì bà luôn có thể bỏ chạy, hướng về phía những ngọn đồi...

Thật nực cười.

Nghĩ vậy nhưng bà vẫn khoác balô lên lưng, ra khỏi xe và rẽ vào Đường Banbury, đi bộ khoảng hai hay ba trăm mét tới nơi Đại lộ Sunderland chạy sang bên trái từ bùng binh. Cả đời bà chưa bao giờ cảm thấy ngu xuẩn đến thế.

Nhưng khi rẽ qua góc phố và thấy những cái cây kì quặc như cây non mà Will đã thấy, bà biết rằng ít nhất thì cũng có thứ đúng sự thật

trong toàn bộ chuyện này. Trên thảm cỏ dưới hàng cây ở phía xa bên kia đường có một cái lều vuông nhỏ bằng vải nylon đỏ trắng, loại mà các kĩ sư điện thường dựng lên để trú mưa trong lúc làm việc, đồ gần đó là một chiếc xe tải chở hàng màu trắng không nhãn hiệu với kính cửa sổ tối màu.

Tốt nhất là không nên do dự. Bà băng qua đường tới thẳng chỗ căn lều. Khi bà gần tới nơi, cửa hậu của chiếc xe tải bật mở và một viên cảnh sát bước ra. Không có mũ bảo hiểm trông anh ta thật trẻ trung, ánh đèn đường bên dưới tán lá xanh dày đặc phía trên chiếu rọi toàn bộ gương mặt anh.

“Tôi có thể hỏi bà đang đi đâu không, thưa bà?” Anh ta lên tiếng.

“Vào trong lều.”

“Tôi e rằng không được đâu, thưa bà. Tôi đã nhận lệnh không để cho bất kì ai lại gần nó.”

“Tốt,” bà nói, “rất mừng là người ta đã cho bảo vệ nơi này. Nhưng tôi tới từ Ban Khoa học Vật lí - Ngài Charles Latrom yêu cầu chúng tôi thực hiện một cuộc khảo sát sơ bộ rồi báo cáo về trước khi người ta kiểm tra nó kĩ lưỡng. Việc tiến hành vào lúc vắng người như bây giờ là rất quan trọng - chắc chắn anh hiểu lí do cho việc đó.”

“À, vâng,” anh ta đáp. “Nhưng bà có thứ gì để chứng minh mình là ai không?”

“Ồ, chắc chắn rồi,” bà đáp rồi hạ balô xuống khỏi lưng để lấy ví. Trong số những đồ vật bà lấy trong ngăn kéo ở phòng thí nghiệm là tấm thẻ thư viện đã hết hạn của Oliver Payne. Sau mười lăm phút thao tác tại bàn bếp của mình, tấm ảnh từ hộ chiếu của bà đã tạo ra một thứ mà bà hi vọng trông sẽ đủ giống thật. Viên cảnh sát cầm lấy tấm thẻ cán mỏng rồi cẩn thận kiểm tra.

“Tiến sĩ Oliver Payne,” anh ta đọc. “Bà có tình cờ quen biết Tiến sĩ Mary Malone không?”

“À có. Bà ấy là cộng sự của tôi.”

“Bà có biết bà ấy giờ đang ở đâu không?”

“Ở nhà trên giường, nếu đầu óc bà ấy vẫn bình thường. Sao thế?”

“À, tôi hiểu được rằng vị trí của bà ấy trong tổ chức của các vị đã bị đình chỉ, và bà ấy sẽ không được phép đi qua đây. Thật ra chúng tôi nhận được lệnh ngăn cản nếu bà ấy định cố vào. Khi thấy một phụ nữ, tôi đã nghiễm nhiên nghĩ rằng bà có thể là bà ấy, nếu bà hiểu ý tôi. Xin thứ lỗi cho tôi, Tiến sĩ Payne.”

“À, ra là vậy,” Mary Malone nói.

Viên cảnh sát nhìn tấm thẻ thêm một lần nữa.

“Dù sao thì cái này có vẻ không có vấn đề gì,” anh ta nói rồi trả nó lại. Vừa lo lắng vừa muốn nói chuyện, anh ta tiếp tục: “Bà có biết trong cái lều đó có thứ gì không?”

“Bản thân tôi thì không,” bà nói. “Đó là lí do tôi ở đây lúc này”

“Chắc vậy rồi. Được rồi, Tiến sĩ Payne.”

Anh ta đứng lùi lại và để cho bà tháo dây trên vạt lều. Bà cầu mong anh ta không nhận ra đôi tay đang run rẩy của mình. Ghì chặt lấy cái balô trước ngực, bà bước qua. *Lừa người canh gác* - phải, bà đã làm vậy; nhưng bà không biết tí gì về thứ mình sẽ tìm thấy bên trong căn lều. Bà đã chuẩn bị tinh thần cho một cuộc khai quật khảo cổ; cho xác người chết; cho thiên thạch; nhưng chẳng có gì trong cuộc đời hay cả những giấc mơ của bà giúp bà chuẩn bị tinh thần cho một mét vuông hay gì đó đang lơ lửng giữa không trung, hay cho thành phố âm thầm ngủ yên bên bờ biển mà bà thấy sau khi bước qua.

13

Sát Thánh

Cùng lúc mặt trăng mọc, các phù thủy bắt đầu khẩn thần chú để chữa lành vết thương cho Will.

Họ đánh thức và yêu cầu cậu đặt con dao lên mặt đất, nơi nó bắt được ánh sáng lấp lánh từ các vì sao. Lyra ngồi cạnh đó khuấy thảo dược trong một nồi nước sôi trên đồng lửa. Trong lúc những người đồng hành của mình vỗ tay, giậm chân và hét lên theo nhịp điệu, Serafina cúi xuống con dao và cất tiếng hát bằng một giọng cao đầy dữ dội:

“Hỡi dao nhỏ! Họ nhổ sắt của người
từ ruột của đất mẹ,
nhóm lửa rồi đun quặng,
làm nó khóc lóc, rỉ máu và ngập ngụa,
lấy búa nện rồi tôi luyện,
nhúng vào nước lạnh,
nung trong lò rèn
đến khi lưỡi dao đỏ rực như máu, nóng như thiêu!
Rồi họ bắt người chém vào nước một lần, rồi lại thêm lần nữa,
tới khi hơi bốc đun sôi sương mù
còn nước gào khóc xin dung thứ.

Và khi người lướt một cái bóng đơn độc
vào trong ba mươi nghìn bóng tối,
họ liền biết rằng người đã sẵn sàng,
rồi gọi người là vật kì ảo.
Nhưng dao nhỏ, người đã làm gì?
Thông những cánh cửa đổ máu, mặc cho chúng mở toang!
Con dao nhỏ, mẹ người đang gọi,
từ tận đáy lòng trái đất,
từ những hầm mỏ và hang động sâu cùng,
từ dạ sắt bí mật của bà.
Hãy lắng nghe!”

Serafina lại giậm chân và vỗ tay cùng với các phù thủy khác, họ rung cổ họng để phát ra một tiếng gào thét hoang dại xé toạc không khí như những móng vuốt. Ngồi giữa bọn họ, Will cảm thấy một cơn ớn lạnh thấu tận xương tuỷ.

Rồi Serafina Pekkala quay sang phía Will, cầm lấy bàn tay bị thương của cậu bằng cả hai tay. Lần này khi cô cất tiếng hát, cậu gần như muốn lùi lại, vì chất giọng trong trẻo cao vút của cô thật dữ dội, đôi mắt cô sáng lấp lánh; nhưng cậu ngồi im không nhúc nhích, để cho câu thần chú tiếp diễn.

“Hỡi máu! Nghe lời ta! Hãy quay lại,
trở thành hồ chứ đừng là sông,
Khi người chạm tới không khí bên ngoài,
dừng lại! Và dựng một bức tường kết dính,
xây thật chắc để giữ dòng lũ lại.
Hỡi máu, bầu trời của người là mái vòm sọ,
mặt trời của người là đôi mắt rộng mở,
gió của người là hơi thở trong hai lá phổi,

hồi máu, thế giới của người đã được giới hạn. Hãy ở yên đó!”

Will nghĩ cậu có thể cảm thấy toàn bộ các nguyên tử trong cơ thể mình đang đáp lại mệnh lệnh của cô phù thủy, rồi cậu tham gia cùng, thúc giục máu rỉ phải lắng nghe và tuân lệnh.

Cô đặt bàn tay của cậu xuống rồi quay sang cái ấm sắt nhỏ đặt trên đồng lửa. Luồng hơi đang ngắt đang dâng lên từ đó, Will nghe thấy tiếng chất lỏng sủi bọt ùng ục.

Serafina hát:

“Vỏ sồi, tơ nhện,
rêu đất, cỏ muối...
năm khít, buộc chặt,
giữ chắc, sát gần,
chặn cửa, khóa cổng,
củng cố bức tường máu,
làm khô dòng máu đông.”

Rồi cô phù thủy lấy con dao của mình ra và xẻ dọc suốt chiều dài một thân cây tổng quán sủi. Thứ chất màu trắng rỉ ra từ vết thương lấp lánh trong ánh trắng. Cô bôi một ít chất lỏng đang bốc hơi vào vết rạch rồi khép lớp gỗ lại, miết nhẹ nó lại từ rễ lên tới ngọn. Vậy là thân cây nhỏ lại nguyên vẹn như cũ.

Will nghe tiếng Lyra há hốc miệng vì kinh ngạc, cậu quay lại và thấy một phù thủy khác đang ôm một con thỏ rừng đang quằn quại, vật lộn trong đôi tay rắn rỏi của cô. Con vật thở hổn hển, mắt long lên, quẫy đạp dữ dội, nhưng đôi tay của cô phù thủy không hề nhân nhượng. Một tay cô giữ hai chân trước còn tay kia nắm chặt hai chân sau, kéo thẳng người con thỏ đang điên cuồng, để cái bụng nặng nề của nó hướng lên trời.

Con dao của Serafina lướt ngang người nó. Will thấy đầu óc choáng váng, còn Lyra phải ghì Pantalaimon lại, bản thân nó cũng đang trong trạng thái thờ ơ vì thương cảm, nó lỏng lẻo và tụt vào tay cô bé. Con thỏ thật lẹm đi, mắt lồi ra, ngực phập phồng, ruột lấp lánh.

Nhưng Serafina đã lấy thêm một chút nước xắt rồi nhỏ nó vào vết thương hở, dùng ngón tay khép vết thương lại, vuốt lớp lông ướt lên trên cho tới khi không còn sót lại vết tích của vết thương.

Cô phù thủy đang giữ con vật thả lỏng bàn tay rồi nhẹ nhàng đặt nó xuống mặt đất. Con thỏ lắc mình, quay lại liếm láp mạn sườn, vẩy tai, rồi gặm một lá cỏ như thể đang chỉ có một mình nó vậy. Đột nhiên nó dường như nhận thức được vòng người xung quanh mình nên lập tức lao vọt đi như tên bắn, đã lạnh lặn trở lại, lanh lẹ nhảy biến vào bóng tối.

Lyra vừa vỗ về Pantalaimon vừa liếc sang nhìn Will và thấy rằng cậu đã nhận ra việc này có ý nghĩa gì: thuốc đã sẵn sàng. Cậu chìa bàn tay ra. Trong lúc Serafina bôi thứ hỗn hợp bốc khói lên gốc ngón tay đang rỉ máu, cậu nhìn đi chỗ khác và hít mạnh vào vài lần, nhưng không rút tay lại.

Khi lớp thịt hở của cậu đã được bôi đắp hoàn toàn, cô phù thủy rịt vài lá thảo dược ấm lên vết thương rồi buộc nó lại thật chặt bằng một sợi lụa.

Vậy là xong; câu thần chú đã hoàn thành.

Will ngủ rất sâu trong suốt phần còn lại của buổi đêm. Trời lạnh cóng, nhưng các phù thủy đã chất lá lên người cậu, còn Lyra thì nằm rúc sát phía sau lưng cậu. Sáng ra, Serafina băng bó lại vết thương cho cậu, Will cố gắng đoán từ biểu cảm của cô xem nó có đang lành lại không, nhưng gương mặt cô vẫn giữ vẻ điềm tĩnh.

Sau khi ăn xong, Serafina nói với hai đứa trẻ rằng các phù thủy đã đồng tình rằng vì họ đến thế giới này để tìm Lyra và bảo vệ cô, họ cũng

sẽ giúp Lyra thực hiện việc mà giờ đây cô đã biết là nhiệm vụ của mình: đó là dẫn Will tới chỗ bố mình.

Vậy là họ lên đường; phần lớn cuộc hành trình diễn ra trong im lặng. Ban đầu Lyra hỏi ý kiến Chân Kế một cách thận trọng, và biết được rằng họ nên đi theo hướng của những dãy núi phía xa mà họ có thể thấy qua vùng vịnh khổng lồ. Do chưa từng ở trên cao đến vậy so với thành phố, họ không nhận ra đường bờ biển cong đến mức nào, và những ngọn núi lại ở dưới đường chân trời; nhưng giờ khi cây thừa hơn, hay khi một con dốc chạy xuống phía dưới, họ có thể phóng tầm mắt ra đại dương xanh tống trải và tới những ngọn núi cao xanh ngắt bên kia đích đến của mình. Xem chừng sẽ là cả một chặng đường dài.

Họ rất kiệm lời. Lyra bận rộn nhìn ngắm sự sống trong khu rừng, từ chim gõ kiến, sóc tới những con rắn rêu xanh nhỏ dính kim cương dọc trên lưng, trong khi Will cần toàn bộ năng lượng đơn thuần chỉ để tiếp tục tiến lên. Lyra và Pantalaimon không ngừng thảo luận về cậu.

“Bọn mình *có thể* kiểm tra Chân Kế,” đến một lúc Pantalaimon nói, khi chúng đang la cà trên đường để xem có thể tiến gần một con nai nhỏ đang gặm cỏ đến mức nào trước khi nó phát hiện ra chúng. “Bọn mình có bao giờ hứa là không làm đâu. Mà như thế ta có thể tìm ra đủ thứ cho cậu ta. Bọn mình làm thế là vì cậu ta, đâu phải vì bản thân.”

“Đừng có ngốc thế,” Lyra nói. “Đó sẽ là chúng ta làm vì *bản thân* thôi, bởi cậu ấy có yêu cầu đâu. Cậu chỉ tham lam và tọc mạch thôi, Pan ạ.”

“Như thế khác biệt đấy chứ. Bình thường cậu mới là người tham lam và tọc mạch, còn tớ lại phải cảnh cáo cậu không được làm liều. Giống như trong phòng nghỉ tại Jordan ấy. Tớ không hề muốn vào trong đó.”

“Nếu chúng ta không làm vậy, Pan ạ, cậu có nghĩ tất cả những chuyện này sẽ xảy ra không?”

“Không. Vì ông Hiệu trưởng đã đầu độc thành công Ngài Asriel và thế là hết.”

“Phải, có lẽ vậy... Mà cậu nghĩ bố của Will là ai? Tại sao ông ấy lại quan trọng thế nhỉ?”

“Đó là điều tớ muốn nói đấy! Chỉ vào một cái là bọn mình có thể tìm ra rồi!”

Nghe vậy cô bé liền tỏ ra thêm muốn. “Trước đây chắc tớ đã làm rồi đấy,” cô nói, “nhưng tớ đang thay đổi, tớ nghĩ vậy Pan ạ.”

“Không, cậu có thay đổi gì đâu.”

“Cậu thì có thể không... Pan này, khi tớ thay đổi, cậu sẽ không biến hình nữa. Cậu sẽ là con gì nhỉ?”

“Bọ chết, hi vọng vậy.”

“Không, nhưng cậu không có chút cảm giác gì về con vật mình sẽ biến thành à?”

“Không. Tớ cũng chẳng muốn biết.”

“Cậu đang hờn vì tớ không chịu làm theo điều cậu muốn.”

Pantalaimon liền biến thành một con lợn, kêu lên ừn ừn, éc éc rồi lại khụt khịt cho tới khi cô bé phải phá lên cười, rồi nó lại hóa thành sóc và lao qua những cành cây bên cạnh cô.

“Cậu nghĩ bố cậu ấy là ai?” Pantalaimon hỏi. “Cậu có nghĩ ông ấy có thể là ai đó chúng ta đã từng gặp không?”

“Có thể lắm. Nhưng ông ấy chắc chắn là một người quan trọng, quan trọng gần như Ngài Asriel vậy. Chắc chắn thế. Xét cho cùng thì ta cũng biết rằng những việc mình đang làm là quan trọng.”

“Bọn mình đâu biết,” Pantalaimon chỉ ra. “Mình nghĩ nó quan trọng, nhưng không biết chắc, chúng ta quyết định tìm kiếm Bụi vì Roger chết thôi mà.”

“Bọn mình *biết là nó* quan trọng!” Lyra nóng nảy nói, cô thậm chí còn giậm chân. “Cả các phù thủy cũng vậy. Họ bỏ công sức tới tận đây tìm chúng ta chỉ để bảo vệ và giúp đỡ tớ! Và chúng ta phải giúp Will

tìm bố cậu ấy. Việc đó rất quan trọng. Cậu cũng biết điều đó, nếu không cậu đã không liếm khi cậu ấy bị thương. Mà sao cậu lại làm thế chứ? Cậu không hề hỏi ý kiến tớ xem thế có được không. Lúc cậu làm vậy tớ đã không dám tin.”

“Tớ làm vậy vì cậu ấy không có linh thú, và cậu ấy cần một con. Nếu cậu mà giỏi việc nhìn nhận sự việc bằng nửa mức mà cậu nghĩ mình đang đạt được thì cậu hẳn đã biết điều đó rồi.”

“Thật ra là tớ biết rồi,” cô bé nói.

Đến đó chúng ngừng lại, vì hai đứa đã bắt kịp Will, cậu bé đang ngồi trên một tảng đá bên lề đường. Pantalaimon biến thành một con chim rẽ quạt, trong khi nó bay đan giữa các cành cây, Lyra nói: “Will, cậu nghĩ bây giờ những đứa kia sẽ làm gì?”

“Chúng sẽ không bám theo chúng ta đâu. Chúng quá sợ các phù thủy. Có lẽ chúng sẽ lại quay về với việc lang thang khắp nơi.”

“Ừ, có lẽ vậy... Nhưng chắc chúng vẫn muốn dùng con dao. Có khi chúng lại đuổi theo chúng ta để giành lấy nó.”

“Cứ kệ chúng. Chúng không có được nó đâu, không phải bây giờ. Ban đầu tớ không hề muốn có nó. Nhưng nếu nó có thể giết được Quỷ hút hồn...”

“Tớ chưa từng tin tưởng Angelica, ngay từ đầu đã vậy,” Lyra nói về tự đắc.

“Đúng là vậy,” cậu bé nói.

“Phải. Tớ thật sự thấy như vậy... Rốt cuộc thì tớ cũng ghét cái thành phố đó.”

“Khi mới tìm thấy nó, tớ cứ nghĩ nơi đấy là thiên đường cơ. Tớ đã không tưởng tượng nổi bất cứ thứ gì tốt đẹp hơn thế. Nhưng cùng lúc đó nó lại đầy ắp Quỷ hút hồn, và chúng ta không hề biết...”

“Chà, tớ sẽ không bao giờ tin tưởng trẻ con nữa,” Lyra nói. “Hồi ở Bolvangar tớ đã nghĩ là dù cho người lớn có làm gì, dù mọi việc có tồi tệ đến đâu đi nữa, thì trẻ con vẫn khác biệt. Chúng sẽ không làm những

việc tàn nhẫn như thế. Nhưng giờ thì tớ không chắc nữa rồi. Tớ chưa từng thấy bọn trẻ nào như thế, đó là sự thật.”

“Tớ thì có,” Will nói.

“Khi nào? Ở thế giới của cậu à?”

“Ừ,” cậu bé ngượng ngùng đáp. Lyra ngồi im chờ đợi, và chẳng bao lâu sau cậu nói: “Đó là khi mẹ tớ đang trải qua một trong những thời điểm tồi tệ của mình. Mẹ và tớ, chúng tớ sống một mình, cậu thấy đấy, vì rõ ràng là bố tớ không có ở đó. Cứ thỉnh thoảng bà lại bắt đầu nghĩ đến những thứ không có thật, và làm những việc vô nghĩa, dù sao cũng không phải là với tớ. Ý tớ là bà ấy phải làm những việc đó nếu không sẽ bị ức chế đến mức bà ấy thường sợ hãi tất cả mọi thứ và vì vậy tớ thường giúp đỡ mẹ. Như chạm vào tất cả các tay vịn ở công viên, hay đếm lá trên một bụi cây, mấy việc kiểu như thế. Thường thì một thời gian sau, bà ấy sẽ khá lên. Nhưng tớ sợ sẽ có ai đó phát hiện ra tình trạng của mẹ, tớ nghĩ họ sẽ đưa bà ấy đi mất, vì vậy tớ vẫn cứ chăm sóc bà và giấu giếm điều đó. Tớ chưa từng kể với ai cả.

“Rồi một lần bà ấy hoảng sợ khi tớ không có ở đó để giúp đỡ. Tớ đang ở trường. Vậy là bà ấy ra ngoài mà không mặc gì nhiều lắm, chỉ có điều là bản thân bà không nhận ra. Rồi mấy thằng nhóc ở trường tớ, chúng nó thấy mẹ tớ, và bắt đầu...”

Mặt Will nóng bừng lên. Không thể kiềm chế nổi, cậu thấy mình đi tới đi lui và nhìn tránh khỏi Lyra vì giọng cậu đang run rẩy còn đôi mắt thì đầy ắp nước. Cậu nói tiếp:

“Chúng giày vò mẹ tớ giống như lũ trẻ kia làm với con mèo ở chân Tháp... Chúng nghĩ bà ấy bị điên và muốn làm bà đau, có khi là giết bà nữa, tớ không lấy gì làm ngạc nhiên cả. Bà ấy khác biệt nên chúng ghét bà ấy. Dù sao thì tớ cũng tìm được mẹ và đưa bà về nhà. Ngày hôm sau ở trường tớ đã đánh nhau với thằng cầm đầu bọn đó. Tớ đánh nhau, đập gãy tay nó, tớ nghĩ tớ còn làm gãy vài cái răng của nó nữa, chắc thế. Sau đó tớ đang định xử lũ còn lại thì gặp phải rắc rối, và tớ nhận ra rằng mình nên dừng lại nếu không họ sẽ phát hiện ra, ý tớ là

giáo viên và các nhà chức trách ấy, họ sẽ tới tìm mẹ tớ để phàn nàn về tớ và phát hiện ra tình trạng của bà rồi đưa bà đi mất. Nên tớ chỉ giả vờ hối lỗi rồi nói với các giáo viên là tớ sẽ không tái phạm nữa, họ phạt tớ vì tội đánh nhau, tớ cũng không kêu ca gì. Nhưng tớ đã bảo vệ an toàn được cho mẹ, thấy không. Không ai biết ngoại trừ những thằng bé kia, mà chúng thì biết tớ sẽ làm gì nếu chúng dám hé răng; chúng biết tớ sẽ giết chúng vào một lúc nào đó. Không chỉ là làm bị thương. Rồi một thời gian ngắn sau đó mẹ tớ lại khỏe lại. Chưa có ai từng biết.

“Nhưng sau đó tớ không tin tưởng trẻ con hơn người lớn chút nào. Chúng cũng ham muốn làm điều xấu chẳng khác gì họ. Nên tớ không ngạc nhiên khi những đứa trẻ ở Ci’gazze làm thế.

“Nhưng tớ rất mừng khi các phù thủy đến.”

Cậu ngồi xuống trở lại, quay lưng về phía Lyra. Vẫn tránh nhìn vào cô bé, cậu quệt tay lên ngang mắt. Cô giả vờ như không nhìn thấy.

“Will,” cô bé nói, “những gì cậu nói về mẹ mình... Cả Tullio nữa, khi đám Quỷ hút hồn tóm được hắn ta... Rồi hôm qua cậu nói cậu nghĩ rằng Quỷ hút hồn tới từ thế giới của cậu...”

“Phải. Vì việc đó thật vô lí, chuyện xảy ra với mẹ tớ ấy. Bà ấy không bị điên. Đám trẻ đó có thể cho rằng bà ấy bị điên nên mới cười nhạo và muốn làm bà ấy đau nhưng chúng đã nhầm; bà ấy không điên. Chỉ trừ việc bà ấy sợ hãi những thứ mà tớ không thấy được. Bà buộc phải làm những việc trông có vẻ điên rồ mà chẳng ai hiểu vì sao, nhưng rõ ràng là bà ấy thấy được ý nghĩa của những việc đó. Như việc bà ấy đếm toàn bộ số lá cây, hay Tullio hôm qua lần rờ những tảng đá trên tường. Có lẽ đó là một cách để cố gắng xua lũ Quỷ hút hồn đi. Nếu họ quay lưng lại thứ đáng sợ ở phía sau, cố gắng thực sự hứng thú với những hòn đá và cách mà chúng xếp khít lại với nhau, hay những cái lá trên bụi cây, kiểu như chỉ cần khiến cho bản thân nghĩ rằng việc đó thật sự quan trọng, thì họ sẽ được an toàn. Tớ không biết nữa. Trông có vẻ như thế. Có những việc có thật khiến bà ấy sợ hãi, như những gã đàn ông đã đến ăn trộm ở nhà tớ, nhưng ngoài chúng ra còn có thứ gì đó

khác nữa. Vậy nên có thể ở thế giới của tớ có Quỷ hút hồn thật, chỉ là chúng tớ không thể thấy và không có tên cho chúng, nhưng chúng ở đó, và chúng liên tục muốn tấn công mẹ tớ. Thế nên hôm qua tớ đã rất mừng khi Chân Kế nói rằng bà ấy vẫn ổn.”

Cậu đang thở gấp, bàn tay phải tóm chặt lấy chuôi con dao trong bao đựng. Lyra không nói gì, Pantalaimon cũng rất yên lặng.

“Cậu biết mình phải đi tìm bố từ khi nào?” Một lúc sau cô bé hỏi.

“Lâu rồi,” cậu nói với cô. “Tớ từng giả vờ ông ấy là tù binh còn tớ sẽ giúp ông ấy trốn thoát. Tớ đã tự mình chơi trò đó trong một thời gian dài, nó thường kéo dài nhiều ngày trời. Hoặc không thì ông ấy bị kẹt trên đảo hoang, còn tớ sẽ giong thuyền đến đó và đưa bố về nhà. Rồi ông ấy sẽ biết chính xác phải làm gì với mọi thứ, đặc biệt là với mẹ tớ, mẹ sẽ khỏe lại, bố sẽ chăm sóc mẹ và tớ, còn tớ có thể chỉ cần đến trường, kết bạn, tớ sẽ có cả mẹ và bố nữa. Vậy nên tớ luôn tự nhủ rằng khi nào lớn lên tớ sẽ đi tìm bố mình... Mẹ từng nói rằng tớ sẽ theo chân bố mình. Bà ấy hay nói vậy để làm tớ vui. Tớ không hiểu điều đó nghĩa là gì, nhưng nghe có vẻ quan trọng lắm.”

“Cậu không có bạn bè gì à?”

“Làm sao tớ có bạn được?” Cậu bé đáp, thực sự bối rối. “Bạn bè... Họ đến nhà mình và quen biết bố mẹ mình... Thỉnh thoảng một thằng nhóc có thể sẽ mời tớ đến nhà chơi, tớ có thể sẽ đi hoặc không đi, nhưng tớ không bao giờ có thể mời người khác đến được. Nên tớ chẳng bao giờ có bạn cả, thật đấy. Tớ sẽ rất muốn có... Tớ có con mèo của mình rồi,” cậu nói tiếp. “Hi vọng hiện giờ nó vẫn ổn. Hi vọng có ai đó đang chăm sóc nó...”

“Còn về người đàn ông cậu đã giết thì sao?” Lyra hỏi, tim đập thình thịch. “Ông ta là ai?”

“Tớ không biết. Nếu đã giết hẳn thì tớ chẳng quan tâm nữa. Hẳn xứng đáng bị thế. Bọn chúng có hai tên. Chúng liên tục đến nhà quấy rầy mẹ tớ cho tới khi bà lại hoảng sợ, tình trạng của bà chưa bao giờ tồi tệ đến thế. Chúng muốn biết mọi thứ về bố tớ, và không chịu để cho mẹ

tớ yên. Tớ không rõ liệu chúng có phải là cảnh sát hay gì đó không. Ban đầu tớ cứ nghĩ chúng thuộc băng đảng hay gì đó, có thể chúng cho rằng bố tớ đã cướp ngân hàng và giấu tiền đi. Nhưng chúng không cần tiền, chúng muốn những tờ giấy. Chúng muốn mấy bức thư mà bố đã gửi. Một ngày nọ chúng còn đột nhập vào nhà, lúc đó tớ thấy rằng sẽ an toàn hơn nếu mẹ tớ ở chỗ khác. Cậu thấy đấy, tớ không thể đến cảnh sát yêu cầu họ giúp đỡ, vì họ sẽ cướp mẹ đi mất. Tớ không biết phải làm gì cả.

“VẬY là rốt cuộc tớ đã nhờ một người phụ nữ lớn tuổi từng dạy mình piano. Đó là người duy nhất tớ có thể nghĩ đến. Tớ hỏi bà ấy xem liệu mẹ mình có thể ở với bà hay không rồi đưa mẹ tới đó. Tớ nghĩ bà ấy sẽ lo cho mẹ tớ ổn cả thôi. Nói chung sau đó tớ quay về nhà để tìm những bức thư này, vì tớ biết mẹ cất chúng ở đâu, tớ lấy được chúng thì mấy gã đàn ông lại đến tìm và đột nhập vào nhà. Lúc đó đang là buổi đêm, hoặc là sáng sớm. Tớ đang trốn trên đỉnh cầu thang thì Moxie, con mèo Moxie của tớ, đi ra từ phòng ngủ, cả tớ lẫn gã đàn ông đều không thấy nó, rồi khi tớ đâm sầm vào hăn, con mèo làm hăn trượt ngã và lao thẳng xuống dưới đáy cầu thang...”

“Sau đó tớ bỏ chạy. Đó là toàn bộ câu chuyện. Nên là tớ không cố ý giết hăn, nhưng kể cả có làm vậy thì tớ cũng chẳng quan tâm. Tớ bỏ chạy tới Oxford rồi tìm thấy ô cửa đó. Việc đó xảy ra chỉ vì tớ thấy một con mèo khác nên đã dừng lại nhìn, nó tìm thấy cái cửa sổ trước tiên. Nếu tớ không thấy nó... Hoặc nếu lúc đó Moxie không bước ra từ phòng ngủ...”

“Ừ,” Lyra nói, “may thật đấy. Còn tớ và Pan thì vừa mới nghĩ xong, rằng nếu tớ không chui vào tủ quần áo trong phòng nghỉ ở Jordan và thấy ông Hiệu trưởng bỏ thuốc độc vào rượu thì sao? Toàn bộ chuyện này cũng đã chẳng xảy ra...”

Cả hai đứa ngồi lặng thinh trên tảng đá phủ rêu, trong ánh nắng chiếu xuyên qua những cây thông già cỗi, ngẫm nghĩ về cái cách mà rất nhiều cơ hội nhỏ nhoi hợp lại đã đẩy chúng tới nơi này. Mỗi cơ hội đó

lại có thể đã đi theo một hướng khác. Có lẽ tại một thế giới khác, một Will khác đã không thấy ô cửa tại Đại lộ Sunderland mà lang thang trong một mội và vô định về vùng Midlands cho tới khi bị bắt. Còn ở một thế giới nọ, Pantalaimon lại thuyết phục được một Lyra khác không ở lại phòng nghỉ, một Ngài Asriel khác đã bị bỏ độc, và một Roger khác đã sống sót để mãi mãi chơi với cô bé Lyra đó trên các mái nhà, những con hẻm của một Oxford khác không hề biến đổi.

Will của hiện tại thì đã cảm thấy đủ mạnh mẽ để tiếp tục tiến bước, và hai đứa lại cùng nhau sóng bước trên con đường, với khu rừng vĩ đại lặng lẽ vây quanh. Chúng mãi miết đi suốt cả ngày, đôi lúc dừng lại nghỉ rồi đi tiếp, rồi lại nghỉ, trong lúc cây cối trở nên thưa thớt hơn còn mặt đất thì gồ ghề thêm sỏi đá. Lyra kiểm tra Chân Kế: cứ đi tiếp, nó nói; đây là hướng đi đúng. Đến trưa, chúng tới một ngôi làng không bị Quỷ hút hồn quấy nhiễu: dê gặm cỏ trên sườn đồi, một lùm chanh nhỏ hắt bóng lên mặt đất lờm chờm đá, trẻ con nô đùa trong dòng suối gọi lớn rồi chạy về với mẹ khi nhìn thấy đứa con gái quần áo tả tơi và thẳng bé mặt trắng bệch có đôi mắt dữ tợn trong chiếc áo lấm tẩm máu, cùng với con chó săn nhỏ duyên dáng bước đi bên cạnh chúng.

Những người lớn dù cảnh giác nhưng vẫn sẵn lòng bán chút bánh mì, pho mát và hoa quả đổi lấy một trong những đồng vàng của Lyra. Các phù thủy đã tránh đi, mặc dù cả hai đứa đều biết rằng họ sẽ ở đó chỉ trong nháy mắt nếu có bất cứ hiểm họa nào đe dọa. Sau một lượt trả giá nữa của Lyra, một bà già đã bán cho chúng hai bình nước bằng da dê và một cái áo bằng vải lanh cao cấp. Will nhẹ nhõm cởi bỏ cái áo phong trần của mình, tắm rửa trong dòng nước lạnh cóng rồi sau đó nằm phơi nắng dưới ánh mặt trời nóng rực.

Sau khi đã khỏe lại, chúng tiếp tục lên đường. Lúc này mặt đất đã trở nên xù xì hơn; để tránh nắng hai đứa phải nghỉ trong bóng râm của những hòn đá, không phải dưới những tán cây lan rộng, còn mặt đất dưới chân thì nóng xuyên qua cả đế giày của chúng. Mặt trời chiếu thẳng vào mắt chúng. Càng lên cao cả hai di chuyển ngày càng chậm,

khi mặt trời chạm tới những viền núi và chúng thấy một thung lũng nhỏ mở ra phía dưới, hai đứa trẻ quyết định không tiến thêm nữa.

Chúng lần mò xuống dưới dốc, hơn một lần suýt trượt chân, rồi phải len lỏi qua những bụi cây đỗ quyên lùn, các đám lá sẫm màu bóng bẩy và những khóm hoa đỏ thắm dày đặc tiếng ong vo ve, trước khi bước vào bóng chiều trên đồng cỏ hoang dã bên rìa một con suối, cỏ cao đến đầu gối và dày đặc hoa thanh cúc, long đorm và ỷ lẵng.

Will uống nước thỏa thuê trong lòng suối rồi nằm xuống. Cậu không thể thức nổi, nhưng cũng chẳng thể ngủ được; đầu óc cậu đang quay cuồng, một sự kì lạ đến sững sờ lơ lửng trên mọi thứ, còn bàn tay cậu thì đau nhức không yên.

Nhưng tồi tệ hơn nữa là nó bắt đầu chảy máu trở lại.

Serafina kiểm tra vết thương, đắp thêm lá thuốc lên rồi thắt lớp lụa chặt hơn bao giờ hết, nhưng lần này gương mặt cô mang đầy lo âu. Cậu bé không muốn gặng hỏi, vì có ích gì chứ? Cậu nhận thấy rõ ràng rằng câu thần chú đã không có hiệu quả, cậu cũng hiểu rằng cô cũng biết điều đó.

Khi màn đêm buông xuống, cậu nghe thấy tiếng Lyra tới nằm xuống sát cạnh mình, chẳng bao lâu cậu đã nghe thấy một tiếng rên rừ rừ khe khẽ. Linh thú của cô bé, trong dạng mèo, đang lơ mơ ngủ với đôi chân gập lại chỉ cách cậu vài thước. Will liền thì thầm:

“Pantalaimon?”

Đôi mắt con linh thú mở ra. Lyra không động dậy. Pantalaimon thì thầm: “Ừ?”

“Pan, tớ sắp chết à?”

“Các phù thủy sẽ không để cho cậu chết đâu. Cả Lyra cũng không.”

“Nhưng phép thuật không hiệu nghiệm. Tớ vẫn liên tục chảy máu. Chắc tớ cũng không còn nhiều để mất nữa. Nó lại đang rỉ máu này, nó sẽ không ngừng đâu. Tớ sợ lắm...”

“Lyra không nghĩ là cậu sợ.”

“Thật à?”

“Cậu ấy cho rằng cậu là chiến binh quả cảm nhất mình từng được gặp, không kém gì Iorek Byrnison.”

“Vậy chắc là tớ nên cố gắng không tỏ ra sợ hãi,” Will nói. Cậu bé im lìm trong một chốc rồi lên tiếng: “Tớ nghĩ Lyra còn gan dạ hơn cả tớ. Tớ nghĩ cậu ấy là người bạn tốt nhất mình từng có.”

“Cậu ấy cũng nghĩ như vậy về cậu,” con linh thú thì thầm.

Chẳng mấy chốc Will đã nhắm mắt lại.

Lyra nằm bất động, nhưng đôi mắt cô đang mở to trong bóng tối, tìm cô đập liên hồi.

Lần tiếp theo khi Will nhận thức được sự việc thì trời đã tối hẳn, bàn tay cậu đang đau đớn hơn bao giờ hết. Cậu cẩn thận ngồi dậy và thấy một ngọn lửa bập bùng cháy cách đó không xa, nơi Lyra đang cố gắng nướng chút bánh mì trên một cái chạc cùng vài con chim trên một que xiên. Khi Will tới ngồi cạnh đó, Serafina Pekkala liền bay xuống.

“Will,” cô phù thủy nói, “ăn mấy cái lá này trước khi dùng bất cứ thức ăn nào khác.”

Cô đưa cho cậu bé một nắm lá mềm có vị đắng, có vẻ gì đó giống với lá xô thơm, cậu lặng lẽ nhai chúng rồi cố nuốt. Chúng làm se da lại, nhưng cậu cảm thấy tỉnh táo hơn, bớt lạnh, và khỏe hơn.

Họ ăn thịt chim nướng, tẩm thêm nước chanh, một phù thủy khác đem mấy quả việt quất mà cô tìm được bên dưới hòn đá nhỏ, rồi các phù thủy tụ tập lại quanh đồng lửa. Họ trao đổi rất khẽ; một vài trong số họ đã bay lên cao để do thám, có người đã nhìn thấy một chiếc khí cầu bay trên biển. Lyra lập tức ngồi bật dậy.

“Khí cầu của ông Scoresby?” Cô bé hỏi.

“Có hai người đàn ông trong đó, nhưng nó ở quá xa để có thể thấy được đó là ai. Một cơn bão đang hình thành sau lưng họ.”

Lyra vỗ tay. “Nếu ông Scoresby đang tới,” cô bé nói, “chúng ta sẽ được bay, Will ạ! Ôi, hi vọng là ông ấy! Tôi chưa có dịp nói lời tạm biệt, mà ông ấy lại rất tử tế... Ước gì tôi có thể gặp lại ông ấy, tôi thật sự mong như thế...”

Phù thủy Jutta Kamainen đang lắng nghe, với con linh thú chim cổ đỏ mắt sáng rực đậu trên vai, bởi vì nhắc đến Lee Scoresby gợi cô nhớ lại cuộc tìm kiếm mà ông đã dẫn thân vào. Cô chính là phù thủy đã phải lòng Stanislaus Grumman nhưng lại bị ông khước từ, là phù thủy mà Serafina Pekkala đã đưa đến thế giới này để ngăn cô giết ông khi họ gặp nhau.

Serafina có thể đã nhận ra, nhưng một chuyện khác lại xảy đến: cô giơ tay và ngẩng đầu lên, các phù thủy khác cũng làm như vậy. Will và Lyra có thể lờ mờ nghe thấy từ phía bắc tiếng thét của một loài chim ăn đêm. Nhưng đó không phải là một con chim: các phù thủy ngay lập tức nhận ra rằng đó là một linh thú. Serafina Pekkala đứng dậy, chăm chú nhìn về phía bầu trời.

“Tôi nghĩ đó là Ruta Skadi,” cô nói.

Họ ngồi yên, nghiêng đầu về phía khoảng không tĩnh mịch bao la, căng tai lên nghe ngóng.

Rồi một tiếng thét nữa lại vọng tới, lần này đã gần hơn, rồi một tiếng thứ ba; tất cả các phù thủy liền tóm lấy cành cây của mình và lao lên không trung. Tất cả trừ hai người, họ đứng gần lại, tên đặt sẵn trên cung, bảo vệ cho Will và Lyra.

Đâu đó tại màn đêm phía trên cao, một trận chiến đang diễn ra. Dường như chỉ vài giây sau, họ có thể nghe thấy tiếng bay vun vút, tiếng những mũi tên rít lên, tiếng những giọng nói cầu nhàu và gào thét vì đau đớn, phản nộ hay ra lệnh.

Rồi với một tiếng phịch đột ngột đến mức họ không có thời gian giật mình, một sinh vật rơi từ bầu trời xuống bên chân họ - một con vật da nhều lông bết mà Lyra nhận ra là một con quỷ vực, hoặc thứ gì đó tương tự.

Người nó gãy gấp lại do cú rơi, một mũi tên thò ra từ mạn sườn, nhưng nó vẫn lao đảo đứng dậy rồi nhảy bổ về phía Lyra với toàn bộ sự hiểm độc. Các phù thủy không thể bắn, vì cô bé đang đứng trong đường tên bay của họ, nhưng Will đã tới đó trước, với con dao trong tay, cậu chém bằng tay trái, khiến đầu sinh vật kia lìa khỏi cổ rồi lộn vòng một vài lần. Một tiếng ùng ục phát ra khi không khí thoát khỏi phổi nó, và nó lăn kèn ra chết.

Họ lại hướng mắt nhìn lên trời, vì cuộc chiến đang hạ xuống thấp, ánh lửa bùng lên soi sáng một vòng xoáy chảy siết của lụa đen, các đôi chân và cánh tay trắng ngần, những chiếc lá thông xanh nhọn hoắt, lớp da đóng vảy nâu xám. Làm thế nào các phù thủy có thể giữ thăng bằng khi đột ngột đổi hướng, dừng lại rồi phóng về phía trước, chưa kể đến việc ngắm bắn, nằm ngoài tầm hiểu biết của Will.

Một con quỷ vực khác, rồi lại một con thứ ba rơi tùm vào dòng suối hay lên đám đá tảng gần đó, nằm chết cứng đờ; rồi số còn lại vừa líu ríu kêu te te vừa tháo chạy vào màn đêm về phương bắc.

Một lúc sau Serafina Pekkala đáp xuống cùng với các phù thủy của mình, cộng thêm một người nữa: một phù thủy xinh đẹp, có đôi mắt dữ dội và mái tóc đen tuyền, đôi gò má ửng hồng vì giận dữ và kích động.

Cô phù thủy mới đến nhìn con quỷ vực mất đầu rồi lau bầu.

“Không phải từ thế giới của chúng ta,” cô nói, “cũng chẳng phải thế giới này. Lũ bần thiêu đáng kinh tởm. Có hàng ngàn con đang sinh sôi như ruồi... Ai thế này? Đứa bé này có phải Lyra không? Còn cậu nhóc này là ai?”

Lyra thản nhiên đáp trả lại cái nhìn của cô phù thủy, dù cô bé cảm thấy tim mình đang đập nhanh hơn, vì khí phách của Ruta Skadi chói sáng đến mức cô khiến cho bất cứ ai ở gần cũng phải run lên vì kích động.

Rồi cô phù thủy quay sang Will, khiến cậu cảm nhận sự náo nức mãnh liệt không kém, nhưng cũng giống như Lyra, cậu đã kiềm chế

biểu cảm của mình. Cậu vẫn nắm con dao trong tay, cô mỉm cười vì đã chứng kiến việc cậu làm với nó. Cậu thọc nó xuống đất để gột sạch máu của cái thứ kinh tởm kia rồi rửa lại bằng nước suối.

Ruta Skadi đang nói: “Serafina Pekkala, tôi đang được học hỏi rất nhiều; tất cả những điều xưa cũ đều đang biến đổi, tàn lụi, hoặc trống rỗng. Tôi đói quá...”

Cô lao vào ăn như một con thú hoang, xé phần còn lại của mấy con chim nướng rồi nhồi vài nắm bánh mì vào miệng, nuốt trôi chúng bằng những ngụm nước suối lớn. Trong khi cô dùng bữa, vài phù thủy mang đám quý vực chết đi chỗ khác, dừng lại đồng lửa rồi sắp xếp người canh gác.

Những người còn lại đến ngồi cạnh Ruta Skadi, để lắng nghe những gì cô có thể kể với họ. Cô thuật lại chuyện đã xảy ra khi bay lên gặp các thiên thần, rồi đến hành trình tới pháo đài của Ngài Asriel.

“Các chị em ạ, đó là tòa lâu đài hùng vĩ nhất mà các vị có thể tưởng tượng ra - các thành lũy bằng đá bazan, chĩa thẳng lên trời, những con đường rộng thênh thang đổ tới từ muôn ngả, trên đó là đủ loại hàng hóa từ thuốc súng, thực phẩm, đến giáp tẩm; ông ấy đã làm thế nào vậy? Tôi nghĩ ông ấy hẳn đã chuẩn bị cho việc này trong một thời gian dài, hàng niên kỉ. Ông ấy đã chuẩn bị việc này trước cả khi chúng ta sinh ra, các chị em ạ, dù cho bản thân ông lại trẻ hơn rất nhiều... Nhưng làm sao có thể như thế được? Tôi không biết. Tôi không hiểu nổi. Tôi nghĩ ông ấy điều khiển được thời gian, làm cho nó chạy nhanh hay chậm tùy ý.

“Đang tiến đến pháo đài này là đủ loại binh lính, từ đủ mọi thế giới. Cả đàn ông lẫn phụ nữ, phải, và các linh hồn chiến binh nữa, rồi còn những sinh vật được vũ trang mà tôi chưa từng bao giờ nhìn thấy - thần lằn và khí, chim khổng lồ có cựa tẩm độc, những sinh vật kì dị đến nỗi tôi không thể đoán nổi tên chúng là gì. Với lại, ở các thế giới khác cũng có phù thủy, các chị em ạ: các vị có biết điều đó không? Tôi đã nói chuyện với các phù thủy từ một thế giới giống như của chúng ta,

nhưng lại cực kì khác biệt, vì những phù thủy đó sống không lâu hơn những sinh vật có vòng đời ngắn ngủi của chúng ta, và họ có cả đàn ông nữa, những phù thủy nam bay lượn hết như chúng ta...”

Câu chuyện của cô khiến các phù thủy thuộc tộc của Serafina Pekkala phải lắng nghe trong kinh ngạc, lo sợ và không tin. Nhưng Serafina tin tưởng cô, và giục cô nói tiếp.

“Cô đã gặp Ngài Asriel chưa, Ruta Skadi? Cô tìm được cách đến chỗ ông ấy rồi chứ?”

“Vâng, tôi đã tìm được, việc đó chẳng dễ dàng gì, vì ông ấy sống tại trung tâm của rất nhiều nhóm hoạt động, và là người chỉ đạo tất cả bọn họ. Nhưng tôi đã khiến bản thân tàng hình rồi tìm đường vào căn phòng tận sâu trong cùng của ông ấy, khi ông đang chuẩn bị đi ngủ.”

Tất cả các phù thủy ở đó đều biết chuyện gì xảy ra tiếp theo, còn Will và Lyra thì không nghĩ nổi tới chuyện đó. Vậy nên Ruta Skadi không cần phải kể thêm, cô nói tiếp:

“Rồi tôi hỏi tại sao ông ấy lại tập hợp tất cả những lực lượng này lại với nhau, và liệu điều mà chúng ta nghe được về việc ông ấy thách thức chính Đấng Quyền Năng có đúng không, ông ấy liền phá lên cười.

“‘Vậy ở Siberia người ta cũng nói đến nó à?’ Ông ấy nói, tôi trả lời là phải, ở cả Svalbard và mọi vùng đất phương bắc - phương bắc của chúng ta; tôi cũng kể cho ông ấy về hiệp ước của chúng ta, về việc tôi đã rời khỏi thế giới của chúng ta để tìm kiếm và tìm thấy ông ấy như thế nào.

“Và ông ấy mời chúng ta tham gia cùng, các chị em ạ. Tham gia vào đội quân chống lại Đấng Quyền Năng. Tôi đã ao ước bằng cả trái tim mình là có thể cam kết ngay tại đó, vào lúc đó; tôi sẵn sàng đẩy cả bộ tộc của mình vào chiến tranh với trái tim tràn ngập hạnh phúc. Ông ấy cho tôi thấy rằng nổi dậy là đúng đắn và thích đáng, khi nghĩ tới những việc mà đám tay sai của Đấng Quyền Năng làm dưới danh nghĩa của ngài ấy... Rồi tôi nghĩ đến những đứa trẻ ở Bolvangar, và những vụ cắt xẻ kinh hoàng mà tôi đã chứng kiến tại các miền đất phía nam ở thế

giới của chính chúng ta; ông ấy còn kể cho tôi về nhiều sự tàn độc khủng khiếp khác được thực hiện dưới danh nghĩa Đấng Quyền Năng - về việc ở một vài thế giới, người ta bắt bớ phù thủy, rồi thiêu sống họ, các chị em ạ, phải, những phù thủy giống như chúng ta...

“Ông ấy khiến tôi mở mắt, chỉ cho tôi những điều tôi chưa từng thấy, tất cả những tàn bạo và ghê tởm đều có dính dáng đến cái tên Đấng Quyền Năng, tất cả đều được thiết kế để hủy hoại niềm vui và tính đúng đắn của cuộc sống.

“Ôi, các chị em, tôi khao khát được đẩy bản thân và cả bộ tộc vào sự nghiệp cao cả này!

“Nhưng tôi biết mình phải hỏi ý kiến các vị trước, sau đó sẽ bay về thế giới của chúng ta để nói chuyện với Ieva Kasku, Reina Miti và các nữ hoàng phù thủy khác.

“VẬY là tôi tàng hình và rời khỏi phòng của ông ấy, tìm cánh thông mây của mình rồi bay đi. Nhưng trước khi bay được xa, một cơn gió lớn đã thổi tới và hất tôi lên cao tít trên những rặng núi, tôi phải lách nạn trên một đỉnh vực. Vì biết những loại sinh vật sống trên các vách đá nên tôi lại tàng hình, và trong bóng đêm tôi đã nghe thấy những tiếng nói.

“CÓ vẻ như tôi đã sảy chân vào hang ổ của con quỷ vực già nhất hiện giờ. Nó bị mù, những con khác đang mang thức ăn đến cho nó: một thứ xác thối bốc mùi nồng nặc từ sâu dưới vực. Chúng đang nhờ nó chỉ dẫn.

““Ông à,” chúng nói, ‘kí ức của ông có từ bao giờ vậy?’

““Từ xưa, xưa lắm rồi. Rất lâu trước khi xuất hiện con người,’ nó nói, giọng con quỷ già rất khề, vỡ vụn và yếu ớt.

““CÓ thật là cuộc chiến vĩ đại nhất từng được biết tới sắp nổ ra không hả ông?’

““Phải, các con của ta ạ,” nó đáp. ‘Một trận chiến thậm chí còn vĩ đại hơn trận lần trước. Một bữa tiệc linh đình cho tất cả chúng ta. Đó sẽ là chuỗi ngày hoan lạc và ê hề cho mọi yêu quỷ trong mọi thế giới.’

“‘Vậy ai sẽ thắng hả ông? Liệu Ngài Asriel có đánh bại được Đấng Quyền Năng không?’

“‘Quân số của Ngài Asriel lên tới hàng triệu,’ con quỷ vực già nói với chúng, ‘tập hợp lại từ tất cả các thế giới. Đội quân này hùng mạnh hơn so với đội quân đã chiến đấu với Đấng Quyền Năng trước đây, và cũng được lãnh đạo tốt hơn. Còn về lực lượng của Đấng Quyền Năng, than ôi, họ nhiều gấp cả trăm lần. Nhưng Đấng Quyền Năng già cỗi lắm rồi, thậm chí già hơn cả ta rất nhiều, các con ạ, các đạo quân của ông ta thì luôn hoảng sợ, chỗ nào không hoảng sợ thì lại tự mãn. Đó sẽ là một trận chiến cân sức, nhưng Ngài Asriel sẽ chiến thắng thôi, vì ông ta đầy nhiệt huyết, táo bạo và tin tưởng rằng đại nghiệp mình đang theo đuổi là chính nghĩa. Chỉ trừ một việc, các con ạ. Ông ta không có Sát Thánh. Thiếu Sát Thánh, ông ta và toàn bộ lực lượng của mình sẽ bị đẩy tới chỗ thất bại. Và rồi chúng ta sẽ được tiệc tùng hàng năm trời, các con của ta ạ!’

“Rồi con quỷ già cười lớn và gặm khúc xương cũ hôi thối mà bọn chúng mang đến, còn những con khác thì rít lên đầy sung sướng.

“Giờ thì các vị có thể tưởng tượng tôi đã căng tai ra để nghe thêm về tay Sát Thánh này, nhưng tất cả những gì tôi có thể nghe được trong tiếng gió hú là tiếng một con quỷ nhỏ hỏi: ‘Nếu Ngài Asriel cần Sát Thánh, tại sao ông ta không gọi hẳn?’

“Và con quỷ già đáp: ‘Ngài Asriel không biết về Sát Thánh nhiều hơn con đâu, nhóc ạ! Đó là một câu đùa thôi! Cười dài và lớn lên nào...’

“Nhưng khi cố gắng tiến lại gần hơn với những sinh vật ghê tởm đó để tìm hiểu thêm thì năng lực của tôi lại biến mất, các chị em ạ, tôi không thể giữ cho bản thân tàng hình được nữa. Lũ quỷ nhỏ nhìn thấy tôi và rít lên, nên tôi phải tháo chạy, trở lại thế giới này thông qua cánh cổng vô hình trong không trung. Một đám đã bám theo tôi, và những con chết ở đằng kia là những con cuối cùng trong số chúng.

“Nhưng rõ ràng là Ngài Asriel cần chúng ta, các chị em ạ. Cho dù cái tên Sát Thánh này có là ai đi nữa thì Ngài Asriel cũng cần chúng ta! Giá mà ngay lúc này tôi có thể quay lại bên Ngài Asriel và nói rằng: Đừng lo - chúng tôi đang tới đây - các phù thủy của phương bắc, chúng tôi sẽ giúp anh giành chiến thắng... Hãy đồng ý nào, Serafina Pekkala, rồi triệu tập một hội đồng lớn của toàn bộ các phù thủy từng bộ tộc một, và tham chiến!”

Serafina Pekkala nhìn sang Will, cậu thấy dường như cô đang xin phép mình điều gì đó. Nhưng cậu chẳng thể đưa ra được chỉ dẫn gì nên cô lại quay sang Ruta Skadi.

“Không phải chúng tôi,” cô đáp. “Hiện giờ nhiệm vụ của chúng tôi là giúp đỡ Lyra, còn nhiệm vụ của cô bé là dẫn Will đến với bố mình. Cô nên bay về, tôi đồng ý với điều này, nhưng chúng tôi phải ở đây với Lyra.”

Ruta Skadi hất đầu về sốt ruột.

“Vâng, nếu các vị muốn,” cô đáp.

Will nằm xuống, vì vết thương đang hành hạ cậu - thậm chí còn kinh khủng hơn nhiều so với lúc nó còn mới. Cả bàn tay cậu sưng phồng lên. Lyra cũng nằm xuống, Pantalaimon cuộn tròn lại bên cổ cô, ngấm nhìn ngọn lửa qua mí mắt nhắm hờ và ngái ngủ lắng nghe tiếng rì rầm của các phù thủy.

Ruta Skadi đi ngược lên phía thượng nguồn một đoạn, Serafina Pekkala đi cùng với cô.

“À, Serafina Pekkala, cô nên gặp Ngài Asriel,” nữ hoàng Latvia lặng lẽ nói. “Ông ấy là vị chỉ huy lỗi lạc nhất từng xuất hiện. Mọi chi tiết về các lực lượng của mình ông ấy đều nắm rất rõ. Gây chiến với đáng sáng tạo, thử tưởng tượng xem việc đó mới táo bạo làm sao! Nhưng cô nghĩ cái tên Sát Thánh này có thể là ai? Tại sao chúng ta chưa từng nghe nói tới ông ta nhỉ? Làm thế nào chúng ta có thể thuyết phục ông ta gia nhập quân đội của Ngài Asriel đây?”

“Có lẽ đó cũng chẳng phải là một ông ta, người chị em ạ. Chúng ta chẳng biết gì nhiều hơn con quỷ nhỏ đó. Có lẽ gã quỷ già cỗi kia đang cười cợt sự ngu dốt của nó. Từ đó nghe có vẻ như có nghĩa là kẻ hủy diệt Chúa vậy. Cô có biết điều đó không?”

“Nếu vậy nó cũng có thể ám chỉ chính chúng ta, Serafina Pekkala ạ! Và nếu là như vậy thì lực lượng của ông ấy sẽ hùng mạnh lên đến nhường nào nếu có chúng ta gia nhập. Ôi, tôi khao khát được dùng những mũi tên của mình để giết lũ tàn ác kia ở Bolvangar, ở tất cả mọi Bolvangar trên mọi thế giới! Người chị em, tại sao họ lại làm thế? Ở mọi thế giới, bè lũ của Đấng Quyền Năng đang hiến tế trẻ con cho vị thần tàn bạo của họ! Tại sao? Tại sao chứ?”

“Họ e sợ Bụi,” Serafina Pekkala đáp, “mặc dù nó là cái gì thì tôi không biết.”

“Còn thằng bé mà các vị tìm thấy. Nó là ai vậy? Nó đến từ thế giới nào?”

Serafina Pekkala kể với cô toàn bộ những gì mình biết về Will. “Tôi không biết tại sao cậu bé lại quan trọng,” cô kết luận, “nhưng chúng tôi phục vụ Lyra. Mà chiếc máy của cô bé lại nói rằng đó là nhiệm vụ của Lyra. Người chị em ạ, chúng tôi đã cố gắng trị thương cho cậu bé nhưng thất bại. Chúng tôi thử câu thần chú cầm máu nhưng cũng không tác dụng. Có lẽ thảo dược ở thế giới này không hiệu nghiệm bằng ở chỗ chúng ta. Ở đây quá nóng để rêu cầm máu có thể sinh trưởng...”

“Thằng nhóc lạ lắm,” Ruta Skadi nhận xét. “Cậu ta là kiểu người giống như Ngài Asriel vậy. Cô đã nhìn vào mắt cậu ta chưa?”

“Nói thật,” Serafina Pekkala đáp, “tôi vẫn chưa dám.”

Hai nữ hoàng lặng lẽ ngồi bên dòng suối. Thời gian trôi qua; những ngôi sao lặn xuống và những ngôi sao khác lại mọc lên; có tiếng hét khe khẽ từ những người đang ngủ, nhưng đó chỉ là tiếng nói mơ của Lyra. Các phù thủy nghe thấy tiếng âm ầm của một cơn bão, rồi họ thấy

chớp nhảy nhót trên mặt biển và những ngọn đồi thấp dưới chân núi, nhưng nó ở cách đó rất xa.

Một lúc sau Ruta Skadi nói: “Đứa con gái, Lyra ấy. Cô bé đóng vai trò gì? Là việc này à? Nó quan trọng vì có thể đưa cậu bé đến với bố mình? Không chỉ có thể đúng không?”

“Đó là việc cô bé phải làm hiện giờ. Nhưng còn về sau này thì đúng, sẽ hơn thế rất nhiều. Điều mà các phù thủy chúng ta vẫn nói về đứa bé đó là nó sẽ đặt dấu chấm hết cho số mệnh. Chúng tôi biết cái tên sẽ khiến cô bé trở nên có ý nghĩa với Phu nhân Coulter, và chúng tôi biết rằng người phụ nữ đó không biết điều này. Phù thủy mà bà ta đã tra tấn trên con tàu gần Svalbard suýt nữa đã khai ra, nhưng Yambe-Akka đã tới đón cô ấy kịp thời.

“Nhưng giờ thì tôi lại nghĩ rằng Lyra có thể là kẻ mà cô đã nghe thấy đám lâu nhâu kia nhắc tới, cái tên Sát Thánh đó. Không phải phù thủy cũng chẳng phải những thực thể thiên thần kia, mà chính là đứa bé đang say ngủ đó: vũ khí quyết định trong cuộc chiến chống lại Đấng Quyền Năng. Còn có lí do gì khác khiến Phu nhân Coulter phải lo lắng để tìm được cô bé đến thế chứ?”

“Phu nhân Coulter từng là người tình của Ngài Asriel,” Ruta Skadi nói. “Hẳn rồi, còn Lyra là con của họ... Serafina Pekkala, nếu mà là tôi sinh ra đứa trẻ này thì nó sẽ trở thành một phù thủy hùng mạnh đến nhường nào! Một nữ hoàng của các nữ hoàng!”

“Suýt, người chị em,” Serafina nói. “Nghe kìa... mà ánh sáng đó là cái gì vậy?”

Họ đứng dậy, hoảng hốt vì có thứ gì đó đã lọt qua sự cảnh giác của họ, và thấy một tia sáng lập lòe phát ra từ nơi đóng trại: nhưng không phải là ánh lửa, không giống ánh lửa một chút nào.

Họ chạy về mà không phát ra tiếng động nào, tên đặt sẵn trên dây cung, rồi dừng khựng lại.

Toàn bộ các phù thủy đều đang ngủ rập trên cỏ, Will và Lyra cũng vậy. Nhưng bao quanh hai đứa trẻ là khoảng một chục hoặc hơn các

thiên thần, đang nhìn xuống chúng.

Và rồi Serafina hiểu ra một thứ mà các phù thủy không có từ để miêu tả nó: đó là ý niệm về hành hương. Cô hiểu vì sao những sinh vật này lại chờ đợi hàng nghìn năm rồi vượt qua những khoảng cách bất tận để được đến gần một điều quan trọng, và việc họ sẽ cảm thấy khác biệt thế nào trong suốt phần đời còn lại sau khi đã được ở bên nó trong một khoảng thời gian ngắn ngủi. Đó chính là dáng vẻ của những sinh vật này bây giờ, những kẻ hành hương lộng lẫy tạo từ ánh sáng mỏng, đứng vây quanh đứa con gái có gương mặt bẩn thỉu và bộ váy len kẻ ô vuông cùng với thằng bé bị thương ở tay đang chau mày trong giấc ngủ.

Có thứ gì đó chuyển động ở cổ của Lyra. Pantalaimon, trong dạng chồn ermine trắng muốt, ngái ngủ hé đôi mắt màu đen ra nhìn quanh mà không hề sợ hãi. Về sau, Lyra sẽ nhớ đến việc này như một giấc mơ. Pantalaimon dường như chấp nhận sự chú ý như thế Lyra xứng đáng được như vậy, và chẳng mấy chốc nó đã cuộn tròn người rồi nhắm mắt lại.

Cuối cùng một trong các sinh vật này dang rộng đôi cánh. Những tên khác, dù đứng rất sát nhau, cũng làm vậy, và cánh của chúng đan xuyên vào nhau mà không hề bị cản trở, lướt qua nhau như ánh sáng qua ánh sáng, cho tới khi một vòng tròn ánh hào quang rực rỡ hiện lên quanh những người đang ngủ trên nền cỏ.

Rồi những kẻ đứng nhìn cất cánh lên không trung, tên này nối tiếp tên kia, bay lên như những đốm lửa vào trong bầu trời, càng lên cao càng phình ra cho tới khi trở nên khổng lồ; nhưng họ đã ở rất xa, lao đi như những ngôi sao băng về phía bắc.

Serafina và Ruta Skadi nhảy lên cành thông của mình rồi bay lên theo các thiên thần, nhưng họ đã bị bỏ xa lại phía sau.

“Họ có giống những sinh vật mà cô đã thấy không, Ruta Skadi?” Serafina hỏi khi họ bay chậm lại giữa không trung trong lúc nhìn theo những đốm lửa sáng chói nhỏ dần về phía chân trời.

“Lớn hơn, tôi nghĩ vậy, nhưng là cùng một loại. Họ không có da thịt, cô có thấy không? Cơ thể của họ hoàn toàn là ánh sáng. Các giác quan của họ hẳn là phải rất khác biệt với chúng ta... Serafina Pekkala, giờ thì tôi phải từ biệt các vị rồi, tôi phải triệu tập toàn bộ phù thủy ở vùng phương bắc của chúng ta. Đến khi ta gặp lại nhau, đó sẽ là lúc chiến tranh. Đi mạnh giỏi nhé, người bạn yêu mến...”

Họ ôm nhau ngay giữa không trung, rồi Ruta Skadi quay đầu và bay về hướng nam.

Serafina dõi theo cô rồi quay lại nhìn những thiên thần cuối cùng đang lấp lánh, biến mất dần về phía xa. Cô không cảm thấy gì ngoài lòng trắc ẩn đối với những người quan sát vĩ đại đó. Họ đã bỏ qua biết bao nhiêu điều khi chẳng bao giờ có thể cảm nhận mặt đất dưới chân, ngọn gió vờn trên mái tóc, hay ánh sao râm ran trên làn da trần! Cô bẻ một nhánh nhỏ khỏi cành thông dùng để bay rồi khoan khoái hít hà mùi nhựa hắc sộc lên, sau đó chậm rãi bay xuống để nhập hội với những người đang ngủ trên bãi cỏ.

Hẻm Alamo

Lee Scoresby nhìn xuống đại dương tĩnh lặng nằm phía bên trái và bờ biển xanh rì ở bên phải, rồi che mắt để tìm sự sống con người. Họ rời khỏi Yenisei đã được một ngày một đêm.

“Thế giới mới đây sao?” Ông hỏi.

“Mới với những ai không sinh ra tại đó,” Stanislaus Grumman đáp. “Còn không thì cũng đã lâu đời như thế giới của ông hay của tôi. Việc làm của Ngài Asriel đã làm vạn vật đảo lộn, ông Scoresby ạ, đảo lộn sâu sắc chưa từng thấy. Các cánh cửa và ô cửa sổ mà tôi nhắc đến - giờ đây chúng mở ra tại những nơi không ngờ tới. Rất khó để có thể định hướng, nhưng ngọn gió này thuận đấy.”

“Dù là mới hay cũ thì cái thế giới dưới kia cũng thật kì lạ,”

Lee nói.

“Phải,” Stanislaus Grumman đồng tình. “Đây là một thế giới kì lạ, dù cho chắc chắn sẽ có những người cảm thấy thoải mái khi ở đây.”

“Trông nó trông trải quá,” Lee nói.

“Không hẳn. Phía sau mũi đất kia ông sẽ tìm thấy một thành phố đã từng rất hùng mạnh và giàu có. Và nó vẫn đang được cư ngụ bởi hậu duệ của các thương nhân và quý tộc đã xây dựng lên nó, dù cho trong vòng ba trăm năm trở lại đây nó đã rơi vào thời kì khó khăn...”

Vài phút sau khi chiếc khí cầu trôi đi tiếp, Lee nhìn thấy ngọn hải đăng đầu tiên, rồi đến đường cong của một con đê chắn sóng bằng đá,

tới những tòa tháp, mái vòm, mái nhà đỏ nâu của một thành phố xinh đẹp chạy quanh bến cảng, với một tòa nhà xa hoa trông như nhà hát nhạc kịch trong các khu vườn xum xuê cây cối, và những đại lộ rộng thênh thang với các khách sạn thanh lịch và những con phố nhỏ nơi cây cối đổ hoa rủ xuống các ban công rợp bóng mát.

Grumman nói đúng: có người sống ở đây. Nhưng khi trôi đến gần hơn, Lee ngạc nhiên khi thấy rằng tất cả đều là trẻ con. Trong tầm mắt không có một người lớn nào. Lũ trẻ đang chơi trên bãi biển, chạy ra chạy vào các quán cà phê, ăn uống, hay tập hợp các túi đựng đầy đồ từ những ngôi nhà hay cửa hiệu. Đằng kia là một đám con trai đang gây lộn, một con bé tóc đỏ đang cổ vũ cho chúng, và một thằng bé loắt choắt đang ném đá để đập vỡ tất cả các cửa sổ của một tòa nhà gần đó. Nơi này như thể là một sân chơi không có giáo viên mang kích cỡ của một thành phố vậy; đây là thế giới của trẻ con.

Nhưng không phải chỉ có mỗi chúng ở đó. Lee đã phải dụi mắt khi mới thấy chúng, nhưng không có gì phải nghi ngờ cả: những cột sương - hay một thứ gì đó còn loãng hơn cả sương - một dạng không khí cô đặc... Dù cho chúng có là cái gì đi nữa thì thành phố này cũng đầy chật những thứ đó; chúng trôi dọc theo các đại lộ, chúng vào nhà, túm tụm trong các quảng trường và sân nhà. Lũ trẻ đi lại giữa chúng mà không hề nhìn thấy.

Nhưng bọn trẻ thì có bị nhìn thấy. Họ vào càng sâu phía trên thành phố thì Lee càng có thể quan sát được hành vi của những dạng sống này. Rõ ràng là chúng có hứng thú với một vài đứa trẻ, và bám theo những đứa nhất định: đám trẻ lớn hơn, những đứa (như Lee có thể thấy được qua kính viễn vọng) đang sắp bước vào tuổi dậy thì. Có một thằng bé, một thiếu niên cao gầy với mái tóc đen bờm xờm, đang bị những sinh vật trong suốt vây dày đặc xung quanh đến mức hình dáng của cậu dường như đang sáng lơ mờ trong không khí. Trông chúng chẳng khác gì ruồi bu miếnng thịt. Thằng bé thì chẳng biết gì về điều này, dù cho cứ thỉnh thoảng nó lại phải dụi mắt hoặc lắc đầu như để nhìn rõ hơn.

“Cái lũ kia là cái quỷ gì vậy?” Lee kêu lên.

“Mọi người gọi chúng là Quỷ hút hồn.”

“Chính xác thì chúng làm gì?”

“Ông có nghe nói tới ma cà rồng chưa?”

“À, trong các câu chuyện.”

“Quỷ hút hồn ăn giống như ma cà rồng uống máu vậy, nhưng thức ăn của Quỷ hút hồn lại là sự chú ý. Một sự hứng thú có ý thức và được thông báo trong thế giới này. Sự non nớt của trẻ con không hấp dẫn đối với chúng.”

“Vậy thì chúng trái ngược với lũ ác quỷ ở Bolvangar rồi.”

“Ngược lại thì đúng hơn. Ủy ban Hiến tế và Quỷ hút hồn của Sự thờ ơ đều bị mê mẩn bởi sự thật này về loài người: rằng sự ngây thơ khác biệt với từng trải. Ủy ban Hiến tế sợ hãi và căm ghét Bụi, còn lũ Quỷ hút hồn lại tận hưởng nó, nhưng Bụi chính là thứ mà cả hai đều bị ám ảnh.”

“Chúng co cụm lại quanh đứa bé dưới kia...”

“Nó đang trưởng thành. Chúng sẽ tấn công nó sớm thôi, và rồi cuộc đời nó sẽ biến thành một sự đau khổ đầy thờ ơ và trống rỗng. Thế là hết.”

“Lạy Thánh Pete! Chúng ta không cứu nổi nó sao?”

“Không đâu. Lũ Quỷ hút hồn sẽ tóm lấy chúng ta ngay lập tức. Chúng không thể với tới chúng ta ở trên này; tất cả những gì ta có thể làm là đứng nhìn và bay tiếp.”

“Nhưng còn người lớn đâu rồi? Đừng nói với tôi là cả thế giới này chỉ toàn trẻ con không thôi nhé.”

“Đám trẻ đó là những đứa mồ côi cha mẹ vì Quỷ hút hồn. Có rất nhiều nhóm như vậy trong thế giới này. Chúng đi lang thang, sống trên những gì có thể tìm thấy được khi người lớn bỏ chạy. Có đủ thứ để tìm, như ông có thể thấy. Chúng không bị đói đâu. Trông có vẻ như vô số Quỷ hút hồn đã xâm chiếm thành phố, khiến người lớn phải tháo chạy

đến nơi an toàn. Ông có nhận ra ở bến cảng có ít tàu bè đến thế nào không? Bọn trẻ sẽ không gặp nguy hiểm gì đâu.”

“Trừ những đứa lớn hơn. Như thằng bé tội nghiệp dưới kia...”

“Ông Scoresby, đó là cách mà thế giới này vận hành. Còn nếu muốn chấm dứt sự tàn bạo và bất công, ông sẽ phải đưa tôi đi tiếp. Tôi có một việc cần phải làm.”

“Tôi thì nghĩ...” Lee nói, cố gắng tìm từ ngữ “... tôi nghĩ nơi mà ta đấu tranh chống lại sự tàn ác là nơi ta tìm thấy nó, còn nơi ta chìa tay giúp đỡ lại là nơi ta thấy rằng nó cần thiết. Hay điều đó có gì không đúng, hả Tiến sĩ Grumman? Tôi chỉ là một gã phi công khí cầu ngu muội. Tôi ngu muội khủng khiếp đến mức đã tin sái cổ khi được bảo rằng các pháp sư được phú cho tài bay lượn, ví dụ như vậy. Thế mà ở đây lại có một pháp sư không biết bay.”

“Ồ, nhưng tôi có biết đó.”

“Ông bịa ra chuyện đó như thế nào vậy?”

Chiếc khí cầu hạ thấp xuống còn mặt đất thì nâng dần lên. Một ngọn tháp to bè bằng đá dựng lên ngay trên lộ trình bay của họ, vậy mà Lee dường như không hề nhận ra.

“Tôi cần phải bay,” Grumman nói, “nên tôi đã triệu tập ông, và giờ thì tôi đang bay đây.”

Ông nhận thức rất rõ mối hiểm họa mà họ đang gặp phải, nhưng kiềm chế không ngụ ý nói rằng ông phi công không nhận ra. Rồi vào một thời điểm hoàn hảo, Lee Scoresby nhào người ra khỏi mép giỏ và kéo sợi dây buộc một trong những túi bì. Cát tuôn ra, khiến chiếc khí cầu khẽ dâng lên và lướt qua ngọn tháp chỉ cách khoảng hai mét. Khoảng chục con quạ bị quấy nhiễu, vừa bay lên quanh họ, vừa kêu quạ quạ.

“Có lẽ vậy,” Lee nói. “Ông có một phong cách rất kì lạ, Tiến sĩ Grumman ạ. Ông đã từng bao giờ qua lại với các phù thủy chưa?”

“Rồi,” Grumman đáp. “Cả với các viện sĩ và linh hồn nữa. Tôi đã thấy sự điên rồ hiển hiện khắp mọi nơi, nhưng trong mỗi dòng chảy đó lại có những hạt thông thái. Chắc chắn là còn rất nhiều sự thông thái mà tôi đã không thể nhận ra. Đời thật khó khăn, ông Scoresby ạ, nhưng dẫu vậy chúng ta vẫn phải bầu vút lấy nó.”

“Còn cuộc hành trình mà chúng ta đang tham gia này thì sao? Nó điên rồ hay thông thái?”

“Sự thông thái vĩ đại nhất mà tôi được biết.”

“Hãy nói lại cho tôi biết mục đích của ông: ông sẽ đi kiếm người nắm giữ cái con dao kì ảo này, rồi sau đó thế nào?”

“Nói cho anh ta biết nhiệm vụ của mình.”

“Và nhiệm vụ đó bao gồm cả việc bảo vệ Lyra,” ông phi công nhắc nhở.

“Nó sẽ bảo vệ tất cả chúng ta.”

Họ bay tiếp. Chẳng bao lâu thành phố phía sau đã khuất khỏi tầm mắt.

Lee kiểm tra các thiết bị của mình. Theo nhận định của ông, cái la bàn vẫn đang quay tròn một cách mơ hồ, nhưng đồng hồ đo độ cao thì lại hoạt động rất chính xác, thể hiện rằng họ đang trôi nổi phía trên khoảng ba trăm mét so với bờ biển và song song với nó. Phía trước không xa là dãy đồi cao xanh rì phủ mờ sương. Lee mừng là mình đã chuẩn bị rất nhiều bì.

Nhưng khi rà soát đường chân trời như thường lệ, ông cảm thấy tim mình hơi chững lại. Hester cũng cảm thấy điều đó, bèn vênh tai lên rồi quay đầu nhìn ông bằng một bên mắt màu nâu đỏ ánh vàng. Ông bồng nó lên rồi đặt vào ngực áo khoác rồi lại mở ống nhòm ra.

Không, ông không hề nhầm. Ở xa phía nam (nếu đó là hướng nam, hướng mà họ đã tới) một chiếc khí cầu khác đang bồng bênh trên màn sương. Ảo ảnh từ sức nóng và khoảng cách xa khiến cho việc nhìn thấy

các chi tiết trở nên vô vọng, nhưng chiếc khí cầu kia là loại lớn hơn, và bay cao hơn.

Grumman cũng đã nhìn thấy.

“Địch à, ông Scoresby?” Ông nói, tay che mắt để nhìn xuyên lớp ánh sáng long lanh như ngọc trai.

“Không thể sai được. Tôi không chắc là nên thả bì xuống để bay lên cao bắt gió mạnh hay ở lại dưới thấp này để đỡ bị lộ. May mà cái thứ đó không phải là khí cầu zeppelin; chúng có thể đuổi kịp chúng ta trong vài giờ đồng hồ. Không, khi thật, Tiến sĩ Grumman ạ, tôi sẽ bay lên cao, vì tôi hẳn đã thấy chiếc khí cầu này nếu đang ở trong cái kia rồi; và tôi dám cá là mắt chúng tinh tường lắm.”

Ông đặt Hester xuống trở lại rồi nhào người vớt ba túi bì ra ngoài. Khí cầu lập tức dâng lên. Lee không rời mắt khỏi ống nhòm.

Một phút sau ông biết chắc chắn rằng họ đã bị nhìn thấy, vì màn sương đang lay động, hòa lẫn vào vệt khói bốc lên theo một góc độ từ chiếc khí cầu kia; và khi lên cao được một đoạn, nó phát nổ thành một đốm sáng chói lòa. Nó lóe lên đỏ rực trong một lúc rồi co cụm lại thành một mảng khói xám, nhưng đó là một tín hiệu rõ ràng như chuông báo động trong đêm vậy.

“Ông có thể gọi một ngọn gió mạnh hơn được không, Tiến sĩ Grumman?” Lee lên tiếng. “Tôi muốn tới đây đôi kia khi hoàng hôn xuống.”

Vì lúc này họ đang rời khỏi đường bờ biển, và lộ trình đang dẫn họ qua một khu vịnh rộng lớn có bề ngang khoảng ba mươi hay bốn mươi dặm. Một rặng đồi nhô lên ở phía xa, và lúc này khi đã lên đủ cao, Lee thấy rằng có lẽ cần phải gọi chúng là núi mới chính xác.

Lee quay sang Grumman, nhưng thấy ông đang chìm sâu trong trạng thái nhập định. Đôi mắt ông pháp sư nhắm nghiền lại, những hạt mồ hôi lấm tấm rỉ ra trên trán khi ông khẽ đu đưa người. Từ họng ông phát ra tiếng rì rầm đều đều rất trầm, trong khi con linh thú của ông tóm chặt lấy mép giỏ, cũng xuất thần không kém.

Không rõ là nhờ bay lên cao hay là kết quả làm phép của ông pháp sư, nhưng quả thật một luồng gió đã làm lay động không khí trên gương mặt Lee. Ông nhìn lên kiểm tra túi khí gas và thấy nó đu đưa vài độ, nghiêng về phía những ngọn đồi.

Nhưng ngọn gió đẩy họ đi nhanh hơn cũng tác động lên chiếc khí cầu còn lại. Nó không tiến lại gần hơn, nhưng họ cũng không bỏ xa nó thêm chút nào. Khi Lee bật ống nhòm lên, ông nhìn thấy những hình thù tối màu hơn, nhỏ hơn phía sau nó trong không gian mờ ảo của khoảng cách xa. Chúng được tập hợp lại một cách có chủ đích, mỗi phút lại trở nên rõ rệt và rắn chắc hơn.

“Khí cầu zeppelin,” ông thốt lên. “Chà, thế là không trốn được ở đây nữa rồi.”

Ông cố gắng ước lượng khoảng cách giữa họ, sau đó là một phép tính tương tự về những ngọn đồi mà họ đang bay tới. Rõ ràng là tốc độ của họ đã tăng lên, và cơn gió đang làm dậy lên những đỉnh sóng trắng xóa phía xa bên dưới.

Grumman ngồi nghỉ trong một góc giỏ trong khi linh thú của ông rĩa lông rĩa cánh. Dù mắt ông đang nhắm, Lee biết rằng ông vẫn đang thức.

“Tình hình thế này, Tiến sĩ Grumman ạ,” ông nói. “Tôi không muốn bị những cái zeppelin đó bắt kịp trên không trung. Ở đây không có thiết bị phòng vệ nào; chúng sẽ hạ chúng ta trong chớp mắt. Nhưng tôi cũng không muốn đáp xuống nước, dù có được tự do lựa chọn hay không; chúng ta có thể nổi trong một lúc, nhưng chúng có thể xử đẹp chúng ta bằng lựu đạn dễ như đánh cá vậy.

“Vậy nên tôi muốn đến được những ngọn đồi kia và đáp xuống. Giờ tôi có thể thấy chút rừng cây rồi; chúng ta có thể trốn giữa đám cây một lúc, hoặc có thể lâu hơn.

“Và trong lúc đó mặt trời sẽ hạ xuống. Theo như tôi tính toán thì chúng ta có khoảng ba tiếng cho tới khi mặt trời lặn. Cũng khó đoán, nhưng tôi nghĩ vào lúc đó đám zeppelin kia đã rút ngắn được nửa

khoảng cách với chúng ta, còn chúng ta chắc hẳn đã đến được bờ bên kia của khu vịnh này.

“Giờ thì ông hiểu tôi đang nói gì rồi đấy. Tôi sẽ đưa chúng ta lên những ngọn đồi đó, rồi đáp xuống, vì mọi lựa chọn khác sẽ chỉ dẫn đến cái chết chắc chắn. Giờ này chúng hẳn đã nhận ra mối liên hệ giữa chiếc nhẫn tôi cho chúng xem với tên Skraeling tôi đã giết ở Nova Zembla, và chúng không cật lực đuổi theo chúng ta như thế này để thông báo rằng ta để quên ví trên quầy.

“Vậy nên vào một lúc nào đó tối nay, Tiến sĩ Grumman ạ, chuyến bay này sẽ kết thúc. Ông đã bao giờ hạ cánh trên một chiếc khí cầu chưa?”

“Chưa,” ông pháp sư đáp. “Nhưng tôi tin tưởng vào kỹ năng của ông.”

“Tôi sẽ cố gắng lên cao nhất có thể trên rặng đồi kia. Đó là vấn đề về sự cân bằng, vì chúng ta đi càng xa thì chúng càng đuổi gần hơn. Nếu tôi đáp xuống khi chúng đang ở sát phía sau, chúng sẽ có thể thấy nơi ta đi, nhưng nếu hạ cánh quá sớm, chúng ta sẽ không tìm được nơi trú ẩn trong rừng cây. Dù là cách nào thì cũng sẽ sớm có vài vụ bắn phá thôi.”

Grumman ngồi điềm tĩnh, chuyển một vật biểu tượng ma thuật làm bằng lông vũ và hột xoàn từ tay này sang tay khác theo một kiểu hình mà Lee có thể thấy là mang chủ ý quan trọng nào đó. Con linh thú của ông không hề rời mắt khỏi những chiếc zeppelin đang bám đuổi.

Một tiếng đồng hồ trôi qua, rồi thêm một tiếng nữa. Lee nhay nhay một điệu xì gà chưa châm và nhấp cà phê nguội ngắt từ bình thiếc. Mặt trời đã hạ thấp trên bầu trời phía sau họ, và Lee có thể thấy những cái bóng dài thượt của buổi chiều tà bò lan theo bờ vịnh rồi leo lên những đèo sườn thấp của dãy đồi trước mặt trong lúc chiếc khí cầu và các đỉnh núi tắm đắm trong ánh vàng óng ả.

Sau lưng họ, gần như mất dạng trong ánh sáng chói lòa của hoàng hôn, những cái chấm bé xíu của đám zeppelin đang lớn dần và định

hình hơn. Chúng đã vượt qua chiếc khí cầu còn lại, và giờ thì có thể dễ dàng thấy được bằng mắt thường: bốn cái sóng hàng thẳng tắp. Cắt ngang qua sự tĩnh mịch mênh mông của khu vịnh là tiếng động cơ của chúng, nhỏ nhưng rõ rệt, một tiếng muỗi vo ve dai dẳng.

Khi họ vẫn còn cần vài phút nữa mới đến được bờ vịnh dưới chân đồi, Lee nhận thấy một điều mới lạ trên bầu trời phía sau những chiếc zeppelin. Một đám mây dày đang được hình thành, và một đầu mây tích điện khổng lồ sừng sững cao cả nghìn mét đang chọc thẳng vào vùng trời vẫn còn sáng ở phía trên. Sao ông lại không nhận thấy điều đó nhỉ? Nếu bão đang ập tới thì họ phải hạ cánh càng sớm càng tốt.

Rồi một màn mưa xanh thẫm rú xuống và treo lơ lửng từ những đám mây, cơn bão dường như đang đuổi theo những chiếc zeppelin y như chúng đuổi theo khí cầu của Lee, vì màn mưa từ biển quét về phía chúng, và khi mặt trời cuối cùng cũng biến mất, một tia sáng dữ dội lóe lên từ những đám mây, rồi vài giây sau tiếng sấm đinh tai nổ ra khiến cả giàn khung khí cầu của Lee rung lên bần bật, không ngừng vọng lại từ rặng núi phía xa trong suốt thời gian dài.

Lại thêm một tia chớp nữa lóe lên, và lần này cái chạc nhọn hoắt của nó đánh thẳng từ đầu mây tích vào một trong những chiếc Zeppelin. Chỉ trong tích tắc khí gas đã bùng cháy: một bông hoa lửa sáng rực xòe cánh trên nền mây màu tím thẫm, rồi chiếc phi cơ chậm chạp rơi xuống, hừng hực cháy như một ngọn đèn hiệu, và nổi trên mặt nước trong lúc vẫn đang phồng phồng lửa.

Lee thở hắt ra luồng hơi đã kìm nén từ lâu. Grumman đang đứng bên cạnh ông, một bàn tay đặt lên vòng treo dây, gương mặt hằn sâu những đường nét mệt mỏi.

“Ông gọi cơn bão đó đến đây à?” Lee hỏi.

Grumman gật đầu.

Bầu trời lúc này được nhuộm màu như một con hổ: các dải vàng óng đan xen với những mảng và sọc màu đen nâu sẫm thẫm nhất. Nhưng chỉ một phút sau họa tiết đó đã thay đổi, vì ánh vàng đang nhạt

đi nhanh chóng khi bị màu đen nâu nhấn chìm. Vùng biển phía sau là một mảng chấp vá của nước đen ngòm và bọt phát lân quang, những tàn lửa cuối cùng của chiếc zeppelin bốc cháy đang teo lại rồi tan biến vào hư không khi nó chìm xuống.

Tuy nhiên, ba chiếc còn lại vẫn đang bay tiếp, gắng sức vật lộn và bám sát lộ trình. Chớp lại lóe lên xung quanh chúng, và khi cơn bão đến gần hơn, Lee bắt đầu lo lắng cho khí gas trong khí cầu của chính mình. Chỉ một phát đánh trúng là có thể khiến nó lộn nhào xuống đất trong lửa cháy, mà ông thì không cho rằng ông pháp sư có thể điều khiển cơn bão điệu nghệ đến mức tránh được chuyện đó.

“Phải rồi, Tiến sĩ Grumman,” ông lên tiếng, “tạm thời tôi sẽ lờ đám zeppelin đó đi và tập trung vào việc đưa chúng ta vào núi rồi đáp xuống đất an toàn. Việc tôi muốn ông làm là ngồi thật chắc và bám thật chặt, chuẩn bị tinh thần nhảy khi nào tôi nói. Tôi phải cảnh báo ông, và tôi sẽ cố gắng nói nhẹ nhàng nhất có thể, nhưng hạ cánh trong tình trạng này thì may mắn cũng quan trọng không kém gì kỹ năng đâu.”

“Tôi tin tưởng ông, ông Scoresby ạ,” ông pháp sư nói.

Ông ngồi vào một góc giỏ trong lúc con linh thú đậu trên vòng treo dây, bộ móng cắm sâu vào lớp bọc bằng da.

Gió lúc này đang quạt họ tới tấp, túi khí gas khổng lồ căng phồng lên và cuồn cuộn bay trong gió lốc. Đám mây thường kéo kẹt kêu lên vì bị kéo căng, nhưng Lee không lo chúng sẽ đứt. Ông vứt thêm vài túi bì đi và cẩn thận quan sát đồng hồ đo độ cao. Trong một cơn bão, khi khí áp giảm, ta phải bù sự hao hụt đó khi đọc đồng hồ đo độ cao, và việc đó rất thường xuyên là một phép tính sơ bộ dựa trên quy tắc ngón tay cái. Lee rà soát các con số, kiểm tra hai lượt, rồi thả nốt túi bì cuối cùng. Lúc này thứ duy nhất ông kiểm soát được là van khí gas. Ông không thể lên cao hơn mà chỉ có thể hạ xuống.

Ông chăm chú nhìn qua bầu không khí giông tố và thấy dãy đồi sừng sững, đen ngòm trên nền trời tối thẫm. Từ phía dưới vọng lên tiếng gầm rú, ầm ào như tiếng sóng xô lên một bãi biển lởm chởm đá,

nhưng ông biết đó là tiếng gió gào xé qua lá cây. Đã xa đến vậy rồi! Họ đang di chuyển nhanh hơn ông nghĩ.

Ông cũng không nên đợi quá lâu để hạ cánh. Bản tính của Lee quá bình tĩnh để có thể nổi nóng trước số phận; kiểu của ông là nhướn một bên mày và chào nó một cách ngắn gọn; nhưng lúc này ông không khỏi cảm thấy một nỗi thất vọng âm ỉ, khi mà việc ông có thể làm - đó là bay phía trước cơn bão và để cho nó tự tan đi - lại là việc đảm bảo sẽ khiến họ bị bắn rơi.

Ông bồng Hester lên rồi cho nó nằm chắc chắn trong ngực, cài cúc cái áo khoác bằng vải bạt lên thật sát để giữ con linh thú ở bên trong. Grumman ngồi vững chãi và yên lặng; linh thú của ông, tả tơi trong gió, bám thật chắc với bộ vuốt cắm sâu vào thành giỏ, lông nó bị thổi dựng đứng lên.

“Tôi chuẩn bị hạ cánh đây, Tiến sĩ Grumman,” Lee hét lên át tiếng gió. “Ông nên đứng lên và sẵn sàng nhảy ra đi. Giữ lấy cái vòng, khi nào tôi gọi thì đu người lên.”

Grumman nghe theo. Lee nhìn xuống, lên phía trước, xuống, rồi lại lên phía trước, kiểm tra từng vết lờ mờ hiện ra nối tiếp nhau, mắt chớp chớp để đẩy nước mưa ra, vì một cơn gió mạnh đột ngột đã đổ ào những hạt nước nặng nề lên họ như những vốc sỏi, tiếng lộp bộp mà chúng tạo ra trên túi khí gas cộng hưởng thêm vào tiếng gió hú và tiếng lá quất bên dưới cho tới khi Lee gần như không thể nghe nổi tiếng sấm nữa.

“Tới thôi,” ông hét lên. “Ông chế ra cơn bão khá lắm, ông Pháp sư ạ.”

Ông kéo sợi dây van khí gas rồi buộc quanh một cái cọc để giữ nó luôn mở. Khi khối khí ủa ra khỏi cái đỉnh không nhìn thấy nổi ở tít trên cao, đường cong bên dưới của túi gas sụp vào nhau, một nếp gấp, rồi lại một nếp gấp nữa, xuất hiện ở nơi mà chỉ trước đó một phút còn là một khối cầu phòng căng.

Giò khí cầu tròn trành và rung lắc dữ dội đến mức khó có thể nói được là họ có đang đi xuống hay không, còn gió thì quá đột ngột và bất thường khiến họ có thể dễ dàng bị thổi tung lên trời mà không biết; nhưng sau đó khoảng một phút, Lee cảm thấy một cú giật bất ngờ và biết rằng chiếc neo móc đã mắc vào một cành cây. Đó chỉ là một sự ngăn cản tạm thời, cành cây bị gãy rời ra, nhưng điều đó cho thấy họ đang ở rất gần.

Lee hét lên: “Hai mươi mét bên trên rừng cây...”

Ông pháp sư gật đầu.

Lại thêm một cú giật nữa, dữ dội hơn, và hai người đàn ông bị ném mạnh vào mép giỏ. Lee đã quen với việc này nên lập tức lấy lại được thăng bằng, nhưng áp lực đó khiến Grumman bị bất ngờ. Tuy nhiên, ông vẫn không rời tay khỏi cái vòng treo, Lee có thể thấy ông đã an toàn đứng vững, sẵn sàng nhảy thoát khỏi giỏ.

Sau đó một lúc là cú chấn động khủng khiếp nhất khi móc neo tìm được một cành cây giữ chắc lấy nó. Cái giỏ lập tức đổ nhào và ngay giây sau đã đâm sầm vào những ngọn cây. Giữa tiếng lá ướn xào xạc, tiếng cành con răng rắc, tiếng những cành cây bị giày vò kêu lên cọt kệt, nó giật nảy lên rồi chơi vơi dừng khựng lại.

“Vẫn ở đó chứ, Tiến sĩ Grumman?” Lee gọi lớn, vì ông không thể nhìn thấy bất cứ thứ gì.

“Vẫn ở đây, ông Scoresby ạ.”

“Ta nên đứng yên một lúc cho tới khi thấy rõ được tình hình,” Lee nói, vì họ đang chao đảo dữ dội trong gió, ông cũng có thể cảm thấy cái giỏ đang không ngừng giật lên khỏi thứ gì đó đang giữ họ trên cao.

Họ vẫn đang bị kéo mạnh sang bên bởi túi khí gas, lúc này đã gần như trống không, nhưng như thế lại khiến nó đón gió như một cánh buồm. Lee thoáng nghĩ tới việc cắt rời cái túi khí ra, nhưng nếu không bay đi hoàn toàn, nó sẽ mắc trên ngọn cây như một lá cờ và làm lộ vị trí của họ; tốt hơn hết là cho nó vào giỏ nếu có thể.

Lại một tia chớp nữa lóe lên, rồi tiếng sấm nổ ra ngay sau đó. Cơn bão đã gần như ở ngay trên đỉnh đầu. Ánh sáng từ nó cho Lee thấy một thân cây sồi, với vết rạch lớn trắng hếu nơi một cành cây bị xé toạc ra, nhưng nó chỉ bị xé một phần, vì chiếc giỏ đang nằm trên đó gần với điểm nó vẫn nối với thân cây.

“Tôi sẽ ném dây thừng ra rồi trèo xuống,” ông hét lên. “Chúng ta có thể tính kế hoạch tiếp theo khi nào chân chạm được xuống đất.”

“Tôi sẽ theo sau ông, ông Scoresby ạ,” Grumman nói. “Linh thú của tôi nói rằng mặt đất ở cách phía dưới mười ba mét.”

Đến đó Lee nhận thấy mãnh lực từ đôi cánh đập khi con linh thú ửng biến đậu trở lại trên thành giỏ.

“Nó đi được xa thế cơ à?” Ông ngạc nhiên thốt lên, nhưng liền gạt ý nghĩ đó ra khỏi đầu để buộc chặt sợi dây thừng, đầu tiên là vào vòng treo dây rồi tiếp theo là lên cành cây, như vậy nếu cái giỏ có bị rơi đi nữa thì cũng sẽ không bị rơi quá xa.

Rồi, với Hester nằm chắc trong ngực, ông ném phần còn lại của sợi dây qua rồi trèo xuống cho tới khi cảm thấy mặt đất cứng cáp dưới chân. Thân cây mọc dày cành lá: đây là một cây đại thụ, một tên khổng lồ của loài sồi. Lee khẽ nói lời cảm ơn với nó trong lúc giật giật sợi dây để ra hiệu cho Grumman leo xuống.

Có phải có một âm thanh khác trong tiếng hỗn loạn không? Ông căng tai lên lắng nghe. Phải, tiếng động cơ của một chiếc zeppelin, có lẽ là nhiều hơn một, ở đâu đó phía trên - không thể đoán được độ cao của nó, hay nó đang bay theo hướng nào; nhưng âm thanh ở đó khoảng vài phút rồi biến mất.

Ông pháp sư xuống tới mặt đất.

“Ông có nghe thấy tiếng đó không?” Lee hỏi.

“Có. Nó đang lên cao hơn vào phía núi, tôi nghĩ thế. Chúc mừng ông đã cho chúng ta hạ cánh an toàn, ông Scoresby.”

“Chúng ta chưa xong đâu. Tôi muốn cho cái túi khí gas kia xuống dưới tán cây trước khi bình minh lên, nếu không nó sẽ để lộ vị trí của chúng ta từ cách xa hàng dặm. Ông sẵn sàng lao động chân tay chút chứ, Tiến sĩ Grumman?”

“Cứ cho tôi biết phải làm gì đi.”

“Được rồi. Tôi sẽ trèo lại lên dây rồi hạ vài thứ xuống cho ông. Trong số đó có một cái lều. Ông có thể dựng nó lên trong lúc tôi xem xem mình có thể làm gì trên đó để giấu cái khí cầu đi.”

Họ làm việc trong thời gian dài, thậm chí đã có lúc gặp nguy hiểm, khi cành cây đang đỡ cái giỏ cuối cùng cũng gãy rời và ném Lee xuống cùng với nó; nhưng ông không bị rơi quá xa, vì túi gas vẫn đang mắc giữa những ngọn cây khiến cái giỏ treo lơ lửng trên không trung.

Cú rơi thật ra lại giúp việc giấu nó đi dễ dàng hơn, vì nó kéo phần dưới của túi khí xuống qua vòm cây; trong ánh sáng chói lòa của chớp, ông giật, vặn, kéo, và cuối cùng cũng lôi được toàn bộ khí cầu xuống dưới các cành thấp hơn, khuất khỏi tầm nhìn.

Gió vẫn đang quạt tới tấp trên ngọn cây cao, nhưng phần tồi tệ nhất của cơn mưa đã đi qua vào lúc ông quyết định mình không thể cố thêm được nữa. Ông trèo xuống và thấy rằng vị pháp sư không những đã dựng xong lều mà còn gọi được lửa, và đang pha cà phê.

“Ông dùng ma thuật đấy à?” Lee hỏi, cả người ướn rướn và cứng đờ, ông vào thư giãn trong lều và đón lấy cái cốc mà Grumman đưa cho.

“Không, ông có thể cảm ơn Hội Nam Hương đạo vì điều này,” Grumman nói. “Ở thế giới của ông có Hội Nam Hương đạo không nhỉ? Phải luôn sẵn sàng. Trong tất cả các cách nhóm lửa, cách tốt nhất là dùng diêm khô. Tôi không bao giờ đi đâu mà thiếu chúng cả. Ở điểm cắm trại có khi còn thiếu thốn hơn thế này, ông Scoresby ạ.”

“Ông có lại nghe thấy tiếng những chiếc zeppelin đó không?”

Grumman giơ tay lên. Lee lắng nghe, và quả thật, chính là tiếng động cơ đó, lúc này đã dễ dàng nhận ra hơn nhờ mưa đã ngớt đi chút ít.

“Chúng đã lượn lơ trên đó hai lần rồi,” Grumman nói. “Chúng không biết chúng ta ở đâu, nhưng chúng biết ta đang ở đâu đó quanh đây.”

Không lâu sau, một thứ ánh sáng lập lòe phả tới từ đâu đó trên hướng mà chiếc zeppelin đã bay qua. Nó không chói bằng ánh chớp, nhưng lại dai dẳng, Lee liền biết đó là đèn báo hiệu.

“Tốt nhất là phải dập lửa đi, Tiến sĩ Grumman ạ,” ông nói, “mặc dù tôi rất tiếc phải làm thế. Tôi nghĩ vòm cây khá dày, nhưng ai mà biết được. Tôi đi ngủ đây, dù cả người có ướt hay không đi nữa.”

“Đến sáng là ông sẽ khô thôi,” pháp sư nói.

Ông vốc lấy một nắm đất ướt rồi ấn nó xuống ngọn lửa, còn Lee thì vất vả nằm xuống trong căn lều bé tẹo và nhắm mắt lại.

Ông có những giấc mơ thật kì lạ và dữ dội. Vào một thời điểm, ông bị thuyết phục rằng mình đã tỉnh dậy và thấy vị pháp sư đang ngồi khoanh chân, lửa vây cuồn cuộn, và ngọn lửa đó nhanh chóng ngấu nghiến da thịt ông, chỉ để lại bộ xương trắng hếu vẫn đang ngồi trong một đồng tro lấp lánh. Lee hoảng sợ tìm Hester và thấy nó đang ngủ, một chuyện chưa từng xảy ra vì khi ông thức, nó cũng sẽ thức. Khi thấy con linh thú kiêu kì của mình trong giấc ngủ với vẻ dịu dàng và mỏng manh, sự lạ lùng của điều này khiến ông cảm động, ông lo lắng nằm xuống cạnh nó, tỉnh trong giấc mơ nhưng thực tế lại đang ngủ, và ông mơ thấy mình nằm thao thức trong một lúc lâu.

Một giấc mơ khác cũng tập trung vào Grumman. Lee dường như thấy ông pháp sư đang rung một cái trống lắc đính lông và ra lệnh cho thứ gì đó tuân lời mình. Cái thứ gì đó, Lee nhìn thấy trong một cơn nôn nao, là một con Quỷ hút hồn giống đám mà họ nhìn thấy từ trên khí cầu. Con Quỷ cao lớn và gần như vô hình, nó khơi dậy trong Lee một cảm giác ghê tởm đến cồn cào ruột gan, khiến ông suýt nữa thì bật dậy vì kinh hãi. Grumman ra lệnh cho nó mà không hề e sợ, ông cũng không gặp nguy hiểm gì vì con Quỷ hút hồn đó chỉ chăm chú lắng nghe

ông nói rồi trôi lên trời như bong bóng xà phòng cho tới khi biến mất trong vòm cây.

Rồi buổi đêm mệt mỏi đó lại giày vò ông thêm lần nữa. Lần này ông đang ở trong buồng lái của một chiếc zeppelin, quan sát người phi công. Thật ra ông đang ngồi ở ghế phụ lái, và họ đang đi tuần tra phía trên cánh rừng, nhìn xuống những ngọn cây bị quật tơi tả, một biển cành lá hỗn độn. Rồi con Quỷ hút hồn đó cũng đang ở trong buồng với họ.

Trong giấc mơ Lee bị trói chặt, ông không thể cựa quậy hay hét lên, và ông phải chịu đựng nỗi kinh hoàng của viên phi công khi người đó nhận ra chuyện gì đang xảy đến với mình.

Con Quỷ vờn về phía viên phi công và ấn cái thứ hằn là mặt của nó vào anh ta. Con linh thú chim sẻ của anh ta vùng vẫy và kêu thét, cố gắng thoát ra, rồi chỉ để ngã vật ra trên bảng điều khiển, gần như bất tỉnh. Viên phi công quay mặt sang Lee rồi chìa một tay ra, nhưng Lee không có chút sức lực nào để cử động. Nỗi đau đớn trong đôi mắt của người đàn ông khiến ruột gan ông quặn lại. Một thứ gì đó chân thực và sống động đang bị bòn rút khỏi người đàn ông, linh thú của anh ta yếu ớt vùng vẫy và kêu lên một tiếng chói tai đầy hoang dại, nhưng nó đang chết dần.

Rồi con chim tan biến. Nhưng người phi công vẫn còn sống. Đôi mắt anh ta trở nên mờ đục và đờ đẫn, bàn tay đang vờn ra của anh ta rơi đánh bộp vào van tiết lưu. Anh ta vẫn còn sống, nhưng lại không phải là sống: một sinh vật thờ ơ với tất cả mọi thứ.

Lee bất lực ngồi nhìn trong lúc chiếc zeppelin bay thẳng tới sườn núi dựng trước mặt họ. Viên phi công nhìn nó nhô lên từ cửa sổ, nhưng chẳng có gì có thể khiến anh ta quan tâm. Lee ép người vào ghế trong kính hải, nhưng chẳng có gì xảy ra để ngăn nó lại, và đúng lúc sắp đâm ông liền hét lên:

“Hester!”

Và bừng tỉnh.

Ông đang an toàn nằm trong lều, còn Hester thì đang nhảy cẫng ông. Người ông đầm đìa mồ hôi. Vị pháp sư đang ngồi bắt chéo chân, nhưng một cơn ớn lạnh chạy qua người Lee khi ông thấy rằng con linh thú ửng biển không ở cạnh ông ta. Rõ ràng khu rừng này là một nơi tồi tệ, đầy ngập những ám ảnh quấy nhiễu.

Rồi ông để ý đến ánh sáng đang chiếu rọi vị pháp sư, bởi vì lửa đã tàn từ lâu, còn bóng tối trong khu rừng lại sâu thăm thẳm. Một thứ ánh sáng lập lờ xa xăm hắt lên những thân cây và phần dưới của lớp lá nhỏ nước, Lee lập tức hiểu ra đó là gì: giấc mơ của ông là sự thật, một phi công đã lái zeppelin của mình đâm vào sườn đồi.

“Trời ạ, Lee, ông run như cầy sấy vậy. Có chuyện gì với ông thế?” Hester càu nhàu trong lúc giật giật đôi tai dài.

“Người không phải cũng mơ sao, Hester?” Ông lầm bầm.

“Ông đâu có mơ hả Lee, ông đang nhìn mà. Nếu biết ông là người nhìn thấu thì tôi đã chữa trị cho ông từ lâu rồi. Giờ thì thôi đi, ông nghe chứ?”

Ông dùng ngón tay cái xoa đầu con thỏ, còn nó thì lắc đôi tai của mình.

Rồi chẳng cần đến một sự chuyển tiếp nhỏ nhất, ông đã đang lơ lửng trên không khí, sóng vai với linh thú của vị pháp sư, con chim ửng biển Sayan Kötör. Việc ở cạnh linh thú của một người khác và rời xa khỏi linh thú của chính mình khiến trong Lee dấy lên cảm giác tội lỗi mãnh liệt cùng một khoái cảm lạ lùng. Họ đang lượn, như thể ông cũng chính là một con chim, trên những luồng khí nhiễu động bốc lên bên trên cánh rừng, Lee nhìn quanh qua không khí tối thẫm, lúc này đang tràn ngập ánh sáng xanh xao tỏa ra từ trăng rằm, thỉnh thoảng mới lọt qua được một khe hở trong thoáng chốc trên màn mây và rải ánh bạc lên những ngọn cây.

Con linh thú ửng biển hét lên một tiếng chói tai, và từ phía dưới vọng tới tiếng gọi của hàng nghìn con chim với hàng nghìn chất giọng khác nhau: tiếng tu hu của cú, tiếng rít báo động của đám sẻ nhỏ, nhạc

điệu du dương của bầy sơn ca. Sayan Kötör đang gọi chúng, và chúng tới để đáp lại, tất cả chim chóc trong khu rừng, dù cho có đang bay lượn sẵn mồi trên đôi cánh câm lặng hay đã đáp xuống và say ngủ, cả nghìn con cùng đồng loạt vỗ cánh bay lên qua bầu không khí hỗn loạn.

Lee cảm thấy bản tính loài chim nào đó mà mình đang chia sẻ tỏ ra hân hoan trước mệnh lệnh của nữ hoàng ưng biển, trong lúc phần người còn lại trong ông cảm thấy niềm khoái cảm kì lạ nhất: đó là sự háo hức phục tùng một uy quyền lớn mạnh hơn, một uy quyền hoàn toàn xứng đáng. Ông lượn vòng rồi bẻ hướng cùng với phần còn lại của đàn chim khổng lồ, một trăm loài khác nhau cùng đồng loạt quay đầu theo ý chí đầy lôi cuốn của con chim ưng biển, và thấy bóng hình đen thùi lùi, cân đối của một chiếc zeppelin đầy cảm hứng hiện lên trên khối mây lơ lửng màu bạc.

Tất cả đều biết chính xác mình cần phải làm gì. Chúng đổ dồn về phía chiếc khí cầu, kẻ nhanh sẽ đến trước, nhưng không ai nhanh được bằng Sayan Kötör. Những con tiêu liêu và chim sẻ bé xíu, lũ én lao như tên, đám cú với đôi cánh câm lặng - chỉ trong giây lát, chúng đã bám đầy chiếc phi cơ, quờ quọ móng vuốt để tìm chỗ bám trên lớp lụa bôi dầu hoặc chọc thủng nó để bấu vào.

Chúng cố gắng tránh phần động cơ, dù cho vài con vẫn bị hút vào đó và bị các cánh quạt xé ra thành từng mảnh. Phần lớn số chim chỉ đơn thuần đậu trên thân chiếc zeppelin, rồi những con đến sau tóm vào chúng, cho tới khi chúng bao trùm không chỉ toàn bộ phần thân chiếc khí cầu (lúc này đang xả khí hydro qua hàng ngàn lỗ móng đục nhỏ xíu) mà cả các cửa sổ khoang hành khách, thanh chống và dây cáp - từng mét vuông đều có một con chim, hai con chim, ba con hoặc nhiều hơn, đang bám vào đó.

Viên phi công chẳng thể làm được gì. Dưới sức nặng của bầy chim, chiếc phi cơ bắt đầu tụt xuống ngày càng sâu. Rồi một trong những sườn núi dốc đứng đầy dữ tợn xuất hiện, len lỏi qua màn đêm,

và hẳn nhiên là vô hình đối với những người bên trong chiếc zeppelin, vì họ đang điên cuồng chĩa súng bắn lung tung.

Vào thời khắc cuối cùng, Sayan Kötör thét lên, một tiếng âm vang của những đôi cánh đập lập tức nhấn chìm cả tiếng gầm của động cơ khi đàn chim đồng loạt cất cánh bay đi. Đám người trong khoang hành khách có bốn hay năm giây nhận biết đầy kinh hoàng trước khi chiếc zeppelin đâm vào vách núi và phát hỏa.

Lửa, nhiệt, cháy... Lee lại bừng tỉnh, cả người ông nóng rực như đang nằm dưới mặt trời sa mạc.

Bên ngoài căn lều, đám lá ướt vẫn đang nhỏ tong tong không ngớt lên lớp vải bạt, nhưng cơn bão thì đã qua đi. Ánh sáng mờ ảo xám xịt len lỏi vào lều, Lee chống người dậy và thấy Hester đang chớp mắt bên cạnh mình, trong khi ông pháp sư thì quẩn mình trong chán, ngủ say đến mức người ta tưởng ông đã chết rồi nếu không thấy Sayan Kötör vẫn đang gà gật đậu trên một cành cây gãy ở bên ngoài.

Âm thanh duy nhất ngoài tiếng nước nhỏ giọt là khúc ca chim muông bình dị của rừng già. Không có tiếng động cơ trên trời, không có giọng nói của quân thù; vì vậy Lee cho rằng có lẽ sẽ không sao nếu nhóm lửa. Sau một hồi vật lộn, ông đã nhóm được và pha cho mình chút cà phê.

“Giờ thì sao, hả Hester?” Ông kêu lên.

“Còn tùy. Có bốn cái zeppelin, mà ông ấy mới hạ có ba.”

“Ý ta là, chúng ta đã hoàn thành nhiệm vụ chưa vậy?”

Nó vẫy tay rồi nói: “Tôi không nhớ có hợp đồng nào cả.”

“Đây không phải là vấn đề hợp đồng mà là đạo đức.”

“Chúng ta còn một cái zeppelin cần phải nghĩ tới trước khi ông có thể bắn khoản về đạo đức, Lee ạ. Có ba mươi, bốn mươi người được trang bị súng ống đang sẵn lòng chúng ta. Hơn nữa lại còn là chiến binh hoàng gia. Sống sót là trên hết, đạo đức tính sau.”

Nó nói đúng, hẳn rồi. Trong lúc nhăm nháp cốc cà phê nóng bỏng lười và làm một điều xì gà, với ánh bình minh đang sáng dần lên, ông tự hỏi không biết mình sẽ làm gì nếu phải chỉ huy chiếc Zeppelin duy nhất còn sót lại. Rút lui và chờ trời sáng hẳn, rõ ràng rồi, sau đó bay đủ cao để rà soát bìa rừng trên diện rộng, như thế chúng có thể thấy được khi nào Lee và Grumman để lộ chỗ ẩn náu.

Con linh thú chim ưng biển Sayan Kötör tỉnh dậy, rải rộng đôi cánh vĩ đại của mình phía trên nơi Lee đang ngồi. Hester ngược lên nhìn rồi quay đầu hết bên này lại sang bên kia, quan sát con linh thú hùng mạnh bằng từng bên của đôi mắt vàng lấp lánh, và một lúc sau ông pháp sư cũng bước ra khỏi lều.

“Một đêm bận rộn nhỉ,” Lee bình luận.

“Một ngày tất bật đang tới. Chúng ta phải rời khỏi rừng ngay, ông Scoresby ạ. Chúng sắp đốt trụi nó rồi.”

Lee ngờ vực nhìn quanh thăm thực vật ướt đầm và nói: “Đốt kiểu gì được?”

“Chúng có một động cơ phóng ra một loại dầu mỡ được trộn cùng kali cacbonat, hỗn hợp này sẽ bốc hỏa khi chạm vào nước. Hải quân Hoàng gia đã phát triển nó để sử dụng trong cuộc chiến với Nhật Bản. Khu rừng càng ẩm nước thì bắt lửa càng nhanh.”

“Ông có thể thấy được điều đó đúng không?”

“Rõ như khi ông thấy chuyện xảy ra với đám zeppelin trong đêm vậy. Sắp xếp đồ đạc ông muốn mang theo rồi đi ngay thôi.”

Lee xoa cằm. Những đồ vật quý giá nhất mà ông sở hữu lại cũng là những đồ dễ vận chuyển nhất - các thiết bị đặt trong khí cầu. Vậy là ông thu nhặt chúng từ trong giỏ, cất cẩn thận vào balô, kiểm tra chắc chắn rằng khẩu súng trường đã được lên đạn và khô ráo; rồi bỏ lại cái giỏ, bộ dây treo, và túi khí gas tại nơi chúng đang nằm, rồi tung và vặn vẹo giữa đám cành lá. Từ giờ ông đã không còn là phi công lái khí cầu nữa rồi, trừ khi một điều kì diệu xảy ra khiến ông sống sót thoát được

và kiếm đủ tiền để mua một cái khí cầu mới. Giờ ông sẽ phải di chuyển như một con côn trùng, men theo bề mặt của trái đất.

ooo

Họ ngửi thấy mùi khói trước khi nghe thấy tiếng lửa cháy, do một ngọn gió từ biển đã thổi nó vào sâu trong đất liền. Vào lúc tối được bìa rừng, họ có thể nghe thấy tiếng vụ cháy, một tiếng gầm thật trầm và tham lam.

“Sao chúng không làm việc này từ tối hôm qua?” Lee thắc mắc. “Chúng có thể đã quay giòng chúng ta khi ta còn đang ngủ rồi.”

“Tôi đoán là chúng muốn bắt sống chúng ta,” Grumman trả lời trong lúc vật sạch lá khỏi một cành cây để dùng làm gậy chống, “và chúng đang đợi xem chúng ta rời khỏi rừng từ chỗ nào.”

Quả vậy, chẳng bao lâu sau tiếng o o của chiếc zeppelin đã trở nên rõ ràng, trên cả tiếng lửa cháy và tiếng thở khó nhọc của chính họ, vì lúc này họ đang đi rất vội, trèo lên trên qua những rễ, những đá sỏi và thân cây đổ, chỉ dừng lại để nghỉ lấy hơi. Sayan Kötör bay lên cao rồi lại sà xuống để thông báo họ đã đi được bao xa, và ngọn lửa còn cách chừng nào phía sau; dù cho không lâu sau họ đã có thể thấy khói bốc lên trên đám cây phía sau, rồi tiếp đến là một dải lửa.

Những sinh vật nhỏ của khu rừng, sóc, chim, lợn rừng, đang tháo chạy cùng với họ và một bản hòa âm những tiếng kêu thét, rú rít, tiếng gọi cảnh báo thuộc đủ loại vang lên quanh họ. Hai lữ khách vất vả đi tiếp về phía bìa rừng còn cách đó không xa; và khi họ tới được đó, từng luồng nhiệt liên tiếp phả vào họ từ ngọn lửa cuộn cuộn gào thét lúc này đã cao tới gần hai chục mét trong không trung. Cây cối cháy rực như đuốc; nhựa chảy trong các mô mạch bị đun sôi và rạch chúng ra thành từng mảnh, hắc ín trong các thân tùng bách bắt lửa như dầu, còn trên các cành non, những bông hoa màu cam hung dữ dường như đang đồng loạt xòe cánh.

Kinh hoàng, Lee và Grumman ép mình trèo lên con dốc đứng đứng đầy đá sỏi. Một nửa bầu trời đã bị che mù bởi khói và sương mù nhiệt, nhưng ở phía trên cao lơ lửng hình dạng to bè của chiếc zeppelin duy nhất còn lại - quá xa để có thể thấy được họ kể cả nếu có dùng ống nhòm, Lee thầm nhủ trong hi vọng.

Sườn núi phía trước mặt họ dốc đứng và không thể vượt qua. Chỉ có một con đường duy nhất ra khỏi cái bẫy mà họ đang mắc phải, đó là hẻm núi hẹp ở phía trước, nơi một thềm sông khô cạn lộ ra từ hẻm núi giữa các vách đá.

Lee chỉ tay, và Grumman nói: “Chính xác những gì tôi nghĩ, ông Scoresby ạ.”

Linh thú của ông, đang lượn vòng trên cao, khẽ đập cánh rồi cười khò khè nóng cuộn cuộn bốc lên để lao về phía khe núi. Hai người đàn ông leo không ngừng nghỉ, cố gắng đi nhanh nhất có thể, nhưng Lee lên tiếng:

“Thứ lỗi cho tôi nếu câu hỏi này không thích hợp, nhưng tôi chưa từng biết bất cứ ai có linh thú làm được điều đó ngoại trừ các phù thủy. Nhưng ông lại không phải phù thủy. Đó là điều ông học được hay nó tới một cách tự nhiên?”

“Đối với một con người thì chẳng có gì tự nhiên đến cả,” Grumman đáp. “Chúng ta phải học hỏi mọi thứ mình làm. Sayan Kötör đang nói với tôi rằng khe núi dẫn tới một con đèo. Nếu chúng ta có thể tới đó trước khi bị chúng phát hiện, ta có thể sẽ thoát được.”

Con ưng biến lại sà xuống, và những người đàn ông tiếp tục leo lên. Hester thích được tự đi trên những tảng đá, nên Lee bám theo lối nó dẫn, tránh những hòn đá bập bênh và di chuyển lẹ làng nhất có thể trên những khối đá lớn hơn, luôn hướng về hẻm núi nhỏ.

Lee thấy lo cho Grumman, vì ông này đang tái nhợt, ủ rũ và thở dốc. Công việc ông làm vào ban đêm đã bòn rút một phần lớn năng lượng của ông. Liệu họ có thể tiếp tục đi bao xa là câu hỏi mà Lee không muốn đối mặt; nhưng khi họ gần tới được lối vào khe núi, thực

tế là đang ở trên rìa của thềm sông khô cạn, ông nghe thấy sự thay đổi trong âm thanh của chiếc zeppelin.

“Chúng phát hiện ra chúng ta rồi,” ông nói.

Việc đó chẳng khác nào lãnh nhận một án tử hình. Hester trượt chân, đến cả Hester có đôi chân vững vàng và trái tim rắn rỏi cũng phải loạng choạng và chùn bước. Grumman dựa vào cây gậy mà ông mang theo rồi che mắt để nhìn lại đằng sau, Lee cũng quay lại nhìn.

Chiếc zeppelin đang nhanh chóng hạ độ cao, hướng tới con dốc ngay bên dưới họ. Rõ ràng là những kẻ bám đuôi muốn bắt sống chứ không giết họ, vì lúc đó chỉ cần một loạt đạn là đủ kết liễu cả hai người ngay trong tích tắc. Thay vào đó viên phi công lại khéo léo điều khiển cho chiếc phi cơ lơ lửng ngay trên mặt đất, tại vị trí cao nhất trên con dốc mà hẳn có thể bảo đảm an toàn, rồi từ cửa khoang hành khách một dòng người mặc đồng phục xanh da trời nhảy xuống, đám linh thú sói kè sát, và bắt đầu leo.

Lee và Grumman ở phía trên đoàn quân gần sáu trăm mét, và lối vào hẻm núi cũng không còn xa. Một khi đã tới được đó, họ có thể cầm chân đám binh lính chừng nào đạn dược của họ còn chống chọi được: nhưng họ chỉ có mỗi một khẩu súng trường.

“Chúng nhắm tới tôi, ông Scoresby ạ,” Grumman nói, “không phải là ông. Nếu ông đưa cho tôi khẩu súng rồi đầu hàng, ông sẽ sống sót. Chúng đều là những đội quân rất kỉ luật. Ông sẽ trở thành tù binh chiến tranh.”

Lee lờ đi và nói: “Đi nào. Đến hẻm núi rồi tôi sẽ cầm chân chúng ở lối vào trong lúc ông tìm đường thoát ra ở đầu bên kia. Tôi đã đưa ông đi xa đến thế này rồi, nên giờ sẽ không ngồi nhìn người ta bắt ông đi đâu.”

Đám người bên dưới đang di chuyển rất nhanh chóng, vì chúng đều được nghỉ ngơi đầy đủ và sung sức. Grumman gật đầu.

“Tôi không có đủ sức lực để hạ nốt cái thứ tư,” là tất cả những gì ông nói, rồi họ vội vã tiến tới nơi ẩn náu trong hẻm núi.

“Cho tôi biết điều này trước khi ông đi,” Lee nói, “vì tôi sẽ không thấy thoải mái cho tới khi biết được. Tôi không thể nói được mình đang chiến đấu cho phe nào, mà tôi cũng không quá quan tâm. Nhưng hãy cho tôi biết: việc tôi sắp làm bây giờ, liệu nó có giúp cô gái nhỏ Lyra đó không, hay là làm hại đến cô bé?”

“Nó sẽ giúp cô bé,” Grumman đáp.

“Còn lời thề của ông. Ông không quên việc đã hứa với tôi đó chứ?”

“Tôi không quên đâu.”

“Bởi vì, Tiến sĩ Grumman ạ, hay John Parry, hay bất cứ cái tên nào ông tự nhận ở những thế giới mà ông đến, hãy hiểu lấy điều này. Tôi yêu mến đứa bé đó như con gái của chính mình. Nếu tôi có con, tôi cũng không thể yêu thương nó hơn. Vì vậy nếu ông phá bỏ lời thề, những gì còn sót lại của tôi sẽ truy đuổi những gì còn lại của ông, và ông sẽ dành cả phần thời gian bất tận còn lại ước rằng mình chưa từng tồn tại. Lời thề đó quan trọng như vậy đấy.”

“Tôi hiểu rồi. Tôi xin hứa với ông.”

“Vậy thì đó là tất cả những gì tôi cần được biết. Đi cẩn thận nhé.”

Vị pháp sư chìa bàn tay ra và Lee nắm lấy nó. Sau đó Grumman quay đi, leo lên hẻm núi, trong lúc Lee nhìn quanh tìm chỗ đứng tốt nhất.

“Đừng chọn tảng đá lớn đó, Lee ạ,” Hester nhận xét. “Từ đó không thấy được phía bên phải, mà chúng lại có thể dồn lực tấn công ta. Lấy tảng nhỏ hơn ấy.”

Một tiếng gầm vang lên trong tai Lee, nó hoàn toàn không đáng gờm đến đám cháy trong khu rừng phía dưới hay tiếng o o nặng nhọc của chiếc zeppelin đang cố gắng bay lên. Nó liên quan đến tuổi thơ của ông, đến Alamo. Ông và các bạn mình đã chơi trận chiến hào hùng đó nhiều biết bao, trong đồng tàn tích của pháo đài cổ, thay phiên nhau làm quân Đan Mạch và Pháp Lan Tây! Tuổi thơ trong ông đang ứa về một cách dữ dội. Ông lấy chiếc nhẫn Navajo của mẹ mình ra rồi

đặt nó lên tảng đá bên cạnh. Trong những trận Alamo ngày trước, Hester thường có dạng báo sư tử hoặc sói, một hay hai lần gì đó là rắn chuông, nhưng đa phần là chim nhại. Giờ...

“Ngừng mơ mộng lại mà ngắm bắn đi,” nó lên tiếng. “Đây không phải trò chơi đâu, Lee ạ.”

Đám người leo lên dốc đã tản ra và đang di chuyển chậm hơn, vì chúng cũng thấy được vấn đề mà ông đang thấy. Chúng biết rằng mình sẽ phải giành được hẻm núi, và cũng hiểu rằng một người cầm súng trường có thể thủ vững trong một thời gian dài. Lee ngạc nhiên khi thấy đằng sau chúng, chiếc zeppelin vẫn đang chạt vật để bay lên. Có lẽ sức nổi của nó đã thất thoát, hoặc có thể nó đang cạn dần năng lượng, nhưng dù là vì lí do gì thì nó cũng chưa cất cánh nổi, và điều đó cho ông một ý tưởng.

Ông chỉnh lại tư thế và ngắm dọc theo khẩu súng trường Winchester cũ kĩ cho tới khi giàn động cơ bên trái lọt vào ống ngắm, rồi nổ súng. Tiếng vỡ khiến các binh sĩ ngẩng lên nhìn trong lúc đang leo về phía ông, nhưng một giây sau động cơ đột ngột gầm lên rồi lại kẹt máy và lịm đi cũng đột ngột không kém. Chiếc zeppelin tròn trĩnh nghiêng về một phía. Lee có thể nghe thấy tiếng động cơ còn lại gào rú, nhưng giờ thì chiếc phi cơ đã đáp đất.

Các binh lính dừng lại và cố gắng che chắn tốt nhất có thể. Lee có thể đếm số người, và ông đã làm vậy: hai mươi lăm. Ông có ba mươi viên đạn.

Hester bò lên gần vai trái của Lee.

“Tôi sẽ canh chừng hướng này,” nó nói.

Thu mình trên tảng đá xám, tai cụp sát vào lưng, con linh thú trông cũng chẳng khác gì một hòn đá nhỏ màu nâu xám khó để ý thấy, chỉ trừ đôi mắt của nó. Hester chẳng có gì đẹp; trông nó cũng tầm thường và gầy gò như bao con thỏ rừng khác; nhưng đôi mắt nó lại mang những màu sắc diệu kì, màu nâu đỏ ánh vàng lốm đốm những tia nâu bùn và xanh rừng đậm đà nhất. Và giờ đây đôi mắt đó đang nhìn

xuống phong cảnh cuối cùng mà nó sẽ chứng kiến: một con dốc cần cỗi lờm chờm sỏi đá, xa hơn là một cánh rừng ngập lửa. Chẳng có lấy một ngọn cỏ hay một vệt màu xanh nào để dừng mắt.

Đôi tai nó khê giật giật.

“Chúng đang nói chuyện,” nó nói. “Tôi có thể nghe được nhưng không lí giải nổi.”

“Tiếng Nga đấy,” ông nói. “Chúng sẽ đồng loạt lao thật nhanh tới. Như thế sẽ gây khó dễ nhất cho chúng ta, nên chúng sẽ làm vậy.”

“Ngắm thẳng nhé,” nó nói.

“Hiểu rồi. Nhưng khi thật, ta không thích cướp đi mạng sống, Hester ạ.”

“Của ta hay là của chúng.”

“Không, còn hơn thế nữa,” ông nói. “Là của chúng hay của Lyra. Ta không thể biết được bằng cách nào, nhưng chúng ta được gắn kết với đứa trẻ đó, và ta mừng vì điều đó.”

“Có một gã bên trái đang chuẩn bị bắn,” Hester thông báo. Trong lúc nó nói vậy thì một tiếng cách phát ra từ súng của gã kia, đá bắn ra tung tóe cách nơi nó nằm chỉ vài phân. Viên đạn rền rĩ bắn vào khe núi, nhưng con thỏ không nhúc nhích lấy một sợi gân.

“Chà, điều đó khiến ta thấy khá hơn khi làm việc này,” Lee nói rồi cẩn thận ngắm bắn.

Ông nổ súng. Chỉ có một mảng màu xanh rất nhỏ để nhắm vào, nhưng ông đã bắn trúng nó. Gã đàn ông hét lên kinh ngạc rồi ngã vật ra chết.

Và rồi cuộc chiến bắt đầu. Chỉ trong một phút, tiếng súng nổ, tiếng đạn liên thanh rền rĩ; tiếng đá vỡ vụn vang vọng khắp triền núi và dọc theo khe hổng phía sau lưng ông. Mùi thuốc nổ không khói và mùi khét từ tảng đá bị nghiền nát bởi đạn chỉ là các biến thể của mùi gỗ cháy tỏa ra từ khu rừng, tới mức cả thế giới dường như đang bốc cháy.

Hòn đá ở chỗ Lee chẳng mấy chốc cũng đã sút sẹo và hồm lổ chỗ, ông cảm nhận được cả tiếng đập của đạn lên đá. Có lúc ông đã thấy lông trên lưng của Hester gợn sóng do gió từ một viên đạn vừa sượt qua, nhưng nó không nhúc nhích. Mà ông cũng không ngừng nổ súng.

Phút đầu tiên đó diễn ra thật quyết liệt. Sau đó, trong một lần ngừng bắn, Lee phát hiện ra mình đã bị thương: có máu trên phiến đá dưới má ông, còn tay phải và khóa nòng súng thì nhuốm đỏ.

Hester quay lại nhìn.

“Không có gì nghiêm trọng đâu,” nó nói. “Một viên đạn sượt qua đầu của ông thôi.”

“Người có đếm được bao nhiêu tên đã ngã xuống không, Hester?”

“Không. Tôi còn bận né. Tranh thủ nạp lại súng đi, ông bạn.”

Ông thu mình đằng sau tảng đá rồi đẩy khóa nòng tới lui. Cái khóa nóng rực, máu chảy ồ ạt lên đó từ vết thương trên da đầu ông đang khô dần và khiến cho bộ phận đó cứng đờ lại. Ông cẩn thận nhổ nước bọt lên đó, nhờ vậy nó đã rời ra được.

Rồi ông xốc người đứng dậy vào vị trí, nhưng trước cả khi kịp đặt mắt vào ống ngắm, ông đã bị trúng đạn.

Vai trái của ông có cảm giác như vừa nổ tung. Ông bị choáng trong vài giây nhưng sau đó đã định thần lại, có điều cánh tay trái thì đã tê liệt và vô dụng. Một cơn đau dữ dội đang trực chờ để chồm lên ông, nhưng nó vẫn chưa có gan, suy nghĩ đó cho ông sức mạnh để dồn tâm trí vào việc tiếp tục bắn.

Ông chống khẩu súng lên cánh tay đã tàn phế mà trước đó chỉ vài phút vẫn còn tràn trề sức sống, rồi ngắm bắn với một sự tập trung đầy bình thản: một phát, hai, ba, phát nào trúng phát nấy.

“Tình hình thế nào rồi?” Ông thì thầm.

“Bắn khá lắm,” con thỏ thì thầm lại, ngay sát má của ông.

“Đừng dừng lại. Phía trên tảng đá màu đen kia...”

Ông nhìn, ngắm, bắn. Một bóng người ngã xuống.

“Khỉ thật, đây cũng chỉ là những con người giống như ta thôi mà,” ông thốt lên.

“Chẳng có ý nghĩa gì hết,” nó nói. “Làm tới đi.”

“Người có tin ông ta không? Grumman ấy?”

“Có chứ. Thẳng trước mặt kia, Lee.”

Đoàng: một người nữa gục xuống, linh thú của hắn tắt lịm như một ngọn nến trước gió.

Nối tiếp sau đó là một khoảng câm lặng dài đằng đằng. Lee dò dẫm trong túi và tìm thấy vài viên đạn nữa. Trong lúc nạp đạn, ông cảm thấy một điều hiểm hoai đến mức khiến tim ông gần như ngừng đập; ông thấy gương mặt của Hester áp vào mặt mình, và nó đang ướt đẫm nước mắt.

“Lee, đây là lỗi của tôi,” nó nói.

“Tại sao?”

“Tên Skraeling. Tôi đã bảo ông lấy nhả của hắn. Nếu không vì như thế, chúng ta đã không vướng phải rắc rối này.”

“Người nghĩ ta có bao giờ làm theo lời người sao? Ta lấy nó bởi vì cô phù thủy...”

Ông không nói hết câu, vì một viên đạn khác đã tìm được tới chỗ ông. Lần này nó đâm vào chân trái, và trước khi ông kịp chớp mắt, một viên thứ ba đã lại cắm vào đầu, như một que nung nóng đỏ đặt dọc theo hộp sọ.

“Không còn lâu nữa rồi, Hester,” ông thì thào, cố gắng đứng im.

“Cô phù thủy, Lee! Ông đã nhắc đến cô phù thủy! Nhớ chứ?”

Tội nghiệp Hester, nó đang nằm xoài ra, không còn co mình căng thẳng và cảnh giác như nó vẫn luôn làm suốt cả cuộc đời trưởng thành của Lee. Đôi mắt nâu vàng lộng lẫy của nó đang mờ đục dần.

“Vẫn tuyệt đẹp,” ông nói. “Ôi Hester, phải, cô phù thủy. Cô ấy cho ta...”

“Đúng vậy. Bông hoa...”

“Trong túi áo ngực. Lấy nó đi, Hester, ta không cử động nổi.”

Đó là một nỗ lực to lớn, nhưng con thỏ đã lôi được bông hoa nhỏ màu đỏ thắm ra bằng hàm răng khỏe khoắn của mình rồi đặt nó bên bàn tay phải của ông. Ông dùng hết sức bình sinh để nắm chặt nó lại và nói: “Serafina Pekkala! Giúp tôi với, xin cô...”

Bên dưới có thứ gì đó di chuyển: ông thả bông hoa ra rồi ngấm và bắn. Vật di chuyển chết lặng.

Hester đang lịm dần.

“Hester, đừng có đi trước ta chứ,” Lee thì thầm.

“Lee, tôi không thể chịu đựng được phải rời xa ông cho dù chỉ là một giây,” con thỏ thì thầm đáp lại.

“Người có nghĩ cô phù thủy đó sẽ tới không?”

“Chắc chắn cô ấy sẽ đến. Đáng ra ta nên gọi cô ấy sớm hơn.”

“Chúng ta đáng ra phải làm rất nhiều việc.”

“Có lẽ vậy...”

Một tiếng nổ khác vang lên, lần này viên đạn xuyên sâu vào đầu đó phía trong, tìm kiếm trung tâm nguồn sống của ông. Ông thầm nghĩ: nó sẽ không tìm thấy gì ở đó đâu. Hester mới là trung tâm của ta. Rồi ông thấy một màu xanh lấp lánh phía bên dưới, và cố gồng người lên để chĩa nòng súng về phía đó.

“Chính là hăn,” Hester thở ra.

Lee cảm thấy đến việc bóp cò cũng thật vất vả. Mọi thứ đều khó khăn. Ông phải cố ba lần và rốt cuộc cũng làm được. Bộ đồng phục xanh lộn nhào xuống sườn dốc.

Lại một khoảng lặng dài lê thê. Cơn đau gần đó đã không còn sợ ông nữa. Nó chẳng khác nào một bầu chó rừng, lượn lờ, hít người, bước lại gần, ông biết rằng chúng sẽ không chịu từ bỏ cho tới khi ăn tươi nuốt sống được mình.

“Còn sót lại một tên,” Hester lẩm nhẩm. “Hăn đang chạy về phía chiếc zeppelin.”

Lee lơ mờ nhìn thấy hẳn, một tên lính thuộc Vệ binh Hoàng gia đang lén trốn khỏi những đồng đội đã bại trận.

“Ta không thể bắn một người đang quay lưng lại được,” Lee nói.

“Nhưng chết mà vẫn còn một viên đạn thì buồn lắm.”

Nghe vậy ông liền ngắm bắn với viên đạn cuối cùng vào chiếc zeppelin vẫn đang gầm rống và gắng sức bay lên với một động cơ còn lại. Viên đạn hẳn phải nóng lắm, hoặc có lẽ một cành cây cháy dở từ khu rừng phía dưới đã bị khí nóng bốc về phía con tàu, vì khối khí gas đột ngột bùng lên thành một quả cầu đỏ cam, khiến lớp vỏ bọc và bộ khung sắt bị nâng lên đôi chút rồi lộn ngược xuống một cách cực kì chậm rãi, nhẹ nhàng, nhưng chất chứa một cái chết kinh hoàng.

Vậy là gã đàn ông bỏ chạy, sáu hay bảy tên khác là những người duy nhất còn sót lại của đội Vệ binh, và những kẻ không dám tới gần người đàn ông đang cố thủ ở hẻm núi, tất cả đều bị ngọn lửa nhận chìm.

Lee nhìn thấy quả cầu lửa và nghe Hester nói bên tai qua tiếng gầm rống: “Vậy là đủ tất cả bọn chúng rồi, Lee ạ.”

Ông nói, hoặc thầm nghĩ: “Những người đàn ông tội nghiệp đó đáng ra không phải nhận kết cục này, cả chúng ta cũng vậy.”

Con thỏ nói: “Chúng ta đã chặn được chúng. Chúng ta đã cầm cự được. Chúng ta đang giúp đỡ Lyra.”

Nó áp sát cơ thể nhỏ xíu yếu ớt nhưng đầy tự hào của mình vào mặt ông, gần nhất có thể, và rồi họ cùng từ giã thế giới.

Rêu cầm máu

“Đi tiếp,” chiếc Chân Kế nói, “xa hơn, cao hơn.”

Vậy là hai đứa trẻ tiếp tục leo. Các phù thủy bay trên cao để thăm dò lộ trình hợp lí nhất, vì vùng đất nhấp nhô đồi núi đã sớm nhường chỗ cho những con dốc cao hơn và nền đất lởm chởm đá sỏi. Khi mặt trời lên gần đến đỉnh, những người lữ hành thấy mình lạc vào một vùng đất hỗn độn của những con mương khô cạn, vách núi, các thung lũng rải rác đá tảng nơi không ngọn cỏ xanh nào mọc nổi, nơi tiếng rền rĩ đỉnh tai của cơn trùng là âm thanh duy nhất.

Họ đi tiếp, chỉ dừng lại để uống nước từ bình da dê và trao đổi chút ít. Pantalaimon bay trên đầu Lyra một lúc, đến khi chán thì nó liền biến thành một con cừu núi nhỏ có đôi chân vững chãi, tự đắc về cặp sừng của mình, nhảy tung tăng giữa các tảng đá trong lúc Lyra vất vả dò dẫm bên cạnh. Will thì hăm hăm tiến tới, mắt díp lại vì ánh nắng chói chang, lơ đi cơn đau trên bàn tay đang ngày càng tồi tệ hơn, và cuối cùng đạt tới một tình trạng mà chỉ cần đi lại thì sẽ thấy thoải mái, còn cứ đứng yên là khó chịu, vì vậy cậu phải chịu đau đớn khi nghỉ ngơi hơn là khi gắng sức đi tiếp. Kể từ lúc thần chú cầm máu của các phù thủy bị thất bại, cậu cho rằng họ cũng đang e sợ cậu, như thể cậu đã bị ám một lời nguyền có uy lực hơn cả sức mạnh của họ vậy.

Rồi chúng tới một cái hồ nhỏ, một mảng màu xanh da trời rực rỡ chỉ vón vện gần ba mươi mét bề ngang nằm giữa những tảng đá đỏ ối.

Hai đứa trẻ dừng lại ở đó một lúc để uống nước và đổ đầy bình của mình, để ngâm đôi chân đang nhức nhối vào làn nước lạnh buốt. Chúng lưu lại vài phút rồi đi tiếp, không lâu sau, khi mặt trời đã lên tới đỉnh và nóng nực nhất, Serafina Pekkala lao xuống nói chuyện với chúng. Cô đang rất bối rối.

“Ta phải rời các cháu một lúc,” cô thông báo. “Lee Scoresby cần ta. Không rõ là tại sao. Nhưng ông ấy sẽ không gọi nếu không cần đến sự trợ giúp của ta. Đi tiếp đi, ta sẽ tìm được các cháu...”

“Ông Scoresby sao?” Lyra thốt lên, vừa hào hứng vừa lo lắng. “Nhưng ở đâu...”

Nhưng Serafina đã đi mất, phóng ra khỏi tầm mắt trước cả khi Lyra kịp nói hết câu. Lyra tự động với lấy chiếc Chân Kế để hỏi chuyện gì đã xảy ra với Lee Scoresby, nhưng rồi cô lại để tay buông thõng, vì cô đã hứa không làm gì khác ngoài việc chỉ dẫn cho Will.

Cô bé nhìn sang cậu. Cậu đang ngồi gần đó, bàn tay đặt hờ trên đầu gối vẫn đang chậm chạp rỉ máu, gương mặt cậu sạm đen vì nắng nhưng lại nhợt nhạt vì bị thiêu đốt.

“Will,” cô lên tiếng, “cậu có biết vì sao mình phải đi tìm bố không?”

“Đó là điều tớ vẫn luôn biết. Mẹ nói rằng tớ sẽ tiếp bước bố mình. Đó là tất cả những gì tớ biết.”

“Điều đó nghĩa là gì, cái mà tiếp bước bố cậu ấy? Cái bước đó là sao?”

“Một nhiệm vụ, tớ đoán vậy. Dù là ông ấy đang làm gì thì tớ cũng sẽ phải tiếp tục đảm nhiệm. Việc đó cũng rõ ràng như tất cả những chuyện khác vậy.”

Cậu dùng tay phải gạt mồ hôi ra khỏi mắt. Điều mà cậu không thể nói được là cậu mong mỏi được gặp bố mình giống như một đứa trẻ đi lạc khao khát tìm về nhà. Cậu sẽ không nghĩ tới sự so sánh đó, vì nhà là nơi cậu bảo đảm an toàn cho mẹ mình, không phải một nơi người khác giữ yên lành cho cậu. Nhưng đến nay đã là năm năm kể từ cái buổi

sáng thứ Bảy trong siêu thị khi mà trò chơi giả vờ ẩn trốn kẻ thù hoàn thành trở thành sự thật, đã lâu đến thế rồi, và trái tim cậu thèm khát được nghe thấy những lời: “Giỏi lắm, làm tốt lắm, con trai; không ai trên trái đất này có thể làm được tốt hơn; mẹ rất tự hào về con. Giờ thì đến đây nghỉ đi nào...”

Will mong mọi điều đó đến mức chính bản thân cậu cũng không nhận ra. Đó chỉ là một phần của cảm nhận về mọi thứ. Vì vậy lúc này cậu không thể diễn tả được điều đó cho Lyra, dù cho cô bé có thể nhận thấy nó trong ánh mắt cậu, và việc cô lại có thể nhạy cảm đến mức này là điều thật mới mẻ. Trên thực tế, trong cô đang hình thành một dạng ý thức mới cứ khi nào dính dáng đến Will, như thể cậu đơn giản là rõ nét hơn bất cứ ai cô từng biết trước đây. Mọi thứ về cậu thật rõ rệt, gần gũi và ngay trước mắt.

Có lẽ cô bé đã nói điều đó với cậu, nếu vào lúc đó một phù thủy không bay xuống.

“Ta có thể thấy có người phía sau chúng ta,” cô phù thủy nói. “Họ còn cách khá xa, nhưng đang di chuyển rất nhanh. Ta có nên lại gần kiểm tra không?”

“Vâng, nhờ cô,” Lyra đáp, “nhưng hãy bay thấp và giấu mình, đừng để họ thấy cô.”

Will và Lyra lại đau đớn đứng dậy rồi tiếp tục trèo lên.

“Tớ đã bị lạnh không biết bao nhiêu lần rồi,” Lyra nói, để tạm quên đi những kẻ bám đuôi, “nhưng chưa bao giờ thấy nóng thế này. Ở thế giới của cậu có nóng thế này không?”

“Ở nơi tớ từng sống thì không. Thường là thế. Nhưng khí hậu đang biến đổi, mùa hè nóng hơn hồi xưa. Người ta nói rằng con người đang làm nhiều loạn tăng khí quyển bằng việc đẩy các hóa chất vào đó, khiến thời tiết vượt ra khỏi tầm kiểm soát.”

“Ừ, đúng là họ đã làm vậy,” Lyra nói, “thời tiết đang thay đổi. Còn chúng ta thì đang mắc kẹt trong tình trạng đó đây.”

Cậu bé quá nóng và khát để có thể trả lời, vậy là chúng tiếp tục vừa leo vừa thở hỗn hển trong bầu không khí chộn rộn. Pantalaimon lúc này đã biến thành một con dế và ngồi trên vai Lyra, quá mệt mỏi để nhảy nhót hay bay lượn. Cứ thỉnh thoảng các phù thủy sẽ lại thấy một dòng suối ở trên cao, quá cao để có thể trèo tới, nên họ bèn bay lên đỡ đầy bình cho hai đứa trẻ. Nếu không có nước, chúng sẽ chẳng trụ được lâu, mà quanh đó thì chẳng có nguồn nước nào; bất kì con suối nào lộ được ra ngoài không khí lại đều nhanh chóng bị nuốt chửng giữa những tảng đá.

Cứ như thế chúng đi tiếp, hướng về phía chiều tà.

Cô phù thủy bay ngược trở lại để thăm dò có tên là Lena Feldt. Cô bay dưới thấp, từ vách đá này sang vách đá kia. Khi mặt trời dần lặn, phù lên các phiến đá màu đỏ máu dữ dội, cô tới được một cái hồ nhỏ xanh ngắt và thấy một toán binh lính đang dựng trại.

Nhưng chỉ một cái nhìn thoáng qua đã cho cô biết nhiều hơn mong muốn; đám lính này không có linh thú. Chúng cũng không tới từ thế giới của Will hay thế giới của Cittagazze, nơi linh thú của con người nằm bên trong cơ thể, nơi họ trông vẫn tràn trề sức sống: những người này tới từ thế giới của chính cô, việc thấy họ không có linh thú là một nỗi kinh hoàng gớm guốc và ghê tởm.

Thế rồi cô tìm thấy lời giải thích từ một căn lều bên hồ. Lena Feldt nhìn thấy một phụ nữ, một sinh vật tuổi thọ ngắn, duyên dáng trong bộ đồ đi săn bằng vải kaki, và cũng đầy sức sống như con khỉ vàng đang tung tẩy nhảy bên cạnh, dọc theo mép nước.

Lena Feldt ẩn mình giữa những tảng đá phía trên để quan sát trong lúc Phu nhân Coulter trao đổi với sĩ quan phụ trách, còn người của ông ta thì dựng lều, nhóm lửa, đun nước.

Cô phù thủy này đã tham gia vào đội quân giải cứu đám trẻ con ở Bolvangar của Serafina Pekkala, cô khao khát được bắn Phu nhân Coulter ngay tại chỗ; nhưng một vận may nào đó đã bảo vệ người đàn

bà này, vì chỗ cô đứng quá xa để có thể bắn cung, mà cô lại không thể tới gần hơn nếu không khiến bản thân tàng hình. Vậy là cô bắt đầu làm phép. Cần tới mười phút tập trung cao độ.

Cuối cùng khi đã cảm thấy tự tin, Lena Feldt bước xuống con dốc gồ ghề đá về phía cái hồ. Khi cô bước qua khu trại, một hay hai binh sĩ chờ dẫn ngược lên nhìn, nhưng thấy rằng thứ mà họ đang nhìn vào quá khó để ghi nhớ nên lại quay đi. Cô phù thủy dừng lại phía bên ngoài căn lều Phu nhân Coulter đã bước vào, đặt sẵn một mũi tên vào dây cung.

Cô lắng nghe tiếng nói khe khẽ lọt qua tấm vải bạt rồi cẩn thận tiến đến vạt lều mở nhìn ra hồ.

Bên trong lều, Phu nhân Coulter đang nói chuyện với một người đàn ông mà Lena Feldt chưa từng thấy bao giờ: một ông già tóc hoa râm có dáng vẻ uy quyền, con linh thú rắn quấn quanh cổ tay ông ta. Ông già ngồi trong cái ghế bằng vải bạt bên cạnh người phụ nữ, còn bà thì đang ngả người về phía ông, nhẹ nhàng cất giọng.

“Hẳn nhiên rồi, Carlo ạ,” bà ta nói, “Em sẽ cho anh biết mọi điều anh muốn. Anh muốn biết điều gì?”

“Làm sao em điều khiển được bọn Quỷ hút hồn?” Người đàn ông hỏi. “Ta không nghĩ là việc đó lại khả thi, nhưng chúng lại cun cút theo đuôi em như chó theo chủ vậy... Có phải chúng sợ vệ sĩ của em không? Rốt cuộc là thế nào vậy?”

“Đơn giản lắm,” bà nói. “Chúng biết rằng em có thể cung cấp cho chúng nhiều thực phẩm hơn nếu để cho em sống thay vì hút hồn của em. Em có thể dẫn chúng tới chỗ tất cả những nạn nhân mà trái tim ma quỷ của chúng thèm khát. Ngay khi anh vừa miêu tả chúng, em đã biết rằng mình có thể thống trị những sinh vật này và quả là như vậy. Cả thế giới đang rung chuyển vì sức mạnh của cái đám nhọt nhọt này! Nhưng Carlo ạ,” bà thì thầm, “em cũng có thể khiến anh hài lòng, anh biết đấy. Anh có muốn em khiến anh vui hơn nữa không?”

“Marisa,” ông ta thì thầm, “chỉ cần ở gần bên em là đã đủ vui sướng lắm rồi...”

“Không, không đâu Carlo ạ; anh biết là không phải mà. Anh biết em có thể làm vui lòng anh hơn thế này mà.”

Đôi tay đen nhỏ cứng như sừng của con linh thú khi vàng đang vượt ve con linh thú rắn. Từng chút một, con rắn thả lỏng người rồi bắt đầu trườn theo cánh tay người đàn ông về phía con khi. Cả ông già lẫn người phụ nữ đều đang cầm một li rượu vàng óng, bà ta nhấp một ngụm của mình rồi ngả sát hơn đôi chút về phía ông ta.

“A,” người đàn ông thốt lên khi con linh thú từ từ trượt khỏi tay mình rồi thả người vào đôi tay của con khi vàng. Con khi chậm rãi nâng nó lên mặt rồi khẽ cọ má dọc theo lớp da màu ngọc lục bảo của nó. Cái lưỡi con rắn ngúng nguẩy tứ phía một cách nham hiểm, còn người đàn ông thì thở dài.

“Carlo, nói cho em biết vì sao anh lại truy đuổi thẳng bé,” Phu nhân Coulter thì thầm, giọng nói của bà cũng dịu dàng như bàn tay mơn trớn của con khi. “Tại sao anh lại cần phải tìm nó?”

“Nó giữ một thứ mà anh muốn. Ôi, Marisa...”

“Là gì vậy Carlo? Nó giữ cái gì vậy?”

Ông già lắc đầu. Nhưng ông ta thấy thật khó mà kháng cự lại được; linh thú của ông đã nhẹ nhàng quẩn quanh ngực con khi, đầu liên tục cọ vào bộ lông dài bóng lộn trong khi con khi miết tay trên tấm thân mượt mà của mình.

Lena Feldt đứng quan sát, tàng hình nhưng chỉ cách nơi họ ngồi hai bước. Dây cung của cô đang căng lên, mũi tên đặt sẵn sàng trong đó: cô đã có thể kéo rời thả chỉ trong chưa đầy một giây, và Phu nhân Coulter đáng ra đã chết trước cả khi kịp lấy hơi. Nhưng cô phù thủy lại thấy tò mò. Cô đứng im trong yên lặng, mắt mở to.

Nhưng trong lúc quan sát Phu nhân Coulter, cô quên không nhìn đằng sau về phía bên kia cái hồ xanh nhỏ. Ở bờ phía xa trong bóng tối là một rừng cây nhỏ đầy ma mị dường như tự phát mọc lên, một khu

rùng cứ liên tục run lên như thể đang chứa đựng một ý đồ rõ ràng nào đó. Nhưng chúng không phải là cây, hẳn rồi; trong lúc toàn bộ sự hiểu kì của Lena Feldt và linh thú của cô đang hướng vào Phu nhân Coulter, một trong những hình thù nhợt nhạt tách ra khỏi đồng bọn của mình rồi trôi qua mặt nước hồ lạnh giá, không tạo ra đến một gợn sóng, cho tới khi nó dừng lại cách tảng đá nơi linh thú của Lena Feldt đang đậu chỉ vài phân.

“Anh có thể nói với em để không ấy mà, Carlo,” Phu nhân Coulter đang lẩm nhẩm. “Anh có thể thì thầm. Anh có thể giả vờ nói trong giấc ngủ, ai lại có thể trách anh việc đó được chứ? Hãy nói cho em biết thằng bé có thứ gì, và vì sao anh lại muốn nó. Em có thể lấy nó cho anh... Anh không muốn em làm việc đó sao? Cứ nói với em đi, Carlo. Em không cần nó đâu. Em muốn con bé cơ. Là gì thế? Nói em nghe đi, rồi anh sẽ có được nó.”

Ông già khẽ rùng mình trong lúc đôi mắt vẫn nhắm nghiền. Rồi ông cất tiếng: “Đó là một con dao. Con dao kì ảo của Cittagazze. Em chưa từng nghe tới nó sao, Marisa? Có người gọi nó là *teleutaia makhaira*, con dao cuối cùng của thế giới. Người khác lại gọi là Sát Thánh...”

“Nó để làm gì vậy Carlo? Tại sao nó lại đặc biệt thế?”

“À... Đó là con dao cắt được mọi thứ... Thậm chí cả những người rèn nên nó cũng không biết được nó có thể làm gì... Chẳng có gì, chẳng có ai, vật chất, linh hồn, thiên thần, không khí - chẳng có gì chống chọi lại được với con dao kì ảo. Marisa, nó là của ta, em hiểu chứ?”

“Đương nhiên rồi, Carlo, em hứa. Để em rót rượu cho anh...”

Trong lúc con khỉ vàng chậm rãi mơn man con rắn màu ngọc lục bảo, khẽ siết lấy nó, nâng lên, vuốt ve, trong khi Ngài Charles thở dài mãi nguyện, Lena Feldt nhận thấy việc đang thực sự xảy ra: nhân cơ hội người đàn ông vẫn đang nhắm mắt, Phu nhân Coulter bí mật thả vài giọt từ một chiếc bình nhỏ vào li trước khi đổ đầy rượu vào.

“Đây, anh yêu,” bà thì thầm. “Hãy cùng nâng cốc và uống vì nhau...”

Người đàn ông đã mù mắt cả đầu óc. Ông ta nhận lấy cái li rồi nhấp lấy nhấp để, ngụm này kế tiếp ngụm kia.

Rồi không hề có cảnh báo trước, Phu nhân Coulter đứng dậy rồi quay lại nhìn thẳng vào Lena Feldt.

“Này, phù thủy,” bà ta nói, “người tưởng ta không biết các người tàng hình như thế nào sao?”

Lena Feldt quá kinh ngạc để có thể cử động.

Đằng sau bà ta, người đàn ông đang vật lộn để thở. Ngược ông ta phập phồng, mặt đỏ quạch, con linh thú rắn mềm oặt và lả đi trên tay con khi. Con khi liên quảng nó đi đầy khinh miệt.

Lena Feldt định giương cung lên, nhưng một sự tê liệt quái ác đã xâm chiếm vai cô. Cô không thể làm được việc đó. Cô khẽ hét lên, việc này chưa từng xảy ra trước đây.

“Ồ, quá muộn để làm vậy rồi,” Phu nhân Coulter nói. “Nhìn về phía hồ đi, phù thủy.”

Lena Feldt quay lại và thấy con linh thú chim sẻ tuyết của mình đang đập cánh và kêu thét như thể đang bị nhốt trong một lồng kính đã bị rút hết không khí. Nó đập cánh bay lên nhưng lại bị rơi, người sụp xuống, yếu dần, mỏ nó đang há to, hỗn hển thở vì hoảng loạn. Đám Quỷ hút hồn đang quần lấy nó.

“Không!” Cô hét lên và cố gắng tiến về phía đó, nhưng lại bị một cơn nôn nao kìm bước. Thậm chí cả trong cơn đau kinh hồn, Lena Feldt vẫn nhận ra rằng Phu nhân Coulter sở hữu sức mạnh tinh thần vượt trội hơn bất cứ ai cô từng gặp. Cô không ngạc nhiên khi thấy Quỷ hút hồn phải chịu khuất phục trước Phu nhân Coulter: không ai có thể cưỡng lại được uy quyền đó. Lena Feldt khổ sở quay lại phía người đàn bà.

“Để cho nó đi! Làm ơn hãy để cho nó đi!” Cô kêu lên.

“Để xem đã. Đứa trẻ có đi với người không? Đứa con gái tên Lyra ấy?”

“Có!”

“Cả một thằng bé nữa? Một thằng bé có con dao?”

“Phải - xin bà...”

“Các người có bao nhiêu phù thủy?”

“Hai mươi! Thả nó ra, thả nó ra đi!”

“Tất cả đều trên không trung à? Hay vài người đang ở dưới đất cùng với bọn trẻ?”

“Phần lớn ở trên cao, luôn có ba hoặc bốn người dưới đất - đau đớn quá - thả nó ra hoặc giết ta đi!”

“Chúng đã leo đến đâu rồi? Chúng đang đi tiếp hay đã dừng lại để nghỉ?”

Lena Feldt khai ra tất cả. Cô có thể chịu đựng bất cứ sự hành hạ nào ngoại trừ việc đang xảy ra với linh thú của mình lúc này. Khi đã tìm hiểu được mọi điều muốn biết về vị trí của các phù thủy và cách họ canh gác cho Lyra và Will, Phu nhân Coulter nói:

“Giờ thì nói cho ta biết điều này. Phù thủy các người biết gì đó về đứa trẻ Lyra. Ta đã suýt lấy được thông tin từ một trong các chị em của người, nhưng ả đã chết trước khi ta kịp hoàn thành việc tra tấn. Chà, giờ thì không có ai cứu được người đâu. Nói cho ta nghe sự thật về con gái ta.”

Lena Feldt thở dốc: “Cô sẽ trở thành người mẹ - sẽ là sự sống - mẹ - cô bé sẽ không vâng lời - cô bé sẽ...”

“Gọi tên nó đi! Người đang nói tất cả trừ điều quan trọng nhất! Tên nó là gì?” Phu nhân Coulter hét lên.

“Eve! Mẹ của vạn vật! Eve, một lần nữa! Đức mẹ Eve! ” Lena Feldt lắp bắp nói trong lúc nước mắt rơi.

“Chà,” Phu nhân Coulter thốt lên.

Rồi bà ta thở dài đánh thượt một cái, cứ như cuối cùng thì mục đích sống của bà cũng đã hiện ra rõ ràng trước mắt.

Cô phù thủy lờ mờ nhận ra việc mình đã làm, cô cố gắng kêu lên trong nỗi kinh hoàng đang bủa vây lấy mình:

“Bà sẽ làm gì cô bé? Bà sẽ làm gì?”

“Gì chứ, ta sẽ phải hủy diệt nó,” Phu nhân Coulter đáp, “để ngăn chặn một sự Sa ngã khác... Sao ta lại không nhận ra từ trước nhỉ? Nó quá vĩ đại để có thể thấy được...”

Bà khẽ đập hai bàn tay lại với nhau, như một đứa trẻ, mắt mở tròn. Lena Feldt, đang rên rỉ, nghe thấy bà nói tiếp:

“Hắn rồi. Asriel sẽ gây chiến với Đấng Quyền Năng, và rồi... Đương nhiên, đương nhiên rồi... Giống như trước đây, giờ lại vậy. Còn Lyra là Eve. Lần này nó sẽ không sa ngã. Ta sẽ chịu trách nhiệm về điều này. Sẽ không có sự Sa ngã nào cả...”

Đến đây Phu nhân Coulter liền dừng lại rồi búng tay ra hiệu cho đám Quỷ hút hồn ăn linh thú của cô phù thủy. Con chim sẻ tuyết nhỏ bé nằm co giật trên tảng đá trong lúc đám Quỷ dạt về phía bản thể của nó, và rồi những gì Lena Feldt đã phải trải qua trước đó liền nhân đôi, nhân ba rồi gấp bội lên cả trăm lần. Cô cảm thấy sự ghê tởm trong tâm hồn, nỗi tuyệt vọng tột cùng đầy chán ghét, sự mệt mỏi u sầu sâu hoắm, khiến cô chết dần chết mòn. Suy nghĩ có ý thức cuối cùng của cô là căm ghét cuộc đời: các giác quan của cô đã lừa dối cô; thế giới này không được tạo ra bởi năng lượng và niềm vui mà là sự độc ác, phản bội và mệt mỏi. Sống cũng đáng chán mà chết cũng chẳng tốt đẹp hơn gì. Xuyên suốt đến tận cùng của vũ trụ, đây là sự thật đầu tiên, cuối cùng và cũng là duy nhất.

Cứ như thế cô đứng với cây cung trong tay, lãnh đạm, chết khi vẫn còn sống.

Vậy là Lena Feldt không nhìn thấy hay không quan tâm đến việc Phu nhân Coulter làm tiếp đó. Để mặc người đàn ông tóc hoa râm rúm ró bất tỉnh trong chiếc ghế vải bạt và con linh thú có bộ da xám xịt cuộn

mình trong bụi, bà gọi đội trưởng đội vệ binh tới rồi yêu cầu họ chuẩn bị sẵn sàng cho một cuộc hành quân đêm lên núi.

Sau đó bà tới bên mép nước để gọi đám Quỷ hút hồn.

Chúng đến theo lệnh bà, lướt đi trên mặt nước như những cột sương mù. Bà ta giơ tay lên và làm cho chúng quên đi rằng mình bị gắn liền với mặt đất, do vậy từng con một bay lên không trung và tự do trôi nổi như những nùi bông chứa hạt kể đầy ác tâm. Chúng trôi lên cao trong đêm rồi được các dòng khí lưu chuyển đem về phía Will, Lyra và các phù thủy còn lại; nhưng Lena Feldt chẳng hề nhìn thấy điều đó.

Nhiệt độ hạ thấp nhanh chóng sau khi màn đêm buông xuống. Khi ăn hết lát bánh mì khô cuối cùng của mình, Will và Lyra nằm xuống bên dưới một tảng đá nhô ra để giữ ấm và cố gắng ngủ. Ít nhất thì Lyra cũng không phải cố: cô bé đã ngủ tít chỉ trong chưa đầy một phút, cuộn sát mình quanh Pantalaimon, nhưng Will thì không thể chợp mắt dù cho có nằm đó bao lâu đi nữa. Một phần là do bàn tay cậu, lúc này đang nhức nhối lên tận khuỷu tay và sưng tấy một cách khó chịu, một phần khác là do mặt đất cứng, do cái lạnh, do cạn kiệt sức lực, và một phần vì khao khát muốn gặp mẹ.

Cậu đang lo lắng cho mẹ mình, đương nhiên rồi, và cậu biết rằng bà sẽ được an toàn hơn nếu cậu ở đó chăm sóc bà; nhưng cậu cũng muốn được bà chăm sóc, giống như bà đã làm khi cậu còn rất nhỏ; cậu muốn được bà băng bó, được bà đặt vào giường và hát cho nghe, bà sẽ xua tan mọi ưu phiền và bao bọc cậu bởi tất cả hơi ấm, sự mềm mại và ân cần của người mẹ mà cậu thật sự rất cần; vậy mà điều đó lại chẳng bao giờ xảy ra. Một phần trong cậu vẫn chỉ là một cậu bé, thế là cậu nước nở khóc, nhưng vẫn nằm yên vì không muốn đánh thức Lyra dậy.

Thế nhưng cậu mãi vẫn không ngủ nổi. Chưa bao giờ cậu tỉnh táo đến thế. Cuối cùng, cậu duỗi thẳng đôi chân cứng đờ của mình rồi lặng lẽ đứng dậy trong lúc người run lẩy bẩy. Với con dao bên hông, cậu bắt

đầu leo lên cao hơn trên ngọn núi để làm dịu bớt sự bồn chồn không yên trong người.

Đằng sau cậu, con linh thú chim cổ đỏ của phù thủy canh gác ghéech đầu lên, cô liền quay lại từ vị trí quan sát của mình và thấy Will đang trèo lên những tảng đá. Cô vội lấy cành thông của mình rồi lặng lẽ bay lên không trung, không phải để quấy rầy cậu mà để đảm bảo rằng cậu không gặp nguy hiểm gì.

Cậu bé không nhận thấy điều đó. Cậu cảm thấy một nhu cầu to lớn cần phải di chuyển và cứ thế đi tiếp, đến nỗi gần như không còn để ý đến cơn đau ở bàn tay nữa. Cậu cảm thấy như thể mình sẽ đi suốt đêm suốt ngày, đi mãi mãi, vì chẳng còn điều gì khác có thể xoa dịu sự xúc động đè nén trong ngực. Dường như cảm thông cho nỗi lòng của cậu, một ngọn gió liền nổi lên. Ở chốn hoang vu này không có lá để lung lay, nhưng không khí đang đập vào cơ thể cậu và khiến tóc cậu tuôn ra khỏi mặt; xung quanh cậu là bầu không khí bão táp, nhưng bên trong cũng chẳng hề lặng yên.

Cậu trèo ngày càng cao hơn, gần như chẳng nghĩ tới việc làm cách nào có thể tìm đường trở xuống chỗ Lyra, cho tới khi cậu bước ra một cao nguyên nhỏ dường như nằm trên đỉnh cao tận cùng của thế giới. Khắp xung quanh cậu, trên mọi đường chân trời, núi non cũng không nhô được lên cao hơn. Dưới ánh sáng chói lọi rực rỡ của mặt trăng, những màu sắc duy nhất là màu đen tuyệt đối và màu trắng xỉn đục, mọi gờ mép đều lởm chởm và mọi bề mặt đều trần trụi.

Cơn gió dữ dội hần đã đẩy mây lên trên đỉnh đầu, vì đột nhiên mặt trăng bị bao phủ và bóng tối tràn lên toàn bộ cảnh vật: đó cũng là một khối mây dày, vì không một tia sáng nào từ ánh trăng lọt qua được nó. Chỉ trong chưa đầy một phút, Will đã thấy mình đứng trong bóng tối gần như hoàn toàn.

Cùng lúc ấy, Will cảm thấy có thứ gì đó đang tóm chặt lấy cánh tay phải của mình.

Cậu hét lên kinh hãi và lập tức quay người bỏ chạy, nhưng cái thứ đang tóm lấy cậu thật dai dẳng. Nó khiến Will phát điên. Cậu có cảm giác như mình đang ở tận cùng của mọi thứ, như thể đó cũng là cái kết của cuộc đời cậu, cậu sẽ chiến đấu và chiến đấu cho tới khi gục ngã.

Vậy là cậu vặn rồi đá rồi lại vặn, nhưng bàn tay đó không chịu buông ra; và vì cánh tay bị giữ là tay phải nên cậu không thể lôi con dao ra được. Cậu thử bằng tay trái, nhưng do đang bị giật lắc quá mạnh, bàn tay thì lại đau nhức và sưng vù, nên cậu không với tới nổi: cậu phải chiến đấu bằng một bàn tay trần đang bị thương, chống lại một người đàn ông trưởng thành.

Cậu cắn răng vào bàn tay đang tóm lấy cẳng tay mình, nhưng những gì xảy ra chỉ là cậu bị gã đàn ông giáng cho một cú liểng xiểng vào sau gáy. Rồi Will đá lia lịa, vài cú trúng nhưng cũng có những cú trượt, và suốt thời gian đó cậu không ngừng kéo, giật, vặn, đẩy, thế nhưng hăn vẫn tóm cậu không buông.

Cậu lơ mờ nghe thấy tiếng hỗn hển của chính mình cùng tiếng cằn nhằn và thở gắt của gã đàn ông; thế rồi chẳng may cậu xọc chân ra sau gã đàn ông và đâm bổ vào ngực hăn, hăn liền ngã rầm xuống với Will đè phía trên, nhưng bàn tay kia thì không hề rời lỏng lấy một giây. Will lăn mạnh ra nền đất lồm chồm đá và cảm nhận một nỗi sợ hãi nặng nề đang ép chặt lấy trái tim mình: gã đàn ông này sẽ không bao giờ thả cậu ra, kể cả nếu cậu có giết hăn, cái xác của hăn cũng vẫn sẽ tóm chắc lấy cậu.

Nhưng Will đang yếu dần, và cậu bắt đầu khóc. Cậu khóc tức tưởi trong lúc đá, giật và thụi gã đàn ông bằng đầu và chân, dù biết rằng cơ bắp của mình sẽ sớm bỏ cuộc. Nhưng rồi cậu nhận ra gã đàn ông đang nằm bất động, dù cho bàn tay hăn vẫn không hề rời lỏng. Hăn đang nằm đó, để yên cho Will không ngừng đâm đá bằng đầu gối và đầu. Will vừa nhận ra điều đó thì chút sức lực cuối cùng đã rời khỏi cậu, vậy là cậu nằm xuống bất lực bên cạnh đối thủ của mình, mọi dây thần kinh trong cơ thể đều co giật, nhức nhối và choáng váng.

Will đau đớn lùi người dậy rồi nhòm qua bóng tối sâu thẳm, cậu nhận ra một khối trắng mờ trên mặt đất bên cạnh gã đàn ông. Đó là phần ngực và đầu màu trắng của một con chim khổng lồ, chim ưng biển, một con linh thú, nó đang nằm im. Will cố gắng giật ra, cú giật yếu ớt của cậu khiến gã đàn ông phản ứng lại, nhưng hắn vẫn không chịu nổi lỏng tay.

Hắn đang cử động. Hắn cẩn thận lần sờ bàn tay phải của Will bằng bàn tay còn rảnh của mình. Hành động đó khiến Will dựng tóc gáy.

Rồi gã đàn ông lên tiếng: “Cho ta xem tay còn lại.”

“Cẩn thận đấy,” Will nói.

Bàn tay rảnh của gã đàn ông lần xuống cánh tay trái của Will, những ngón tay nhẹ nhàng di chuyển qua cổ tay tới lòng bàn tay sưng phồng rồi lên gốc hai ngón tay đã mất của Will với sự dịu dàng tột bậc.

Bàn tay còn lại của hắn lập tức nổi ra, rồi hắn ngồi dậy.

“Cậu có con dao,” hắn nói. “Cậu là người nắm giữ con dao.”

Giọng của hắn ta âm vang, khàn khàn, nhưng lại như đang hết hơi. Will cảm thấy rằng hắn đang bị thương nặng. Có phải cậu đã đả thương tên kẻ thù ám muội này không?

Will vẫn đang nằm trên đá, hoàn toàn kiệt sức. Tất cả những gì cậu có thể thấy là hình dáng của gã đàn ông đang cúi xuống phía trên mình, nhưng cậu không thấy được mặt hắn. Gã đàn ông đang ngả sang bên để với lấy thứ gì đó, vài giây sau một cảm giác mát lạnh, dễ chịu một cách thần kì lan tỏa vào bàn tay cậu từ gốc các ngón tay khi gã đàn ông bôi một thứ thuốc mỡ lên da cậu.

“Ông đang làm gì thế?” Will hỏi.

“Trị thương cho cậu. Nằm yên nào.”

“Ông là ai?”

“Ta là người duy nhất biết con dao này dùng để làm gì. Giờ tay cậu lên thế này. Đừng cử động.”

Gió đang quật dữ dội hơn bao giờ hết, rồi một vài hạt mưa bắn vào mặt Will. Cậu đang run lên cầm cập nhưng vẫn cố dùng tay phải chống lấy tay trái trong lúc người đàn ông tra thêm thuốc mỡ lên các gốc ngón tay rồi quấn thật chặt một dải vải lạnh quanh bàn tay cậu.

Sau khi vừa băng bó cẩn thận xong, người đàn ông liền đổ sụp sang một bên và nằm xuống. Will, trong lúc vẫn đang sửng sốt vì cảm giác tê mát kì diệu trên tay, cố gắng ngồi dậy nhìn ông ta. Nhưng không gian lúc này tối hơn bao giờ hết. Cậu ngã về phía trước, tay phải chạm vào ngực người đàn ông, và nhận thấy rằng tim ông đập như một con chim đang vùng vẫy trên song sắt lồng.

“Phải,” người đàn ông nói, giọng khản đặc. “Thử chữa nó xem nào, làm đi.”

“Ông bị bệnh à?”

“Ta sẽ sớm khỏe thôi. Cậu có con dao, đúng không?”

“Phải.”

“Và cậu biết cách sử dụng nó chứ?”

“Vâng, vâng. Nhưng ông tới từ thế giới này à? Làm sao ông biết được về nó?”

“Nghe này,” người đàn ông nói trong lúc vất vả ngồi dậy. “Đừng cắt ngang. Nếu cậu là người nắm giữ con dao, cậu có một nhiệm vụ vĩ đại hơn mình tưởng tượng đó. Một *đứa trẻ* à... Sao người ta lại để cho chuyện này xảy ra nhỉ? Mà thôi, chẳng khác được... Một cuộc chiến đang sắp nổ ra, cậu bé ạ. Cuộc chiến vĩ đại nhất từng có. Một việc tương tự thế này đã từng xảy ra trước đây, và lần này phe chính nghĩa phải thắng... Trong suốt hàng nghìn năm lịch sử loài người, chúng ta chẳng có gì ngoài dối trá, tuyên truyền, tàn ác và lừa lọc. Đã đến lúc chúng ta bắt đầu lại, nhưng lần này sẽ thật hãn hoi...”

Ông ta dừng lại để lấy vài hơi thở hấp hối.

“Con dao,” ông nói tiếp sau một phút, “mấy ông triết học gia thời xưa đó đâu biết mình đã chế tạo ra thứ gì. Họ phát minh ra một dụng cụ

có thể cắt phanh cả những hạt vật chất nhỏ nhất, và dùng nó để lấy trộm kẹo. Họ không hề biết mình đã tạo ra thứ vũ khí có một không hai trong tất cả các vũ trụ mà có thể đánh bại được tên bạo chúa. Đấng Quyền Năng. Chúa. Các thiên thần tạo phản bị đầy đọa là bởi vì họ không có thứ gì giống như con dao này; nhưng giờ...”

“Tôi đâu có muốn sở hữu nó! Đến giờ cũng không muốn!” Will gào lên. “Nếu ông muốn, ông có thể lấy nó! Tôi ghét nó, ghét cả việc mà nó làm...”

“Quá muộn rồi. Cậu không có lựa chọn nào cả: cậu là người nắm giữ: nó đã chọn cậu. Hơn nữa chúng biết là cậu có nó; nếu cậu không dùng nó để chống lại chúng; chúng sẽ giật lấy từ tay cậu rồi dùng nó để chống lại tất cả chúng ta, mãi mãi.”

“Nhưng tại sao tôi lại phải chiến đấu với chúng chứ? Tôi đã chiến đấu quá nhiều rồi, tôi không thể tiếp tục nữa, tôi muốn...”

“Cậu có thắng những cuộc chiến đó không?”

Will im bặt. Rồi cậu đáp: “Có, tôi cho là thế.”

“Cậu đã chiến đấu vì con dao?”

“Phải, nhưng...”

“Vậy thì cậu là một chiến binh. Đó là bản chất của cậu. Cứ tranh cãi với bất cứ thứ gì khác, chứ đừng tranh cãi với bản chất của chính mình.”

Will biết rằng người đàn ông đang nói sự thật. Nhưng đó không phải là một sự thật dễ chịu. Nó nặng nề và đau đớn. Người đàn ông dường như biết được điều đó, vì ông ta để cho Will cúi đầu trước khi lại lên tiếng.

“Có hai thế lực lớn,” người đàn ông nói, “và chúng vẫn đang tranh giành lẫn nhau kể từ khi thời gian bắt đầu. Mọi tiến bộ trong cuộc sống của con người, mọi mảnh tri thức, hiểu biết và lễ nghi phép tắc mà chúng ta có đều đã bị giành giật giữa hai bên. Mỗi khi sự tự do của con người được tăng lên đôi chút là một lần nó bị tranh chấp khốc liệt giữa

những người muốn chúng ta biết nhiều hơn, thông thái hơn và mạnh mẽ hơn, với những kẻ muốn chúng ta phục tùng, nhún nhường và cam chịu.

“Và lúc này, hai thế lực đó đang dàn quân chuẩn bị tham chiến. Bên nào cũng muốn có con dao của cậu hơn tất cả mọi thứ. Cậu phải lựa chọn, nhóc ạ. Chúng ta đã được dẫn lối đến đây, cả hai chúng ta: cậu với con dao, còn ta là để nói cho cậu về nó.”

“Không! Ông nhầm rồi!” Will hét lên. “Tôi không hề mong đợi bất cứ thứ gì như vậy! Đó hoàn toàn không phải là thứ tôi tìm kiếm!”

“Cậu có thể không nghĩ vậy, nhưng đó là thứ cậu đã tìm thấy,” người đàn ông nói từ trong bóng tối.

“Nhưng tôi phải làm gì?”

Đến đó Stanislaus Grumman, Jopari, John Parry lưỡng lự.

Ông ý thức được một cách đau khổ về lời thề với Lee Scoresby và do dự trước khi phá bỏ nó; nhưng ông đã làm vậy.

“Cậu phải tới gặp Ngài Asriel,” ông nói, “nói với ông ta rằng Stanislaus Grumman cử cậu đến, rằng cậu mang theo thứ vũ khí mà ông ta cần hơn tất cả mọi điều. Dù có thích hay không, nhóc ạ, cậu vẫn có việc phải làm. Mặc kệ tất cả những thứ khác, dù cho chúng có tỏ ra quan trọng đến thế nào đi nữa, rồi đi làm việc này đi. Sẽ có người xuất hiện để hướng dẫn cậu: màn đêm luôn đầy các thiên thần. Vết thương của cậu sẽ lành sớm thôi. Đợi đã. Trước khi đi, ta muốn nhìn kĩ cậu.”

Ông lần tìm cái balô mà mình mang theo rồi lôi thứ gì đó ra, gỡ các lớp vải dầu rồi đánh một que diêm để thắp sáng một chiếc đèn lồng nhỏ bằng thiếc. Trong ánh sáng của chiếc đèn, qua lớp không khí đầy mưa gió bão bùng, hai người nhìn nhau.

Will thấy một đôi mắt xanh sáng rực trong một gương mặt hốc hác vài ngày râu không được cạo trên cái hàm ương ngạnh, có mái tóc hoa râm, nhăn nhó vì đau đớn, một cơ thể gầy gò uốn gập lại trong chiếc áo choàng nặng nề dính lông vũ.

Vị pháp sư thấy một cậu bé thậm chí còn nhỏ hơn mình tưởng tượng, cơ thể mảnh mai của nó run rẩy trong chiếc áo vải lạnh rách nát, còn biểu hiện của nó là mặt lử, cái kính và cảnh giác, nhưng lại bùng lên một vẻ tò mò dữ dội, đôi mắt của nó mở to dưới hàng lông mày đen thẳng, y hệt mẹ của nó...

Rồi đột nhiên một điều gì đó khác thoáng nảy ra với cả hai người.

Nhưng vào chính lúc đó, khi ánh sáng từ đèn lồng phả lên gương mặt John Parry, có thứ gì đó phóng xuống từ bầu trời đục ngầu, khiến ông ngã vật ra chết trước khi kịp nói gì, một mũi tên xuyên qua trái tim đang lịm dần của ông. Con linh thú chim ưng biến tan biến chỉ trong chốc lát.

Will chỉ có thể ngồi chờ người ra.

Có thứ gì đó vụt qua khóe mắt, cậu lập tức giơ bàn tay phải lên và thấy mình tóm được một con chim cổ đỏ, một con linh thú, đang hoảng hốt.

“Không! Không!” Phù thủy Jutta Kamainen hét lên rồi ôm chặt lấy tim mình, vụng về ngã đập xuống nền đất sỏi đá rồi lại chật vật bò dậy.

Nhưng Will đã ở đó trước khi cô kịp đứng lên, và con dao kì ảo đang kề bên cổ họng cô.

“Tại sao cô lại làm thế?” Cậu hét lên. “Tại sao lại giết ông ấy?”

“Vì ta yêu ông ta nhưng lại bị ông ta khinh thường! Ta là một phù thủy! Ta không tha thứ!”

Vì là một phù thủy, thường thì cô sẽ không sợ một thằng bé. Nhưng cô đang thấy run sợ trước Will. Dáng người trẻ tuổi thương tật này lại mang một sức mạnh và sự nguy hiểm lớn hơn bất cứ con người nào cô từng gặp, nó khiến cô nao núng. Cô phù thủy ngã về phía sau, cậu liền đi theo và nắm lấy tóc cô bằng bàn tay trái của mình, cậu không hề thấy đau, mà chỉ thấy một nỗi tuyệt vọng tan nát khôn cùng.

“Cô không biết ông ấy là ai,” cậu hét lên. “Ông ấy là bố tôi!”

Cô lắc đầu rồi thì thầm: “Không. Không! Điều đó không thể là sự thật được. Vô lí!”

“Cô nghĩ mọi việc phải *có lí* sao? Nó phải là *sự thật*! Ông ấy là bố của tôi, và không ai trong chúng tôi biết điều đó cho đến giây phút mà cô giết ông ấy! Phù thủy, tôi đã đợi cả cuộc đời mình, vượt mọi gian khổ đến đây rồi cuối cùng khi tìm ra được thì cô lại *giết* ông ấy...”

Cậu lay đầu cô phù thủy như giữ một miếng giẻ rách rồi hất cô xuống đất, khiến cô choáng váng. Sự kinh ngạc của cô gần như lấn át cả nỗi sợ rất chân thực đối với cậu bé. Cô bàng hoàng đứng dậy rồi khấn khoản nắm lấy áo cậu, nhưng cậu bé liền gạt tay cô đi.

“Ông ấy đã làm gì để cô cần phải giết ông ấy chứ?” Cậu gào lên. “Nói thử xem nào, nếu cô có thể!”

Cô nhìn về phía người đã chết rồi nhìn lại sang Will và buồn bã lắc đầu.

“Không, ta không thể giải thích,” cô nói. “Cậu còn quá nhỏ. Cậu sẽ không hiểu điều đó đâu. Ta đã yêu ông ấy. Chỉ có vậy thôi. Thế là đủ rồi.”

Trước khi Will kịp ngăn cản, cô đã đổ người sang một bên, tay cầm chuôi con dao vừa lấy ra khỏi thắt lưng của chính mình và cắm vào giữa các xương sườn.

Will không thấy sợ, mà chỉ thấy cô độc và bế tắc.

Cậu từ từ đứng dậy rồi nhìn xuống cô phù thủy đã tắt thở, vào mái tóc đen dày, đôi má ửng hồng, đôi chân trắng ngần mịn màng ướt nước mưa, đôi môi hé mở như của một người tình.

“Mình không hiểu,” cậu nói lớn. “Chuyện này quá kì quặc.”

Will quay lại phía người đàn ông đã chết, bố của cậu.

Ngàn vạn mũi kim như đang ứ lên trong cổ họng cậu, và chỉ có cơn mưa xối xả mới xoa dịu được cảm giác cay xè trong mắt. Ngọn đèn lồng nhỏ vẫn đang lập lờ phả sáng khi luồng gió lùa qua ô cửa lệch cỡ môn trón ngọn lửa. Trong ánh sáng của nó, Will quỳ xuống, đặt hai tay

lên thân của người đàn ông, chạm vào mặt ông, vai ông, ngực ông, vuốt mắt ông nhắm lại, gạt những sợi tóc bạc ướt đầm khỏi trán ông, áp tay vào đôi má thô nhám của ông, đóng miệng ông lại, siết chặt tay ông.

“Bố,” cậu thốt lên, “cha, ba... Bố ời... Con không hiểu tại sao cô ta lại làm thế. Chuyện này quá kì quặc đối với con. Nhưng bất cứ chuyện gì mà bố muốn con làm, con hứa, con thề con sẽ làm theo. Con sẽ chiến đấu. Con sẽ trở thành một chiến binh. Con sẽ mang con dao này đến cho Ngài Asriel, dù ông ta có ở đâu đi nữa, và giúp ông ấy đánh lại kẻ thù. Con sẽ làm vậy. Giờ bố có thể an nghỉ rồi. Mọi việc ổn rồi. Bố hãy ngủ đi nhé.”

Bên cạnh người chết là chiếc balô da hươu của ông, cùng với tấm vải dầu, chiếc đèn lồng và một cái hộp nhỏ bằng sừng đựng thuốc mỡ từ rêu cầm máu. Will nhặt chúng lên, rồi cậu để ý thấy chiếc áo choàng dính lông của bố mình đang trải ra phía sau cơ thể ông trên nền đất, nó ướt đầm và nặng trĩu, nhưng rất ấm áp. Bố cậu không còn cần đến nó nữa, trong khi Will thì đang run lẩy bẩy vì lạnh. Cậu cởi nút khóa bằng đồng ở cổ của người chết rồi quàng cái balô bằng vải bạt lên vai trước khi quấn áo choàng quanh người.

Cậu thổi tắt đèn rồi quay lại nhìn hình dáng lờ mờ của bố mình, của cô phù thủy, rồi lại của bố mình trước khi quay đi để trèo xuống núi.

Không khí bão bùng chộn rộn lên những tiếng thì thầm. Trong cơn gió điên cuồng, Will có thể nghe thấy cả những âm thanh khác: âm vọng đầy hoang mang của những tiếng hét và cầu kinh, tiếng loảng xoảng của kim loại va vào nhau, tiếng đập cánh phần phật có lúc nghe gần đến mức cảm giác như nó đang ở ngay trong đầu cậu, nhưng lúc sau lại xa xôi như thể vọng tới từ hành tinh khác, sỏi đá dưới chân cậu bấp bênh và trơn trượt, chặng đường leo xuống lại còn khó khăn hơn so với trèo lên, nhưng cậu không hề nản chí.

Khi vừa rẽ xuống lạch nước nhỏ cuối cùng trước khi tới được nơi Lyra đang nằm ngủ, cậu đột ngột dừng khựng lại. Cậu có thể thấy hai người đàn ông đang đứng đó trong bóng tối, như thể đang chờ đợi gì đó. Will đặt tay lên con dao.

Rồi một trong những người đàn ông cất tiếng.

“Cậu là cậu bé sở hữu con dao à?” Ông ta cất tiếng, giọng nói mang một tính chất kì lạ của những tiếng đập cánh. Dù có là gì thì ông ta cũng không phải là con người.

“Các ông là ai?” Will hỏi. “Các ông là người, hay là...”

“Không, không phải người. Chúng ta là những Người giám sát. *Bene elim*. Trong ngôn ngữ của các cậu thì là thiên thần.”

Will không nói gì. Người đang nói liền tiếp tục:

“Các thiên thần khác mang những trách nhiệm và quyền năng khác. Nhiệm vụ của chúng ta rất đơn giản: chúng ta cần cậu. Chúng ta đã theo bước vị pháp sư không rời, hi vọng rằng ông ta sẽ dẫn mình tới chỗ cậu, và ông ta đã làm vậy. Giờ thì tới lượt chúng ta đến dẫn cậu tới chỗ Ngài Asriel.”

“Các ông đã đi cùng bố tôi suốt sao?”

“Không rời một bước.”

“Ông ấy có biết không?”

“Ông ấy không biết gì cả.”

“Vậy tại sao các ông không ngăn cô phù thủy đó lại? Sao lại để cho cô ta giết ông ấy?”

“Nếu là trước đó thì chúng ta đã làm rồi. Nhưng khi đã đưa chúng ta đến với cậu, nhiệm vụ của ông ấy đã kết thúc.”

Will không nói gì. Đầu cậu ong ong lên; chuyện này cũng khó hiểu không kém gì tất cả những chuyện khác.

“Được rồi,” cuối cùng cậu nói, “tôi sẽ đi cùng các ông. Nhưng trước tiên tôi phải đánh thức Lyra đã.”

Họ đứng tránh sang bên để cậu đi qua. Khi bước lại gần họ, cậu cảm nhận một sự râm ran trong không khí, nhưng đã lờ nó đi và tập trung vào việc trèo xuống con dốc về phía chỗ trú ẩn nhỏ bé nơi Lyra đang ngủ.

Nhưng một thứ đã khiến cậu dừng lại.

Trong ánh sáng mờ mờ, cậu có thể thấy các phù thủy canh gác cho Lyra, tất cả đều đang ngồi hoặc đứng bất động. Trông họ chẳng khác gì những bức tượng, chỉ khác là họ vẫn đang thở, nhưng họ gần như không còn sự sống. Ngoài ra còn có vài cơ thể mặc đồ lụa đen trên mặt đất. Trong lúc kinh hoàng nhìn từ người này sang người khác, Will hiểu ra chuyện gì đã xảy đến: họ đã bị tấn công trên không trung bởi đám Quỷ hút hồn, và rơi vào cái chết một cách lạnh nhạt.

Nhưng...

“Lyra đâu rồi?” Cậu hét âm lên.

Cái hốc dưới tảng đá trống không. Lyra biến mất rồi.

Có thứ gì đó dưới gờ đá chòi ra, nơi cô đã nằm. Đó là cái balô nhỏ bằng vải bạt của Lyra, và dựa vào trọng lượng của nó, cậu không cần kiểm tra cũng biết được rằng chiếc Chân Kế vẫn đang ở bên trong.

Will lắc đầu. Chuyện này không thể là sự thật, nhưng nó lại đang xảy ra: Lyra không còn ở đây, Lyra đã bị bắt cóc, Lyra đã biến mất.

Hai dáng người tối thẫm của *bene elim* không cử động. Nhưng họ cất tiếng:

“Cậu phải đi với chúng ta ngay. Ngài Asriel cần cậu ngay lập tức. Uy lực của kẻ thù đang lớn mạnh từng phút một. Vị pháp sư đã cho cậu biết nhiệm vụ của cậu là gì. Đi theo chúng ta và giúp chúng ta chiến thắng. Đi theo chúng ta. Đi lối này. Đi nào.”

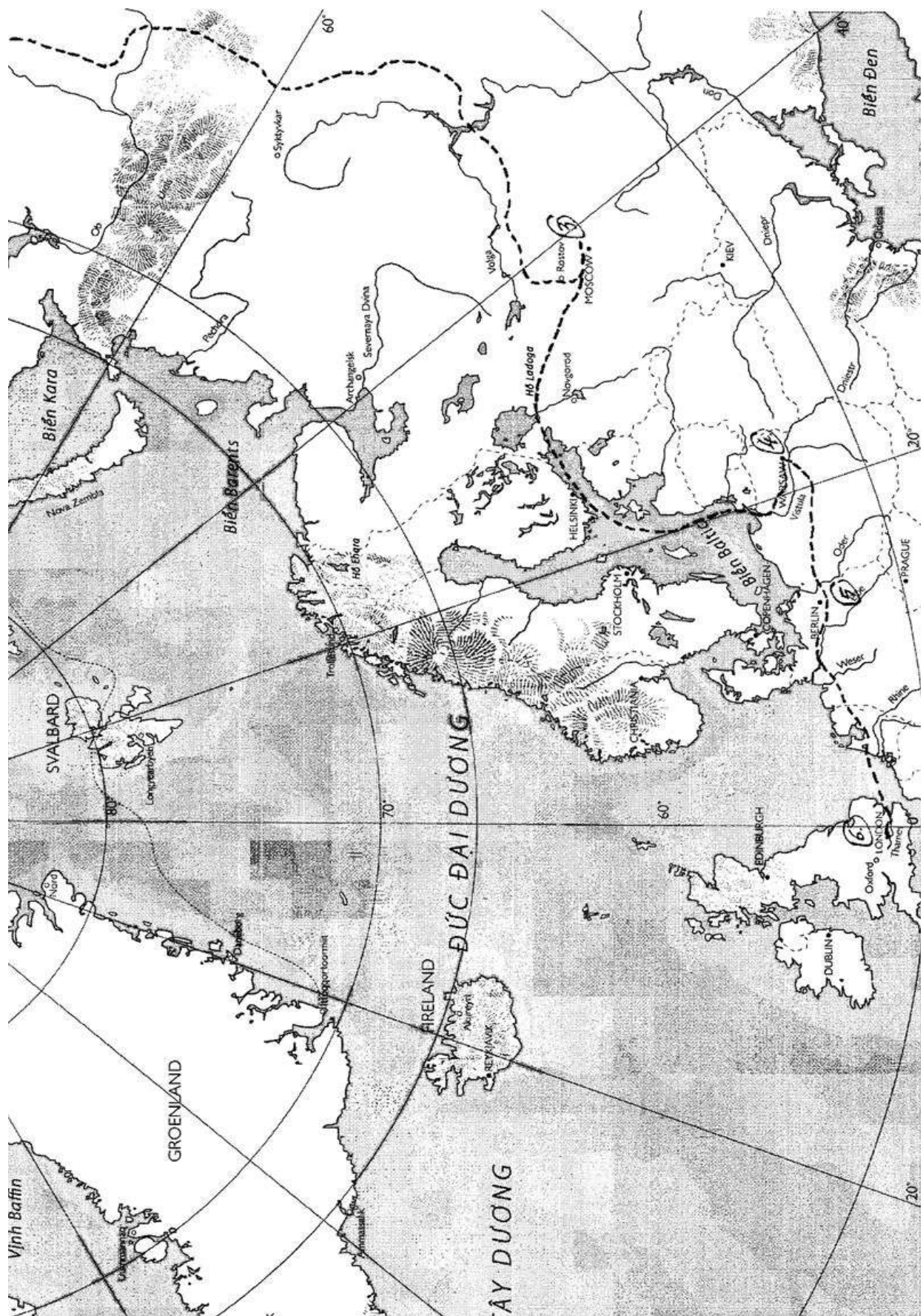
Will nhìn từ họ sang cái balô của Lyra rồi lại nhìn trở lại, nhưng cậu chẳng nghe nổi một lời nào họ nói.

Phụ lục

Một vài tài liệu trong tay Tiến sĩ Stanislaus Grumman, hay còn được biết đến dưới tên gọi Đại tá John Parry.

Nguồn gốc của những tài liệu này rất mù mờ. Có khả năng chúng đã trở thành tài sản của Ngài Asriel rồi được gửi cùng với giấy tờ của chính ông vào Thư viện Học viện Jordan, nhưng giả thiết đó khó xảy ra do không có dấu của thư viện. Chúng ta đều biết rằng Tiến sĩ Grumman đã du hành khắp vùng Cực Bắc và Siberia, có vô số người quen trong các tộc phù thủy, người dân bản địa vùng phương bắc cũng như trong giới học giả, chính trị và khoa học. Bất cứ ai trong số họ cũng có thể đã kiếm được những thứ như vậy rồi vô tình, hoặc thậm chí cố ý, để cho chúng lọt ra khỏi một thế giới và vào một thế giới khác.

Những vật giống như số tài liệu này không phải là hiếm. Chúng xuất hiện khá thường xuyên tại các buổi đấu giá, trong catalog của những người buôn sách, và những nơi tương tự. Thông thường thì tầm quan trọng của chúng luôn là một điều bí ẩn; chỉ trừ khi được xem xét trong bối cảnh của một câu chuyện lớn hơn, ý nghĩa của chúng mới đột nhiên trở nên rõ ràng.



- ⑦ Tại đây, tôi đã bước qua một ô cửa sổ để ra khỏi thế giới của mình và vào thế giới này.
- ② Tại đây, tôi đã gặp Pháp sư Ivan Kasymovich Tyltskin, một người đàn ông vĩ đại và tốt bụng, người dạy cho tôi mọi thứ tôi biết về thế giới linh hồn. Và cũng tại đây, tôi đã gặp Linh thú của mình.
- ③ Tại Moscow, tôi lại trở thành một công dân châu Âu.
- ④ Tại Warsaw, tôi bắt đầu các nghiên cứu khoa học của mình.
- ⑤ Tại Berlin, tôi đã trình bày luận án của mình và được kết nạp vào Viện hàn lâm.

⑥ Tại London, tôi nhận ra thế giới này thật sự khác biệt thế nào với thế giới của mình. Sống ở những khu phố mà tôi cứ tưởng mình hiểu rõ còn khó hơn sống giữa thiên nhiên hoang dã của Siberia, vì vậy tôi đã trở lại phương bắc, rồi Saten gặp Asriel, dẫn tôi những chuyện khác nối tiếp.

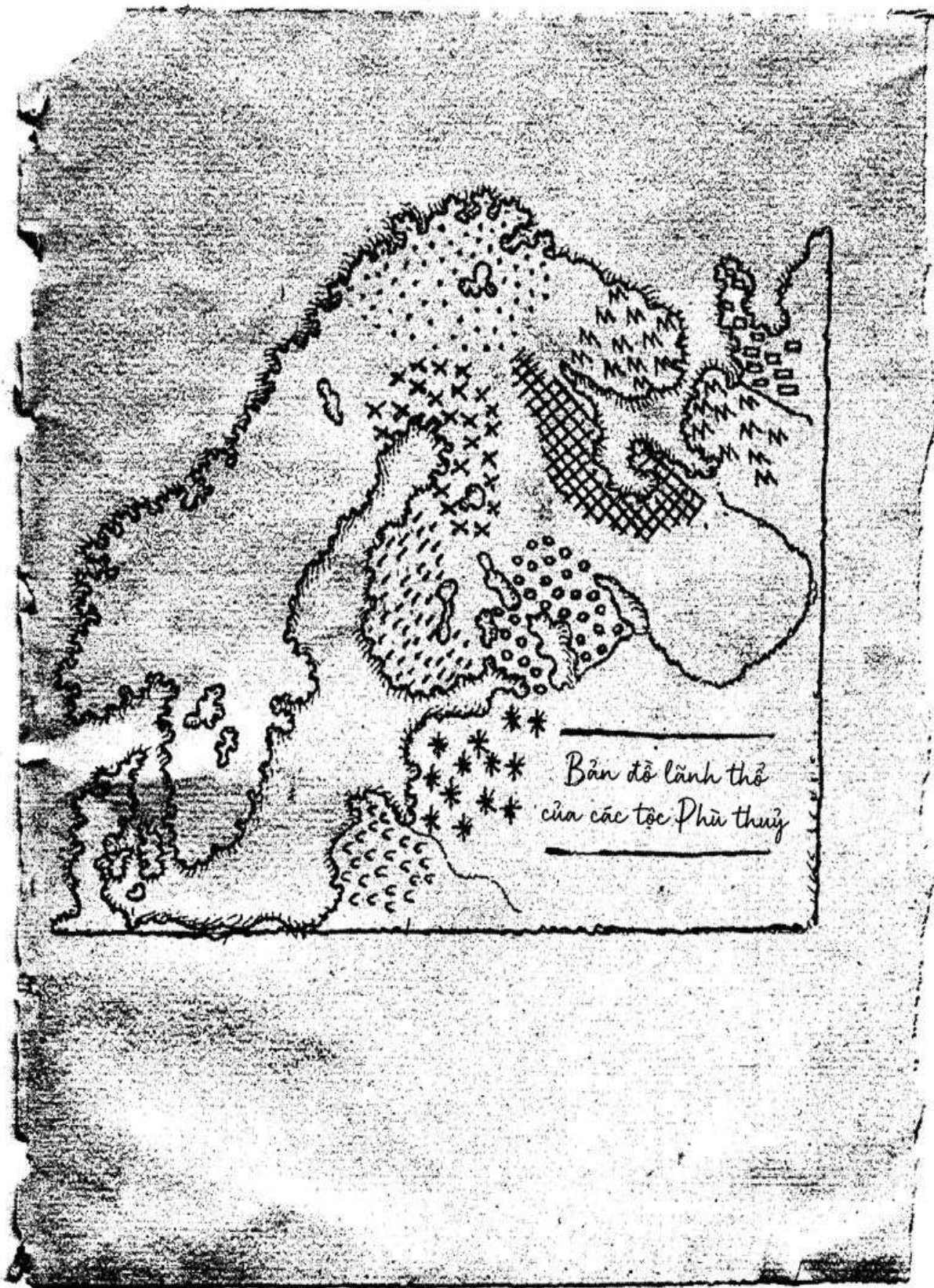
Ranh giới giữa các vùng đất của các tộc phù thủy được phân định rõ ràng nhưng không chính thức, chúng thay đổi theo mùa với sự ra hoa của cây cối cùng sự di trú của chim chóc và muông thú.

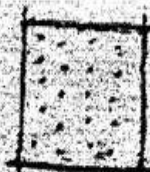
Có lần tôi chứng kiến cuộc tranh cãi giữa Tanja Lentana và Jutta Kamainen được giải quyết trong hoàn bình khi một đám mây ruồi nhúc trôi về phía đông trên nền đất phủ đầy bụi than.

Mỗi hần thù từ xa xưa giữa tộc Tikshozero và Mickojärvi. Reina Miti và Katja Sirkka thề sẽ giết đối phương khi nhìn thấy nhau. Lãnh sự của Ruta Skadi ở Novgorod: Semyon Karlovich Martins.

Asriel

Tôi bắt gặp ông ấy lần đầu tiên ở gần cửa miệng của Lena. Tôi đã trở thành Pháp sư, nhưng khi đó đang hoàn thành một vài quan sát mặt trời cho luận án ở Berlin của mình. Tôi kể với ông ấy về ô cửa sổ Alaska mà mình đã dùng để vào thế giới này. Ông ấy cũng biết về những cái khác, nhưng chưa từng thấy lần nào. Một người đàn ông phi thường đầy kiên nhẫn và hào phóng, người ta không hay thấy những phẩm chất đó đi cùng với nhau. Có thời ông ấy đã từng là người tình của Tanja Lentana. Ông ấy có một đứa con gái khiến ông rất tự hào; ông ấy đã cho tôi xem ảnh của cô bé. Mẹ cô bé không phải là phù thủy. Nếu ai đó có thể lãnh đạo một cuộc đảo chính chống lại Giáo hội hoặc ở thế giới này hay thậm chí còn xa hơn thế, đó sẽ phải là Asriel.

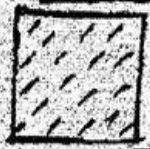




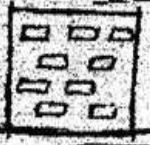
Serafina Pekkala
tai
Hõ Enara



Ruta Skordi
tai
Hõ Lubana



Sara Leiro
tai
Kestele



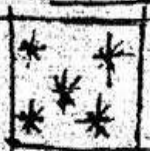
Juta Kamainen
tai
Hõ Visha



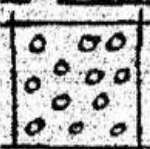
Tanja Lentara
tai
Hõ Vmolese



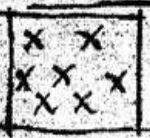
Reina Miti
tai
Tikohozero



Julia Ojaland
tai
Nania



Paula Pyhäjärvi
tai
Hõ Ladoga

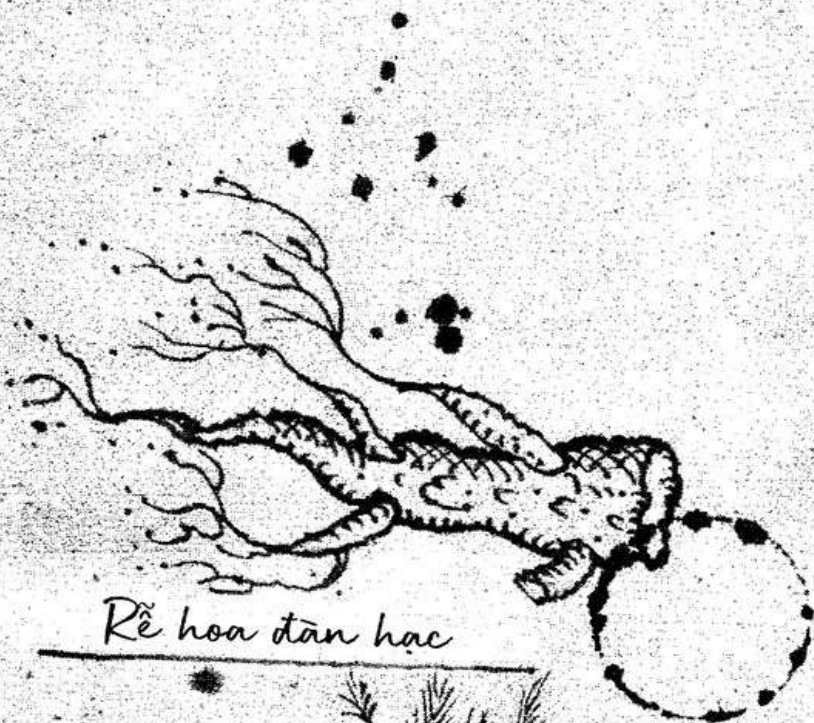


Katya Sirkka
tai
Mickojärvi

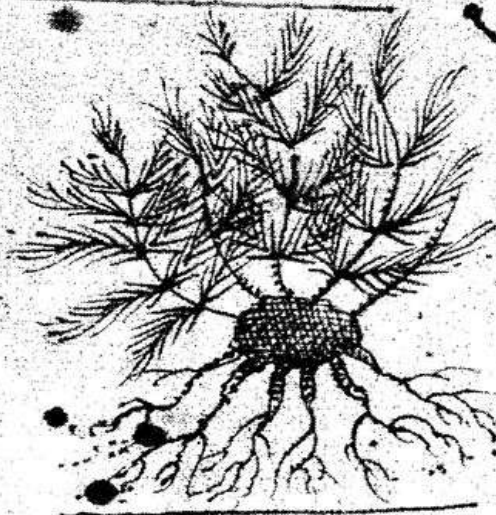
Thuốc mỡ từ rêu cầm máu

Tôi được Pháp sư Turukhanik dạy cho thứ này. Lấy sáu nắm rêu cầm máu rồi đun sôi cùng một miếng rễ cỏ ngón tay cái của hoa đàn hạc. Khi phần rễ chuyển sang màu đen, bắc nồi xuống khỏi lửa rồi để nguội. Ép rêu cầm máu cho đến khi khô nhất có thể rồi ngâm nó vào một lượng rượu gạo vừa đủ ngập trong ba ngày.

Trong lúc đó chuẩn bị sẵn một ít mỡ ngỗng bằng cách đun sôi và làm nguội đan xen nhau cho tới khi nó trở nên trắng sáng và se cứng lại. Lấy rêu cầm máu ra, vắt kiệt nước rồi dùng cối giã, sau đó trộn với một lượng mỡ ngỗng tương đương. Cho vào một cái sừng rồi bịt kín lại bằng sáp ong.



Rễ hoa dân hạc



Rêu cầm mâu

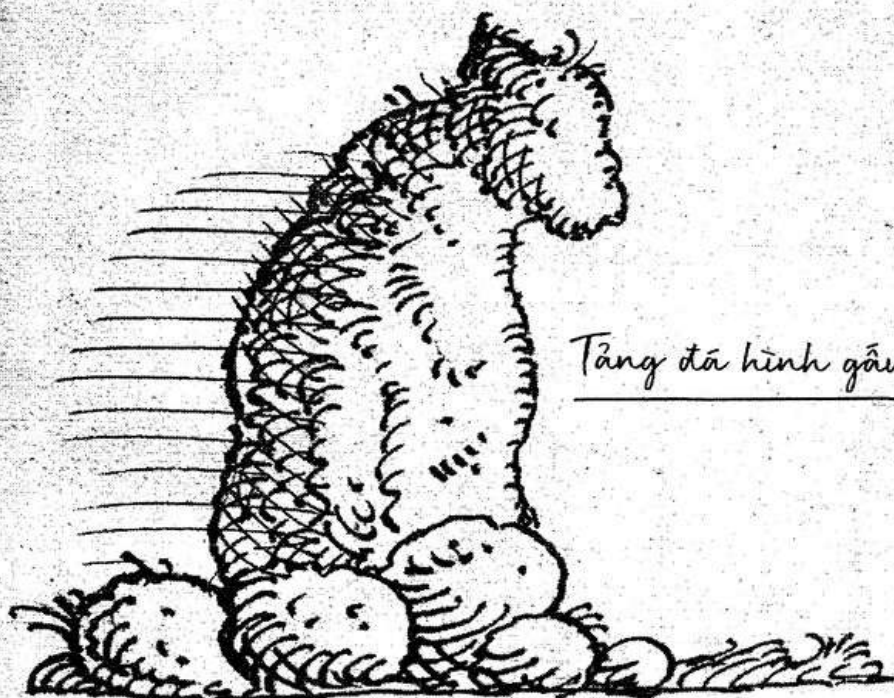
Con dao

Giacomo Paradisi cho tôi xem nó tại Baku trên vùng Caspi. Vì tôi đã trù thương cho ông ấy bằng thuốc mỡ làm từ rễ cầm máu, vì gánh nặng phải mang con dao đang dần trở nên quá sức với ông, và cũng vì tôi đã kể với ông về ô cửa sổ mà mình đã đi qua, ông tin tưởng nói cho tôi biết về nó!

Đây là phát kiến vĩ đại nhất mà loài người từng đạt được; cả triệu cuốn sách cũng sẽ chẳng thể gọt được bề mặt của ý nghĩa mà nó nắm giữ. Thế mà người ta lại dùng nó để lấy trộm keo. Paradisi là một người tốt bụng, nhưng còn hạn chế. Tôi không kể thêm những chuyện khác mình đã biết, nhưng ngay khi nhìn thấy nó, tôi đã lập tức nhận ra rằng mình cần phải đem Ariel và con dao lại với nhau.

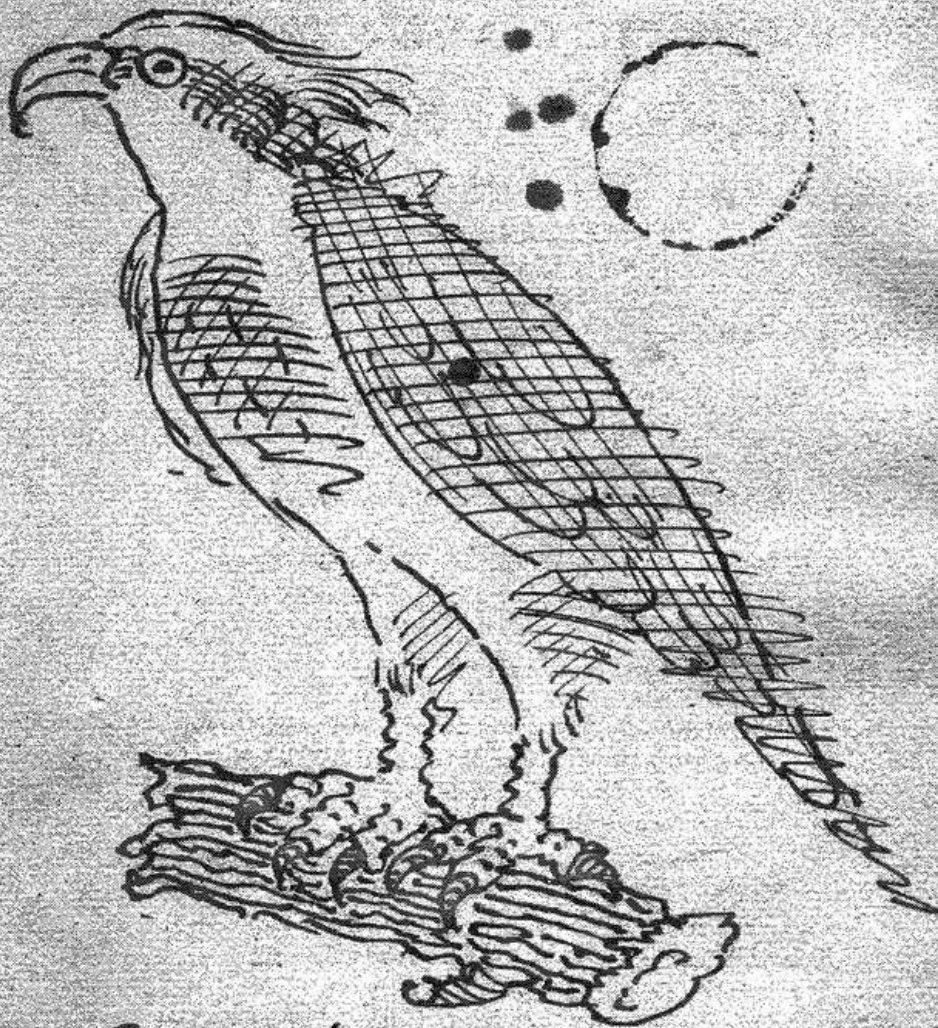


Gỗ hồng mộc
& dây nam vàng



Tầng đá hình gấu

69° 02' 11" Bắc - 5 bước Wofrock
157° 12' 19" Tây - Phía bắc của một khe nứt nhỏ



Sayan Kötön

^[1] Loại cà phê được pha chế bằng cách dùng nước nóng nén dưới áp suất cao qua bột cà phê được xay mịn.

^[2] Một món cơm Ý nấu với nước dùng chứa nhiều kem.

^[3] Viết tắt của *Rest in peace* - Yên nghỉ.

^[4] Loại giấy mỏng màu xanh dùng để viết những bức thư gửi bằng đường hàng không.

^[5] Chân To: Sinh vật khổng lồ được cho là có hình hài nửa người nửa vượn, sống chủ yếu ở khu vực Tây Bắc Thái Bình Dương của Bắc Mỹ.

^[6] Một câu trích dẫn trong sách Phúc Âm của Cơ Đốc giáo.

^[7] Hình ảnh cảnh cọ trong Cơ Đốc giáo là biểu tượng chiến thắng của lòng trung thành trước những kẻ thù của tâm hồn, được đặc biệt áp dụng với những kẻ tử vì đạo.

^[8] Danh từ số nhiều của “thiên thần” trong tiếng Italia.

^[9] Chủng người xuất hiện trên Trái Đất cách đây khoảng 400 nghìn năm.

^[10] Viết tắt của “Commander of the Order of the British Empire” (tạm dịch: *Sĩ quan chỉ huy Đế quốc Anh*). Một trong năm thứ bậc của hệ thống tước hiệu *Order of the British Empire* (tạm dịch: *Huân chương Đế quốc Anh*) do Hoàng gia Anh phong tặng. Các danh hiệu

cao quý này được phong tặng cho những cá nhân có đóng góp về nghệ thuật, khoa học, thiện nguyện, phúc lợi xã hội và các dịch vụ công cộng khác.

^[11] Giường lớn theo kiểu cổ có bốn cọc ở bốn góc để treo rèm.

Table of Contents

1. [Start](#)
2. [1 Con mèo và những cây duyên mộc](#)
3. [2 Giữa các phù thủy](#)
4. [3 Thế giới của trẻ con](#)
5. [4 Khoan sọ](#)
6. [5 Giấy viết thư máy bay](#)
7. [6 Các sinh vật bay phát sáng](#)
8. [7 Rolls Royce](#)
9. [8 Tháp của các Thiên thần](#)
10. [9 Kẻ trộm](#)
11. [10 Pháp sư](#)
12. [11 Vọng lâu](#)
13. [12 Ngôn ngữ màn hình](#)
14. [13 Sát Thánh](#)
15. [14 Hẻm Alamo](#)
16. [15 Rêu cầm máu](#)
17. [Phụ lục](#)
18. [Table of Contents](#)
19. [Landmarks](#)

Table of Contents

[Start](#)

[1 Con mèo và những cây duyên mộc](#)

[2 Giữa các phù thủy](#)

[3 Thế giới của trẻ con](#)

[4 Khoan sọ](#)

[5 Giấy viết thư máy bay](#)

[6 Các sinh vật bay phát sáng](#)

[7 Rolls Royce](#)

[8 Tháp của các Thiên thần](#)

[9 Kẻ trộm](#)

[10 Pháp sư](#)

[11 Vọng lâu](#)

[12 Ngôn ngữ màn hình](#)

[13 Sát Thánh](#)

[14 Hẻm Alamo](#)

[15 Rêu cầm máu](#)

[Phụ lục](#)

[Table of Contents](#)

[Landmarks](#)